

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

HÃY NGHĨ

TỚI MỘT

CON SỐ

JOHN
VARDON



LAO ĐỘNG



nhà nam

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

HÃY NGHĨ

TỚI MỘT

CON SỐ

JOHN
VARDON



HÃY NGHĨ TỚI MỘT CON SỐ

Nguyên tác: Think of a number



Tác giả: John Verdon

Người dịch: Tâm Hiền

Nhã Nam phát hành

NXB Lao Động - 2014

epub©vctvegroup

09-01-2018

Dành tặng Naomi

“Một tác phẩm trinh thám đầu tay đầy tính giải trí và sáng tạo. Những nhân vật góc cạnh và cốt truyện chặt chẽ gợi nhớ đến Những Con Phố Hoang Tàn của Chandler...”

• **The Washington Post**

“Tác phẩm đã sắp đặt nên một vụ án khiến đến Sherlock Holmes cũng phải tỉnh ngủ và Gurney cũng có được sự chính xác, logic và khao khát phá án của Holmes.”

• **The New York Times**

“Những điều tạo nên thành công của tác phẩm này chính là kết cấu phức tạp mà tiểu thuyết gia lần đầu tiên ra mắt Verdón đã dệt nên; những tình tiết phức tạp đã đan xen vào nhau tạo nên một nút thắt tưởng như không bao giờ có thể tháo gỡ.”

• **Chicago Sun-Times**

“Verdón đang đưa những vụ án bất khả thi trở lại, bắt đầu với một trò chơi đoán số nhỏ và leo thang cho đến khi người đọc chìm sâu vào một vụ giết người hàng loạt, ông là bậc thầy trong việc kiểm soát nhịp độ câu chuyện, miêu tả một câu chuyện hôn nhân hạnh phúc nhưng đầy phức tạp, miêu tả một con người không thẳng nổi sức hút từ công việc dù biết chính nó sẽ đem lại nguy hiểm cho mình, ông còn là bậc thầy trong việc khiến người đọc phải động não để suy nghĩ về điều xảy ra tiếp theo. Khi đọc xong cuốn sách, có lẽ bạn sẽ không còn có thể tin tưởng vào bất kỳ trò chơi đoán số nào nữa.”

• **Salon**

“Hãy tận hưởng cảm giác mát mát ám ảnh trong tác phẩm đầu tay đầy sức nặng này.”

• **Houston Chronicle**

“John Verdón đã tạo ra một tiểu thuyết trinh thám không thể tin nổi, và có thể làm nên một đối trọng với Steig Larsson... Tất cả các nhân vật đều được xây dựng chặt chẽ một cách đáng kinh ngạc. Lối mô tả khiến bạn cảm thấy mình như đang sống giữa bối cảnh của tác phẩm...”

• **The Herald-Dispatch**

“Tinh thần của tác phẩm ám ảnh lấy bất kỳ người đọc nào... Một tác phẩm cuốn hút đáng kinh ngạc với những nhân vật thật như đời, với cảm giác họ đều như bước ra từ trang sách cùng một cốt truyện được xây dựng khéo léo và táo bạo. Cuốn sách này sẽ khiến bạn bối rối và càng đọc càng say... Hãy Nghĩ Đến Một Con Số nổi bật với sự móc nối giữa những mô tả tuyệt vời về tính cách của nhân vật với những kiến thức tâm lý học... Verdón đã tạo ra một cuốn sách cho mọi người đọc chứ không chỉ dành riêng cho những người hâm mộ thể loại trinh thám.”

• **New York Journal of Books**

“Bí ẩn được thực hiện và giải quyết một cách tài tình... Nếu bạn chỉ đọc một cuốn sách trinh thám trong năm nay thì hãy lựa chọn Hãy Nghĩ Đến Một Con Số.”

• **Bookloons**

“Trò chơi của những con số tạo ra một vòng xoáy tội ác trong tác phẩm đầu tay xuất sắc của Verdón.”

• **Publishers Weekly**

“Tác phẩm đầu tay siêu phàm của Verdón là một tiểu thuyết trinh thám đầy mê hoặc với một vụ án khó hiểu một cách tuyệt vời. Hãy nghĩ đến một con số là một điểm 10 mà người hâm mộ trinh thám ở bất kỳ mức độ nào sẽ đều yêu thích. Một sự ra mắt đáng kinh ngạc.”

• **Thomas Gaugan, Booklist**

“Sự cuốn hút và cảm giác trọn vẹn tràn ngập... Trong *Hãy Nghĩ Đến Một Con Số*, Verdón chơi đùa với nỗi sợ hãi sâu xa nhất, nguyên thủy nhất của chúng ta, khắc họa hình ảnh một tên sát nhân dường như có khả năng nhìn thấu tâm trí người khác...”

• **Joseph FINDER**, tác giả cuốn sách bán chạy **Vanished** theo **The New York Times**

“Ngoạn mục và ám ảnh, *Hãy Nghĩ Đến Một Con Số* là tiểu thuyết trinh thám hay nhất mà đã lâu rồi tôi chưa từng được đọc. Lối viết của John Verdón quá tinh tế và giàu sắc thái khiến tôi thực sự ghen tị vì mình không phải là cha đẻ của cuốn tiểu thuyết tuyệt vời này.”

• **Tess Gerritsen**, tác giả của cuốn sách bán chạy **Ice Cold** theo **The New York Times**

“Với sự hồi hộp như ngồi ở mép vực, những nhân vật đáng nhớ như bước ra từ trang sách, và lối viết tinh tế, khéo léo, *Hãy Nghĩ Đến Một Con Số* của John Verdón là một tác phẩm đầu tay gây choáng váng.”

- **Faye Kellerman**, tác giả của các cuốn sách bán chạy **Stone Kiss** và **The Forgotten** theo **The New York Times**

“Vô cùng trí tuệ, nhịp độ chóng mặt, chứa đầy những nút thắt thông minh và kiến thức uyên thâm về tâm lý học, và những nhân vật sống động trong từng trang sách, cuốn sách hấp dẫn ngay từ những sấp đặt ban đầu cho đến cái kết nghệt thờ.”

- **John Katzenbach**, tác giả của các cuốn sách bán chạy **The Traveller**, **Just Cause** và **Hart's War** theo **The New York Times**

“*Hãy Nghĩ Đến Một Con Số* của John Verdón đơn giản là một trong những tiểu thuyết trinh thám xuất sắc nhất mà tôi từng đọc trong suốt cuộc đời đọc sách trinh thám của mình - sinh động, thuyết phục, nã lòng, hồi hộp sâu sắc ở nhiều mức độ, và cực kỳ trí tuệ. Các nhân vật như sống giữa đời thực, cốt truyện thông minh, ranh mãnh và cũng không kém phần chặt chẽ. Chỉ với một lần ra tay, Verdón đã cố định bản thân vào vị trí một ngôi sao sáng trên bầu trời văn học trinh thám.”

- **John Lescroart**, tác giả của các cuốn sách bán chạy **The Suspect**, **Betrayal** và **A Plague Of Secrets** theo **The New York Times**

MỞ ĐẦU

“Khi này con đi đâu?” bà già nằm trên giường nói. “Ta phải đi tiểu, mà chẳng có ai đến cả.”

Trước giọng điệu khó ưa của bà ta, người thanh niên vẫn bình tĩnh đứng ở chân giường, mặt tươi cười.

“Ta phải đi tiểu,” bà ta lặp lại một cách mơ hồ hơn, như thể không còn chắc về ý nghĩa của những lời mình nói ra nữa.

“Mẹ à, con có tin tốt đây,” người thanh niên nói. “Chẳng bao lâu nữa mọi chuyện sẽ ổn cả. Mọi chuyện sẽ được lo liệu cả.”

“Con đi đâu mà lại bỏ ta ở đây hả?” Giọng bà ta một lần nữa chua chát, càu nhàu.

“Không xa đâu mẹ. Mẹ biết rất rõ là con không bao giờ đi xa mà.”

“Ta không thích ở một mình đâu.”

Nụ cười của gã rộng mở, gần như hân hoan. “Chẳng bao lâu nữa mọi chuyện sẽ ổn cả thôi. Mọi chuyện sẽ tiến triển theo hướng mà nó phải tới. Mẹ có thể tin con. Con đã tìm ra cách giải quyết mọi chuyện – lão sẽ trả lại thứ đã lấy, khi lão nhận được thứ đã cho.”

“Con làm thơ hay thật đấy.”

Căn phòng không cửa sổ. Ánh sáng hắt nghiêng từ chiếc đèn ngủ cạnh giường – nguồn sáng duy nhất trong phòng – làm nổi bật vết sẹo dày trên cổ người đàn bà và những khoảng tối trong đôi mắt đứa con trai của bà ta.

“Mẹ con ta đi nháy nhé?” Bà ta chột náy ra ý tưởng khi nhìn trân trân một bên vai gã và bức tường tối đen sau lưng gã.

“Tất nhiên rồi mẹ. Mọi chuyện sẽ hoàn mỹ cả.”

“Vịt Dickie bé bỏng của ta đâu?”

“Ngay đây này mẹ.”

“Vịt Dickie có đi ngủ không?”

“Giờ ngủ đến rồi, giờ ngủ đến rồi, giờ ngủ đến rồi.”

“Ta phải đi đái,” bà ta nói, dường như cố tỏ ra lỏn lển.

PHẦN I
KÍ ỨC CHẾT NGƯỜI

1

Môn Nghệ Thuật Của Cảnh Sát

Ai cũng nói Jason Strunk là một gã tầm thường, một gã xoàng xĩnh chừng ba mươi tuổi, gần như vô hình với hàng xóm – mà xem ra cũng vô âm vô thanh nữa, bởi lẽ chẳng một ai nhớ nổi chuyện cụ thể nào mà gã đã từng nói. Họ thậm chí còn không chắc là gã có từng mở miệng ra nói điều gì hay không nữa. Chắc gã cũng có gật gù, có chào hỏi, có lẩm bẩm một hai tiếng gì đó. Rất khó nói chính xác.

Vì vậy mà như một lẽ tự nhiên, thoạt đầu ai cũng thể hiện sự kinh ngạc, thậm chí là bán tín bán nghi, khi biết được nổi ám ảnh thôi thúc gã giết những người đàn ông trung niên có ria mép và cách phi tang ghê tởm có một không hai của gã: cắt xác thành nhiều khúc gọn ghẽ, bọc lòe loẹt rồi gửi đến cảnh sát địa phương làm quà Giáng sinh.

Dave Gurney chăm chú nhìn khuôn mặt điềm tĩnh không chút sắc thái của Jason Strunk – thật ra là ảnh nhận diện của Jason Strunk lưu trong hồ sơ gốc ở trại tạm giam – đang đáp trả anh bằng cái nhìn chòng chọc từ màn hình máy tính. Bức ảnh được phóng lớn bằng kích cỡ khuôn mặt thật, và ở chỗ mép màn hình xung quanh ảnh là những biểu tượng công cụ của một chương trình chỉnh sửa ảnh mà Gurney đang dần sử dụng thành thục.

Anh đưa một công cụ điều chỉnh độ sáng trên màn hình tới mõng mắt phải của Strunk, nhấp chuột, rồi xem xét phần ảnh đặc tả vừa tạo được.

Tốt hơn, nhưng vẫn chưa đúng.

Đôi mắt luôn là phần khó điều chỉnh nhất – thực ra là cả mắt và miệng – nhưng chúng cũng luôn là mấu chốt. Đôi khi anh phải thử nghiệm trong nhiều giờ với vị trí và cường độ sáng của một vùng đặc tả rất nhỏ, mà thậm

chí có như vậy anh cũng không chắc có thu được bức ảnh cuối như mong muốn, đặt yêu cầu để cho Sonya xem hay không, hướng hồ là Madeleine.

Mẫu chốt của đôi mắt nằm ở chỗ, hơn bất kỳ thứ gì khác, chúng lột tả được sự căng thẳng, sự mâu thuẫn – sự khô khan làm lì pha chút tàn bạo mà Gurney thường thấy ở bộ mặt những kẻ sát nhân mà anh từng có cơ hội tiếp xúc.

Trước đây anh đã chỉnh đúng được nét mặt bằng cách kiên nhẫn thao tác trên ảnh nhận diện của Jorge Kunzman (gã nhân viên kho của Walmart luôn để đầu người hò hện cuối cùng với hăn trong tủ lạnh chờ đầu mới thay thế). Anh rất hài lòng với kết quả này, vì kèm theo cảm giác gần gũi đáng sợ được truyền tải trong bức ảnh ấy là sự trống rỗng đen thẫm ẩn náu dưới vẻ mặt chán chường của Kunzman, và phản ứng hào hứng tấm tắc khen ngợi của Sonya đã củng cố quan điểm của anh. Chính sự tiếp nhận ấy, cộng với việc tác phẩm bất ngờ được bán cho một nhà sưu tập thân hữu của Sonya, đã động viên anh cho ra đời chuỗi ảnh chỉnh sửa sáng tạo hiện đang xuất hiện trong một chương trình có tên ‘Chân dung những kẻ sát nhân vẽ nên bởi người đã tóm chúng’ trong phòng trưng bày nhỏ nhưng đắt giá của Sonya ở Ithaca.

Bằng cách nào mà một thám tử vừa nghỉ hưu ở Sở Cảnh sát New York, hoàn toàn hờ hững với nghệ thuật nói chung và nghệ thuật thời thượng nói riêng, ghét cay ghét đắng tai tiếng cá nhân, lại trở thành tâm điểm của một chương trình hội họa sang trọng được trường đại học và thành phố phối hợp tổ chức, một chương trình được các nhà phê bình địa phương mô tả là ‘một sự pha trộn tối tân giữa những bức ảnh thô mộc dã man, sự hiểu biết tâm lý vững vàng, và thao tác đồ họa bậc thầy’ là một câu hỏi có hai câu trả lời rất khác nhau: câu trả lời của chính anh và vợ mình.

Về phía anh, mọi chuyện bắt đầu bằng việc Madeleine dỗ ngọt anh đăng ký học lớp thường thức nghệ thuật cùng cô tại viện bảo tàng ở Cooperstown. Lúc nào cô cũng muốn đưa anh ra ngoài – ra khỏi phòng, ra khỏi nhà, ra khỏi chính bản thân anh, cứ ra khỏi cái gì đó là được. Anh đã ngộ ra rằng cách tốt nhất để kiểm soát giờ giấc của mình là sử dụng chiến thuật nhượng

bộ theo chu kỳ. Lớp thưởng thức nghệ thuật là một trong những nước cờ chiến lược như thế, và mặc dù sợ cảnh phải ngồi suốt cả buổi, anh vẫn mong nó sẽ làm anh miễn nhiệm với áp lực trong ít nhất một hai tháng tới. Không phải anh là một kẻ chây lười chỉ biết ngồi trước màn hình ti vi – ngược lại là chẳng khác. Ở tuổi bốn mươi bảy, anh vẫn có thể hít đất năm mươi lần, lên xà năm mươi lần, và nằm gập bụng năm mươi lần. Anh chẳng qua không mẫn mà với chuyện đi đây đi đó mà thôi.

Tuy nhiên, khóa học hóa ra lại là một điều bất ngờ – thật ra là ba điều. Thứ nhất, ngược với giả định của anh trước đó rằng thách thức lớn nhất chính là phải cố tỉnh táo trong lớp, anh nhận ra cô giảng viên Sonya Reynolds, chủ phòng tranh kiêm họa sĩ nổi tiếng trong vùng, rất cuốn hút. Cô không đẹp theo cách truyền thống, không đẹp theo kiểu mẫu Catherine Deneuve Bắc Âu^u. Miệng cô trề quá mức, xương gò má nhô ra quá nhiều, mũi lại quá nổi bật. Nhưng bằng cách nào đó, những bộ phận không hoàn hảo này lại hợp thành một tổng thể nổi bật rất riêng qua đôi mắt to màu xanh lá trộn màu khói sẫm cùng một tác phong hết sức thoải mái và gợi cảm tự nhiên. Không có nhiều học viên nam trong lớp, chỉ vón vẹn sáu nam trong số hai mươi sáu người tham dự khóa học, nhưng cô thu hút được toàn bộ sự chú ý của tất cả 6 học viên nam.

Điều bất ngờ thứ hai chính là phản ứng tích cực của anh đối với nội dung bài học. Vì đây là sở thích đặc biệt của Sonya nên cô dành nhiều thời gian đáng kể cho môn nghệ thuật bắt nguồn từ nhiếp ảnh – kiểu nhiếp ảnh qua chỉnh sửa để tạo ra những hình ảnh mạnh mẽ có sức truyền đạt hơn ảnh gốc.

Điều bất ngờ thứ ba xuất hiện vào tuần thứ ba của khóa học kéo dài mười hai tuần này, vào cái đêm cô giáo đang hào hứng bình phẩm những bức ảnh in lụa do một họa sĩ đương đại chế tác từ ảnh chân dung phơi sáng. Khi sẫm soi những tấm ảnh này, Gurney chợt nảy ra ý tưởng có thể tận dụng một nguồn tư liệu khác thường mà mình có cơ hội tiếp cận đặc biệt để qua đó mang đến một góc nhìn đặc biệt. Ý niệm này thú vị một cách lạ lẫm. Anh chưa hề mong đợi một khóa học thưởng thức nghệ thuật lại thú vị đến thế.

Một khi ý niệm ấy đã lóe lên trong đầu – cái ý niệm *cải thiện, làm sắc nét, làm nổi bật ảnh nhận diện của tội phạm, nhất là ảnh của những kẻ giết người*, sao cho chúng lột tả và truyền đạt được bản chất thú tính mà anh đã dành cả sự nghiệp nghiên cứu, theo đuổi, và đấu trí – thì nó xâm chiếm toàn bộ suy nghĩ của anh, khiến anh nghĩ ngợi về nó nhiều hơn bản thân chịu thừa nhận. Suy cho cùng, anh là một người thận trọng có khả năng thấy hai khía cạnh của mọi câu hỏi, thấy được thiếu sót trong mọi tín hiệu, và thấy được cái ngô nghê trong mọi sự hào hứng.

Vào buổi sáng tháng Mười quang đãng hôm ấy, khi Gurney đang thao tác trên ảnh nhận diện của Jason Strunk ở bàn làm việc trong phòng, thì cái quy trình êm ả đầy thách thức ấy bị gián đoạn bởi tiếng động của vật gì đó rơi xuống nền nhà sau lưng anh.

“Em để mấy thứ này ở đây,” Madeleine Gurney nói bằng một giọng mà với mọi người có thể là bình thường nhưng lại khiến chồng cô căng thẳng.

Anh quay đầu lại, mắt nhú lại khi thấy cái bao nhỏ đang dựa vào cửa. “Để lại cái gì cơ?” anh hỏi, dù đã biết câu trả lời.

“Hoa tulip,” Madeleine nói cũng bằng chất giọng đều đều ấy.

“Ý em là củ hoa tulip ư?”

Đó là một sự sửa sai ngớ ngẩn, và cả hai người đều biết vậy. Đó chẳng qua là một cách thể hiện sự cáu kỉnh của anh khi Madeleine muốn anh làm thứ mà anh chẳng muốn làm.

“Em muốn anh làm gì với mấy thứ này trong đây cơ?”

“Mang ra ngoài vườn. Giúp em trồng.”

Anh đã nghĩ đến chuyện chỉ ra sự phi logic trong việc cô mang đồ vào phòng anh chỉ để anh mang lại ra vườn, nhưng anh quyết định không nói.

“Chờ anh làm xong chỗ này đã,” anh dẫn dỗi nói. Anh nhận thấy trồng tulip vào một ngày cuối thu rục rỡ trong một khu vườn trên đỉnh đồi nhìn ra toàn cảnh rừng thu thoai thoải đỏ thắm và những đồng cỏ màu ngọc lục bảo dưới một bầu trời xanh thắm không phải là một nhiệm vụ nhọc nhằn cho lắm. Anh chỉ không thích bị gián đoạn. Và phản ứng đối với sự gián đoạn

này, anh tự nhủ, là sản phẩm phụ của ưu điểm lớn nhất ở anh: một bộ óc tư duy logic tuyến tính đã đưa anh trở thành một thám tử trứ danh – một bộ óc bị đánh động bởi những điểm rời rạc nhỏ nhất trong lời khai của nghi can, một bộ óc có thể nhận thấy vết nứt tí xíu mà hầu như không con mắt nào có thể thấy.

Madeleine hướng mắt qua vai anh để nhìn vào màn hình máy tính. “Sao anh lại có thể làm mấy thứ xấu xí thế này vào một ngày như hôm nay được nhỉ?” cô hỏi.

2

Một Nạn Nhân Hoàn Hảo

David và Madeleine Gurney sống trong một gia trang kiên cố có từ thế kỷ 19, ẩn khuất trong góc một đồng cỏ heo hút nằm cuối một con đường cụt trong vùng đồi núi Hạt Delaware nằm cách làng Walnut Crossing tám ki-lô-mét. Bao quanh đồng cỏ rộng 0,7 hecta này là cánh rừng đầy anh đào, thích và sồi.

Căn nhà vẫn giữ được nét kiến trúc giản dị ban đầu. Trong năm đầu tiên làm chủ, gia đình Gurney đã phục hồi những sửa chữa không hợp lý của người chủ trước, trả lại cho nó một vẻ ngoài phù hợp hơn, chẳng hạn như thay loại cửa sổ nhôm ảm đạm bằng cửa khung gỗ loại thông sáng của thế kỷ trước. Họ làm vậy không phải vì quá cầu nệ việc bảo tồn lịch sử, mà do nhận thấy vì một lý do nào đó, phong cách thẩm mỹ ban đầu lại có vẻ hợp lý. Chuyện nhà cửa nên có khí sắc như thế nào là một trong những đề tài mà Madeleine và David hoàn toàn hợp ý nhau – một danh sách đối với anh dường như ngày một ngăn dần trong thời gian gần đây.

Cái suy nghĩ ấy bào mòn tâm trạng anh từng ngày từng giờ như axit, và nó lại trở dậy trước lời bình phẩm của vợ anh về sự xấu xí của bức chân dung mà anh đang thao tác. Trưa hôm đó, mặc dù đang gà gât trong chiếc ghế gỗ ưa thích của mình sau khi trồng tulip, anh vẫn đủ tỉnh táo để nhận ra bước chân của Madeleine đang lướt về phía anh qua đám cỏ cao tới mắt cá. Khi tiếng bước chân ngừng trước ghế, anh mở một mắt ra.

Cô nói một cách bình thản, nhẹ nhàng, “Anh thấy lấy xuống ra bây giờ có muộn quá không?” Giọng cô khéo léo đưa câu nói vào giữa lằn ranh của một câu hỏi và một lời thách thức.

Với vóc dáng mảnh khảnh, khỏe khoắn ở tuổi bốn mươi lăm, Madeleine rất dễ bị người khác nhầm là chỉ mới ba mươi lăm. Cặp mắt cô bộc lộ sự thẳng thắn, vững vàng và đầy vẻ xét đoán. Mái tóc nâu dài, trừ vài sợi bạc lỏng, được túm gọn lại dưới chiếc mũ rơm làm vờn rộng vành.

Anh đáp lại bằng một câu hỏi từ dòng suy nghĩ của mình. “Em nghĩ nó xấu thật ư?”

“Tất nhiên là xấu thật rồi,” cô nói không chút ngần ngại. “Chẳng phải nó vốn đã thế rồi sao?”

Anh chau mày suy ngẫm lời bình phẩm của cô. “Em muốn nói đến phần nội dung ư?”

“Chứ còn gì nữa?”

“Anh không biết.” Anh nhún vai. “Giọng em nói có vẻ khinh thường tất cả, về cả đường nét lẫn nội dung.”

“VẬY em xin lỗi!”

Trông cô không có vẻ gì là hối lỗi cả. Anh suýt nói ra điều đó thì cô đổi đề tài.

“Anh đang mong gặp lại người bạn cũ cùng lớp à?”

“Không hẳn,” anh vừa nói vừa chỉnh ghế dựa ngả ra sau một nấc. “Anh chẳng hứng thú gì chuyện hoài niệm quá khứ cả.”

“Có thể anh ta có án mạng cho anh phá đấy.”

Gurney nhìn vợ, hoài nghi về điều mà cô thực sự muốn nói. “Em nghĩ hẳn muốn vậy ư?” anh hỏi một cách hờ hững.

“Chẳng phải anh nổi tiếng vì vậy hay sao?” Sự giận dữ bắt đầu làm giọng cô đánh lại.

Chứng kiến thấy cô thường xuyên như thế trong những tháng gần đây, anh như hiểu ra chuyện. Hai người có quan điểm khác nhau xoay quanh chuyện anh nghỉ hưu để làm gì, điều đó sẽ mang lại những thay đổi gì cho cuộc sống của hai người, và cụ thể hơn, sẽ thay đổi anh như thế nào. Gần đây, ác cảm của cô về thú vui mới của anh cũng ngày càng lớn dần – dự án ‘chân dung

kẻ giết người' đang hút hết thời gian của anh. Anh nghi ngờ phản ứng tiêu cực của Madeleine đối với lĩnh vực này có thể liên quan phần nào đến thái độ hứng khởi của Sonya.

“Anh có biết anh ta cũng nổi tiếng không?” cô hỏi.

“Ai cơ?”

“Bạn cùng lớp của anh đấy.”

“Không hẳn là biết. Hẳn nói phong thanh qua điện thoại là đang viết một cuốn sách gì đấy, và anh đã xem qua cuốn đó rồi. Em không nói, anh cũng chẳng nghĩ hẳn nổi tiếng.”

“Hai cuốn cơ,” Madeleine nói. “Anh ta là giám đốc một viện nào đó ở Peony và có một loạt bài giảng phát trên kênh PBS. Em có in ra mấy bìa sách từ Internet. Chắc anh cũng muốn xem thử.”

“Anh nghĩ hẳn sẽ nói cho anh biết tất tần tật về bản thân và tác phẩm của mình thôi. Nghe hẳn chẳng có vẻ gì là ngại ngùng cả.”

“Anh muốn sao cũng được. Em để mấy cuốn sách trên bàn làm việc của anh, phòng khi anh đổi ý. À, lúc này Kyle gọi đấy.”

Anh im lặng nhìn cô trân trân.

“Em nói anh sẽ gọi lại cho nó.”

“Sao em không kêu anh?” anh hỏi với một vẻ cáu kỉnh hơn dự tính. Con trai anh chẳng mấy khi gọi về nhà.

“Em hỏi nó có cần kêu anh không. Nó nói nó không muốn quấy rầy anh, vì chuyện cũng không gấp lắm.”

“Nó còn nói gì khác không?”

“Không.”

Cô xoay người cất bước ngang qua đám cỏ rậm ẩm ướt về phía căn nhà. Khi đến chỗ cửa bên hông nhà và đặt tay vào quả đấm, như sự nhớ ra một chuyện nữa, cô quay lại nhìn anh, rồi nói với một sự cường điệu như muốn làm anh phải suy nghĩ. “Theo bìa sách thì anh bạn cũ cùng lớp của anh có vẻ như một thánh nhân vậy, hoàn hảo về mọi mặt. Một bậc thầy mô phạm. Thật

khó tưởng tượng tại sao anh ta lại cần tham khảo ý kiến một thám tử điều tra án mạng.”

“Một thám tử điều tra án mạng đã nghỉ hưu,” Gurney sửa lời.

Nhưng cô đã vào nhà, chẳng buồn đưa chân đá cánh cửa đang đóng sập lại.

3

Rắc Rối Nơi Thiên Đường

Ngày hôm sau êm ả hơn ngày hôm trước. Trời đất trông không khác gì một bức tranh thánng Mười ở vùng New England. Gurney thức dậy lúc 7 giờ sáng, tắm rửa và cạo râu, mặc cho mình một chiếc quần jeans và áo len cotton mỏng, ngồi ghế bố uống cà phê ngoài hiên nhà lát đá xanh bên ngoài phòng ngủ của hai người dưới lầu. Sân hiên và loại cửa kiểu Pháp dẫn đến đó là những nét mới anh đã bổ sung cho căn nhà dưới sự hối thúc của Madeleine.

Cô rất giỏi những chuyện như thế, với con mắt tinh tường có thể thấy được cái gì là khả dĩ, cái gì là phù hợp. Nó bộc lộ nhiều điều về cô – bản năng lạc quan, óc tưởng tượng thực tế, thị hiếu bất biến. Nhưng khi bị vướng vào những phạm vi bất đồng giữa hai người – những vũng bùn và bụi gai của bao kỳ vọng mà mỗi người đã tự vun đắp riêng trong mình – thì anh cảm thấy rất khó tập trung vào những ưu điểm nổi bật nơi cô.

Anh phải nhớ gọi lại cho Kyle. Anh phải chờ ba tiếng đồng hồ vì có chênh lệch múi giờ giữa Walnut Crossing và Seattle. Anh ngả lưng sâu hơn vào ghế, đung đưa ly cà phê còn ấm trong hai lòng bàn tay.

Anh liếc nhìn tập hồ sơ mỏng vừa mang ra cùng ly cà phê, cố tưởng tượng ra diện mạo của người bạn đại học cùng lớp không gặp đã hai mươi lăm năm. Bức ảnh trên bìa sách mà Madeleine in ra từ một nhà sách trực tuyến gợi cho anh nhớ lại không chỉ gương mặt mà cả cá tính của người bạn cũ – cùng với chất giọng có âm sắc nam cao Ai Len và một nụ cười quyến rũ đến khó tin.

Thời hai người còn là sinh viên trường Fordham trên khuôn viên Rose Hill ở quận Bronx, Mark Mellery đã là một tay chơi phóng túng. Những cơn

bộc phát nửa đùa nửa thật, đầy năng lượng và tham vọng ở y luôn nhuộm một sắc vẻ u ám. Y có khuynh hướng thích đi gần bờ vực – một kiểu thiên tài bạt mạng, vừa liều lĩnh vừa có tính toán, lúc nào cũng đứng trên bờ miệng một đường xoắn ốc đi xuống.

Theo tiểu sử đăng trên trang web của y, cái đường xoắn ốc đã đưa y tuột dốc chóng mặt ở độ tuổi hai mươi ấy đã bị đảo chiều ở độ tuổi ba mươi bởi một kiểu biến đổi tâm linh nào đó đầy kịch tính.

Đặt ly cà phê cân bằng trên tay ghế gỗ nhỏ hẹp, Gurney mở tập hồ sơ trên đùi, rút ra bức email nhận được từ Mellery một tuần trước đó rồi đọc lại từng dòng một.

Dave thân mến,

Hy vọng anh không cảm thấy kỳ quặc khi nhận được thư của một người bạn cũ cùng lớp sau chừng ấy thời gian. Nào ai biết chắc mình sẽ nghe được tin gì qua một giọng nói từ quá khứ. Nhờ hội cựu sinh viên mà bấy lâu tôi vẫn luôn giữ liên lạc với trường cũ và bản thân cũng cảm thấy thật hứng khởi khi đọc được những dòng tin suốt mấy năm qua viết về các thành viên trong lớp ta. Tôi thật sự vui mừng khi hơn một dịp được thấy những thành quả ưu tú của anh cũng như những lời khen tặng mà mọi người dành cho anh. (Một bài báo trong Bản tin Cựu Sinh viên của lớp ta gọi anh là THÁM TỬ ĐƯỢC TRAO NHIỀU HUÂN CHƯƠNG NHẤT SỞ CẢNH SÁT NEW YORK – điều mà không làm tôi ngạc nhiên lắm mỗi khi nhớ lại anh chàng Dave Gurney tôi quen ở đại học!) Sau đó, cách đây khoảng một năm, tôi được biết anh đã nghỉ hưu ở Sở Cảnh sát – và dọn đến sống ở Hạt Delaware này. Tôi để ý chuyện này vì tình cờ tôi cũng sống ở thị trấn Peony mà – ‘chỉ cách một đoạn đường’, như người ta thường nói ấy. Tôi nghĩ anh chưa nghe chuyện hiện tại tôi đang điều hành một cơ sở tinh tu ở đây, có tên gọi là Viện Đổi mới Tâm linh – nghe thì có vẻ rườm rà nhưng thực chất rất đời thường.

Tuy suốt mấy năm qua nhiều lần tôi rất muốn gặp lại anh, nhưng chính một tình huống gay go rất cuộc đã cho tôi cú hích cần thiết để thôi không nghĩ ngợi nữa mà liên lạc với anh ngay. Đó là một tình huống mà tôi nghĩ lời khuyên của anh sẽ rất có ích. Tôi muốn tranh thủ ghé thăm anh. Nếu anh

có thể cho tôi nửa tiếng đồng hồ thì tôi sẽ đến nhà anh ở Walnut Crossing – hoặc tại một địa điểm nào khác thuận tiện hơn cho anh.

Nhớ lại những lần hai ta trò chuyện trong trung tâm khuôn viên và huyền thuyên lâu hơn trong quầy rượu Shamrock – chưa nói đến kinh nghiệm nghề nghiệp của anh – tôi biết ngay anh là người thích hợp để chia sẻ vấn đề rối rắm mà tôi đang đối mặt. Đó là một câu đố kỳ quái mà tôi nghĩ anh sẽ có hứng thú. Khả năng suy luận theo cách không ai có thể nghĩ ra được luôn là ưu điểm của anh. Mỗi khi nghĩ đến anh, tôi luôn nghĩ đến cách suy luận logic hoàn hảo và sự sáng suốt như pha lê của anh – những tố chất mà tôi thật sự rất cần ngay bây giờ. Tôi sẽ gọi cho anh trong vòng vài ngày nữa theo số có trong danh bạ cựu sinh viên – hy vọng đây đúng là số điện thoại mà anh đang dùng.

Kèm với nhiều ký ức đẹp,

Mark Mellery

T.B: Cho dù vấn đề của tôi cuối cùng có làm anh hoang mang như tôi, khiến anh không thể cho tôi lời khuyên nào đi nữa, thì tôi cũng rất vui được gặp lại anh.

Hai ngày sau, cuộc gọi như đã hẹn diễn ra. Gurney nhận ra ngay giọng nói ấy, lạ lùng thay vẫn không thay đổi so với khi xưa, nhưng lại có sự run rẩy lo sợ rõ rệt trong đó.

Sau một vài lời tự trách vì đã không thể giữ liên lạc được, Mellery đi thẳng vào vấn đề. Y có thể gặp Gurney trong vài ngày tới được không? Càng sớm càng tốt, vì ‘tình huống’ này rất cấp bách. Có một ‘tiến triển’ mới. Thật sự rất khó bàn luận qua điện thoại, vì khi hai người gặp mặt Gurney sẽ hiểu. Có nhiều thứ Mellery phải cho anh xem. Không, đây không phải là vấn đề để cảnh sát địa phương giải quyết, vì những lý do mà Mellery sẽ nói khi y đến. Không, suy cho cùng đây cũng chưa thể gọi là vấn đề pháp lý. Chưa có tội nào bị phạm phải, cũng chẳng có ai bị đe dọa cụ thể cả – y đã chứng minh được gì đâu. Chúa ơi, nói qua điện thoại như thế này thật khó quá; gặp mặt nói sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Phải, y biết Gurney không làm

trong ngành thám tử tư. Nhưng chỉ nửa tiếng thôi mà – Gurney có thời gian nửa tiếng không?

Với bao cảm giác lẫn lộn ngay từ đầu, Gurney đồng ý. Tò mò thường lẫn át bản tính trầm lặng trong anh; trong trường hợp này anh tò mò vì nhận thấy có chút kích động ẩn nấp dưới cách nói chuyện ngọt ngào của Mellery. Và, dĩ nhiên, một câu đố cần được giải mã thu hút anh mạnh mẽ hơn bản thân anh chịu thừa nhận.

Sau khi đọc lại bức email lần thứ ba, Gurney bỏ lại vào tập hồ sơ rồi để tâm trí lơ đãng quanh những hồi ức được gợi mở từ tiềm thức: anh nhớ những lớp học buổi sáng khi Mellery trông liêng biêng và chán chường vì rượu, nhớ những giờ trưa khi y dẫn hồi tỉnh, nhớ những lần men rượu nhóm lên những cơn bộc phát hóm hỉnh sâu sắc đậm chất Ai Len của y vào sớm tinh mơ. Y là diễn viên thiên bẩm, là ngôi sao không thể phủ nhận của hội kịch nghệ trong trường – một thanh niên tràn đầy sinh lực ở quầy rượu Shamrock là thế, nhưng trên sân khấu thậm chí lại còn sung sức hơn gấp đôi. Y là người phụ thuộc vào khán giả – một tay chỉ có thể đứng hiên ngang được nhờ vào thứ ánh sáng của sự thán phục vẫn luôn dung dưỡng y.

Gurney mở tập hồ sơ ra rồi lướt qua bức email một lần nữa. Cách Mellery mô tả mối quan hệ giữa hai người làm anh khó chịu. Mỗi giao thiệp giữa họ không thường xuyên, không nhiều ý nghĩa, không thân thiết như những gì Mellery ám chỉ. Nhưng anh có cảm tưởng rằng Mellery đã chọn lựa ngôn từ rất thận trọng – rằng tuy đơn giản nhưng bức thư đã được viết đi viết lại, cân nhắc và sửa chữa – rằng những lời nịnh hót, cũng như những thứ khác trong thư, đều có mục đích cả. Nhưng mục đích đó là gì? Mục đích hiển nhiên là bảo đảm khả năng Gurney đồng ý gặp mặt và đưa anh vào cuộc điều tra tìm lời giải cho ‘bí ẩn’ nào đó đã nảy sinh. Ngoài mục đích đó ra thì rất khó nói chính xác. Vấn đề này rõ ràng đối với Mellery rất quan trọng – chỉ như vậy mới giải thích được bao nhiêu thời gian và công sức tỉ mỉ mà y đã bỏ ra để tra chuốt ngôn từ cho mạch lạc và truyền cảm, để truyền đạt sự vồn vã trọn lẫn khốn đốn.

Cả cái đoạn ‘tái bút’ cũng có chút vấn đề. Nó không những tinh tế thách thức anh bằng cách gợi mở khả năng anh bị câu đố ấy đánh bại, mà cho dù đó là gì đi nữa, nó dường như còn ngăn chặn không cho anh thoát thác dễ dàng, nhằm vô hiệu hóa bất kỳ lời nào anh muốn nói, chẳng hạn như anh không làm trong ngành thám tử tư, hay anh chắc sẽ không giúp được gì. Cốt lõi của cách hành văn ấy là đánh đồng việc ngần ngại không muốn gặp với việc lỗ mãng xua đuổi bạn cũ.

Ồ, phải đấy, bức thư được viết rất khôn khéo, rất thận trọng.

Thận trọng. Một thứ gì đó mới mẻ, phải không nào? Nhất định không phải là cá tính của ông bạn Mark Mellery ngày xưa rồi.

Sự đổi thay rõ rệt này làm Gurney hứng thú.

Đúng lúc đó, Madeleine bước ra từ cửa sau và đi khoảng hai phần ba quãng đường đến chỗ Gurney đang ngồi.

“Khách của anh đã đến,” cô lạnh lùng thông báo.

“Anh ta đâu?”

“Trong nhà.”

Anh nhìn xuống. Một con kiến đang bò ngoằn ngoèo dọc tay ghế. Anh lấy móng tay búng nó bay ra xa.

“Bảo anh ta ra ngoài đây này,” anh nói. “Trời đẹp như thế này không nên ở trong nhà.”

“Trời đẹp thật sao?” cô nói, cố tình làm câu nhận xét nghe mỉa mai mà không lạc đề. “À, anh ta trông y như ảnh in trên bì sách ấy – còn hơn thế nữa.”

“Còn hơn thế nữa? Vậy nghĩa là sao?”

Cô đã trên đường quay vào nhà và không đáp lại.

4

Tôi Biết Rõ Ông Đến Mức Biết Ông Đang Nghĩ Gì

Mark Mellery sai từng bước dài qua đám cỏ mềm mại. Y tiến về phía Gurney như muốn ôm anh, nhưng cái gì đó làm y suy nghĩ lại.

“Davey!” y vừa la lên vừa chìa tay ra.

Davey^[2] ư? Gurney ngạc nhiên.

“Chúa ơi!” Mellery nói tiếp. “Trông anh vẫn như xưa. Chúa ơi, gặp lại anh thật hay quá! Gặp anh trông vẫn như xưa thế này thật tuyệt! Davey Gurney! Hồi còn ở Fordham người ta vẫn thường nói trông anh như Robert Redford trong phim Người của Tổng thống. Giờ vẫn vậy – chẳng thay đổi một chút nào! Nếu không biết anh cũng như tôi thì tôi đã nói anh mới có ba mươi thôi!”

Y siết tay Gurney bằng cả hai tay như thế tay anh là một báu vật. “Hôm nay vừa lái xe từ Peony đến Walnut Crossing, tôi vừa nhớ lại thái độ điềm đạm và tự chủ vốn dĩ của anh. Một ốc đảo về mặt cảm xúc – anh như thế đấy, một ốc đảo về mặt cảm xúc! Và anh vẫn giữ được cái phong thái ấy. Davey Gurney – điềm đạm, trầm tĩnh, và tự chủ – cộng với trí óc nhạy bén nhất thị trấn. Đạo này anh ra sao rồi?”

“Cuộc sống cũng thuận lợi.” Gurney vừa nói vừa gỡ tay ra, giọng Mellery tràn đầy hào hứng bao nhiêu thì giọng của anh thiếu hụt hào hứng bấy nhiêu. “Chẳng chê vào đâu được.”

“Thuận lợi...” Mellery đọc rõ các âm tiết như đang cố nhớ nghĩa của một từ tiếng nước ngoài. “Nơi anh ở đẹp thật đấy. Đẹp lắm.”

“Madeleine có con mắt rất tinh tường đối với những thứ này. Ta ngồi nhé!” Gurney ra hiệu cho Mellery đi về phía cặp ghế gỗ ngoài trời cũ sờn nắng đối diện nhau giữa cây táo và chậu chim tắm.

Mellery cất bước về hướng đó, rồi khựng lại. “Tôi có một thứ...”

“Có phải cái này không?” Madeleine đang bước về phía họ từ trong nhà, tay cầm trước mặt một cặp hồ sơ rất trang nhã. Tinh tế và đắt tiền, chiếc cặp cũng như những món đồ khác trên người Mellery – từ đôi giày Anh thủ công (nhưng không sáng bóng quá và mang rất thoải mái) đến chiếc áo khoác thể thao làm bằng len ca-sơ-mia được may rất đẹp (nhưng hơi nhàu) – một dáng vẻ tưởng chừng như được toan tính trước cốt để thốt lên rằng đúng đây là một người biết sử dụng tiền mà không để tiền vật lại mình, một người thành đạt nhưng không tôn thờ sự thành đạt, một người mà vận may đến một cách tự nhiên. Tuy nhiên, sự lo âu trong đôi mắt y lại truyền đạt một thông điệp khác.

“À, vâng, cảm ơn chị,” Mellery nói, tay nhận chiếc cặp từ Madeleine mà lòng nhẹ nhõm thấy rõ. “Nhưng chị thấy nó...”

“Anh để trên bàn trà đây.”

“Vâng, đúng rồi. Hôm nay đầu óc tôi giống như phân tán khắp nơi vậy. Cảm ơn chị.”

“Anh uống chút gì nhé?”

“Uống ư?”

“Vợ chồng tôi đã làm sẵn trà đá rồi. Hoặc nếu anh muốn uống thứ khác thì...?”

“Không, không, trà đá được rồi. Cảm ơn chị.”

Khi quan sát người bạn cũ, Gurney chợt hiểu ra ý của Madeleine khi cô nói Mellery trông y như bức ảnh in trên bìa sách của y, ‘có điều còn hơn thế nữa’.

Tổ chất rõ rệt nhất trong bức ảnh là một sự hoàn mỹ không theo khuôn mẫu – cái ảo giác dễ khiến người ta lầm tưởng đây là một ảnh chụp bình thường, nghiệp dư tuy không có những bóng đổ kém đẹp mắt hay bố cục thô

vụng của một ảnh chụp nghiệp dư thật sự. Chính là thứ cảm giác về một sự bất cẩn được xử lý cẩn thận ấy – một sự thôi thúc bản ngã phải làm ra vẻ vô ngã – mà Mellery là một mẫu mực bằng xương bằng thịt. Trực giác của Madeleine lại chính xác như thường lệ.

“Trong email, anh nói đến vấn đề gì đó,” Gurney vào chủ đề một cách đường đột đến mức gần như thô lỗ.

“Phải,” Mellery trả lời, nhưng thay vì mỗ xẻ vấn đề, y xin kể lại một ký ức dường như được chuẩn bị sẵn để dệt thêm một sợi chỉ mỏng của nghĩa vụ nữa vào mối quan hệ đồng môn, ký ức về một cuộc tranh luận ngớ ngẩn giữa một người bạn cùng lớp với giáo sư môn triết. Suốt quá trình kể chuyện, Mellery gọi bản thân, Gurney, và nhân vật chính là ‘Ba chàng ngự lâm’ của khuôn viên Rose Hill, gắng sức làm câu chuyện ấu trĩ ấy nghe đậm chất anh hùng. Gurney cảm thấy ngượng và không có phản ứng nào đối với vị khách của mình ngoài một cái nhìn chăm chăm đầy trông đợi.

“Chà,” Mellery vừa nói vừa miễn cưỡng chuyển sang vấn đề cần giải quyết, “tôi không biết phải bắt đầu từ đâu nữa.”

Chuyện của anh mà anh cũng không biết phải bắt đầu từ đâu, Gurney nghĩ, thì anh đến đây làm cái quái gì cơ chứ?

Mellery cuối cùng mở chiếc cặp hồ sơ ra, rút ra hai cuốn sách mỏng bìa mềm, rồi thận trọng đưa cho Gurney như thể chúng rất dễ vỡ. Đây là hai cuốn sách được mô tả trong bản in lấy từ trang web mà anh đã xem trước đó. Một cuốn có tên ‘Điều quan trọng duy nhất’ với nhan đề phụ ‘Sức mạnh thay đổi số phận của lương tri’. Cuốn còn lại có tên ‘Thành thật mà nói!’ với nhan đề phụ ‘Cách duy nhất để sống hạnh phúc’.

“Có thể anh chưa nghe đến những cuốn này. Hai cuốn này bán tương đối chạy, nhưng chưa hẳn là dạng sách bom tấn.” Mellery mỉm cười bằng một sự khiêm tốn giả tạo dường như đã được luyện tập nhuần nhuyễn. “Tôi đưa không phải để anh đọc ngay bây giờ.” Y lại mỉm cười, như thể chuyện này rất vui nhộn. “Tuy nhiên, hai cuốn này có thể cho anh manh mối nào đó giúp anh hiểu chuyện gì đang xảy ra, hoặc tại sao nó xảy ra, khi tôi trình bày vấn

đề của mình... có lẽ phải nói là vấn đề hiển nhiên của tôi mới phải. Toàn bộ chuyện này khiến tôi hơi rối rắm một chút.”

Và hơi kinh sợ nhiều chút, Gurney trầm ngâm.

Mellery thở một hơi dài, ngừng một lát, rồi bắt đầu câu chuyện của mình như một người sắp bước vào con sóng cả lạnh buốt bằng một quyết tâm dễ lung lay.

“Tôi nên kể cho anh nghe trước về mấy lá thư tôi nhận được.” Y với lấy chiếc cặp hồ sơ, rút ra hai chiếc phong bì, mở một phong bì và lôi ra một tờ giấy trắng có chữ viết ở một mặt và một phong bì nhỏ hơn có kích cỡ của loại giấy mời xin phúc đáp. Y đưa tờ giấy cho Gurney.

“Đây là lá thư đầu tiên tôi nhận được cách đây khoảng ba tuần.”

Gurney nhận tờ giấy rồi ngả lưng vào ghế sẫm soi. Sự gọn gàng của nét chữ đập vào mắt anh ngay lập tức. Chữ viết được gò tở mủ, tao nhã – làm anh bất chợt nhớ đến nét chữ của chị Mary Joseph lả lướt trên bảng thời tiểu học. Nhưng lạ hơn cả lối viết tỉ mỉ ấy là việc bức thư được viết bằng bút máy và mực đỏ. *Mực đỏ ư?* Ông của Gurney đã từng dùng mực đỏ. Ông có nhiều lọ tròn đựng mực xanh da trời, mực xanh lá và mực đỏ. Anh không nhớ nhiều về người ông, nhưng lại nhớ màu mực ấy. Người ta vẫn còn mua được mực đỏ cho bút máy ư?

Gurney đọc đi đọc lại bức thư, mà càng lúc càng chau lại. Không có lời chào đầu thư, cả chữ ký cũng không.

Ông có tin vào Định Mệnh không? Tôi tin là có, vì tôi đã tưởng sẽ không bao giờ gặp lại ông nữa – rồi một ngày kia, ông xuất hiện. Tất cả ký ức đều hiện về: cách ông nói chuyện, cách ông đi đứng – và quan trọng nhất vẫn là cách ông suy nghĩ. Nếu có ai bảo ông hãy nghĩ đến một con số, thì tôi sẽ biết con số ông nghĩ là gì. Ông không tin tôi ư? Tôi sẽ chứng minh cho ông thấy. Hãy nghĩ đến con số bất kỳ không quá một nghìn nào – con số đầu tiên mà ông tự nhiên nghĩ ra thôi. Hãy hình dung con số đó. Bây giờ hãy xem tôi biết rõ những bí mật của ông đến dường nào nhé. Mở chiếc phong bì nhỏ ra nào.

Gurney ậm ừ vô định trong họng rồi nhìn Mellery dò hỏi.

Y bấy lâu vẫn chăm chú theo dõi anh đọc thư. “Anh có biết ai gửi thư này cho anh không?”

“Không biết ai hết.”

“Có nghi ngờ ai không?”

“Không hề.”

“Hừm. Anh có chơi trò chơi đó không?”

“Trò chơi ư?” Rõ ràng Mellery không nhìn vấn đề như vậy. “Nếu ý của anh là tôi có nghĩ đến một con số nào không thì câu trả lời là: có, tôi có nghĩ đến một con số. Trong tình huống như vậy mà không muốn nghĩ ra cũng khó.”

“Vậy là anh đã nghĩ đến một con số?”

“Phải.”

“Rồi sao nữa?”

Mellery hăng giọng. “Con số mà tôi nghĩ tới là số 6-5-8”. Y lặp lại con số, phát âm rõ từng chữ số – sáu, năm, tám – như thể ba con số đó có thể gợi cho Gurney điều gì đó. Khi thấy không phải vậy, y hơi hụt hẫng một tiếng thở dài rồi nói tiếp.

“Con số 658 không có ý nghĩa gì đặc biệt đối với tôi cả. Nó chỉ là con số ngẫu nhiên mà tôi chợt nghĩ đến. Tôi cố vắt óc nghĩ xem có nhớ ra thứ gì đó làm tôi liên tưởng đến số đó không, có nghĩ xem có lý do nào mà tôi lại chọn số đó không, nhưng tôi không nghĩ ra được một thứ nào cả. Chỉ là con số đầu tiên tôi chợt nghĩ đến,” y khẳng định một cách sốt sắng đầy sợ hãi.

Gurney chăm chú nhìn y, càng lúc càng hứng thú. “Rồi trong chiếc phong bì nhỏ kia...”

Mellery đưa cho anh chiếc phong bì còn lại có kèm lá thư bên trong, chăm chú theo dõi anh mở nó ra, rút ra một mẫu giấy bằng nửa tờ đầu tiên, rồi đọc nội dung trên đó, cũng được viết bằng phong cách tinh tế và màu mực đỏ:

Có phải ông rất sững sốt khi tôi lại biết ông chọn con số 658 không?

Người nào lại hiểu ông rõ đến thế nhỉ? Nếu muốn biết câu trả lời, trước tiên ông phải trả lại tôi số tiền 289,87 đô tôi đã bỏ ra để tìm được ông.

Gửi đúng số tiền này tới Hộp thư 49449, Wycherly, CT 61010.

Gửi tôi TIỀN MẶT hoặc SÉC CÁ NHÂN.

Trên séc đề tên người nhận là X. Arybdis.

(Đây chưa chắc là tên thật của tôi.)

Sau khi đọc lá thư lần nữa, Gurney hỏi Mellery có hồi âm lá thư không.

“Có. Tôi đã gửi séc có mệnh giá như thư nói.”

“Tại sao chứ?”

“Ý anh là sao?”

“Nhiều tiền như vậy cơ mà. Tại sao anh lại quyết định gửi séc?”

“Bởi vì chuyện này làm tôi điên đầu. Con số ấy – làm cách nào mà hẳn biết được chứ?”

“Séc được chuyển chưa?”

“Chưa, thực tế thì chưa,” Mellery nói. “Lâu nay tôi vẫn theo dõi tài khoản mỗi ngày. Vì vậy tôi mới gửi séc thay vì tiền mặt. Lúc đó tôi nghĩ tìm hiểu về cái gã tên Arybdis này có thể là một ý hay – ít ra tôi muốn biết hẳn nạp séc vào tài khoản ở đâu. Ý tôi là, giọng điệu trong thư thật khiến người ta phải bất an.”

“Chính xác thì điều gì làm anh bất an?”

“Tất nhiên là con số ấy!” Mellery hét to. “Sao hẳn lại biết được con số ấy chứ?”

“Câu hỏi hay lắm,” Gurney nói. “Tại sao anh lại dùng chữ ‘hẳn’?”

“Gì cơ? À, tôi hiểu ý anh. Tôi chỉ nghĩ... tôi không biết nữa, tôi chỉ nghĩ vu vơ vậy thôi. Tôi thấy ‘X. Arybdis’ nghe như tên đàn ông kiểu gì đó.”

“X. Arybdis. Một cái tên kỳ lạ,” Gurney nói. “Nó có ý nghĩa gì với anh không? Nghe có quen chút nào không?”

“Không hề.”

Cái tên không có nghĩa gì đối với Gurney, nhưng nó cũng không hoàn toàn lạ lẫm. Bất luận cái tên ấy là gì thì nó cũng nằm trong một tủ hồ sơ tận sâu trong tiềm thức của anh.

“Sau khi anh gửi séc, hẳn còn liên lạc với anh không?”

“Ồ, còn chứ!” Mellery vừa nói vừa thò tay lần nữa vào chiếc cặp va lô ra hai tờ giấy khác. “Tôi nhận thư này cách đây khoảng mười ngày. Còn lá này tôi nhận một ngày sau khi gửi email cho anh hỏi chuyện gặp mặt.” Y dúm hai lá thư vào người Gurney như đưa bé cho bố xem hai vết bầm mới.

Lá thư thứ nhất gồm tám dòng ngắn:

Bao nhiêu thiên sứ rạng ngời

Một chân múa nhảy hát lời ngân nga?

Bao nhiêu hy vọng cao xa

Bị chìm chết bởi một ca rượu nồng?

Ông có bao giờ hỏi lòng,

Súng và ly rượu chỉ là một thôi,

Và rồi tự hỏi một mai Chúa ơi,

Con đã làm sai chuyện gì?

8 dòng của lá thư thứ hai cũng bí ẩn và mang tính chất dọa dẫm tương tự:

Ông sẽ trả thứ đã lấy

khi ông nhận được thứ đã cho.

Tôi biết ông nghĩ sao,

chớp mắt khi nào,

đã ở đâu,

sẽ về đâu.

Ông và tôi có hẹn đấy,

Ông 658 ạ.

Suốt mười phút sau, Gurney đọc lại từng lá thư sáu lần. Sắc mặt của Gurney càng u tối hơn và sự âu lo của Mellery càng hiện rõ. “Anh nghĩ sao

hả?” Mellery cuối cùng lên tiếng.

“Anh có một kẻ thù rất khôn lanh.”

“Ý tôi là, anh nghĩ sao về chuyện con số?”

“Con số thì sao cơ?”

“Sao hẳn lại biết được tôi nghĩ đến con số nào chứ?”

“Nhất thời tôi chỉ có thể nói hẳn không thể nào biết được đâu.”

“Hẳn không tài nào biết được, nhưng hẳn lại biết đấy thôi! Ý tôi là, toàn bộ vấn đề là ở chỗ đó, đúng không nào? Hẳn không thể nào biết, nhưng hẳn lại biết! Chẳng ai có thể biết được tôi sẽ nghĩ đến con số 658 cả, nhưng hẳn không chỉ biết được con số ấy mà còn biết ít nhất hai ngày trước khi tôi biết, là cái ngày hẳn gửi đi lá thư khốn kiếp ấy!”

Mellery bất thành linh nhắc người ra khỏi ghế, đi tới đi lui qua đám cỏ về phía căn nhà rồi đi ngược trở lại, hai tay vuốt tóc.

“Chẳng có cách thức khoa học nào mà làm được vậy cả. Tôi chẳng hình dung ra được hẳn làm vậy bằng cách nào nữa. Anh không thấy chuyện này điên rồ như thế nào à?”

Gurney đang để cằm trên năm đầu ngón tay, trầm ngâm. “Có một triết lý đơn giản mà tôi thấy đáng tin cậy một trăm phần trăm. *Có chuyện xảy ra thì nhất định phải có cách xảy ra.* Trò đoán số này nhất định có một lời giải thích đơn giản.”

“Nhưng mà...”

Gurney đưa tay lên như anh chàng cảnh sát giao thông nghiêm nghị ngày nào mới vào việc sáu tháng đầu ở Sở Cảnh sát New York. “Ngồi xuống nào. Thư giãn đi. Tôi chắc chắn chúng ta sẽ tìm được câu trả lời.”

Những Khả Năng Không Hay

Madeleine mang hai ly trà đá cho hai người rồi trở vào nhà. Mùi cỏ ẩm tràn ngập không khí. Nhiệt độ gần 21 độ c. Một bầu sè lông tím đáp xuống chỗ những chiếc cốc thức ăn chứa hạt kê. Ánh nắng, sắc màu, hương thơm đều gay gắt nhưng đối với Mellery chẳng có ý nghĩa gì, vì những ý nghĩ lo âu dường như xâm chiếm y hoàn toàn.

Khi hai người nhấp trà, Gurney cố gắng đánh giá động cơ và sự thành thật của vị khách này. Anh biết rằng quy chụp ai quá sớm trong cuộc chơi có thể dẫn đến sai lầm, nhưng khó mà cưỡng lại được hành vi đó. Quan trọng là anh nhận thức được việc chụp mũ có thể sai và sẵn sàng sửa chữa cái mũ chụp ấy khi có thông tin mới.

Anh có cảm giác Mellery là một kẻ lừa lọc kinh điển rất biết vào vai ở nhiều cấp độ, một kẻ ít nhiều tin cả những lời lừa lọc của mình. Giọng của y chẳng hạn, từ thời đại học đã như vậy, một giọng không gốc gác đến từ một nơi của văn hóa và nho nhã chỉ có trong trí tưởng tượng. Chắc chắn cái giọng ấy y không cần phải giả nữa – nó là một phần không thể thiếu trong con người y – nhưng rễ của nó nằm trong thứ đất ảo. Kiểu tóc dặt tiền, làn da được dưỡng ẩm, hàm răng hoàn mỹ, thể trạng được rèn luyện, móng tay được gọt giũa, tất cả đều khiến người khác phải liên tưởng đến một nhà thuyết giáo ngoại hạng trên truyền hình. Phong thái của y là phong thái của một người háo hức muốn tỏ vẻ thư thả trên đời, của một người sở hữu mọi thứ sành điệu mà không người bình thường nào có thể có được. Gurney nhận thấy tất cả những đặc điểm này đã hiện diện ở dạng trứng nước cách đây hai mươi sáu năm rồi. Chẳng qua giờ đây nó trở nên đậm nét hơn so với con người bấy lâu của Mark Mellery.

“Anh có bao giờ nghĩ đến chuyện báo cảnh sát chưa?” Gurney hỏi.

“Tôi nghĩ làm vậy chẳng ích lợi gì cả. Tôi nghĩ có báo thì họ cũng chẳng làm gì. Họ có thể làm gì được nào? Chẳng có lời đe dọa cụ thể nào, chẳng có thứ gì mà không thể phân trần, chẳng có tội ác thật sự nào cả. Tôi không có thứ gì cụ thể để mang đến cảnh sát cả. Một vài bài thơ ngắn độc địa ư? Một thằng nhóc trung học quái gở nào đó cũng có thể viết mấy bài thơ đó vậy, ai đó có một đầu óc hài hước lập dị chẳng hạn. Nếu cảnh sát chẳng làm gì coi được, hay tệ hơn nữa là xem đây như trò đùa, thì tại sao tôi phải phí thời gian đi gặp họ?”

Gurney gật đầu nhưng không bị thuyết phục.

“Vả lại,” Mellery nói tiếp, “nghĩ tới cảnh tượng cảnh sát địa phương phụ trách chuyện này rồi phát động một cuộc điều tra toàn diện, chất vấn người này người kia, đi đến viện của tôi, quấy rối khách cũ lẫn khách mới – một vài khách lại khá nhạy cảm – giậm chân khắp nơi và gây ra bao chuyện quái quỷ, chõ mũi vào những thứ không phải việc của họ, lôi cả báo chí vào cuộc nữa cũng nên... Chúa ơi! Tôi có thể hình dung ra mấy cái tít báo như ‘Tác giả về tâm linh bị dọa giết’. Rồi sẽ xảy ra hỗn loạn...” Giọng Mellery lịm dần, và y lắc đầu như thể dùng từ ngữ thôi thì không đủ để mô tả những thiệt hại mà cảnh sát có thể gây ra.

Gurney đáp lại bằng một cái nhìn hết sức ngờ ngác.

“Chuyện gì vậy?” Mellery hỏi.

“Hai lý do anh đưa ra cho việc không báo cảnh sát mâu thuẫn với nhau.”

“Mâu thuẫn thế nào cơ?”

“Anh không liên lạc với cảnh sát vì sợ họ không làm gì cả. Và anh không liên lạc họ vì sợ họ sẽ làm quá nhiều.”

“À, phải... nhưng cả hai lý do ấy đều đúng mà. Nhân tố chung ở đây là tôi sợ vấn đề không được giải quyết khôn khéo. Sự kém cỏi của cảnh sát có thể thể hiện qua việc tiếp cận vấn đề qua loa hoặc giải quyết vấn đề vụng về theo kiểu ‘lơ lơ như bò đeo nơ’. Lờ phờ cũng dở mà hùng hổ cũng dở – anh hiểu ý tôi nói chứ?”

Gurney có cảm giác anh đang chứng kiến một người vấp chân và biến cú vấp thành một cú xoay tròn một chân. Anh không hoàn toàn tin vào những gì Mellery nói. Theo kinh nghiệm của anh, khi một gã đàn ông đưa ra hai lý do cho một quyết định, có khả năng là lý do thứ ba – lý do thật sự – đã bị lờ đi không nói.

Như thể bắt đúng tần sóng suy nghĩ của Gurney, Mellery bỗng nói, “Tôi cần phải thành thật với anh hơn, nên cởi mở với anh hơn về những mối lo của mình. Tôi không thể mong anh giúp tôi nếu chưa cho anh xem bức tranh toàn cảnh. Trong bốn mươi bảy năm cuộc đời của mình, tôi đã sống hai cuộc sống khác biệt nhau hoàn toàn. Trong hai phần ba thời gian tồn tại trên cõi đời này, tôi đã lầm đường lỡ bước, chẳng đi đến nơi nào tốt nhưng lại đến đó nhanh.

“Chuyện bắt đầu từ thời đại học. Sau đại học tình hình càng tồi tệ hơn. Tôi chèn chèn nhiều hơn, cuộc sống rối loạn hơn. Tôi dính líu đến việc buôn ma túy cho khách hạng sang rồi kết giao với khách. Có một ông khách ấn tượng với tài buôn hàng nhảm nhí của tôi đến mức cho tôi một công việc thực sự ở phố Wall, chuyên bán mấy thứ cổ phiếu nhảm nhí qua điện thoại cho tay nào vừa tham vừa ngu đến độ tin rằng gấp đôi số tiền đầu tư trong ba tháng là khả năng có thật. Tôi giỏi làm ba chuyện đó, và tôi kiếm được rất nhiều tiền, và những đồng tiền đó là nhiên liệu tên lửa thúc đẩy sự điên rồ của tôi. Tôi thích thứ gì là làm thứ đó, và đa số những gì mình làm tôi đều không nhớ vì hầu như lúc nào tôi cũng say bí tỉ cả.

“Suốt mười năm tôi đã làm việc cho rất nhiều tên khốn khôn lanh, đầu trộm đuôi cướp, hết tên này đến tên khác. Rồi vợ tôi chết. Chắc anh chưa biết chuyện tôi kết hôn sau một năm ra trường đâu.”

Mellery với lấy ly nước. Y uống một cách trầm ngâm, như thể vị của nước là một ý tưởng đang hình thành trong đầu y.

Khi ly nước với đi một nửa, y đặt ly trên tay ghế, mắt dán vào ly, trong phút chốc, rồi tiếp tục câu chuyện, “Cái chết của cô ấy là một sự kiện đáng ghi nhớ trong đời. Nó có tác động rất lớn đối với tôi, lớn hơn so với tất cả các sự kiện trong mười lăm năm chung sống của chúng tôi gộp lại. Tôi

không muốn thừa nhận điều này, nhưng qua cái chết của vợ mình tôi mới thấy được sự sống của cô ấy có ảnh hưởng thực sự đối với tôi.”

Gurney có cảm tưởng câu chuyện mĩa mai gọn ghẽ này, được kể ngập ngừng như vừa mới nghĩ ra, đang được kể lại lần thứ một trăm. “Cô ấy chết như thế nào?”

“Toàn bộ câu chuyện có trong cuốn sách đầu tay của tôi, nhưng tôi sẽ kể phiên bản ngắn gọn và xấu xí hơn. Khi ấy chúng tôi đang đi nghỉ trên bán đảo Olympic ở Washington. Một chiều hoàng hôn, chúng tôi đang ngồi trên bãi biển vắng bóng người. Erin quyết định ra biển bơi. Thường thì cô ấy ra xa khoảng ba mươi mét rồi bơi ra bờ vào dọc bờ, giống như bơi nhiều vòng trong hồ bơi vậy. Cô ấy siêng năng vận động lắm.” Y ngừng lời, để cho hai mắt lơ lơ nhắm lại.

“Có phải đêm đó cô ấy cũng làm vậy không?”

“Sao cơ?”

“Anh nói là cô ấy *thường* làm như vậy mà.”

“À, tôi hiểu rồi. Phải, tôi *nghĩ* cô ấy đã làm như vậy đêm hôm đó. Thực sự thì tôi cũng không chắc lắm vì lúc đó tôi đang say. Erin đi xuống nước, tôi ở trên bờ cùng phích martini của mình.” Khóe mắt trái của y giật lên.

“Erin chết đuối. Những người phát hiện xác cô ấy nổi lên ở vùng nước cách bờ mười lăm mét cũng phát hiện thấy tôi nằm say khướt trên bãi biển.”

Ngừng một lát, y nói tiếp bằng giọng căng thẳng, “Tôi nghĩ cô ấy bị chuột rút hoặc là... tôi không biết nữa... nhưng tôi nghĩ... chắc cô ấy có kêu cứu với tôi...” Y ngừng bật, nhắm mắt lần nữa, rồi xoa bóp chỗ giật ở mắt. Khi mở mắt ra, y nhìn quanh như đang thu vào tầm mắt khung cảnh xung quanh mới gặp lần đầu.

“Nơi anh ở thật là đáng yêu,” y nói kèm một nụ cười buồn bã.

“Anh nói cái chết của vợ anh có một tác động mạnh mẽ tới anh ư?”

“Ồ, phải, một tác động mạnh mẽ.”

“Ngay lúc đó hay một thời gian sau?”

“Ngay lúc đó. Nghe sáo rỗng thật nhưng tôi đã trải qua giây phút ‘nhìn thấu mọi chuyện’. Nó đón đau hơn, làm tôi ngộ ra nhiều điều hơn bất kỳ trải nghiệm nào trước và sau sự kiện đó. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy một cách sống động con đường tôi đang đi và thấy được nó đã hủy hoại tôi kinh khủng đến nhường nào. Tôi không muốn ví mình như Paul bị té ngựa trên đường tới Damascus, nhưng sự thật là, từ khoảnh khắc đó trở đi tôi không còn muốn tiến thêm bước nào trên con đường đó nữa.” Y nói những lời này bằng một niềm tin vang dội.

Y có thể dạy một lớp kinh doanh có tên ‘Niềm tin vang dội’ đây, Gurney trầm ngâm.

“Tôi đăng ký vào một cơ sở cai rượu vì cảm thấy đây là chuyện cần làm. Sau cai nghiện tôi đi trị liệu. Tôi muốn chắc chắn rằng mình đã tìm ra chân lý chứ không phải bị mất trí. Chuyên gia trị liệu động viên tôi rất nhiều. Cuối cùng tôi trở lại trường và lấy hai bằng thạc sĩ, một bằng tâm lý học và một bằng tư vấn tâm lý. Có người bạn cùng lớp làm mục sư nhà thờ Nhất Thế mời tôi đến thuyết giảng về việc tôi ‘cải đạo’ – đó là chữ anh ta dùng, không phải của tôi. Buổi thuyết giảng thành công. Từ đó phát sinh ra một loạt các bài giảng khác mà tôi giảng ở chục các nhà thờ Nhất Thế khác, và những bài giảng này hợp thành cuốn sách đầu tay của tôi. Cuốn sách trở thành cơ sở cho một chương trình gồm ba phần phát trên kênh PBS. Sau đó chương trình này được phân phối dưới dạng video nhiều tập.

“Nhiều chuyện tương tự đã xảy ra – một dòng sự kiện trùng hợp mang tôi từ chuyện tốt lành này sang chuyện tốt lành khác. Tôi được mời thuyết giảng trong một loạt các hội thảo riêng dành cho một nhóm người phi thường – phi thường cả về mặt tiền của nữa. Từ đó dẫn đến việc thành lập *Viện Đối mới Tâm linh Mellery*. Những ai đi đến đó đều thích những gì tôi làm. Tôi biết nói thế nghe có vẻ tự cao tự đại, nhưng sự thật là như vậy. Tôi có nhiều khách trở lại viện năm này sang năm khác chỉ để nghe lại những bài thuyết giảng mới người cũ ta, để thực hành các bài tập tâm linh cũ mèm. Tôi ngại phải nói ra điều này, vì nghe có vẻ kiêu căng quá, nhưng nhờ cái chết của Erin mà tôi đã tái sinh vào một cuộc sống mới rất tuyệt vời.”

Mắt y di chuyển không yên, khiến người khác có cảm tưởng y đang tập trung vào một cảnh tượng thầm kín nào đó. Madeleine ra ngoài nhà, lấy đi hai chiếc ly đã cạn, rồi hỏi hai người có muốn uống thêm không nhưng không ai muốn. Mellery lại khen ngợi căn nhà của hai vợ chồng mới đáng yêu làm sao.

“Khi này anh nói anh muốn thành thật hơn với tôi về những mối lo của mình mà,” Gurney nhắc.

“Phải. Nó có liên quan đến những năm tháng bê tha rượu chè của tôi. Tôi từng là một tên bợm rượu thường xuyên uống đến bất tỉnh. Nhiều lần tôi say đến mất *trí nhớ* nghiêm trọng – có lúc kéo dài một hai giờ đồng hồ, có lúc lâu hơn. Trong những năm cuối, mỗi lần uống là mỗi lần tôi say đến mất trí nhớ. Biết bao nhiêu thời gian, bao nhiêu chuyện tôi đã làm mà chẳng nhớ được gì. Khi say, tôi chẳng kén chọn mình đi chung với ai hay làm gì. Thẳng thắn mà nói, những chỗ đề cập đến rượu trong mấy lá thư độc địa tôi đưa anh xem là lý do tại sao tôi lại thấy bất an đến thế. Tâm trạng của tôi vài ngày gần đây luôn chuyển qua chuyển lại giữa bất an và hãi hùng.”

Mặc dù hoài nghi nhưng Gurney vẫn bị cuốn hút vào thứ gì đó xác thực trong giọng của Mellery. “Anh kể tiếp đi,” anh nói.

Suốt nửa giờ sau, rõ ràng không còn bao nhiêu thứ để Mellery có thể kể hay sẵn lòng kể. Tuy nhiên, y lại trở lại vấn đề đã ám ảnh y.

“Nhân danh Chúa, làm sao hãn lại biết được con số tôi sẽ nghĩ là gì cơ chứ? Tôi đã rà soát tâm trí mình xem có người nào tôi quen, nơi nào tôi đến, địa chỉ, mã bưu điện, số điện thoại, ngày tháng, sinh nhật, biển số xe, giá cả nữa – bất cứ thứ gì có số – mà chẳng có thứ gì làm tôi liên tưởng được tới con số 658 cả. Tôi muốn điên lên đây!”

“Có lẽ sẽ hay hơn nếu ta tập trung vào những câu hỏi đơn giản hơn. Chẳng hạn như...”

Nhưng Mellery không nghe anh nói. “Tôi không có cảm giác con số 658 có ý nghĩa gì cả. Nhưng nhất định nó phải có ý nghĩa gì đó. Ý nghĩa đó là gì cũng được, quan trọng là có người biết. Ai đó biết con số 658 có ý nghĩa đối

với tôi nên tôi mới nghĩ đến nó đầu tiên. Tôi không tài nào lý giải được. Đúng là ác mộng!”

Gurney ngồi im lặng chờ cơn hoảng loạn của Mellery lắng xuống.

“Có nói đến chuyện rượu chè trong thư nghĩa là người đó có biết tôi vào cái thời bê tha ấy. Nếu hẳn có ác cảm gì với tôi – mà nghe có vẻ là vậy thật – thì hẳn đã nung nấu nó một thời gian dài rồi. Có thể là một người đã mất dấu tôi, không biết tôi ở đâu rồi thấy một trong hai cuốn sách của tôi, thấy ảnh tôi, đọc thông tin gì đó về tôi, rồi quyết định... quyết định làm gì cơ? Tôi cũng chẳng biết những bức thư này nói gì nữa.”

Gurney vẫn không nói gì.

“Anh có biết được cảm giác đã trải một trăm đêm, thậm chí là hai trăm đêm trong đời mà không nhớ ra được đêm nào không?” Mellery lắc đầu kinh ngạc trước sự bạt mạng của chính mình. “Thứ duy nhất tôi biết chắc về những đêm đó là tôi đã say xỉn và điên dại đến nỗi chuyện gì cũng làm. Dính tới rượu chè là như vậy đó – khi anh uống nhiều như tôi, rượu sẽ tước lấy tất cả nỗi sợ về hậu quả. Nhận thức của anh méo mó, khả năng tự chủ biến mất, trí nhớ tắt lịm, và anh sống bằng sự bốc đồng – bằng bản năng không bị ràng buộc.” Y bỗng im bật, lắc đầu.

“Anh nghĩ có thể mình đã làm gì trong những lúc say xỉn đến mất trí nhớ như vậy?”

Mellery nhìn anh chăm chăm. “Thứ gì cũng làm! Chúa ơi, vấn đề là ở chỗ đó – *thứ gì cũng làm cả.*”

Gurney nghĩ, trông y như một người vừa phát hiện ra thiên đường nhiệt đới trong mơ mà mình đã bỏ từng cúc bạc ra đầu tư đang tràn ngập lũ bọ cạp phá hoại.

“Anh muốn tôi làm gì cho anh nào?”

“Tôi không biết nữa. Có lẽ tôi hy vọng được nghe một lời suy luận kiểu Sherlock Holmes, hy vọng thấy bí ẩn được giải đáp, hy vọng kẻ viết thư được nhận dạng và mất khả năng gây hại.”

“Anh biết rõ tình huống này hơn tôi nên phán đoán sẽ chính xác hơn chứ.”

Mellery lắc đầu. Rồi một niềm hy vọng mong manh làm mắt y mở rộng ra. “Liệu đây có phải là trò chơi khăm không?”

“Nếu phải thì trò này độc địa hơn đa số những trò khác,” Gurney đáp. “Anh còn nghĩ được gì khác nữa?”

“Tổng tiền chẳng? Kẻ viết thư biết bí mật gì đó khủng khiếp, một thứ tôi không nhớ được chẳng? Còn món tiền 289,87 đô chỉ là yêu sách ban đầu thôi?”

Gurney gật đầu một cách vô thường vô phạt. “Còn khả năng nào khác không?”

“Trả thù chẳng? Trả thù chuyện gì đó khủng khiếp tôi đã làm, nhưng bọn chúng không muốn tiền, bọn chúng muốn...” Giọng y lịm dần một cách thảm hại.

“Và anh không nhớ được chuyện cụ thể nào đã từng làm có thể lý giải cho những trò này ư?”

“Đúng vậy. Tôi nói với anh rồi. Tôi chẳng nhớ được thứ gì.”

“Được rồi, tôi tin anh. Nhưng theo tình hình này, có lẽ ta nên xem xét một vài câu hỏi đơn giản. Tôi hỏi câu nào thì anh ghi lại câu ấy nhé, xong đem những câu này về nhà, bỏ ra 24 tiếng nghiền ngẫm xem anh nghĩ ra được gì nào.”

Mellery mở chiếc cặp trang nhã rút ra một cuốn tập nhỏ bằng da và một cây bút hiệu Montblanc.

“Tôi muốn anh lập ra một vài danh sách riêng lẻ, bằng hết sức của mình, được chứ? Danh sách thứ nhất: các đối thủ tiềm năng trên thương trường – những người đã từng bất đồng sâu sắc với anh về tiền bạc, hợp đồng, giao kèo, chức vụ, danh tiếng. Danh sách thứ hai: những xung đột cá nhân chưa giải quyết – bạn cũ, người yêu cũ, những mối tình kết thúc không ra gì. Danh sách thứ ba: những cá nhân có ý dọa dẫm trực tiếp – những người đã từng tố cáo anh hay dọa nạt anh. Danh sách thứ tư: những cá nhân bất ổn

định – những người bị mất thăng bằng hay bị bất ổn về mặt nào đó. Danh sách thứ năm: những người anh từng quen lúc trước mà gần đây mới gặp lại, bất luận những cuộc gặp đó tưởng như tình cờ hay vô hại đến đâu đi nữa. Danh sách thứ sáu: bất kỳ mối quan hệ nào của anh với ai sống ở Wycherly hoặc quanh vùng này – vì đây là nơi có hộp thư bưu điện của kẻ tên X. Arybdis này, và là nơi được đóng dấu trên tất cả các phong bì anh nhận được.”

Vừa đọc câu hỏi, anh vừa quan sát thấy Mellery lắc đầu liên tục như muốn khẳng định rằng không thể nhớ lại bất kỳ cái tên nào có liên quan.

“Tôi biết làm như vậy cũng khó,” Gurney nói bằng giọng cương quyết của một bậc phụ huynh, “nhưng cần phải làm vậy. Trong khi đó hãy để lại những lá thư này ở chỗ tôi. Tôi sẽ xem kỹ hơn. Nhưng nhớ là tôi không làm trong ngành thám tử tư nên có thể chẳng giúp anh được bao nhiêu đâu.”

Mellery vô vọng nhìn hai bàn tay. “Ngoài việc lập ra mớ danh sách này, tôi phải làm gì khác nữa?”

“Hỏi hay lắm. Anh nghĩ được thứ gì không?”

“Ờ... có lẽ nếu anh chỉ dẫn một chút thì tôi có thể lần ra dấu vết của người tên Arybdis ở Wycherly, bang Connecticut, cố tìm ra chút thông tin về hắn.”

“Nếu ý anh là ‘lần ra dấu vết’ qua địa chỉ nhà hắn thay vì số hộp thư, thì bưu điện sẽ không cho anh địa chỉ đó đâu. Nếu muốn vậy anh phải lôi cảnh sát vào cuộc, nhưng anh lại không muốn như vậy mà. Anh có thể kiểm tra Những Trang Trắng trên Internet nhưng anh cũng chẳng đi đến đâu với một cái tên hư cấu – mà có khả năng đó, vì hắn nói trong thư là cái tên này không phải cái tên mà anh biết.” Gurney ngừng một chập. “Nhưng cái vụ gửi séc ấy thật kỳ lạ, anh có thấy vậy không?”

“Ý anh là số tiền ghi trên đó ư?”

“Ý tôi là, lạ ở chỗ séc chưa được đổi ra tiền. Tại sao lại quan trọng hóa tấm séc với những yêu cầu như – số tiền cụ thể này, phải gửi cho ai này, phải gửi đến đâu này – rồi sau đó lại không đổi séc ra tiền chứ?”

“Ồ, giả dụ Arybdis là tên giả, và hẳn không có chứng minh thư mang tên đó...”

“Vậy tại sao lại đưa ra lựa chọn gửi séc kia chứ? Tại sao không đòi tiền mặt?”

Mắt Mellery lướt qua mặt đất như thể các khả năng xảy ra là những quả địa lô. “Có lẽ thứ hẳn cần là thứ gì đó có chữ ký của tôi trên đó.”

“Tôi cũng đã nghĩ như vậy,” Gurney nói, “nhưng có hai vấn đề. Thứ nhất, nhớ rằng hẳn cũng sẵn sàng nhận tiền mặt. Thứ hai, nếu mục đích thực sự là lấy được tấm séc có chữ ký thì tại sao lại không đòi hỏi số tiền nhỏ hơn chứ – hai mươi hoặc thậm chí là năm mươi đô-la chẳng hạn? Làm như vậy chẳng phải sẽ tăng xác suất nhận được hồi đáp sao?”

“Có lẽ Arybdis không khôn lanh như vậy.”

“Tôi không nghĩ vấn đề nằm ở đó.”

Trông Mellery lúc này như thể sự kiệt quệ và lo âu đang so tài ngang ngửa nhau trong từng tế bào của cơ thể. “Anh có nghĩ tôi đang đứng trước nguy hiểm thật sự không?”

Gurney nhún vai. “Đa số thư nặc danh nào cũng như nhau. Có thể nói chính cái nội dung ghê sợ trong đó đã là vũ khí tấn công rồi. Tuy nhiên...”

“Tuy nhiên mấy lá này lại khác ư?”

“Mấy lá này có thể khác.”

Mellery trở mắt ra. “Tôi hiểu rồi. Anh sẽ xem lại những lá thư này chứ?”

“Phải. Còn anh sẽ bắt đầu lập những danh sách đó chứ?”

“Chẳng có ích lợi gì hết, nhưng được thôi, tôi sẽ thử.”

6

Vì Máu Đỏ Không Phai Như Ai Tô Điểm Một Bông Hoa Hồng

Không được mời ở lại dùng cơm trưa, Mellery miễn cưỡng ra về trong chiếc xe hiệu Austin-Healey màu xanh lơ được phục chế tỉ mỉ – một chiếc xe thể thao mui trần kinh điển vào một ngày hoàn hảo để lái xe mà chủ của nó dường như lại quên lãng một cách thảm hại.

Gurney trở lại chiếc ghế gỗ ngoài vườn và ngồi đó một chập lâu, gần một giờ đồng hồ, hy vọng mớ dữ kiện rối rắm này sẽ bắt đầu tự sắp xếp theo một trình tự nào đó, theo một chuỗi sự kiện hợp lý nào đó. Tuy nhiên, điều duy nhất mà anh nhận ra là mình đang đói. Anh đứng dậy, đi vào nhà, làm một miếng sandwich phô mai havarti kèm ớt nướng và ăn một mình. Madeleine hình như đã đi đâu mất, và anh tự hỏi liệu mình có quên kế hoạch nào mà cô đã nói với anh không. Sau đó, khi đang tráng lại đĩa sandwich và nhìn thẩn thờ ra ngoài cửa sổ, anh thấy cô đang thơ thẩn dọc cánh đồng từ vườn cây ăn trái, trong tay là cái bao bố đựng đầy táo. Cô có cái vẻ trầm lặng rục rờ mà theo cô là kết quả tất yếu mỗi khi mình ra ngoài trời.

Cô vào bếp, đặt táo xuống cạnh chậu rửa rồi bật ra tiếng thở dài sung sướng. “Ôi trời, một ngày thật tuyệt!” cô thốt lên. “Vào một ngày như hôm nay mà anh ở trong nhà lâu hơn mức cần thiết một phút thôi cũng là tội đấy!”

Không phải anh không đồng ý với cô, ít nhất thì cũng không phải về mặt thẩm mỹ, nhưng có một điều thực tế về bản thân vẫn luôn gây trở ngại cho anh: chính là cái thiên hướng luôn đẩy anh vào thế giới nội tâm bằng nhiều cách khác nhau, với kết quả là, khi để mặc anh một mình, anh dành nhiều

thời gian cho việc cân nhắc hành động hơn là thực sự hành động, dành nhiều thời gian trong đầu hơn thế giới bên ngoài. Điều này bấy lâu chưa bao giờ là vấn đề trong nghề nghiệp của anh; thật ra, đó dường như lại là tư chất khiến anh trở nên ưu tú trong công việc của mình.

Dù sao thì anh cũng chẳng buồn ra ngoài ngay lúc này, chẳng muốn nói đến, chẳng muốn tranh cãi, cũng chẳng cảm thấy khó xử gì cả. Anh nêu ra một đề tài nhằm đánh lạc hướng.

“Em có ấn tượng như thế nào về Mark Mellery?”

Cô đáp mà không ngược lên nhìn hay ngừng lại để xem xét câu hỏi, mắt vẫn không rời mở trái cây đang chuyển từ các bao bố lên mặt bếp.

“Rất tự cao và đầy sợ hãi. Một người tự đại mắc chứng phức cảm tự ti. Sợ ông ba bị đến bắt. Muốn chú Dave nhà ta đến bảo vệ. À, em không có ý nghe lén đâu. Giọng nói của anh ta vang vọng lắm. Anh ta chắc hẳn rất giỏi nói chuyện trước công chúng.” Cô khiến khả năng này nghe như một con dao hai lưỡi vậy.

“Em nghĩ sao về trò đoán số ấy?”

“À,” cô nói bằng một điệu bộ khoa trương. “Vụ án kẻ theo dõi đọc được suy nghĩ.”

Anh kìm lại sự cáu kỉnh. “Em có biết làm sao hẳn lại đoán được không – làm sao mà kẻ viết thư lại biết Mellery sẽ chọn con số nào?”

“Không biết.”

“Trông em chẳng có vẻ gì là bận tâm cả.”

“Nhưng anh có mà.” Một lần nữa, cô nói mà mắt vẫn để vào mấy quả táo của mình. Cái cười mĩa mai khó nhận ra ấy, những ngày gần đây càng lúc càng hiện rõ, nở trên khóe miệng cô.

“Em phải nhìn nhận đây là một câu đố hóc búa,” anh khẳng khẳng.

“Chắc vậy.”

Anh lặp lại những dữ kiện then chốt bằng sự khó chịu của một người đàn ông không hiểu sao chẳng ai hiểu mình. “Một người đưa cho em một phong

bì dán kín rồi bảo em hình dung một con số trong đầu. Em hình dung ra con số 658. Hẳn bảo em xem trong chiếc phong bì. Em xem trong chiếc phong bì đó. Bức thư bên trong ghi 658.”

Rõ ràng Madeleine chẳng bị ấn tượng như anh nghĩ. Anh nói tiếp, “Đúng là một kỳ công xuất sắc. Nhìn bề ngoài sẽ thấy không tài nào làm được, nhưng thực tế thì lại được. Anh muốn tìm hiểu bằng cách nào mà làm được vậy.”

“Và em chắc chắn anh sẽ nghĩ ra được,” cô nói kèm một tiếng thở dài nhẹ.

Qua cánh cửa kiểu Pháp, anh lướt mắt thấy đám ớt và cà chua héo rũ do đợt sương lạnh đầu mùa. (Khi nào thế? Anh không nhớ. Hình như anh không thể tập trung vào yếu tố thời gian.) Qua khỏi khu vườn, qua khỏi đồng cỏ, ánh mắt anh dừng lại trên kho thóc màu đỏ. Cây táo McIntosh già nua chỉ thoáng hiện sau góc kho, quả của nó trông như những chấm nhỏ qua đám lá, hệt như những giọt sơn của một nhà hội họa thuộc trường phái ấn tượng. Bỗng một cảm giác day dứt xâm nhập vào hoạt cảnh trước mắt anh, mách bảo anh lẽ ra anh phải làm cái gì đó ngay lúc này. Cái gì cơ chứ? Phải rồi. Lời hứa đã một tuần chưa thực hiện. Anh phải lấy cái thang xếp từ kho ra để hái những quả trên cao mà Madeleine không thể tự mình vươn tới. Một việc con con. Một việc quá dễ đối với anh. Một dự án mất nửa giờ đồng hồ là cùng.

Khi anh bật dậy khỏi ghế trong tâm trạng phấn chấn vì sắp làm được việc tốt thì điện thoại đổ chuông. Madeleine nhắc máy, có lẽ là vì đang đứng cạnh bàn đặt điện thoại, nhưng đó lại không phải là lý do thật sự. Madeleine thường trả lời điện thoại, bất luận ai gần điện thoại hơn. Lý do này liên quan đến mức độ mong muốn giao thiệp khác nhau của hai người hơn là tính hiệu quả của việc ai nhắc máy trước. Với cô, yếu tố con người nhìn chung luôn là một điểm cộng, là nguồn động lực thúc đẩy ta một cách tích cực (trừ những ngoại lệ như cô nàng Sonya Reynolds chuyên lợi dụng người khác). Với Gurney, yếu tố con người là một điểm trừ, là thứ làm cạn kiệt năng lượng

của anh (trừ những ngoại lệ như cô nàng Sonya Reynolds luôn khích lệ người khác).

“A lô?” Madeleine nói bằng cái phong cách dịu dàng đầy vẻ mong mỏi mà cô vẫn thường dùng khi chào hỏi những ai gọi đến – tràn đầy hứa hẹn sẽ quan tâm đến bất kỳ điều gì họ nói. Một chập sau, giọng cô hạ xuống, chuyển sang một quãng âm kém hào hứng hơn.

“Vâng, có ạ. Anh chờ chút nhé.” Cô vẫy ống nghe về phía Gurney, đặt nó trên bàn rồi ra khỏi phòng.

Mark Mellery gọi, mức độ kích động đã gia tăng.

“Davey, cảm ơn Chúa anh có nhà. Tôi vừa về nhà đây. Tôi vừa nhận được một lá thư khốn kiếp nữa.”

“Trong mớ thư hôm nay ư?”

Câu trả lời là “Ừ,” đúng như Gurney đã nghĩ. Nhưng câu hỏi của anh có mục đích. Suốt nhiều năm tra hỏi vô số những người bị bắn loạn – ở hiện trường vụ án, trong phòng cấp cứu, trong đủ loại tình huống hỗn loạn – anh đã khám phá ra cách dễ dàng nhất để bình tâm họ lại chính là trước tiên hỏi những câu hỏi đơn giản mà họ có thể trả lời “ừ.”

“Chữ viết giống như cũ hả?”

“Ừ.”

“Và cùng màu mực đỏ?”

“Ừ, tất cả đều giống trừ nội dung. Để tôi đọc cho anh nghe nhé.”

“Anh đọc đi,” anh nói. “Đọc chậm rãi, xuống dòng ở đâu thì cho tôi biết.”

Những câu hỏi rõ ràng, những chỉ dẫn rõ ràng, và giọng nói điềm tĩnh của Gurney đã phát huy tác dụng mong muốn. Mellery nghe có vẻ càng lúc càng bình tâm khi y đọc lớn đoạn thơ kỳ dị làm y lo lắng không yên – với những khoảng lặng ngắn để biểu thị chỗ ngắt dòng.

Ta làm những việc đã làm,

Vì vui không phải, vì tiền cũng không,

Mà vì nợ phải trả xong,

Vì những bù đắp chẳng mong kéo dài.

Vì màu máu đỏ không phai

Như ai tô điểm một bông hoa hồng.

Để ai cũng phải nắm lòng

Gieo gì gặt nấy, đừng hòng cậy ai.

Sau khi ghi lại đoạn thơ xuống tập giấy cạnh điện thoại, Gurney đọc lại cẩn thận, cố gắng cảm nhận tác giả của nó – một tay lập dị lẫn quất đầu đó tại giao điểm giữa ý đồ báo thù và thôi thúc thể hiện ý đồ đó bằng thơ.

Mellery phá vỡ sự im lặng. “Anh đang nghĩ gì vậy?”

“Tôi đang nghĩ có lẽ đến lúc anh nên đi báo cảnh sát rồi.”

“Tôi không muốn làm vậy.” Sự kích động đang trở lại. “Tôi đã giải thích cho anh hiểu rồi mà.”

“Tôi biết. Nhưng nếu anh muốn lời khuyên chân thành của tôi thì nên làm vậy,”

“Tôi hiểu ý anh chứ. Nhưng tôi muốn nhờ anh giúp cách khác cơ.”

“Cách tốt nhất, nếu anh đủ khả năng tài chính, là thuê vệ sĩ bảo vệ anh 24/24.”

“Ý anh là đi quanh khắp trang viên giữa hai con khi đột ư? Tôi phải giải thích khi gió gì với khách đây?”

“Anh nói ‘khi đột’ là hơi quá đấy.”

“Này, vấn đề là, tôi không nói dối khách của tôi. Nếu có người hỏi những người mới này là ai, tôi đành phải thú nhận họ là vệ sĩ thôi chứ biết làm sao, như vậy nhất định sẽ phát sinh thêm nhiều câu hỏi nữa. Chuyện này sẽ gây hoang mang – rất có hại cho bầu không khí mà tôi luôn gắng sức tạo ra ở đây. Anh còn kế hoạch hành động nào khác có thể đề nghị không?”

“Cũng còn tùy. Vậy anh muốn hành động mà tôi đề nghị sẽ đạt được kết quả gì nào?”

Mellery đáp lại bằng một cái cười hời hợt ử rử. “Có lẽ anh có thể tìm ra người đang theo dõi tôi và tìm hiểu xem hẳn muốn làm gì tôi, và ngăn chặn

không cho hắn làm vậy. Anh nghĩ mình làm được không?”

Gurney định nói ‘Tôi không chắc có làm được hay không’ thì Mellery bỗng nói tiếp một cách mạnh mẽ. “Davey à, tôi thật sự sợ muốn vỡ đấy. Tôi chẳng biết cái quái gì đang xảy ra nữa. Anh là anh chàng thông minh nhất mà tôi từng gặp. Và anh là người duy nhất tôi tin sẽ không làm tình hình tồi tệ hơn.”

Đúng lúc đó Madeleine đi ngang qua bếp, tay cầm chiếc túi đan. Cô cầm chiếc mũ rơm làm vườn nằm trên tủ đựng chén lên, cùng với tờ báo *Mother Earth News* số mới nhất rồi đi qua cánh cửa kiểu Pháp, miệng nở một nụ cười thoáng qua dường như được khơi mở bởi bầu trời rục rờ ngoài kia.

“Tôi giúp anh được bao nhiêu còn tùy vào chuyện anh giúp tôi được bao nhiêu,” Gurney nói.

“Anh muốn tôi làm gì?”

“Tôi nói với anh rồi mà.”

“Hả? Ờ... mấy cái danh sách..”

“Khi anh có tiến triển thì gọi lại cho tôi. Từ đó, chúng ta sẽ xem cần làm gì tiếp theo.”

“Dave à?”

“Gì cơ?”

“Cảm ơn anh.”

“Tôi đã làm được gì đâu.”

“Anh đã cho tôi hy vọng. Ờ, còn nữa, tôi mở cái phong bì ngày hôm nay ra rất cẩn thận đấy. Như người ta làm trên ti vi ấy. Thành thử dấu vân tay nếu có cũng sẽ không bị xóa mất. Tôi dùng nhíp và găng tay cao su. Tôi bỏ thư vào túi ni lông.”

Lỗ Đen

Gurney không thoải mái lắm khi chấp nhận dính líu vào vấn đề của Mark Mellery. Rõ một điều rằng anh bị cuốn hút bởi tính bí ẩn của nó, bởi thách thức phải tháo gỡ nó. Vậy thì tại sao anh lại cảm thấy bứt rứt?

Anh chợt nhớ mình phải đến kho thóc lấy thang hái táo như đã hứa, nhưng ý định đó bị thay thế bởi ý nghĩ rằng anh nên khởi động dự án hội họa tiếp theo cho Sonya Reynolds – ít nhất cũng phải nhập ảnh nhân diện của tên Peter Piggert khét tiếng vào chương trình sửa ảnh trong máy. Anh luôn mong chờ cái thử thách nắm bắt được thế giới nội tâm của gã huynh trưởng hướng đạo ấy, kẻ không những giết cha và giết cả mẹ mười lăm năm sau đó mà còn ra tay vì những động cơ tình dục kinh khủng hơn chính tội ác đó.

Gurney vào căn phòng mà mình đã sắp đặt để phục vụ thú vui ‘Nghệ thuật Cảnh sát’ của mình. Kho thóc trước đây từng là chỗ để thức ăn trong nông trại giờ đây được trang hoàng thành phòng làm việc. Trần ngập khắp phòng là ánh sáng mát rượi, không đổ bóng từ một cửa sổ dài trên bức tường phía Bắc. Anh chăm chú nhìn khung cảnh đồng quê bên ngoài. Một khoảng trống trong bụi thích phía xa bãi cỏ tạo nên một khung tranh cho những ngọn đồi xanh xanh lùi xa dần vào khoảng không xa thẳm. Khung cảnh gợi cho anh nhớ đến những quả táo, rồi anh quay trở lại bếp.

Khi anh đang đứng rồi bời trong do dự thì Madeleine đã đan xong và vào nhà.

“Vậy bước tiếp theo cho chuyện của Mellery là gì nào?” cô hỏi.

“Anh chưa quyết định.”

“Sao lại chưa?”

“Chắc... đây không phải là chuyện mà em muốn anh bị cuốn vào mà, đúng chưa?”

“Đó không phải là vấn đề,” cô nói bằng một sự sáng suốt luôn làm anh ấn tượng.

“Em nói đúng,” anh thú nhận, “Anh nghĩ vấn đề thật sự chính là anh chưa xác định được đâu vào đâu hết.”

Cô thoáng nở một nụ cười thông cảm.

Được khích lệ, anh nói tiếp, “Anh không còn là cảnh sát điều tra án mạng nữa, còn hãn thì không phải là nạn nhân của vụ án mạng nào. Anh cũng không chắc anh là gì còn hãn là gì nữa.”

“Bạn cũ thời đại học chẳng?”

“Nhưng vậy là khi gió gì chứ? Hãn nhớ lại thứ tình đồng chí giữa anh và hãn ở một mức độ mà anh chưa bao giờ cảm nhận được. Và lại, hãn không cần bạn bè gì cả, hãn cần vệ sĩ cơ.”

“Anh ta muốn chú Dave cơ.”

“Anh không phải chú Dave gì cả.”

“Anh chắc chứ?”

Anh thở dài. “Em muốn anh dính líu đến vụ Mellery này hay không?”

“Anh đã dính líu rồi còn gì. Có thể anh chưa lần ra manh mối cụ thể nào. Anh không phải là cảnh sát chính thức, còn anh ta cũng không phải là nạn nhân chính thức. Nhưng có một câu đố ở đây, và thề có Chúa, sớm muộn anh cũng sẽ ráp nối được các mảnh ghép bí ẩn vào với nhau thôi. Kết cục lúc nào cũng sẽ như vậy mà phải không?”

“Em trách anh đấy à? Em có chồng làm thám tử. Anh có khi nào vờ vịt mình không phải thám tử đâu.”

“Em tưởng thám tử khác với thám tử đã nghỉ hưu chứ.”

“Anh nghỉ hưu hơn một năm nay rồi. Anh có làm cái gì giống việc của thám tử không?”

Cô lắc đầu như muốn nói câu trả lời hiển nhiên một cách phũ phàng. “Anh có đầu tư thời gian vào việc gì mà không giống như việc của thám tử không?”

“Anh không hiểu em muốn nói gì.”

“Ai cũng vẽ chân dung mấy kẻ sát nhân cả sao?”

“Đó là một đề tài anh biết ít nhiều mà. Em muốn anh vẽ tranh hoa cúc ư?”

“Vẽ hoa cúc còn tốt hơn là vẽ mấy tên giết người mất trí.”

“Chính em là người lôi anh vào cái thứ nghệ thuật này đấy.”

“À, em hiểu rồi. Vì em mà anh bỏ ra bao nhiêu thời gian vào những sáng mùa thu đẹp để chăm chăm vào mắt của mấy tên giết người hàng loạt ư?”

Chiếc trâm cài đang giữ gọn phần lớn chỗ tóc vương vãi trước mặt cô dường như đang mất đi độ bám, và nhiều sợi đen vương xuống trước mắt cô mà cô dường như không để ý, tạo cho cô một vẻ kiệt quệ hiếm thấy làm anh chạnh lòng.

Anh hít thở một hơi sâu. “Chính xác thì ta đang cãi nhau về chuyện gì thế này?”

“Anh tìm hiểu đi chứ. Anh là thám tử cơ mà.”

Đứng nhìn cô, anh mất đi hứng thú tranh cãi. “Anh muốn cho em xem cái này,” anh nói. “Anh trở lại ngay.”

Anh rời phòng, một phút sau trở lại cùng với bản chép tay bài thơ ngắn ác ý mà Mellery đã đọc cho anh qua điện thoại.

“Em hiểu bài thơ này như thế nào?”

Cô đọc bài thơ nhanh đến nỗi ai không biết cô hẳn sẽ nghĩ cô chưa đọc gì cả. “Nghe có vẻ nghiêm trọng đấy,” cô vừa nói vừa đưa trả anh tờ giấy.

“Anh đồng ý.”

“Anh nghĩ anh ta đã làm gì?”

“À, câu hỏi hay đấy. Em có để ý cái chữ ấy à?”

Cô đọc to lại cặp câu mà anh nói: “‘Ta làm những việc đã làm - vì vui không phải, vì tiền cũng không.’”

Nếu Madeleine không có một khả năng nhớ như in thì chắc cũng phải có thứ gì tương tự như vậy, Gurney nghĩ.

“Vậy chính xác thì anh ta đã làm gì, và định sẽ làm gì?” cô nói tiếp bằng ngữ điệu tu từ không cần câu trả lời. “Em chắc chắn anh sẽ tìm ra được. Theo giọng điệu thư thì cuối cùng anh sẽ có cả một vụ án mạng để giải quyết cũng nên. Rồi anh có thể thu thập chứng cứ, lần theo manh mối, tóm cổ tên giết người, vẽ chân dung hãn, rồi đưa cho Sonya trưng bày trong phòng tranh cô ta. Có câu tục ngữ gì đấy nói về quả chanh chua loét biến thành ly nước chanh dịu ngọt ấy?”

Nụ cười của cô trông nguy hiểm thực sự.

Vào những lúc như thế này, câu hỏi đập vào tâm trí anh là điều mà anh chẳng bao giờ muốn cứu xét. *Liệu việc dọn đến tỉnh Delaware bấy lâu có phải là một sai lầm lớn không?*

Anh ngờ rằng mình đã chiều theo mong muốn sống ở miền quê của cô chỉ để bù đắp cho những thứ rác rưởi mà cô đã phải chịu đựng trong vai trò người vợ của một tay cảnh sát – một vai trò luôn ở vị trí thứ yếu so với công việc của anh. Cô yêu rừng núi, đồng cỏ và không gian thoáng đãng, và anh cảm thấy nợ cô một môi trường mới, một cuộc sống mới – và anh đã giả định mình sẽ có thể thích nghi với mọi thứ. Hơi tự phụ đấy. Hoặc có lẽ là tự dối mình. Có lẽ là một khao khát vứt bỏ cảm giác tội lỗi bằng một cử chỉ hào hiệp chẳng? Ngu ngốc, thật sự ngu ngốc. Sự thật là anh chưa thích nghi tốt với việc chuyển nhà. Anh không linh hoạt như mình đã nghĩ thơ lắm tưởng. Mỗi lần anh cố gắng kiếm tìm một chốn riêng tư có ý nghĩa giữa nơi đồng không mông quạnh này là mỗi lần bản năng kéo anh trở lại với sở trường vốn có của mình – những sở trường có lẽ quá mức cần thiết, đến mức gây ám ảnh trong anh. Cả khi anh gắng sức chiêm ngưỡng thiên nhiên nữa. Lũ chim khốn khiếp chẳng hạn. Ngắm chim. Khó khăn lắm anh mới biến được cái quy trình quan sát và nhận dạng ấy thành một cuộc theo dõi. Ghi chép nơi đến nơi đi, tập quán, kiểu mẫu ăn uống của chúng, những nét đặc thù khi bay. Người khác nhìn vào sẽ nghĩ đây là một tình yêu mới khám phá

dành cho những sinh vật bé nhỏ của Thượng đế. Nhưng sự thật hoàn toàn không phải như vậy. Đó chẳng phải yêu, mà là phân tích. Thăm dò.

Giải mã.

Chúa ơi. Lẽ nào năng lực của anh thực sự hạn chế đến vậy?

Lẽ nào thực sự anh quá hạn chế – quá thiếu cận và cứng nhắc – trong cách tiếp cận với cuộc sống, đến nỗi không thể một lần trả lại cho Madeleine thứ mà cô đã bị sự tận tâm trong công việc của anh tước đoạt? Và khi anh còn suy xét nhiều khả năng đau lòng nữa, thì dường như càng xuất hiện nhiều thứ cần bù đắp hơn cho sự đắm chìm thái quá của mình vào nghề nghiệp. Hay có lẽ chỉ cần bù đắp một chuyện khác thôi.

Chuyện mà hai người cảm thấy rất khó bàn luận.

Cái ngôi sao đã sụp đổ ấy.

Cái lỗ đen mà trọng lực khủng khiếp của nó đã bóp méo mối quan hệ giữa hai người.

8

Tảng Đá Và Hiểm Địa

Thời tiết thu lấp lánh chuyển biến xấu vào trưa hôm ấy. Nếu lúc sáng mây còn là những cuộn bông nhỏ bé hân hoan như thường lệ thì giờ đây chúng đang tối lại. Những tiếng sấm vang rền nghe như đang báo trước một điềm gở, dội trong khoảng không xa thẳm khiến khó ai xác định được chúng đến từ hướng nào. Chúng giống như luôn hiện hữu vô hình trong bầu khí quyển hơn là sản phẩm của một cơn bão cụ thể – một cảm nhận ngày càng rõ khi chúng vẫn cứ ở đó suốt mấy giờ liền, có vẻ như không kéo đến mà cũng chẳng hoàn toàn tan đi.

Chiều hôm ấy Madeleine đi xem hòa nhạc gần nhà với một người bạn mới ở Walnut Crossing. Đây không phải một dịp cô mong Gurney tham dự nên anh cảm thấy không cần phải chống chế cho quyết định ở nhà để tiếp tục dự án nghệ thuật của mình.

Cô đi chẳng bao lâu thì anh ngồi trước màn hình vi tính, mắt dán vào ảnh nhân diện của Peter Thú túi Piggert. Tới thời điểm này anh chỉ mới nhập vào tập tin ảnh và thiết lập một dự án mới có cái tên dễ thương đến mức dở khóc dở cười do anh đặt: *Những kẻ tâm thần Oedipus*.

Theo truyền thuyết Hy Lạp, bản của Sophocles, Oedipus giết một người đàn ông sau này hóa ra là cha mình, và cưới một người phụ nữ sau này hóa ra là mẹ mình và có với bà hai người con gái, gây nên đau khổ tột cùng cho tất cả các bên liên quan. Trong tâm lý học Freud, câu chuyện thần thoại Hy Lạp này là biểu tượng của giai đoạn phát triển trong đời một bé trai khi nó khao khát sự vắng mặt của người cha (muốn người cha biến mất hoặc chết) để có thể chiếm hữu hoàn toàn tình thương của người mẹ. Tuy nhiên, trong trường hợp của Peter Thú túi Piggert, không có yếu tố ngây thơ bất-khả-tri nào có thể biện hộ được, và cũng không ai đặt ra vấn đề về tính hình tượng

trong vụ án. Peter biết rất rõ mình làm gì và làm với ai khi giết cha lúc mười lăm tuổi, nảy sinh mối quan hệ mới với mẹ, rồi sinh ra hai người con gái với bà. Nhưng sự việc không dừng lại ở đó. Mười lăm năm sau, hắn lại giết mẹ mình khi hai người đang tranh cãi về mối quan hệ mới nảy sinh giữa hắn và hai cô con gái mới 13 và 14 tuổi.

Gurney bắt đầu vào cuộc khi một nửa thi thể của bà Iris Piggert được phát hiện vướng vào bánh lái sau đuôi một tàu khách trên sông Hudson đang neo ở một cảng vùng Manhattan, và kết cục là Peter Piggert bị bắt trong một khu đất rào kín trên hoang mạc của tín đồ Mormon ‘truyền thống’ ở bang Utah, nơi hắn đến sống trong vai trò chồng của hai cô con gái.

Dù phạm phải tội ác đẫm máu và nhuộm bi kịch gia đình khủng khiếp đến thế, nhưng Piggert vẫn ung dung, lăm lăm trong mọi phiên tra hỏi và trong suốt các thủ tục hình sự chống lại hắn, vẫn che đậy kỹ càng thứ nhân cách ông Hyde^[3] với dáng vẻ của một thợ máy ô tô bị trầm cảm hơn là một tên đa thê loạn luân giết cha hại mẹ.

Gurney chòng chọc nhìn Piggert trên màn hình, và Piggert nhìn lại. Kể từ buổi đầu thẩm vấn hắn, Gurney đã cảm nhận, và bây giờ càng cảm nhận rõ hơn, tố chất then chốt của tên này là một nhu cầu (đạt đến độ quái gở) phải kiểm soát môi trường xung quanh mình. Mọi người, kể cả gia quyến – thật ra thì đa số gia quyến – đều thuộc về môi trường này, và việc bắt họ làm chuyện hắn muốn là điều thiết yếu. Nếu phải giết ai đó để thiết lập quyền kiểm soát, hắn sẽ giết. Yếu tố tình dục, tuy có vẻ là một động lực rất lớn thúc đẩy hắn, lại có mối liên hệ với quyền lực hơn là ham muốn.

Khi anh quan sát khuôn mặt thần nhiên ấy để tìm ra chút manh mối của quỹ dữ, một guồng gió xoáy chợt cuộn lên đám lá khô. Chúng thổi bằng thứ âm thanh của chiếc chổi lông quét dọc sân hiên, vài chiếc lá đập nhẹ vào những ô cửa kính kiểu Pháp. Sự chuyển động không ngọt của đám lá, cộng với tiếng sấm từng hồi làm anh khó tập trung. Cái ý tưởng lặng yên một mình trong vài giờ làm việc với bức chân dung, thoát khỏi những câu hỏi khó chịu và những cặp mày chau, đã bắt đầu lồi cuồn anh.

Nhưng giờ đây tâm trí anh đang rối bời. Anh nhìn kỹ cặp mắt của Piggert, nặng nề và u tối – không có ánh mắt sùng sộ hoang dại tạo nên sức sống cho cặp mắt của Charlie Manson, hoàng tử tình dục và giết chóc trên những tờ báo lá cải – nhưng một lần nữa, cơn gió và đám lá làm anh phân tâm, rồi đến tiếng sấm. Xa xa dọc những ngọn đồi bên ngoài xuất hiện một tia sáng yếu ớt lóe lên trên bầu trời mờ mịt. Một cặp câu thơ từ một trong những bài thơ dọa dẫm của Mellery vẫn cứ trôi ra dạt vào tâm trí anh. Lúc này nó lại hiện trong tâm trí anh và kẹt lại ở đó.

Ông sẽ trả thứ đã lấy khi ông nhận được thứ đã cho.

Trước hết, đây là một câu đố cực kỳ hóc búa. Ngôn từ rất chung chung; nói nhiều điều nhưng lại chẳng đem lại bao nhiêu ý nghĩa; nhưng anh cũng lại không thể đưa chúng ra khỏi tâm trí.

Anh mở hộp tủ bàn làm việc và lấy ra xấp thư theo thứ tự mà Mellery đã đưa. Anh tắt máy và đẩy bàn phím sang một bên bàn để có thể sắp xếp nội dung các lá thư theo thứ tự – bắt đầu với bức thư đầu tiên.

Ông có tin vào Định Mệnh không? Tôi tin là có, vì tôi đã tưởng sẽ không bao giờ gặp lại ông nữa – rồi một ngày kia, ông xuất hiện. Tất cả ký ức đều hiện về: cách ông nói chuyện, cách Ông đi đứng – và quan trọng nhất vẫn là cách ông suy nghĩ. Nếu có ai bảo ông hãy nghĩ đến một con số, thì tôi sẽ biết con số ông nghĩ là gì. Ông không tin tôi ư? Tôi sẽ chứng minh cho ông thấy, hãy nghĩ đến con số bất kỳ không quá một nghìn nào – con số đầu tiên mà ông tự nhiên nghĩ ra thôi. Hãy hình dung con số đó. Bây giờ hãy xem tôi biết rõ những bí mật của ông đến dường nào nhé. Mở chiếc phong bì nhỏ ra nào.

Dù trước đó đã xem xét chiếc phong bì, nhưng giờ anh lại xem xét nó một lần nữa, trong lần ngoài, kể cả giấy viết thư, để chắc chắn không có bất kỳ một dấu vết mờ nào – kể cả dấu thủy ấn – của con số 658 có thể làm phát sinh trong đầu Mellery suy nghĩ về nó. Không có dấu vết nào như thế. Những giám định cụ thể hơn có thể được tiến hành sau, nhưng hiện tại anh đã rất hài lòng vì biết rằng bất luận điều gì cho phép kẻ viết thư biết Mellery sẽ chọn con số 658 thì nó cũng không được kín đáo giấu trên mặt giấy.

Nội dung bức thông điệp bao gồm một số câu phát biểu mà Gurney liệt kê ra trên một tập giấy màu vàng có đường kẻ:

- Tôi biết ông trước đây nhưng đã mất liên lạc với ông.
- Tôi tình cờ gặp lại ông, gần đây thôi.
- Tôi nhớ lại rất nhiều thứ về ông.
- Tôi có thể chứng minh mình biết những bí mật của ông bằng cách viết ra con số ông sẽ nghĩ và bỏ vào phong bì đi kèm.

Anh bất giác nhận ra giọng điệu bức thư bõn cợt một cách rợn người, và chỗ đề cập đến việc biết ‘những bí mật’ của Mellery có thể hiểu là một lời đe dọa – cảm nhận này càng rõ hơn trước yêu sách buộc Mellery phải gửi tiền trong phong bì nhỏ.

Có phải ông rất sững sốt khi tôi lại biết ông chọn con số 658 không?

Người nào lại hiểu ông rõ đến thế nhỉ? Nếu muốn biết câu trả lời, trước tiên ông phải trả lại tôi số tiền 289,87 đô tôi đã bỏ ra để tìm được ông.

Gửi đúng số tiền này tới

Hộp thư 49449, Wycherly, CT 61010.

Gửi tôi TIỀN MẶT hoặc SÉC CÁ NHÂN.

Trên séc đề tên người nhận là X. Arybdis.

(Đây chưa chắc là tên thật của tôi.)

Ngoài việc đoán được con số không thể lý giải ấy, bức thư còn lặp lại tuyên bố rằng hẳn biết rất rõ Mellery và nêu rõ 289,87 đô là chi phí phát sinh trong việc tìm ra Mellery (mặc dù nửa đầu bức thư viết có vẻ như đây chỉ là cuộc chạm trán tình cờ). Nó còn là điều kiện tiên quyết để kẻ viết thư tiết lộ danh tính; nó đưa ra lựa chọn trả bằng séc hoặc bằng tiền mặt; nó cho biết tên của người nhận séc là ‘X. Arybdis’ giải thích tại sao Mellery sẽ không nhận ra cái tên đó, và cho biết một địa chỉ hộp thư ở Wycherly để gửi tiền đến. Gurney viết vội tất cả những dữ kiện này xuống tập giấy vàng vì cảm thấy làm như vậy anh sẽ sắp xếp suy nghĩ được dễ dàng hơn.

Suy nghĩ của anh tập trung vào bốn câu hỏi. Làm sao có thể giải thích trò đoán số mà không phải đưa ra giả thuyết về khả năng ngoại cảm hay thuật thôi miên nào đó như trong phim ứng cử viên Mãn Châu? Con số cụ thể còn lại trong bức thư là 289,87 đô còn có ý nghĩa nào khác ngoài ‘chi phí tìm ra ông’ không? Tại sao lại có lựa chọn trả séc hoặc tiền mặt? Lựa chọn đó nghe như nhái lại một mẫu quảng cáo tiếp thị trực tiếp vậy. Và cái tên Arybdis ấy là gì mà lúc nào cũng khiến cái góc tối trong ký ức của Gurney phải nhôn nhột không yên? Anh viết xuống những câu hỏi này cùng với những ghi chép khác của mình.

Tiếp đó, anh bày ra ba bài thơ theo trình tự dấu bưu điện được đóng trên phong bì.

*Bao nhiêu thiên sứ rạng ngời
một chân múa nhảy hát lời ngân nga?*

*Bao nhiêu hy vọng cao xa
bị chìm chết bởi một ca rượu nồng?*

*Ông có bao giờ hỏi lòng,
súng và ly rượu chỉ là một thôi,
và rồi tự hỏi một mai*

Chúa ơi, con đã làm sai chuyện gì?

*Ông sẽ trả thứ đã lấy
khi ông nhận được thứ đã cho.*

Tôi biết ông nghĩ sao

Chớp mắt khi nào,

đã ở đâu

sẽ về đâu

Ông và tôi có hẹn đấy,

ông 658 ạ

Ta làm những việc đã làm,

*Vì vui không phải, vì tiền cũng không,
Mà vì nợ phải trả xong,
vì những bù đắp chẳng mong kéo dài.
Vì màu máu đỏ không phai
như ai tô điểm một bông hoa hồng.
Để ai cũng phải nắm lòng
gieo gì gặt nấy, đừng hòng cậy ai.*

Điều đập vào mắt anh trước tiên chính là sự thay đổi thái độ. Giọng điệu bông đùa của hai thông điệp diễn dịch bằng văn xuôi bỗng mang tính chất tố cáo trong bài thơ thứ nhất, mang tính chất đe dọa thái quá trong bài thứ hai, và mang tính chất thù hận trong bài thứ ba. Bỏ qua vấn đề cần nghiêm túc xem xét thông điệp đến mức nào, bản thân thông điệp rất rõ ràng: Người viết (X. Arybdis chẳng?) muốn nói hẳn sẽ trả đũa (giết chẳng?) Mellery vì y đã phạm sai lầm nào đó trong quá khứ có liên quan tới rượu. Khi Gurney viết chữ *giết* vào phần ghi chú, sự chú ý của anh bỗng nhảy trở lại hai câu thơ ban đầu trong bài thơ thứ hai:

*Ông sẽ trả thứ đã lấy
khi ông nhận được thứ đã cho.*

Giờ thì anh đã hiểu chính xác ý nghĩa của những từ ngữ này, và ý nghĩa của nó đơn giản đến mức rùng mình: *ông lấy mạng người, thì sẽ phải trả bằng mạng mình, ông gieo nhân nào thì sẽ phải gặt quả nấy.*

Anh không chắc cảm giác rờn rợn mình đang cảm nhận thuyết phục anh là mình đúng hay vì biết mình đúng nên anh mới có cảm giác rờn rợn ấy, nhưng dù sao thì anh không còn hoài nghi gì nữa. Tuy nhiên, như vậy cũng chưa trả lời được những câu hỏi còn lại của anh. Nó chỉ làm những câu hỏi đó mang tính cấp bách hơn và phát sinh thêm nhiều câu hỏi mới nữa.

Lời dọa giết ấy chỉ đơn thuần là đe dọa để gây ra đau đớn vì sợ hãi – hay đó là một tuyên bố sẽ thực hiện ý định ấy? Kẻ viết thư đề cập đến điều gì khi nói ‘Ta làm những việc đã làm’ trong dòng đầu bài thơ thứ ba? Trước đây, hẳn đã làm gì ai khác điều mà hẳn định làm với Mellery chưa? Có khi nào

Mellery đã làm chuyện gì cùng một người nào đó mà kẻ viết thư đã giải quyết xong? Gurney ghi lại để hỏi Mellery xem có bạn bè hay đối tác nào từng bị giết, tấn công, hay đe dọa không.

Có lẽ do tâm trạng được đem lại bởi những tia sáng đăng xa phía chân đồi đang tối sầm lại, hoặc do sự dai dẳng kỳ quái của tiếng sấm yếu ớt, hoặc do sự kiệt quệ của chính mình, nhưng cái tính cách đăng sau những bức thông điệp ấy đang hiện lên rõ ràng từ bóng đêm. Giọng điệu bàng quan trong những bài thơ ấy, sự kiên tâm khát máu và cú pháp thận trọng, sự thù hận và tính toán – trước đây anh đã thấy những đặc điểm như thế này phối hợp với nhau để gây ra một hiệu ứng kinh khiếp. Nhìn trân trân ra ngoài cửa sổ căn phòng, vây quanh là bầu không khí bất an của cơn bão đang tiến gần, anh cảm nhận được trong những bức thông điệp ấy sự lạnh lùng của một kẻ rối loạn tâm thần. Một kẻ tâm thần tự xưng là X. Arybdis.

Dĩ nhiên, cũng có thể anh sai. Đây không phải lần đầu một tâm trạng nào đó, nhất là tâm trạng vào chiều, nhất là khi anh đang đơn độc, tạo ra trong anh những niềm tin mạnh mẽ dù chẳng dựa vào bất kỳ giả thuyết nào.

Dẫu vậy... cái tên ấy sao thế nhỉ? Nó đang chộn rộn yếu ớt trong ngăn ký ức đầy bụi nào thế?

Đêm đó anh đi ngủ sớm, trước lúc Madeleine đi xem ca nhạc về, cương quyết ngày mai sẽ trả lại Mellery mấy lá thư và bảo y gặp cảnh sát. Rủi ro quá lớn, hiểm nguy quá rõ. Tuy nhiên, nằm trên giường, anh cảm thấy khó lòng kết thúc một ngày như thế. Tâm trí anh là một đường đua không có lối thoát lẫn đích đến. Đó là một trải nghiệm rất quen thuộc – một cái giá phải trả (anh rất cuộc cũng tin như vậy) cho bao chú ý cao độ mà anh đã cống hiến cho nhiều loại thử thách nhất định. Một khi cái tâm trí bị ám ảnh của anh rơi vào lối mòn vòng vo này thay vì chìm vào giấc ngủ, thì sẽ chỉ có hai phương án. Anh có thể để cái quy trình ấy tự kết thúc, có thể mất ba bốn giờ đồng hồ, hoặc ép mình ra khỏi giường và tròng quần áo vào.

Vài phút sau, trong chiếc quần jeans và chiếc áo len cô tông cũ thoải mái, anh đang đứng ngoài sân hiên. Mảnh trăng rằm khuất sau bầu trời ảm đạm

tạo nên một vầng sáng yếu ớt, làm kho thóc hiện rõ mồn mồn. Anh quyết định dạo bộ dọc theo hướng đó, men theo con đường mòn băng qua bãi cỏ.

Băng qua bãi cỏ là hồ nước. Được nửa đường, anh dừng lại, lắng nghe tiếng xe đang đi trên đường đến từ hướng ngôi làng. Anh ước tính chiếc xe đang cách anh chừng một ki-lô-mét. Trong cái xó xinh tĩnh lặng ấy của vùng núi Catskills, nơi mà tiếng tru rú lác đác của những con sói Bắc Mỹ là âm thanh ồn ào nhất trong đêm, người ta vẫn có thể nghe được tiếng xe từ xa.

Chẳng mấy chốc đèn pha ô tô của Madeleine lướt qua mớ hoa gậy vàng rồi bù đang hấp hối ở mép bãi cỏ. Cô rẽ về phía kho thóc, ngừng xe trên thảm sỏi cứng giòn, rồi tắt đèn xe. Cô ra khỏi xe và bước về phía anh – một cách thận trọng, mắt cô dần thích nghi với vùng tranh tối tranh sáng.

“Anh đang làm gì vậy?” Câu hỏi của cô nghe nhẹ nhàng, thân mật.

“Không ngủ được. Đầu óc cứ quay cuồng. Nên anh muốn đi dạo quanh bờ hồ.”

“Trông như sắp mưa.” Một tiếng sấm động trên bầu trời chợt làm gián đoạn lời nhận xét của cô.

Anh gật đầu.

Cô đứng cạnh anh trên đường và hít vào thật sâu.

“Mùi hương thật tuyệt. Đi nào, chúng ta đi dạo nào,” cô vừa nói vừa cầm cánh tay anh.

Khi hai người đến bờ hồ, con đường rộng ra, nối với lối cỏ bị xén. Đâu đó trong rừng, một con cú mèo rít lên – hay chính xác hơn, có một tiếng rít quen thuộc mà họ nghĩ có thể là tiếng cú khi nghe lần đầu tiên vào mùa hè năm ấy, và mỗi lần nghe lại tiếng rít đó họ càng chắc đó là tiếng cú. Bản năng lập luận của Gurney nhận thấy quá trình ‘quả quyết ngày càng tăng’ này vô nghĩa về mặt logic, nhưng anh cũng biết rằng nếu chỉ ra điều đó, dấu phát hiện này với anh có thú vị đến mấy, cũng sẽ làm cô bực bội và chán chường. Nên anh không nói gì, khắp khởi vì biết mình hiểu cô rõ nên biết khi nào thì im lặng, rồi họ đi thong thả qua bên kia bờ hồ trong sự tĩnh lặng

thân mật. Cô nói đúng về mùi hương ấy – một mùi hương ngọt ngào trong không trung.

Hai người thỉnh thoảng có những khoảnh khắc như thế, những khoảnh khắc trêu mến êm ả và gần gũi lặng yên, làm anh nhớ lại những năm đầu tiên sau khi kết hôn, những năm trước cái tai nạn ấy. ‘Tai nạn’ – cái nhãn chung chung khó hiểu mà anh dùng để bọc sự cố ấy trong ký ức để những tình tiết sắc như dao cạo của nó không thể xẻ mỏng tim anh. Tai nạn ấy – cái chết ấy – thứ che khuất mặt trời, biến cuộc hôn nhân của hai người thành một khối hỗn hợp luôn thay hình đổi dạng gồm thói quen, bốn phận, một thứ tình bạn nhiều xung đột, và những khoảnh khắc hy vọng hiếm hoi – những khoảnh khắc hiếm hoi khi một thứ rục rở và rõ ràng như kim cương bắn qua bắn lại giữa hai người, nhắc anh nhớ đến những chuyện đã từng một thời tốt đẹp và cũng có thể sẽ một lần nữa tốt đẹp.

“Anh lúc nào cũng có vẻ như đang vật lộn với thứ gì đó,” cô nói, bám vào mặt trong khuỷu tay anh.

Lại nói đúng nữa.

“Buổi hòa nhạc thế nào?” cuối cùng anh hỏi.

“Nửa đầu là phong cách Barốc, hay tuyệt. Nửa sau là phong cách thế kỷ 20, không hay lắm.”

Anh định nói chen vào ý kiến không thiện cảm của mình về âm nhạc đương đại nhưng lại thôi.

“Chuyện gì làm anh không ngủ được thế?” cô hỏi.

“Anh cũng không rõ nữa.”

Anh cảm nhận được sự hoài nghi của cô. Cô buông tay anh. Có cái gì đó rơi vào mặt hồ và làm nước bắn tung tóe chỉ cách họ vài mét về phía trước.

“Anh không tài nào bỏ chuyện Mellery ra khỏi tâm trí được,” anh nói.

Cô không trả lời.

“Từng miếng từng mảnh của nó cứ chạy lòng vòng trong đầu anh – không đi đến đâu cả – chỉ làm anh khó chịu – quá mệt mỏi không thể nghĩ thông suốt được.”

Một lần nữa cô không thể hiện gì ngoài sự im lặng suy tư.

“Anh lúc nào cũng nghĩ đến cái tên ấy trong thư.”

“X. Arybdis ư?”

“Sao em...? Em nghe anh và hẳn đề cập đến nó à?”

“Em có thính giác tốt mà.”

“Anh biết, nhưng anh luôn bị ngạc nhiên.”

“Anh biết đấy, có thể thật sự không phải là X. Arybdis gì cả,” cô nói theo cái cách ứng khẩu mà anh biết thật sự thì hoàn toàn không phải ứng khẩu.

“Sao cơ?” anh dừng chân nói.

“Có thể không phải là X. Arybdis.”

“Ý em là sao?”

“Em đã chịu đựng một trong những sự loạn điệu tàn bạo nhất trong suốt phần sau của buổi hòa nhạc, nghĩ bụng mấy nhà soạn nhạc đương đại chắc hẳn rất ghét vi ô lông xen. Sao lại buộc một thứ nhạc cụ tuyệt vời tạo ra những tiếng động nhói tai như vậy cơ chứ? Toàn là tiếng sột soạt và rền rĩ khủng khiếp.”

“Rồi sao nữa?” anh nhẹ nhàng nói, cố không để sự tò mò của mình nghe như cái kính.

“Rồi lúc đó đáng lẽ em về rồi nhưng không được vì em chờ Ellie đến đó mà.”

“Ellie ư?”

“Ellie sống dưới chân đồi ấy – hay hơn là phải đi hai xe đúng không? Nhưng cô ta xem ra thích thú buổi hòa nhạc ấy lắm, có trời mới biết tại sao.”

“Sao nữa?”

“Nên em tự hỏi, mình có thể làm gì để giết thời gian và để kiểm chế không giết mấy tay nhạc công ấy?”

Lại có tiếng thứ gì đó rơi vào ao tung tóe, cô dừng chân lắng nghe. Anh nửa thấy, nửa cảm nhận được nụ cười của cô. Madeleine rất thích ếch.

“Rồi sao nữa?”

“Rồi em nghĩ bụng chắc bắt đầu lập danh sách quà Giáng sinh được rồi – bây giờ cũng tháng Mười một rồi còn gì – nên em lấy bút ra viết chữ ‘thiệp Giáng sinh’ ở mặt sau tờ chương trình, đầu trang – không phải nguyên chữ Christmas mà là từ viết tắt X-M-A-S,” cô đánh vần từng chữ.

Trong bóng đêm, anh cảm nhận ánh mắt dò hỏi của cô nhiều hơn trực tiếp thấy, vẻ như cô đang hỏi anh có hiểu vấn đề không.

“Nói tiếp nào,” anh nói.

“Mỗi lần thấy chữ viết tắt đó, em lại nhớ tới Tommy Milakos lúc nhỏ.”

“Ai cơ?”

“Tommy thích em hồi học lớp 9 ở trường Đức Mẹ Đồng Trinh.”

“Anh tưởng đó là trường Đức Mẹ Khổ Đau chứ,” Gurney nói, lòng thoáng bức dọc.

Cô ngừng một chập để trò đùa nho nhỏ của mình được cảm nhận, rồi nói tiếp. “Sao cũng được, có một hôm xơ Immaculata, một người phụ nữ rất to con, bỗng la mắng em vì đã viết tắt chữ Christmas thành Xmas trong một bài kiểm tra nhỏ về những ngày linh thiêng trong Công giáo. Bà ta nói ai viết như vậy là có ý ‘xóa Chúa ra khỏi từ Christmas’. Bà ta giận đùng đùng. Em tưởng bà ta đánh em rồi chứ. Nhưng ngay lúc đó Tommy – cậu bé mắt nâu dễ thương – nhảy ra khỏi ghế rồi hét lên, ‘Đó không phải là chữ X.’”

“Xơ Immaculata bị sốc. Đây là lần đầu tiên có người dám ngắt lời bà ta. Bà ta chỉ nhìn anh ấy chăm chăm, nhưng anh ấy nhìn chăm chăm lại, nhà vô địch bé nhỏ của em. ‘Nó không phải là mẫu tự tiếng Anh’ anh ấy nói. ‘Nó là mẫu tự Hy Lạp cơ. Nó giống như mẫu tự ch trong tiếng Anh vậy. Nó là mẫu tự đầu tiên trong từ Christ theo tiếng Hy Lạp’. Và dĩ nhiên Tommy Milakos là người Hy Lạp, nên ai cũng biết anh ấy chắc hẳn nói đúng.”

Trời dù tối nhưng anh nghĩ mình vẫn thấy được nụ cười thoáng nở trên môi cô khi cô kể lại chuyện cũ, thậm chí anh còn nghi ngờ mình nghe được một tiếng thở dài nhẹ. Có lẽ anh đã nhầm về tiếng thở dài – anh hy vọng thế. Và một chuyện nữa khiến anh phân tâm – cô đã để lộ sở thích mắt nâu của

mình với mắt xanh dương ư? *Bình tĩnh lại nào Gurney, cô ấy đang nói về hồi học lớp 9 cơ mà.*

Cô nói tiếp, “Cho nên có thể X. Arybdis thật ra là ‘Ch. Arybdis’ chẳng? Hoặc có thể là ‘Charybdis’? Đó chẳng phải là cái gì đó trong thần thoại Hy Lạp sao?”

“Đúng đấy,” anh nói, đủ lớn cho cả mình và vợ nghe. “Giữa Scylla và Charybdis...”

“Kiểu như ‘giữa tảng đá và hiểm địa’ chẳng?”

Anh gật đầu. “Đại loại như vậy.”

“Cái nào là cái nào cơ?”

Anh hình như không nghe câu hỏi đó, tâm trí lúc này đang hồi hải lướt qua những ngụ ý về Charybdis, tung qua hứng lại các khả năng.

“Hả?” Anh nhận ra cô vừa hỏi anh gì đó.

“Scylla và Charybdis ấy,” cô nói. “Tảng đá và hiểm địa. Cái nào là cái nào cơ?”

“Đây không phải là cách dịch trực tiếp từng từ mà chỉ là phỏng dịch nghĩa gốc thôi. Scylla và Charybdis là hai hiểm họa hàng hải có thật ở eo biển Messina. Tàu thuyền phải đi giữa hai chỗ này và thường bị đánh nát trong lúc vượt qua. Trong thần thoại, hai nơi này được nhân cách hóa thành quái vật chuyên tàn phá.”

“Anh nói hiểm họa hàng hải... ví dụ như là gì?”

“Scylla là tên một mỏm đá lởm chởm mà tàu thuyền có thể bị va đập vào đó rồi dẫn đến chìm hẳn.”

Khi anh không tiếp tục câu chuyện ngay, cô hối thúc, “Còn Charybdis?”

Anh hăng giọng. Có cái gì đó về Charybdis dường như rất kinh khủng. “Charybdis là một xoáy nước. Một xoáy nước cực mạnh. Ai bị kẹt trong đó không bao giờ thoát ra được. Nó hút người đó vào rồi xé nát thành từng mảnh.” Anh nhớ lại một cách rành mạch đến rợn người một tranh minh họa

xem cách đây đã lâu trong một ấn bản của Odyssey, trong đó mô tả cảnh một thủy thủ bị kẹt trong vòng xoáy dữ dội, mặt méo mó vì kinh hãi.

Lại có tiếng rít từ trong rừng.

“Nào,” Madeleine nói. “Mình vào nhà đi. Trời sẽ mưa bất cứ lúc nào đấy.”

Anh đứng lặng trong những ý nghĩ đang quay cuồng.

“Đi nào,” cô giục. “Không khéo chúng ta ướt mất.”

Anh theo cô vào xe, và họ lái chậm rãi qua bãi cỏ về hướng căn nhà.

Trước khi hai người ra khỏi xe, anh quay sang cô hỏi, “Em không nghĩ mọi chữ X em thấy đều có thể là ch chứ?”

“Tất nhiên là không.”

“Vậy thì tại sao...?”

“Vì ‘Arybdis’ nghe như tiếng Hy Lạp.”

“Phải. Dĩ nhiên rồi.”

Cô đưa mắt nhìn anh đang ngồi ở ghế trước, vẻ mặt anh lúc này, với sự tiếp tay của đêm tối mờ mịt, rất khó đoán.

Một chập sau, cô nói, kèm một nụ cười nhẹ, “Anh không bao giờ ngưng nghĩ ngợi được à?”

Và rồi, như cô đã cam đoan, cơn mưa bắt đầu đổ.

Không Có Người Như Thế

Sau nhiều giờ bị ngưng trệ xung quanh dãy núi, một khí lạnh đột ngột quét qua khu vực, mang theo từng đợt mưa gió ào ạt. Đến sáng, mặt đất phủ đầy lá cây và không khí ngập tràn hương thu nồng nàn. Những giọt nước đọng trên bãi cỏ khiến ánh nắng rạn nứt thành nhiều tia lửa đỏ thắm.

Khi Gurney bước ra xe, các giác quan bất chợt bị kích thích của anh bỗng đánh thức một vùng ký ức từ thời thơ ấu, khi mùi cỏ ngọt lịm cũng đồng thời là mùi của cảm giác yên bình và an toàn. Rồi nó biến mất – bị xóa nhòa để nhường chỗ cho những toan tính thường ngày.

Anh đang trên đường tới Viện Đối mới Tâm linh. Nếu Mark Mellery vẫn khăng khăng không muốn cảnh sát nhúng tay vào thì Gurney muốn tranh cãi mặt đối mặt với y về quyết định ấy. Không phải anh muốn phải tay cho xong. Thật ra, càng suy xét bao nhiêu, anh càng tò mò bấy nhiêu về địa vị lẫy lừng của gã bạn cũ cùng lớp và mối quan hệ giữa nó với kẻ và điều đang đe dọa y. Miễn là anh thận trọng không xâm phạm ranh giới thì anh nghĩ mình có thể chung tay điều tra với cảnh sát địa phương.

Anh đã gọi cho Mellery báo trước là sẽ đến. Một buổi sáng hoàn hảo để lái xe qua vùng đồi núi. Lộ trình đến Peony đưa anh qua Walnut Crossing trước, một nơi, như nhiều ngôi làng ở Catskills, phát triển vào thế kỷ 19 xung quanh một giao lộ những con đường huyết mạch ở địa phương. Giao lộ này vẫn còn đó, nhưng tầm quan trọng đã giảm. Loại cây dẻ cùng tên với thành phố, cùng với sự phồn thịnh của vùng này, đã biến mất từ lâu. Nhưng nền kinh tế trì trệ này, dù quan trọng đến vậy, có một bộ mặt đẹp như tranh – những kho thóc và hầm ủ dầm nắng phơi sương, những lưỡi cày và xe ngựa chứa cỏ hoen gỉ, những đồi cỏ hoang vu mọc đầy những cây hoàng anh đang úa màu. Con đường từ Walnut Crossing dẫn đến đích cuối là Peony uốn

khúc, chạy ra một thung lũng sông đẹp như tấm bưu thiếp, nơi một số nông trại cũ kỹ đang tìm con đường đổi mới để tồn tại. Abelard là một trong những nông trại như vậy. Nằm kẹp giữa ngôi làng Dillweed và con sông gần bên, nông trại này chuyên sử dụng các biện pháp hữu cơ để tạo nên các loại ‘rau quả không có thuốc trừ sâu’ bán cho tiệm tạp hóa Abelard, cùng với những mẻ bánh mì nóng hổi, phô mai vùng Catskills, và cà phê thượng hạng – thứ cà phê Gurney đang cần ngay lúc này khi anh tấp xe vào một trong những chỗ để xe nhỏ bẩn thỉu trước hàng hiên vồng xuống trước cửa tiệm.

Phía sau cánh cửa là một không gian có trần nhà cao vút, một dãy bình cà phê đang hùng hực sôi trên bức tường bên phải. Gurney đi về hướng ấy. Anh rót đầy bình 500ml, miệng mỉm cười trước mùi cà phê đậm đà – ngon hơn cà phê Starbucks mà chỉ bằng nửa giá.

Không may thay, cái ý nghĩ về Starbucks kéo theo hình ảnh một ấm khách trẻ thành đạt của Starbucks, và ngay lập tức nó làm anh nhớ tới Kyle, tâm trí anh chợt nhói lên. Đó là phản ứng dễ hiểu của anh. Anh hoài nghi nó phát sinh từ mơ ước viễn vông của anh về một đứa con trai biết suy nghĩ rằng một thám tử tài trí là một người đáng nể trọng, mơ ước về một đứa con trai mong mỏi sự bảo ban của anh hơn Kyle. Kyle – bất trị và bất khả xâm phạm trong chiếc Porsche đắt tiền đến phi lý mua bằng đồng lương ở phố Wall cao ngất đến phi lý ở cái tuổi 24 trẻ trung đến phi lý. Dẫu sao, anh vẫn nợ anh chàng ấy một cuộc điện thoại, dù những gì thằng nhóc ấy muốn nói chỉ là kể về chiếc đồng hồ Rolex mới nhất của nó hay chuyến trượt tuyết ở Aspen.

Gurney trả tiền cà phê rồi trở lại xe. Khi anh đang nghĩ về cuộc gọi sắp thực hiện thì điện thoại đổ chuông. Anh không thích những chuyện trùng hợp và nhẹ nhõm khi nhận ra người gọi không phải Kyle mà là Mark Mellery.

“Tôi vừa mới nhận thư ngày hôm nay. Tôi gọi cho anh ở nhà, nhưng anh ra ngoài mất. Madeleine cho tôi số di động của anh. Hy vọng anh không phiền khi tôi gọi.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Tấm séc của tôi bị gửi trả lại. Cái gã có hộp thư bưu điện ở Wycherly mà tôi gửi tấm séc 289,87 đô đến cho Arybdis ấy – anh ta gửi lại cho tôi kèm một bức thư ngắn nói không có ai có tên ấy ở đó, chắc tôi để sai địa chỉ rồi. Nhưng tôi kiểm tra lại rồi. Đúng hộp thư đó mà. Davey? Anh còn đó không?”

“Tôi đây. Đang suy nghĩ xem phải hiểu câu chuyện như thế nào thôi mà.”

“Để tôi đọc cho anh nghe bức thư. Tôi thấy lá thư gửi kèm trong hộp thư của tôi. Chắc bị nhầm địa chỉ rồi. Ở đây không có ai tên X. Arybdis cả. Ở dưới ký tên ‘Gregory Dermott’. Phần đầu giấy viết thư có in ‘Hệ thống Bảo mật GD’, và có để một địa chỉ và số điện thoại ở Wycherly.”

Gurney định giải thích rằng giờ đây gần như chắc chắn X. Arybdis không phải là tên thật mà chỉ là một cách chơi chữ kỳ lạ theo tên một xoáy nước trong thần thoại, một xoáy nước xé nát nạn nhân thành nhiều mảnh, nhưng anh rốt cuộc thấy rằng vấn đề này gây bao nhiêu hoang mang thế đã đủ. Việc tiết lộ thêm tình tiết này có thể hoàn lại đến khi anh tới viện đã. Anh bảo Mellery sau một tiếng nữa sẽ đến.

Cái quái gì đang xảy ra thế này? Thật vô lý. Đòi hỏi một khoản tiền cụ thể, yêu cầu tấm séc được gửi đến một cái tên mơ hồ trong thần thoại, rồi sau đó khiến séc gửi sai địa chỉ để phải trả lại người gửi. Mục đích của tất cả mọi chuyện là gì? Tại sao lại có sự mào đầu phức tạp tưởng như vô ích như vậy, rồi còn những bài thơ độc địa sau đó nữa?

Những khía cạnh rối rắm của vụ việc càng lúc càng tăng và sự hứng thú của Gurney đối với nó cũng vậy.

10

Địa Điểm Hoàn Hảo

Peony là một thị trấn hết sức xa vời so với cái lịch sử mà nó cố gắng phản ánh. Kề cận thị trấn Woodstock^[4], Peony vờ như có một quá khứ tương tự: cái quá khứ của nhạc rock, của áo quần sặc sỡ, của ma túy gây ảo giác – trong khi Woodstock thì áp ủ vàng hào quang thể phẩm riêng của mình qua cái tên khiến người ta liên tưởng tới buổi nhạc hội mù mịt khói cần sa mà thật ra được tổ chức tại một nông trại ở thị trấn Bethel cách đó 80 ki-lô-mét. Hình ảnh của Peony là sản phẩm của thứ ảo ảnh tạo ra từ khói và gương, và trên nền móng huyền tưởng này mọc lên những công trình thương mại không mấy lạ lẫm – những tiệm sách Thời Đại Mới^[5], những hiệu bói bài, những cửa hiệu lớn của tín đồ Wicca và Druid, những cửa hiệu xăm hình, những không gian dành cho nghệ thuật trình diễn, những quán ăn chay – một trọng tâm thu hút những đứa con của hoa^[6] – ngấp nghé trước ngưỡng lão suy, những fan cuồng đi theo nhóm The Grateful Dead đi trên những chiếc xe buýt Volkswagen cũ kỹ, và những người theo trường phái chiết trung cuồng nhiệt bọc trong nhiều thứ thời trang thượng vàng hạ cám.

Dĩ nhiên, lòng vào những yếu tố lạ lùng đến lờ lợc này là vô vàn cơ hội cho du khách tiêu tiền: cửa hiệu, quán ăn mà tên và nội thất chỉ hơi phá cách một chút cùng những mặt hàng được chỉnh sửa phù hợp cho du khách hạng sang muốn tưởng tượng mình đang khám phá một xu hướng văn hóa nơi đây.

Mạng lưới đường sá lỏng lẻo tỏa ra từ khu thương mại của Peony là nơi dẫn đến tiền. Giá bất động sản đã tăng gấp đôi, gấp ba sau ngày 11/9, khi những cư dân New York dồi dào của cải và bệnh hoang tưởng cấp phi mã bị hút hồn bởi cái viễn tưởng về một chốn nương náu nơi thôn quê. Nhà cửa trong vùng đồi núi bao quanh khu làng phát triển cả về kích thước lẫn số

lượng, những chiếc SUV hiệu Hummer và Land Rover biến dạng từ những chiếc Blazer và Bronco, và những ai đến chốn thôn quê để nghỉ cuối tuần đều vận những bộ trang phục mà dân nông thôn vẫn mặc, theo lời của thương hiệu Ralph Laurels.

Thợ săn, lính cứu hỏa và giáo viên nhường đường cho luật sư, chủ ngân hàng đầu tư, và những người phụ nữ ở độ tuổi nào đó dùng số tiền dành xếp ly hôn của mình vào các hoạt động văn hóa, chữa trị làn da, các chương trình mở rộng trí tuệ cùng các bậc thầy trong đủ các loại lĩnh vực. Thật sự thì Gurney ngờ ngợ rằng nguyên nhân thuyết phục Mark Mellery mở cơ sở kinh doanh ở đây chính là sự khao khát của dân địa phương trong việc tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề trong cuộc sống từ các bậc thầy.

Anh rẽ ra khỏi đường cao tốc tỉnh ngay trước khi đến trung tâm làng rồi rẽ vào đường Filchers Brook theo chỉ dẫn của Google. Con đường ngoằn ngoèo chạy lên dốc một sườn đồi rậm rạp cuối cùng cũng đưa anh đến một bờ tường bằng đá phiến bản địa cao gần một mét bên vệ đường. Bức tường cách đường lộ khoảng 3 mét, chạy song song dọc con đường một đoạn ít nhất phải đến gần nửa cây số. Giữa tường và đường rậm rạp những khóm cúc tây màu xanh dương nhạt. Nửa đường dọc theo bờ tường là hai lối đi chừa cách nhau khoảng mười lăm mét, chỗ ra và chỗ vào của một đường vòng tròn dành cho ô tô. Gắn trên tường của lối đi đầu tiên là một tấm biển đồng nhỏ nhắn: VIỆT ĐỐI MỚI TÂM LINH MELLERY.

Càng vào sâu lối đi dành cho ô tô, tính thẩm mỹ của nơi này càng hiện lên rõ nét. Nhìn đâu Gurney cũng bị ấn tượng bởi sự hoàn mỹ tự nhiên sẵn có. Bên cạnh lối xe chạy đầy sỏi, hoa thu dường như tự do mọc tùy ý ở đây. Song anh chắc chắn hình ảnh đời thường này, chẳng khác gì hình tượng của Mellery, cũng nhận được sự chăm chút rất tỉ mỉ. Cũng như những nơi thường lai vãng của giới nhà giàu kín cổng cao tường, cái không khí chủ đạo tại nơi đây là không khí của sự gần gũi tỉ mỉ, như bản chất vốn có của nó, không nụ hoa nào đang khô héo mà không được tưới tẩm. Theo lối xe chạy, Gurney đến trước một trang viên lớn mang phong cách thời đại George, được chải chuốt nhã nhặn như vườn tược ở đây.

Đang đứng trước căn nhà và hứng thú quan sát anh là một người đàn ông cao ngạo có bộ râu quai nón màu gừng. Gurney kéo cửa xe xuống hỏi tìm khu vực đậu xe. Người đàn ông trả lời bằng giọng Anh trưởng giả, bảo anh nên chạy đến cuối đường.

Không may, con đường này lại dẫn Gurney ra ngoài, qua những lối đi khác trong bờ tường đá, trở lại đường Filchers Brook. Anh lái xe vòng lại, đi qua lối vào và men theo đường ô tô chạy một lần nữa đến trước căn nhà, nơi đây người Anh cao ráo ấy lại nhìn anh một cách hứng thú.

“Cuối đường này dẫn tôi đến đường lộ ở ngoài mà,” Gurney nói. “Tôi có bỏ lỡ thứ gì không ạ?”

“Tôi đúng là ngu bỏ mẹ!” người đàn ông hét to kèm một sự náo nức cường điệu dường như mâu thuẫn với phong thái tự nhiên của ông ta. “Tôi cứ ngỡ mình biết mọi thứ, nhưng thực tế thì đa phần tôi đều sai cả!”

Gurney nghi ngờ trước mặt mình là một kẻ mất trí. Ngay lúc đó, anh cũng nhận ra bóng người thứ hai trong khung cảnh. Đang đứng đằng xa dưới bóng một cây đỗ quyên khổng lồ và mãi mê theo dõi hai người là một gã đàn ông chắc nịch da sẫm trông như đang chờ thử vai cho chương trình truyền hình Sopranos.

“A!” người Anh hét lên, tay hào hứng chỉ đằng xa dọc lối ô tô, “câu trả lời của anh kia rồi! Sarah sẽ dẫn dắt anh. Cô ấy là người anh cần đấy!” Nói bằng một giọng kịch cao độ, ông ta xoay người sai bước, theo sau là gã gãng tở như trong truyện tranh.

Gurney lái tiếp đến chỗ người phụ nữ đứng cạnh lối ô tô, vẻ ngậm ngùi thương cảm hiện rõ trên khuôn mặt béo múp của bà. Giọng bà toát lên vẻ thấu cảm.

“Ôi trời ạ, trời ạ, chúng tôi bắt anh phải lái xe vòng vòng như thế. Chào đón anh như vậy thật không phải.” Âu lo trong mắt bà đang ở mức báo động. “Anh để xe lại cho tôi đi. Anh đi thẳng vào nhà được rồi.”

“Không cần đâu. Bà vui lòng chỉ tôi chỗ đậu xe là được rồi.”

“Nhất định rồi! Theo tôi nào. Tôi phải bảo đảm lần này anh không lạc nữa.” Giọng bà làm cho nhiệm vụ này nghe có vẻ nhọc nhằn hơn người ta tưởng.

Bà vẫy tay ra hiệu cho Gurney đi theo. Đó là một cái vẫy tay rộng mở, như thể bà đang điều khiển một đoàn khách bộ hành. Trong tay kia vốn đang đặt bên hông, bà còn cầm theo một chiếc ô đã khép. Nhịp chân cố ý của bà truyền tải được một mối lo, rằng không khéo Gurney có thể mất dấu bà. Đến một khoảng hở trong khu vực bụi cây, bà bước sang một bên, tay chỉ Gurney đi vào một nhánh nhỏ tách ra từ lối ô tô băng qua bụi cây. Khi anh chạy xe ngang hàng bà, bà dúm chiếc ô về phía cửa xe đang mở.

“Cầm lấy này!” bà hét lớn.

Anh dừng xe, lúng túng.

“Anh biết người ta nói gì về thời tiết trên núi rồi đấy,” bà giải thích.

“Tôi chắc chắn sẽ không sao đâu.” Anh tiếp tục chạy ngang qua bà vào khu vực đậu xe, một nơi trông như có thể chứa gấp đôi lượng xe đang trong bãi. Gurney đếm thấy có 16 xe. Không gian gọn gàng hình chữ nhật rúc trong những khóm hoa và bụi cây mọc khắp nơi. Một cây ngô đồng cao quý ở đằng xa tách khu vực đỗ xe ra khỏi một kho thóc đỏ cao ba tầng, màu của nó sống động trong ánh nắng hắt nghiêng.

Anh chọn một chỗ trống giữa hai chiếc SUV khổng lồ. Trong khi đậu xe, anh bỗng nhận ra có người phụ nữ từ đằng sau một luống thực dược thấp lè tè đang theo dõi anh đậu xe. Khi ra khỏi xe, anh mỉm cười lịch sự với cô ta – một phụ nữ như bông hoa tím thanh tú, có những đường nét tinh tế, nhỏ nhắn trên khuôn mặt, toát ra vẻ cổ điển. Nếu là diễn viên điện ảnh, Gurney nghĩ cô sẽ rất hợp với vai Emily Dickinson trong phim *Hoa khô Amherst*.

“Không biết cô có thể chỉ cho tôi tìm Mark ở đâu không...” Nhưng đóa hoa tím ấy lại ngắt lời anh bằng câu hỏi của cô ta. “Thằng đéo nào nói anh có thể đậu xe ở đó hả?”

Bộ Sậu Có Một Không Hai

Từ khu vực để xe, Gurney men theo đường mòn tráng đá cuội đi vòng quanh tòa lâu đài phong cách George, nơi anh đoán sẽ được sử dụng làm phòng hành chính và giảng đường chính của viện, đến một căn nhà phong cách George nhỏ hơn nằm sau tòa lâu đài khoảng một trăm năm mươi mét. Một biển hiệu nhỏ bên đường có ghi dòng chữ bằng vàng: TU DINH.

Mark Mellery mở cửa trước khi Gurney gõ. Y mặc cùng loại y phục thường ngày nhưng không hề rẻ tiền như đã mặc trong chuyến viếng thăm Walnut Crossing. Trên nền kiến trúc và cảnh trí của viện, bộ y phục cho y vẻ hào quang của một điền chủ.

“Gặp anh thật hay quá, Davey!”

Gurney bước vào lối hành lang rộng rãi, sàn màu hạt dẻ, được trang hoàng nhiều cổ vật, rồi theo Mellery đến một phòng làm việc tiện nghi nằm phía sau căn nhà. Ngọn lửa tí tách trong lò sưởi tỏa khắp phòng mùi hương thoang thoảng của khói anh đào.

Hai chiếc ghế bành lưng cao đứng đối diện nhau ở hai bên lò sưởi và, cùng với chiếc sofa đối diện nền lò, tạo thành một nơi ngồi nghỉ hình chữ u. Khi cả hai đều yên vị trong ghế, Mellery hỏi anh tìm đường quanh trang viên của y có khó không. Gurney nhớ lại ba cuộc trò chuyện lạ lùng vừa gặp, và Mellery giải thích rằng ba người ấy là khách của viện và hành vi của họ nằm trong liệu pháp tự khám phá bản thân của mỗi người.

“Trong thời gian nghỉ tại đây,” Mellery giải thích, “mỗi vị khách đều diễn mười vai khác nhau. Có ngày họ vào vai Người Nhầm Lẫn – có vẻ là vai diễn của Worth Partridge, người đàn ông Anh, anh đã đến bắt chuyện đấy. Có ngày họ làm Hướng Dẫn Viên – đó là vai diễn của Sarah, người muốn

đậu xe hộ anh. Một vai khác nữa là Người Đối Chọi. Người phụ nữ cuối cùng mà anh gặp nghe như đang đóng vai ấy một cách thích thú hơn ai hết.”

“Mục đích là gì?”

Mellery mỉm cười. “Con người đóng những vai trò nhất định trong cuộc sống của họ. Nội dung của những vai diễn đó – anh có thể gọi là kịch bản nếu muốn – đều ổn định và đoán trước được hết, dù rằng chúng thường vô thức và ít khi khiến ai nghĩ đến vấn đề lựa chọn vai.” Anh bắt đầu hứng thú với đề tài y đang nói, dù rằng chắc hẳn y đã giải thích như thế hàng trăm lần rồi. “Những gì chúng tôi làm ở đây rất đơn giản mặc dù nhiều khách lại cho rằng nó uyên thâm lắm. Chúng tôi làm cho họ ý thức được những vai diễn của họ trong vô thức, ích lợi và cái giá phải trả cho những vai diễn đó cũng như tác động của chúng đối với người khác. Khi khách thấy được những kiểu mẫu hành vi của mình rõ như ban ngày rồi, lúc ấy chúng tôi mới giúp họ hiểu ra rằng mỗi kiểu mẫu đều là một lựa chọn cả. Họ có thể tiếp tục hoặc chấm dứt nó. Sau đó – đây là phần quan trọng nhất – chúng tôi cung cấp cho họ một chương trình hành động để thay thế những kiểu mẫu có hại bằng những kiểu mẫu lành mạnh hơn.”

Gurney để ý thấy Mellery càng nói, sự lo âu của y càng thuyên giảm. Đề tài này đã đem lại ánh sáng phức âm rạng ngời trong đôi mắt y.

“Còn nữa, mấy thứ này chắc anh nghe thấy quen lắm. *Kiểu mẫu, lựa chọn* và *thay đổi* là ba từ bị lạm dụng nhiều nhất trong thế giới những bài học tu thân vốn đã rất lồi thoi này. Nhưng khách nói với chúng tôi rằng những gì chúng tôi làm ở đây rất khác – mẫu chốt ở đây là khác biệt. Mới hôm vừa rồi, một khách đã nói với tôi, ‘Đây là nơi hoàn hảo nhất trên đời.’”

Gurney cố không để hoài nghi bộc lộ trong lời nói. “Trải nghiệm mang tính liệu pháp mà anh cung cấp hẳn có tác dụng rất mạnh mẽ.”

“Một vài người thấy vậy đấy.”

“Tôi nghe nói vài liệu pháp có tác dụng mạnh mẽ thường mang tính đối chọi cao.”

“Ở đây thì không,” Mellery nói. “Phương pháp tiếp cận của chúng tôi mang tính mềm mỏng và hiếu khách. Đại từ ưa thích nhất của chúng tôi là chúng ta, chứ không phải các bạn. Chúng tôi nói về những thiếu sót, những nỗi sợ, những hạn chế của chúng ta. Chúng tôi chưa bao giờ chỉ vào mặt ai mà kết tội người đó cả. Chúng tôi tin rằng những lời buộc tội sẽ có xu hướng củng cố bức tường của sự phủ nhận hơn là phá sập nó. Xem qua một trong những cuốn sách của tôi, anh sẽ hiểu triết lý này rõ hơn.”

“Tôi chỉ nghĩ một số việc thỉnh thoảng xảy ra ở đây có thể không thuộc cái triết lý ấy.”

“Chúng tôi nói sao làm vậy mà.”

“Không có đối chọi gì cả sao?”

“Sao anh cứ lặp đi lặp lại điểm ấy vậy?”

“Tôi đang thắc mắc không biết anh có bao giờ chơi ai đó một cú nặng đến mức khiến họ muốn chơi lại anh chưa.”

“Phương pháp của chúng tôi ít khi làm ai giận dữ lắm. Hơn nữa, bạn tâm thư của tôi là ai đi nữa thì hẳn cũng thuộc về cái quá khứ rất xa so với thời điểm viện này ra đời.”

“Có lẽ vậy thật, nhưng cũng có lẽ không.”

Một cái chau mày ngờ ngác hiện trên khuôn mặt Mellery. “Hẳn tập trung vào những ngày chè chén của tôi, vào chuyện nào đó mà tôi đã làm trong men rượu, vì vậy nó phải xảy ra trước khi tôi lập ra cái viện này.”

“Mặt khác, cũng có thể người nào đó khăng khít với anh ở hiện tại, đọc sách anh viết, biết được chuyện bù khú của anh, muốn làm anh sợ thì sao.”

Khi ánh mắt của Mellery tản mát qua một chuỗi các khả năng mới nảy sinh thì một phụ nữ trẻ bước vào phòng. Cô có đôi mắt xanh lục thông minh và mái tóc đỏ chải ngược kiểu đuôi ngựa.

“Xin lỗi đã ngắt lời ông. Tôi nghĩ ông nên xem những lời nhắn này.”

Cô trao cho Mellery một chồng nhỏ những lời nhắn viết trên giấy hồng, vẻ mặt ngạc nhiên của y cho Gurney cảm giác là chẳng mấy khi y bị ngắt ngang như thế.

“Ít nhất,” cô nói, mày chau lại rất dữ, “ông cũng nên xem lời nhắn trên cùng.”

Mellery đọc hai lần, rồi nghiêng người về phía trước, trao mẫu lời nhắn cho Gurney bên kia bàn. Gurney cũng đọc hai lần. Ở dòng ‘Gửi tới’ có ghi: Ông Mellery.

Ở dòng ‘Người gửi’ có ghi: X. Arybdis.

Ở phần dành cho ‘Nội dung’ là những vần thơ sau:

*Trong số tất cả những sự thật mà ông không thể nhớ,
đây là hai điều thật nhất:*

Mỗi hành động đều đòi hỏi cái giá của nó.

Và mỗi cái giá đều sẽ đến hạn trả.

*Tối nay tôi sẽ gọi để hứa với ông,
tôi sẽ gặp ông vào tháng Mười một,
còn không thì là tháng Mười hai.*

Gurney hỏi người phụ nữ trẻ có phải cô tận tay nhận lời nhắn không. Cô liếc nhìn Mellery.

Y nói, “Tôi xin lỗi, lẽ ra tôi phải giới thiệu với cô. Sue, đây là người bạn thân cũ của tôi, Dave Gurney. Dave, hãy gặp trợ lý cừ khôi của tôi, Susan MacNeil.”

“Hân hạnh được gặp cô, Susan.”

Cô mỉm cười nhã nhặn rồi nói, “Phải, tôi là người nhận lời nhắn.”

“Đàn ông hay phụ nữ nhắn?”

Cô ngập ngừng. “Anh hỏi phải lắm. Ấn tượng đầu tiên của tôi là giọng đàn ông. Giọng nam cao lắm cơ. Rồi tôi lại không chắc. Cái giọng ấy đổi.”

“Đổi như thế nào?”

“Lúc đầu nghe như là đàn ông giả giọng phụ nữ ấy. Rồi tôi lại thấy giống phụ nữ giả giọng đàn ông. Cái giọng ấy có gì đó không tự nhiên ấy, gì đó rất gượng gạo.”

“Thú vị đây,” Gurney nói. “Còn nữa – cô có viết lại tất cả những gì người này nói không?”

Cô ngập ngừng. “Tôi không hiểu ý anh lắm.”

“Tôi cảm thấy,” anh giơ mẫu giấy hồng lên nói, “có vẻ như lời nhắn này được đọc chính tả tỉ mỉ cho cô ghi, ngay cả những chỗ ngắt dòng.”

“Đúng vậy.”

“VẬY chắc hẳn đã nói với cô rằng thứ tự sắp xếp của từng dòng rất quan trọng, và bảo rằng hẳn đọc sao thì cô phải viết chính xác như thế.”

“Ồ, tôi hiểu rồi. Phải, đúng là ông ta có bảo tôi xuống dòng chỗ nào.”

“Còn chuyện nào khác có nói mà không được ghi lại đây không?”

“Ờ... có, ông ta có nói một chuyện khác nữa. Trước khi cúp máy, ông ta hỏi tôi có làm việc trực tiếp cho ông Mellery ở viện này không. Tôi nói có. Rồi ông ấy nói, ‘Cô nên xem những cơ hội nghề nghiệp mới. Tôi nghe nói Đối mới Tâm linh là một ngành đang hấp hối đấy.’ Ông ta cười phá lên. Hình như ông ta thấy chuyện này vui lắm thì phải. Rồi ông ta bảo tôi nhất thiết phải cho ông Mellery đọc lời nhắn ngay lập tức. Nên tôi mới mang lời nhắn từ văn phòng sang đây.” Cô bắn một cái nhìn lo lắng về phía Mellery. “Hy vọng tôi làm vậy là đúng.”

“Nhất định rồi,” Mellery nói, cố lấy giọng như thể đang kiểm soát được tình hình.

“Cô Susan, tôi để ý thấy cô dùng chữ ‘ông ta’ để chỉ người gọi,” Gurney nói. “Phải chăng điều đó có nghĩa cô khá chắc đó là đàn ông?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Hẳn có nói bóng gió gì về thời gian gọi tối nay không?”

“Không có.”

“Cô còn nhớ được thứ gì khác không, bất kể là thứ gì, dù nhỏ nhất đến mấy?”

Mày cô nhú lại một chút. “Tôi có cảm giác sờn gáy thế nào ấy – có cảm giác ông ta không tử tế lắm.”

“Nghe giọng hần bức dọc ư? Hùng hổ? Dọa dẫm?”

“Không, không phải vậy. Ông ta lịch sự lắm, nhưng...”

Gurney chờ cô tìm kiếm ngôn từ thích hợp.

“Có thể là do ông ta quá lịch sự. Có thể là cái giọng lạ lùng ấy. Tôi không nói chắc được điều gì đã cho tôi cảm giác đó. Ông ta làm tôi sợ.”

Sau khi cô rời khỏi phòng, trở về văn phòng trong khu nhà chính, Mellery nhìn trần trần xuống nền nhà giữa hai chân.

“Đến lúc đi báo cảnh sát rồi đấy,” Gurney chọn lựa giây phút này để nêu ra quan điểm.

“Cảnh sát Peony ư? Chúa ơi, nghe như là tiết mục tạp kỹ đồng tính vậy.”

Gurney lờ đi nỗ lực pha trò yếu ớt ấy. “Chúng ta không phải chỉ đối phó với vài ba bức thư nặc danh và một cú điện thoại đầu. Chúng ta đang đối phó với một kẻ hận anh, muốn trả đũa anh. Anh đang trong tầm ngắm của hắn, và có lẽ hắn sắp bóp cò rồi.”

“X. Arybdis ư?”

“Đúng hơn có lẽ là kẻ sáng chế ra bí danh X. Arybdis.”

Gurney bèn kể cho Mellery những gì anh nhớ ra, với sự giúp đỡ của Madeleine, về cái nơi Charybdis chết chóc trong thần thoại Hy Lạp. Kể luôn cả chuyện anh không tìm được hồ sơ nào có tên X. Arybdis sống ở bang Connecticut hay bất kỳ tiểu bang lân cận nào qua danh bạ hay trang web tìm kiếm nào trên mạng.

“Một xoáy nước ư?” Mellery đầu đầu hỏi.

Gurney gật đầu.

“Chúa ơi,” Mellery nói.

“Chuyện gì vậy?”

“Tôi sợ nhất là chết đuối.”

Tâm Quan Trọng Của Sự Thành Thật

Mellery đứng chỗ lò sưởi cầm que cời sắp xếp lại những khúc gỗ đang cháy.

“Tại sao tấm séc lại bị trả lại?” Y trở lại chủ đề, tựa như lưỡi vẫn cứ thường vô thức chạm vào chiếc răng đau. “Tên này xem ra rất tỉ mỉ – Chúa ạ, nhìn nét chữ kia, như chữ của người làm kế toán vậy – không giống một gã ghi sai địa chỉ chút nào. Hẳn làm có mục đích đấy. Mục đích gì mới được?” Y quay mặt ra khỏi đồng lửa. “Davey à, chuyện quái gì đang diễn ra thế này?”

“Cho tôi xem bức thư gửi kèm tấm séc trả lại được không, bức thư mà anh đọc qua điện thoại ấy?”

Mellery đến một chiếc bàn làm việc Sheraton ở phía kia căn phòng, tay mang theo chiếc que cời mà đến bàn mới để ý mình đang cầm. “Chúa ạ,” y lẩm bẩm, mắt đảo đảo nhìn quanh trong chán nản. Y tìm một nơi trên tường để dựa cái que vào, xong lôi ra một chiếc phong bì từ ngăn kéo bàn và mang đến cho Gurney.

Bên trong một phong bì lớn hơn bọc ngoài có đề địa chỉ của Mellery là phong bì mà y đã gửi đến X. Arybdis ở hộp thư 49449 thành phố Wycherly, bên trong phong bì là tấm séc 289,87 đô từ tài khoản cá nhân. Trong phong bì lớn bọc ngoài, có một tờ giấy viết thư chất lượng tốt có dòng chữ HỆ THỐNG BẢO MẬT GD ở đầu thư, có cả số điện thoại, kèm thông điệp ngăn được đánh máy mà Mellery đã đọc qua điện thoại cho Gurney. Lá thư ký tên Gregory Dermott, nhưng không thấy có chức danh.

“Anh chưa nói chuyện với ông Dermott à?” Gurney hỏi.

“Tại sao phải nói cơ? Ý tôi là, địa chỉ sai thì là địa chỉ sai thôi. Có can hệ gì tới ông ấy chứ?”

“Có Chúa mới biết,” Gurney nói. “Nhưng nói chuyện với ông ta là hợp lý. Anh có điện thoại ở đây không?”

Mellery giở chiếc BlackBerry đời mới nhất ra từ thắt lưng trao cho anh. Gurney nhập số điện thoại ghi ở đầu thư. Sau hai tiếng đổ chuông anh nổi máy được với một đoạn băng thu âm: “Đây là Hệ thống Bảo mật GD, Greg Dermott đang nghe máy. Để lại tên, số điện thoại, thời gian thích hợp để tôi gọi lại, và một lời nhắn ngắn gọn. Bạn có thể bắt đầu rồi.” Gurney tắt điện thoại và trả lại cho Mellery.

“Nếu để lại lời nhắn thì sẽ rất khó giải thích lý do tôi gọi,” Gurney nói. “Tôi không phải nhân viên của anh, cũng không phải đại diện pháp lý hay thám tử tư có giấy phép hành nghề, và tôi cũng không phải là cảnh sát. Nhắc đến mới nói, người anh cần là cảnh sát – ngay nơi đây, ngay lúc này.”

“Nhưng giả sử đó là mục đích của hắn đi – làm tôi bất an đến độ phải gọi cảnh sát, làm nặng xì cả lên, làm khách tôi khó xử. Có lẽ buộc tôi phải báo cảnh sát và tạo ra một mớ hỗn loạn là những gì mà cái gã bệnh hoạn này muốn. Chắc hắn đang muốn ném đá giấu tay rồi nhìn mặt hồ dậy sóng đây mà.”

“Nếu hắn chỉ muốn có thể thì anh hãy biết ơn hắn,” Gurney nói.

Mellery phản ứng như vừa mới bị một cái tát vào mặt. “Anh thật sự nghĩ hắn có ý định... làm cái gì đó nghiêm trọng ư?”

“Có khả năng đó lắm.”

Mellery gật đầu chậm chậm, như thể cử chỉ cố ý như vậy có thể che đậy được nỗi sợ hãi của mình.

“Tôi sẽ nói chuyện với cảnh sát,” y nói, “nhưng phải đợi đến tối nay đã, sau khi tôi nhận được điện thoại từ Charybdis, hay bất kỳ cái tên nào mà gã tự xưng.”

Thấy được sự hoài nghi của Gurney, y nói tiếp, “Có lẽ cuộc gọi tối nay sẽ làm sáng tỏ chuyện này, sẽ cho chúng ta biết người chúng ta đang đối phó là

ai, muốn gì. Rốt cuộc thì ta chắc không cần đưa cảnh sát vào cuộc đâu, mà nếu có đi nữa thì chúng ta cũng sẽ có nhiều thông tin hơn để cho họ biết. Đẳng nào thì chờ đợi cũng là hợp lý.”

Gurney biết việc nhờ cảnh sát có mặt để trực tiếp theo dõi cuộc gọi ấy có thể rất quan trọng, nhưng anh cũng biết lý lẽ có thuyết phục đến đâu thì vào thời điểm này nó cũng không thể lay chuyển được Mellery. Anh quyết định sử dụng một chút chiến thuật ở đây.

“Nếu Charybdis có gọi tối nay thì ta nên thu âm cuộc nói chuyện lại. Anh có thiết bị thu âm nào có thể nối vào điện thoại con không? Máy cát xét cũng được.”

“Chúng tôi có thứ này còn hay hơn,” Mellery nói. “Tất cả điện thoại của chúng tôi đều có tính năng ghi âm. Chỉ cần bấm nút là anh có thể ghi âm bất kỳ cuộc gọi nào.”

Gurney nhìn y một cách tò mò.

“Anh đang thắc mắc tại sao chúng tôi lại có hệ thống như vậy đúng không? Vài năm trước chúng tôi có một vị khách khó tính. Chúng tôi hết bị cáo buộc rồi lại bị những cú điện thoại càng lúc càng điên quấy rối. Nói tóm lại là người ta tư vấn cho chúng tôi ghi âm lại cuộc gọi.” Cái gì đó trong vẻ mặt của Gurney làm y ngừng nói. “Ồi không, tôi biết anh đang nghĩ gì rồi! Tin tôi đi, cái mớ bòng bong ấy chẳng liên quan gì tới chuyện bây giờ cả. Chuyện đó được giải quyết cách đây lâu rồi.”

“Anh chắc chứ?”

“Đương sự chết rồi. Tự sát.”

“Có nhớ mấy cái danh sách tôi bảo anh lập ra không? Danh sách những mối quan hệ có dính líu đến các vụ xung đột và cáo buộc nghiêm trọng ấy?”

“Lương tâm của tôi tự thấy mình không thể ghi ra bất kỳ cái tên nào.”

“Anh vừa mới nói tới một vụ xung đột ấy, kết cục là đương sự tự sát. Anh không nghĩ chuyện đó đủ tiêu chuẩn để vào danh sách ư?”

“Bà ta là người có vấn đề mà. Tranh chấp giữa bà ta với chúng tôi chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng trong đầu bà ta, chẳng liên quan gì đến việc bà

ta tự sát cả.”

“Sao anh biết?”

“Này, chuyện phức tạp lắm. Đâu phải vị khách nào của chúng tôi cũng là kiểu mẫu về sức khỏe tinh thần đâu nào. Tôi không viết tên của tất cả những ai từng thể hiện ác cảm trước mặt tôi đâu. Làm vậy thật điên rồ!”

Gurney ngả lưng vào ghế rồi nhè nhẹ dụi cặp mắt đang bắt đầu khô đi vì ngọn lửa từ lò sưởi.

Khi Mellery lại cất lời, giọng y như đến từ một nơi nào khác bên trong y, một nơi ít thận trọng hơn. “Có một từ anh dùng khi mô tả những danh sách ấy. Anh nói tôi nên viết tên những người mà tôi có vấn đề ‘chưa giải quyết’ với họ. Chắc, lúc nào tôi cũng tự nhủ là toàn bộ những xung đột của quá khứ đều được giải quyết hết rồi. Có lẽ không đúng như vậy. Có lẽ khi dùng chữ ‘giải quyết’, tôi chỉ đơn giản muốn nói tôi đã thôi nghĩ về mấy vấn đề đó.” Y lắc đầu. “Chúa ơi, Davey, rốt cuộc thì mục đích của mấy cái danh sách đó là gì chứ? Tôi không muốn làm mất lòng anh, nhưng nếu một tay cảnh sát cơ bắp nào đó bắt đầu gõ cửa cộc cộc, khuấy lên những chuyện cũ không hay thì sao đây? Lạy Chúa! Anh có bao giờ thấy mặt đất trượt dưới chân anh chưa?”

“Những gì ta bàn đến chỉ là ghi tên ra giấy thôi mà. Đây là một cách để anh *bình tĩnh* suy xét. Không ai có thể bắt anh cho họ xem những cái tên đó nếu bản thân anh không muốn. Tin tôi đi, đây là một bài tập rất bổ ích.”

Mellery lặng đi, miễn cưỡng gật đầu chấp nhận.

“Anh nói không phải khách nào của anh cũng là kiểu mẫu của sức khỏe tinh thần.”

“Tôi cũng không định ngụ ý rằng chúng tôi đang điều hành một cơ sở trị liệu dành cho những kẻ tâm thần.”

“Tôi hiểu chứ.”

“Hay thậm chí là khách của chúng tôi có rất nhiều vấn đề về cảm xúc.”

“Vậy thì những ai *đến* đây cơ?”

“Người có tiền, muốn tìm kiếm sự thanh thản của tâm hồn.”

“Họ có được vậy không?”

“Tôi tin là có.”

“Ngoài *giàu có* và *hay lo âu* ra, còn từ nào khác mô tả khách hàng của anh không?”

Mellery nhún vai. “Không có cảm giác an toàn, mặc dù về tính cách họ có sự xông xáo đi cùng với sự thành đạt. Họ không thích bản thân mình – đó là vấn đề chủ yếu mà chúng tôi đối phó ở đây.”

“Anh nghĩ người nào trong số khách của anh có thể phung phí anh bằng vũ lực?”

“Gì cơ?”

“Anh hiểu rõ mỗi cá nhân cư ngụ ở đây đến chừng mực nào? Hoặc là những người đã đặt chỗ vào tháng tới?”

“Nếu anh đang nói chuyện kiểm tra lý lịch thì ở đây chúng tôi không làm chuyện đó. Họ hoặc người giới thiệu họ kể sao thì chúng tôi biết vậy. Cũng có vài điều mù mờ lắm, nhưng chúng tôi không soi mói. Chúng tôi chỉ giải quyết những gì họ sẵn lòng chia sẻ.”

“Hiện tại thì những loại người nào đang ở đây?”

“Một nhà đầu tư bất động sản từ Long Island, một bà nội trợ ở Santa Barbara, một người có lẽ là con trai của một người có lẽ là trùm băng nhóm tội phạm có tổ chức, một bác sĩ nắn khớp xương chuyên danh ở Hollywood, một ngôi sao nhạc rock giấu tên, một chủ ngân hàng đầu tư ngoài ba mươi đã về hưu, và chục người khác nữa.”

“Những người này đến đây để *Đổi mới Tâm linh* ư?”

“Bằng cách này hoặc cách khác, họ đã khám phá ra những mặt hạn chế của sự thành đạt. Họ vẫn bị sợ sệt, ám ảnh, mặc cảm tội lỗi, xấu hổ. Họ đã thấy được rằng tất cả những chiếc Porsche hay những viên Prozac trên đời này không thể cho họ sự bình an mà họ đang kiếm tìm.”

Gurney thấy lòng nhói lên vì nhớ lại chiếc Porsche của Ky le. “Vậy thì sứ mệnh của anh là mang lại sự thanh thản cho người giàu và người nổi tiếng rồi?”

“Nói không khéo sẽ nghe lỗ bịch lắm. Nhưng tôi không chạy theo mùi tiền. Những cánh cửa rộng mở và những trái tim rộng mở dẫn tôi đến đây. Khách hàng của tôi *tìm tôi*, chứ tôi không tìm họ. Tôi không có ý định trở thành bậc thầy của vùng núi Peony này đâu.”

“Dù sao thì anh cũng đang đặt cược nhiều thứ đấy.”

Mellery gật đầu. “Hiển nhiên kể cả cuộc đời tôi nữa.” Y nhìn trân trân vào đồng lửa đang tàn. “Anh có thể cho tôi lời khuyên nên xử trí thế nào với cuộc gọi tối nay không?”

“Cố gắng làm hẳn nói càng lâu càng tốt.”

“Để có thể truy ra cuộc gọi ư?”

“Thứ công nghệ đó không còn vận hành như vậy nữa. Anh đã xem mấy bộ phim xưa rồi đấy. Ta khiến hẳn nói vì càng nói, hẳn càng bộc lộ được nhiều thứ, và anh càng có nhiều cơ may nhận ra giọng hẳn.”

“Nếu nhận ra thì tôi có nên nói rằng tôi biết hẳn là ai không?”

“Không nên. Biết một thứ mà hẳn nghĩ anh không biết có thể là một lợi thế của anh. Chỉ cần giữ bình tĩnh và kéo giãn cuộc nói chuyện ra là được.”

“Tối nay anh có ở nhà không?”

“Tôi định vậy – ở nhà vì gia đình, nếu không còn chuyện gì khác. Có gì không?”

“Tôi vừa nhớ ra là điện thoại của chúng tôi có một chức năng màu mè nữa mà chẳng khi nào dùng đến. Tên thương mại của nó là ‘Hội đàm Thia lia’. Nó cho phép anh mang một bên thứ ba nữa vào cuộc hội đàm sau khi đã có người gọi cho anh.”

“Thì sao?”

“Đối với hội đàm từ xa thông thường thì tất cả các bên tham gia phải được mời từ một nguồn khởi xướng. Nhưng hệ thống Thia lia này vượt qua trở ngại đó. Nếu ai đó gọi cho anh, anh có thể thêm nhiều người khác vào cuộc gọi bằng cách bấm số họ từ đầu dây mình mà không cần phải ngắt kết nối với người gọi cho anh – thật ra, thậm chí chẳng ai trong số đó biết được anh làm vậy nữa. Người ta giải thích với tôi như thế này, cuộc gọi đến số

được thêm sẽ truyền trên đường dây riêng, và sau khi kết nối thành công, hai đường tín hiệu được gộp lại. Tôi giải thích mấy thứ kỹ thuật như vậy có thể vụng – nhưng chung quy là, tối nay khi Charybdis gọi, tôi có thể bấm số gọi cho anh và anh có thể nghe được cuộc nói chuyện.”

“Tốt. Tôi nhất định sẽ ở nhà.”

“Tuyệt. Tôi rất cảm kích.” Y mỉm cười như một người đang trải nghiệm phút khuây khỏa ngắn ngủi sau cơn đau kinh niên.

Bên ngoài sân, một chiếc chuông đổ nhiều lần. Nó có tiếng vang lạnh lạnh, khỏe khoắn như chuông của một con tàu già cỗi. Mellery xem chiếc đồng hồ mạ vàng, mỏng manh đeo trên cổ tay.

“Tôi phải chuẩn bị bài giảng cho trưa nay rồi,” y nói kèm một tiếng thở dài nhẹ.

“Chủ đề của anh là gì?”

Mellery bật dậy từ chiếc ghế bành lưng cao, phui thẳng vài nếp nhăn trên chiếc áo len ca-sơ-mia, rồi với chút cố gắng, chỉnh sửa khuôn mặt thành một nụ cười chung chung.

“Tầm quan trọng của sự thành thật.”

Thời tiết vẫn nhiều gió và chẳng có chút hơi ẩm. Lá nâu xoáy khắp bãi cỏ. Mellery đã vào tòa nhà chính sau khi cảm ơn Gurney một lần nữa, nhắc nhở anh chiều nay để đường dây điện thoại rồi, xin cáo lỗi vì bận công việc, và đưa ra lời mời vào phút chót. “Trong khi anh còn ở đây thì tại sao không xem quanh khuôn viên và cảm nhận thử nơi này thế nào?”

Gurney đứng trên hàng hiên khang trang trước nhà Mellery và cài dây kéo chiếc áo khoác. Anh quyết định nhận lời đề nghị và hướng về phía khu vực để xe theo một lộ trình đi qua bùng binh, men theo đường vòng thênh thang của khu vườn vây quanh căn nhà. Một con đường đầy rêu đưa anh vòng quanh mặt sau căn nhà đến một bãi cỏ màu ngọc lục bảo, bên kia bãi cỏ là một rừng thích đồ dốc về phía thung lũng. Một bức tường không vừa thấp lè tè tạo nên một đường ranh giới giữa đám cỏ và khu rừng. Chính giữa bức

tường về phía xa, một người phụ nữ và hai người đàn ông dường như đang bận bịu làm một việc gì đó trông như trồng và bồi cây.

Gurney dạo bước về phía họ, ngang qua bãi cỏ thênh thang. Hai người đàn ông tay lăm lăm xẻng là hai thanh niên gốc Mỹ Latinh, người phụ nữ kia thì lớn tuổi hơn, đang chỉ huy công việc trong đôi ủng màu lục cao đến đầu gối và chiếc áo làm vườn màu nâu. Có nhiều bao chứa gốc tulip, mỗi bao một màu, đều mở tung và nằm trên một chiếc xe đẩy làm vườn. Người phụ nữ đang sốt ruột theo dõi những người thợ của mình.

“Carlos!” bà to la lên. “*Roja, blanca, amarilla... roja, blanca, amarilla.*” Đoạn bà ta lặp lại chung chung không nhằm vào người nào cụ thể, “Đỏ, trắng, vàng... đỏ, trắng, vàng. Thứ tự như vậy đâu khó lắm đâu nào, đúng không?”

Bà ta thở dài điềm đạm trước sự kém cỏi của đám thợ, đoạn tươi cười hiền từ khi thấy Gurney đến gần.

“Tôi tin ngắm nhìn hoa nở có thể chữa lành mọi vết thương trên đời,” bà ta tuyên bố mà hầu như không mở miệng kiểu dân thượng lưu Long Island, từng được biết đến dưới cái tên Kiểu nói Cứng hàm Thung Lũng Locust^[4]. “Anh có đồng ý không nào?”

Anh chưa kịp trả lời, bà ta đã chìa tay ra giới thiệu, “Tôi là Caddy.”

“Tôi là Dave Gurney.”

“Chào mừng anh đến thiên đường trên trần gian! Hình như tôi chưa gặp anh thì phải.”

“Tôi chỉ ở đây đến hết hôm nay thôi.”

“Vậy ư?” Có gì đó trong giọng bà ta như đang đòi hỏi một lời giải thích.

“Tôi là bạn của Mark Mellery.”

Bà hơi chau mày. “Có phải anh nói anh tên Dave Gurney không?”

“Đúng vậy.”

“Ấy, tôi chắc là ông ấy có đề cập đến tên anh, chẳng qua nghe không quen lắm. Anh quen Mark đã lâu chưa?”

“Từ thời đại học. Cho tôi hỏi bà làm gì ở đây được không?”

“Tôi làm gì ở đây ư?” Cặp mày bà ta nhướn lên đầy ngạc nhiên. “Tôi sống ở đây. Đây là nhà tôi. Tôi là Caddy Mellery. Mark là chồng tôi.”

Chẳng Việc Gì Phải Cảm Thấy Tội Lỗi

Dù trời đã trưa nhưng những đám mây ngày càng dày đặc vây quanh thung lũng mang đến cho nó cái cảm giác của trời đông nhá nhem. Gurney bật máy sưởi trong xe để xua đi hơi lạnh trên đôi tay. Khớp ngón tay của anh mỗi năm mỗi mẫn cảm hơn, làm anh nhớ đến chứng thấp khớp của bố. Anh bẻ khớp tay và rồi lại nắm lấy vô lăng.

Cái động tác giống hệt ấy.

Anh nhớ đã có lần hỏi người đàn ông lẩm lì, khó gần ấy xem mấy khớp đốt sừng vù của ông có đau không. “Tuổi tác thôi mà, mình đâu làm gì được,” bố anh trả lời, nói bằng một giọng như xua đi những lời bàn luận kế tiếp.

Tâm trí anh lại dạt đến Caddy. Tại sao Mellery không kể anh nghe về người vợ mới của y? Y không muốn anh nói chuyện với bà ta chẳng? Và nếu y bỏ qua chi tiết người vợ thì còn thứ nào khác mà y không bỏ nữa?

Và rồi, qua một liên tưởng mơ hồ, anh thắc mắc tại sao thứ máu ấy lại đỏ như hoa hồng được tô điểm? Anh cố nhớ lại toàn văn bài thơ thứ ba: *Ta làm những việc đã làm, / vì vui không phải, vì tiền cũng không / mà vì nợ phải trả xong, / vì những bù đắp chẳng mong kéo dài. / Vì màu máu đỏ không phai / như ai tô điểm một bông hoa hồng. / Để ai cũng phải nắm lòng/ gieo gì gặt nấy, đừng hòng cậy ai.* Hoa hồng đã là biểu tượng của tính chất đỏ rồi. Hẳn muốn nói thêm điều gì khi gọi nó là hoa hồng được tô điểm? Gọi như vậy nghe sẽ đỏ hơn chẳng? Sẽ giống máu hơn chẳng?

Cơ đói còn cào làm nổi háo hức muốn về của Gurney càng dâng cao. Bây giờ đã giữa trưa, và ly cà phê buổi sáng ở tiệm Abelard là thứ duy nhất anh bỏ bụng cả ngày hôm nay.

Trong khi khoảng thời gian dư dả giữa bữa thường làm Madeleine buồn nôn thì nó lại khiến anh khó tính và ưa chỉ trích – một trạng thái tinh thần không dễ gì nhận ra với bản thân mỗi người. Gurney đã khám phá ra một vài phong vũ biểu dùng để đánh giá tâm trạng, và một trong những phong vũ biểu đó tọa lạc trên con đường chạy về hướng Tây nằm sát ngoài Walnut Crossing. Bướu Lạc Đà là một phòng trưng bày nghệ thuật nổi bật với các tác phẩm của họa sĩ trong vùng, các nhà điêu khắc và những tâm hồn sáng tạo khác. Chức năng phong vũ biểu của nó rất đơn giản. Chỉ cần liếc nhìn cửa sổ phòng trưng bày là trong anh sẽ dấy lên, trong tâm trạng tốt, sự ngưỡng mộ cái chất lập dị của những người hàng xóm có đầu óc nghệ thuật, còn trong tâm trạng xấu là một cái nhìn sâu sắc vào sự trống rỗng của họ. Hôm nay là một ngày trống rỗng – một lời cảnh báo rõ ràng, khi anh rẽ lên con đường hướng về tổ ấm có người vợ, để suy đi nghĩ lại trước khi phát biểu bất kỳ một quan điểm mạnh mẽ nào.

Những gì còn sót lại của một buổi sáng dồn dập, đã biến mất từ lâu trên con đường cao tốc của tỉnh và trên những vùng trũng của thung lũng, nay lại hiện diện từng mảng rời rạc dọc con đường đất nhô cao qua một vết trũng trên đồi và dừng lại chỗ bãi cỏ và kho thóc của gia đình Gurney. Những đám mây xám xịt cho bãi cỏ một cảm giác đông giá buồn tẻ. Với nỗi khó chịu chọt nhói lên trong tim, anh thấy ai đó đã lái máy kéo ra khỏi kho thóc và đậu bên cạnh chiếc lán chứa các phụ tùng dùng với máy kéo – máy cắt cỏ bằng chổi, máy đào đất để cắm cột hàng rào, máy thổi tuyết. Cửa kho để mở như trâu người, ám chỉ rằng có việc cần phải làm.

Anh vào nhà qua cửa bếp. Madeleine đang ngồi cạnh lò sưởi ở góc xa căn phòng. Chiếc đĩa tròn bàn trà – chứa lõi táo, cuống và hạt nho, nhiều mẫu phô mai cheddar và bánh mì vụn – cho thấy một bữa trưa thịnh soạn vừa mới được dùng xong, làm anh nhớ tới cơn đói còn cào và làm sức bật chân anh mạnh hơn một chút. Cô đưa mắt khỏi cuốn sách ngẩng lên, nhìn anh mỉm cười khô.

Anh đi tới chậu rửa, mở nước chảy cho đến khi nhiệt độ hạ xuống mức lạnh vừa ý. Anh ý thức được trong anh một cảm giác gầy hấn – thái độ

chống đối ý kiến của Madeleine, rằng uống nước quá lạnh là không tốt – theo sau là một cảm giác ngượng ngùng khi thấy bản thân lại quá nhỏ nhen, quá thù địch, quá ấu trĩ đến nỗi thích nhấm nháp hương vị một cuộc chiến chỉ có trong ảo tưởng như thế. Anh tha thiết muốn đổi đề tài, rồi chợt nhận ra không có đề tài nào để đổi. Dẫu vậy, anh vẫn lên tiếng.

“Anh thấy em lái máy kéo đến chỗ cái lán.”

“Em muốn gắn máy thổi tuyết vào.”

“Có vấn đề gì ư?”

“Em chỉ nghĩ có lẽ nên gắn nó vào trước khi gặp bão tuyết thật sự.”

“Ý anh là, em có gặp vấn đề gì khi gắn nó vào à?”

“Nó nặng quá. Em nghĩ nếu chịu khó chờ thì anh sẽ giúp em.”

Anh gật gù một cách lập lờ, nghĩ bụng, *Em lại thế nữa rồi, cứ gây áp lực buộc anh phải làm việc gì đó bằng cách tự mình khởi xướng nó trước vì biết anh là người phải hoàn tất.* Ý thức được những hiểm họa của tâm trạng, anh nghĩ không nói gì cả là khôn ngoan. Anh rót vào ly dòng nước lạnh buốt đang chảy từ vòi rồi chậm rãi uống.

Nhìn xuống cuốn sách, Madeleine nói, “Người phụ nữ từ Ithaca gọi.”

“Người phụ nữ từ Ithaca ư?”

Cô lờ đi câu hỏi ấy.

“Ý em nói là Sonya Reynolds hở?” anh hỏi.

“Đúng thế.” Giọng cô xem ra cũng hờ hững như giọng anh.

“Cô ấy muốn gì vậy?” anh hỏi.

“Hỏi hay đấy.”

“Em nói ‘hỏi hay đấy’ là ý gì?”

“Ý em là cô ta không nói rõ mình muốn gì cả. Cô ta nói anh có thể gọi cho cô ta giờ nào cũng được, trước nửa đêm.”

Anh nhận ra được sự bức dọc ra mặt ở hai tiếng cuối cùng – ‘nửa đêm’.

“Cô ấy có để lại số không?”

“Hình như cô ta nghĩ anh có số rồi thì phải.”

Anh lại rót nước lạnh vào ly, rồi vừa uống từng ngụm vừa tranh thủ trầm ngâm. Tình huống liên quan đến Sonya là một vấn đề hóc búa về mặt tình cảm, nhưng anh chưa thấy được cách giải quyết nào ngoài việc bỏ hẳn cái dự án Hội họa Ảnh Nhận Diện đã tạo nền tảng cho mối quan hệ giữa anh với phòng trưng bày của cô, mà anh thì lại không muốn bỏ nó.

Trước khoảng cách phát sinh từ những lần trao đổi vụng về cùng Madeleine như vậy, anh cảm thấy sự vụng về và thiếu tự tin của mình làm anh bối rối. Thật lạ, một người đầy lý trí như anh lại rồi bời đến vô vọng, lại dễ suy sụp về cảm xúc đến dường ấy. Với kinh nghiệm từ hàng trăm cuộc thẩm vấn nghi can, anh biết rằng mặc cảm tội lỗi luôn là căn nguyên của thứ bồng bong ấy, thứ rối rắm ấy. Nhưng sự thật là anh chẳng làm gì để phải mang cảm giác tội lỗi cả.

Chẳng việc gì phải cảm thấy tội lỗi. Đây rồi, vấn đề chính là chỗ đó – chính là sự quả quyết trong lời tuyên bố ấy. Có lẽ anh chẳng làm gì *gần đây* để phải mang cảm giác tội lỗi – chẳng thứ gì lớn lao, chẳng thứ gì mà anh có thể nhớ ngay được – nhưng nếu bối cảnh hiện tại được lùi lại mười lăm năm trước, thì lời tuyên bố vô tội của anh sẽ sai ngoa một cách đau đớn.

Anh đặt ly nước xuống chậu, lau khô tay, bước đến cánh cửa kính kiểu Pháp, nhìn ra thế giới u ám bên ngoài. Một thế giới chuyển tiếp giữa thu và đông. Tuyết mịn thổi tựa cát khắp sân hiên. Trong một bối cảnh mười lăm năm về trước, anh khó có thể biện hộ cho sự vô tội của mình, bởi lẽ cái thế giới được mở rộng ấy sẽ bao gồm cả cái tai nạn ấy. Như ấn mạnh vào vết thương tấy đỏ để đánh giá tình trạng viêm nhiễm, anh buộc bản thân phải thay thế chữ ‘tai nạn’ bằng ngôn từ cụ thể khó bật nên lời:

Cái chết của đứa con trai bốn tuổi của chúng ta.

Anh nói từng chữ yếu ớt hơn bao giờ hết, chỉ để riêng mình nghe, chẳng khác nào tiếng thì thầm. Giọng anh lọt vào tai mình nghe xói mòn và trống rỗng, như tiếng nói của một ai khác.

Anh không chịu nổi những ý nghĩ và cảm xúc đi kèm với những lời này, và anh cố gắng xua chúng đi bằng cách chộp lấy sự vật gần nhất làm anh sao

nhãng.

Vừa hăng giọng, anh vừa xoay người về phía Madeleine ở góc kia phòng, rồi nói hơn cả sự háo hức vốn có, “Ta lo vụ xe kéo trước khi trời tối được không?”

Madeleine rời mắt khỏi cuốn sách nhìn lên. Sự hân hoan giả tạo trong giọng anh, dù khiến cô thấy khó chịu hay lộ liễu, cô cũng không tỏ thái độ.

Gần máy thổi tuyết mất một giờ đồng hồ nâng nhắc, đập nện, kéo giội, bôi trơn và chỉnh sửa – sau đó Gurney tiếp tục bỏ ra một giờ nữa bữa củi để nhóm lò trong khi Madeleine chuẩn bị bữa tối gồm canh bí và sườn lợn om nước táo. Rồi họ nhóm lửa, ngồi cạnh nhau trên chiếc sofa trong căn phòng khách ấm cúng nằm sát bếp, và chìm vào trạng thái an bình uể oải luôn theo sau công việc cực nhọc và bữa ăn ngon.

Anh khao khát muốn tin rằng những ốc đảo nhỏ nhoi yên bình này báo trước sự trở lại của mối quan hệ thưở nào giữa hai người, muốn tin rằng những lần lẩn tránh và xung đột về cảm xúc trong những năm gần đây vì một lý do nào đó chỉ là tạm thời, nhưng đó lại là một niềm tin anh thấy khó có thể duy trì. Ngay cả giờ đây, hy vọng mong manh này đang được thay thế, từng phần một, từng khoảnh khắc một, bằng thứ suy nghĩ mà đầu óc của một thám tử như anh thấy sáng khoái hơn khi tập trung vào – những suy nghĩ về cuộc gọi được mong chờ từ Charybdis và về thứ công nghệ hội đàm từ xa cho phép anh nghe trộm.

“Một đêm hoàn hảo để nhóm lửa,” Madeleine vừa nói vừa dựa nhẹ vào người anh.

Anh mỉm cười và cố gắng tập trung trở lại vào ngọn lửa đỏ hồng và hơi ấm mềm mại, giản dị của cánh tay cô. Tóc cô có một mùi hương thơm phức. Anh thoáng mừng tượng cảnh mình bị đăm đuổi mãi mãi trong cái mùi hương ấy.

“Ừm,” anh đáp. “Hoàn hảo lắm.”

Anh nhắm mắt lại, mong mọi sự khoan khoái của khoảnh khắc này sẽ trung hòa bao nhiêu năng lượng trí óc vẫn luôn dồn đẩy anh vào việc giải mã

câu đố. Đối với Gurney, đạt được một chút mãn nguyện dù nhỏ nhoi, trở trêu thay, đó là một cuộc vật lộn. Anh đổ kỵ với khả năng của Madeleine, cô biết bám víu nhanh nhạy vào giây phút thoáng qua này và niềm vui cô tìm được trong đó. Đối với anh, sống trong khoảnh khắc hiện tại luôn là một cú bơi ngược dòng, vì trí óc phân tích của anh vốn ưa những phạm trù của xác suất, của khả năng.

Anh tự hỏi hình thức trốn chạy đó là do di truyền hay do giáo dục. Có lẽ hai yếu tố ấy cùng củng cố cho nhau. Có lẽ...

Chúa ạ!

Buồn cười thay, anh bắt quả tang bản thân đang phân tích chính cái thiên hướng thích phân tích của mình. Anh buồn bã cố gắng hiện diện trở lại trong căn phòng. *Chúa giúp tôi hiện diện nơi đây*, anh tự nhủ, mặc dù ít khi nào anh tin vào những lời cầu nguyện. Anh hy vọng đã không nói lớn điều đó cho ai nghe.

Điện thoại đổ chuông. Cảm giác như một lệnh đặc xá, như một lời cho phép anh được nghỉ ngơi sau trận đánh.

Anh nhắc mình ra khỏi chiếc sofa rồi đi vào phòng để trả lời điện thoại.

“Davey, Mark đây.”

“Chuyện gì thế?”

“Tôi vừa nói chuyện với Caddy xong, bà ấy nói có gặp anh ở vườn thiên ngày hôm nay.”

“Đúng rồi.”

“À, ... ừm... vấn đề là, tôi thấy hơi ngại, anh biết đó, vì trước đó không giới thiệu bà nhà với anh.” Y ngừng nói, như chờ đợi một lời hồi đáp, nhưng Gurney không nói gì.

“Dave?”

“Tôi đây.”

“Ờ... dù sao thì tôi cũng muốn xin lỗi vì đã không giới thiệu với anh. Tôi thật vô ý quá.”

“Không sao cả.”

“Anh chắc là không sao chứ?”

“Chắc mà.”

“Nghe anh không được vui.”

“Tôi có không vui gì đâu – chẳng qua hơi ngạc nhiên thôi, vì không hiểu sao trước đó anh lại không đề cập đến vợ anh.”

“À... phải... tôi nghĩ chắc đầu óc mình nghĩ đủ chuyện nên quên bém đi. Anh còn đó không?”

“Tôi đây!”

“Anh nói phải lắm, chắc anh thấy tôi lập dị lắm mới không đề cập đến bà ấy. Chẳng qua tôi chẳng khi nào nghĩ đến chuyện đó cả.” Y ngừng một chập, đoạn nói tiếp bằng một nụ cười ngượng nghịu, “Tôi nghĩ nhà tâm lý học nào biết được sẽ lấy làm thú vị lắm đây – chuyện có gia đình rồi mà tôi cũng quên được.”

“Mark, cho tôi hỏi anh chuyện này. Anh có thành thật với tôi không đấy?”

“Sao cơ? Sao anh lại hỏi vậy?”

“Anh đang lãng phí thời gian của tôi đấy.”

Có một khoảng lặng dài.

“Này,” Mellery thờ dãi nói, “chuyện dài dòng lắm. Tôi không muốn Caddy dính líu đến cái vụ... cái vụ lộn xộn này.”

“Chính xác thì chúng ta đang nói đến vụ lộn xộn nào thế?”

“Mấy lời đe dọa, ám chỉ đấy.”

“Bà ấy chưa biết chuyện mấy lá thư ư?”

“Có ích gì chứ. Biết chuyện, bà ấy lại hoảng lên thôi.”

“Bà ấy chắc chắn phải biết về quá khứ của anh chứ. Anh có kể trong sách cơ mà.”

“Một phần nào thôi. Nhưng mấy lời đe dọa này lại là chuyện khác. Tôi không muốn bà ấy lo lắng.”

Chuyện ấy nghe gần như hợp lý đối với Gurney. Gần như.

“Có chuyện cụ thể nào trong quá khứ mà anh đặc biệt không muốn Caddy, cảnh sát, hay tôi biết không?”

Lần này, khoảng lặng do dự trước khi Mellery nói ‘Không có’ mâu thuẫn hết sức rõ rệt với chính lời phủ nhận ấy, đến mức Gurney phải phì cười.

“Có gì mà buồn cười cơ?”

“Tôi không biết anh có phải kẻ nói dối tệ nhất tôi từng nghe hay không nữa Mark, nhưng anh cũng vào được chung kết rồi đấy.”

Sau một khoảng lặng dài, Mellery cũng bật cười – một tiếng cười mềm mỏng, rầu rĩ nghe như tiếng khóc thảm. Y nói bằng giọng ỉu xìu, “Khi cách nào cũng thất bại thì đến lúc phải nói thật thôi. Sự thật là, Caddy và tôi lấy nhau chưa được bao lâu thì tôi vụng trộm một thời gian với một phụ nữ là khách ở đây. Hoàn toàn do tôi rò dại cả. Chuyện không đi đến đâu cả – người nào tỉnh táo cũng đoán được như vậy mà.”

“Rồi sao nữa?”

“Chỉ có vậy thôi. Chỉ cần nghĩ đến nó là tôi giật nảy người. Nó trói buộc tôi với những vị kỷ, những dục vọng, những phán đoán sai lầm trong quá khứ.”

“Chắc tôi đã bỏ sót thứ gì đó,” Gurney nói. “Chuyện đó thì có liên quan gì đến chuyện không nói cho tôi biết anh đã có gia đình cơ chứ?”

“Nói ra anh sẽ nghĩ tôi hoang tưởng mất thôi. Nhưng tôi đã có suy nghĩ chuyện vụng trộm này chắc có liên quan mật nào đó đến vụ Charybdis này đâu. Lúc đó tôi sợ nếu biết về Caddy, anh sẽ muốn nói chuyện với bà ấy... mà tôi thì lại không muốn bà ấy biết được chuyện gì có liên quan đến chuyện vụng trộm lỗi lạng, đạo đức giả của tôi cả.”

“Tôi hiểu rồi. Mà này, ai sở hữu cái viện này vậy?”

“Sở hữu ư? Sở hữu theo nghĩa nào đây?”

“Có bao nhiêu nghĩa chứ?”

“Về mặt tinh thần thì tôi sở hữu viện. Chương trình ở đây dựa vào sách và băng đĩa của tôi.”

“Về mặt tinh thần ư?”

“Về mặt luật pháp thì Caddy sở hữu mọi thứ – đất đai và những tài sản hữu hình khác.”

“Hay đấy. Vậy là anh là ngôi sao đu xà treo, còn Caddy là chủ gánh xiếc.”

“Có thể nói vậy,” Mellery lạnh lùng đáp. “Tôi phải cúp máy thôi. Charybdis có thể gọi đến bất cứ lúc nào.”

Đúng ba giờ đồng hồ sau, Charybdis gọi.

Toàn Tâm

Madeleine đã mang túi đồ đan tới xô pha tự bao giờ, mãi mê thực hiện một trong ba dự án mà cô đã chia ra thành nhiều giai đoạn để hoàn tất. Gurney đã yên vị trong chiếc ghế bành kê bên, tay đang lật qua tập sách dày 600 trang hướng dẫn sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh anh đang dùng, nhưng đầu óc thì không tập trung được. Những khúc củi trong lò đã cháy thành than hồng, nhiều làn lửa bùng lên, chập chờn, rồi tắt ngóm.

Khi điện thoại đổ chuông, Gurney hồi hả vào phòng làm việc để nhắc máy.

Giọng Mellery nhỏ và hồi hộp. “Dave?”

“Tôi đây.”

“Hắn đang ở đầu dây bên kia. Máy ghi đã bật rồi. Tôi sẽ chuyển anh sang đường dây đó. Sẵn sàng chưa?”

“Anh chuyển đi.”

Một chốc sau, Gurney nghe một giọng lạ đang nói giữa chừng.

“... đi xa một thời gian. Nhưng tôi muốn ông biết tôi là ai.” Giọng hẳn cao và gượng, nhịp điệu gượng nghịu không tự nhiên. Không phải giọng bản xứ, nghe như giọng nước ngoài nhưng không rõ là nước nào, như thể từng chữ được cố tình phát âm sai để ngụy trang giọng thật. “Chiều nay tôi có để lại cho ông một thứ. Ông nhận được chưa?”

“Nhận gì cơ?” Giọng Mellery căng thẳng.

“Ông chưa nhận sao? Ông sẽ nhận được thôi. Ông có biết tôi là ai không?”

“Anh là ai?”

“Muốn biết lắm sao?”

“Tất nhiên. Tôi quen anh ở đâu thế?”

“Con số 658 không nói cho ông biết tôi là ai sao?”

“Nó chẳng có ý nghĩa gì với tôi cả.”

“Vậy sao? Nhưng nó do ông chọn cơ mà – trong tất cả những số khác có thể chọn.”

“Anh là thằng quái quỷ nào thế?”

“Còn một con số nữa cơ.”

“Sao???” Giọng của Mellery cất cao, vừa sợ hãi vừa điên tiết.

“Tôi nói còn một con số nữa.” Giọng nói hả hê, đầy dã tâm.

“Tôi không hiểu.”

“Nghĩ đến một con số bất kỳ đi, khác số 658.”

“Tại sao?”

“Nghĩ đến một con số khác số 658 đi.”

“Được thôi. Tôi nghĩ ra một số rồi.”

“Tốt. Chúng ta có tiến triển đây. Giờ thì hãy đọc thầm con số đó đi.”

“Xin lỗi – gì cơ?”

“Đọc thầm con số đó đi.”

“Đọc thầm ư?”

“Phải.”

“Mười chín.” Giọng thì thầm của Mellery nghe lớn và chói tai.

Nó được chào đón bằng một giọng cười dài thượt chẳng hài hước. “Tốt, tốt lắm.”

“Anh là ai hả?”

“Ông vẫn chưa biết sao? Đâu đón ê chề đến thế, mà ông vẫn chưa biết. Tôi đã liệu trước sẽ như vậy mà. Tôi đã để lại cho ông một thứ. Một bức thư ngắn. Ông có chắc là không nhận được không?”

“Tôi chẳng hiểu anh nói gì cả.”

“À, nhưng ông lại biết con số ấy là mười chín cơ đấy.”

“Anh nói nghĩ ra một con số mà.”

“Nhưng đúng là con số ấy phải không?”

“Tôi không hiểu.”

“Lần cuối ông kiểm tra hộp thư là khi nào?”

“Hộp thư của tôi ư? Tôi không biết. Trưa nay thì phải?”

“Ông kiểm tra lại thì hơn. Nhớ đó, tháng Mười một tôi sẽ gặp ông, còn không thì là tháng Mười hai.” Theo sau câu nói ấy là tín hiệu mất kết nối.

“A lô!” Mellery hét lớn. “Anh còn đó không? Anh còn đó không?” Khi Mellery nói trở lại, nghe như y đã kiệt sức. “Dave?”

“Tôi đây,” Gurney nói. “Cúp máy đi, kiểm tra hộp thư, gọi lại cho tôi.”

Gurney vừa đặt điện thoại xuống thì chuông lại đổ. Anh nhắc máy.

“Gì cơ?”

“Bố à?”

“Xin lỗi, ai cơ?”

“Phải bố không?”

“Kyle hả?”

“Phải. Bố ổn chứ?”

“Ổn. Chẳng qua bố đang dở dang một chuyện.”

“Mọi chuyện ổn cả chứ bố?”

“Ổn, con. Bố xin lỗi đã cộc lốc như thế. Bố đang chờ một cuộc gọi trong vòng một hai phút tới. Lát bố gọi lại nhé?”

“Không sao ạ. Con chỉ muốn cập nhật vài thứ cho bố biết thôi, mấy chuyện đã xảy ra này, mấy thứ con đang làm này. Lâu rồi bố con ta chưa nói chuyện mà.”

“Bố sẽ gọi lại cho con ngay khi có thể.”

“Dạ. Được rồi.”

“Xin lỗi con. Cảm ơn con. Nói chuyện với con sau nhé.”

Gurney nhắm mắt lại rồi hít vào một vài hơi sâu. Chúa ơi, mọi chuyện rất cuộc rồi cũng dần đông. Dĩ nhiên, để chúng dần đông là lỗi của anh. Mỗi quan hệ giữa anh và Kyle là một khía cạnh rõ ràng không diễn ra bình thường trong đời anh, đầy rẫy những né tránh và biện minh.

Kyle là sản phẩm của cuộc hôn nhân đầu tiên, cuộc hôn nhân ngăn ngui giữa anh và Karen – ký ức về nó, sau 22 năm ly hôn, vẫn còn làm Gurney day dứt. Những ai quen hai người đã thấy ngay từ đầu sự tương khắc rõ rệt giữa họ, nhưng một quyết tâm ương ngạnh (hoặc là thiếu năng về cảm xúc, cách anh nhìn nhận về thứ quyết tâm đó vào những sớm tinh mơ sau một đêm không ngủ) đã đưa đẩy họ vào cuộc hôn phối không may ấy.

Kyle trông như mẹ nó, có bản năng thích điều khiển người khác và tham vọng về vật chất – và dĩ nhiên, có cả cái tên mà mẹ nó khăng khăng đặt cho nó. Kyle. Gurney chưa bao giờ có thể thoải mái với cái tên ấy. Bất luận cậu thanh niên này thông minh và thành đạt sớm trong thế giới tài chính đến đâu thì cái tên Kyle đối với anh nghe vẫn như một thằng choai choai kháu khỉnh, ích kỷ trong phim dài tập. Hơn nữa, sự hiện hữu của Kyle luôn làm anh nhớ đến cuộc hôn nhân ấy, làm anh nhớ rằng có một phần mạnh mẽ nào đó trong anh mà anh không hiểu được – cái phần đã tha thiết muốn cưới Karen ngay từ đầu.

Anh nhắm mắt, thiếu não vì không thấy được động cơ của chính mình, và vì đã có phản ứng tiêu cực với cả đứa con trai.

Điện thoại đổ chuông. Anh nhắc máy, sợ rằng Kyle lại gọi, nhưng đó là Mellery.

“Dave phải không?”

“Phải.”

“Trong hộp thư có một phong bì. Tên và địa chỉ của tôi được đánh máy trên đó, nhưng không có tem thư hay dấu bưu điện. Chắc là được gửi bằng tay. Tôi có nên mở ra không?”

“Anh sờ thấy nó có chứa thứ gì khác ngoài giấy không?”

“Chẳng hạn như thứ gì?”

“Bất kể thứ gì, bất kể thứ gì khác ngoài thư không.”

“Không. Sờ thấy đẹp hoàn toàn, giống như không có gì hết. Không có vật lạ trong đó, nếu ý anh là như vậy. Tôi có nên mở ra không?”

“Mở đi, nhưng thấy cái gì khác ngoài giấy thì dừng lại.”

“Được rồi. Mở ra rồi. Chỉ có một tờ. Đánh máy. Giấy trơn, không có phần in đầu thư.” Có một khoảng lặng kéo dài vài giây. “Cái gì? Cái quái gì...?”

“Chuyện gì vậy?”

“Không thể nào được. Không thể nào...”

“Đọc cho tôi nghe xem.”

Mellery đọc bằng một giọng hoài nghi. *“Tôi để lại lá thư này cho ông phòng khi ông bỏ lỡ cuộc gọi của tôi. Nếu ông chưa biết tôi là ai thì chỉ cần nghĩ đến con số mười chín. Nó có khiến ông nhớ đến ai không? Và nhớ đấy, tôi sẽ gặp ông vào tháng Mười một, còn không thì là tháng Mười hai.”*

“Chỉ vậy thôi sao?”

“Chỉ vậy thôi. Thư chỉ nói vậy – ‘chỉ cần nghĩ đến con số mười chín’. Làm quái nào mà hẳn làm vậy được chứ? Không thể nào được.”

“Nhưng thư nói vậy à?”

“Phải. Nhưng tôi muốn nói là... tôi cũng không biết mình đang nói gì nữa... ý tôi là... không thể nào... Chúa ơi, Dave à, cái quái gì đang xảy ra đây hả?”

“Tôi không biết. Giờ thì chưa. Nhưng chúng ta sẽ tìm ra câu trả lời mà.”

Cái gì đó bỗng chốc hiện rõ ra – không phải là lời giải, anh vẫn còn một đoạn đường dài phải đi, nhưng thứ gì đó trong anh đã rục rịch. Giờ đây anh đã đặt 100 phần trăm tâm trí vào thử thách này. Anh nhìn lên, thấy Madeleine đang nhìn mình từ cửa phòng làm việc với sự ngậm ngùi cao độ, như thể cô người được trong không trung sự toàn tâm dâng cao của anh trong vụ này. Cảm giác của cô như thế nào anh chỉ biết đoán, nhưng đó có vẻ như thán phục lẫn cô đơn.

Cuộc thử thách trí tuệ mà trò đoán số bí ẩn mới mang lại – và lượng adrenaline cuồn cuộn mà nó tạo ra – khiến Gurney đã quá nửa đêm rồi mà không thể chợp mắt được mặc dù đã lên giường từ lúc mười giờ. Anh trần trọc không yên khi tâm trí không ngừng va chạm với vấn đề ấy, như một người trong mơ không tìm thấy chìa khóa phải đi quanh nhà và thử mở lần lượt cửa chính rồi cửa sổ, hết cửa này đến cửa khác.

Sau đó anh bắt đầu nếm lại mùi vị hạt nhục đậu khấu từ món canh bí của bữa tối, làm cái cảm giác gập ác mộng càng thêm rõ rệt.

Nếu ông chưa biết tôi là ai thì chỉ cần nghĩ tới con số mười chín. Và đó là con số mà Mellery nghĩ tới. Con số y nghĩ trước khi mở thư. Vô lý. Nhưng rành rành là vậy.

Vấn đề mang tên ‘nhục đậu khấu’ càng lúc càng tồi tệ. Ba lần anh đứng dậy tìm nước uống, nhưng cái hạt nhục đậu khấu ấy không chịu trôi xuống chút nào. Và cả món bơ cũng trở thành vấn đề nữa. Bơ và nhục đậu khấu. Madeleine sử dụng rất nhiều hai thứ ấy trong món canh bí mình nấu. Anh thậm chí đã từng có lần đề cập chuyện này với bác sĩ trị liệu của hai người rồi. Bác sĩ trị liệu trước đây của họ. Thật ra là một nhà trị liệu mà cả hai mới gặp vón vện hai lần, hồi hai người còn đang vật lộn với nhau chuyện anh có nên nghỉ hưu hay không và nghĩ (sau này hóa ra lại sai) rằng bên thứ ba có thể làm sáng tỏ cuộc tranh cãi giữa hai người. Anh giờ đây đang cố nhớ lại xem câu chuyện canh bí ấy đã khởi sự như thế nào, trong bối cảnh nào, và tại sao anh lại thấy thích hợp khi đề cập đến một tiểu tiết như thế.

Đó là phiên trị liệu mà Madeleine đã nói về anh như thể anh không có mặt trong phòng. Cô mở màn bằng chuyện ngủ nghê của anh. Cô nói với bác sĩ trị liệu rằng một khi đã ngủ thì ít khi nào anh thức dậy trước lúc trời sáng. À, đúng rồi, chính là khi ấy. Chính khi ấy anh mới nói ngoại lệ duy nhất là vào những đêm cô nấu món canh bí và miệng anh thì mãi không hết vị bơ và hạt nhục đậu khấu. Nhưng cô lờ đi sự ngắt lời ngớ ngẩn, vụn vặt của anh và tiếp tục bày tỏ nhận xét của mình với nhà trị liệu, như hai người lớn đang bàn luận về đứa con.

Cô nói cô chẳng lấy làm lạ chuyện một khi đã ngủ thì ít khi nào Dave thức dậy trước lúc trời sáng cả, bởi vì chỉ sống đúng với bản thể của mình thôi dường như cũng đã làm anh tốn bao nhiêu công sức khó nhọc mỗi ngày. Cuộc sống hằng ngày của anh rất thiếu thốn sự thoải mái và nhàn hạ. Anh là một người rất tốt, rất đứng đắn, nhưng lại đầy rẫy những mặc cảm tội lỗi của con người. Bị sai sót và khuyết điểm của mình hành hạ đến khổ sở. Một lý lịch đầy ắp những thành tích không ai sánh bằng trong nghề nhưng trong trí óc anh chúng lại dễ dàng bị lu mờ trước chỉ một chút ít thất bại. Luôn luôn suy nghĩ. Suy nghĩ không ngơi về cách giải quyết vấn đề – hết vấn đề này đến vấn đề khác – như đã tràng cử mãi se cát không thôi. Xem cuộc đời như một câu đố hóc búa cần phải giải đáp. Nhưng nào phải mọi thứ trên đời đều là câu đố, cô rốt cuộc cũng đã nhìn vào mặt anh, nói với anh như thế thay vì với nhà trị liệu. Có những thứ cần được ôm lấy bằng nhiều cách khác. Là những bí ẩn, chứ không phải câu đố. Là những thứ cần được yêu thương, chứ không cần được giải mã.

Việc nằm trên giường nhớ lại những lời nhận xét của cô như vậy tác động đến anh một cách kỳ lạ. Anh hoàn toàn bị hút vào ký ức ấy, nó không những gây phiền nhiễu cho anh, mà còn làm anh kiệt quệ. Ký ức đó rốt cuộc cũng nhạt dần, cùng với mùi vị của bơ và nhục đậu khấu, rồi anh chìm vào một giấc ngủ không yên.

Trời vừa hửng sáng, Madeleine đã lục đục ra khỏi giường, suýt nữa đánh thức anh dậy. Cô hít mũi nhẹ nhàng, không tiếng động. Trong thoáng chốc, anh tự hỏi liệu có phải cô vừa khóc xong, nhưng đó là một ý nghĩ mơ hồ, dễ dàng bị thay thế bởi cách lý giải hợp lý hơn rằng cô đang bị dị ứng mỗi khi vào thu. Anh lờ mờ thấy cô đi tới tủ áo và khoác vào chiếc áo choàng bằng vải lông. Một chập sau, anh nghe – nhưng không chắc là thật hay tưởng tượng – tiếng chân cô trên bậc thang dẫn xuống tầng hầm. Một lúc sau, cô đi ngang qua cửa phòng ngủ không chút tiếng động. Trong tia nắng sớm đầu tiên trải dọc phòng ngủ hắt vào hành lang, cô như một bóng ma, mang trong tay một thứ gì đó trông như một chiếc hộp.

Mắt anh vẫn sụp xuống vì mệt, và rồi anh tiếp đi thêm một giờ đồng hồ nữa.

Lưỡng Phân

Anh thức dậy không phải vì no giấc hay tỉnh táo hoàn toàn, mà bởi vì thức dậy xem ra sẽ tốt hơn là chìm lại vào một giấc mơ chẳng đọng lại trong anh bất kỳ chi tiết nào ngoại trừ một cảm giác tù túng rõ rệt. Cảm giác đó giống như dư vị của những trận nhậu nhẹt bí tỉ mà anh từng tham gia thời còn ở trường đại học.

Anh ép mình đi vào nhà tắm, ở đây tâm trạng anh được cải thiện một chút, sau đó anh mặc quần áo vào rồi đi ra bếp. Anh nhẹ nhõm khi thấy Madeleine đã pha đủ cà phê cho hai người. Cô đang ngồi ở bàn điểm tâm, mắt suy tư nhìn ra bên ngoài qua cánh cửa kiểu Pháp và cầm chiếc tách lớn hình cầu bốc hơi nóng nghi ngút bằng cả hai tay như để sưởi ấm. Anh rót một tách cà phê cho mình rồi ngồi đối diện cô.

“Chào,” anh nói.

Cô mỉm cười đáp lại bằng một nụ cười mơ hồ ngăn ngủi.

Anh dõi theo ánh mắt của cô đang lướt qua khu vườn bên ngoài đến sườn đồi rậm rạp nằm chỗ mép bãi cỏ đằng xa. Một cơn gió giận dữ đang giật đi những chiếc lá ít ỏi còn sót lại trên cây. Gió mạnh thường làm Madeleine căng thẳng – kể từ hôm một cây sồi khổng lồ đổ ầm xuống chắn ngang con đường trước xe cộ vào cái ngày họ dọn tới sống ở Walnut Crossing – nhưng sáng nay dường như cô đang bận tâm chuyện gì nên không để ý.

Sau một hai phút, cô quay sang anh, nét mặt sắc lại như thể quần áo hay thái độ của anh có điều gì đó vừa đập vào mắt cô.

“Anh định đi đâu?” cô hỏi.

Anh ngập ngừng. “Đến Peony. Đến viện.”

“Tại sao lại đến đó?”

“Tại sao ư?” Giọng anh gắt lên vì cái kính, “Vì Mellery vẫn không chịu trình báo vấn đề của mình với cảnh sát địa phương, còn anh thì muốn thúc hấn ta một chút nữa theo hướng đó.”

“Anh nói qua điện thoại cũng được mà.”

“Không hay bằng mặt đối mặt. Vả lại anh muốn lấy bản chép tay của tất cả những lá thư và bản ghi âm cuộc gọi tối qua.”

“Chẳng phải đây là chuyện của Pedex sao?”

Anh nhìn cô trân trân. “Anh đi đến viện thì có vấn đề gì chứ?”

“Vấn đề không phải là anh đi đâu, mà là tại sao anh lại đi?”

“Để thuyết phục hấn đi gặp cảnh sát này? Để lấy mấy lá thư đó này?”

“Có thật anh nghĩ đó là lý do anh chạy tận đến Peony không?”

“Còn lý do khi gió nào khác nữa?”

Cô ném cho anh một cái nhìn lâu, gần như thương hại, rồi trả lời. “Anh đi,” cô nói nhỏ, “là vì anh đã bám víu vào chuyện này và không buông ra được. Anh đi bởi vì anh không thể ở ngoài cuộc.” Rồi cô chậm chậm nhắm mắt lại. Tựa như cảnh mờ dần cuối phim.

Anh không biết nói gì. Madeleine rất hay kết thúc tranh luận bằng cách này – nói hoặc làm điều gì đó như nhảy cóc qua dòng suy nghĩ của anh khiến anh phải câm lặng.

Lần này anh nghĩ anh biết lý do tại sao lại có sự tác động như vậy đối với mình, hoặc ít ra cũng là phần nào lý do. Trong giọng cô, anh nghe vọng về những lời cô đã nói với nhà trị liệu, những lời anh đã nhớ lại rất sống động vài giờ trước đó. Anh cảm thấy sự trùng hợp này làm anh rối trí. Như thể Madeleine hiện tại và Madeleine quá khứ đang cấu kết với nhau chống lại anh, người này thì thâm vào tai người kia.

Anh im lặng một lúc lâu.

Cuối cùng cô mang mấy tách cà phê bỏ vào chậu rửa rồi rửa sạch. Sau đó, thay vì đặt lên chạn cho ráo nước như thường lệ, cô lau khô tách rồi cất vào

ngăn bên trên tủ búp phê Mất vẫn nhìn vào tủ, như thể đã quên bég tại sao mình lại đứng đó, cô hỏi, “Mấy giờ anh đi?”

Anh nhún vai, nhìn quanh phòng như thể manh mối cho câu trả lời đúng có lẽ nằm trên một trong những bức tường. Ánh mắt anh chợt bị thu hút bởi một vật nằm trên bàn trà đặt trước lò sưởi ở cuối phòng. Đó là một hộp bìa cứng, có kích thước và hình dáng giống loại mua ở tiệm rượu. Nhưng điều bắt mắt và làm anh chú ý là dải băng trắng quấn quanh hộp và được cột trên nắp bằng một chiếc nơ trắng đơn giản.

Chúa ạ. Đó là thứ mà cô ấy mang lên từ tầng hầm.

Mặc dù chiếc hộp trông nhỏ hơn so với chiếc hộp anh nhớ cách đây nhiều năm trước và bìa cứng bên ngoài có màu nâu sẫm hơn, nhưng dải băng thì không thể nhầm lẫn được, không thể quên được. Người Hindu nhất định đã nghĩ đúng: trắng, không phải đen, là màu tự nhiên của tang tóc.

Anh cảm thấy một sự trống rỗng đang ghì kéo trong phổi, như thể trọng lực đang kéo lê hơi thở của anh, linh hồn của anh, vào trong lòng đất. *Danny. Những bức vẽ của Danny. Đứa con trai Danny bé bỏng của tôi.* Anh nuốt nước bọt và quay mặt đi, quay mặt để né tránh một mất mát quá lớn. Anh cảm thấy yếu ớt không thể cử động được. Anh nhìn ra ngoài qua cánh cửa kiểu Pháp, ho hắng, cố thay những ký ức mới bị khuấy động bằng những cảm giác ngay đây, cố chuyển hướng tâm trí bằng cách nói một điều gì đó, nghe giọng của chính mình, phá tan sự im lặng đáng sợ.

“Chắc anh không về trễ đâu,” anh nói. Phải dùng cả sức lực của mình, cả ý chí của mình anh mới có thể nâng người ra khỏi ghế. “Anh sẽ về nhà kịp bữa tối,” anh nói bồi vào một cách vô nghĩa, nói mà hầu như không biết đang nói gì.

Madeleine nhìn theo anh không nói gì, chỉ nở một nụ cười yếu ớt, không hẳn là một nụ cười theo cái nghĩa thông thường.

“Phải đi thôi,” anh nói. “Phải đến đúng giờ để lo chuyện này.”

Mất nhắm trong tư thế loạng choạng muốn ngã, anh hôn lên má cô rồi đi ra ngoài xe, quên mất chiếc áo khoác.

Cảnh vật sáng hôm ấy rất khác, tựa cảnh mùa đông, khi hầu hết những sắc thu từ cây cối đã biến mất. Nhưng anh chỉ mù mờ cảm nhận được. Anh đang lái xe một cách vô thức, gần như thần thờ, vì tâm trí đã bị choán chỗ bởi hình ảnh chiếc hộp, bởi những thứ bên trong nó mà anh vừa hồi tưởng lại với ý nghĩa của việc nó xuất hiện trên bàn.

Tại sao? Tại sao lại là bây giờ, sau chừng ấy năm? Vì mục đích gì kia? Cô ấy đang nghĩ gì thế? Anh đã đi qua Dillweed, qua cửa hiệu Abelard mà không hề hay biết. Anh cảm thấy nôn nao. Anh cần phải tập trung vào một cái gì đó, cần phải kiểm soát cảm xúc của mình.

Tập trung vào nơi mà đang đến, lý do mà đến đó nào. Anh cố ép tâm trí đi theo hướng gọi của những thông điệp ấy, của những bài thơ ấy, của con số mười chín ấy. Mellery nghĩ đến con số mười chín. Rồi tìm thấy số đó trong thư. Làm sao có thể làm được chuyện như vậy? Đây là lần thứ hai Arybdis hay Charybdis – hay bất luận tên nào khác của hãn – đã thực hiện được kỳ công bất khả thi này. Có những khác biệt nhất định giữa hai lần, nhưng lần thứ hai cũng rối rắm như lần thứ nhất.

Hình ảnh chiếc hộp trên bàn trà đề liên hồi lên ngưỡng tập trung của anh – rồi đến lượt những thứ chứa trong cái hộp ấy, khi anh nhớ lại cảnh chúng bị cất đi cách đây đã rất lâu. Những bức vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp của Danny. Ôi, Chúa ơi. Tờ giấy vẽ những thứ cam cam nho nhỏ mà Madeleine khăng khăng là những bông cúc vạn thọ. Và cái bức tranh nho nhỏ ngộ nghĩnh ấy xem chừng vẽ một quả bóng xanh lá, hoặc có lẽ là cái cây, hoặc là cây kẹo que. Ôi, Chúa ơi.

Anh tập vào khu vực đậu xe rải sỏi thơm tất của viện được một lúc rồi sự tỉnh, lối ô tô chạy hầu như không lọt vào được ý thức của anh. Anh nhìn quang cảnh xung quanh, cố gắng tập trung, cố gắng vật lộn với tâm trí, đưa nó về cùng vị trí với thân thể.

Dần dà anh thả lỏng, cảm thấy như uế oải, thứ cảm giác trống trải thường tiếp nối cảm xúc cao độ. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Không hiểu sao anh đã đến đúng giờ. Rõ ràng cái phần ấy trong anh vẫn hoạt động mà không cần sự can thiệp có ý thức, như hệ thần kinh thực vật của anh vậy. Tự hỏi có phải

không khí lạnh buốt đã dồn những diễn viên bất đắc dĩ ấy vào trong hay không, anh khóa xe rồi men theo con đường ngoằn ngoèo dẫn đến căn nhà. Cũng như lần ghé thăm trước, anh chưa kịp gõ thì Mellery đã mở cửa.

Gurney bước vào nhà tránh gió. “Có tiến triển gì mới không?”

Mellery lắc đầu rồi đóng cánh cửa cổ xưa nặng trĩch lại, kịp lúc vài chiếc lá úa lướt nhẹ chỗ ngưỡng cửa.

“Trở lại phòng khách nào,” y nói. “Có cà phê, nước ép...”

“Cà phê được rồi,” Gurney nói.

Một lần nữa, họ lại chọn chiếc ghế bành lưng cao gần đồng lửa. Trên chiếc bàn thấp chũn giữa hai người là một phong bì hồ sơ lớn. Mellery ra hiệu cho anh hướng về phía nó, “Bản phôi tô những bức thông điệp viết tay và đoạn băng ghi âm cuộc gọi. Tất cả đã sẵn sàng cho anh trong đó.”

Gurney lấy chiếc phong bì rồi đặt nó lên đùi.

Mellery nhìn anh một cách trông đợi.

“Anh nên báo cảnh sát đi,” Gurney nói.

“Chúng ta đã bàn qua chuyện đó rồi mà.”

“Chúng ta cần bàn lại lần nữa.”

Mellery nhắm mắt rồi xoa bóp trán như thể trán đang nhức. Khi mở mắt ra, trông y như đã có quyết định.

“Đến dự buổi thuyết giảng sáng nay của tôi đi. Chỉ có cách ấy anh mới hiểu được.” Y nói nhanh, như để đón đầu không cho anh phản đối. “Những gì diễn ra ở đây đều rất mỏng manh, dễ vỡ. Chúng tôi giảng dạy cho khách về lương tâm, an lạc, sáng suốt. Có được lòng tin của họ là chuyện cực kỳ hệ trọng. Chúng tôi đang đặt họ vào một môi trường có thể làm thay đổi cuộc đời họ. Nhưng giống như vẽ chữ trên trời bằng máy bay vậy. Bầu trời tĩnh lặng thì anh đọc được những gì mình vẽ. Có gió một chút là tất cả trở thành rác rưởi. Anh có hiểu tôi nói gì không?”

“Tôi không chắc có hiểu không nữa.”

“Cứ đến buổi thuyết giảng đi nào,” Mellery nài nỉ.

Đúng mười giờ sáng, Gurney theo y vào một khán phòng lớn ở tầng trệt tòa nhà chính. Căn phòng trông như phòng khách của một nhà trọ miền quê đất tiền. Mười hai chiếc ghế bành và sáu chiếc sofa được đặt hướng về một chiếc lò sưởi lớn. Hầu hết hai mươi khách tham dự đã an tọa. Một số còn lảng vảng chỗ tủ búp phê có một lư cà phê màu bạc và một khay bánh sừng bò trên nóc.

Mellery đi thông thả đến một chỗ trước lò sưởi và hướng mặt về phía khán giả. Những người còn ở chỗ tủ búp phê hấp tấp ngồi vào ghế, và mọi người đều im bật trông đợi. Mellery ra hiệu cho Gurney ngồi vào một chiếc ghế bành gần lò sưởi.

“Đây là David,” Mellery thông báo kèm một nụ cười về phía Gurney. “Anh ấy muốn tìm hiểu thêm về cung cách hoạt động của chúng ta, nên tôi đã mời anh ấy tham dự buổi gặp gỡ của chúng ta sáng hôm nay.”

Nhiều giọng nói khác nhau chào hỏi anh niềm nở, và tất cả các khuôn mặt đều nở nụ cười, đa số đều trông rất thật lòng. Anh bắt gặp ánh mắt của người phụ nữ lạnh lợi đã bắt chuyện một cách tục tằn với anh ngày hôm kia. Cô ta trông bẽn lễn, thậm chí mặt còn hơi ửng đỏ.

“Những vai trò chi phối cuộc sống của chúng ta,” Mellery mở màn mà không mào đầu, “là những vai trò ta không nhận thức được. Những nhu cầu thúc đẩy chúng ta nhiều nhất là những nhu cầu ít khi nào chúng ta ý thức được. Để hạnh phúc và tự tại, chúng ta phải thấy rõ bản chất của những vai chúng ta đóng, và mang những nhu cầu tiềm tàng của chúng ta ra ánh sáng ban ngày.”

Y đang nói bình thản và thẳng thắn, thu hút được sự chú ý của toàn bộ khán giả.

“Chương ngại đầu tiên trong cuộc tìm kiếm của chúng ta chính là giả định rằng chúng ta hiểu bản thân mình rồi, rằng chúng ta hiểu động cơ của mình, rằng chúng ta biết tại sao mình lại có cảm giác như thế đối với các tình huống và con người xung quanh. Để tiến bộ, chúng ta cần phải cởi mở hơn. Để tìm ra chân lý về bản thân, tôi không được tiếp tục khẳng định cho rằng

mình đã biết được chân lý ấy. Tôi sẽ không tài nào gỡ bỏ được tảng đá lớn cản đường nếu không thấy được bản chất thật của nó.”

Gurney vừa nghĩ lời nhận xét cuối này đang mở rộng ra lớp sương mù của Thời Đại Mới thì giọng của Mellery đột ngột cất lên cao.

“Quý vị có biết tảng đá lớn đó là gì không? Tảng đá ấy là hình ảnh của chính bản thân quý vị, là con người của quý vị theo cách hình dung của mình. Con người mà quý vị tưởng là bản thân mình ấy đang giam cầm con người thật của quý vị không cho tiếp xúc với ánh sáng, thức ăn, hay bè bạn. Con người mà quý vị tưởng là bản thân mình ấy đã nhiều lần muốn sát hại con người thật của quý vị trong thời gian hai con người ấy cùng tồn tại.”

Mellery ngừng nói, vẻ như bị một cảm xúc tuyệt vọng nào đó chế ngự. Y nhìn trân trân khán giả, họ như đang nín thở. Khi y nói tiếp, giọng y hạ xuống âm lượng đàm thoại thông thường nhưng vẫn đầy xúc cảm.

“Con người mà tôi tưởng là tôi ấy khiếp sợ con người thật của tôi, khiếp sợ những gì người khác nghĩ về con người ấy. Họ sẽ làm gì tôi nếu biết con người thật của tôi? Tốt hơn hết là chọn phương án an toàn! Tốt hơn hết là giấu đi con người thật, cho con người thật chết đói, chôn con người thật ấy!”

Một lần nữa y ngừng nói, để ngọn lửa thất thường trong mắt y dịu xuống.

“Khi nào mọi chuyện sẽ bắt đầu đây? Khi nào thì chúng ta trở thành cặp song sinh rối loạn chức năng này đây – con người hư ảo trong đầu ta và con người thật sự đang bị giam cầm và chết mòn? Tôi tin chắc chuyện đó sẽ đến sớm thôi. Tôi biết trong trường hợp của mình, cặp song sinh này đã tồn tại từ lâu, mỗi đứa ở mỗi nơi riêng chẳng thoải mái gì, khi tôi 9 tuổi. Tôi sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện. Những ai đã nghe kể rồi thì xin thứ lỗi nhé.”

Gurney liếc nhìn quanh phòng, để ý thấy trong số khán giả đang chăm chú có vài người mỉm cười thừa nhận đã nghe rồi. Cái viễn cảnh phải nghe lại một trong những câu chuyện của Mellery lần thứ hai hay lần thứ ba dường như chỉ càng làm tăng thêm sự mong đợi nơi khán giả thay vì làm họ chán nản hay bức dọc. Giống như phản ứng của một đứa bé trước lời hứa kể lại một câu chuyện cổ tích ưa thích của nó.

“Ngày nọ khi tôi đang sửa soạn đi học thì mẹ tôi đưa cho tôi một tờ hai mươi đô-la nhờ mua một ít thức ăn trên đường về nhà trưa hôm đó – một lít sữa và một ổ bánh mì. Tan học lúc 3 giờ, tôi dừng lại một cửa hiệu thức ăn nhỏ cạnh sân trường để mua một lon Coca trước khi đến tiệm tạp hóa. Đây là nơi mà mấy đứa nhỏ đến chơi sau giờ học. Tôi đặt tờ hai mươi đô-la lên quầy để trả tiền lon Coca, nhưng ông chủ tiệm chưa kịp lấy tiền rồi thối lại thì một thằng nhóc đến và thấy tờ tiền. ‘Ê, Mellery, nó nói, ‘mày lấy đâu ra hai mươi đô thế hở?’ Thằng nhóc này lại đầu gấu nhất khối lớp bốn mà tôi đang học. Lúc đó tôi chín tuổi, nó thì mười một tuổi. Nó ở lại lớp hai lần rồi, và là một thằng nhóc đáng sợ – đến nói chuyện tôi còn không dám, huống hồ là chơi chung. Nó đánh lộn nhiều lần, và nhiều người nói trước đây nó đã từng đột nhập vào nhà người ta ăn cắp đồ. Khi nó hỏi tôi lấy tiền ở đâu ra, tôi toan nói mẹ tôi đưa cho tôi để mua sữa và bánh mì, nhưng tôi lại sợ nó cười nhạo mình, gọi tôi là cục cưng của mẹ, và tôi cũng muốn nói cái gì đó gây ấn tượng với nó, nên tôi nói tôi ăn cắp số tiền ấy. Nó trông thích thú, làm tôi thấy hài lòng. Rồi nó hỏi tôi lấy cắp tiền của ai, tôi nói ra người mình nghĩ đầu tiên. Tôi nói là ăn cắp tiền của mẹ. Nó gật đầu rồi mỉm cười bước đi. Lúc đó tôi giống như vừa nhẹ nhõm vừa không thoải mái vậy. Ngày hôm sau, tôi quên bém chuyện này. Nhưng một tuần sau nó đến gặp tôi dưới sân trường nói, ‘Ê, Mellery, mày có ăn cắp thêm tiền của mẹ mày không?’ Tôi nói không, tao chưa lấy. Rồi nó nói, ‘Sao mày không xoáy thêm hai mươi đô nữa nào?’ Tôi không biết phải nói gì cả. Tôi chỉ nhìn nó trân trân. Rồi nó nở một nụ cười ranh mãnh nói, ‘Mày ăn cắp thêm hai mươi đô nữa đưa cho tao, không thì tao mách mẹ mày chuyện mày lấy cắp hai mươi đô tuần rồi’. Tôi thấy máu trong người đang rỉ ra.”

“Chúa ơi,” một người phụ nữ mặt ngựa ngồi trong một chiếc ghế bành đỏ sẫm bên phía xa chỗ lò sưởi nói, trong khi nhiều tiếng xì xào giận dữ vì thương cảm lan tỏa khắp phòng.

“Đúng là khốn nạn!” một người đàn ông có thân hình chắc nịch gào lên, mắt đầy sát khí.

“Tôi rơi vào tình trạng hoảng loạn. Tôi hình dung ra cảnh nó đi nói với mẹ tôi rằng tôi đã lấy cắp hai mươi đô-la của bà. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến cái sự vô lý ấy, chưa bao giờ nghĩ đến việc thằng nhãi găng tơ này lại đi mách mẹ tôi chuyện gì. Đầu óc tôi đầy rẫy sợ sệt – sợ nó sẽ nói cho mẹ biết và mẹ tôi sẽ tin nó.

“Tôi không có một chút tin tưởng nào về sự thật cả. Vì vậy, trong tình trạng hoảng loạn vô tri này, tôi đã đi đến một quyết định sai lầm nhất trên đời. Tôi lấy cắp hai mươi đô-la từ ví mẹ đêm hôm đó rồi đưa cho nó ngày hôm sau. Dĩ nhiên, tuần kế tiếp nó lại yêu sách như cũ. Rồi tuần sau đó nữa. Cứ thế suốt 6 tuần, cho đến khi tôi bị bố bắt quả tang – bắt quả tang khi đang đóng ngăn tủ quần áo trên cùng của mẹ, trong tay nắm chặt tờ hai mươi đô-la. Tôi thú tội. Tôi kể cho bố mẹ nghe toàn bộ câu chuyện khủng khiếp, đáng xấu hổ ấy. Nhưng chuyện lại tệ hơn. Họ gọi mục sư của tôi đến, Cha Reardon, rồi dẫn tôi đến nhà chung để kể đi kể lại câu chuyện đó. Đêm hôm sau, Cha bảo tôi quay lại và ngồi xuống cùng thằng nhóc tổng tiền và bố mẹ nó, và tôi lại phải kể lại câu chuyện đó một lần nữa. Nhưng như vậy vẫn chưa xong. Bố mẹ tôi cắt tiền tiêu vặt của tôi trong một năm để trừ đi số tiền tôi lấy cắp. Chuyện đó đã thay đổi cách nhìn của bố mẹ về tôi. Thằng tổng tiền bịa ra một phiên bản khác để kể cho mọi người trong trường nghe, nó được khắc họa như Robin Hood còn tôi chỉ là đồ chuột mách lẻo. Rồi thỉnh thoảng, nó ném cho tôi một cái cười nhếch mép lạnh băng như muốn nói một ngày không xa tôi sẽ bị hất ra khỏi mái một khu nhà chung cư.”

Mellery ngừng nói để nhớ lại câu chuyện của mình và lấy lòng bàn tay xoa mặt, như muốn làm bớt căng những bắp thịt bị hồi ức làm co lại.

Người đàn ông lực lưỡng lắc đầu một cách nghiêm nghị và lặp lại, “Đúng là khốn nạn!”

“Tôi cũng đã nghĩ hệt như vậy,” Mellery nói. “Đúng là một thằng nhãi khốn nạn thích điều khiến người khác! Mỗi khi cái mớ bong bóng ấy hiện lên trong tâm trí, suy nghĩ tiếp theo trong đầu tôi lúc nào cũng là, ‘Đúng là đồ khốn nạn’. Tôi chỉ suy nghĩ được chừng ấy.”

“Anh nói đúng,” người đàn ông lực lưỡng nói bằng một giọng nghe như quen được người khác lắng nghe. “Cái thằng ấy chính là như vậy!”

“Cái thằng ấy chính là như vậy,” Mellery đồng ý bằng một giọng cất cao, “hắn đúng là như vậy. Nhưng tôi chẳng bao giờ nghĩ quá được chuyện hắn là gì, để tự hỏi bản thân mình là gì. Chuyện hắn là gì hiển nhiên đến nỗi tôi chẳng bao giờ tự hỏi tôi là gì. Cái đứa nhỏ chín tuổi này là đứa quái quỷ nào đây, và tại sao nó lại làm những gì nó đã làm? Nói nó sợ nên mới làm vậy là chưa đủ. Sợ gì mới được? Và nó nghĩ nó là ai?”

Gurney cảm thấy bị cuốn hút vào câu chuyện một cách kỳ lạ. Mellery đã thu hút được toàn bộ sự chú ý của anh cũng như bất kỳ ai khác trong phòng. Gurney đã chuyển từ vai trò dự thính sang vai trò tham gia vào cuộc tìm kiếm ý nghĩa, động cơ, bản thể đột ngột này. Mellery vừa nói vừa nhip chân qua lại trước nền lò sưởi khổng lồ, tựa như đang bị ký ức và câu hỏi khiến cho không thể đứng yên. Những lời của y tuôn ra tự nhiên.

“Cứ nghĩ đến đứa bé đó – bản thân tôi lúc chín tuổi – là tôi lại nghĩ đến nó như một nạn nhân, nạn nhân của một vụ tống tiền, nạn nhân của chính niềm khao khát ngây thơ được yêu thương, được ngưỡng mộ, được chấp nhận. Nó chỉ muốn thằng nhóc to con thích nó thôi mà. Nó là nạn nhân của một thế giới nghiệt ngã. Đứa bé đáng thương, chú cừu đáng thương trước miệng cọp.”

Mellery thôi nhip chân và xoay người về phía khán giả. Giờ thì y nói nhỏ nhẹ. “Nhưng đứa bé ấy cũng không chỉ có thế. Nó vừa là kẻ dối trá vừa là kẻ cắp.”

Khán giả bất đồng quan điểm với nhau, một nhóm dường như muốn phản đối và một nhóm gật gù tán thành.

“Nó nói dối khi được hỏi lấy hai mươi đô-la ở đâu ra. Nó tự nhận mình là kẻ cắp để lòn một đứa mà nó cho là kẻ cắp. Rồi sau đó, đối mặt với lời dọa dẫm là mẹ nó sẽ biết nó ăn cắp, nó trở thành kẻ cắp thật sự thay vì chỉ khiến mẹ nghĩ là nó là kẻ cắp. Điều mà nó quan tâm nhất chính là phải kiểm soát suy nghĩ của người khác về nó. So với những gì mà họ nghĩ thì chuyện nó có thật sự nói dối hay ăn cắp hay không, hay hành vi của nó có tác động như

thế nào đối với những người nó nói dối và ăn cắp, đối với nó cũng không quan trọng lắm. Để tôi nói như thế này cho dễ hiểu: chuyện không đủ quan trọng để khiến nó thôi nói dối hay ăn cắp. Chuyện chỉ đủ quan trọng để ăn mòn lòng tự trọng của nó như axit khi nó nói dối và ăn cắp thật sự. Chuyện chỉ vừa đủ quan trọng để nó tự ghét bỏ mình và ước được chết.”

Mellery im bật một vài giây, để những lời bình phẩm của y được ngấm vào, rồi nói tiếp, “Tôi muốn quý vị làm như vậy. Lập ra một danh sách những người quý vị không chịu nổi, những người quý vị giận dữ, những người có lỗi với quý vị – rồi tự hỏi mình, ‘Tôi đã lâm vào tình cảnh đó như thế nào? Tôi đã lâm vào mối quan hệ đó như thế nào? Động cơ của tôi là gì? Hành động của tôi trong tình huống ấy sẽ như thế nào trong mắt một người quan sát khách quan?’ Đứng – tôi lặp lại, đứng – đứng tập trung vào những thứ tệ hại mà người kia đã gây ra. Lúc này chúng ta không phải tìm người để đổ lỗi. Chúng ta đã đổ lỗi suốt cuộc đời mình rồi, và làm vậy chẳng đưa chúng ta đến đâu cả. Chúng ta chỉ biết lập một danh sách dài ngoằng, vô bổ chứa tên những người để đổ lỗi nếu có việc gì không hay xảy ra. Một danh sách dài ngoằng, vô bổ! Câu hỏi thật sự, câu hỏi quan trọng duy nhất là ‘*Tôi đã ở đâu trong tất cả những chuyện này? Tôi đã mở cánh cửa dẫn đến căn phòng ấy như thế nào?*’ Khi tôi 9 tuổi, tôi đã mở cánh cửa ấy bằng cách nói dối để có được sự ngưỡng mộ. Quý vị đã mở cánh cửa ấy như thế nào?”

Người phụ nữ nhỏ nhắn trước đó đã văng tục với Gurney trông càng lúc càng bối rối. Cô ta ngấp ngừng giơ tay lên hỏi, “Chẳng phải đôi khi người xấu làm chuyện khủng khiếp với người vô tội đấy sao, như đột nhập vào nhà rồi cướp bóc chẳng hạn? Vậy đâu phải lỗi ở người vô tội đúng không?”

Mellery mỉm cười. “Chuyện xấu xảy đến với người tốt là chuyện bình thường. Nhưng sau đó những người tốt này không dành cả quãng đời còn lại để nghiên rã rồi chiếu đi chiếu lại trong tâm trí đoạn băng đầy hằn học thu cảnh mình bị trộm. Những va chạm cá nhân làm chúng ta lao đao nhiều nhất, những va chạm mà chúng ta cảm thấy bất lực không thể buông xả, là những va chạm trong đó chúng ta đóng một vai mà mình không chịu nhìn nhận. Đó là lý do tại sao nỗi đau đó kéo dài – bởi vì chúng ta không chịu

nhìn vào gốc rễ của nó. Chúng ta không thể tháo gỡ nó, bởi lẽ chúng ta không chịu nhìn vào chính cái mối nối ấy.”

Mellery nhắm mắt lại, vẻ như đang tập trung sức mạnh để tiếp tục. “Nỗi đau khôn cùng nhất trong đời ta đến từ những lỗi lầm ta không chịu nhìn nhận – những thứ ta làm lạc điệu với cái bản thể mà ta không dám nhìn vào. Ta trở thành hai con người trong một lớp da, hai con người tương khắc nhau. Kẻ thì giả trá, người thì khinh bỉ sự giả trá. Kẻ thì trộm cắp, người thì khinh bỉ trộm cắp. Không có nỗi đau nào sánh bằng nỗi đau của cuộc đối đầu ấy, diễn ra ác liệt dưới ngưỡng nhận thức. Ta trốn nó, nhưng nó lại chạy theo ta. Ta chạy đến đâu thì mang cuộc chiến ấy theo đến đó.”

Mellery nhịp chân qua lại trước lò sưởi.

“Hãy làm những gì tôi nói. Lập ra một danh sách những người mà quý vị quy trách nhiệm về những phiền muộn trong đời mình. Người nào khiến quý vị càng giận dữ thì càng tốt. Ghi tên họ ra. Quý vị càng tin chắc mình không phải là người chịu trách nhiệm thì càng tốt. Ghi ra giấy họ đã làm gì và quý vị đã bị tổn thương như thế nào. Sau đó tự hỏi mình rằng quý vị đã mở cánh cửa ấy bằng cách nào. Nếu ý nghĩ đầu tiên của quý vị là bài tập này vớ vẩn, thì tự hỏi mình tại sao lại háo hức bác bỏ nó đến vậy. Hãy nhớ, đây không phải chuyện miễn trách nhiệm cho người khác. Quý vị không có sức mạnh để miễn trách nhiệm cho họ. Đó là chuyện của Chúa, không phải của quý vị. Chuyện của quý vị tựu trung lại là câu hỏi này: *‘Tôi đã mở cánh cửa ấy bằng cách nào?’*”

Y ngừng nói rồi nhìn quanh phòng, cố gắng tiếp xúc bằng mắt với càng nhiều khách càng tốt.

“*‘Tôi đã mở cánh cửa ấy bằng cách nào?’* Hạnh phúc trong quãng đời còn lại của quý vị sẽ phụ thuộc vào mức độ thành thật của mình khi trả lời câu hỏi này.”

Y ngừng nói, ra chiều đã kiệt quệ, rồi thông báo giải lao ‘để dùng cà phê, trà, hít thở không khí trong lành, đi vệ sinh, vân vân’. Khi mọi người đứng dậy khỏi ghế và xô pha rồi tản đi khắp hướng làm nhiều chuyện khác nhau, Mellery nhìn Gurney một cách dò xét. Anh vẫn yên vị trong ghế.

“Có giúp ích chút xíu nào không?” y hỏi.

“Rất ấn tượng.”

“Về mặt nào?”

“Anh thuyết giảng hay lắm.”

Mellery gật đầu – không khiêm tốn mà cũng không tự kiêu.

“Anh thấy chuyện này mỏng manh như thế nào chưa?”

“Anh muốn nói đến mối giao hảo mà anh đã thiết lập với khách ư?”

“Tôi nghĩ *giao hảo* hay từ gì thì cũng như nhau cả, miễn là nó bao hàm ý nghĩa một sự kết hợp giữa tin cậy, đồng cảm, nối kết, cởi mở, tin tưởng, hy vọng, thương yêu – và miễn là anh hiểu những bông hoa ấy mỏng manh như thế nào là được, nhất là khi chúng mới ra hoa lần đầu.”

Gurney không biết nên kết luận như thế nào về Mark Mellery. Nếu là tay bịp bợm thì y hẳn là tay bịp bợm giỏi nhất anh từng chạm trán.

Mellery giơ tay lên gọi một người phụ nữ trẻ đứng gần chỗ bình cà phê. “À, Keira này, cô có thể giúp tôi một chuyện lớn lao này không, kêu Justin đến hộ tôi nhé?”

“Nhất định rồi!” cô ta trả lời không do dự, xoay tròn người như diễn viên múa ba lê, rồi bắt đầu cuộc săn tìm.

“Justin là ai vậy?” Gurney hỏi.

“Một cậu thanh niên mà càng lúc tôi càng không thể thiếu. Ban đầu cậu ta đến đây với tư cách là một vị khách mới hai mươi một tuổi thôi – đó là độ tuổi nhỏ nhất mà chúng tôi tiếp nhận. Cậu ta quay lại ba lần, và lần thứ ba thì không bao giờ rời khỏi chỗ này nữa.”

“Cậu ta làm gì?”

“Tôi nghĩ có thể nói cậu ta làm những gì tôi làm.”

Gurney ném cho Mellery một cái nhìn ngờ ngác.

“Ngay từ lần viếng thăm đầu tiên Justin đã cho thấy cậu ta rất hợp ý tôi, tôi nói gì cậu ta cũng hiểu ngay, chuyện nhỏ nhặt lẫn lớn lao. Một anh chàng sắc sảo, đóng góp rất nhiều cho mọi việc chúng tôi làm. Thông điệp của viện

được tạo ra cho cậu ấy, và cậu ta được sinh ra cho thông điệp của viện. Nếu muốn thì cậu ta rất có tương lai ở đây.”

“Mark con,” Gurney nói, gần như lầm bầm.

“Sao cơ?”

“Nghe như một cậu con trai lý tưởng vậy. Anh làm gì cậu ta cũng tiếp thu và đánh giá cao cả.”

Một cậu thanh niên mảnh khảnh, mặt mũi sáng sủa vào phòng và đi về phía họ.

“Justin, tôi muốn cậu gặp người bạn cũ của tôi, Dave Gurney.”

Người thanh niên chìa tay ra một cách nồng hậu xen lẫn ngại ngùng.

Hai người bắt tay xong, Mellery kéo Justin sang một bên nói nhỏ. “Tôi muốn cậu phụ trách nửa tiếng tiếp theo, cho ví dụ về những lưỡng phân nội tại nhé.”

“Được thôi,” người thanh niên nói.

Gurney chờ Justin đi đến chỗ tủ bút phê lấy cà phê rồi nói với Mellery, “Nếu anh có thời gian, tôi muốn anh gọi điện thoại cho một người trước khi tôi đi.”

“Ta trở vào nhà nào.” Rõ ràng Mellery muốn đặt một khoảng cách giữa khách và tất cả những chuyện có liên quan đến khó khăn hiện tại của y.

Trên đường đi, Gurney giải thích rằng anh muốn y gọi cho Gregory Dermott để hỏi thêm thông tin về lịch sử hộp thư và độ bảo mật của nó, cùng bất kỳ chuyện nào khác mà anh ta nhớ lại được có liên quan đến chuyện nhận tờ séc 289,87 đô gửi tới X. Arybdis mà anh ta đã gửi trả lại Mellery. Cụ thể thì có ai khác trong công ty của Dermott được ủy quyền mở hộp thư không? Chìa khóa hộp thư có luôn nằm trong tay Dermott không? Có chìa khóa thứ hai không? Anh ta thuê hộp thư đã bao lâu? Trước đây anh ta có bao giờ nhận được thư đề sai địa chỉ không? Anh ta có bao giờ nhận được tấm séc nào không kèm thư giải thích không? Mấy cái tên Arybdis, Charybdis, hay Mark Mellery có ý nghĩa gì với anh ta không? Có ai từng nói gì với anh ta về Viện Đổi mới Tâm linh không?

Ngay khi Mellery bắt đầu ra chiều choáng ngợp, Gurney lôi một tấm thẻ nhỏ trong túi ra trao cho y. “Những câu hỏi đó đều ở đây cả. Ông Dermott có thể không muốn trả lời hết tất cả câu hỏi, nhưng cũng đáng thử mà.”

Khi họ tiếp tục bước đi, giữa những luống hoa tàn úa, Mellery dường như đang chìm sâu hơn vào nỗi lo. Khi hai người đến sân hiên đằng sau ngôi nhà khang trang, y dừng bước và nói bằng cái giọng thì thào của một kẻ sợ những cặp tai soi mồi.

“Tôi qua tôi không chớp mắt được. Cái vụ ‘số mười chín’ dạo này làm tôi mất trí hoàn toàn.”

“Anh không thấy nó có liên quan đến bất kỳ thứ gì ư? Nó không có một ý nghĩa nào sao?”

“Không có gì cả. Toàn mấy thứ vớ vẩn cả. Một bác sĩ trị liệu có lần cho tôi làm một bài kiểm tra gồm hai mươi câu hỏi để xem tôi có vấn đề về rượu không, và tôi làm được 19 điểm. Người vợ đầu kết hôn với tôi khi cô ta mới 19 tuổi. Đại khái như vậy – những liên tưởng ngẫu nhiên thôi, tôi nghĩ đến chuyện gì không ai có thể đoán được, cho dù họ có biết rõ tôi đến đâu đi nữa.”

“Nhưng họ lại đoán được đấy thôi.”

“Chính vì thế mà tôi đang điên lên đây! Anh xem các dữ kiện đi. Ai đó để một phong bì niêm phong trong hộp thư của tôi. Tôi nhận được điện thoại nói nó ở đó rồi kêu tôi nghĩ đến một con số bất kỳ. Tôi nghĩ đến số 19. Tôi đi đến hộp thư lấy chiếc phong bì, và lá thư trong phong bì đề cập đến con số 19. Đúng con số mà tôi đã nghĩ đến. Tôi nghĩ đến con số 72.951 cũng được vậy. Nhưng tôi lại nghĩ đến số 19, và đó chính là con số trong thư. Anh nói chuyện năng lực ngoại cảm là tào lao mà, nhưng nếu không như vậy thì anh giải thích sao đây?”

Mellery kích động bao nhiêu thì Gurney đáp lại bằng giọng điềm đạm bấy nhiêu. “Có cái gì đó khiếm khuyết trong khái niệm của chúng ta về những chuyện đã xảy ra. Chúng ta đang xem xét vấn đề theo cách nào đó khiến chúng ta đặt sai câu hỏi.”

“Câu hỏi đúng là gì cơ?”

“Khi tôi nghĩ ra được thì anh sẽ là người đầu tiên biết. Nhưng tôi đảm bảo với anh là không có liên quan gì tới ngoại cảm cả.”

Mellery lắc đầu, điệu bộ giống run rẩy hơn là thể hiện cảm xúc. Rồi y ngược lên nhìn sau lưng căn nhà, đoạn đưa mắt nhìn xuống hàng hiên đang đứng. Vẻ mặt ngây dại của y nói rằng y không hiểu sao mình lại đứng đây.

“Ta đi vào trong được không?” Gurney đề nghị.

Mellery định thần trở lại và như sực nhớ ra điều gì. “Tôi quên mất – tôi xin lỗi – trưa nay Caddy ở nhà. Tôi không thể... Ý tôi là, có thể sẽ tốt hơn nếu... tôi muốn nói, tôi không thể gọi cho Dermott ngay lúc này được. Tôi đành phải tùy cơ ứng biến vậy.”

“Nhưng anh sẽ gọi ngày hôm nay chứ?”

“Vâng, có chứ, tất nhiên là ngày hôm nay. Tôi chỉ cần lựa chọn thời gian thích hợp để gọi thôi. Khi nào tôi nói chuyện với anh ta tôi sẽ gọi cho anh ngay mà.”

Gurney gật đầu. Nhìn vào cặp mắt của người bạn hữu, anh thấy trong đó ánh lên nỗi lo về một cuộc đời sắp sụp đổ.

“Câu hỏi này nữa trước khi tôi đi. Tôi nghe anh bảo Justin thuyết giảng về những ‘lưỡng phân nội tại’ gì đấy. Tôi tự hỏi chủ đề ấy nói đến cái gì.”

“Anh tinh ý đấy,” Mellery vừa nói vừa chau nhẹ mày. “‘Lưỡng phân’ nói đến sự phân cắt, tính nhị nguyên bên trong một thứ. Tôi dùng từ này để mô tả những xung đột bên trong chúng ta.”

“Anh muốn nói đến mấy thứ kiểu như Jekyll và Hyde ư?”

“Phải, nhưng còn sâu xa hơn thế. Con người chất chứa bên trong nhiều xung đột. Những xung đột này hình thành các mối quan hệ của ta, tạo ra phiền muộn của ta, hủy hoại cuộc đời ta.”

“Cho tôi một ví dụ nào.”

“Tôi cho anh một trăm ví dụ cũng được. Xung đột đơn giản nhất là xung đột giữa cách chúng ta nhìn bản thân và cách chúng ta nhìn người khác.

Chẳng hạn như, nếu chúng ta đang cãi nhau và anh hét vào mặt tôi, tôi sẽ thấy nguyên nhân chính là anh không thể kiềm chế được tính khí. Tuy nhiên, nếu tôi hét vào mặt anh, tôi sẽ thấy nguyên nhân không phải là do tính khí của tôi mà chính là do anh kích động tôi – việc tôi la hét là một phản ứng thích hợp đáp lại một thứ gì đó trong anh.”

“Hay đấy.”

“Ai trong chúng ta dường như cũng đều được lập trình sẵn để tin rằng *tình cảnh của tôi gây ra vấn đề của tôi nhưng nhân cách của anh gây ra vấn đề của anh*. Rắc rối phát sinh chỗ đó. Tôi khát khao có được mọi thứ theo cách của tôi thì có vẻ hợp lý, trong khi anh khát khao có được mọi thứ theo cách của anh lại có vẻ ấu trĩ. Một ngày tốt đẹp hơn là ngày mà tâm trạng tôi khá hơn còn hành vi của anh đúng mực hơn. Cách nhìn sự vật của anh đã bị động cơ của anh làm cho sai lệch.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Đó mới chỉ là khởi đầu thôi, chưa chạm vào bề mặt của vấn đề nữa là. Trí óc ta là một mớ hỗn độn những mâu thuẫn và xung đột. Chúng ta nói dối để được lòng tin của người khác. Chúng ta giấu đi cái tôi thật sự để mưu cầu sự gần gũi. Chúng ta lại theo đuổi hạnh phúc bằng những cách xua hạnh phúc đi. Khi chúng ta sai, chúng ta chiến đấu tới cùng để chứng minh là mình đúng.”

Đắm chìm vào nội dung chương trình của mình nên Mellery nói chuyện đầy sức sống, đậm chất hùng biện. Ngay cả trước tình trạng căng thẳng hiện tại, nó vẫn có sức mạnh giúp y tập trung tinh thần.

“Tôi có cảm tưởng,” Gurney nói, “anh đang nói tới nguồn gốc một nỗi đau cá nhân hơn là chỉ nói chung chung về con người.”

Mellery gật đầu chậm chậm. “Không có nỗi đau nào tệ hơn nỗi đau có hai cá thể sống trong cùng một cơ thể cả.”

Kết Cục Của Sự Khởi Đầu

Gurney có một cảm giác đau đáu không yên. Nó đã theo anh chập chờn kể từ chuyến viếng thăm đầu tiên của Mellery tới Walnut Crossing. Giờ đây anh thất vọng nhận ra cảm giác ấy chính là nỗi khát khao muốn thấy rõ một tội ác thật sự; muốn thấy rõ một hiện trường vụ án bị lùng sục và sàng lọc, đo đạc và lập biểu đồ; dấu vân tay và dấu chân, lông tóc và vãi sợi được phân tích và xác định; nhân chứng được thẩm vấn, nghi can bị truy nã, chứng cứ ngoại phạm được xác minh, các mối quan hệ được điều tra, hung khí được tìm thấy, đầu đạn được phân tích quỹ đạo. Trước đây chưa bao giờ anh lại nhập cuộc vào một vấn đề mà ngao ngán đến vậy, một vấn đề vô cùng mơ hồ về mặt luật pháp, với vô số những chướng ngại cản trở những quy trình thường lệ.

Suốt quá trình lái xe xuống núi từ viện đến ngôi làng, anh trầm ngâm suy đoán về hai nỗi sợ đang giằng co nhau trong Mellery – mặt này sợ một tên ác ôn đang theo dõi, mặt kia lại sợ cảnh sát can thiệp sẽ làm khách lánh xa viện. Việc Mellery tin rằng chữa trị còn tệ hơn sống với bệnh tật càng khiến tình hình rơi vào bế tắc.

Anh tự hỏi liệu Mellery có biết nhiều hơn những gì y nói hay không. Y có biết chuyện gì mình đã làm ở quá khứ xa xôi mà có thể là nguyên nhân của chiến dịch dọa dẫm và ám chỉ hiện tại không? Bác sĩ Jekyll có biết những gì ông Hyde đã làm không?

Chủ đề thuyết giảng của Mellery về hai trí óc đối chọi nhau bên trong một cơ thể khiến Gurney hứng thú vì nhiều lý do khác. Nó cộng hưởng với tri giác của anh suốt nhiều năm qua, thứ tri giác mà giờ đây càng mạnh mẽ hơn cùng bao nỗ lực của anh trong dự án ‘Nghệ thuật ảnh nhận diện’, thứ tri giác cho rằng những phân đoạn của tâm hồn thường hiển hiện trên khuôn mặt, rõ

nhất là ở mắt. Đã nhiều lần anh thấy những bộ mặt thật ra là hai bộ mặt. Hiện tượng này dễ quan sát nhất trong ảnh chụp. Ta chỉ cần lần lượt che nửa mặt lại bằng một tờ giấy – dọc theo đường sống mũi, để mỗi lần chỉ thấy được một mặt. Sau đó mô tả nhanh trên giấy tính cách con người ta thấy bên trái và con người ta thấy bên phải. Ta sẽ kinh ngạc nhận thấy hai bản mô tả ấy rất khác nhau. Một người đàn ông nhìn bề ngoài có thể ôn hòa, nhẫn nại, thông thái mặt này – và hằn học, lạnh lùng, thích điều khiển người ta mặt khác. Xuyên thấu sự ngây dại hằn trên những khuôn mặt ấy là một ánh mắt hiểm độc dẫn đến giết chóc thường hiển hiện trong mắt này nhưng lại thiếu vắng trong mắt kia. Có lẽ trong những cuộc chạm trán ngoài đời, não của chúng ta đã được lập trình sẵn để kết hợp và lấy trung bình những đặc điểm khác xa nhau của hai mặt, khiến những khác biệt giữa chúng rất khó nhận ra, nhưng trong ảnh chụp những khác biệt này rất khó bỏ sót.

Gurney nhớ lại ảnh của Mellery in trên bìa cuốn sách y viết. Anh thầm nhắc mình khi về nhà sẽ coi kỹ hơn đôi mắt ấy. Anh cũng phải nhớ gọi lại cho Sonya Reynolds – người mà Madeleine đã đề cập đến kèm một chút lạnh lùng. Khi còn cách Peony một vài cây số, anh tấp xe vào một mảng sỏi đầy cỏ dại phân tách đường lộ ra khỏi nhánh sông Esopus, lấy điện thoại ra, bấm số gọi đến phòng tranh của Sonya. Sau bốn tiếng chuông, giọng nói mượt mà của cô mời anh để lại tin nhắn với thời lượng tùy ý.

“Sonya, Dave Gurney đây. Tôi biết đã hứa sẽ giao cho cô một bức chân dung tuần này, và tôi hy vọng sẽ mang đến cho cô vào ngày thứ Bảy, hoặc ít ra cũng email cho cô một tập tin đồ họa để cô có thể in ra làm mẫu. Ảnh gần xong rồi, nhưng tôi chưa hài lòng.” Anh ngừng nói vì nhận ra giọng mình đã chuyển sang cái phong cách êm dịu vẫn thường bật phát trước những phụ nữ hấp dẫn – một thói quen mà Madeleine đã nêu ra với anh. Anh hăng giọng rồi nói tiếp, “Bản chất của loại nghệ thuật này là tính đặc thù. Gương mặt phải phù hợp với sát khí, nhất là cặp mắt. Tôi đang cố gắng phản ánh tính chất đó. Mất thời gian là vì vậy.”

Có tiếng cạch trên đường dây, và giọng của Sonya chen vào, hỗn hển.

“David, tôi đây. Tôi không bắt kịp điện thoại, nhưng tôi nghe anh nói gì rồi. Tôi cũng hoàn toàn hiểu rõ anh muốn làm cho thật đúng. Nhưng nếu anh giao được ảnh vào ngày thứ Bảy thì rất tốt vì Chủ nhật sẽ có lễ hội nên lưu lượng người ra vào phòng tranh sẽ cao.”

“Tôi sẽ cố gắng. Có thể phải đến khuya mới xong.”

“Tuyệt! Sáu giờ tôi đóng cửa, nhưng tôi sẽ ở đây làm việc thêm một tiếng nữa. Lúc đó anh đến nhé. Chúng ta sẽ có thời gian nói chuyện.”

Điều khiến anh chú ý là giọng nói của Sonya có thể làm mọi thứ nghe như lời gọi tình. Dĩ nhiên, anh biết mình đang mang vào tình huống này quá nhiều khả năng cảm thụ và óc tưởng tượng. Anh cũng biết mình đang nghĩ chuyện vớ vẩn lung tung.

“Sáu giờ chắc được,” vừa nghe bản thân nói, anh vừa nhớ lại văn phòng của Sonya, với những chiếc ghế xô pha lớn và những tấm thảm sang trọng, được trang hoàng như phòng làm việc thân mật hơn là nơi kinh doanh.

Anh thả điện thoại vào lại ngăn chứa đồ trong xe rồi ngồi nhìn trân trân phía thung lũng đầy cỏ. Như thường lệ, giọng nói của Sonya đã làm gián đoạn dòng suy nghĩ logic của anh, và tâm trí anh nhảy hết đối tượng này đến đối tượng khác: văn phòng quá ấm cúng của Sonya, sự khó chịu của Madeleine, tính bất khả của chuyện có người biết trước con số người khác sẽ nghĩ đến, máu đỏ như hoa hồng được tô điểm, ông và tôi có hẹn ông 658 ạ, Charybdis, hộp thư bưu điện đề sai địa chỉ, Mellery sợ cảnh sát, thẳng khốn vô luân Peter Piggert giết người hàng loạt, anh chàng Justin duyên dáng, bà Caddy trung niên giàu sụ, bác sĩ Jekyll và ông Hyde, vân vân, chẳng có logic gì, loanh quanh lẫn quẩn. Xe đang dừng cạnh nhánh sông. Anh hạ kính xe bên phía ghế khách xuống, ngả lưng, nhắm mắt, cố tập trung vào tiếng nước róc rách chảy qua khe suối.

Một tiếng gõ vào cửa xe đang đóng bên tai khiến anh tỉnh giấc. Anh ngước lên, thấy một bộ mặt vuông vức không chút cảm xúc, mắt giấu sau cặp kính râm như gương, bóng râm đổ dưới vành nón tròn cứng cáp của chiếc mũ xám nhà binh. Anh hạ thấp kính xe xuống.

“Mọi thứ ổn cả chứ, thưa anh?” Câu hỏi nghe có vẻ dọa dẫm hơn là ân cần, từ thưa anh nghe như chiếu lệ hơn là lịch sự.

“Vâng, cảm ơn, tôi chỉ muốn chớp mắt một chút.” Anh liếc nhìn đồng hồ trên bảng điều khiển. Một chút của anh đã kéo dài mười lăm phút.

“Anh đi đâu thế?”

“Walnut Crossing.”

“Ra thế. Hôm nay anh đã uống tí gì không?”

“Không, anh cảnh sát. Chưa uống gì cả.”

Người đàn ông gật đầu lùi lại ngấm chiếc xe. Miệng gã, có lẽ là đặc điểm rõ rệt duy nhất phản bội thái độ của gã, đầy vẻ khinh bỉ – như thể gã xem lời khước từ có uống rượu của Gurney là một lời nói dối trắng trợn và sẽ sớm tìm ra chứng cứ cho thấy điều đó. Gã bước đi thong thả một cách khoa trương, lẩn quẩn ra phía sau xe, rồi lên chỗ ghế dành cho hành khách, quanh đầu xe, rồi cuối cùng trở lại chỗ cửa xe Gurney đang ngồi. Sau một hồi lâu im lặng dò xét, gã lên tiếng bằng giọng dọa dẫm kìm nén thích hợp với kịch của Harold Pinter hơn là công tác kiểm tra phương tiện thường lệ.

“Anh có biết đây là khu vực cấm đậu xe không?”

“Tôi không biết,” Gurney nói một cách bình thản. “Tôi chỉ định dừng lại một hai phút thôi.”

“Anh vui lòng cho xem giấy phép lái xe và giấy đăng ký xe.”

Gurney moi giấy tờ trong bóp ra rồi đưa ra ngoài cửa xe. Trong những tình huống như thế này, anh không có thói quen trình giấy tờ chứng minh thân thể của mình, một thanh tra hạng nhất đã về hưu ở Sở Cảnh sát New York, cùng những mối liên hệ mà cái thân thể ấy ngụ ý, nhưng anh người được, khi gã cảnh sát xoay người bước trở lại chỗ chiếc xe tuần tra, một sự ngạo mạn vượt mức và một thái độ thù địch sẽ thể hiện ngay, hoặc còn hơn thế, nếu anh còn chần chừ vô lý. Anh miễn cưỡng rút trong bóp ra một tấm thẻ khác.

“Gượm đã, anh cảnh sát, cái này có thể có ích nữa này.”

Gã cảnh sát nhận tấm thẻ một cách thận trọng. Rồi Gurney thấy ở khoe miệng gã lập lòe một sự thay đổi, nhưng không theo hướng thân thiện. Nó giống như thất vọng xen lẫn giận dữ. Một cách khinh khinh, gã đưa trả tấm thẻ, giấy phép lái xe, và giấy đăng ký xe qua cửa xe.

“Chúc anh một ngày vui,” gã nói nhưng giọng lại truyền đạt một cảm xúc ngược lại. Gã trở lại xe, quay nhanh xe lại, rồi lái đi theo hướng đã đến.

Cho dù bài kiểm tra tâm lý có trở nên phức tạp đến đâu đi nữa, Gurney nghĩ, cho dù yêu cầu học vấn có cao đến đâu đi nữa, cho dù chương trình đào tạo ở trường cảnh sát có hà khắc đến đâu đi nữa, thì vẫn luôn có những tay cảnh sát không xứng làm cảnh sát. Trong trường hợp này, gã cảnh sát ấy không phạm luật cụ thể, nhưng có cái gì đó cứng nhắc và khó ưa ở gã – Gurney cảm nhận được, thấy được điều đó qua những vết hằn trên mặt gã – và chẳng cần nhiều thời gian để nó xung khắc với hình ảnh phản chiếu của nó. Rồi chuyện khủng khiếp sẽ xảy ra. Trong khi đó thì nhiều người bị trì hoãn và hăm dọa vô lối. Gã là một trong những tay cảnh sát làm dân chúng ghét cảnh sát.

Có lẽ Mellery có lý.

Suốt 7 ngày sau, mùa đông đến phía Bắc vùng núi Catskills. Gurney dành gần hết thời gian trong phòng làm việc, luân phiên vừa thực hiện dự án ảnh nhận diện vừa xem lại tỉ mỉ thư từ, điện thoại của Charybdis – bước qua bước lại điệu nghệ giữa hai thế giới ấy và nhiều lần tránh nghĩ đến những bức vẽ của Danny và sự hỗn loạn nội tâm đi cùng những bức vẽ ấy. Chuyện hiển nhiên cần làm là nói chuyện với Madeleine, tìm hiểu tại sao cô lại quyết định lôi vấn đề ấy ra vào lúc này – hiểu theo nghĩa đen là lôi nó lên từ dưới tầng hầm – và tại sao cô lại kiên nhẫn chờ anh nói ra điều gì đến thế. Nhưng anh dường như không thể thu hết được sự sẵn lòng cần thiết. Nên anh muốn đẩy nó ra khỏi tâm trí và trở lại chuyện Charybdis. Ít ra như vậy anh có thể suy nghĩ về nó mà không cảm thấy lạc lõng, không cảm thấy tim chạy loạn xạ.

Chẳng hạn, anh thường xuyên nghĩ về buổi chiều hôm thăm viện trở về. Như đã hứa, Mellery gọi cho anh tối hôm đó và kể lại cuộc nói chuyện giữa

y và Gregory Dermott từ công ty Hệ thống Bảo mật GD. Dermott sẵn lòng trả lời tất cả các câu hỏi của y – những câu mà Gurney đã viết ra – nhưng thông tin thu được thì không đáng là bao. Người đàn ông này thuê hộp thư cũng khoảng một năm kể từ khi công ty tư vấn của anh ta dời từ Hartford về Wycherly; trước đây chưa từng có vấn đề gì, hoàn toàn không có thư từ hay tấm séc nào bị đề sai địa chỉ cả; anh ta là người duy nhất mở được hộp thư; những cái tên Arybdis, Charybdis và Mellery chẳng có ý nghĩa gì đối với anh ta; anh ta chưa bao giờ nghe đến viện tinh tu. Khi được hỏi liệu có ai khác trong công ty mình đã sử dụng hộp thư trái thẩm quyền không, Dermott giải thích rằng chuyện này không thể nào xảy ra, bởi lẽ trong công ty anh ta *không có* nhân viên nào khác. Hệ thống Bảo mật GD và Gregory Dermott là một và chỉ một cá nhân. Anh ta là nhân viên tư vấn an ninh cho những công ty có cơ sở dữ liệu nhạy cảm đòi hỏi phải được bảo vệ chống lại tin tặc. Những gì anh ta nói không làm sáng tỏ được chuyện tấm séc bị gửi sai địa chỉ.

Gurney cũng đã điều tra lý lịch trên Internet nhưng không kiếm được gì. Nguồn thông tin thu được đều khớp với nhau ở những điểm chính sau: Gregory Dermott có bằng khoa học của Học viện Công nghệ Massachusetts, một chuyên gia máy tính có tiếng tăm vững chãi với một danh sách khách hàng gồm nhiều công ty lớn. Anh ta và công ty Bảo mật GD cũng chưa bao giờ dính dáng đến bất kỳ vụ kiện tụng, phán quyết, xiết nợ, hay bê bối nào trên báo chí, quá khứ lẫn hiện tại. Tóm lại, anh ta là một hiện thể hết sức trong sạch trong một ngành nghề hết sức trong sạch. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó chưa ai hiểu thấu, có người đã chiếm hữu số hộp thư bưu điện của anh ta. Gurney luôn tự hỏi mình cái câu hỏi rối rắm này: *Tại sao lại yêu cầu gửi séc đến một người gần như chắc chắn sẽ gửi trả lại séc?*

Càng nghĩ về nó, càng đi dọc cái ngõ cụt ấy như thế đến lần thứ mười anh sẽ tìm được một thứ mà lần thứ chín không tìm được, anh càng sâu não. Nhưng vẫn tốt hơn là nghĩ về Danny.

Đợt tuyết đầu mùa đến vào chiều thứ Sáu đầu tiên của tháng Mười một. Từ một vài bông tuyết trôi rải rác lúc chạng vạng, tuyết đến nhiều hơn suốt

vài giờ sau đó, rồi dịu dần đến ngừng hẳn vào độ nửa đêm.

Trong khi Gurney đang tỉnh táo dần với tách cà phê sáng thứ Bảy thì vầng thái dương nhợt nhạt chậm chậm đi qua một rặng núi rậm cây cách đó gần hai cây số về hướng Đông. Suốt đêm không có chút gió, và mọi thứ bên ngoài từ hàng hiên đến mái kho thóc khoác một lớp áo tuyết dày ít nhất năm phân.

Anh ngủ không ngon. Anh bị vướng mắc nhiều giờ liền trong một vòng lặp vô tận những âu lo liên quan đến nhau. Một vài âu lo, giờ đã tan biến trong ánh dương ban ngày, có liên quan đến Sonya. Phút cuối anh lại hoãn cuộc gặp ngoài giờ đã lên kế hoạch giữa hai người. Tâm trạng bất định không biết chuyện gì sẽ xảy ra ở đó – tâm trạng bất định của anh về những thứ anh mong muốn xảy ra – khiến anh phải hoãn nó lại.

Anh ngồi, như suốt tuần vừa qua, lưng quay về phía cuối phòng nơi hộp giấy cứng buộc dải băng chứa những bức vẽ của Danny nằm trên bàn trà. Anh nhâm nhi cà phê rồi đưa mắt nhìn ra đồng cỏ phủ tuyết bên ngoài.

Cảnh tuyết luôn mang vào tâm trí cả hương tuyết. Trong một cơn bốc đồng, anh đi đến cánh cửa kiểu Pháp và mở cửa. Cơn lạnh buốt giá trong không khí khuấy lên một chuỗi khoảnh khắc trong hồi ức – những đống tuyết được xới lên cao ngang ngực dọc các ngã đường, đôi tay anh ửng đỏ và đau rát vì gói ghém những hòn tuyết, từng mẫu băng tuyết kẹt trong vạt tay áo khoác, những cành cây rơi xuống đất theo hình vòng cung, vòng hoa Giáng sinh trên cửa, đường phố vắng vẻ, nhìn đâu cũng toàn là ánh sáng.

Quá khứ là một cái gì đó lạ lẫm – nó nằm rình rập ta, lặng lẽ, ẩn khuất, tưởng như chẳng có mặt ở đó bao giờ, để khiến ta nghĩ nó đã qua rồi, không còn tồn tại nữa. Rồi, như chú gà lôi bị xua khỏi chỗ nấp, nó sẽ gào lên, vỡ òa thành bao nhiêu thứ âm thanh, màu sắc, chuyển động – sống động đến sững sốt.

Anh muốn vây quanh mình mùi hương tuyết. Anh lấy chiếc áo khoác từ chiếc móc cạnh cửa, chui ngay vào, rồi đi ra ngoài. Lớp tuyết quá dày so với đôi giày tầm thường anh đang mang, nhưng lúc này anh không muốn thay

giày. Anh rảo bước về hướng cái ao, mắt nhắm nghiền, hít sâu. Đi được chưa đến 90 mét, anh nghe cửa bếp mở ra và tiếng Madeleine gọi với ra.

“David, quay lại đây đi!”

Anh xoay người, thấy cô đang đứng chân trong chân ngoài chỗ cửa, nét lo âu hiện trên gương mặt. Anh cất bước quay lại.

“Chuyện gì vậy?”

“Nhanh lên!” cô nói. “Trên radio kìa – Mark Mellery chết rồi!”

“Gì cơ?”

“Mark Mellery – anh ta chết rồi, radio mới đưa tin. Anh ta bị mưu sát!” Cô bước trở vào nhà.

“Chúa ạ,” Gurney nói, cảm thấy lồng ngực đang co thắt lại. Anh chạy vài thước còn lại về phía căn nhà, vào bếp mà không tháo đôi giày dính đầy tuyết ra. “Xảy ra khi nào vậy?”

“Em không biết. Sáng nay, đêm qua, em không biết nữa. Người ta không nói.”

Anh lắng nghe. Radio vẫn đang bật, nhưng xướng ngôn viên đã chuyển sang một tin khác về một vụ phá sản.

“Chết như thế nào?”

“Người ta không nói. Họ chỉ nói bề ngoài cho thấy đây là một vụ mưu sát.”

“Còn thông tin nào khác không?”

“Không. À, có. Thông tin gì đó về cái viện ấy – nơi xảy ra vụ án. Viện Đồi mới Tâm linh Mellery ở Peony, New York. Người ta nói cảnh sát đang ở hiện trường.”

“Vậy thôi sao?”

“Em nghĩ vậy. Khủng khiếp thật.”

Anh gật đầu chậm chậm, tâm trí đang hỗn loạn.

“Anh định thế nào đây?” cô hỏi.

Anh xem xét nhanh các phương án trong đầu và loại bỏ tất cả trừ lại một.

“Báo cho thanh tra phụ trách vụ án biết mối quan hệ giữa anh và Mellery. Chuyện ra sao nữa thì tùy vào ông ta vậy.”

Madeleine hít vào một hơi dài, ra chiều đang cố gượng nở một nụ cười cứng cỏi, nhưng nụ cười của cô vẫn chưa đạt đến mức như thế.

PHẦN II

NHỮNG TRÒ CHƠI RỪNG RỌN

Nhuộm Máu

Đúng mười giờ sáng, Gurney gọi cho đồn cảnh sát Peony để cho tên, địa chỉ, số điện thoại, và trình bày vắn tắt mối quan hệ giữa anh và nạn nhân. Viên cảnh sát mà anh nói chuyện, trung sĩ Burkholtz, nói với anh rằng thông tin này sẽ được chuyển đến tổ điều tra phụ trách vụ án thuộc Cục Điều tra Tội phạm thuộc Cảnh sát Bang.

Đình ninh trong vòng 24 đến 48 tiếng sau cảnh sát mới liên hệ lại nên anh rất ngạc nhiên khi chưa đầy mười phút sau đã nhận được điện thoại. Giọng nói rất quen thuộc nhưng không thể nhận ra tức thời, khó nhận biết hơn nữa khi anh ta giới thiệu mà không nói tên.

“Anh Gurney, tôi là thanh tra cao cấp tại hiện trường Peony đây. Tôi được biết anh có thông tin gì đó cho chúng tôi.”

Gurney do dự. Anh định yêu cầu viên cảnh sát nói tên – theo đúng quy trình thông thường của cảnh sát – thì âm sắc của giọng nói ấy bỗng dấy lên ký ức về khuôn mặt và cái tên đi kèm với nó. Jack Hardwick mà anh nhớ từ một vụ án gây chấn động mà họ làm chung với nhau là một tay lớn tiếng, tục tằn, mặt đỏ, có cái đầu đinh bạc trước tuổi và cặp mắt nhợt nhạt của loài chó Bắc Cực. Hắn là tay đùa cợt không biết ngừng nghỉ, và nửa giờ đồng hồ với hắn lăm lăm tưởng như nửa ngày – một ngày mà ai cũng ước nó sẽ kết thúc sớm. Nhưng hắn cũng thông minh, ngoan cường, và tệ hơn nữa là nói năng thẳng tuột chẳng kiêng nể ai.

“Chào Jack,” Gurney vừa nói vừa giấu vẻ ngạc nhiên.

“Sao anh... Chó chết thật! Có thằng chó nào lại nói cho anh biết rồi! Ai nói cho anh biết vậy?”

“Anh có một giọng nói đáng nhớ mà Jack.”

“Đáng nhớ chớ gì! Mười năm rồi còn đểch gì nữa!”

“Chín năm.” Bắt giữ Peter Thú túi. Piggert là một trong những vụ lớn nhất trong sự nghiệp của Gurney, một vụ đã giúp anh thăng lên hàng thanh tra hạng nhất mà ai cũng ao ước, và anh nhớ mãi cái ngày ấy.

“Ai nói cho anh biết hả?”

“Chẳng ai nói cả.”

“Khi thật!”

Gurney im bật, nhớ lại cái thiên hướng muốn nói lời cuối của Hardwick và những cuộc chuyện trò vớ vẩn cứ kéo dài vô tận cho đến khi hăn hiểu ra điều đó.

Sau ba giây dài dằng dặc, Hardwick nói tiếp bằng giọng bớt hiểu chiến hơn. “Chín năm khốn kiếp. Rồi dùng một cái anh ở đâu nhảy ra, nhảy ngay vào giữa một vụ có thể nói là chấn động nhất bang New York từ lúc anh câu được nửa thân dưới của bà Piggert từ dưới sông lên. Đúng là trùng hợp.”

“Thật ra thì là nửa thân trên mới đúng Jack à.”

Sau một khoảng lặng ngắn, điện thoại nổ tung tiếng cười inh tai vốn là thương hiệu của Hardwick.

“À!” hăn hét lên trong hơi thở hỗn hển sau tiếng cười inh tai. “Davey ơi, Davey à, Davey lúc nào cũng khắt khe mấy thứ tiểu tiết cả.”

Gurney hăng giọng. “Anh nói cho tôi biết Mark Mellery chết như thế nào được không?”

Hardwick do dự. Hăn đang kẹt ở thế khó xử giữa quan hệ cá nhân và nguyên tắc làm việc, cái thế vốn chi phối phần lớn cuộc sống của cảnh sát và mang đến cho họ phần lớn những ung nhọt. Hăn quyết định nói ra toàn bộ sự thật – không phải vì hăn buộc phải làm vậy (Gurney không có chỗ đứng chính thức nào trong vụ án này và không được phép biết thông tin nào cả) mà vì vụ án mang tính chất man rợ. “Ai đó cửa cổ ông ta bằng vỏ chai vỡ.”

Gurney ư hự như thể bị đâm vào tim. Tuy vậy, phản ứng đầu tiên này lại được nhanh chóng thay thế bằng một phản ứng chuyên nghiệp hơn. Câu trả

lời của Hardwick đã lấp vào đúng vị trí một trong những mảnh ghép trong đầu Gurney.

“Có phải là một chai uýt ki không?”

“Làm thế quái nào mà anh biết được vậy hả?” Chỉ trong chín chữ, giọng của Hardwick chuyển từ sững sờ sang cáo buộc. “Chuyện dài lắm. Anh có muốn tôi tạt qua không?”

“Tôi nghĩ anh nên tạt qua.”

Mặt trời, nếu sáng hôm ấy còn là một chiếc đĩa lạnh lẽo hiển hiện đằng sau lớp màu nước âm đạm của màn mây mùa đông, thì giờ đây đã bị bầu trời lổn nhổn, xám xịt che khuất hoàn toàn. Tia sáng không hắt bóng đường như báo hiệu một đêm gở – bộ mặt của một vũ trụ lạnh lẽo, lãnh đạm như băng.

Cảm thấy dòng tư tưởng này huyền hoặc một cách đáng ngượng ngùng, Gurney dẹp nó sang một bên khi anh dừng xe đằng sau hàng xe cảnh sát đậu lờm chờm ven đường phủ đầy tuyết trước Viện Đối mới Tâm linh Mellery. Đa số các xe đều mang biểu trưng vàng lục của Cảnh sát Bang New York, kể cả một chiếc xe tải loại nhỏ đến từ phòng giám định pháp y trong vùng. Có hai chiếc màu trắng là xe cảnh sát trưởng, và hai chiếc màu lục là xe tuần tra của cảnh sát Peony. Anh nhớ lại câu bông đùa của Mellery cùng với vẻ mặt của y khi cho rằng cảnh sát Peony nghe như tên một tiết mục tạp kỹ đồng tính.

Những luống cúc tây, sum suê giữa xe và bức tường đá, đã bị thời tiết mùa đông càng lúc càng khắc nghiệt biến thành một mớ bông bong toàn cuống nâu chưng diện những cuộn hoa tuyết lạ lẫm. Anh ra khỏi xe và hướng về phía công vào. Một tay cảnh sát mặc sắc phục thẳng thớm với cái quắc mắt bán quân sự đứng ở chỗ cổng đang mở. Với một cảm giác lạ lẫm, Gurney để ý thấy hẳn có lẽ trẻ hơn con trai anh một hai tuổi.

“Tôi giúp gì được cho anh?”

Lời nói thì nhã nhặn, nhưng ánh mắt thì không.

“Tên tôi là Gurney. Tôi đến đây để gặp Jack Hardwick.”

Tay cảnh sát trẻ chớp mắt hai lần, một chớp cho mỗi cái tên. Vẻ mặt của hắn cho thấy ít nhất một trong hai cái tên ấy làm hắn muốn ợ chua.

“Chờ một chút,” hắn vừa nói vừa lấy chiếc máy bộ đàm từ thắt lưng ra. “Anh cần được hộ tống.”

Ba phút sau, người hộ tống đến – một thanh tra từ Cục Điều tra Tội phạm (BCI) với vẻ ngoài như muốn học đòi làm Tom Cruise. Bất chấp cái giá buốt của mùa đông, y chỉ mặc độc nhất một chiếc áo gió đen mở phanh lưng lửng để lộ ra chiếc áo thun đen và quần jean. Biết rõ quy chế ăn mặc của cảnh sát bang rất khắt khe nên Gurney hiểu được trang phục xuềnh xoàng đến thế cho thấy y vừa được gọi đến hiện trường trực tiếp trong khi đang nghỉ ngoài giờ hoặc đang trong một hoạt động nằm vùng nào đó. Mép khẩu súng Glock chín li trong bao súng đen mờ trên vai dưới lớp áo gió dường như không chỉ là công cụ nhà nghề mà còn là lời tuyên bố về thái độ.

“Thanh tra Gurney phải không?”

“Đã nghỉ hưu,” Gurney nói như gấn thêm vào một dấu hoa thị.

“Vậy ư?” Tom Cruise nói một cách hờ hững. “Vậy chắc là hay lắm đây. Theo tôi nào.”

Khi Gurney theo người dẫn đường của mình đi dọc con đường vòng quanh tòa nhà chính đi về phía khu nhà nằm sau nó, đập vào mắt anh là bộ mặt khác biệt mà lượng tuyết dày gần tám xăng-ti-mét đã tạo ra ở nơi đây. Đó là một bức tranh sơn dầu giản dị trên vải bạt không có những chi tiết thừa thãi. Bước vào thế giới tối giản của phong cảnh trắng sáng này như đang bước vào một hành tinh mới được kiến tạo – một ý nghĩ hoàn toàn trái ngược với hiện thực bừa bộn nơi đây. Họ vòng quanh ngôi nhà được xây theo phong cách thời đại George cổ kính nơi Mellery đã sống và dừng lại ở mép hàng hiên phủ dày tuyết nơi Mellery chết.

Vị trí cái chết rất rõ ràng. Tuyết còn mang vết hằn của xác, và trải rộng quanh vùng đầu và vai của vết hằn là một vệt máu khổng lồ. Trước đây Gurney đã thấy sự tương phản đó – trắng kinh tởm ấy rồi. Cái ký ức chưa phai đó xảy ra vào một buổi sáng Giáng sinh trong năm đầu Gurney còn làm tân binh. Một tay cảnh sát nghiện rượu bị vợ nhốt bên ngoài nhà đã tự bắn

vào tim, ngồi trên đồng tuyết mà chết, Gurney cố xua hình ảnh xưa cũ đó ra khỏi tâm trí rồi tập trung ánh mắt nhà nghề sắc bén vào hiện trường trước mặt.

Một chuyên gia lấy dấu chân đang ngồi quỳ cạnh một hàng dấu chân trong tuyết sát bên vết máu chính, tay xịt lên chúng chất gì đó. Từ chỗ đang đứng, Gurney không thấy được tấm nhãn trên chai xịt, nhưng anh đoán đó là sáp lấy dấu chân trên tuyết, một hóa chất dùng để giữ nguyên dấu chân trên tuyết để sau đó có thể đổ vào đó hợp chất tạo khuôn nha khoa. Dấu chân trên tuyết rất dễ phai, nhưng khi được xử lý cẩn thận sẽ thể hiện một mức độ chi tiết cực kỳ rõ. Dù trước đây đã chứng kiến quy trình này rất nhiều lần, nhưng anh vẫn không khỏi thán phục bàn tay vững vàng và sức tập trung cao độ của người chuyên gia đang tác nghiệp.

Cảnh sát đã chằng dây vàng theo hình đa giác quanh phần lớn khu vực hàng hiên, bao gồm cả cửa sau căn nhà. Các mặt đối diện hàng hiên cũng được rào thành các dãy hành lang – để bao bọc và bảo toàn một loạt các dấu chân ra vào rõ rệt theo lộ trình từ hướng kho thóc lớn cạnh nhà, đến khu vực vết máu, rồi ra khỏi hàng hiên, băng qua đồng cỏ phủ đầy tuyết về phía khu rừng.

Cửa sau căn nhà đang mở. Một thành viên trong đội điều tra đang đứng chỗ cửa nghiên cứu hàng hiên từ góc độ của căn nhà. Gurney biết chính xác anh ta đang làm gì. Khi có mặt ở hiện trường, ta thường bỏ rất nhiều thời gian chỉ để cảm nhận được cái không khí nơi đây – cố mừng tượng lại những gì nạn nhân có thể đã thấy trong những giây cuối cùng. Việc định vị và thu thập chứng cứ cần tuân theo nhiều quy tắc nằm lòng – máu, hung khí, vân tay, dấu chân, tóc, sợi vải, mảnh sơn tróc, khoáng vật hay nguyên liệu thực vật đặt sai chỗ, vân vân – nhưng cũng có một vấn đề rất cơ bản liên quan đến việc nên chú trọng chứng cứ nào. Nói đơn giản, ta cần luôn cởi mở, sẵn sàng đón nhận nhiều khả năng khác lý giải chuyện đã xảy ra, nơi xảy ra, và kiểu cách xảy ra, vì nếu nhảy đến kết luận quá sớm, ta rất dễ bỏ sót những chứng cứ nằm ngoài tầm nhìn của ta về tình hình hiện tại. Đồng thời, ta phải bắt đầu phát triển ít nhất một giả thuyết lỏng lẻo để dẫn đường

cho ta trong cuộc truy tìm chứng cứ. Ta có thể phạm những sai lầm đau đớn nếu tự tin quá sớm về kịch bản vụ án nhìn từ bên ngoài, nhưng mặt khác ta cũng có thể lãng phí nhiều thời gian và nhân lực quý báu nếu dò xét tỉ mỉ một khu vực rộng vài thước vuông chỉ để tìm kiếm một thứ mà có Chúa mới biết là gì.

Một thám tử giỏi làm những việc mà Gurney chắc chắn tay thám tử ở chỗ cửa đang làm – chuyển đổi vô thức giữa não trạng quy nạp và diễn dịch. Tôi thấy được những gì ở đây, và những dữ kiện này ngụ ý chuỗi sự kiện nào? Và, nếu kịch bản này hợp lý thì tôi phải thấy được chứng cứ nào khác và phải tìm chứng cứ đó ở đâu?

Qua nhiều lần trực tiếp thực hiện phương pháp thử sai, Gurney tin chắc mấu chốt trong quy trình này là duy trì một sự cân bằng thích hợp giữa quan sát và trực giác. Nguy cơ lớn nhất cho quy trình này là cái tôi. Một thám tử trong vai trò giám sát nếu vẫn không đưa ra được một lời giải thích khả dĩ nào cho những dữ kiện tìm được ở hiện trường có thể sẽ lãng phí thời gian nếu không sớm tập trung sức lực toàn đội vào một hướng đi cụ thể. Mặt khác, nếu ai đó chỉ nhìn thoáng qua hiện trường mà đã đoán chắc, và hùng hồn tuyên bố, chuyện gì đã xảy ra trong căn phòng loang lổ máu ấy rồi bắt mọi người phải chứng minh rằng y đúng thì rốt cuộc có thể gây ra nhiều vấn đề rất nghiêm trọng – thời gian bị lãng phí sẽ chỉ là vấn đề ít nghiêm trọng nhất trong số đó.

Gurney tự hỏi phương pháp tiếp cận nào đang thẳng thế vào lúc này.

Bên ngoài rào cản có giăng dây vàng, bên phía xa chỗ vết máu, Jack Hardwick đang chỉ đạo hai tay cảnh sát trẻ mặt mày nghiêm nghị, một người là kẻ học đòi Tom Cruise vừa mới đưa Gurney đến hiện trường, còn người kia có vẻ như anh em song sinh của y. Chín năm không gặp kể từ khi hai người còn làm chung vụ án Piggert khét tiếng dường như đã thêm gấp đôi số năm đó vào tuổi của Hardwick. Khuôn mặt hằn đỏ hơn, mập hơn, tóc thưa hơn, còn giọng nói thì đã bắt đầu khàn ra do hút quá nhiều thuốc và uống quá nhiều rượu tequila.

“Có hai mươi khách,” hắn đang nói với hai bản sao của phim *Top Gun*. “Mỗi người các anh lo 9 khách. Lấy thông tin sơ bộ, tên, địa chỉ, số điện thoại. Lấy xác minh. Để Patty Cakes và tay bác sĩ nắn khớp xương cho tôi lo. Tôi cũng sẽ nói chuyện với bà quả phụ. Báo cáo lại với tôi trước 4 giờ chiều.”

Họ trao đổi thêm nhiều chuyện nữa nhưng vì nói quá nhỏ nên Gurney không nghe được, càng khó nghe hơn trước tiếng cười chói tai của Hardwick. Tay cảnh sát trẻ đã hộ tống Gurney từ cổng trước nói lời cuối, đầu nghiêng thấy rõ về phía anh. Sau đó bộ đôi này cùng xuất phát về hướng tòa nhà chính.

Khi họ đã mất dạng, Hardwick quay sang trao cho Gurney một lời chào năm lấp lửng giữa một cái cười toe toét và một vẻ mặt nhăn nhó. Cặp mắt xanh lạ lẫm của hắn, một thời rạng lên vẻ ngờ vực, dường như chất chứa một sự hoài nghi đã sáo mòn.

“Tôi sẽ chết mất,” hắn vừa nói giọng khàn vừa đi vòng quanh khu vực chằng dây về phía Gurney, “nếu không có Giáo sư Dave.”

“Chỉ là một giảng viên hèn mọn thôi mà,” Gurney sửa lời, tự hỏi Hardwick đã bỏ công sức ra mà mò được những gì về khoảng thời gian hậu NYPD^{BI} khi anh là giảng viên môn tội phạm học tại trường đại học của bang.

“Đừng vờ vĩnh cái kiểu hèn mọn chết tiệt ấy với tôi. Anh là ngôi sao, anh bạn, anh biết vậy mà.”

Họ bắt tay không nòng hậu lăm. Gurney chợt nhận ra thái độ bông đùa của lão Hardwick này đã vón lại thành một thứ độc hại.

“Vị trí cái chết không có gì khả nghi lắm,” Gurney vừa nói vừa gật gù chỗ vết máu. Anh nóng lòng muốn đi thẳng vào vấn đề, cho Hardwick biết những gì anh biết, rồi cuốn gói đi ngay.

“Thứ gì cũng khả nghi chứ,” Hardwick tuyên bố. “Chết và khả nghi là hai thứ duy nhất trên đời chẳng ai biết chắc được.” Không thấy Gurney đáp lại, hắn nói tiếp, “Nhưng tôi phải công nhận vị trí chết minh bạch hơn mấy thứ

khác ở đây. Cái nhà thương điên khốn kiếp này. Mấy tay ở đây cứ nói mãi về nạn nhân giống như hấn là cái gã Deepdick Chopup gì ấy trên ti vi.”

“Ý anh là Deepak Chopra?”

“Ừ, Dipcock hay gì cùng được. Chúa ạ, tha cho tôi tí đi!”

Dù trong lòng đang dồn nén một phản ứng khó chịu, nhưng Gurney vẫn không nói gì.

“Dân chúng kéo đến mấy nơi như vậy để làm cái quái gì thế hở? Nghe một thằng ngu Thời Đại Mới chạy Rolls-Royce nói về ý nghĩa cuộc đời ư?” Hardwick lắc đầu trước sự ngu ngốc của những người đồng bào – mà không ngừng chau lại nhìn mặt sau căn nhà, như thể kiến trúc thế kỷ 18 phải chịu trách nhiệm chính cho việc này.

Bực dọc đã đánh bại sự dè dặt của Gurney. “Theo tôi biết thì,” anh bình thản nói, “nạn nhân không phải là một thằng ngu.”

“Tôi có nói là hấn ngu đâu nào.”

“Tôi nghe anh nói vậy mà.”

“Tôi chỉ nhận xét chung chung vậy thôi. Tôi tin chắc ông bạn của anh là một ngoại lệ.”

Hardwick làm Gurney tức tối như một mảnh dăm nhọn. “Anh ta không phải bạn tôi.”

“Từ lời nhắn mà anh để lại cho cảnh sát Peony rồi họ chuyển cho tôi, tôi có cảm tưởng mối quan hệ giữa hai người đã có từ lâu rồi chứ.”

“Tôi quen anh ta hồi đại học, không liên lạc đã 25 năm, chỉ mới nhận được email của anh ta cách đây hai tuần thôi.”

“Email nói về việc gì?”

“Nói về vài lá thư anh ta nhận được qua bưu điện. Anh ta rất lo lắng.”

“Thư gì cơ?”

“Thư là chủ yếu. Những bài thơ đọc như thư hăm dọa.”

Chi tiết này khiến Hardwick dừng lại suy nghĩ, đoạn hấn nói tiếp. “Anh ta muốn gì ở anh?”

“Muốn nghe lời khuyên của tôi.”

“Rồi anh khuyên anh ta làm gì?”

“Tôi khuyên anh ta đi báo cảnh sát.”

“Tôi nghĩ anh ta đâu có báo.”

Sự mỉa mai này làm Gurney khó chịu, nhưng anh dẫn lòng lại.

“Còn một bài thơ nữa,” Hardwick nói.

“Ý anh là sao?”

“Trên xác nạn nhân có một bài thơ, viết trên một tờ duy nhất, chặn dưới một cục đá. Tất cả đều rất gọn ghẽ.”

“Hẳn rất tỉ mỉ. Một tên cầu toàn.”

“Ai cơ?”

“Hung thủ. Tâm lý chắc có vấn đề, nhất định là một tên cầu toàn.”

Hardwick nhìn Gurney trân trân đầy hứng thú. Thái độ nhạo báng đã biến mất, ít ra là tạm thời biến mất. “Trước khi ta nói tiếp, tôi muốn biết anh biết được cái chai vỡ bằng cách nào.”

“Đoán mò thôi.”

“Đoán mò mà đoán đúng là chai uyết ki ư?”

“Cụ thể là uyết ki hiệu Bốn Hoa Hồng,” Gurney nói, miệng mỉm cười thỏa mãn khi thấy Hardwick trở mặt ra.

“Sao anh biết được? Giải thích nghe xem nào,” Hardwick ra lệnh.

“Có thể nói đây là một suy luận nhảy bậc, dựa vào những thứ được đề cập trong mấy bài thơ,” Gurney nói. “Anh đọc thơ sẽ hiểu.” Đáp lại câu hỏi đang hiện trên mặt đối phương, anh nói tiếp, “Mấy bài thơ nằm trong phòng làm việc, cùng với vài thông điệp khác trong ngăn bàn làm việc, ít ra thì lần cuối tôi thấy Mellery cất thư là vào chỗ đó. Phòng đó có lò sưởi lớn tách ra khỏi hành lang giữa.”

Hardwick vẫn nhìn anh trân trân, như thể nhìn như vậy sẽ giải quyết một vấn đề quan trọng nào đó. “Đi theo tôi,” cuối cùng hẳn nói. “Tôi muốn cho anh xem thứ này.”

Trong sự yên lặng vốn không giống tính cách của mình, hắn dẫn đường đến khu vực để xe nằm giữa kho thóc khổng lồ và đường lộ, rồi dừng lại ở đoạn giao giữa đường lộ với lối xe chạy vòng cung, cũng chính là nơi cảnh sát bắt đầu rào dây thành một lối hành lang.

“Đây là nơi gần đường lộ nhất mà ta có thể phân biệt rõ dấu chân tin chắc là của hung phạm. Người ta cào tuyết trên đường lộ và lối xe chạy sau khi tuyết ngừng rơi vào khoảng hai giờ sáng. Ta chưa biết hung phạm vào trang viên trước hay sau thời gian cào tuyết. Nếu trước thì dấu vết nào ngoài đường lộ hay trên lối xe chạy cũng đều bị xe ủi tuyết xóa sạch rồi. Nếu sau thì ngay từ đầu cũng chẳng có dấu vết nào để lại cả. Nhưng từ chỗ này đây, dấu vết rõ hoàn toàn và rất dễ theo dõi, vòng quanh phía sau kho thóc, ra hàng hiên, băng qua khu vực ngoài trời đến cánh rừng, xuyên qua rừng, đi đến một bụi thông gần đường Thombush.”

“Hắn chẳng hề bỏ công che đậy dấu vết ư?”

“Phải,” Hardwick nói, giọng nghe có vẻ băn khoăn vì điều này. “Chẳng bỏ công gì sất. Trừ phi tôi bỏ sót thứ gì đó.”

Gurney ném cho hắn ta một cái lườm tò mò. “Có vấn đề gì chứ?”

“Anh tự xem cái này sẽ hiểu.”

Họ đi dọc hành lang giăng dây vàng, lần theo dấu vết đến bên kia kho thóc. Hắn sâu trong lớp tuyết dày gần tám xăng-ti-mét không có điểm nào nổi bật là vết ủng leo núi cỡ lớn (mà Gurney ước chừng có kích cỡ 10 hoặc 11, rộng cỡ D). Bất kỳ ai đã đi theo hướng này vào sáng sớm mà không quan tâm chuyện lộ trình của mình thì trước sau gì cũng đều sẽ bị phát hiện cả.

Khi họ vòng quanh đằng sau kho thóc, Gurney thấy một khu vực rộng hơn ở đó đã bị chằng dây. Một cảnh sát nhiếp ảnh đang tác nghiệp bằng máy ảnh phân giải cao trong khi một chuyên gia khám nghiệm hiện trường trong bộ đồ bảo hộ màu trắng cùng bộ đồ nghề thu thập chứng cứ của mình đang chờ tới lượt. Mỗi bức ảnh được chụp ít nhất hai lần, một tấm có thước đo trong khung ảnh để thiết lập tỉ lệ và một tấm không có, đồ vật được chụp bằng nhiều chế độ tiêu cự khác nhau – chế độ rộng để thiết lập vị trí so với

những vật khác trong khung cảnh, chế độ bình thường để mô tả chính đồ vật ấy, và chế độ cận cảnh để lấy chi tiết.

Nằm trong tâm điểm chú ý của họ là một chiếc ghế gập sân vườn thuộc kiểu ghế mỏng manh thường bán ở cửa hàng giảm giá. Dấu chân dẫn thẳng đến ghế. Trước ghế, hần sâu trong tuyết là năm, sáu mẫu thuốc lá. Gurney ngồi xổm xuống để xem kỹ hơn và thấy đó là thuốc lá hiệu Marlboro. Dấu chân sau đó đi tiếp từ chỗ ghế, vòng qua một bụi đỗ quyên về phía sân hiên nơi án mạng xảy ra.

“Chúa ạ,” Gurney nói. “Hắn ta mới ngồi đó hút thuốc ư?”

“Ừ. Một chút thư giãn trước khi cửa sổ nạn nhân. Ít ra thì trông có vẻ như thế. Tôi thấy anh chau mày lại như vậy có phải muốn hỏi cái ghế sân vườn nhỏ thảm hại kia ở đâu ra đúng không? Tôi cũng đã hỏi câu đó.”

“Và câu trả lời là?”

“Vợ nạn nhân nói chưa bao giờ thấy nó ở đó. Bà ta có vẻ thất kinh khi thấy ghế gì mà lại kém chất lượng đến vậy.”

“Sao cơ?” Gurney bật ra từ ấy như quất roi. Những lời nhận định khinh khinh của Hardwick đã trở thành những móng tay cào trên bảng đen, nghe khó chịu.

“Đùa chút thôi.” Hần nhún vai. “Không thể để cho một vụ cửa sổ làm ta xuống tinh thần được. Nhưng nghiêm túc mà nói, đây có lẽ là lần đầu tiên trong suốt cuộc đời sang giàu của mình, Caddy Smythe-Westerfield Mellery đến gần một chiếc ghế rẻ tiền tới vậy.”

Gurney biết rõ những trò khôi hài trong giới cảnh sát và sự cần thiết của nó trong việc đối phó với những chuyện khủng khiếp thường nhật trong công việc, nhưng lắm lúc nó lại làm anh khó chịu.

“Anh muốn nói tên giết người mang theo ghế sân vườn của mình ư?”

“Có vẻ như thế,” Hardwick nói, mặt nhăn nhó trước khả năng vô lý ấy.

“Và sau khi hút xong – gì nhỉ, nửa tá điếu Marlboro đúng không? – hẳn đi đến cửa sau, dụ Mellery ra hàng hiên bên ngoài rồi cắt cổ anh ta bằng một

cái chai vỡ? Hiện trường được tái hiện như vậy tính tới thời điểm này phải không?”

Hardwick gật gù miễn cưỡng, như bắt đầu cảm thấy kịch bản tội ác mà chứng cứ cho thấy nghe có vẻ dở hơi. Và chuyện còn tệ hơn thế.

“Thật ra thì,” hắn nói, “‘cắt cổ ông ta’ là nói nhẹ đấy. Nạn nhân bị đâm xuyên họng ít nhất cả chục lần. Khi nhân viên khám nghiệm tử thi chuyển xác ra xe để mổ, thì cái đầu chết tiệt ấy suýt rớt ra.”

Gurney nhìn theo hướng hàng hiên. Dù nó bị đám đồ quỳên che khuất hoàn toàn, nhưng hình ảnh vết máu khổng lồ trở lại tâm trí anh sống động và sắc nét như thể anh đang nhìn nó chằm chằm dưới ánh đèn hồ quang.

Hardwick quan sát anh một chập, căn môi suy tư. “Thực tình thì,” cuối cùng hắn nói, “đó không phải là phần quái lạ gì. Lát nữa mới đến phần thật sự quái lạ, anh lần theo dấu chân sẽ thấy.”

Những Dấu Chân Không Dẫn Đến Đâu

Hardwick dẫn Gurney từ mặt sau kho thóc đi quanh bờ giậu, đi qua hàng hiên nơi dấu vết được cho là của kẻ thủ ác rời hiện trường gây án rồi đi ngang qua bãi cỏ phủ tuyết kéo dài từ sau căn nhà đến ven rừng thích cách đó vài trăm thước.

Cách hàng hiên không xa, khi đang lần theo dấu chân về hướng khu rừng, họ bắt gặp một chuyên viên thu thập chứng cứ khác, trong bộ áo liền quần kín hơi bằng plastic, đầu đội mũ phẫu thuật, miệng đeo khẩu trang cảnh sát – thiết kế để ngăn ngừa người thu thập làm nhiễm bẩn ADN hay những dấu vết chứng cứ khác.

Anh ta đang ngồi xổm cách dấu chân khoảng 3 thước, tay cầm kẹp làm bằng thép không gỉ lồi trong tuyết ra một thứ trông như một mảnh kính vỡ màu nâu. Trước đó anh ta đã cho vào bao 3 mảnh kính khác giống như thế và một khúc chai có kích thước đủ lớn để có thể nhận ra là loại vỏ chai ulyt ki một lít.

“Rất có thể đây là hung khí,” Hardwick nói. “Nhưng anh, thanh tra cự phách, đã biết từ đời nào rồi. Còn biết là hiệu Bốn Hoa Hồng nữa cơ.”

“Nó nằm ngoài bãi cỏ có mục đích gì thế?” Gurney hỏi, lờ đi giọng điệu châm chọc của Hardwick.

“Trời ạ, tôi tưởng anh biết luôn kia chứ. Nếu anh đã biết cái nhãn hiệu chết tiệt đó...”

Gurney chờ đợi mòn mỏi như đang chờ một chương trình máy tính ậm ạch mở lên, và cuối cùng Hardwick cũng trả lời. “Có vẻ như hãn mang khúc chai ra khỏi xác rồi đánh rơi ở đây trên đường vào rừng. Tại sao hãn làm vậy? Một câu hỏi hay tuyệt. Có thể do hãn không nhận ra là còn đang giữ

khúc chai trong tay. Ý tôi là, hấn đâm nạn nhân ở cổ chực lên. Mãi mê đâm nên không chú ý gì cả. Đâm xong, hấn đi ngang qua bãi cỏ mới để ý thấy còn giữ chai nên ném nó qua một bên. Ít ra thì như vậy cũng hợp lý phần nào.”

Gurney gật đầu, không hoàn toàn bị thuyết phục nhưng không thể đưa ra một giả thuyết hợp lý hơn. “Đó là yếu tố ‘thật sự quái lạ’ mà lúc này anh đề cập ư?”

“Cái đó ư?” Hardwick nói kèm một giọng cười nghe giống tiếng sửa hơn. “Anh còn chưa xem hết mà.”

Mười phút sau, đi thêm 800 mét nữa, hai người đến một vị trí trong rừng ngay trước một lùm thông trắng. Tiếng xe đi ngang qua báo hiệu họ đang gần đường lộ, nhưng họ không thấy chiếc xe nào vì tầm nhìn đã bị những cành thông thấp lè tè che khuất.

Thoạt đầu anh không rõ tại sao Hardwick lại dẫn anh đến đây. Nhưng rồi anh thấy nó – và bắt đầu khám xét khu vực xung quanh với nỗi hoang mang càng lúc càng cao. Những gì đập vào mắt anh hết sức vô lý. Dấu chân mà họ đang lần theo bỗng dừng lại đột ngột. Dấu chân nếu lúc này còn hằn trên tuyết theo một trình tự rõ rệt, hết dấu này đến dấu khác suốt đoạn đường khoảng 800 mét hoặc hơn, thì giờ đây lại đột ngột biến mất. Không có dấu hiệu nào cho thấy chuyện gì đã xảy ra với người để lại dấu chân. Tuyết xung quanh còn mới tinh, chưa bàn chân người hay thú nào khác chạm đến. Vết dấu chân kết thúc cách chỗ cây gần nhất đúng 3 mét, và có lẽ cách đường lộ gần nhất tối thiểu 91 mét, nếu dựa vào tiếng xe vừa đi ngang qua.

“Tôi đã bỏ sót thứ gì chăng?” Gurney hỏi.

“Chúng tôi cũng bỏ sót thứ anh bỏ sót,” Hardwick nói, giọng nghe nhẹ nhõm vì Gurney chưa tìm ra được lời giải thích đơn giản nào mà hấn và đồng đội mãi vẫn chưa tìm ra.

Gurney xem xét kỹ hơn vùng đất quanh dấu chân cuối cùng. Cách dấu chân hấn sâu này là một khu vực nhỏ có nhiều vết lún chồng lên nhau, toàn bộ đều có vẻ do cùng một đôi ủng leo núi để lại như các dấu chân đã dẫn họ đến đây. Như thể hung thủ đã cố tình đi đến vị trí này, đứng loanh quanh

chuyển chân này sang chân kia trong vài phút, có lẽ đang chờ ai đó hoặc thứ gì đó, rồi sau đó... bốc hơi.

Cái khả năng điên rồ là Hardwick đang chơi khăm anh có thoáng qua trong đầu anh, nhưng anh loại bỏ nó. Làm xáo trộn hiện trường một vụ án mạng lớn để cười cợt là chuyện quá sức tưởng tượng, dù là đối với một nhân vật quái đản như Hardwick.

Vậy nên trước mắt họ là những gì đã thực sự xảy ra.

“Mấy tờ báo lá cải mà biết được chuyện này, họ sẽ biến nó thành chuyện người ngoài hành tinh bắt cóc cho xem,” Hardwick nói như thể từng lời trong miệng hẳn có vị kim loại. “Mấy tay phóng viên sẽ bu vào như ruồi bu thùng cứt bò vậy.”

“Anh có giả thuyết nào dễ chấp nhận hơn không?”

“Hy vọng của tôi đang nằm ở bộ óc sắc như dao cạo của thanh tra điều tra án mạng được tôn sùng nhất trong lịch sử của Sở Cảnh sát New York.”

“Thôi trò vớ vẩn ấy đi,” Gurney nói. “Nhóm xử lý chứng cứ có tìm ra được gì không?”

“Không tìm được thứ nào hợp lý cả. Nhưng họ lấy mẫu tuyết ở chỗ tuyết lún nơi có lẽ hẳn đứng ấy. Hình như chả thấy chất lạ nào ở đó, nhưng chắc các kỹ thuật viên ở phòng giám định sẽ tìm ra được thứ gì đó. Họ cũng đã kiểm tra cây cối và con đường nằm sau đám thông kia. Mai họ sẽ khoanh vùng mọi thứ cách chỗ này không quá ba mươi mét để xem kỹ hơn.”

“Nhưng đến giờ họ vẫn chưa tìm được thứ gì ư?”

“Chính xác là vậy.”

“Vậy các anh còn làm gì được nữa – hỏi hết khách và hàng xóm của viện xem có ai thấy trực thăng thả dây xuống rừng không ư?”

“Không ai thấy cả.”

“Anh hỏi rồi?”

“Hỏi rồi, y như thằng ngu hỏi vậy. Sự thật là có người bước ra đây sáng nay – gần như chắc chắn là tên hung thủ. Hẳn dừng ngay chỗ này. Nếu

không có trục thẳng hay cần cầu lớn nhất thế giới kéo hẳn lên thì hẳn biển dâng nào chứ?”

“Vậy là,” Gurney bắt đầu nói, “không trục thẳng, không dây thừng, không đường hầm bí mật.”

“Đúng thế,” Hardwick cắt ngang. “Cũng chả có chứng cứ nào cho thấy hẳn nhảy đi bằng *gậy pogom*^[9] cả.”

“Vậy chúng ta còn lại gì?”

“Không còn gì hết. Một con số không tròn trĩnh. Một khả năng khả dĩ khốn kiếp cùng không. Đừng nói với tôi là hung thủ đi một mạch tới đây xong lại đi một mạch về – đi lùi, giẫm lên từng dấu chân một mà không làm xáo trộn dấu chân nào cả – chỉ để chọc điên chúng ta thôi.” Hardwick nhìn Gurney một cách đầy thách thức, như thể anh có thể đề xuất chính khả năng này. “Cho dù có khả năng đó đi nữa, một chuyện hoàn toàn không thể, thì tên hung thủ cũng đã chạm trán với hai người có mặt ở hiện trường lúc đó rồi, bà vợ Caddy và tay găng tơ Patty.”

“Vậy là mọi thứ đều không thể,” Gurney nói lí nhí.

“Cái gì không thể cơ?” Hardwick nói, sẵn sàng tranh cãi.

“Mọi thứ,” Gurney nói.

“Anh đang nói cái quái gì thế?”

“Bình tĩnh nào Jack. Chúng ta cần tìm ra một xuất phát điểm hợp lý. Những gì tưởng như đã xảy ra không thể nào xảy ra được. Do đó, *những gì tưởng như đã xảy ra thật sự không xảy ra.*”

“Anh muốn nói mấy cái dấu ấy không phải dấu chân ư?”

“Tôi muốn nói có cái gì đó không ổn trong cách nhìn của chúng ta.”

“Đó là dấu chân hay không phải dấu chân?” Hardwick cau tiết nói.

“Tôi thấy rất giống dấu chân,” Gurney tán thành.

“Vậy thì anh muốn nói gì cơ?”

Gurney thở dài. “Tôi không biết nữa Jack. Tôi chỉ có cảm giác là ta đang đặt sai câu hỏi.”

Thứ gì đó trong chất giọng mềm mỏng của anh làm biến mất thái độ cáu kỉnh của Hardwick. Không ai nhìn ai hay nói gì trong vài giây dài đằng đẳng. Rồi Hardwick ngẩng đầu lên như sức nhớ điều gì.

“Suýt nữa tôi quên cho anh xem phần thưởng khuyến mãi này.” Hắn rút tay vào túi áo khoác bằng da bên hông, lôi ra một phong bì thu thập chứng cứ.

Qua lớp ni lông trong suốt, trên một tờ giấy viết thư trắng, Gurney nhìn thấy chữ viết gọn gàng màu mực đỏ.

“Đừng lấy ra,” Hardwick nói, “để vậy mà đọc.”

Gurney làm theo. Rồi anh đọc lần nữa. Đọc đến lần thứ ba, anh đưa nó vào trí nhớ.

Ta băng qua tuyết chẳng ngừng.

Gần xa ngốc ạ, hãy lòng tìm ta.

Hỏi rằng ta ở bao xa,

Nghe đây, cận bã thế gian là mày

mau ra chứng kiến tao này:

ra đời chỉ để thù này trả ngay

vì bao đứa trẻ oán ai

vì bao sâu não ương tai khốn cùng.

“Thằng nhóc của chúng ta đấy,” Gurney nói, tay đưa trả lại tấm phong bì. “Chủ đề trả thù, tám dòng, nhịp phách không đổi, từ ngữ trí thức, chấm phẩy hoàn hảo, chữ viết mềm mại. Giống y như mấy bài thơ kia – một phần nào đó.”

“Một phần nào thôi ư?”

“Trong bài thơ này có một yếu tố mới – ở đây có ám chỉ rằng tên hung thủ còn ghét một người khác ngoài nạn nhân.”

Hardwick liếc nhìn bức thư trong bao, mày chau lại trước lời ám chỉ hắn đã bỏ sót một thứ quan trọng. “Ghét ai cơ?” hắn hỏi.

“Anh chứ ai,” Gurney nói, miệng mỉm cười lần đầu ngày hôm ấy.

CẶN BÃ CỦA THẾ GIAN

Tất nhiên, chẳng công bằng gì, hơi giống một sự phá cách trong kịch nghệ hơn, khi nói hung thủ đã đưa cả Mark Mellery và Jack Hardwick vào tầm ngắm. Những gì Gurney muốn nói, anh giải thích khi hai người sai bước trở lại hiện trường từ đường mòn cụt trong rừng, chính là tên hung thủ dường như đang nhắm một phần sự thù địch của mình vào toán cảnh sát đang điều tra vụ án. Thay vì làm Hardwick khó chịu, cái thử thách bóng gió này lại tiếp sức cho hắn. Anh mắt hiếu chiến trong mắt hắn hét lên, “Thằng chó ấy cứ việc nhào vô!”

Rồi Gurney hỏi hắn còn nhớ vụ Jason Strunk không.

“Sao phải nhớ?”

“Cái tên ‘ông Santa quỳ sứ’ nghe có quen không? Hay cái tên ‘Claus Ăn Thịt Người’ mà một thiên tài truyền thông khác gọi hắn?”

“Ờ, ờ, đúng rồi, tôi nhớ rồi. Cũng chả phải là kẻ ăn thịt gì ghê gớm. Chỉ nhai sứt mấy ngón chân thôi mà.”

“Phải, nhưng đâu chỉ có vậy, đúng không?”

Hardwick nhăn mặt. “Tôi nhớ là hình như sau khi hắn nhai sứt ngón chân của các nạn nhân xong thì dùng cửa vòng chặt xác ra, đóng gói từng miếng cho vào bao ni lông – rất gọn ghẽ – xong bỏ vào hộp quà Giáng sinh gửi bưu điện. Hắn phi tang xác bằng cách đó. Tránh gặp rắc rối nếu đem chôn.”

“Anh có nhớ hắn gửi tới những ai không?”

“Chuyện đó cũng hai mươi năm rồi còn gì. Lúc ấy tôi còn chưa vào ngành mà. Tôi đọc báo mới biết đấy chứ.”

“Hắn gửi đến địa chỉ nhà của những thanh tra điều tra án mạng trong địa phận nơi nạn nhân sống.”

“Địa chỉ nhà ư?” Hardwick bắn cho Gurney một cái nhìn ghê tởm. Mười sát, ăn thịt người cỡ trung, hay cắt xác bằng cửa vòng còn có thể tha thứ được, nhưng tình tiết cuối cùng này thì nhất định không.

“Hắn ghét bọn cớm mà,” Gurney nói tiếp. “Thích làm cớm hoang mang.”

“Nghĩ chuyện hắn gửi cho anh một bàn chân thì cũng hoang mang thật.”

“Đặc biệt hoang mang khi vợ anh là người mở hộp ra.”

Lời lưu ý lạ lùng đó làm Hardwick chú ý. “Chết tiệt. Đó là trường hợp của anh hả. Hắn gửi cho anh một bộ phận cơ thể, rồi vợ anh mở hộp ra?”

“Ừ.”

“Cứ thật. Có phải vì vậy mà cô ấy ly dị anh không?”

Gurney liếc nhìn hắn một cách tò mò. “Anh còn nhớ là người vợ đầu ly dị tôi ư?”

“Có nhiều chuyện tôi nhớ rõ lắm. Đọc thì tôi nhớ không nhiều – nhưng mấy thứ mà người ta bộc bạch với tôi, tôi chẳng bao giờ quên cả. Chẳng hạn như, tôi biết anh là con một này, bố anh sinh ở Ai Len, ông ấy ghét quê nên chẳng bao giờ muốn kể anh nghe về quê hương, ông ấy còn nát rượu nữa.”

Gurney nhìn hắn trân trân.

“Anh nói cho tôi nghe khi chúng ta cùng làm chung vụ Piggert mà.”

Gurney không rõ điều gì làm mình phiền muộn hơn: chuyện anh tiết lộ những tiểu tiết lập dị về gia đình mình, hay chuyện anh nói mà quên những gì mình nói, hay chuyện Hardwick lại nhớ những tiểu tiết ấy.

Họ tiếp bước về phía căn nhà qua đám tuyết mịn như bột bắt đầu xoáy theo từng hồi gió thoảng dưới bầu trời đang sẫm dần. Gurney cố giữ bỏ cơn lạnh đang trùm quanh người để tập trung vào vấn đề trước mắt.

“Trở lại luận điểm của tôi,” anh nói, “bức thư cuối cùng của tên hung thủ là một lời thách thức với cảnh sát, và đó có thể là một tình tiết quan trọng.”

Hardwick thuộc loại người chỉ quay trở lại luận điểm của người khác khi trong lòng thực sự muốn vậy.

“Có phải vì vậy mà cô ấy ly dị anh không? Cô ấy nhận được của quý của thằng cha nào đó trong hộp đúng không?”

Chẳng liên quan gì tới hấn cả, nhưng Gurney quyết định trả lời.

“Chúng tôi còn nhiều vấn đề khác nữa. Tôi có thể liệt kê cho anh nghe một danh sách những điều tôi phàn nàn, và danh sách của cô ấy còn dài hơn nữa. Nhưng tôi nghĩ mấu chốt là do cô ấy bàng hoàng nhận ra cái cảm giác lấy chồng làm cảnh sát. Vài bà vợ khác thì sau một thời gian mới từ từ nhận ra điều đó, còn vợ tôi thì được khai sáng ngay.”

Họ đã đến sân hiên sau nhà. Hai chuyên viên thu thập chứng cứ đang sàng lọc lớp tuyết quanh vết máu đã ngả nâu, tiện tay khám xét những phiến đá dorr lên trong quá trình sàng lọc.

“Ái chà, nói sao thì Strunk cũng là một tên giết người hàng loạt, còn vụ này không có vẻ như vậy.” Hardwick nói như muốn gạt sang bên một diễn biến phức tạp không cần thiết.

Gurney gật gù đồng ý một cách lưỡng lự. Phải, Jason Strunk là một tên giết người hàng loạt điển hình, còn kẻ giết Mark Mellery dường như không phải loại đó. Strunk không hề quen biết trước đó với nạn nhân, hoặc nếu có cũng chỉ quen biết sơ sài. Có thể đoán chắc rằng hấn chẳng có thứ gì giống như ‘mối quan hệ’ với nạn nhân cả. Hấn chọn nạn nhân trên cơ sở họ có khớp với các tham số nhất định về kiểu dáng bên ngoài không và giờ giấc sinh hoạt của họ có thuận tiện cho hấn không dưới cái áp lực choáng ngợp buộc hấn phải ra tay – sự trùng khớp giữa thôi thúc và cơ hội. Tuy nhiên, kẻ giết Mellery biết rõ đến nỗi có thể tra tấn bằng những lời bóng gió về quá khứ của nạn nhân – thậm chí biết rõ đến nỗi có thể đoán được con số nạn nhân nghĩ đến trong từng tình huống nhất định. Hấn gợi ý là đã từng chung một quá khứ thân hữu nào đó với nạn nhân, một điều phi đặc thù ở những tay giết người hàng loạt. Hơn nữa, trong thời gian gần đây cũng chưa có trình báo nào về những vụ mưu sát tương tự – mặc dù vấn đề đó cần phải nghiên cứu kỹ hơn.

“Vụ này không giống như giết người hàng loạt,” Gurney đồng ý. “Tôi không nghĩ lát nữa anh sẽ tìm được mấy ngón tay cái trong hộp thư đâu. Nhưng có cái gì đó khiến ta phải hoang mang khi hẳn lại gọi anh, sĩ quan điều tra chính, là ‘cặn bã của thế gian’.”

Họ đi vòng quanh căn nhà ra cửa trước để tránh làm gián đoạn những chuyên gia xử lý hiện trường trên sân hiên. Một viên cảnh sát mặc sắc phục từ văn phòng cảnh sát trưởng đang đóng đô ở đó để kiểm soát việc ra vào nhà. Gió ở đó càng lúc càng buốt lạnh, và anh ta đang giậm chân, vỗ đôi tay đeo găng vào nhau để tạo ra chút hơi ấm. Sự khó ở thấy rõ trên khuôn mặt làm méo mó nụ cười trên môi anh ta khi chào Hardwick.

“Cà phê đang tới phải không?”

“Không biết. Nhưng hy vọng là vậy,” Hardwick vừa nói vừa lớn tiếng khịt mũi để nước mũi không chảy ra. Hẳn quay sang Gurney. “Tôi không giữ anh lâu đâu. Tôi chỉ muốn anh cho tôi xem mấy bức thư mà anh nói là ở trong phòng làm việc – tôi muốn chắc chắn là toàn bộ số thư còn ở đó.”

Bên trong căn nhà cổ kính xinh xắn có lót thảm màu hạt dẻ, tất cả đều tĩnh lặng. Hơn bao giờ hết, nơi đây sặc mùi tiền.

Một Người Bạn Của Gia Đình

Một ngọn lửa như tranh vẽ đang cháy âm ỉ trong lò sưởi làm bằng gạch đá, và không khí trong phòng trở nên dịu ngọt hơn nhờ những nốt lầy nồng nàn của khói anh đào. Bà Caddy Mellery nhợt nhạt song điềm tĩnh đang ngồi chung trên xô pha cùng một người đàn ông ngoài 70 trong bộ trang phục vừa vặn.

Khi Gurney và Hardwick bước vào, người đàn ông bật dậy khỏi ghế dễ dàng đến mức đáng kinh ngạc so với tuổi của ông ta. “Chào hai anh,” ông ta nói. Những lời ấy thốt ra với ngữ điệu phong nhã, hao hao giống giọng miền Nam. “Tôi là Carl Smale, bạn cũ của Caddy.”

“Tôi là thanh tra cấp cao Hardwick, còn đây là Dave Gurney, bạn người chồng quá cố của bà Mellery.”

“À, phải rồi, bạn của Mark đây mà. Caddy có nói với tôi khi nãy.”

“Chúng tôi rất tiếc đã làm phiền hai vị,” Hardwick vừa nói vừa đảo mắt quanh phòng. Mắt hắn dừng lại trên chiếc bàn giấy Sheraton nhỏ nằm sát bức tường đối diện lò sưởi. “Chúng tôi cần xem một vài giấy tờ có thể liên quan đến vụ án và chúng tôi có lý do để tin rằng rất có thể chúng nằm trong cái bàn ấy. Bà Mellery, tôi xin lỗi phải làm phiền bà bằng những câu hỏi như thế này, nhưng bà cảm phiền cho tôi xem qua nó nhé?”

Bà ta nhắm mắt lại. Không thể nào biết rõ bà ta có hiểu câu hỏi hay không.

Smale ngồi lại chỗ cũ bên cạnh Caddy trên xô pha, đặt tay lên cánh tay bà ta. “Tôi tin chắc Caddy không phản đối gì đâu.”

Hardwick do dự. “Ông là... người phát ngôn của bà Mellery ư?”

Phản ứng của Smale rất khó thấy – một nếp nhăn nhỏ trên mũi, như phản ứng của một phụ nữ nhạy cảm khi nghe một từ thô lỗ nào đó ở buổi dạ tiệc.

Bà góa phụ mở mắt ra, mượn một nụ cười buồn bã để lên tiếng. “Tôi tin các anh hiểu đây là khoảng thời gian khó khăn. Tôi hoàn toàn trông cậy vào Carl. Những lời ông ấy nói đều khôn ngoan hơn bất kỳ lời nào tôi nói.”

Hardwick kiên trì. “Ông Smale là luật sư của bà ư?”

Bà ta quay về phía Smale với một vẻ phúc hậu mà Gurney nghi ngờ được tăng cường bằng thuốc Valium rồi nói, “Ông ấy là luật sư của tôi đã hơn ba mươi năm nay, người đại diện của tôi lúc đau ốm lẫn khỏe mạnh, lúc thịnh lẫn lúc suy. Chúa ạ, Carl, nghe chẳng phải rất đáng sợ sao?”

Smale mô phỏng nụ cười hoài niệm của bà ta, rồi nói với Hardwick bằng giọng quả quyết hơn nữa. “Các anh cứ tự nhiên khám xét *phòng này* đi, tìm ra được vật nào có thể liên quan đến việc điều tra thì cứ tìm. Chúng tôi tất nhiên sẽ rất cảm kích nếu nhận được danh sách các vật dụng các anh muốn mang đi.”

Cụm từ ‘phòng này’ có chủ ý ấy không qua được mắt Gurney. Smale không chấp thuận cho cảnh sát khám xét toàn bộ. Có vẻ như câu nói ấy cũng không qua mặt được Hardwick, xét từ vẻ mặt nghiêm nghị mà hẳn thể hiện trước người đàn ông bánh bao nhỏ thó trên xô pha.

“Tất cả chứng cứ chúng tôi thu giữ đều được kê khai đầy đủ.” Giọng của Hardwick truyền đạt cả phần thông điệp ngầm ẩn: “Chúng tôi không đưa cho ông danh sách những thứ chúng tôi muốn lấy đâu. Chúng tôi chỉ đưa cho ông danh sách những thứ chúng tôi đã lấy thôi.”

Smale, rõ ràng có khả năng nghe được những thông điệp ngầm ẩn, mỉm cười. Ông ta quay sang Gurney hỏi bằng cái giọng nhừa nhựa thư thái của mình, “Nè, có phải anh là cái anh Dave Gurney đó không?”

“Tôi là đứa con duy nhất của bố mẹ tôi.”

“Ôi, ôi, ôi. Một thanh tra huyền thoại! Rất hân hạnh được gặp anh.”

Gurney, vốn luôn cảm thấy khó chịu trước kiểu khen ngợi này, không nói gì.

Caddy Mellery phá vỡ sự im lặng. “Tôi xin lỗi, nhưng đầu tôi nhức như búa bổ, tôi phải đi nằm thôi.”

“Tôi hiểu,” Hardwick nói. “Nhưng tôi cần bà giúp chúng tôi làm rõ một số chi tiết.”

Smale nhìn thân chủ của mình một cách âu lo. “Chuyện đó không thể đợi được một hai tiếng đồng hồ hay sao? Bà Mellery đang bị đau rõ vậy còn gì.”

“Mấy câu hỏi của tôi chỉ mất hai ba phút thôi. Tin tôi đi, tôi không muốn xâm phạm quyền riêng tư đâu, nhưng việc trì hoãn có thể sẽ gây ra vấn đề.”

“Caddy?”

“Ồn mà Carl. Bây giờ hay lát nữa thì có khác gì đâu.” Bà ta nhắm mắt lại. “Tôi nghe đây.”

“Tôi rất tiếc phải buộc bà suy nghĩ về những thứ này,” Hardwick nói. “Bà cảm phiền cho phép tôi ngồi đây nhé.” Hắn chỉ chiếc ghế bành lưng cao gần chỗ Caddy đang ngồi.

“Anh hỏi đi.” Mắt bà ta vẫn nhắm nghiền.

Hắn ngồi trên thành nệm. Chẳng tay cảnh sát nào lại cảm thấy thoải mái khi thẩm vấn một người vừa mới mất người thân cả. Song Hardwick lại ra chiều không khó chịu lắm với nhiệm vụ này.

“Tôi muốn nói sơ qua một thứ mà sáng nay bà nói để chắc chắn là tôi hiểu đúng. Bà nói điện thoại đổ chuông sau 1 giờ sáng một chút – lúc đó vợ chồng bà đang ngủ đúng không?”

“Phải.”

“Và bà biết mấy giờ bởi vì...?”

“Tôi xem đồng hồ. Tôi thắc mắc không biết ai lại gọi vào giờ đó.”

“Rồi chồng bà trả lời điện thoại?”

“Vâng.”

“Ông ấy nói gì?”

“Ông ấy nói ‘a lô, a lô, a lô’ – ba bốn lần gì đấy. Rồi ông ấy...”

“Ông nhà có cho bà biết người gọi nói gì không?”

“Không có.”

“Rồi vài phút sau, bà nghe tiếng con gì đó thét lên trong rừng.”

“Tiếng rít.”

“Tiếng rít ư?”

“Phải.”

“Bà phân biệt như thế nào giữa ‘tiếng rít’ và ‘tiếng thét’?”

“Tiếng thét...” Bà ta ngừng nói và cắn chặt môi dưới.

“Bà Mellery?”

“Anh còn định hỏi bao nhiêu câu như vậy nữa hả?” Smale hỏi.

“Tôi chỉ muốn biết bà ấy nghe thứ gì thôi.”

“Tiếng thét thì thường là của người. Tôi sẽ thét lên khi tôi...” Bà ta chớp mắt như ép một hạt bụi ra khỏi mắt, rồi tiếp tục. “Còn đây là con gì đó. Nhưng không phải trong rừng. Nghe nó kêu như đang ở gần nhà vậy.”

“Tiếng thét này – *tiếng rít* mới đúng – kéo dài trong bao lâu?”

“Một hai phút gì đấy, tôi không chắc nữa. Mark xuống gác thì không còn tiếng đó nữa.”

“Ông nhà có nói định làm gì không?”

“Ông ấy nói để xem thử là cái gì. Vậy thôi. Ông ấy chỉ...” Bà ta ngừng nói và bắt đầu hít sâu vào từng hơi chậm rãi.

“Xin lỗi bà, bà Mellery. Tôi không hỏi lâu nữa đâu.”

“Ông ấy chỉ muốn xem là cái gì thôi, chỉ có vậy.”

“Bà còn nghe được tiếng gì khác không?”

Bà ta đặt tay lên miệng, ôm má và hàm để tự kiềm chế. Năm tay thật chặt của bà ta làm xuất hiện những vết đỏ trắng dưới móng tay.

Khi bà ta nói, lời bà ta bị bàn tay làm nghẹn ngào.

“Lúc đó tôi đang lim dim, nhưng tôi có nghe tiếng gì đó, tiếng gì nghe như tiếng vỗ – như có ai đó vỗ hai tay vào nhau vậy. Chỉ có vậy thôi.” Bà ta

tiếp tục ôm mặt như thể tạo ra áp lực lên mặt là cách duy nhất khiến bà ta cảm thấy dễ chịu.

“Cảm ơn bà,” Hardwick vừa nói vừa đứng dậy khỏi chiếc ghế bành. “Chúng tôi sẽ cố gắng giảm thiểu việc xâm phạm cuộc sống của bà. Còn bây giờ, tôi chỉ muốn xem qua chỗ bàn làm việc đó.”

Caddy ngẩng đầu lên và mở mắt ra. Bàn tay bà ta buông lơ lửng xuống đùi, để lại những dấu tay tím ngắt trên hai má. “Anh thanh tra,” bà ta nói bằng giọng yếu ớt nhưng cương quyết, “anh muốn lấy thứ gì liên quan đến vụ án thì lấy, nhưng xin tôn trọng quyền riêng tư của chúng tôi. Báo chí rất vô trách nhiệm. Di sản của chồng tôi có tầm quan trọng rất lớn đấy.”

Những Việc Ưu Tiên

“Sa lầy vào mấy thứ thơ thần này là chúng ta sẽ vất giò lên cổ mà chạy trong năm tới cho xem,” Hardwick nói. Hắn phát âm rõ chữ *thơ thần* như thể đó là loại sinh lầy bản thủ nhất.

Những bức thông điệp của tên hung thủ được trải ra trên một chiếc bàn lớn giữa phòng họp quản trị của viện, nơi tổ điều tra tội phạm đã trưng dụng làm phòng họp lưu động phục vụ cho giai đoạn điều tra sâu ban đầu.

Đầu tiên là lá thư gồm hai phần của ‘X. Arybdis’ đưa ra lời tiên đoán huyền bí rằng con số Mellery sẽ nghĩ đến là số 658 và đòi số tiền 289,87 đô để bù cho chi phí tìm ra y. Sau đó, ba lá thư kia với mức độ đe nẹt ngày càng cao đến bằng đường bưu điện. (Lá thư thứ ba trong số này được Mellery bỏ vào túi ni lông đựng thức ăn để giữ lại dấu vân tay, như đã nói với Gurney.) Bày ra trên bàn theo thứ tự còn có tấm séc 289,87 đô của Mellery bị trả lại kèm bức thư ngắn của Gregory Dermott cho biết không có ai tên ‘X. Arybdis’ ở địa chỉ trên séc; bài thơ hung thủ đã đọc qua điện thoại cho trợ lý của Mellery ghi lại; băng ghi âm đoạn nói chuyện qua điện thoại của hung thủ chiều hôm đó với Mellery, trong đó Mellery đề cập đến con số 19; lá thư tìm được trong hộp thư của viện tinh tu đoán Mellery sẽ chọn con số 19; và bài thơ cuối cùng tìm thấy trên xác chết. Một lượng chứng cứ rất đáng kể.

“Anh có biết gì về cái bịch ni lông ấy không?” Hardwick hỏi. Nói về ni lông, giọng hắn nghe ỉu xìu như khi nói về thơ văn.

“Lúc ấy Mellery hãi hùng nghiêm trọng,” Gurney nói. “Anh ta nói với tôi rằng muốn giữ lại dấu vân tay nào đó có thể để lại trên thư.”

Hardwick lắc đầu. “Mấy thứ CSI¹⁰⁰ vớ vẩn đây mà. Ni lông nhìn có vẻ công nghệ cao hơn giấy. Chứng cứ mà để trong túi ni lông sẽ bị hư hại vì

âm. Mấy thằng ngu.”

Một viên cảnh sát mặc thường phục đeo huy hiệu cảnh sát Peony trên nón đang đứng chỗ cửa với nét mặt ưu phiền.

“Gì hả?” Hardwick nói như thách vị khách ấy mang đến cho hắn một vấn đề nữa.

“Nhóm kỹ thuật muốn vào. Được không?”

Hardwick gật đầu, nhưng sự chú ý của hắn đã trở lại bộ sưu tập những lời đe dọa có văn điệu đang bày ra khắp bàn.

“Chữ viết gọn gàng đấy,” hắn nói, mặt nhăn nhó ghê tởm. “Anh nghĩ sao hả Dave? Anh nghĩ có khi nào ta đang điều tra một vụ ni cô giết người không?”

Nửa phút sau, các kỹ thuật viên xuất hiện trong phòng họp ban giám đốc cùng những chiếc túi đựng chứng cứ, một laptop, một máy in mã vạch xách tay để dán nhãn tạm thời vào tất cả những món đồ bày ra trên bàn. Hardwick yêu cầu mỗi vật chứng phải phô tô xong mới gửi đến phòng thí nghiệm ở Albany để kiểm tra dấu vân tay tiềm tàng và phân tích chữ viết, giấy và mực – đặc biệt là bức thư để lại trên xác nạn nhân.

Gurney lặng lẽ quan sát Hardwick làm việc trong vai trò giám sát viên hiện trường. Một vụ án kéo dài nhiều tháng hay nhiều năm thường phụ thuộc nhiều vào năng lực của người phụ trách hiện trường trong những giờ đồng hồ đầu tiên của quá trình điều tra. Theo Gurney thấy thì Hardwick thật sự đang làm việc rất hiệu quả. Anh ngồi nhìn hắn đọc tài liệu của thợ ảnh về ảnh chụp và nơi chụp để bảo đảm tất cả những khu vực có liên quan đều đã khám xét, kể cả những khu vực mấu chốt trong phạm vi trang viên, lối ra vào, tất cả dấu chân và vật chứng thấy được (ghế sân vườn, mẫu thuốc lá, chai vỡ), cái xác ở hiện trường ban đầu, và chỗ tuyết sũng máu xung quanh xác.

Hardwick cũng yêu cầu thợ ảnh tìm cách chụp toàn bộ trang viên và khu vực xung quanh nhìn từ trên cao – một quy trình không theo thông lệ, nhưng

trong hoàn cảnh này, nhất là khi có một chuỗi dấu chân chẳng dẫn đến đâu, điều này là hợp lý.

Ngoài ra, Hardwick còn hội ý với bộ đôi thám tử trẻ để xác nhận họ đã thực hiện những cuộc thăm vấn được phân công trước đó. Hắn gặp nhân viên thu thập chứng cứ cấp cao để xem lại danh sách các vật chứng thu thập được, và yêu cầu một trong những thám tử của anh ta sắp xếp đưa chó nghiệp vụ đến hiện trường vào sáng hôm sau – một dấu hiệu cho Gurney thấy Hardwick đang nghĩ rất nhiều về bài toán dấu chân. Sau cùng, hắn xem sổ ghi chép của lính gác ở cổng trước để bảo đảm không có ai xâm nhập hiện trường trái phép. Ngồi xem Hardwick tiếp nhận và đánh giá, lập kế hoạch ưu tiên và chỉ đạo, Gurney kết luận tay cảnh sát này vẫn đầy năng lực dưới áp lực như thưở hai người còn cộng tác. Hardwick là một tên khốn cục cằn thế nào thì cũng không thể phủ nhận hắn làm việc rất hiệu quả.

Vào 4 giờ 15 phút, Hardwick nói với anh, “Ngày dài đằng đẵng, mà anh có ăn tí lương nào đâu. Sao anh không về gia trang của anh đi?” Rồi hắn sững người lại một chút, như thể một ý nghĩ nào đó vừa đột kích hắn, đoạn nói tiếp, “Ý tôi là, chúng tôi không trả lương cho anh. Gia đình Mellery có trả lương cho anh không? Cứt thật, tôi cá là có. Tài năng lấy lừng đâu có giá rẻ được.”

“Tôi không có giấy phép. Tôi muốn lấy tiền người ta cũng không được. Và lại, tôi chẳng muốn làm thám tử tư ăn lương chút nào.”

Hardwick bắn cho anh một cái nhìn hoài nghi.

“Thật tình mà nói, ngay lúc này tôi nghĩ tôi sẽ nghe theo đề nghị của anh và kết thúc ở đây.”

“Anh nghĩ có thể tạt qua tổng bộ địa phương tầm trưa mai được không?”

“Kế hoạch gì thế?”

“Hai chuyện. Thứ nhất, chúng tôi cần lời khai của anh – quá khứ của anh với nạn nhân, phiên bản cách đây đã lâu và phiên bản hiện tại. Anh biết cách làm việc của chúng tôi mà. Thứ hai, tôi muốn anh dự một cuộc họp: một cuộc họp định hướng để mọi người làm việc ăn ý với nhau. Báo cáo sơ bộ

về nguyên nhân cái chết, kết quả thẩm vấn nhân chứng, máu, dấu vân, hung khí, vân vân... Những giả thuyết ban đầu, những việc cần ưu tiên, những bước tiếp theo.. Những anh chàng như anh sẽ rất được việc, sẽ giúp chúng tôi đi đúng hướng, không lãng phí tiền thuế của dân. Không chia sẻ tài năng thiên bẩm phố thị của anh với những kẻ phàm phu quê mùa như chúng tôi là có tội đấy. Trưa mai nhé. Nếu mang theo được lời khai của anh thì tốt quá.”

Tay này cần phải tinh khôn ra vẻ. Như vậy mới nói lên được vị thế của hắn trên đời này. Hardwick Tinh Khôn, Tổ trọng án, Cục điều tra tội phạm, Cảnh sát Bang New York. Nhưng dưới lớp vỏ nhố nhăng ấy, Gurney cảm nhận được một sự thật: Hardwick rất cần sự giúp đỡ của anh trong một vụ án đang ngày càng trở nên lạ lùng.

Gurney lái xe về nhà mà như quên lãng cảnh vật xung quanh. Mãi đến khi lái lên con dốc cao của thung lũng, qua tiệm tạp hóa Abelard Dillweed một đoạn, anh mới nhận ra những đám mây tụ lại trong ngày đã biến mất, thay vào đó là vầng sáng rực rỡ của mặt trời hoàng hôn rọi lên mạn Tây những quả đồi. Những ruộng ngô đầy tuyết tiếp giáp với con sông khúc khuỷu tắm trong một bức tranh màu phấn sống động đến nỗi mắt anh như sáng lên trước khung cảnh đó. Rồi, với một tốc độ đáng kinh ngạc, mặt trời màu san hô bỗng hạ xuống rặng núi đối diện, và vầng sáng bị dập tắt. Những hàng cây trụi lá lại mang một màu đen thẫm. Và tuyết trở lại một màu trắng trống trải.

Gần đến nút rẽ, anh lái chậm lại, mắt để ý một con quạ bên mép đường. Con quạ đang đậu trên một thứ gì đó khiến nó cao hơn mặt đường vài phân. Khi đi ngang hàng với nó, anh nhìn kỹ hơn. Nó đang đậu trên xác một con thú có túi ô pốt. Lạ lùng thay, thông thường quạ rất thận trọng, nhưng con quạ này không bay đi mà cũng không có biểu hiện sợ sệt xe cộ đi ngang qua. Nó đứng bất động, toát lên một vẻ gì đó như là mong ngóng – làm cho hoạt cảnh lạ lẫm trước mắt có cái chất của cơn mộng mị.

Gurney rẽ vào đường và xuống số xe để đi chậm chậm lên đoạn đường dốc khúc khuỷu – tâm trí anh choán đầy cảnh tượng con chim màu đen ấy

đang đậu một cách cảnh giác, trông đợi trên xác con vật trong bóng hoàng hôn nhạt dần.

Còn hơn 3 cây số nữa – 5 phút nữa – là tới giao lộ dẫn tới nhà Gurney. Đến đoạn đường quê chặt hẹp dẫn từ kho thóc đến căn nhà thì không khí đã u ám và lạnh lẽo hơn. Một trận gió tuyết như một bóng ma xoáy dọc bãi cỏ, gần đến khu rừng tối đen thì tan biến.

Anh dừng xe gần nhà hơn mọi khi, bẻ ngược cổ áo để chống chọi cơn lạnh, rồi hối hả chạy đến chỗ cửa sau. Anh vừa vào bếp thì đã nhận ra thứ âm thanh trống trải không lẫn vào đâu được báo hiệu Madeleine đã đi vắng. Như thể quanh cô có tiếng kêu yếu ớt của dòng điện, một nguồn năng lượng chiếm đầy không gian khi nó hiện hữu và để lại một sự trống rỗng như sờ thấy được khi nó mất đi.

Trong không khí còn có thứ khác, cái cảm xúc còn đọng lại sáng hôm ấy, sự hiện diện u tối của chiếc hộp từ tầng hầm, chiếc hộp vẫn nằm trên bàn trà bên phía phòng không hắt bóng, dải băng trắng mềm mại của nó vẫn chưa ai động vào.

Vòng nhanh qua phòng tắm thông với gian trữ thức ăn, anh đi thẳng đến phòng làm việc và kiểm tra tin nhắn trên điện thoại. Chỉ có một tin. Giọng nói của Sonya – óng mượt như xa tanh, như đàn vi ô lông xen. *“Chào David, tôi có khách hàng này mê một tác phẩm của anh đây. Tôi nói với ông ấy là anh đang hoàn tất một tác phẩm nữa, và tôi muốn nói cho ông ấy biết khi nào thì tác phẩm hoàn thành. Mê một không phải là một từ gì ghê gớm lắm đâu, còn chuyện tiền bạc chắc không thành vấn đề. Gọi cho tôi càng sớm càng tốt nhé. Chúng ta cần cùng nhau bàn bạc vấn đề này. Cảm ơn anh David.”*

Anh định phát lại tin nhắn thì nghe tiếng cửa sau mở ra đóng vào. Anh ấn nút ‘dừng’ trên máy để bỏ đoạn phát lại và gọi với ra, “Em đấy à?”

Không có tiếng trả lời, làm anh bực dọc.

“Madeleine,” anh gọi lớn hơn mức cần thiết.

Anh nghe tiếng cô trả lời, nhưng quá nhỏ nên anh không nghe được cô nói gì. Đó là giọng nói mà trong giây phút hần học này đây, anh gọi nó là cái giọng ‘nhỏ theo kiểu thụ-động- gây-hấn’. Ý định đầu tiên của anh là ở lại trong phòng, nhưng như vậy có vẻ ấu trĩ quá, nên anh đi ra bếp.

Madeleine quay sang nhìn anh từ chỗ treo áo ở phía kia căn phòng nơi cô treo chiếc áo khoác màu cam có mũ. Tuyết vẫn còn lấm chấm khắp nơi trên vai áo, nghĩa là cô đã đi qua rừng thông.

“Ngoài trời đẹp ời là đẹp,” cô vừa nói vừa luồn ngón tay vuốt mái tóc nâu dày, làm phồng chỗ tóc bị áo khoác làm xẹp. Cô bước vào gian trữ thức ăn, một phút sau đi ra, rồi liếc dọc ngang khắp mặt bếp.

“Anh để mấy hạt hồ đào ở đâu thế?”

“Gì cơ?”

“Chẳng phải em đã nhờ anh đi mua hồ đào sao?”

“Hình như em đâu có nói.”

“Chắc em không có nói. Hay chắc anh không nghe em nói?”

“Anh không biết,” anh nói. Anh thấy thật khó khớp đề tài này vào tâm trạng hiện tại. “Mai anh mua.”

“Mua ở đâu?”

“Ở tiệm Abelard.”

“Vào Chủ nhật ư?”

“Chủ... ờ phải, người ta đóng cửa mà. Em cần mấy hạt hồ đào làm gì cơ?”

“Em phụ trách làm món tráng miệng mà.”

“Món tráng miệng gì?”

“Elizabeth làm món rau trộn và nướng bánh mì, Jan thì làm món bò hầm đậu, còn em làm món tráng miệng.” Mắt cô tối sầm lại. “Anh quên rồi ư?”

“Mai họ đến ư?”

“Đúng vậy.”

“Máy giờ?”

“Có vấn đề gì ư?”

“Trưa mai anh phải giao lời khai viết tay cho tổ điều tra.”

“Vào Chủ nhật ư?”

“Đây là một vụ điều tra án mạng mà,” anh uể oải nói, mong sao lời nói của mình nghe không phải như châm biếm.

Cô gật đầu. “VẬY là mai anh đi cả ngày rồi?”

“Trong ngày thôi.”

“Trong ngày là bao lâu?”

“Chú ạ, em biết bản chất của những chuyện như thế này mà.

Sự buồn bã và giận dữ đang ganh đua trong mắt cô làm Gurney bất an hơn cả cái tát tai. “VẬY chắc mai anh về nhà lúc nào đó không biết, cũng có thể ăn tối với em và mọi người được, mà cũng có thể không ăn tối được,” cô nói.

“Anh phải giao cho người ta bản lời khai có chữ ký với tư cách là nhân-chứng-tiền-vụ-án. Anh có muốn làm thế đâu.” Giọng anh đột ngột lên cao, sừng sốt, phun từng chữ vào mặt cô. “CÓ nhiều thứ trong đời chúng ta buộc phải làm. Đây là nghĩa vụ pháp lý – không phải là chuyện muốn hay không muốn. Anh đâu có soạn ra thứ luật pháp chết tiệt ấy!”

Cô nhìn anh trân trân vẻ mặt mỗi cũng bộc phát như cơn giận của anh. “Anh vẫn chưa thấy vấn đề ư?”

“Vấn đề gì?”

“Vấn đề là bộ não của anh chỉ bận rộn nào giết người, cố ý gây thương tích, rồi máu me, quái vật, kẻ dối trá, người bị tâm thần, đến nỗi chẳng còn chỗ cho thứ khác nữa.”

Hiếu Đứng Vấn Đề

Đêm hôm ấy anh dành ra hai giờ đồng hồ viết và chỉnh sửa lại lời khai. Bản lời khai chỉ đơn giản kể lại – mà không dùng tính từ, không chứa cảm xúc hay ý kiến gì hết – những chi tiết có liên quan đến mối quen biết giữa anh với Mark Mellery, gồm cả quan hệ thân mật giữa họ thời đại học và những lần liên lạc gần đây, bắt đầu bằng việc Mellery email yêu cầu gặp mặt và kết thúc bằng việc y cương quyết không mang vấn đề trình cảnh sát.

Anh uống hai ly cà phê đậm đặc trong khi soạn lời khai và vì vậy ngủ không ngon. Lạnh người, đổ mồ hôi, ngứa ngáy, khát nước, cùng một cơn đau ngấn ngủi chuyển từ chân này sang chân kia một cách khó hiểu – một loạt các cảm giác khó chịu nối tiếp nhau trong đêm tạo nên một vườn ươm ác tính dành chứa những suy nghĩ phiến muộn, nhất là những suy nghĩ liên quan đến nỗi đau anh thoáng thấy trong mắt Madeleine.

Anh biết rằng nỗi đau ấy đến từ quan điểm của cô về những chuyện anh ưu tiên. Lúc nào cô cũng than phiền rằng khi những vai trò trong cuộc sống của anh xung đột nhau, Dave Thám tử luôn luôn thế chỗ Dave Người chồng. Anh về hưu hay không có khác gì. Rõ ràng cô đã hy vọng là nó sẽ khác, đến mức tin là vậy. Nhưng làm sao anh lại có thể đi ngược lại bản chất của mình? Dù có quan tâm tới cô, muốn ở bên cô, muốn cô hạnh phúc đến mấy, thì làm sao anh có thể trở thành một người mà anh không phải? Trí óc anh hoạt động hiệu quả khác thường trong một vài lĩnh vực, và điều làm anh thỏa mãn nhất trên đời là có thể áp dụng cái trí tuệ thiên phú ấy. Anh có một bộ óc cực kỳ logic và một chiếc ăng ten được tinh chỉnh rất tốt để có thể dò được sự không nhất quán. Những tố chất này khiến anh trở thành một thám tử xuất chúng. Chúng cũng tạo nên thứ đệm trừu tượng cho phép anh giữ khoảng cách vừa phải với những điều khủng khiếp trong nghề. Những cảnh

sát khác có những thứ đệm khác – rượu chè, tình đoàn kết anh em, sự yếm thế làm chai sạn con tim. Lá chắn của Gurney là khả năng nắm bắt tình huống, coi đó là những thử thách trí tuệ và tội ác là những phương trình phải giải. Anh là như thế. Anh không thể đi ngược lại bản chất bằng cách nghĩ hời hợt đơn giản như vậy. Anh nghĩ đến đó thì thiếp đi, một giờ đồng hồ trước lúc bình minh ló dạng.

Cách Walnut Crossing gần 97 ki-lô-mét về phía Đông, qua Peony 16 ki-lô-mét, trên một dốc núi nhìn được toàn cảnh sông Hudson, Tổng bộ Cảnh sát Bang tại khu vực có cảnh sắc của một pháo đài mới dựng lên. Mặt tiền khổng lồ lát đá xám và những cánh cửa sổ hẹp dường như được thiết kế để chống chọi lại ngày tận thế. Gurney tự hỏi liệu có phải kiểu kiến trúc này chịu ảnh hưởng của sự kiện 11/9, cơn cuồng loạn đã phát sinh ra nhiều dự án còn ngớ ngẩn hơn cả những đồn cảnh sát bất khả xâm phạm như thế.

Bên trong, ánh đèn huỳnh quang làm tăng đến tột độ khí sắc thô ráp của những chiếc máy phát hiện kim loại, camera điều khiển từ xa, các chốt bảo vệ chống đạn, và sàn nhà bê tông sáng bóng. Có một chiếc micro để liên lạc với người lính gác trong chốt – thực sự giống phòng điều khiển hơn, với một dây màn hình ghi lại hình ảnh từ camera an ninh. Đèn bên trong chiếu ánh sáng chói lóa lạnh lùng lên tất cả các bề mặt cứng, cho người lính gác một vẻ xanh xao kiệt quệ. Ngay cả mái tóc không màu của anh ta trông cũng bệnh hoạn dưới ánh sáng không tự nhiên ấy. Trông anh ta như sắp nôn mửa.

Gurney nói vào micro, kìm lòng lại không hỏi han xem anh ta có sao không. “Tôi là David Gurney. Tôi đến gặp anh Jack Hardwick.”

Anh lính gác đẩy tấm thẻ thông hành tạm thời và danh sách đăng nhập qua một khe hẹp dưới chân một bức tường thủy tinh đáng gờm chạy từ trần nhà xuống chõng ngăn cách quây.

Anh ta nhắc điện thoại lên, tra một danh sách dán ở bên trong, ấn bốn phím số nội bộ, nói gì đó mà Gurney không nghe được rồi đặt điện thoại trở lại giá.

Một phút sau một cánh cửa thép màu xám ở phần tường cạnh chốt gác mở ra, để lộ người lính mặc thường phục đã hộ tống anh ngày hôm trước ở viện.

Y ra hiệu cho Gurney mà hình như không nhận ra anh, rồi dẫn anh dọc theo một hành lang xám không có gì nổi bật tới một cánh cửa xám khác rồi mở cửa.

Họ bước vào một phòng hội nghị lớn không cửa sổ – không cửa sổ nhất định là để giữ an toàn cho khách tham dự khỏi bị mảnh kính vỡ gây sát thương nếu có khủng bố tấn công. Gurney hơi sợ không gian kín, ghét những nơi không cửa sổ, ghét những tay kiến trúc sư nào nghĩ thiết kế như vậy là hay.

Người hướng dẫn kiệm lời của anh đi thẳng đến một lư cà phê ở góc xa. Đa số ghế ở bàn hội nghị chữ nhật đã có chủ là những người chưa vào phòng. Áo khoác được treo lủng lẳng sau lưng bốn trong số mười ghế, ba ghế khác dựa nghiêng vào chiếc bàn phía trước như một cách giữ chỗ. Gurney cởi bỏ chiếc áo khoác nhẹ có mũ đang mặc rồi đặt lên lưng một chiếc ghế trống.

Cửa mở, Hardwick bước vào, theo sau là một phụ nữ tóc đỏ với dáng vẻ một sách trong bộ com lê kiểu dành cho cả nam lẫn nữ tay mang một cái laptop và một bộ hồ sơ dày cộm, và tay Tom Cruise học đòi đi đến gặp chiến hữu của mình ở chỗ bình cà phê. Người phụ nữ tiến tới một ghế chưa có người rồi bỏ đồ đạc của mình lên chiếc bàn trước mặt. Hardwick đến gần Gurney, mặt hần có cái vẻ lầy lừng giữa mong đợi và khinh miệt.

“Anh sẽ được tiếp đãi đặc biệt đấy, anh bạn ạ,” hần thềm thì một cách chói tai. “Chúng ta rất vinh hạnh chào đón sự có mặt của ủy viên công tố quận tài-không-đời-tuổi trẻ nhất trong lịch sử tỉnh.”

Gurney cảm nhận được cái ác cảm theo phản xạ của mình đối với Hardwick, một sự ác cảm mà anh nhận thấy không cân xứng với sự gay gắt vô bổ của hần. Dù đã cố gắng không phản ứng lại, nhưng khi nói môi anh lại cứng đờ. “Việc y can dự vào những vụ như thế này chẳng phải là chuyện thường tình sao?”

“Tôi có nói là không thường tình đâu nào,” Hardwick xì xầm. “Tôi chỉ nói là anh sẽ được tiếp đãi đặc biệt thôi.” Hần liếc nhìn ba chiếc ghế nghiêng ở

giữa bàn và bằng cặp môi cong vút đang dần trở thành một phần của khuôn mặt, hẳn nhận xét băng quơ, “Ngai vàng cho ba nhà thông thái đây.”

Theo gót lời nhận xét ấy, cánh cửa mở ra và ba người đàn ông bước vào.

Hardwick xì xầm ngang vai Gurney nói cho anh biết họ là ai. Thấy hẳn có thể nói mà không cử động môi, Gurney chợt nhận ra cái nghiệp mà Hardwick đã bỏ lỡ chính là nghiệp dùng đến tài nói tiếng bụng.

“Đại úy Rod Rodriguez, một thằng ngu hống hách,” cái giọng thì thầm không rõ từ đâu đến ấy cất lên khi một người đàn ông béo phệ, làn da ngăm thẫm mỹ viện, với nụ cười méo xệch cùng cặp mắt hiểm ác, bước vào phòng và giữ cửa cho một người đàn ông cao hơn theo sau – người này thuộc dạng mảnh khảnh, cảnh giác, ánh mắt dáo dác khắp phòng nhìn từng người chưa đến một giây, “ủy viên công tố quận Sheridan Kline đây,” tiếng thì thầm nói, “Muốn trở thành Thống đốc Kline.”

Người đàn ông thứ ba, khúm núm theo sau Kline, đầu hói trước tuổi và khắp người toát lên nét duyên của một chén dưa cải bắp Đức lạnh tanh, là “Stimmel, trợ lý chính của Kline.”

Rodriguez dẫn họ đến chỗ mấy chiếc ghế nghiêng, cố tình mời Kline ngồi ghế ở giữa, Kline mặc nhiên chấp nhận. Stimmel ngồi bên trái Kline, Rodriguez ngồi bên phải. Rodriguez nhìn những khuôn mặt có mặt trong phòng qua cặp kính gọng mỏng. Mớ tóc đen rậm rạp chải kiểu hết sức gọn gàng, nhô lên từ chiếc trán thấp, được nhuộm thấy rõ. Y đập bàn vài tiếng chát chúa bằng khớp đốt ngón tay, mắt nhìn quanh để chắc chắn mọi người đang chú ý.

“Theo nghị trình của chúng ta thì cuộc họp này bắt đầu lúc 12 giờ trưa, và 12 giờ trưa là con số trên đồng hồ ngay lúc này. Xin phiền mọi người vào chỗ ngồi của mình...?”

Hardwick ngồi cạnh Gurney. Nhóm bình-cà-phê đi đến bàn, và trong vòng nửa phút tất cả đều an tọa trên ghế. Rodriguez nhìn quanh chua chát, như muốn nói chuyện gia thực thụ chẳng mất nhiều thời gian đến vậy để ổn định trật tự.

Thấy Gurney, miệng y nhếch lên một cái, không rõ là cười khẩy hay nhăn mặt. Vẻ mặt chua chát càng hằn sâu khi y thấy một chiếc ghế trống. Đoạn y nói tiếp.

“Tôi không cần phải nói cho các anh biết là một vụ giết người gây xôn xao dư luận đã rơi vào tay chúng ta. Chúng ta có mặt ở đây để chắc chắn chúng ta đều có mặt ở đây.” Y ngừng nói, như xem thử có ai đánh giá cao sự dí dỏm đậm chất thiền này không. Rồi y dịch ra cho những cái đầu u tối hiểu. “Chúng ta đến đây để chắc chắn rằng chúng ta cùng hướng về một nhiệm vụ từ ngày đầu vụ án.”

“Ngày thứ hai rồi,” Hardwick lẩm bẩm.

“Anh nói gì cơ?” Rodriguez nói.

Hai anh em sinh đôi nhà Cruise trao cho nhau những cái nhìn ngờ ngác.

“Hôm nay là ngày *thứ hai*, thưa sếp. Hôm qua là ngày *thứ nhất*, thưa sếp, và là một ngày chết tiệt.”

“Tất nhiên tôi nói bóng bẩy vậy thôi. Ý của tôi là chúng ta cần phải hướng về cùng một nhiệm vụ ngay từ đầu vụ án này. Tất cả chúng ta đều phải hành quân theo cùng một nhịp trống. Tôi nói như vậy có rõ không nào?”

Hardwick gật gù một cách ngây thơ. Rodriguez vờ như tảng lờ Hardwick và hướng những lời bình luận của mình đến những người nghiêm túc hơn đang ngồi ở bàn.

“Từ những thông tin ít ỏi mà chúng ta biết được tại thời điểm này, thì vụ án hứa hẹn sẽ khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, gây chấn động nữa cũng nên. Tôi được biết nạn nhân vừa là nhà văn vừa là nhà diễn thuyết thành đạt. Gia đình bên vợ nổi tiếng là giàu sụ. Khách hàng của Viện Mellery bao gồm một số nhân vật lăm tiền, bảo thủ, phiền phức. Yếu tố nào trong số đó cũng có thể tạo nên một gánh xiếc truyền thông nhộn nhạo. Đặt ba yếu tố này lại với nhau là các anh sẽ có một thử thách hết sức gay go đấy. Bốn mẫu chốt để phá án là tổ chức, kỷ luật, giao tiếp, và giao tiếp nhiều hơn nữa. Các anh có thấy gì, nghe gì, kết luận gì đi nữa cũng chỉ là công cốc nếu các anh không ghi âm hay báo cáo lại đúng quy trình. Giao tiếp và giao tiếp nhiều hơn

nữa.” Y liếc xung quanh, đưa mắt nhìn Hardwick lâu nhất, nhận ra Hardwick, một cách không tế nhị lắm, là tay chuyên phạm luật về ghi âm và báo cáo. Hắn đang sẫm soi một đốm tàn nhang lớn trên mu bàn tay phải.

“Tôi không thích người nào phá lệ,” Rodriguez nói tiếp. “Những kẻ phá lệ về lâu về dài sẽ gây ra nhiều rắc rối hơn những người phạm luật. Kẻ phá lệ lúc nào cũng nói mình làm vậy để giải quyết chuyện này chuyện kia. Thực tế là bọn họ làm vậy chỉ để thuận tiện cho bản thân thôi. Bọn họ làm vậy vì thiếu kỷ luật, mà thiếu kỷ luật thì sẽ phá hoại cơ cấu hoạt động. Nên mọi người nghe tôi nói cho rõ đây. Trong vụ này chúng ta sẽ tuân theo luật lệ. Toàn bộ các luật lệ. Chúng ta sẽ sử dụng danh sách kiểm tra. Chúng ta sẽ điền báo cáo một cách chi tiết. Chúng ta sẽ nộp báo cáo đúng giờ. Mỗi vấn đề sẽ đi qua một kênh cụ thể. Mọi thắc mắc pháp lý phải gửi đến văn phòng của công tố viên Kline trước khi – tôi nhắc lại, trước khi – chúng ta có bất cứ hành động nào chưa chắc chắn. Giao tiếp, giao tiếp, giao tiếp.” Y ném những từ ấy như ném hỏa pháo tới tấp vào vị trí của địch. Xét thấy mọi kháng cự đều đã bị dập tắt, y quay người ngọt xớt sang ủy viên công tố quận vẫn luôn tỏ ra bồn chồn suốt cuộc hô hào, rồi nói, “Sheridan, tôi biết anh rất quan tâm đến vụ án này. Anh có muốn nói gì với tổ điều tra của chúng tôi không?”

Kline nở rộng một nụ cười mà nhìn xa có thể tưởng lầm là nòng hậu. Nhìn gần, người ta sẽ thấy một chính trị gia rùng rục ngọn lửa tự luyện.

“Tôi chỉ muốn nói là tôi đến đây để giúp đỡ. Khả năng đến đâu thì giúp đến đó. Các anh là dân chuyên nghiệp, được đào tạo, có kinh nghiệm, có tài nghệ. Các anh biết công việc của mình. Đây chính là sô diễn của các anh.” Một tiếng khúc khích nhỏ lọt vào tai Gurney. Rodriguez chớp mắt. Lẽ nào Rodriguez lại bắt đúng tần số của Hardwick đến vậy? “Nhưng tôi đồng ý với Rod. Đây có thể là một buổi trình diễn rất lớn, một buổi trình diễn rất khó để xuôi chèo mát mái. Chắc một điều rằng nó sẽ lên ti vi, và sẽ có nhiều người xem. Các anh chuẩn bị đọc những cái tíu giật gân đi là vừa – ‘Án mạng đẫm máu của một bậc thầy Thời Đại Mới’. Muốn hay không, vụ này cũng là ứng cử viên cho mấy tờ báo lá cải. Tôi không muốn chúng ta xấu

mặt như lũ ngu ở Colorado làm be bét vụ Jon Benét hay lũ ngu ở California làm be bét vụ Simpson. Vụ án này chúng ta sẽ tung hứng nhiều trái bóng, và nếu bóng rớt thì hai tay chúng ta sẽ là một mớ lộn xộn. Mấy trái bóng đó...”

Gurney muốn nghe hết kết cục của mấy trái bóng kia, nhưng sự tò mò của anh chưa được đáp ứng thì Kline đã im bật trước một tiếng chuông điện thoại. Tiếng chuông phiền nhiễu ấy thu hút sự chú ý của mọi người, mỗi người mỗi vẻ khó chịu khác nhau. Rodriguez sừng sộ nhìn Hardwick thò tay vào túi, trình ra dụng cụ phá rồi, rồi nghiêm chỉnh ngâm lại câu thần chú của đại úy, “Giao tiếp, giao tiếp, giao tiếp.” Rồi Hardwick bấm nút ‘nổi’ để trả lời cuộc điện thoại.

“Hardwick đây... Nói đi... Ở đâu cơ?... Nó khớp với dấu chân ư?... Sao nó lại ở đó, có thấy dấu vết nào không?... Sao hẳn lại làm vậy, các anh có biết không?... Được rồi, đưa đến phòng giám định càng sớm càng tốt... Không thành vấn đề.” Hẳn ấn nút ‘ngắt’ rồi trầm tư nhìn điện thoại.

“Này?” Rodriguez nói, ánh mắt sừng sộ đã bị sự tò mò làm méo mó.

Hardwick nhả câu trả lời vào người phụ nữ tóc đỏ. Cô ta để mở laptop trên bàn và nhìn hẳn một cách trông chờ.

“Tin từ hiện trường. Ta tìm được đôi ủng của hung thủ – hoặc là đôi ủng leo núi nào đó khớp với dấu ủng rời khỏi xác chết. Đôi ủng đang trên đường tới chỗ người của cô ở phòng giám định đấy.”

Cô tóc đỏ gật gù rồi bắt đầu gõ gõ bàn phím.

“Tôi nhớ anh nói dấu chân đi đến một nơi xa xôi nào đó thì mất dấu mà,” Rodriguez nói, như thể y vừa bắt tại trận Hardwick nói dối điều gì đó.

“Đúng,” Hardwick nói mà không nhìn y.

“Vậy thì đôi ủng tìm được ở đâu?”

“Cũng ở cái chỗ xa xôi ấy. Trên một cái cây gần chỗ mất dấu. Treo lủng lẳng trên cành.”

“Anh muốn nói với tôi là tên hung thủ của anh leo cây, tháo ủng ra, rồi để lại trên đó ư?”

“Ờ... ở đâu... ý tôi là, sau đó hẳn làm gì?”

“Chúng ta có biết cái khi gì đâu. Có lẽ đôi ủng sẽ chỉ cho ta đi đúng hướng.”

Rodriguez thốt ra một giọng cười gay gắt như tiếng quát. “Cứ hy vọng vậy đi. Trong khi chờ đợi, ta trở lại nghị trình nào. Sheridan, hình như anh bị ngắt lời chỗ nào đó.”

“Cùng với quả bóng của anh ta trên không trung,” giọng thì thầm của nghệ sĩ nói tiếng bụng cất lên.

“Không hẳn là gián đoạn đâu,” Kline nói, cười nhăn nhó ngụ ý. “Tình thế nào tôi cũng có thể xoay chuyển theo hướng có lợi.”

“Thật ra, tôi thích nghe hơn – nhất là nghe tin tức trong ngành. Càng hiểu rõ vấn đề thì tôi càng giúp được nhiều.”

“Tùy anh thôi, Sheridan. Hardwick, anh dường như thu hút được sự chú ý của mọi người. Anh trình bày những dữ kiện còn lại đi nào – càng ngắn gọn càng tốt. Tuy công tố viên đây rất rộng lượng chuyện giờ giấc, nhưng cậu ấy còn nhiều chuyện phải làm. Nhớ kỹ đấy nhé.”

“Được rồi, mấy nhóc, các cậu nghe đại úy nói rồi đấy. Đây là phiên bản nén gọn đây, tôi nói một lần thôi. Không được mơ mộng giữa ban ngày, không hỏi những câu ngu si. Nghe này.”

“Này!” Rodriguez giơ cả hai tay lên. “Tôi không muốn mọi người cảm thấy là không được hỏi gì cả.”

“Nói bóng bẩy thôi, sếp ạ. Tôi chỉ không muốn giữ ủy viên công tố quận lâu hơn mức cần thiết thôi.” Hắn đọc rõ chức danh của Kline bằng một giọng tôn trọng được khoa trương đúng mức để có thể vừa sỉ nhục bóng gió vừa giữ ở mức độ mơ hồ không ai bắt bẻ được.

“Được thôi, được thôi,” Rodriguez nói kèm một cái vẫy tay nôn nóng. “Nói đi.”

Hardwick bắt đầu thuật lại một cách đơn điệu những dữ kiện đang có. “Trong khoảng thời gian 3 đến 4 tuần trước án mạng, nạn nhân nhận được nhiều lá thư mang tính quấy nhiễu hoặc đe dọa, cùng với hai cuộc gọi, một cuộc do trợ lý của Mellery nhận và ghi lại, còn cuộc kia do nạn nhân nhận

và ghi âm lại. Bản sao của những thứ này chúng tôi sẽ phân phát sau. Vợ nạn nhân là Cassandra (còn gọi là Caddy) trình báo rằng vào đêm xảy ra án mạng vợ chồng bà ta bị một cuộc gọi lúc 1 giờ sáng đánh thức, nhưng khi bắt máy thì người gọi cúp ngay.”

Rodriguez chưa kịp mở miệng thì Hardwick đã đoán được câu hỏi và trả lời. “Chúng tôi đã liên lạc với công ty điện thoại để xem lịch sử cuộc gọi có định và cuộc gọi di động vào đêm xảy ra án mạng và vào thời điểm hai cuộc gọi trước đó. Tuy nhiên, xét thấy mức độ hoạch định kỹ lưỡng trong việc thực hiện tội ác này, tôi không nghĩ hung phạm lại để lại dấu vết điện thoại cho ta theo dõi.”

“Để xem sao đã,” Rodriguez nói.

Gurney kết luận rằng tay đại úy này là người luôn dành ưu tiên hàng đầu cho việc phải ra về kiểm soát được bất kỳ tình huống hay cuộc đàm thoại nào mà y tham gia.

“Vâng, thưa sếp,” Hardwick nói bằng cái vẻ kính cẩn khoa trương, tình tế khó bắt bẻ, mà hẳn đã rất thành thực. “Trở lại câu chuyện, vài phút sau họ bị nhiều tiếng động gần nhà quấy nhiễu – những tiếng động mà bà vợ mô tả là tiếng rít của thú vật. Khi tôi trở lại và hỏi bà ta lần nữa thì bà ta nói là bà ta nghĩ chắc có lẽ là mấy con gấu chó đánh nhau. Chồng bà ta ra xem. Một phút sau bà ta nghe một tiếng mà theo bà ta mô tả là giống như tiếng một cái tát bị bóp nghẹt, sau đó không lâu chính bà ta đi ra kiểm tra. Bà ta thấy chồng nằm trên sân hiên ngay bên ngoài cửa sau. Máu lan xuống tuyết từ vết thương trên cổ họng. Bà ta hét lên – hoặc nhớ là có hét – cố sức cầm máu nhưng không được, xong bà ta chạy trở lại vào trong nhà, gọi 911.”

“Anh có biết chắc bà ta có thay đổi tư thế xác chết khi có cầm máu hay không đâu, đúng không nào?” Rodriguez khiến câu hỏi nghe như một câu hỏi mẹo.

“Bà ta nói là không nhớ.”

Rodriguez trông có vẻ hoài nghi.

“Tôi tin bà ta,” Hardwick nói.

Rodriguez nhún vai bằng một cách vẻ như đánh giá thấp niềm tin của tất cả những người đàn ông khác. Liếc qua những ghi chép của mình, Hardwick tiếp tục bài tường thuật không chút cảm xúc của mình.

“Cảnh sát Peony đến hiện trường trước tiên, sau đó là xe của văn phòng cảnh sát trưởng, tiếp theo là quân nhân Calvin Maxon từ doanh trại địa phương. Cục Điều tra Tội phạm được liên hệ lúc 1 giờ 56 phút sáng. Tôi đến hiện trường vào lúc 2 giờ 20 phút sáng, còn nhân viên khám nghiệm tử thi thì đến lúc 3 giờ 25 phút sáng.”

“Nhắc tới Thrasher mới nhớ,” Rodrigueuz giận dữ nói, “anh ta có gọi cho ai nói là sẽ đến trễ không vậy?”

Gurney liếc dọc dãy mặt đang ngồi ở bàn. Chắc họ đã quá quen với cái tên lạ lùng này của người khám nghiệm tử thi nên chẳng ai có phản ứng gì. Cũng chẳng thấy ai có hứng thú gì với câu hỏi ấy – cho thấy tay bác sĩ này là một trong những người đến trễ kinh niên. Rodrigueuz nhìn chăm chăm chỗ cửa phòng, nơi lẽ ra Thrasher đã phải đi vào cách đây mười phút, vừa nhìn vừa giận âm ỉ trong lòng vì có người đã làm trái lịch làm việc của y.

Như thế bấy lâu Thrasher vẫn đang thập thò sau cửa chờ đội trưởng giận sôi lên, cánh cửa bật mở và một người đàn ông cao lêu nghêu đi loạng choạng vào phòng cùng một chiếc cặp hồ sơ kẹp dưới tay, một bình cà phê trên tay, trông như đang nói dở.

“... thi công bị đình trệ, công nhân làm việc. Ha! Mấy tấm biển ghi vậy mà.” Ông ta mỉm cười rạng rỡ với nhiều người theo tuần tự. “Hình như cái từ *làm việc* có nghĩa là đứng đực ra gãi háng thì phải. Nhiều vụ như vậy lắm. Không có đào lát gì nhiều đâu. Tôi có thấy đào lát gì đâu. Một lũ lỗ mãng thiếu năng lực chỉ biết cản đường.” Ông ta ngó nhìn Rodrigueuz qua cặp kính lệch. “Chuyện đó chắc cảnh sát bang chẳng làm gì được đâu, phải không đại úy?”

Rodrigueuz phản ứng lại bằng một nụ cười mệt mỏi của một người nghiêm túc buộc phải đối phó với lũ ngốc. “Chào *buổi trưa*, bác sĩ Thrasher ạ.”

Thrasher đặt cặp và cà phê lên chiếc bàn nằm trước chiếc ghế trống còn lại. Ánh mắt ông ta phóng quanh phòng, dừng lại ở ủy viên công tố quận.

“Chào Sheridan,” ông ta nói cùng chút ngạc nhiên. “Tham gia vụ này từ sớm ư?”

“Anh có thông tin thú vị cho chúng tôi phải không Walter?”

“Phải, đúng là có đấy. Ít ra là một ngạc nhiên nho nhỏ.”

Háo hức muốn giữ quyền kiểm soát thấy rõ, Rodriguez diễn trò lèo lái tiếp cuộc họp đang bỏ dở.

“Này mọi người, tôi thấy đây là cơ hội để biến sự chậm trễ của vị bác sĩ đây theo hướng có lợi cho ta. Trước giờ ta đã nghe phân tích các diễn biến xung quanh việc phát hiện xác rồi. Dữ kiện sau cùng mà tôi nghe có liên quan đến việc bác sĩ khám nghiệm đến hiện trường. Bác sĩ khám nghiệm đã đến đây rồi này – vậy tại sao bây giờ ta không gộp báo cáo của ông ta vào bài tường thuật nhỉ?”

“Ý hay đấy,” Kline nói, mắt vẫn không rời khỏi Thrasher.

Vị bác sĩ bắt đầu nói như đã có ý định trình bày ngay từ phút ông ta đến.

“Một tuần sau quý vị sẽ có văn bản báo cáo đầy đủ. Hôm nay tôi chỉ trình bày sơ lược thôi.”

Đó có phải là một câu nói hóm hình hay không, Gurney trầm ngâm, thì cũng chẳng có ai đánh giá cao cả. Có lẽ nó được lặp đi lặp lại thường xuyên đến nỗi khán giả đã trở tai.

“Một vụ giết người rất lý thú,” Thrasher nói tiếp, tay với lấy bình cà phê trên bàn. Ông ta uống một ngụm lâu, trầm tư rồi để bình cà phê lại trên bàn. Gurney mỉm cười. Con cò tóc hung bù xù này có sở thích canh thời gian và ưa những gì kịch tính. “Mọi thứ không hoàn toàn như bề ngoài ban đầu đâu.”

Ông ngừng nói, chờ cho căn phòng sắp nổ tung vì sốt ruột.

“Khám nghiệm tử thi sơ bộ tại hiện trường dẫn đến giả thuyết rằng nguyên nhân cái chết là đứt động mạch cảnh do bị đâm chém nhiều nhát bằng một cái chai vỡ được phát hiện sau đó tại hiện trường. Tuy nhiên, kết quả mổ xác ban đầu cho thấy nguyên nhân cái chết là đứt động mạch cảnh do một viên đạn duy nhất bắn vào cổ nạn nhân ở cự ly gần. Vết thương của

chai là vết thương bồi vào vết thương của súng sau khi nạn nhân đã gục xuống. Có ít nhất mười bốn nhát đâm, có lẽ đến hai mươi nhát, nhiều nhát để lại mảnh thủy tinh trong mô cơ, trong đó bốn mảnh xuyên thẳng qua cơ cổ và khí quản rồi đâm lòi ra đằng sau gáy.”

Có một khoảng lặng ở bàn, kèm theo là nhiều vẻ mặt bối rối và hứng thú khác nhau. Rodriguez chụm đầu ngón tay lại để tạo thành hình tháp chuông. Y là người lên tiếng đầu tiên.

“Vết đạn ư?”

“Vết đạn,” Thrasher nói, bằng sự thích thú của một người thích khám phá những thứ không ai thấy trước được.

Rodriguez nhìn Hardwick với vẻ cáo buộc. “Tại sao chẳng nhân chứng nào của anh nghe tiếng súng hả? Anh nói với tôi có ít nhất hai mươi khách ở trang viên mà, nếu vậy thì lẽ nào bà vợ lại không nghe?”

“Bà ta có nghe.”

“Gì hả? Anh biết bao lâu rồi? Sao tôi không biết?”

“Bà ta có nghe mà không biết,” Hardwick nói. “Bà ta nói có nghe tiếng gì đó như tiếng một cái tát bị bóp nghẹt. Lúc đó bà ta chưa thấy tiếng đó có ý nghĩa gì cả, và tôi cũng chẳng thấy có nghĩa lý gì, mãi đến bây giờ mới hiểu.”

“Bị bóp nghẹt ư?” Rodriguez hỏi một cách ngờ vực. “Anh muốn nói là nạn nhân bị bắn chết bằng súng giảm thanh ư?”

Mức độ chú ý của Sheridan Kline tăng vọt lên một bậc.

“Vậy là rõ rồi còn gì!” Thrasher la to.

“Rõ gì cơ?” Rodriguez và Hardwick đồng thanh hỏi.

Cặp mắt của Thrasher ánh lên vẻ đắc thắng. “Rõ tại sao có lông ngỗng trong vết thương.”

“Cả trong mẫu máu quanh chỗ cái xác nữa.” Giọng cô tóc đỏ nghe không thể phân biệt được là nam hay nữ cũng như bộ com lê của cô ta.

Thrasher gật đầu. “Tất nhiên trong đó cũng có nữa.”

“Trêu người thật,” Kline nói. “Ai trong các anh hiểu chuyện thì bỏ chút thời gian nói cho tôi hiểu được không?”

“Lông ngỗng ấy!” Thrasher hét một tiếng như thể Kline bị nặng tai.

Vẻ mặt ngờ ngác thực tình của Kline bắt đầu phủ đầy băng giá.

Hardwick lên tiếng khi chợt hiểu ra sự thật. “Tiếng súng hãm thanh, cùng với sự xuất hiện của lông ngỗng, cho thấy hiệu ứng hãm thanh có lẽ được tạo ra bằng cách bọc súng trong một loại vật liệu bằng lông nào đó – có thể là áo khoác trượt tuyết hoặc áo khoác có mũ trùm đầu.”

“Anh muốn nói ta có thể hãm thanh của súng bằng cách cầm nó bên trong áo khoác trượt tuyết ư?”

“Không hẳn thế. Ý tôi là nếu tôi cầm súng trong tay và quấn quanh nó – nhất là quanh họng súng – một loại vật liệu bằng lông đủ dày, thì tiếng nổ có thể giảm xuống thành tiếng của một cái tát, nếu nghe từ bên trong một căn nhà đóng cửa sổ được cách ly tốt.”

Lời lý giải dường như thỏa mãn được mọi người trừ Rodriguez. “Tôi muốn xem kết quả vài cuộc thử nghiệm trước khi tin chuyện đó.”

“Anh không nghĩ đó là bộ phận hãm thanh thực sự sao?” Kline nghe có vẻ thất vọng.

“Có thể chứ,” Thrasher nói. “Nhưng nếu vậy anh phải có cách giải thích khác cho mấy cái hạt lông ngỗng li ti đó chứ.”

“Vậy là,” Kline nói, “hung thủ bắn nạn nhân ở cự ly gần...”

“Không phải ở cự ly gần,” Thrasher xen vào. “Ở cự ly gần theo nghĩa là họng súng gần chạm vào nạn nhân, nhưng không có chứng cứ nào cho thấy như vậy.”

“Vậy thì bắn từ khoảng cách bao xa?”

“Khó nói lắm. Trên cổ có vài vết bồng lấm chấm, rời rạc do thuốc súng để lại, nghĩa là súng phải bắn trong vòng một mét rưỡi, nhưng vết bồng không nhiều nên không tạo ra hình thù gì. Khoảng cách bắn có thể còn gần hơn nữa, và vật liệu bao quanh họng súng đã giảm thiểu vết bồng do thuốc súng.”

“Tôi có thấy anh tìm được viên đạn nào đâu.” Rodriguez nhăm câu phê bình vào một điểm trên không trung giữa Thrasher và Hardwick.

Hàm Gurney cứng lại. Anh đã làm việc cho nhiều người như Rodriguez – những kẻ lầm tưởng rằng ham muốn giành quyền kiểm soát của mình là thuật lãnh đạo và luôn miệng phản đối là ngoan cường.

Thrasher đáp lại trước tiên. “Viên đạn trượt chỗ đốt sống. Ở chỗ có thể chặn lại viên đạn là mô cổ thì lại không có nhiều. Ta có một vết thương vào và một vết thương ra – và vết thương nào cũng khó phát hiện bởi tổn thương do những vết đâm bồi vào sau đó.” *Nếu ông ta đang vờ vịt để câu được lời khen, Gurney nghĩ, thì đây là một cái hồ chết chẳng có gì để câu.* Rodriguez chuyển ánh mắt dò hỏi sang Hardwick. Giọng Hardwick một lần nữa suýt tỏ thái độ bất phục.

“Chúng tôi không tìm đạn. Chúng tôi không có lý do gì để tin là có đạn cả.”

“Giờ các anh có lý do rồi đấy.”

“Luận điểm hay đấy, thưa sếp,” Hardwick nói với một chút giễu cợt. Hắn rút điện thoại ra rồi nhập vào một số, vừa nhập vừa đi xa ra khỏi bàn. Dù hắn nói nhỏ nhưng ai cũng biết hắn đang nói chuyện với một sĩ quan tại hiện trường và yêu cầu anh ta ưu tiên tìm kiếm viên đạn. Khi hắn trở lại bàn, Kline hỏi có hy vọng tìm được viên đạn bắn từ ngoài nhà không.

“Thường thì không,” Hardwick nói. “Nhưng trong trường hợp này có khả năng đó. Nếu xét đến vị trí xác chết, ta có thể thấy nạn nhân có lẽ bị bắn khi đang xoay lưng về phía nhà. Nếu đạn không bị lệch nhiều thì ta có thể tìm thấy trong lớp gỗ bọc quanh tường ngoài.”

Kline gật đầu chậm chậm. “Được rồi, vậy thì, một phút trước tôi định nói như vậy này, để xem tôi có hiểu đúng vấn đề không nhé – hung thủ bắn nạn nhân ở cự ly gần, nạn nhân gục xuống đất, động mạch cảnh bị đứt, máu bắn ra từ cổ. Sau đó hung thủ đập vỡ một cái chai rồi ngồi xồm xuống cạnh xác và đâm xác 14 nhát. Có phải bức tranh như vậy không?” Kline hỏi một cách ngờ vực.

“Ít nhất 14 nhát thôi, có thể nhiều hơn,” Thrasher nói. “Khi nhát đâm chồng chất lên nhau thì rất khó đếm chính xác là bao nhiêu.”

“Tôi hiểu, nhưng ý của tôi là, tại sao lại vậy?”

“Xác định động cơ không phải là lĩnh vực chuyên môn của tôi,” Thrasher nói như thế khái niệm này ngang hàng về mặt khoa học với việc giải mã giấc mơ, “hãy hỏi các đồng chí trong tổ điều tra của chúng ta ở đây về vấn đề đó.”

Kline quay sang Hardwick. “Cái chai vỡ là một hung khí tiện tay thôi, một hung khí nhất thời, một hung khí ở quán rượu thay cho dao hay súng. Một người đã có súng nạp đầy đạn rồi còn mang theo chai rượu vỡ làm gì nữa, và tại sao hấn lại dùng chai sau khi đã giết chết nạn nhân bằng súng chứ?”

“Để bảo đảm là nạn nhân chết hấn chẳng?” Rodriguez thử giải thích.

“Vậy sao không bắn nạn nhân một phát nữa là xong? Tại sao không bắn vào đầu? Tại sao lúc đầu không bắn vào đầu cho rồi? Bắn ở cổ làm gì?”

“Có lẽ hấn là một tay súng dở ẹc.”

“Từ cự ly cách xác một mét rưỡi ư?” Kline quay sang Thrasher. “Chúng ta có chắc về trình tự ra tay không? Bắn xong mới đâm ư?”

“Chắc chứ, theo cách nói trước tòa thì, chắc đến một mức độ hợp lý về mặt chuyên môn. Vết bồng do thuốc súng tuy ít nhưng rất rõ. Nếu lúc hung thủ nổ súng, vùng cổ đã dính đầy máu trước đó do bị đâm thì không thể nào thấy được vết bồng rõ đến vậy...”

“... và ta đã tìm được viên đạn từ lâu rồi.” Cô tóc đỏ nói một cách nhỏ nhẹ, tỉnh rụi mà chỉ một vài người nghe được. Kline nằm trong số đó. Gurney cũng vậy. Anh đang tự hỏi khi nào thì có người hiểu được luận điểm này. Hardwick không biết đang nghĩ gì nhưng không có vẻ gì là ngạc nhiên.

“Cô nói vậy là sao?” Kline hỏi.

Cô ta trả lời mà không đưa mắt ra khỏi màn hình máy tính. “Nếu trong đợt tấn công đầu tiên nạn nhân bị đâm 14 nhát ở cổ, trong đó 4 nhát xuyên thẳng qua cổ, thì khó có khả năng nạn nhân còn đứng vững được. Và nếu

ông ta bị bắn từ trên xuống khi đang nằm ngửa thì viên đạn phải nằm ở phần đất dưới xác chứ.”

Kline ném cho cô ta một cái nhìn cân nhắc. Gurney trầm ngâm nhận thấy không như Rodriguez, Kline có đủ trí tuệ để tôn trọng trí tuệ.

Rodriguez cố gắng lấy lại kiểm soát. “Loại đạn chúng ta muốn tìm có cỡ bao nhiêu hả bác sĩ?”

Thrasher sùng sộ nhìn qua nửa trên cặp kính đang trượt xuống cái mũi dài ngoằng. “Tôi phải làm gì để mấy người hiểu những dữ kiện đơn giản nhất của bệnh lý học đây hả?”

“Tôi biết, tôi biết,” Rodriguez cúi kính nói, “da thịt rất mềm dẻo, co được, giãn được, ta không thể nói chính xác được, vân vân và vân vân. Nhưng theo anh thì nòng đạn xấp xỉ loại 0.22 hay 0.44 không? Đoán có cơ sở nào.”

“Tôi không ăn lương để đoán già đoán non. Và lại, năm phút sau thì chẳng ai còn nhớ đó chỉ là suy đoán cả. Người ta chỉ nhớ bác sĩ khám nghiệm nói cái gì đó 0.22 nhưng hóa ra lại sai.” Trong mắt ông ta ánh lên một hồi ức lạnh lùng, nhưng ông ta chỉ nói, “Các anh cứ moi viên đạn ở sau nhà ra rồi đưa cho phòng đạn đạo thì biết thôi...”

“Bác sĩ,” Kline cắt ngang như một đứa bé đang thăm vấn Ông Phù thủy, “có thể nào ước lượng khoảng thời gian chính xác giữa tiếng súng và mảy nhất đâm sau đó không?”

Giọng điệu của câu hỏi dường như xoa dịu được Thrasher. “Nếu khoảng thời gian giữa lúc bắn và lúc đâm đáng kể, và cả hai vết thương đều chảy máu, thì chúng ta sẽ tìm được máu ở hai giai đoạn đông máu khác nhau. Trong trường hợp này tôi nghĩ hai loại vết thương xảy ra theo trình tự khá gần nhau nên không thể so sánh được. Ta chỉ có thể nói rằng khoảng thời gian này tương đối nhỏ, còn đó là mười giây hay mười phút thì khó nói lắm. Nhưng dù sao đó cũng là câu hỏi hay về bệnh lý học,” ông ta kết luận, phân biệt rõ câu hỏi này với câu hỏi của tay đại úy.

Khóe miệng của tay đại úy giật nhanh. “Nếu hiện tại anh chỉ có bấy nhiêu thông tin cho chúng tôi thì chúng tôi sẽ không giữ anh nữa, bác sĩ. Tôi sẽ nhận được văn bản báo cáo không trễ hơn một tuần chứ?”

“Tôi có nói như vậy rồi thì phải.” Thrasher cầm lên chiếc cặp đầy phòng nằm trên bàn, gật đầu cười nụ với tay công tố viên, rồi ra khỏi phòng.

Không Dấu Vết

“VẬY là cái nhọt mông bệnh lý đã biến rồi,” Rodriguez vừa nói vừa dò xét những bộ mặt đang ngồi ở bàn để xem có ai tung hô lời mô tả hóm hình về một nhà bệnh lý học của y không, nhưng chỉ có cái cười nhạt kinh niên của anh em Cruise song sinh là gần giống như vậy. Kline chấm dứt sự im lặng bằng cách yêu cầu Hardwick tiếp tục tường thuật hiện trường vụ án mà hắn đang kể lúc tay bác sĩ đến.

“Tôi cũng nghĩ y như anh đấy, Sheridan,” Rodriguez xen vào. “Hardwick, nói tiếp chỗ anh bỏ dở nào, và chỉ tập trung những chi tiết mấu chốt thôi.” Lời cảnh báo cho thấy thường thì Hardwick không làm như vậy.

Gurney để ý thấy thái độ của tay đại úy rất dễ đoán – hẳn học với Hardwick, nịnh nọt Kline, còn nhìn chung thì tự cao tự đại.

Hardwick nói nhanh. “Dấu vết rõ nhất của hung thủ là một loạt các dấu chân đi vào trang viên qua cổng trước, đi tiếp qua khu vực để xe vòng ra phía sau kho thóc, ở đây thì dấu chân ngừng chỗ chiếc ghế sân vườn...”

“Trong tuyết ư?” Kline hỏi.

“Đúng. Ta tìm thấy nhiều mẫu thuốc dưới chỗ đất trước ghế.”

“Bảy mẫu,” cô tóc đỏ ngồi trước laptop nói.

“Bảy mẫu,” Hardwick lặp lại. “Dấu chân đi từ ghế...”

“Khoan đã, anh thám tử, nhưng nhà Mellery có thường để ghế sân vườn ngoài tuyết không?” Kline hỏi.

“Không, thưa sếp. Có vẻ như tên hung thủ mang ghế theo.”

“Mang theo ư?”

Hardwick nhún vai.

Kline lắc đầu. “Xin lỗi đã xen ngang. Nói tiếp đi.”

“Không cần xin lỗi đâu, Sheridan. Anh muốn hỏi gì thì cứ hỏi. Có nhiều thứ tôi đây cũng chẳng hiểu nữa mà,” Rodriguez nói, với vẻ mặt cáo buộc Hardwick là người làm y không hiểu.

“Dấu chân đi từ ghế đến nơi hung thủ đụng độ nạn nhân.”

“Ý anh là nơi Mellery bị giết đúng không?” Kline hỏi.

“Vâng, thưa sếp. Và từ đó dấu chân đi qua một lối đi trong hàng giậu, xuyên qua bãi cỏ, vào trong rừng, ở đây thì dấu chân chấm dứt hẳn, cách kho thóc khoảng 800 mét.”

“Anh nói ‘chấm dứt’ nghĩa là sao?”

“Dấu chân ngừng lại, không đi đâu nữa. Ở đó có một khu vực nhỏ ta thấy tuyết bị lún, giống như tên này đứng đó một lát vậy – nhưng không có thêm dấu chân nào, đi ra cũng không mà đi vào cũng không. Như anh mới nghe hồi này, ta tìm được đôi ủng để lại dấu chân treo lủng lẳng trên một cái cây gần đó – không có dấu hiệu nào cho thấy chuyện gì đã xảy ra với người mang đôi ủng này.”

Gurney đang quan sát gương mặt Kline và thấy ở đó vẻ mặt bối rối xen lẫn ngạc nhiên, bối rối vì câu đố và ngạc nhiên vì không thấy được lời giải. Hardwick toan mở miệng nói tiếp thì cô tóc đỏ lại lên tiếng bằng cái giọng trầm lặng, bất biến, có một cao độ hoàn hảo giữa giọng nam và giọng nữ.

“Vào thời điểm này chúng ta nên nói là đôi ủng có kiểu đế khớp với dấu chân trên tuyết. Còn thật ra đôi ủng có tạo ra những dấu chân ấy hay không phải giám định mới biết.”

“Cô có thể nói chắc như thế với dấu chân trên tuyết ư?” Kline hỏi.

“Ồ, có chứ,” cô ta nói bằng sự nhiệt tình lần đầu thể hiện. “Dấu chân trên tuyết là dấu chân tốt nhất. Tuyết bị lún giữ lại nhiều chi tiết rất tinh tế mà mắt trần không thấy được. Đừng bao giờ giết ai trên tuyết cả.”

“Tôi nhớ rồi,” Kline nói. “Xin lỗi đã ngắt lời anh lần nữa, anh thanh tra. Xin anh nói tiếp.”

“Đây có lẽ là lúc thích hợp để báo cáo tình trạng những chứng cứ thu được cho đến thời điểm này. Như vậy được không, đại úy?” Một lần nữa, giọng của Hardwick gây cho Gurney cảm giác hẫng đang vờ kính cẩn một cách tinh tế.

“Tôi muốn xem một vài dữ kiện mà ta biết chắc là đúng,” Rodriguez nói.

“Để tôi mở tập tin này ra đã,” cô tóc đỏ nói, tay gõ một vài phím trên máy. “Anh muốn tôi trình bày chứng cứ theo thứ tự đặc biệt nào không?”

“Theo thứ tự quan trọng được không?”

Không phản ứng lại giọng kẻ cả của tay đại úy, cô ta bắt đầu đọc từ màn hình máy tính.

“Vật chứng thứ nhất – một chiếc ghế sân vườn, ống làm bằng nhôm và mặt ghế làm bằng dây đai nhựa trắng. Khi khám xét sơ bộ xem có chất lạ gì không thì ta phát hiện thấy một vài mi li mét vuông chất Tyvek kẹt trong khớp gập giữa mặt ghế và thanh đỡ tay ghế.”

“Cô muốn nói đến chất liệu dùng để cách ly nhà cửa à?” Kline hỏi.

“Đây là chất chống ẩm dùng trên bề mặt gỗ dán, nhưng cũng được sử dụng trong những sản phẩm khác – nhất là trong áo liền quần của thợ sơn. Đây là chất lạ duy nhất tìm được, dấu hiệu duy nhất cho thấy có người đã ngồi vào ghế.”

“Không dấu vân, tóc, mồ hôi, nước bọt, vết xước, không có gì hết sao?” Rodriguez hỏi như nghi ngại nhân viên của cô ta chưa quan sát kỹ.

“Không có dấu vân, tóc, mồ hôi, nước bọt, hay vết xước gì cả – nhưng không hẳn là không có gì,” cô ta nói, để cho giọng điệu trong câu hỏi của Rodriguez thoảng qua như nắm đấm của kẻ bọm rợ. “Nửa số dây đai trên mặt ghế đã bị thay – toàn bộ những sợi ngang.”

“Nhưng cô nói là chưa có ai sử dụng ghế bao giờ mà.”

“Không có dấu hiệu sử dụng, nhưng mặt đai của ghế nhất định đã bị thay.”

“Vậy có thể giải thích như thế nào đây?”

Gurney định đưa thử một lời giải thích, nhưng Hardwick diễn tả ý đó thành lời trước anh. “Cô ấy nói toàn bộ mặt đai đều là màu trắng. Loại ghế đó thường có hai màu đai đan xen nhau để tạo ra một kiểu mẫu – xanh dương trắng, xanh lá cây trắng, đại khái vậy. Có lẽ hẳn không muốn ghế có màu gì cả.”

Rodriguez trầm ngâm vấn đề như ngậm viên kẹo dẻo bị hư. “Tiếp đi, trung sĩ Wigg. Chúng ta còn nhiều vấn đề phải thảo luận trước giờ ăn trưa.”

“Vật chứng thứ hai – 7 mẫu thuốc Marlboro, cũng không có dấu vết của người.”

Kline ưỡn người về phía trước. “Không có dấu vết nước bọt ư? Một chút dấu vân tay cũng không ư? Một chút chất nhờn trên da cũng không có?”

“Hoàn toàn không.”

“Vậy có lạ không chứ?”

“Cực kỳ lạ. Vật chứng thứ ba – một chai uýt ki bị vỡ, không nguyên vẹn, nhãn hiệu Bốn Hoa Hồng.”

“Không nguyên vẹn?”

“Có một mảnh chai lớn khoảng một nửa chai. Mảnh đó với những mảnh vỡ khác ghép lại chưa bằng hai phần ba một chai nguyên vẹn.”

“Không dấu vân tay?” Rodriguez nói.

“Không dấu vân tay – thực sự cũng không lạ lắm, trên ghế và thuốc cũng đâu có dấu vân tay. Có một chất khác ngoài máu của nạn nhân – một lượng chất tẩy cực nhỏ trong vết nứt dọc mép chai bị vỡ.”

“Nghĩa là sao?” Rodriguez nói.

“Có chất tẩy và một phần chai bị thiếu cho thấy hẳn đập vỡ chai chỗ khác rồi rửa lại xong mới mang đến hiện trường.”

“Vậy những vết đâm điên cuồng cũng được toan tính từ trước như phát súng?”

“Có vẻ như thế. Tôi nói tiếp được chứ?”

“Cứ tự nhiên,” Rodriguez vừa nói vừa khiến cụm từ ấy nghe có vẻ lỗ mãng.

“Vật chứng thứ tư – áo quần của nạn nhân, gồm đồ lót, áo choàng tắm, đôi giày da đanh, tất cả đều vấy máu của nạn nhân. Ba sợi tóc lạ tìm thấy trên áo choàng tắm, có lẽ là tóc của vợ nạn nhân, chưa được thẩm định. Vật chứng thứ năm – những mẫu máu lấy từ chỗ đất quanh xác. Đang trong quá trình giám định – cho đến thời điểm này tất cả các mẫu đều khớp với nạn nhân. Vật chứng thứ sáu – những hạt thủy tinh nhỏ lấy từ phiến đá sau gáy nạn nhân. Nó khớp với kết quả mổ xác là có 4 vết thương bị mảnh chai đâm xuyên qua cổ từ trước ra sau và nạn nhân đang nằm dưới đất ở thời điểm bị đâm.”

Kline có cái nheo mắt đau đớn của một người đang lái xe vào chỗ nằng. “Tôi càng lúc càng có cảm giác là ai đó đã phạm một tội ác cực kỳ hung bạo, một tội liên quan đến bắn giết và đâm chém – hơn chục nhát đâm sâu, vài nhát trong số đó dùng lực rất mạnh – nhưng hung thủ lại làm được chừng này chuyện mà không để lại một dấu vết sơ ý nào.”

Lần đầu tiên, một trong hai anh em Cruise song sinh lên tiếng bằng một giọng ẻo lả đến lạ so với vẻ ngoài mạnh mẽ của cơ thể phát ra giọng nói ấy. “Còn cái ghế ở sàn, cái chai, dấu chân và đôi ủng thì sao?”

Mặt Kline gằn gặt vẻ nôn nóng. “Tôi nói là dấu vết sơ ý cơ mà. Máy thứ đó giống như là do hung thủ cố tình để lại vậy.”

Tay cảnh sát trẻ nhún vai như thể đây là một sự ngụy biện khó phản bác.

“Vật chứng thứ bảy được chia thành nhiều nhóm nhỏ,” trung sĩ Wigg không rõ giới tính (nhưng có lẽ không vô tính, vì Gurney quan sát thấy cặp mắt thú vị và cái miệng được tạo dáng tỉ mỉ) nói. “Vật chứng thứ bảy bao gồm thư từ, điện thoại mà nạn nhân nhận có thể liên quan đến vụ án, gồm cả bức thư thấy trên xác.”

“Tôi đã cho sao chép lại tất cả các chứng cứ,” Rodriguez thông báo. “Tôi sẽ phát cho mọi người vào thời điểm thích hợp.”

Kline hỏi Wigg, “Cô đang tìm gì trong số thư từ đó?”

“Dấu vân tay, dấu hằn trên giấy...”

“Chẳng hạn như là dấu hằn của tập giấy đệm ư?”

“Đúng vậy. Chúng tôi cũng đang làm các giám định để xác định loại mực trên những lá thư viết tay và loại máy in trên lá thư được soạn bằng máy xử lý văn bản – chính là bức thư cuối cùng nạn nhân nhận được trước án mạng.”

“Chúng tôi cũng sẽ cho chuyên gia xem xét nét chữ, cách dùng từ và câu cú,” Hardwick xen vào, “và chúng tôi sắp một bản phân tích âm thanh đoạn nói chuyện qua điện thoại mà nạn nhân đã ghi lại. Wigg đã có ý kiến sơ bộ về nó, và hôm nay chúng ta sẽ xem lại bản phân tích này.”

“Chúng tôi cũng sẽ xem qua đôi ủng tìm được hôm nay, ngay khi nó đến phòng giám định. Lúc này chỉ có bấy nhiêu thôi,” Wigg kết luận, tay gõ một phím trên máy tính. “Có ai hỏi gì không?”

“Tôi có một câu hỏi,” Rodriguez nói. “Ta đã thỏa thuận trình bày chứng cứ theo thứ tự quan trọng nên tôi thắc mắc sao cô lại đặt chiếc ghế sân vườn lên đầu danh sách?”

“Chỉ là linh cảm thôi, sếp ạ. Chúng ta không thể biết được mọi chuyện khớp với nhau ra sao cả, phải đợi đến lúc khớp với nhau mới biết. Vào thời điểm này không thể nói mảnh ghép nào trong bức tranh...”

“Nhưng cô lại đặt cái ghế sân vườn lên đầu danh sách,” Rodriguez ngắt lời. “Tại sao vậy?”

“Bởi vì nó xem ra minh họa được đặc điểm nổi bật nhất của vụ án.”

“Nói vậy nghĩa là sao?”

“Khả năng lên kế hoạch của hung thủ,” Wigg nói nhỏ.

Cô ta có khả năng, Gurney nghĩ, đáp lại cuộc thăm vấn của tay đại úy như thể đó là một loạt các câu hỏi khách quan trên giấy, không có vẻ mặt khinh khỉnh và giọng điệu sỉ nhục. Có cái gì đó thuần khiết lạ thường trong cách hành xử không vướng mắc về cảm xúc như thế, trong sự miễn nhiệm này đây đối với những khiêu khích vụn vặt. Và cách hành xử đó khiến mọi

người đều chú ý. Gurney để ý thấy tất cả mọi người đều ưỡn người về phía trước một cách vô thức, trừ Rodriguez.

“Không chỉ là lên kế hoạch,” cô ta nói tiếp, “mà là lên kế hoạch rất quái lạ. Mang ghế đến một vụ án mạng. Hút 7 điếu thuốc mà không dùng tay hay môi chạm vào thuốc. Đập vỡ chai rượu, rửa chai rồi mang đến hiện trường để đâm một xác chết. Chưa kể những dấu chân vô lý và cách thức hung thủ biến mất khỏi khu rừng. Giống như gã này là dân ám sát thiên tài vậy. Không chỉ là một chiếc ghế sân vườn, mà là một chiếc ghế sân vườn có một nửa số đai đan thành mặt ghế bị lấy ra và thay đi. Tại sao chứ? Bởi vì hẳn muốn nó trắng toàn bộ chẳng? Bởi vì làm vậy người ta sẽ khó thấy nó trong tuyết chẳng? Bởi vì làm vậy người ta sẽ khó thấy nó trên nền bộ đồ thợ sơn Tyvek mà hẳn có lẽ đang mặc chẳng? Nhưng nếu hẳn xem chuyện ẩn mình quan trọng đến vậy, thì tại sao lại còn ngồi trên ghế hút thuốc chứ? Tôi không rõ lý do, nhưng tôi sẽ không lấy làm lạ nếu cái ghế ấy chính là mấu chốt giúp tháo gỡ toàn bộ vụ án.”

Rodriguez lắc đầu. “Mấu chốt phá án là kỷ luật, quy trình, và giao tiếp trong nội bộ cảnh sát.”

“Tôi thì đặt cược vào cái ghế sân vườn ấy đấy,” Hardwick thì thầm, mắt nháy với Wigg.

Câu nhận xét ấy hiện rõ trên gương mặt của tay đại úy, nhưng y chưa kịp nói gì thì cửa phòng mở ra và một người đàn ông bước vào, tay cầm một chiếc đĩa máy tính lóng lánh. “Chuyện gì vậy?” Rodriguez quát.

“Sếp bảo tôi có kết quả dấu vân tay thì mang đến ngay cho sếp mà.”

“Rồi sao?”

“Có kết quả rồi,” anh ta vừa nói vừa giơ chiếc đĩa lên. “Sếp nên xem qua thì hơn. Chắc trung sĩ Wigg có thể...?”

Anh ta ngậm ngừng đưa chiếc đĩa về phía laptop của cô ta. Cô nhét đĩa vào rồi nhấn một vài phím.

“Lý thú đây,” cô ta nói.

“Prekowski, phiền anh cho chúng tôi biết anh tìm được gì không?”

“Krepowski, sếp ạ.”

“Gì cơ?”

“Tên tôi là Krepowski.”

“Được thôi, ừm. Này, phiền anh cho chúng tôi biết anh có tìm thấy dấu vân nào không?”

Anh ta hắng giọng. “Ừm, có và không,” anh nói.

Rodriguez thở dài. “Ý anh là dấu vân bị nhòe nên không có ích gì ư?”

“Dấu vân còn hơn là nhòe nữa cơ,” anh cảnh sát nói. “Thật ra cũng chưa hẳn là dấu vân gì cả.”

“Hừm, vậy là gì?”

“Tôi nghĩ các anh có thể gọi là dấu lem. Có vẻ như gã này dùng đầu ngón tay để viết – dùng chất nhờn ở da đầu ngón tay làm mực vô hình.”

“Để viết ư? Viết cái gì?”

“Những thông điệp một chữ. Mặt sau mỗi bài thơ mà hẳn gửi cho nạn nhân đều có một chữ. Sau khi dùng hóa chất cho chữ hiện lên, chúng tôi đã chụp lại và chép hình sang đĩa. Chữ hiện khá rõ trên màn hình.”

Với chút thích thú yếu ớt nở trên môi, trung sĩ Wigg chậm rãi xoay laptop về phía đối diện Rodriguez. Bức ảnh chụp 3 tờ giấy nằm cạnh nhau – mặt sau của 3 tờ giấy chứa 3 bài thơ được sắp xếp theo thứ tự nhận được. Trên mỗi tờ hiện ra một chữ gồm 4 chữ cái in hoa nhòe nhoẹt.

DUMB EVIL COPS!^u

Tội Ác Của Năm

“Cái chó chết gì đây...?” cặp song sinh Cruise đồng thanh nói một cách kích động.

Rodriguez chau mày.

“Khốn kiếp!” Kline la to. “Càng lúc vụ này càng thú vị đây. Gã này đang tuyên chiến với chúng ta đây mà.”

“Một thằng điên thứ thiệt,” Cruise Một nói.

“Một tên điên thông minh, tàn nhẫn muốn đối chọi với cảnh sát.” Rõ ràng là Kline cảm thấy những lời bóng gió ấy rất thú vị.

“Thì sao chứ?” Cruise Hai nói.

“Lúc này tôi có nói vụ này có thể sẽ làm báo đài hứng thú. Bỏ câu đó đi. Đây có thể là tội ác của năm, tội ác của thập niên cũng không chừng. Mỗi một yếu tố trong vụ này đều là thổi nam châm thu hút truyền thông đấy.” Mắt Kline ánh lên nhiều khả năng. Y đang ưỡn người trên ghế về phía trước nhiều đến nỗi sườn y ép mạnh vào mép bàn. Rồi, không nói không rằng hết như sự nhiệt tình bùng phát của mình, y ghìm mình lại, ngả người ra ghế với vẻ mặt tư lự – như thể một lời cảnh tỉnh bên trong đã cảnh báo y rằng án mạng là một vụ việc bi thảm và cần phải được xem đúng như thế. “Yếu tố chống cảnh sát có thể có ý nghĩa quan trọng,” y nói một cách tỉnh táo.

“Không còn nghi ngờ gì nữa,” Rodriguez tán thành. “Tôi muốn biết có ai trong số khách của viện có thái độ chống cảnh sát không. Anh nghĩ sao hả Hardwick?”

Tay thanh tra cặp cao bật ra một tiếng cười nghe như tiếng sủa.

“Có gì buồn cười nào?”

“Đa số các khách chúng ta thăm vấn đều xếp hạng cảnh sát đầu đó giữa nhân viên của sở Thuế vụ Quốc nội và ốc sên ngoài vườn.”

Gurney rất ấn tượng khi thấy bằng một cách nào đó, Hardwick đã truyền tải được rằng đây chính xác là những gì hấn ta nghĩ về tay đại úy.

“Tôi muốn xem lời khai của họ.”

“Trong hộp thư của sếp đấy. Nhưng tôi có thể tiết kiệm cho sếp chút thời giờ. Mấy bản khai ấy đều vô ích cả. Tên, cấp bậc, số xe ri. Khi ấy ai cũng ngủ cả. Chẳng ai thấy gì. Chẳng ai nghe gì – trừ Pasquale Cacheese, còn gọi là Patty Cakes. Hấn nói không ngủ được nên mở cửa sổ ra để có chút không khí rồi bỗng nghe cái gọi là tiếng tát tai bị kìm lại ấy – rồi hấn thử đoán đó là tiếng gì.” Hardwick lật nhanh qua một chồng tài liệu trong tập hồ sơ và lấy ra một tài liệu, và Kline một lần nữa lại nghiêng người về phía trước. “Nghe như ai đó bị bắn’, hấn nói vậy. Hấn ta nói tỉnh bơ, giống như đó là một thứ âm thanh rất quen.”

Mắt Kline lại sáng lên. “Anh muốn nói là một gã anh chị có mặt tại thời điểm xảy ra án mạng ư?”

“Có mặt trong trang viên, không phải ở hiện trường,” Hardwick nói.

“Sao anh biết được?”

“Bởi vì hấn đã đánh thức trợ giảng của Mellery là Justin Bale dậy, phòng anh này ở cùng tòa nhà với phòng của khách. Cacheese nói với Justin là mình có nghe tiếng động từ hướng căn nhà của Mellery, nghĩ chắc có người đột nhập nên rủ anh ta cùng đi xem thử. Khi hai người mặc áo vào lối đi ngang qua vườn ra phía sau nhà Mellery thì Caddy Mellery đã phát hiện xác chồng và đã trở vào nhà báo 911 rồi.”

“Cacheese không nói cho người tên Bale này biết là mình có nghe tiếng súng ư?” Kline bắt đầu nghe có vẻ như đang trong phòng xử án.

“Không. Hấn có nói. Hôm sau chúng ta thăm vấn, hấn mới nói. Tuy nhiên khi ấy chúng ta đã tìm ra cái chai dính máu và toàn bộ vết đâm thấy rõ nhưng không tìm được vết đạn nào đáng chú ý trên người hay hung khí nào khác, nên chúng ta không theo đuổi ngay chuyện súng đạn. Chúng tôi nghi

Patty là loại người chắc luôn nghĩ đến súng ống nên mới vội kết luận như vậy.”

“Tại sao hẳn lại không nói cho Bale biết rằng hẳn nghĩ đó là tiếng súng?”

“Hẳn nói không muốn làm anh ta sợ.”

“Chu đáo nhỉ,” Kline nói, cười khinh bỉ. Y liếc nhìn Stimmel khắc kỷ đang ngồi bên cạnh. Stimmel bắt chước vẻ khinh khinh. “Nếu hẳn...”

“Nhưng hẳn nói cho *anh* nghe cơ mà,” Rodriguez xen ngang. “Tiếc là anh lại không để ý.”

Hardwick kìm cái ngáp lại.

“Một gã anh chị thì làm cái quái gì ở cái nơi mua bán mấy thứ Đổi mới Tâm linh ấy?” Kline hỏi.

Hardwick nhún vai. “Hẳn nói thích nơi đó. Mỗi năm đến một lần để bình tâm lại. Nói đó là một thiên đường nhỏ. Nói Mellery là một vị thánh.”

“Hẳn nói vậy thật à?”

“Hẳn nói như vậy đấy.”

“Vụ này thật tuyệt! Còn vị khách thú vị nào khác trong trang viên không?”

Trong mắt Hardwick ánh lên cái tia nhìn mĩa mai quen thuộc mà Gurney thấy rất ghê tởm nhưng không lý giải được. “Nếu ý anh là mấy tên điên kiêu ngạo, trẻ con, nghiện thuốc đến phát điên thì có đấy, có khá nhiều ‘Vị khách thú vị’ đấy – thêm cả bà góa phụ giàu nứt đổ đổ vách ấy.”

Khi Kline trầm ngâm, có lẽ trầm ngâm về những hệ quả về mặt truyền thông của một vụ án gây chấn động đến thế, ánh mắt y dừng lại trên Gurney, anh tình cờ lại ngồi chéo góc phía bên kia bàn. Thoạt đầu vẻ mặt của y thần thờ như đang nhìn một chiếc ghế trống. Sau đó y nghiêng đầu qua một bên với vẻ tò mò.

“Khoan đã,” y nói. “Dave Gurney ở Sở Cảnh sát New York đây mà. Rodriguez có cho tôi biết thành phần tham dự, nhưng bây giờ tôi mới để ý

cái tên này. Chẳng phải anh là anh chàng xuất hiện trên tạp chí New York cách đây vài năm sao?”

Hardwick trả lời trước. “Người hùng của chúng ta đấy. Bài báo đó có tí là ‘Siêu thám tử’.”

“Tôi nhớ ra rồi,” Kline thốt lên. “Anh đã phá mấy vụ giết người hàng loạt lớn đây mà – vụ án tên điên chặt xác mùa Giáng sinh này, còn vụ tên Porky Pig gì đó nữa.”

“Peter Thú túi Piggert,” Gurney nói nhẹ nhàng.

Kline nhìn anh trân trân không giấu vẻ ngỡ ngàng. “Hóa ra gã Mellery bị mưu sát này lại là bạn thân của ngôi sao phá mấy vụ giết người hàng loạt của Sở Cảnh sát New York đấy sao?” Những hệ quả về truyền thông rõ ràng càng lúc càng phong phú hơn qua từng phút.

“Tôi ít nhiều có tham gia hai vụ án ấy,” Gurney nói, Kline càng khoa trương bao nhiêu thì giọng anh càng thiếu khoa trương bấy nhiêu. “Nhiều người khác cũng vậy. Còn nếu Mellery quả thật là bạn thân tôi thì thật đáng buồn, vì chúng tôi chưa nói chuyện với nhau trong 25 năm, ngay cả lúc xưa cũng thế.”

“Nhưng,” Kline cắt ngang, “khi ông ta gặp nạn thì anh là người mà ông ta cầu cứu.”

Gurney quan sát những bộ mặt ngồi ở bàn đang thể hiện nhiều sắc thái kính nể và đổ kỵ khác nhau, và kinh ngạc trước sức quyến rũ của một câu chuyện giản đơn. **ÁN MẠNG VẮY MÁU CỦA BẠN THÂN CẢNH SÁT TUYỆT ĐỈNH** ngay lập tức lôi cuốn cái phần não ưa thích biếm họa và ghét sự phức tạp.

“Tôi nghĩ anh ta đến với tôi vì tôi là tay cảnh sát duy nhất mà anh ta quen.”

Kline ra chiều chưa sẵn lòng buông xuôi chủ đề để lát nữa quay lại sau mà lại hào hứng nói tiếp. “Mối quan hệ cụ thể giữa hai người là gì đi nữa thì nó cũng cho anh một cách nhìn vụ án mà không ai khác có được.”

“Nên tôi mới yêu cầu anh ta có mặt ở đây ngày hôm nay đây,” Rodriguez nói bằng cái phong cách ở-đây-tôi-là-người- phụ-trách của y.

Một tiếng cười nghe như tiếng ho khan bật ra khỏi họng Hardwick, theo sau là một lời thì thầm chỉ suýt soát đến tai Gurney: “Kline thích cái ý tưởng ấy thì hẳn mới thích đấy chứ.”

Rodriguez nói tiếp, “Theo lịch thì tiếp theo đến lượt anh ta trình bày lời khai và trả lời câu hỏi phát sinh – chắc cũng có khá nhiều câu hỏi đây. Để tránh gián đoạn, ta hãy giải lao năm phút để ai có đi vệ sinh thì đi.”

“Tiêu anh rồi, Gurney,” tiếng thì thầm không biết từ đâu vang lên rồi lạc mất giữa những tiếng ghế đang bị đẩy ra khỏi bàn.

Thăm Vấn Gurney

Gurney có một lý thuyết rằng đàn ông hành xử trong nhà vệ sinh như thể nơi đó không phải là phòng thay đồ thì sẽ là thang máy – nghĩa là, không thân mật đến mức om sòm thì sẽ xa lạ đến mức không thoải mái. Đây là một đám đông thang máy. Mỗi khi tất cả đều trở lại phòng hội nghị thì mới có người lên tiếng.

“Vậy bằng cách nào mà một anh chàng khiêm tốn như thế này lại nổi tiếng đến thế?” Kline hỏi, miệng toe toét với một nét duyên được thực tập từ trước có tác dụng vừa che đậy vừa bộc lộ sự băng giá đằng sau nó.

“Tôi không khiêm tốn đến thế đâu. Tôi cũng chắc như bấp là mình chẳng nổi tiếng cỡ đó,” Gurney nói.

“Khi ngồi xuống,” Rodriguez nói cộc lốc, “mọi người sẽ thấy trước mặt mình là một bộ thông điệp mà nạn nhân nhận được. Trong khi nhân chứng của chúng ta thuật lại những lần trao đổi với nạn nhân thì các anh có thể tham khảo những bức thông điệp đang được thảo luận.” Với một cái gật cụt ngùn về phía Gurney, y kết luận, “Khi nào anh sẵn sàng thì nói.”

Gurney không còn lạ gì cung cách chỉ huy của Rodriguez nữa, nhưng nó vẫn làm anh bứt rứt. Anh liếc quanh bàn, tiếp xúc bằng mắt với tất cả mọi người trừ hướng dẫn viên của mình tại hiện trường vụ án, người đang sột soạt lật xấp tài liệu, và Stimmel, trợ lý trưởng của ủy viên công tố quận, người đang ngồi thẫn thờ nhìn vào khoảng không như chú ếch đang trầm tư mặc tưởng.

“Như đại úy đã nói, chúng ta còn nhiều chuyện cần bàn lắm. Có lẽ tốt hơn hết là để tôi tóm tắt các sự kiện theo thứ tự xuất hiện, và tạm không nhận câu hỏi cho đến khi các anh nghe hết.” Anh thấy đầu Rodriguez ngẩng lên

định phản đối, rồi hạ xuống ngay khi Kline gật gù tán thành quy trình mà anh đề xuất.

Một cách rõ ràng, súc tích (đã hơn một lần, nhiều người bảo anh có khiếu làm giáo sư dạy môn logic), Gurney tóm tắt câu chuyện trong hai mươi phút – bắt đầu bằng email của Mellery yêu cầu gặp mặt, sau đó là một loạt các bức thư, các cú điện thoại làm nạn nhân lo lắng không yên, rồi Mellery phản ứng lại, cuối cùng thì hung thủ gọi điện và Mellery tìm thấy bức thư trong hộp thư (bức thư đề cập đến con số 19).

Kline chăm chú lắng nghe suốt buổi và là người đầu tiên lên tiếng sau khi anh kết thúc. “Đúng là một câu chuyện báo thù đầy chất anh hùng ca! Hung thủ luôn nghĩ đến chuyện trả thù Mellery vì ông ta đã gây ra chuyện khủng khiếp nào đó nhiều năm trước trong lúc say xỉn.”

“Sao phải chờ lâu thế?” trung sĩ Wigg hỏi. Gurney dần cảm thấy con người này càng nói càng thú vị.

Mắt Kline ánh lên nhiều khả năng. “Có thể Mellery đã tiết lộ chuyện gì đó trong sách mình viết. Chắc vì vậy nên hung thủ mới phát hiện ông ta phải chịu trách nhiệm cho một sự cố bi thương nào mà trước đó hẳn chưa thấy có liên quan. Hoặc có thể sự thành đạt của Mellery là giọt nước làm tràn ly, một thứ mà tên hung thủ không chịu nổi. Hoặc giả là, như bức thư đầu tiên viết, tên hung thủ vô tình gặp nạn nhân trên đường một ngày kia. Một sự thù ghét nung nấu đã lâu bùng phát. Kẻ thù bước vào tầm ngắm và... ðoàng!”

“Đoàng cái khi ấy,” Hardwick nói.

“Anh có ý kiến khác chẳng, Thanh tra Cấp cao Hardwick?” Kline hỏi với nụ cười cáu kỉnh.

“Thư được soạn kỹ lưỡng này, trò đoán số bí ẩn này, hướng dẫn gửi séc đến địa chỉ sai này, một loạt các bài thơ có mức độ đe dọa ngày càng tăng này, thông điệp tiềm ẩn gửi cảnh sát mà ta phải dùng hóa chất hiện dấu vân ẩn mới phát hiện ra này, mẫu thuốc sạch bong này, vết thương do súng được che đậy này, một loạt dấu chân vô lý này, và một cái ghế sân vườn chó chết nữa này! Đây đúng là một cú ðoàng lê thê bỏ mẹ.”

“Bức tranh phác họa tình huống của tôi không hề loại trừ khả năng hung thủ có dự mưu từ trước,” Kline nói. “Nhưng tại thời điểm này, tôi quan tâm đến động cơ chính của hung thủ hơn là mấy thứ chi tiết. Tôi muốn hiểu mối liên quan giữa hung thủ và nạn nhân. Mối liên quan đó thường là mấu chốt để buộc tội.”

Câu trả lời lên lớp này tạo ra một khoảng lặng không mấy dễ chịu nhưng nó cũng nhanh chóng bị Rodriguez phá vỡ.

“Blatt!” y quát hướng dẫn viên của Gurney khi hắn đang nhìn chăm chăm vào hai bức thông điệp đầu tiên như thể chúng từ vũ trụ rơi xuống đầu hắn. “Trông anh ngờ ngác quá.”

“Tôi chẳng hiểu gì cả. Hung phạm gửi thư cho nạn nhân, bảo ông ta nghĩ tới một con số rồi xem trong phong bì đã niêm kín. Ông ta nghĩ đến số 658, xem trong phong bì, và ngay đấy là con số 658. Các anh nói đây là chuyện thật ư?”

Chưa ai kịp trả lời thì người bạn đồng hành của hắn đã nhảy vào, “Rồi hai tuần sau, hung phạm làm tương tự như vậy – lần này là trên điện thoại. Hắn kêu nạn nhân nghĩ đến một con số rồi xem trong hộp thư. Nạn nhân nghĩ đến con số 19, xem trong hộp thư, và con số 19 ấy nằm ngay giữa lá thư của hung phạm. Quái đản vài linh hồn vậy anh em!”

“Chúng ta có đoạn ghi âm cuộc gọi ấy,” Rodriguez cố tình nói như thể đây là một thành tích cá nhân của y. “Phát đoạn nói về con số đi, Wigg.”

Không bình luận gì, nữ trung sĩ gõ vài phím, và hai ba giây sau cuộc gọi giữa Mellery và kẻ theo dõi y – cuộc gọi Gurney đã nghe qua thiết bị hội đàm của Mellery – bắt đầu ở đoạn giữa. Toàn bộ gương mặt ở bàn đều bị cuốn hút bởi chất giọng kỳ lạ của người gọi, và nỗi sợ hãi căng thẳng trong giọng của Mellery.

“Đọc thầm con số đó nào.”

“Đọc thầm ư?”

“Phải.”

“Mười chín.”

“Tốt, tốt lắm.”

“Anh là ai?”

“Ông vẫn không biết ư? Đau đớn ê chề đến thế, mà ông cũng không biết. Tôi đã liệu trình chuyện này mà. Tôi đã để lại cho ông một thư trước đó. Một bức thư ngắn, ông có chắc là không nhận được không?”

“Tôi chẳng hiểu anh nói gì cả,”

“À, nhưng ông lại biết con số ấy là 19 cơ đấy.”

“Anh nói hãy nghĩ đến một con số mà.”

“Nhưng đúng là con số ấy phải không?”

“Tôi không hiểu.”

Sau một chập, trung sĩ Wigg gõ hai phím rồi nói, “Chỉ có nhiều đó.”

Đoạn băng ngắn vừa phát lại làm Gurney cảm thấy hụt hẫng, tức tối, muốn ốm.

Blatt lật lòng bàn tay lên làm điệu bộ không hiểu. “Cái quái gì đây, là nam hay nữ thế?”

“Gần như chắc chắn là nam,” Wigg nói.

“Cô làm thế quái nào mà biết được?”

“Sáng nay chúng tôi đã phân tích cao độ của giọng trong băng, và kết quả in ra cho thấy tần số càng cao thì trọng âm xuất hiện càng nhiều.”

“Vậy thì sao?”

“Cao độ của giọng này thay đổi đáng kể từ cụm từ này sang cụm từ khác, kể cả từ chữ này sang chữ khác, còn về mặt định lượng thì trong mọi trường hợp, giọng ít nhấn ở những chỗ có tần số thấp.”

“Nghĩa là người gọi đang gắng sức nói chuyện trong khoảng âm trên, còn cao độ ở khoảng âm dưới thì tự nhiên hơn?” Kline hỏi.

“Chính xác,” Wigg nói bằng giọng nước đôi nhưng không kém phần quỵến rũ. “Đây không phải là chứng cứ mang tính kết luận, nhưng có tính gợi ý rất cao.”

“Còn tiếng ồn ngoài nền thì sao?” Kline hỏi. Đó cũng là câu hỏi trong đầu Gurney. Anh nghe được nhiều tiếng xe cộ trong đoạn ghi âm, cho thấy nơi gọi là một khu vực lộ thiên – có thể là một đoạn đường đông đúc hay một khu mua sắm ngoài trời.

“Chúng ta sẽ biết nhiều hơn sau khi cải thiện xong chất lượng âm thanh, nhưng hiện tại thì hình như có ba nhóm âm thanh – tiếng đàm thoại, tiếng xe cộ, và tiếng rền của một loại động cơ nào đó.”

“Cải thiện âm thanh mất bao lâu?” Rodriguez hỏi.

“Còn tùy vào độ phức tạp của dữ liệu âm thanh thu được nữa,” Wigg nói. “Tôi ước lượng là 12 đến 24 giờ.”

“12 giờ đi.”

Sau một khoảng lặng ngượng ngập, thứ mà Rodriguez rất giỏi khởi xướng, Kline hỏi một câu chung chung cho cả phòng. “Còn vụ đọc thầm thì sao hả? Ai không được phép nghe Mellery nói con số 19 cơ chứ?” Y quay sang Gurney. “Anh có ý kiến gì không?”

“Không. Nhưng tôi nghĩ lý do chẳng liên quan gì đến chuyện sợ bị nghe lén cả.”

“Sao anh lại nói vậy?” Rodriguez thách thức.

“Bởi vì nói thầm là một cách tránh nghe lén rất vớ vẩn,” Gurney thì thầm vừa đủ nghe để minh họa luận điểm. “Chuyện nói thầm cũng quái lạ giống như nhiều yếu tố khác trong vụ này.”

“Giống như thế nào?” Rodriguez lì lợm.

“Chẳng hạn như, hừm, tại sao bức thư lại nói đến tháng Mười một hay tháng Mười hai bất định như vậy? Tại sao là súng và chai vỡ? Tại sao lại có những dấu chân bí ẩn? Và một vấn đề nhỏ nữa mà chưa ai đề cập đến – tại sao lại không có dấu chân thú?”

“Sao cơ?” Rodriguez trông có vẻ kinh ngạc.

“Caddy Mellery nói vợ chồng bà ta nghe tiếng rít của thú vật đang đánh nhau sau nhà – vì thế anh ta mới xuống lầu rồi nhìn ra cửa sau. Nhưng gần

đó lại không có dấu chân thú nào cả – vì nếu có thì dấu chân sẽ hiện ngay trên tuyết chứ.”

“Ta đang sa lầy rồi. Tôi không hiểu tại sao việc có hay không có dấu chân gấu chó, hay cái dấu chết tiệt nào đó mà ta đang nói, lại là vấn đề.”

“Chúa ạ,” Hardwick nói, lờ đi Rodriguez và bắn cho Gurney một cái cười toe thán phục. “Anh nói đúng đấy. Không một chút dấu vết nào khác dấu vết của nạn nhân hay hung thủ. Sao tôi lại không để ý nhỉ?”

Kline quay sang Stimmel. “Tôi chưa bao giờ thấy có vụ án nào nhiều vật chứng đến vậy mà chỉ một số ít có ý nghĩa thôi.”

Y lắc đầu, “Ý tôi là, bằng cách khốn kiếp nào mà tên hung thủ lại có thể làm được cái trò số siếc ấy? Và tại sao lại là hai lần?” Y nhìn Gurney. “Anh có chắc là mấy con số ấy chẳng có ý nghĩa nào đối với Mellery không?”

“Chắc 90 phần trăm – hầu như chuyện nào tôi cũng đều chắc chắn chừng ấy.”

“Trở lại bức tranh toàn cảnh,” Rodriguez nói, “tôi đang suy nghĩ vấn đề động cơ mà lúc nãy anh có đề cập đến đấy Sheridan...”

Điện thoại di động của Hardwick đổ chuông. Rodriguez chưa kịp phản đối thì hấn đã móc điện thoại ra khỏi túi và để lên tai.

“Chết tiệt,” hấn nói sau khi nghe điện thoại khoảng mười giây. “Cậu chắc chứ?” Hấn nhìn quanh bàn. “Không có viên đạn nào hết. Họ đã xem hết bức tường sau nhà từng phân một rồi. Chẳng thấy gì cả.”

“Bảo họ kiểm tra bên trong nhà,” Gurney nói.

“Nhưng viên đạn được bắn bên ngoài mà.”

“Tôi biết, nhưng có thể khi ấy Mellery không đóng cửa sau lưng lại. Một người đang hồi hộp trong tình huống như thế sẽ muốn để cửa mở. Bảo các kỹ thuật viên xem xét các quỹ đạo khả dĩ của đạn rồi kiểm tra phần tường nào bên trong nhà có thể nằm trong đường đạn.”

Hardwick truyền nhanh lại chỉ thị rồi kết thúc cuộc gọi.

“Hay đấy,” Kline nói.

“Rất hay,” Wigg nói.

“Chuyện mấy con số ấy,” Blatt đột ngột đổi chủ đề. “Chắc hẳn nó có liên quan đến một kiểu thôi miên hay ngoại cảm gì đó phải không?”

“Tôi thì không nghĩ vậy,” Gurney nói.

“Chắc chắn phải vậy mà. Nếu không thì là cái gì khác mới được?”

Hardwick cùng chung cảm nghĩ với Gurney về đề tài này và là người đáp lại trước. “Chúa ạ, Blatt, trước giờ cảnh sát bang có điều tra vụ nào liên quan đến điều khiển ý nghĩ huyền bí chưa hả?”

“Nhưng hẳn lại biết nạn nhân đang nghĩ gì cơ mà!”

Lần này Gurney trả lời trước, theo cái cách dĩ hòa vi quý của mình. “Đúng là giống như có ai đó biết chính xác Mellery đang nghĩ gì, nhưng tôi cá là chúng ta đã bỏ sót thứ gì đó đơn giản hơn nhiều so với khả năng đọc được ý nghĩ.”

“Để tôi hỏi anh chuyện này, thanh tra Gurney.” Rodriguez đang ngả lưng trong ghế, nắm tay phải nắm gọn trong lòng bàn tay trái để trước ngực. “Chúng cứ chông chốt ngày càng nhiều với tốc độ chóng mặt như vậy, qua một loạt các lá thư và điện thoại đe dọa, cho thấy Mark Mellery là mục tiêu của một kẻ theo dõi có ý mưu sát. Tại sao khi ấy anh lại không mang chứng cứ đến trình cảnh sát trước khi xảy ra án mạng?”

Gurney đã đoán trước được câu hỏi và sẵn sàng trả lời, nhưng như thế cũng không làm giảm đi sự nhức nhối mà nó mang lại.

“Tôi đánh giá cao danh hiệu ‘thanh tra’ ấy, thưa đại úy, nhưng hai năm trước tôi đã từ bỏ danh hiệu ấy cùng với quân hàm và vũ khí rồi. Về chuyện trình báo cảnh sát trong khi sự việc đang tiến triển thì, không có sự hợp tác của Mark Mellery thì không thể làm được chuyện gì thiết thực cả, và anh ta đã tỏ rõ thái độ không hợp tác cho dù ra sao đi nữa.”

“Anh muốn nói là không được phép của ông ta, anh không thể tới trình báo được ư?” Giọng Rodriguez đang lên cao, thái độ của y cứng rắn hơn.

“Anh ta nói rõ với tôi rằng anh ta không muốn cảnh sát nhúng tay vào, rằng anh ta nghĩ cảnh sát xen vào sẽ làm hư chuyện hơn là được việc, và nói

sẽ làm bất kỳ điều gì cần thiết để ngăn chặn chuyện đó xảy ra. Nếu tôi trình báo sự việc thì anh ta sẽ né tránh các anh và cắt đứt liên lạc với tôi.”

“Tiếp tục liên lạc với anh thì ông ta cũng đâu được lợi bao nhiêu, đúng không nào?”

“Ngặt nổi là vậy, thưa đại úy. Anh nói đúng.”

Sự mềm mỏng, không chống đối trong câu trả lời của Gurney làm Rodriguez chưng hửng trong chốc lát. Sheridan Kline bước vào khoảng trống. “Tại sao ông ta lại phản đối chuyện cảnh sát vào cuộc?”

“Anh ta cho rằng cảnh sát quá vụng về, không đủ năng lực để đạt được kết quả tích cực. Anh ta tin là cảnh sát không thể bảo vệ an toàn cho anh ta nhưng lại rất có thể tạo ra một mớ lộn xộn về quan hệ công chúng cho viện tẩm tu của mình.”

“Thật nực cười,” Rodriguez nói, cảm thấy bị lãng nhục.

“Anh ta luôn miệng nói cảnh sát ‘lơ ngơ như bò đeo nơ’. Anh ta cương quyết không hợp tác gì với cảnh sát cả – cảnh sát không được vào trang viên của anh ta, không được liên lạc với khách, không được lấy thông tin của chính anh ta. Anh ta có vẻ như sẵn sàng kiện cáo nếu cảnh sát can thiệp vào dù chỉ một chút.”

“Được rồi, nhưng điều tôi muốn biết...” Rodriguez toan nói, nhưng lại bị cắt ngang bởi tiếng chuông điện thoại quen thuộc của Hardwick.

“Hardwick đây... Phải... Ở đâu thế?... Tuyệt cú mèo... Được rồi, tốt. Cảm ơn nhé.” Hắn bỏ điện thoại vào túi rồi thông báo cho Gurney biết bằng một giọng đủ lớn để tất cả cùng nghe, “Họ tìm được viên đạn rồi. Nằm trên tường bên trong. Thật ra là ở hành lang giữa nhà, trên một đường thẳng từ cửa sau, mà cửa này rất có thể đã mở khi hung thủ nổ súng.”

“Chúc mừng anh,” trung sĩ Wigg nói với Gurney, rồi nói với Hardwick, “Có biết cỡ nòng không?”

“Họ nghĩ là loại 0.375, nhưng chúng ta phải chờ bên phòng đạn đạo xem sao đã.”

Kline trông như đang bận tâm điều gì. Y đưa ra một câu hỏi băng quơ, “Có khi nào Mellery không muốn cảnh sát nhúng tay vì lý do khác không?”

Blatt, mặt nhăn nhó vì bối rối, hỏi thêm vào: ‘Lơ ngơ như bò đeo nơ’ là nghĩa quái gì vậy?’

Một Tấm Séc Khổng

Gurney lái xe qua dãy núi Catskills đến trang trại nhà nằm ngoài Walnut Crossing, sự kiệt quệ đã trùm khắp người anh một lớp sương mù của cảm xúc, trộn lẫn vào nhau là bao đói khát, buồn bực, ngờ vực về bản thân. Tháng Mười một càng tiến dần đến mùa đông, thời gian trong ngày càng bị rút ngắn đến u uất – nhất là trong vùng thung lũng, nơi những ngọn núi bao quanh góp phần làm hoàng hôn buông xuống sớm hơn. Xe của Madeleine đã biến mất khỏi chỗ đậu thường lệ nằm sát kho thóc ngoài vườn. Một phần tuyết tan chảy trong nắng trưa và đóng băng trở lại trong cơn lạnh chiều tà, lạo xạo dưới chân.

Căn nhà im ắng một vẻ chết chóc. Gurney bật sáng đèn treo trên chiếc bàn xắt thịt ở giữa căn bếp. Anh nhớ Madeleine sáng hôm ấy có nói phong thanh chuyện tiệc tối theo kế hoạch của họ bị hủy vì có một cuộc họp nào đó mà tất cả chị em phụ nữ đều muốn tham dự, nhưng anh không nhớ chi tiết. Vậy rồi cuộc không cần mua mấy hạt hồ đào khốn kiếp nữa rồi. Anh bỏ một gói trà túi lọc Darjeeling vào tách, rót đầy nước vôi, rồi đặt trong lò vi ba. Thói quen đưa đẩy, anh đi tới chiếc ghế bành của mình ở bên kia căn bếp đồng quê. Anh ngả lưng xuống ghế, chân gác lên chiếc ghế đầu gỗ. Hai phút sau, tiếng bíp của lò vi ba bị hút vào cảnh vật của một giấc mộng mông lung.

Anh thức giấc khi nghe tiếng chân của Madeleine.

Có lẽ anh nhạy cảm quá chăng, nhưng rõ ràng tiếng chân có cái gì đó nghe như đang giận dữ. Hướng đi và khoảng cách của tiếng chân dường như cho thấy chắc hẳn cô đã thấy anh ngồi trong ghế nhưng lại không muốn nói chuyện với anh.

Anh mở mắt ra kịp lúc thấy cô đang ra khỏi bếp đi về phía phòng ngủ. Anh vươn vai, đẩy mình ra khỏi độ sâu của chiếc ghế, đi đến tủ búp phê lấy một tờ giấy ăn để hỉ mũi. Anh nghe tiếng cửa phòng vệ sinh đóng lại, hơi quả quyết một chút, rồi một phút sau cô quay trở lại bếp. Cô đã thay chiếc áo lụa kiểu bằng một chiếc áo len trùm hông.

“Anh dậy rồi à,” cô nói.

Anh nghe như đó là lời chỉ trích anh đã ngủ.

Cô bật lên một dây đèn phía trên mặt bếp chính rồi mở tủ lạnh. “Anh ăn chưa?” Nghe như một lời trách móc.

“Chưa, hôm nay mệt mỏi quá, về nhà anh chỉ pha một ly – ôi, khỉ thật, anh quên mất.” Anh đến chỗ lò vi ba, lấy ra một tách trà lạnh ngắt, đen sẫm, rồi đổ hết xuống chậu rửa, cả túi lẫn trà.

Madeleine đến chỗ chậu rửa, nhặt gói trà túi lọc lên thả vào thùng rác, cố ý cho anh thấy.

“Em cũng mệt lắm đây.” Cô im lặng lắc đầu một chập. “Em chẳng hiểu tại sao mấy kẻ ngốc ở đây lại tin là nên xây giữa cái tỉnh xinh đẹp nhất bang này một nhà tù gồm ghiếc có rào thép gai xung quanh kia chứ.”

Giờ thì anh đã nhớ ra. Sáng hôm ấy cô bảo anh rằng cô định sẽ dự một cuộc họp trong thị trấn, nơi người ta sẽ thảo luận một lần nữa cái đề xuất gây tranh cãi ấy. Câu hỏi gây tranh cãi là thị trấn này có nên ganh đua để trở thành địa điểm xây một cơ sở mà nhóm phản đối gọi là nhà tù và nhóm ủng hộ gọi là trung tâm điều trị hay không. Cuộc chiến về danh pháp phát sinh từ thứ ngôn ngữ quan liêu rất mơ hồ trong văn bản cho phép thực hiện dự án xây thí điểm một loại viện mới. Viện sẽ được biết đến với cái tên SCATE – Môi trường Trị liệu và Cải tạo của Bang – phục vụ hai mục đích là tổng giam và cải tạo trọng phạm ma túy. Thực sự thì thứ ngôn ngữ quan liêu đó rất khó hiểu, dẫn đến nhiều cách lý giải và lập luận khác nhau.

Đây là vấn đề nhạy cảm giữa hai người – không phải vì anh không chia sẻ với cô mong muốn để viện SCATE nằm ngoài Walnut Crossing, mà vì anh chưa tham gia vào cuộc chiến này nhanh nhạy như cô tưởng. “Chắc chỉ có

chưa được chục người hưởng lợi thôi,” cô nói một cách nghiêm nghị, “còn những ai trong thung lũng – và những ai phải lái qua thung lũng – sẽ bị một cái gai trong mắt hành hạ khổ sở trong suốt quãng đời còn lại. Mà vì cái gì cơ chứ? Vì cái gọi là cải tạo một lũ khốn buôn ma túy ư? Cho em xin đi!”

“Những thị trấn khác đang ganh đua nhau để được như vậy. Nếu may mắn thì sẽ có thị trấn thắng.”

Cô cười một cách âm đạm. “Nhất định rồi, nếu mấy ông quản trị ở các thị trấn khác tha hóa hơn mấy ông ở đây.”

Cảm thấy sự căm phẫn sôi sục trong cô là một dạng áp lực đối với anh, anh quyết định thử đổi đề tài.

“Để anh làm trứng ốp lết nhé?” Anh quan sát cơn đói của cô đang thoáng ganh đua với cơn giận còn đọng lại. Cơn đói thắng cuộc.

“Đừng bỏ ớt xanh,” cô báo trước. “Em không thích ớt xanh.”

“Vậy sao em mua?”

“Em không biết. Mua đâu phải để làm ốp lết.”

“Em ăn hành không?”

“Không hành.”

Cô dọn bàn trong khi anh đánh trứng và làm nóng chảo.

“Em muốn uống gì không?” anh hỏi.

Cô lắc đầu. Anh biết cô không bao giờ uống thứ gì kèm bữa ăn, nhưng anh vẫn hỏi. Một thói quen lạ lùng nho nhỏ, anh nghĩ, khi lúc nào cũng cứ hỏi câu ấy.

Hai người chỉ nói một vài từ cho tới tận khi ăn xong và cùng làm nghi thức đẩy nhẹ chiếc đĩa sạch bóng thức ăn ra giữa bàn.

“Kể em nghe về ngày hôm nay của anh nào,” cô nói.

“Ngày của anh? Ý em là cuộc họp của anh với nhóm điều tra án mạng cũ khô ư?”

“Anh không ấn tượng gì ư?”

“Ồ, có ấn tượng chứ. Nếu em muốn viết sách về cơ chế vận hành đồng đội sai lệch, do tay ‘đại úy quái thai’ điều hành, thì em có thể đặt máy ghi âm ở đó để ghi lại chính xác từng từ một.”

“Tệ hơn công việc lúc anh chưa về hưu sao?”

Anh chần chừ một lúc mới trả lời, không phải do anh không chắc chắn, mà do anh nhận ra cái ngữ điệu căng thẳng trong từ ‘về hưu’. Anh quyết định đáp lại lời chứ không đáp lại giọng.

“Trong thành phố có một số người khó tính thật, nhưng mức độ ngạo mạn và thiếu tự tin của tay ‘đại úy quái thai’ này thì hoàn toàn khác. Y lúc nào cũng chăm chăm gây ấn tượng với tay ủy viên công tố, không tôn trọng thuộc cấp, không thật sự hứng thú với vụ án. Hỏi gì, bình phẩm bất kỳ điều gì thì không hần học cũng lạc đề, mà thường là cả hai ấy chứ.”

Cô nhìn anh một cách dò xét. “Em chẳng lấy làm lạ.”

“Ý em là sao?”

Cô khẽ nhún vai. Trông như cô đang cố gắng tạo vẻ mặt để truyền đạt càng ít càng tốt. “Em chẳng lấy làm lạ thôi. Em nghĩ nếu anh về nhà rồi nói mình đã làm việc cả ngày với đội điều tra án mạng cừ khôi nhất mình từng gặp thì em mới ngạc nhiên. Chỉ vậy thôi.”

Anh biết quá rõ không chỉ có vậy. Nhưng anh đủ thông minh để biết Madeleine thông minh hơn anh và chẳng đời nào anh có thể gạ cô nói chuyện cô không có hứng thú nói.

“Ừ thì,” anh nói, “thật sự rất mệt mỏi và chán nản. Giờ anh chỉ muốn gạt chuyện đó ra khỏi đầu và làm cái gì đó hoàn toàn khác.”

Anh chỉ buột miệng nói thế, nên ngay sau đó đầu óc anh trống rỗng. Chuyển sang một thứ hoàn toàn khác nghe có vẻ dễ nhưng lại không phải vậy. Những khó khăn trong ngày tiếp tục cuộn xoáy trước mặt anh, cùng với phản ứng kỳ bí của Madeleine. Ngay thời khắc đó, cái lựa chọn mà trong tuần vừa qua vẫn luôn kéo giạt giới hạn kháng cự của anh, cái lựa chọn anh muốn khuất mắt nhưng lại không hoàn toàn muốn rũ ra khỏi đầu, một lần nữa lại xen vào. Lần này, một cách bất ngờ, đến cùng với nó là một sự

cương quyết bộc phát giục anh phải thực hiện cái hành động mà anh đã né tránh bấy lâu.

“Cái hộp,” anh nói, cổ họng anh thắt lại, giọng anh khàn đục, khi anh cố ép cái đề tài ấy ra ngoài trước lúc nỗi sợ hãi kịp giam hãm anh trở lại, trước lúc anh kịp nghĩ phải kết thúc câu như thế nào.

Cô đưa mắt khỏi chiếc đĩa đã sạch thức ăn, ngược lên nhìn anh – điềm đạm, tò mò, chăm chú – chờ anh nói tiếp.

“Mấy bức vẽ của nó... Em... Ý anh là tại sao...?” Anh cố moi từ trong đồng mâu thuẫn và hỗn độn tìm một câu hỏi hợp lý.

Nỗ lực ấy không cần thiết. Madeleine có khả năng hiểu thấu suy nghĩ của anh qua đôi mắt, hơn hẳn khả năng nói thành lời của anh.

“Chúng ta phải nói lời tạm biệt.” Giọng cô nhẹ nhàng, thư thái.

Anh nhìn trân trân xuống bàn. Không gì trong tâm trí anh có thể tạo nên lời.

“Chuyện đã lâu rồi mà,” cô nói. “Danny ra đi rồi mà chúng ta chưa bao giờ từ biệt con.”

Anh gật đầu, một cái gật gần như vô hình. Cảm nhận của anh về thời gian đang tan biến, tâm trí anh trống rỗng đến mức lạ kỳ.

Khi điện thoại đổ chuông, anh cảm thấy như đang bị đánh thức, bị kéo trở lại thế giới hiện tại – một thế giới của những vấn đề quen thuộc, mô tả được, đo đạc được. Madeleine vẫn ngồi ở bàn cùng anh, nhưng anh không rõ hai người đã ngồi đó được bao lâu.

“Anh muốn em trả lời điện thoại không?” cô hỏi.

“Không sao. Để anh bắt máy cho.” Anh ngần ngại, như chiếc máy tính đang nạp lại dữ liệu, rồi đứng lên, hơi chao đảo, đi tới phòng làm việc.

“Gurney đây.” Trả lời điện thoại bằng cách ấy – cái cách anh vẫn luôn đeo bám trong nhiều năm điều tra án mạng – là một thói quen anh cảm thấy khó có thể bỏ.

Giọng chào trên điện thoại rất rạng rỡ, hùng hổ, nồng hậu giả tạo. Nó làm anh nghĩ ngay đến nguyên tắc cũ rích trong nghệ thuật bán hàng: luôn mỉm cười khi nói chuyện qua điện thoại, vì như vậy nghe sẽ thân thiện hơn.

“Dave, mừng quá, anh có ở đó! Sheridan Kline đây. Hy vọng không làm gián đoạn bữa tối của anh.”

“Tôi làm gì được cho anh?”

“Tôi sẽ vào ngay vấn đề. Tôi tin anh thuộc loại người có thể thoải mái nói chuyện thẳng thắn. Tôi biết tiếng tăm của anh. Trưa nay tôi cũng lờ mờ hiểu ra tại sao anh lại được tiếng tăm đó. Tôi ấn tượng lắm. Hy vọng tôi không làm anh ngượng.”

Gurney đang thắc mắc chuyện này sẽ dẫn đến đâu. “Anh tử tế thật đấy.”

“Không phải tử tế mà là chân thật. Tôi gọi cho anh vì vụ án này đòi hỏi một người có năng lực như anh, và tôi muốn tìm cách tận dụng tài năng đó.”

“Anh biết tôi đã nghỉ hưu rồi mà, đúng không?”

“Ừ, tôi nghe người ta nói vậy. Và tôi đoán chắc anh chẳng bao giờ muốn trở lại những thứ thường nhật ngày xưa cả, nên tôi không đề nghị thứ gì như thế đâu. Tôi có cảm giác vụ án này sẽ là một vụ lớn, và tôi muốn biết suy nghĩ của anh.”

“Tôi không hiểu anh muốn tôi làm gì.”

“Hay nhất là,” Kline nói, “tôi muốn anh tìm ra hung thủ giết Mark Mellery.”

“Đó chẳng phải là trách nhiệm của tổ trọng án BCI sao?”

“Đúng vậy. Và nếu may mắn thì cuối cùng họ sẽ phá được án.”

“Tuy nhiên?”

“Tuy nhiên tôi muốn cải thiện xác suất thắng của mình. Vụ án này hết sức quan trọng nên không thể để mặc cho nó theo quy trình thông thường được. Tôi muốn sử dụng con át chủ bài của mình.”

“Tôi không thấy vai trò của tôi ở đâu cả.”

“Anh không thấy vai trò của anh trong BCI ư? Đừng lo. Tôi nhận thấy Rod không phải là loại người mà anh thích hợp tác. Đừng lo, anh sẽ báo cáo trực tiếp với tôi. Chúng tôi có thể cho anh một vai trò kiểu như trợ tá điều tra hay cố vấn viên cho văn phòng của tôi, cái nào thích hợp cho anh thì làm.”

“Anh cần tôi trong bao lâu?”

“Chuyện đó tùy anh.” Thấy Gurney không đáp lại, y nói tiếp, “Mark Mellery chắc hẳn rất thán phục và tin tưởng anh. Ông ấy nhờ anh giúp mình đối phó với một tên ác thú. Tôi muốn nhờ anh giúp tôi đối phó với chính tên ác thú ấy. Anh làm được gì cho tôi thì làm, tôi sẽ rất cảm kích.”

Tay này khá đẫy, Gurney nghĩ. Y quá thuần thục cái cách nói chuyện chân thành này. Anh nói, “Để tôi bàn với vợ đã. Sáng tôi sẽ gọi lại cho anh. Cho tôi một số để liên lạc.”

Nụ cười trong giọng y rất phấn khởi. “Tôi cho anh số điện thoại nhà. Tôi có cảm giác anh cũng dậy sớm như tôi. Cứ gọi bất cứ lúc nào sau 6 giờ sáng.”

Khi anh trở lại bếp, Madeleine đang ngồi ở bàn, nhưng tâm trạng cô đã thay đổi. Cô đang đọc tờ Times. Anh ngồi đối diện cô, vuông góc với mặt bàn, quay về hướng chiếc bếp lò Franklin cũ kỹ. Anh nhìn về phía lò mà hầu như không thấy nó, tay bắt đầu xoa trán như thể quyết định trước mắt là một phần cơ căng cần được xoa bóp.

“Quyết định có khó gì, đúng không?” Madeleine nói mà không đưa mắt ra khỏi tờ báo.

“Gì cơ?”

“Chuyện anh đang nghĩ ngợi đấy.”

“Tay ủy viên công tố có lẽ mong anh giúp lắm.”

“Không mong mới là lạ.”

“Thường thì chẳng ai lôi một kẻ ngoài cuộc vào những chuyện như thế này cả.”

“Nhưng anh không phải là kẻ ngoài cuộc bình thường, đúng không nào?”

“Anh nghĩ mối quan hệ giữa anh và Mellery là điểm khác biệt.”

Cô nghiêng đầu, chăm chú nhìn anh bằng thị giác X quang của mình.

“Hắn ta nịnh nọt lắm,” Gurney cố gắng làm giọng nghe không có vẻ gì là thích lời nịnh hót.

“Chắc chỉ mô tả chính xác tài năng của anh thôi.”

“So với tay đại úy Rodriguez thì ai trông cũng được việc cả thôi.”

Cô mỉm cười trước sự nhún nhường ngượng nghịu của anh. “Anh ta trả công anh thứ gì?”

“Một tấm séc khổng, thật tình là vậy. Anh sẽ làm việc thông qua văn phòng anh ta. Dù sao cũng phải thận trọng không được lấn sân. Anh nói với anh ta là sáng mai sẽ quyết định.”

“Quyết định gì cơ?”

“Quyết định xem có muốn làm không.”

“Anh đùa đấy à?”

“Em nghĩ không nên ư?”

“Ý em là, anh đùa cái chuyện chưa biết quyết định ra sao đấy à?”

“Có nhiều thứ phải cân nhắc mà.”

“Nhiều hơn anh tưởng đấy, nhưng nhìn cũng biết là anh sẽ làm rồi.”

Cô trở lại tờ báo.

“Em nói ‘nhiều hơn anh tưởng’ là sao?” anh hỏi sau một phút lâu.

“Có nhiều chọn lựa gây ra hậu quả mà ta không lường được.”

“Chẳng hạn như?”

Cái nhìn trân trân buồn bã của cô nói cho anh biết đó là một câu hỏi ngu xuẩn.

Sau một khoảng lặng, anh nói, “Anh cảm thấy mình mắc nợ Mark.”

Một ánh mắt mĩa mai thêm vào cái nhìn trân trân ấy.

“Sao em nhìn anh lạ vậy?”

“Lần đầu tiên em nghe anh gọi anh ta bằng tên.”

Làm Quen Với Ủy Viên Công Tố Quận

Tòa nhà Văn phòng của hạt, mang cái danh xưng tầm thường ấy từ năm 1935, trước đây được gọi là Nhà thương điên Bumblebee – thành lập năm 1899 nhờ sự hào phóng (và sự mất trí tạm thời, như những người thừa kế bị gạt bỏ vẫn tranh cãi vô ích) của một người Anh cùng tên chuyển tới đây sống, ngài George Bumblebee. Công trình gạch đỏ u ám này, ngấm bồ hóng qua cả thế kỷ, xuất hiện lù lù trên quảng trường thị trấn. Nó cách tổng bộ cảnh sát bang gần hai cây số và cũng mất 1 tiếng 15 phút lái xe từ Walnut Crossing.

Nội thất của tòa nhà thậm chí còn kém hấp dẫn hơn mặt tiền, vì lý do ngược lại. Vào những năm 1960 nội thất bị phá hủy và hiện đại hóa. Giàn đèn bám đầy bụi trên trần và ván lót chân tường gỗ sồi được thay bằng giàn đèn huỳnh quang sáng chói và tấm thạch cao trắng bong. Gurney chợt nghĩ có lẽ mục đích của ánh đèn hiện đại chói lóa ấy là để xua đuổi hồn ma của những bệnh nhân tâm thần đã từng ở đây – một suy nghĩ lạ lùng của một người đang trên đường đi thương lượng điều khoản một hợp đồng lao động, nên anh tập trung nhớ lại lời Madeleine nói vào lúc sáng trước lúc anh lên đường: “Anh ta cần anh hơn anh cần anh ta.” Anh trầm ngâm câu nói ấy trong khi chờ đi qua một thiết bị an ninh tính vi ở đại sảnh. Qua được rào cản, anh men theo một loạt mũi tên đến một cánh cửa có ô cửa lắp kính mờ trên đó mang hàng chữ màu đen trang nhã ỦY VIÊN CÔNG TỐ QUẬN.

Bên trong, một phụ nữ ngồi bàn tiếp tân bắt gặp ánh mắt của anh khi anh bước vào. Gurney để ý thấy đàn ông thường chọn nữ trợ lý dựa trên năng lực, tình dục, hoặc uy tín. Người phụ nữ ngồi ở bàn dường như có đủ cả ba tiêu chuẩn. Dù có lẽ đã ngoài 50 nhưng mái tóc, làn da, kiểu cách trang điểm, y phục và dáng người của cô ta được chăm chút kỹ lưỡng, cho thấy cô

ta chú trọng đến những điểm trên thân thể có tác dụng kích thích. Cái nhìn dò xét trong mắt cô ta vừa lạnh lùng vừa đầy nhục cảm. Một tấm biển chữ nhật nhỏ làm bằng đồng thau đỏ trên bàn tuyên bố tên cô ta là Ellen Rackoff.

Chưa ai kịp lên tiếng thì một cánh cửa bên phải bàn tiếp tân mở ra và Sheridan Kline bước vào phòng. Y tươi cười ra vẻ nồng hậu,

“9 giờ không sai một giây! Tôi chẳng lạ gì. Anh làm tôi ấn tượng, đã nói gì là làm đúng y như vậy.”

“Chỉ là dễ dàng hơn lựa chọn kia thôi mà.”

“Sao cơ? Ờ, phải, phải, tất nhiên.” Nụ cười tươi hơn, nhưng ít nồng hậu hơn. “Anh thích uống cà phê hay trà?”

“Cà phê.”

“Tôi cũng vậy. Tôi chẳng bao giờ hiểu nổi trà. Anh thích chó hay mèo?”

“Chắc là chó.”

“Anh có bao giờ để ý ai thích chó thường ưa cà phê hơn không, còn trà thì dành cho ai thích mèo?”

Gurney nghĩ chuyện đó chẳng đáng bận tâm. Kline ra hiệu cho anh theo y vào văn phòng, xòe tay chỉ về phía một chiếc xô pha bằng da thuộc kiểu đương đại, ngồi vào một chiếc ghế bành cùng kiểu ở bên kia chiếc bàn thủy tinh thấp tè, rồi thay nụ cười tươi tắn bằng vẻ mặt nghiêm chỉnh đến là buồn cười.

“Dave, tôi thật sự rất vui khi anh chịu giúp chúng tôi.”

“Miễn là có một vai trò thích hợp cho tôi.”

Kline chớp mắt.

“Địa bàn là một vấn đề dễ đụng chạm mà,” Gurney nói.

“Hoàn toàn đồng ý. Cho phép tôi thẳng thắn nhé – nói thẳng đuột như ruột ngựa, như người ta thường nói ấy.”

Gurney giấu vẻ mặt nhăn nhó bên dưới một nụ cười nhã nhặn.

“Những người tôi quen ở Sở Cảnh sát New York kể cho tôi nghe nhiều thứ ấn tượng về anh lắm. Anh từng chỉ đạo điều tra nhiều vụ án lớn, là điều

tra viên chính, người khớp mọi thứ lại với nhau nhưng đến lúc khen thưởng lại luôn nhường công trạng cho người khác. Người ta nói ở Sở Cảnh sát tài năng của anh là lớn nhất còn cái tôi thì nhỏ nhất.”

Gurney mỉm cười, không cười vì lời tâng bốc anh biết đã được chuẩn bị từ trước, mà cười vì vẻ mặt sừng sốt của Kline trước cái khái niệm miễn cưỡng nhận công trạng.

“Tôi thích công việc. Tôi không thích làm trung tâm của sự chú ý.”

Kline nhìn một chập lâu như người đang tìm một hương vị khó thấy trong thức ăn rồi lại bỏ dở giữa chừng.

Y nghiêng người về phía trước. “Tôi muốn biết theo anh, anh sẽ muốn đóng vai trò như thế nào đối với vụ án này.”

Đây là câu hỏi quyết định. Để liệu trước phải trả lời câu hỏi này như thế nào, Gurney đã tốn nhiều thời gian suy nghĩ trong suốt quá trình lái xe từ Walnut Crossing đến đây.

“Trong vai trò một cố vấn phân tích.”

“Vậy nghĩa là sao?”

“Tổ điều tra ở BCI chịu trách nhiệm thu thập, xem xét, bảo toàn chứng cứ, thẩm vấn nhân chứng, lần theo đầu mối, xác minh chứng cứ ngoại phạm, và cuối cùng là lập ra giả thuyết tạm thời về nhân thân, hướng hành động, động cơ của hung thủ. Yếu tố cuối cùng đóng vai trò then chốt, và đó là yếu tố tôi tin có thể góp sức.”

“Bằng cách nào?”

“Xem xét các dữ kiện trong một tình huống phức tạp và lập ra một kịch bản hợp lý là phần công việc mà tôi cho rằng mình giỏi nhất.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Những người khác thì giỏi thẩm vấn nghi phạm, giỏi phát hiện chứng cứ ở hiện trường...”

“Chẳng hạn như phát hiện ra viên đạn mà không ai khác biết tìm ở đâu ư?”

“Cái đó chỉ là đoán may thôi. Thường thì luôn có người giỏi hơn tôi một mặt nào đó trong quá trình điều tra. Nhưng nói đến việc khớp các mảnh ghép lại với nhau, thấy được vấn đề nào là trọng tâm, vấn đề nào không phải, thì tôi làm được. Trong công việc không phải lúc nào tôi cũng đúng, nhưng thường thì tôi đúng vừa đủ để tạo nên khác biệt.”

“VẬY RỒT CUỘC ANH CŨNG CÓ CÁI TÔI RỒI.”

“Nếu muốn anh có thể gọi vậy. Tôi biết hạn chế của mình và ưu điểm của mình.”

Sau nhiều năm thăm vấn, anh cũng biết những cá tính nhất định sẽ đáp lại như thế nào với những thái độ nhất định, và anh không nhìn sai Kline. Ánh mắt cho thấy y đã thoải mái hơn vì hiểu được cái hương vị ngoại lai mà y đang cố đặt tên.

“Ta bàn chuyện thù lao nào,” Kline nói. “Tôi đang nghĩ sẽ trả anh mức thù lao theo giờ mà trước đây chúng tôi đã thiết lập cho những nhóm việc cố vấn nhất định. Tôi trả anh 70 đô-la một giờ, kèm phụ cấp cho những chi phí hợp lý – bắt đầu ngay bây giờ “

“Ồn rồi.”

Kline chìa bàn tay chính trị gia của mình ra. “Tôi rất mong được hợp tác với anh. Ellen đã soạn xong một bộ biểu mẫu, giấy nhượng quyền, chứng từ tuyên thệ, hợp đồng thỏa thuận về bảo mật. Có thể mất ít thời gian nếu anh muốn đọc những gì mình ký. Cô ta sẽ cho anh một văn phòng để sử dụng. Có nhiều chi tiết chúng ta hợp tác đến đâu sẽ làm rõ đến đó. Về phần tôi, tôi sẽ cập nhật cho anh biết tin tức mới nhất từ BCI hay từ lính của tôi, và tôi sẽ mời anh họp giao ban tổng quát như hôm qua. Nếu cần nói chuyện với đội ngũ điều tra ở đây thì sắp xếp gặp họ qua văn phòng của tôi. Để nói chuyện với nhân chứng, nghi phạm, những người có liên quan – cũng vậy, thông qua văn phòng của tôi. Tiện cho anh không?”

“Tiện.”

“Anh không phí lời. Tôi cũng vậy. Chúng ta đang hợp tác với nhau nên cho tôi hỏi anh một chuyện.” Kline ngả lưng ra sau ghế rồi chụm ngón tay

lại thành hình tháp để làm câu hỏi tăng thêm phần quan trọng. “Vì lý gì mà anh lại bắn ai đó trước, rồi mới đâm 14 nhát?”

“Số nhát nhiều như vậy thường cho thấy hung thủ ra tay trong cơn thịnh nộ hoặc là cố sức tỏ vẻ thịnh nộ bằng một hành động máu lạnh. Số nhát chính xác có lẽ không có ý nghĩa gì đâu.”

“Nhưng bắn ông ta trước...”

“Điều đó cho thấy mục đích đâm không chỉ là để giết người.”

“Tôi không hiểu ý anh,” Kline nghiêng đầu nói như một chú chim tò mò.

“Mellery bị bắn ở cự ly rất gần. Viên đạn cắt đứt động mạch cảnh. Không có dấu vết nào trong tuyết cho thấy súng bị rơi hay ném xuống đất. Do đó, tên hung thủ chắc hẳn đã bỏ thời gian gỡ đi vật liệu hãm thanh mà hẳn đã bọc quanh súng rồi bỏ súng lại vào túi hay bao trước khi chuyển sang dùng chai vỡ và vào vị trí để đâm nạn nhân đang nằm bất tỉnh trên tuyết. Vết thương ở động mạch vào thời điểm ấy có lẽ đã phun máu rất nhiều rồi. Vậy tại sao còn mất công đâm thêm? Đâm không phải để giết nạn nhân vì trên thực tế nạn nhân đã chết rồi. Mục đích của hung phạm nhất định là phi tang vết tích của đạn...”

“Tại sao chứ?” Kline vừa hỏi vừa rướn người trong ghế.

“Tôi không biết. Đây chỉ là một khả năng thôi. Nhưng khả năng này có thể xảy ra, vì nếu xét đến nội dung các bức thư nhận được trước vụ tấn công và bao phiền phức mà hẳn bỏ ra để mang theo cái chai vỡ, thì hành động đâm có ý nghĩa về mặt nghi thức.”

“Nghi thức sùng bái quỷ Satan ư?” Nét mặt hời hợt thường tình của Kline không giấu được vẻ hồ hởi của y trước tiềm lực truyền thông của một động cơ gây án như thế.

“Tôi không nghĩ vậy. Mấy bức thư đọc có vẻ rất điên rồ nhưng tôi thấy cũng không điên theo kiểu đó. Tôi nói ‘nghi thức’ ý là giết người theo kiểu cách nào đó đối với hẳn là việc rất quan trọng.”

“Một cách trả thù tưởng tượng ư?”

“Có thể,” Gurney nói. “Hắn không phải là tên giết người đầu tiên bỏ ra nhiều tháng nhiều năm hình dung ra cách trả đũa ai đó.”

Kline trông ngờ ngác. “Nếu phần mấu chốt của vụ tấn công là đâm, thì tại sao lại mất công dùng súng?”

“Làm tàn phế tức thời. Hắn muốn chắc chắn nạn nhân phải bị như vậy, nên dùng súng sẽ làm nạn nhân tàn phế ngay, chắc chắn hơn là dùng chai vỡ. Dày công tính toán đường đi nước bước cho vụ này nên hắn không muốn có gì sơ suất cả.”

Kline gật đầu rồi nhảy sang một mảnh ghép khác của câu đố.

“Rodriguez khăng khăng hung thủ nằm trong số khách.”

Gurney mỉm cười “Người nào mới được?”

“Anh ta chưa biết chắc, nhưng anh ta cược như vậy, anh không đồng ý ư?”

“Ý tưởng ấy không hoàn toàn điên rồ đâu. Khách nghỉ trong trang viên, tức là tất cả bọn họ nếu không ở ngay hiện trường thì ít ra cũng gần hiện trường, rất tiện để ra tay. Chắc một điều rằng bọn họ là một nhóm ô hợp – kẻ sặc mùi ma túy, người tâm trạng thất thường, ít nhất có một gã có quan hệ với những tay tội phạm lớn.”

“Nhưng?”

“Nhưng lại có nhiều vấn đề thực tế.”

“Chẳng hạn như?”

“Trước hết là dấu chân và chứng cứ ngoại phạm. Mọi người đều đồng ý rằng tuyết bắt đầu rơi cỡ hoàng hôn và tiếp tục rơi cho đến quá nửa đêm. Trong khi đó, tuyết đã ngừng rơi hoàn toàn thì dấu chân của hung thủ mới từ đường lộ đi vào trang viên.”

“Sao anh chắc như vậy?”

“Dấu chân in trên tuyết nhưng không có tuyết mới đè lên. Nếu ai trong số khách muốn để lại dấu chân như vậy thì người đó nhất định phải rời căn nhà

chính trước khi tuyết rơi, bởi vì không có dấu chân nào trên tuyết từ nhà đi ra cả.”

“Nói cách khác...”

“Nói cách khác, phải có ai đó mất tích từ lúc chạng vạng cho đến nửa đêm. Nhưng chẳng có ai mất tích cả.”

“Làm sao anh biết được là không?”

“Chính thức thì tôi không biết. Tôi chỉ nghe lời đồn từ Jack Hardwick thôi. Theo báo tóm tắt thăm vấn nhân chứng, mỗi người bị ít nhất 6 người khác thấy ở nhiều thời điểm khác nhau chiều hôm đó. Nên ai cũng đủ mặt cả, trừ phi tất cả đều nói dối.”

Kline trông miễn cưỡng không muốn gạt bỏ khả năng tất cả đều nói dối.

“Có thể ai đó trong nhà có đồng lõa chẳng,” y nói.

“Ý anh là có thể có người trong nhà mượn sát thủ ư?”

“Đại loại như vậy.”

“Vậy thì tại sao lại ở đó chứ?”

“Tôi không hiểu ý anh.”

“Lý do duy nhất mà nhóm khách hiện tại bị nghi ngờ chính là họ có mặt gần nơi xảy ra án mạng. Nếu anh mượn người ngoài đến gây án thì tại sao ngay lúc đầu lại đặt mình ở nơi gần với chỗ gây án như thế?”

“Vì hào hứng chẳng?”

“Chắc vậy,” Gurney vừa nói vừa tỏ rõ sự thiếu nhiệt tình.

“Được rồi, ta tạm quên đám khách đi,” Kline nói. “Nếu có người khác ngoài số khách đó mượn sát thủ thì sao?”

“Đó là giả thuyết dự phòng của Rodriguez ư?”

“Anh ta nghĩ có khả năng đó. Nhìn vẻ mặt của anh, tôi thấy anh không nghĩ vậy.”

“Tôi không thấy khả năng đó logic chỗ nào cả. Tôi nghĩ nếu Patty Cakes không tình cờ nằm trong số khách thì chẳng ai nghĩ đến khả năng đó cả. Thứ

nhất, hiện tại ta chẳng biết được điều gì về Mark Mellery để kết luận ông ta là mục tiêu của tay anh chị nào cả...”

“Chờ một chút. Giả sử bậc thầy về thuyết phục ấy khiến một người trong số khách – như Patty Cakes chẳng hạn – thú tội gì đó với ông ta, anh biết đó, để đạt được sự hài hòa bên trong hay sự an lạc về tâm linh hay thứ vớ vẩn gì đó mà Mellery đang bán cho đám người này.”

“Rồi sao?”

“Rồi có thể sau đó, về nhà rồi thì tên xấu xa đó mới bắt đầu thấy mình thành thật, cởi mở như vậy có lẽ hơi hấp tấp. Hòa hợp với vũ trụ có thể tuyệt thật đấy, nhưng chắc không đáng so với cái nguy cơ ai đó sử dụng thông tin của anh để gây ra vấn đề nghiêm trọng cho anh. Có thể sau khi hấn tránh xa sức hút của tay bậc thầy ấy, tên xấu xa mới trở lại lối tư duy thực dụng ban đầu. Có thể hấn thuê người loại bỏ cái nguy cơ làm hấn lo âu.”

“Giả thuyết hay đấy.”

“Nhưng?”

“Nhưng chẳng có tay giết thuê nào trên đời lại quan tâm đến thứ trò chơi tâm lý trong vụ giết người này cả. Những tay giết thuê vì tiền đời nào lại treo ủng trên cây và đề thơ trên xác chử.”

Kline trông như có thể tranh cãi vấn đề này, nhưng y ngừng nói khi cửa mở ra sau một tiếng gõ chiếu lệ. Con người sành điệu từ bàn tiếp tân ấy đi vào cùng một chiếc khay bóng loáng, trên có hai tách sứ kèm đĩa, một ấm trà có vòi tao nhã, một chén đường và kem tinh tế, và một đĩa hiệu Wedgwood có đặt bốn chiếc bánh quy. Cô ta đặt khay lên bàn trà.

“Rodriguez gọi,” cô vừa nói vừa liếc nhìn Kline, rồi nói thêm, như đang trả lời một câu hỏi nhận được qua thần giao cách cảm, “Ông ta đang trên đường đến, nói là vài phút nữa sẽ có mặt ở đây.”

Kline nhìn Gurney như đang cố gắng đọc phản ứng của anh. “Rod gọi cho tôi khi này,” y giải thích. “Anh ta dường như rất háo hức muốn bày tỏ ý kiến về vụ án này. Tôi đã đề nghị anh ta tạt qua trong khi anh còn đây. Tôi muốn

ai cũng biết mọi chuyện cùng một lúc. Tất cả chúng ta càng biết nhiều thì càng tốt. Chẳng có gì phải bí mật cả.”

“Ý kiến hay,” Gurney nói nhưng trong lòng ngờ vực. Có lẽ điều khiến Kline sắp xếp cho anh và Rodriguez có mặt ở đây cùng lúc chẳng liên quan gì đến tinh thần cởi mở cả mà chỉ cốt để phục vụ sở thích quản lý bằng xung đột và đối mặt của Kline.

Trợ lý của Kline rời phòng, ngay khi Gurney bắt gặp nụ cười Mona Lisa đặc ý trên mặt cô ta. Nụ cười ấy đã xác nhận quan điểm của anh về tình huống hiện tại.

Kline rút cà phê vào hai tách. Tách sứ trông cổ xưa và đắt tiền, nhưng y cầm lên mà chẳng thấy chút tự hào hay quan tâm, điều đó càng củng cố ấn tượng của Gurney rằng tay công tố viên thần đồng này bẩm sinh quý phái, và công việc chấp pháp này là một bước để y có thứ gì đó phù hợp hơn với dòng dõi quý tộc của mình. Hardwick đã thì thầm gì với anh trong cuộc họp hôm qua nhỉ? Cái gì đó liên quan đến khao khát được trở thành thống đốc thì phải? Có lẽ ông bạn già Hardwick yếm thế lại đúng một lần nữa. Hoặc có lẽ Gurney đã suy nghĩ quá nhiều về cách một người đàn ông cầm tách.

“À,” Kline nói, ngả người tựa vào lưng ghế, “viên đạn trong tường, viên mà người ta tưởng là loại 0.375 ấy – thật ra không phải loại ấy. Đó chỉ là suy đoán dựa trên kích thước lỗ đạn trên tường trước khi moi đạn ra. Phòng đạn đạo nói nòng thực sự là 0.38 loại đặc biệt.”

“Lạ thật.”

“Thật ra cũng khá thông dụng mà. Loại súng phòng hộ chuẩn trong hầu hết các sở cảnh sát đến tận những năm 1980.”

“Loại nòng thì thông dụng, nhưng chọn loại nòng này thì rất lạ.”

“Tôi không hiểu.”

“Hung thủ bỏ công sức ra để giảm thanh súng, làm tiếng súng càng nhỏ càng tốt. Nếu tiếng ồn là thứ hấn quan tâm nhất thì chọn súng 0.38 loại đặc biệt làm hung khí là rất lạ. Chọn súng lục 0.22 sẽ hợp lý hơn nhiều.”

“Có thể đây là vũ khí duy nhất hấn có.”

“Có thể.”

“Nhưng anh không nghĩ vậy sao?”

“Hắn là một tay cầu toàn. Hắn phải bảo đảm tuyệt đối là mình sử dụng đúng loại súng chứ.”

Kline ném cho Gurney một cái nhìn của thẩm vấn viên. “Anh đang mâu thuẫn với chính mình đấy. Đầu tiên anh nói chứng cứ cho thấy hắn muốn tiếng súng càng nhỏ càng tốt. Sau đó anh nói hắn chọn nhầm súng. Bây giờ anh lại nói hắn không phải loại người chọn nhầm súng.”

“Đúng là việc giảm thanh cho tiếng súng rất quan trọng. Nhưng có lẽ còn thứ gì khác quan trọng hơn.”

“Chẳng hạn như?”

“Nếu có khía cạnh nghi thức trong chuyện này thì việc chọn súng có thể là một phần trong nghi thức đó. Điều mà hắn bị ám ảnh, khiến hắn phải thực hiện vụ giết người theo một cách nhất định có thể được ưu tiên hơn vấn đề tiếng súng. Hắn cảm thấy bị xui khiến như thế nào thì sẽ ra tay như thế đó và đối phó với tiếng ồn bằng hết sức có thể.”

“Khi anh nói ‘nghi thức’, tôi lại hiểu là ‘kẻ tâm thần’. Anh nghĩ gã này điên tới cỡ nào?”

“Điên không phải là một từ mà tôi thấy hữu dụng ở đây,” Gurney nói. “Jeffrey Dahmer bị phán là không điên về mặt luật pháp, nhưng hắn lại ăn nạn nhân của mình. David Berkowitz bị phán là không điên về mặt luật pháp, nhưng hắn lại giết người vì bị một con chó quái quỷ xui khiến.”

“Có phải anh nghĩ ta đang đối phó với tình huống tương tự ở đây không?”

“Không hẳn. Hung thủ của chúng ta tuy mang đầy thù hận và bị ám ảnh đến độ loạn trí, nhưng chắc chưa đến độ ăn bộ phận người hay thi hành lệnh của một con chó. Hiển nhiên hắn rất bệnh hoạn, nhưng không có thứ gì trong thư hội đủ các tiêu chuẩn bị tâm thần theo như DSM^[12] cả.”

Có tiếng gõ cửa.

Kline chau mày trầm tư, bĩu môi, trông như đang xem xét lý luận của Gurney – hoặc có thể y đang cố tỏ vẻ không để gì bị một tiếng gõ cửa làm

phân tâm.

“Vào đi,” cuối cùng y trả lời lớn tiếng.

Cửa mở, và Rodriguez vào. Y không che đậy hoàn toàn được ác cảm khi thấy Gurney.

“Rod!” Kline ồ lên. “Anh đến đây thì thật tốt quá. Mời ngồi.

Có ý tránh chỗ ghế xô pha Gurney đang ngồi, y chọn chiếc ghế bành đối diện Kline.

Tay công tố viên cười sang sảng. Gurney đoán cái viễn cảnh phải chứng kiến các quan điểm đối lập nhau đang đến.

“Rod muốn tạt qua để chia sẻ quan điểm hiện tại của mình về vụ án.” Kline nói như thể mình là trọng tài đang giới thiệu hai đấu thủ với nhau.

“Tôi mong được nghe quan điểm của anh,” Gurney nói một cách ôn hòa.

Nhưng không đủ ôn hòa để Rodriguez không coi nó như một sự khiêu khích đã được khéo léo ngụ ý. Y không cần ai khác giục y chia sẻ quan điểm.

“Mọi người cứ mãi tập trung vào cây...” y nói to đến nỗi kể cả trong căn phòng lớn hơn văn phòng của Kline thì ai cũng có thể nghe được. “... mà quên mất rừng.”

“Rừng là...?” Kline hỏi.

“Rừng chính là yếu tố cơ hội, một vấn đề rất quan trọng. Mọi người cứ bị rối rắm trong chuyện suy đoán động cơ và những thứ tiểu tiết điên rồ về phương thức gây án. Chúng ta bị đánh lạc hướng nên không để ý đến vấn đề số một – một trang viên chứa đầy những kẻ nghiện ma túy và những tên tội phạm khốn kiếp khác vốn đều dễ dàng tiếp cận nạn nhân.”

Gurney tự hỏi liệu phản ứng này có phải là kết quả của việc tay đại úy cảm thấy quyền kiểm soát vụ án của y đang bị đe dọa hay còn điều gì khác.

“Theo anh thì ta nên làm gì?” Kline hỏi.

“Tôi đang cho người thăm vấn lại số khách, và kiểm tra lý lịch kỹ hơn. Chúng ta sẽ lật vài viên đá trong đời của mấy thằng nghiện này. Tôi nói cho

các anh biết – một người trong số chúng làm đây, còn tìm ra người nào thì chỉ là vấn đề thời gian thôi.”

“Anh nghĩ sao, Dave?” Giọng Kline gần như quá sỗ sàng, như thể y đang cố che đậy sự há hê có được từ việc kích động chiến tranh.

“Thăm vấn lại và kiểm tra lý lịch cũng tốt,” Gurney hững hờ nói.

“Tốt nhưng không cần thiết?”

“Đợi làm xong chúng ta mới biết được. Ta cũng nên xem xét câu hỏi về yếu tố cơ hội, hay vấn đề tiếp cận nạn nhân, trong một bối cảnh rộng hơn – chẳng hạn như, nhà trọ lân cận cũng có thể là nơi thuận tiện như nhà khách ở viện vậy.”

“Tôi dám cá chính là một tên trong đám khách ở đây,” Rodriguez nói. “Khi một người đang bơi tự nhiên biến mất trong vùng biển đầy rẫy cá mập, thì nguyên nhân chắc chắn không thể là do y bị một kẻ lướt ván đi ngang qua bắt cóc được.” Y quắc mắt nhìn Gurney, xem nụ cười của anh là một lời thách thức. “Mọi người hãy thực tế đi nào!”

“Hiện tại chúng ta có khám xét mấy nhà trọ đó không Rod?” Kline hỏi.

“Mọi thứ chúng ta đều khám xét cả.”

“Tốt lắm. Dave, còn thứ nào khác nằm trong danh sách ưu tiên của anh không?”

“Không còn. Tất cả đều được tiến hành rồi. Giám định mẫu máu; giám định sợi lạ trên xác và quanh xác; đôi ủng hiệu gì, mua ở đâu, còn đặc thù gì khác không; kết quả đạn đạo khớp với viên đạn như thế nào; phân tích đoạn ghi âm cuộc gọi giữa hung thủ và Mellery kèm cải thiện âm thanh nền, và ID của trạm phát sóng nếu là gọi di động; lịch sử cuộc gọi điện thoại cố định và điện thoại di động của số khách hiện tại; phân tích chữ viết trên thư, giấy và mực; bệnh án tâm thần dựa trên thư từ, điện thoại và kết luận của bác sĩ khám nghiệm; kiểm tra chéo cơ sở dữ liệu thư đe dọa của FBI. Tôi nghĩ như vậy cũng đầy đủ rồi. Tôi còn quên thứ gì không, đại úy?”

Rodriguez chưa kịp đáp lại, điều mà y dường như chẳng vội vàng gì, thì trợ lý của Kline mở cửa bước vào phòng. “Xin lỗi ông,” cô ta nói bằng một

sự kính cẩn dường như được thiết kế để trưng ra cho công chúng thấy. “Có cô trung sĩ Wigg nào đó đến đây gặp đại úy.”

Rodriguez chau mày.

“Cho cô ta vào,” Kline nói, cái khao khát thấy người ta đối mặt nhau của y dường như vô hạn.

Cô tóc đỏ từ cuộc họp tại tổng bộ BCI đi vào, cũng bộ com lê màu lam giản dị và chiếc laptop ấy.

“Cô muốn gì hả Wigg?” Rodriguez hỏi, bực dọc hơn là tò mò.

“Thưa sếp, chúng tôi phát hiện ra một thứ quan trọng, tôi nghĩ sếp nên xem.”

“Gì nào?”

“Đôi ủng, thưa sếp.”

“Đôi ủng?”

“Đôi ủng trên cây, thưa sếp.”

“Đôi ủng thì sao?”

“Cho tôi để cái này lên bàn trà đã nhé?” Wigg vừa hỏi vừa chỉ chiếc laptop.

Rodriguez nhìn Kline. Kline gật đầu.

Sau ba mươi giây và một vài cú gõ phím, ba người đàn ông nhìn vào một cặp ảnh được chia ra hai màn hình, trên ảnh là hai chiếc ủng thoạt nhìn có vẻ giống hệt nhau.

“Ủng bên trái là ảnh in từ hiện trường, ủng bên phải là ảnh in chúng tôi tạo ra trên tuyết bằng ủng tìm thấy trên cây.”

“Vậy đôi ủng tạo ra dấu vết là đôi chúng ta tìm thấy cuối đường mòn. Cô không cần phải đến tận đây để nói với chúng tôi điều này.”

Gurney không thể cưỡng lại, đành phải xen vào. “Tôi nghĩ trung sĩ Wigg đến đây để nói cho chúng ta biết điều ngược lại.”

“Cô muốn nói đôi ủng trên cây không phải là đôi mà hung thủ mang ư?” Kline hỏi.

“Không hợp lý chút nào,” Rodriguez nói.

“Rất ít thứ có lý trong vụ này,” Kline nói. “Cô nói tiếp đi trung sĩ.”

“Hai đôi ủng này cùng hiệu, cùng kiểu, cùng kích cỡ. Cả hai đôi đều mới tinh. Nhưng hai đôi này nhất định là riêng biệt. Tuyết là một môi trường rất tốt để ghi lại chi tiết, nhất là tuyết ở nhiệt độ xê xích quanh điểm đông âm 12 độ c. Chi tiết liên quan trong trường hợp này là vết dị dạng nhỏ xíu trong phần đế ở đây.” Cô ta dùng bút chì nhọn chỉ vào một đốm nổi gần như vô hình trên gót chiếc ủng bên phải, chiếc lấy từ trên cây. “Vết dị dạng này có lẽ xuất hiện trong quá trình sản xuất, có trên mọi dấu ủng do chúng tôi tạo ra nhưng lại không xuất hiện trên dấu ủng tìm được ở hiện trường. Cách giải thích hợp lý duy nhất chính là dấu chân ở hiện trường là do đôi ủng khác để lại.”

“Chắc chắn còn cách giải thích khác chứ,” Rodriguez nói.

“Sếp có nghĩ ra được gì không?”

“Tôi chỉ muốn chỉ ra khả năng chúng ta đã bỏ sót thứ gì đó thôi.”

Kline hăng giọng. “Để tiện tranh luận, ta hãy giả định là trung sĩ Wigg nói đúng và chúng ta đang xem xét hai đôi – đôi hung thủ mang và đôi treo trên cây cuối đường mòn. Vậy thì có nghĩa gì nào? Điều đó cho ta biết gì nào?”

Rodriguez bực bội nhìn chăm chăm vào màn hình máy tính. “Chẳng có thông tin khốn nạn nào có ích để bắt được hung thủ cả.”

“Còn anh thì sao Dave?”

“Nó cho tôi biết một điều tương tự với nội dung bức thư để lại trên xác. Chẳng qua là một kiểu thư khác thôi. Thư này ghi, ‘Có giỏi thì bắt tao này, nhưng không bắt được đâu, vì tao cao tay hơn bọn bay.’”

“Làm thế quái nào mà đôi ủng thứ hai lại cho anh biết như vậy?” Có sự giận dữ trong giọng của Rodriguez.

Gurney đáp lại bằng một sự bình thản đến mức gà gật – phản ứng đặc trưng của anh bấy lâu nay đối với sự giận dữ. “Nếu để riêng lẻ thì đôi ủng đó không cho tôi biết điều gì cả. Nhưng thêm vào những chi tiết kỳ dị khác thì bức tranh toàn cảnh càng lúc càng giống một trò chơi phức tạp.”

“Nếu đúng là trò chơi thì mục đích của nó là đánh lạc hướng chúng ta, thành công rồi còn gì,” Rodriguez châm chọc.

Thấy Gurney không đáp lại, Kline huých. “Trông anh như không đồng ý hoàn toàn.”

“Tôi nghĩ trò chơi này không chỉ nhằm đánh lạc hướng đâu. Tôi nghĩ nó là toàn bộ vấn đề.”

Rodriguez nhồm dậm khỏi ghế, vể ghê tởm. “Sheridan, nếu anh không cần tôi chuyện gì nữa thì tôi phải trở lại văn phòng đây.”

Sau khi cho Kline một cái bắt tay âm đạm, y rời phòng, một chập sau Wigg cũng rời theo. Kline che đậy tất cả các phản ứng của mình trước sự ra đi đó.

“Nói tôi nghe nào,” một chốc sau y nói, người nghiêng về phía Gurney, “lẽ ra ta phải làm những gì mà ta chưa làm? Rõ ràng anh không nhìn sự việc như Rod.”

Gurney nhún vai. “Xem xét kỹ số khách ấy cũng chẳng hại ai. Sớm muộn gì ta cũng phải làm vậy. Nhưng đại úy lại có nhiều hy vọng hơn tôi khi cho rằng làm vậy sẽ bắt được hung thủ.”

“Anh muốn nói làm vậy thực sự chỉ là phí thời gian thôi ư?”

“Đó là cách loại trừ cần thiết. Tôi chỉ không nghĩ hung thủ nằm trong số khách. Đại úy luôn miệt mài nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố cơ hội – sự tiện lợi của tên hung thủ khi ở trong trang viên. Nhưng tôi lại thấy đó là điều bất tiện cho hắn – xác suất bị phát hiện khi đi ra rồi về phòng rất lớn, quá nhiều thứ như vậy làm sao che giấu được. Hắn sẽ cất cái ghế sân vườn, đôi ủng, cái chai và khẩu súng ở đâu? Rủi ro và phức tạp như vậy đối với hạng người này mà nói là không thể chấp nhận được.”

Kline nhíu mày tò mò, rồi Gurney nói tiếp.

“Trên trục tính cách từ ‘vô tổ chức’ đến ‘có tổ chức’ thì gã này vượt ra khỏi đầu mút ‘có tổ chức’. Sự tỉ mỉ chi li của hắn cực kỳ phi thường.”

“Giống như dẹt lại mặt đai chiếc ghế sân vườn cho nó trắng hết một màu để khó thấy hơn trong tuyết ư?”

“Phải. Hãn cũng rất bình tĩnh trước áp lực. Hãn không chạy khỏi hiện trường mà đi bộ cơ. Dấu chân từ chỗ sân hiên đến khu rừng trông thủng thẳng đến nỗi anh sẽ nghĩ hãn ra ngoài để tản bộ.”

“Nhưng đâm nạn nhân điên cuồng bằng chai rượu uýt ki đập vỡ, tôi thấy chẳng có gì là bình tĩnh cả.”

“Nếu vụ việc xảy ra trong quán rượu thì anh nói đúng. Nhưng nhớ rằng cái chai đã được chuẩn bị kỹ từ trước, thậm chí là được rửa và lau sạch đầu vân tay nữa kia. Theo tôi thì việc tạo ra bề ngoài như thể nạn nhân bị đâm điên cuồng cũng được sắp đặt như mọi thứ khác.”

“Được rồi,” Kline chậm rãi tán thành. “Bình tĩnh, điềm đạm, có tổ chức. Còn gì nữa?”

“Còn là một kẻ cầu toàn về cách thức giao thiệp. Thông thạo sách vở – thích ngôn ngữ và văn luật. Nói riêng với anh thôi nhé, tôi dám liều mà nói rằng những bài thơ ấy có cái gì đó trang trọng khác thường mà tôi cảm thấy rất giống với phong cách quý phái màu mè đôi khi thấy ở thế hệ đầu tiên vừa được phong tước.”

“Anh đang nói cái quái gì thế?”

“Đứa con được ăn học của cha mẹ không ăn học, rất muốn tách rời khỏi thế hệ trước. Nhưng như tôi đã nói, tôi không chắc – hoàn toàn không có chứng cứ cụ thể.”

“Còn gì nữa?”

“Nhã nhận bên ngoài, đầy hận thù bên trong.”

“Và anh nghĩ hãn không nằm trong số khách?”

“Đúng vậy. Theo quan điểm của hãn thì lợi thế tiếp cận không thể át được bất lợi do sự liều lĩnh đem lại.”

“Anh là một người có đầu óc rất logic, thám tử Gurney ạ. Anh có nghĩ tên hung thủ cũng logic đến vậy không?”

“Ồ có chứ. Hãn bệnh hoạn bao nhiêu thì logic bấy nhiêu. Bệnh hoạn và logic đều vượt mức bình thường..”

Trở Lại Hiện Trường

Hành trình từ văn phòng của Kline về nhà Gurney có đi ngang qua Peony, nên anh quyết định tạt qua viện.

Thẻ căn cước tạm thời mà trợ lý của Kline cấp giúp anh qua được tay cảnh sát gác cổng mà không bị hỏi han gì. Vừa hít vào luồng không khí lạnh, anh vừa ngẫm nghĩ thấy ngày hôm nay giống buổi sáng sau án mạng đến kỳ quái. Lớp tuyết nếu trong những ngày vừa qua đã tan đi một phần thì giờ đây đã trở lại nguyên trạng. Gió tuyết về đêm, thường gặp ở những vùng cao trong dãy Catskills, làm phong cảnh nơi đây trở nên trong lành và trắng sáng hơn.

Gurney quyết định đi lại lộ trình của hung thủ với hy vọng có thể nhìn ra thứ gì đó xung quanh mà anh đã bỏ sót. Anh rảo bước dọc theo lối ô tô, qua khu vực để xe, đi quanh ra sau kho thóc nơi tìm thấy chiếc ghế sân vườn. Anh nhìn xung quanh, cố gắng hiểu ra lý do tại sao tên hung thủ lại chọn địa điểm này để ngồi. Sự tập trung của anh bị phá vỡ bởi tiếng đóng mở cửa và một giọng khàn khàn quen thuộc.

“Chúa ạ! Ta nên mở cuộc không kích ở đây và san bằng cái nơi chó chết này.”

Nghĩ bụng tốt nhất nên lộ diện, Gurney bước qua hàng giậu cao ngắt ngăn cách khu vực kho thóc với sân hiên sau của căn nhà. Trung sĩ Hardwick và thanh tra Tom Cruise Blatt chào anh bằng ánh mắt chòng chọc thiếu hoan nghênh.

“Anh làm cái quái gì ở đây hả?” Hardwick hỏi.

“Đã dàn xếp tạm thời với công tố viên rồi. Chỉ muốn nhìn lại hiện trường lần nữa thôi. Xin lỗi đã làm anh gián đoạn, nhưng tôi nghĩ anh cần biết tôi ở

đây.”

“Trong bụi cây hả?”

“Phía sau kho thóc. Tôi đứng ở nơi hung thủ ngồi.”

“Để làm gì?”

“Câu hỏi hay hơn phải là hắn ta ở đó để làm gì?”

Hardwick nhún vai. “Ấn nắp trong bóng đêm chẳng? Ngồi chơi hút thuốc trên cái ghế sân vườn chó chết của hắn chẳng? Chờ thời cơ thích hợp chẳng?”

“Khi nào thì thời cơ thích hợp?”

“Biết được thì sao?”

“Tôi không rõ nữa. Nhưng tại sao lại chờ ngay đây? Và tại sao lại đến hiện trường sớm như vậy để phải mang theo ghế?”

“Chắc hắn muốn chờ cả nhà Mellery đi ngủ. Chắc hắn muốn quan sát đèn, chờ đèn tắt hết mới ra tay.”

“Theo Caddy Mellery thì vợ chồng bà ta đi ngủ và tắt đèn nhiều tiếng đồng hồ trước rồi. Và cú điện thoại đánh thức họ gần như chắc chắn là của hung thủ – nghĩa là hắn muốn họ tỉnh, không muốn họ ngủ. Và nếu hắn muốn biết đèn có tắt hết chưa thì tại sao lại đóng đô ở một trong những nơi hiểm hoi không thấy được cửa sổ trên lầu chứ? Thực tế thì từ vị trí ghế ở đó hắn khó thể nào thấy được căn nhà nữa là.”

“Như vậy có nghĩa là cái quái gì đây?” hắn quát, cùng với cái giọng ấy là ánh mắt bứt rứt.

“Có nghĩa là, hoặc là tên hung phạm cực kỳ thông minh, thận trọng ấy đã phí công tốn sức làm chuyện vô bổ, hoặc là tình tiết mà chúng ta đã tái hiện ở đây sai.”

Blatt, người bấy lâu vẫn theo dõi cuộc nói chuyện như theo dõi một trận quần vợt, nhìn Hardwick trân trân.

Hardwick trông ra vẻ đang nếm phải thứ gì đó lờ lợ. “Cậu tìm cho tôi chút cà phê được không?”

Blatt bĩu môi thay cho lời ca cẩm, song rút vào nhà trở lại, như để thực hiện mệnh lệnh của Hardwick.

Hardwick thong thả đốt một điếu thuốc. “Còn thứ này nữa vô lý lắm. Mới đây tôi có xem qua bản báo cáo dữ liệu các dấu chân. Khoảng cách giữa các dấu chân từ đường lộ đến chỗ ghế sau kho thóc dài hơn khoảng cách giữa các dấu chân từ xác ra đến rừng trung bình một đoạn 7,62 xăng-ti-mét.”

“Nghĩa là lúc đến kho thóc ngồi chờ lại gấp gáp hơn là tẩu thoát sau khi gây án?”

“Chính xác là như vậy.”

“Vậy là việc đến kho thóc ngồi chờ lại gấp gáp hơn là tẩu thoát sau khi gây án?”

“Wigg lý giải dữ kiện như vậy, còn tôi thì không nghĩ ra được cách lý giải nào khác.”

Gurney lắc đầu. “Tôi nói cho anh nghe, Jack ạ, ống kính của chúng ta lệch tiêu điểm rồi. À, còn dữ kiện này nữa làm tôi nghĩ mãi không yên. Vị trí chính xác phát hiện chai uýt ki là ở đâu thế?”

“Cách xác hơn ba mươi mét, song song dấu chân rời khỏi xác.”

“Tại sao lại ở đó?”

“Vì hãn làm rơi chai ở đó mà. Có vấn đề gì chứ?”

“Tại sao lại mang nó đến đó cơ? Sao không để lại bên cạnh xác?”

“Do sơ suất. Trong lúc điên tiết, hãn không nhận ra là còn cầm trong tay. Khi nhận ra thì hãn quăng nó đi. Tôi thấy có vấn đề gì đâu.”

“Có lẽ không. Nhưng dấu chân rất đều, thong thả, không gấp gáp – như thể mọi thứ đều được tiến hành theo kế hoạch vậy.”

“Anh đang ám chỉ cái quái gì nào?” Hardwick đang biểu lộ sự thiếu nã của một người đang gắng sức giữ túi thức ăn bị rách.

“Mọi thứ trong vụ án này đều có cảm giác cực kỳ bình thản, cực kỳ có tính toán – rất trí tuệ. Linh tính mách bảo tôi rằng thứ nào nằm ở đâu đều có lý do của nó.”

“Anh muốn nói là hãn mang vũ khí rời xa khỏi xác hơn ba mươi mét mới thả ở đó vì một lý do đã được dự mưu ư?”

“Tôi đoán như vậy.”

“Hãn có lý do khốn kiếp nào đây?”

“Làm vậy để lại kết quả gì cho ta nào?”

“Anh đang nói gì hả?”

“Gã này chú trọng nhiều đến cảnh sát chẳng kém gì chú trọng đến Mark Mellery cả. Anh có bao giờ nghĩ mấy thứ kỳ lạ ở hiện trường có thể là một phần của cái trò mà hãn muốn chơi với chúng ta không?”

“Không, tôi chưa bao giờ nghĩ vậy cả. Thành thật mà nói, nghĩ như vậy là đi khá xa đấy.”

Gurney cố dẫn mình không tranh cãi, trái lại anh nói, “Hình như đại úy Rod vẫn nghĩ mục tiêu của ta nằm trong số khách.”

“Ừ, y nói là ‘một tên điên nào đó trong cái nhà thương điên’ ấy.”

“Anh đồng ý?”

“Chuyện bọn họ là kẻ điên ư? Nhất định rồi. Chuyện một người trong số đó là hung thủ ư? Có thể vậy.”

“Hoặc là có thể không phải vậy?”

“Tôi không chắc nữa. Nhưng đừng nói cho Rodriguez biết.”

“Anh ta có ứng cử viên nào ưa thích không?”

“Đối với y mà nói, tên nghiện ma túy nào trong số đó đều có khả năng cả. Hôm qua y cứ thao thao nói Viện Đối mới Tâm linh Mellery chẳng là gì ngoài một spa xa xỉ cho mấy tay cặn bã lăm tiền.”

“Tôi không thấy có liên quan gì cả.”

“Giữa cái gì với cái gì?”

“Chính xác thì nghiện ma túy có liên quan gì đến vụ án Mellery?”

Hardwick rít hơi thuốc trầm tư cuối cùng, rồi búng mẩu thuốc vào đồng đất ẩm ướt bên dưới giậu hoa nhựa ruồi. Gurney suy ngẫm thấy đây không

phải là thứ mà người ta nên làm ở hiện trường vụ án, ngay cả sau khi hiện trường đã được rà soát kỹ, nhưng đây chính là thứ mà anh đã quen suốt thời gian còn hợp tác với Hardwick. Anh cũng không lấy làm ngạc nhiên khi thấy hần bước tới bờ giậu dùng ngón cái đi giày dập mẫu thuốc đang cháy dở. Đó là cách tay cảnh sát này tự cho mình thời gian để cân nhắc tiếp theo sẽ nói gì, hay không nói gì. Khi mẫu thuốc đã được dập tắt hoàn toàn và chôn sâu dưới đất 7 xăng-ti-mét, Hardwick lên tiếng.

“Có lẽ không liên quan nhiều đến vụ án, nhưng lại liên quan nhiều đến Rodriguez.”

“Chuyện gì vậy? Anh có thể nói không?”

“Y có cô con gái trong Greystone.”

“Bệnh viện tâm thần ở New Jersey ư?”

“Ừ. Con bé bị tổn thương vĩnh viễn gì đó. Chơi ma túy ở câu lạc bộ, ‘đá’, hêrôin. Một vài mạch điện trong não bị cháy, muốn giết mẹ mình. Theo cách nhìn của Rodriguez thì bất kỳ tay nghiện ma túy nào khác trên đời này đều phải chịu trách nhiệm những gì đã xảy ra với con y. Đây không phải là đề tài mà y có đủ lý trí để suy xét.”

“Nên anh ta nghĩ một kẻ nghiện nào đó giết Mellery ư?”

“Y muốn như vậy lắm, cho nên y nghĩ như vậy.”

Một cơn gió ẩm ướt, cá biệt quét qua sân hiên từ hướng bãi cỏ phủ tuyết. Gurney run cầm cập và đút tay sâu vào túi áo khoác. “Tôi cứ tưởng anh ta chỉ muốn gây ấn tượng với Kline thôi.”

“Cũng như vậy nữa. Y ngu chứ cũng phức tạp lắm. Rất thích kiểm soát người khác. Một tên xấu xa đầy tham vọng. Hoàn toàn thiếu tự tin. Lúc nào trong đầu cũng lẫn quẩn chuyện trừng phạt con nghiện. À, cũng không ưa gì anh lắm đâu.”

“Có lý do cụ thể nào không?”

“Không thích đi lệch quy trình chuẩn. Không thích gã nào thông minh. Không thích bất cứ ai gần gũi với Kline hơn y. Ai biết còn thứ chết tiệt gì nữa?”

“Nghe không giống như người có tâm thế thích hợp để chỉ đạo điều tra.”

“Ừ, ôi, còn thứ gì mới nữa trong thế giới tuyệt vời của pháp luật hình sự chứ? Nhưng chỉ vì một gã nào đó ngu bở mẹ không có nghĩa là y luôn luôn sai.”

Gurney trầm ngâm điều thông thái theo trường phái Hardwick này mà không bình luận gì, rồi đổi đề tài. “Chúng ta chú trọng vào số khách như vậy có phải đã lờ đi những hướng điều tra khác không?”

“Chẳng hạn như?”

“Chẳng hạn như nói chuyện với những người trong khu vực. Nhà nghỉ, nhà trọ...”

“Chẳng có thứ gì bị *lờ đi* cả,” Hardwick nói, đột nhiên tỏ ra dè chừng. “Những hộ gia đình quanh đó – cũng không nhiều đâu, chưa đến chục hộ trên đường từ ngôi làng đến viện – đã được liên hệ trong vòng 24 giờ đầu tiên rồi, cực nhọc công mà chẳng kiếm được thông tin gì sất. Chẳng ai nghe thấy gì, nhớ gì. Không người lạ, không tiếng ồn, không xe cộ vào những giờ lạ, không có thứ gì khác thường. Vài người thì nghĩ có nghe tiếng chó sói đồng cỏ. Vài người khác thì nghĩ có nghe tiếng cú mèo.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Lúc đó là lúc nào?”

“Lúc nghe tiếng cú mèo ấy.”

“Tôi không biết, bởi vì họ có biết đâu. Họ chỉ nhớ là quãng nửa đêm thôi.”

“Chỗ cho thuê nhà trọ thì sao?”

“Gì hả?”

“Có ai kiểm tra chỗ cho thuê nhà trọ trong khu vực không?”

“Có một nhà nghỉ ở ngay ngoài làng – một nơi ọp ẹp phục vụ thợ săn. Đêm đó phòng trống. Năm trong phạm vi gần năm ki-lô-mét chỉ có hai nhà trọ khác có phục vụ phòng ngủ và bữa sáng. Một chỗ đóng cửa nghỉ đông.

Còn chỗ kia, nếu tôi nhớ không lầm, thì có người đặt một phòng vào đêm xảy ra án mạng – một gã nào đó đi ngắm chim cùng mẹ.”

“Ngắm chim vào tháng Mười một ư?”

“Tôi cũng thấy lạ nên mới xem vài trang web nói về ngắm chim. Thì ra ai thực sự muốn ngắm chim thì thích đi vào mùa đông lạnh – cây trút hết lá, cảnh vật thoáng đãng hơn, rất nhiều gà lôi, cú, gà gô, sơn tước, con này con kia, vân vân.”

“Anh nói chuyện với mấy người đó rồi ư?”

“Blatt nói với một trong số chủ cho thuê – một cặp pê đê, nghe tên thấy ngớ ngẩn rồi, chẳng thông tin gì có ích cả.”

“Tên ngớ ngẩn ư?”

“Ừ, một người tên là Hột Đào, đại khái vậy.”

“Hột Đào?”

“Đại khái vậy. Không phải, Hột Mận cơ, đúng rồi. Paul Hột Mận¹³. Anh tin nổi không?”

“Có ai nói chuyện với khách ngắm chim không?”

“Tôi nghĩ trước khi Blatt tạt qua thì họ đã đi rồi, nhưng không phải là tin chính thức đâu đấy.”

“Không ai theo dõi sao?”

“Chúa ạ! Bọn họ thì biết cái quái gì cơ chứ? Cậu muốn thăm gia đình Hột Đào thì cứ thăm đi. Tên chỗ trọ đó là The Laurels, từ viện xuống núi hơn hai cây số là tới. Tôi được phân công lượng nhân lực nhất định cho vụ án này nên đểch thể nào phí nhân lực theo dõi tất cả những ai từng đi qua Peony.”

“Phải.”

Câu trả lời này của Gurney cùng lắm cũng chỉ mơ hồ, nhưng nó dường như làm dịu được Hardwick. Hardwick nói bằng một giọng gần như thân mật, “Nói tới nhân lực mới nhớ, tôi phải trở lại công việc đây. Lúc này anh nói anh làm gì ở đây?”

“Tôi nghĩ nếu tôi đi quanh trang viên này một lần nữa thì chắc sẽ nghĩ ra được cái gì đó.”

“Đây là phương pháp làm việc của tay phá án cừ khôi của Sở Cảnh sát New York đấy ư? Thật đáng thương hại!”

“Tôi biết, Jack, tôi biết mà. Nhưng hiện tại đây là cách tốt nhất tôi có thể làm.”

Hardwick trở vào nhà, vừa đi vừa lắc đầu trong sự hoài nghi quá mức.

Gurney hít vào hơi ấm của tuyết, và như thường lệ, trong thoáng chốc nó chiếm chỗ mọi ý nghĩ lý trí, khuấy động một cảm xúc thơ ấu mạnh mẽ mà anh không có lời nào diễn tả. Anh cất bước ngang qua bãi cỏ trắng xóa về phía khu rừng, hương tuyết gợi cho anh đầy ắp những ký ức – ký ức về những câu chuyện mà bố đã kể cho anh nghe lúc anh mới năm sáu tuổi, những câu chuyện đối với anh còn sống động hơn bất cứ thứ gì trong cuộc đời thực của mình – những câu chuyện về những người tiên phong, về túp lều giữa vùng hoang vu, về đường rừng, về người da đỏ tốt lẫn xấu, về những nhánh con bị gãy răng rắc, về những vết lún của giày da đánh để lại trên cỏ, về những thân dương xỉ gãy làm chứng cứ quan trọng cho thấy kẻ thù đã đi ngang qua nơi này, và tiếng kêu của chim rừng, một vài tiếng thật, một vài tiếng là của thổ dân da đỏ dùng để bí mật liên lạc với nhau – những hình ảnh thật cụ thể, thật giàu chi tiết. Thật trớ trêu, anh nghĩ, khi ký ức về những câu chuyện bố đã kể thời thơ ấu đã thay thế hầu hết các ký ức về chính ông. Dĩ nhiên, ngoài việc kể những câu chuyện này cho anh nghe, bố anh chưa bao giờ dành nhiều thời gian cho anh. Ông chỉ biết làm việc, làm việc và giữ trong lòng mọi chuyện.

Làm việc và giữ trong lòng mọi chuyện. Câu nói tóm tắt cuộc đời này đây, anh bỗng nhận ra, mô tả hành vi của bản thân anh chính xác như hành vi của bố mình. Những rào cản anh từng dựng lên để tránh nhận ra những điểm tương đồng này dường như gần đây càng lúc càng xuất hiện nhiều vết rò rỉ lớn. Anh nghĩ rằng mình không chỉ đang dần biến thành bố, mà đã biến thành ông tự bao giờ. *Làm việc và giữ trong lòng mọi chuyện.* Cụm từ ấy truyền đạt mới thấm thía làm sao một cảm giác nhỏ nhoi, lạnh lẽo về cuộc

đời anh. Thật bẽ bàng khi quãng thời gian dài dằng dặc của một đời người lại có thể tóm gọn lại trong một câu nói ngắn đến dường ấy. Anh làm chồng kiểu gì khi năng lượng của anh lại hạn chế đến thế? Và làm cha kiểu gì? Làm cha kiểu gì mà luôn đắm đuối vào những ưu tiên trong nghề nghiệp mà... *Thôi, đủ rồi.*

Gurney bước vào khu rừng, men theo lối mòn mà anh nhớ là lộ trình dấu chân, giờ đây đã bị tuyết mới che khuất. Khi đến bụi cây thường xanh nơi lối mòn chấm dứt một cách vô lý, anh hít vào hương thông thơm ngát, lắng nghe sự tĩnh lặng sâu thẳm nơi đây, và chờ nguồn cảm hứng. Không nguồn cảm hứng nào xuất hiện. Thất vọng vì điều ngược lại xảy ra đúng như mong đợi, anh buộc mình ôn lại lần thứ hai mươi những gì anh biết chắc về các sự kiện đã xảy ra vào đêm án mạng. Tên hung thủ đã đi bộ vào trang viên từ đường lộ chẳng? Hẳn mang theo một khẩu 0.38 đặc biệt của cảnh sát, một chai rượu vỡ hiệu Bốn Hoa Hồng, một cái ghế sân vườn, một đôi ủng phụ, và một máy ghi âm nhỏ thu sẵn tiếng rít của thú vật để dụ Mellery ra khỏi giường? Hẳn mặc áo liền quần hiệu Tyvek ư, đeo găng ư, và choàng chiếc áo khoác lông ngỗng dày cộm có thể dùng làm bộ phận giảm thanh cho súng? Hẳn ngồi sau kho thóc hút thuốc?

Hẳn dụ Mellery ra sân hiên bên ngoài, bắn chết nạn nhân, rồi đâm xác chết ít nhất 14 nhát? Sau đó hẳn ung dung băng ngang qua bãi cỏ trống và vào rừng được gần một cây số thì treo đôi ủng phụ lên cành, và biến mất không một dấu vết?

Mặt Gurney nhăn nhó – một phần do hơi lạnh âm ỉm càng lúc càng ảm đạm trong ngày và một phần do giờ đây, rõ hơn bao giờ hết, anh nhận ra những gì anh ‘biết’ về tội ác ấy lại chẳng hề hợp lý.

Đi Ngược

Tháng Mười một là tháng anh không thích chút nào, cái tháng của ánh sáng yếu ớt, lấp lửng lê bước giữa thu và đông.

Cảm nhận về mùa dường như làm trầm trọng hơn cái cảm giác anh đang bước loạng choạng trong màn sương che phủ vụ án Mellery, như một kẻ mù không thấy thứ gì đó ngay trước mặt mình.

Hôm ấy khi trở về nhà từ Peony, ngược lại với tính cách vốn có, anh quyết định chia sẻ trần trở của mình với Madeleine, cô đang ngồi ở chiếc bàn bằng gỗ thông nhâm nhi từng giọt trà và mẫu bánh nam việt quất cuối cùng.

“Anh muốn nghe ý kiến của em về một chuyện,” anh nói, ngay lập tức hối hận vì đã lựa chọn sai từ. Madeleine không thích những từ như ý kiến.

Cô nghiêng đầu một cách tò mò. Anh xem đó là lời mời gọi.

“Viện Mellery nằm trên khoảng đất 6,6 hecta giữa đường Filchers Brook và đường Thombush trong vùng đồi núi nằm phía trên ngôi làng. Khoảng 6 hecta là đất rừng, chắc khoảng 0,6 hecta là cỏ, luống hoa, khu vực để xe, và 3 tòa nhà – gồm giảng đường chính là một, ở đây có văn phòng làm việc và nhà khách, tư dinh của Mellery là hai, và kho thóc chứa trang thiết bị bảo trì là ba.”

Madeleine ngược mắt nhìn đồng hồ trên tường nhà bếp, còn anh thì tiếp tục gập gáp. “Cảnh sát có mặt ở hiện trường tìm thấy một loạt dấu chân từ đường Filchers Brook đi vào trang viên và dẫn đến một chiếc ghế sau kho. Từ ghế, dấu chân đi đến vị trí Mellery bị giết rồi từ đó đến một nơi cách đó hơn 800 mét trong rừng, ở đây thì dấu chân mất hẳn. Không còn dấu chân

nữa. Không có manh mối nào cho thấy người để lại dấu chân đến tận chỗ ấy lại tẩu thoát bằng cách nào mà không để lại thêm dấu chân nào khác.”

“Chuyện đùa đấy ư?”

“Anh đang mô tả chứng cứ có thực ở hiện trường mà.”

“Còn con đường mà anh đề cập kia là gì?”

“Đường Thombush cách dấu chân cuối cùng hơn ba mươi mét.”

“Con gấu quay lại rồi kìa,” Madeleine nói sau một khoảng lặng ngắn.

“Gì hả?” Gurney nhìn cô trân trân, ngỡ ngác.

“Con gấu.” Cô hất hàm về phía cửa sổ bên hông nhà.

Giữa cửa sổ và những luống hoa đang ngủ dưới lớp sương muối, một chiếc gậy chặn cừu bằng thép làm giá đỡ cóng thức ăn cho chim sẻ đã bị uốn cong đung dật, còn cóng thức ăn thì bị vỡ ra một nửa.

“Để lát anh lo,” Gurney nói, bực dọc trước lời nhận xét lạc đề của cô. “Em có phản ứng gì với vấn đề về dấu chân lúc này không?”

Madeleine ngáp. “Em nghĩ nó ngô nghê quá, còn người thực hiện thì rất điên rồ.”

“Nhưng hẳn thực hiện bằng cách nào mới được?”

“Cũng giống như cái trò đoán số của hẳn vậy.”

“Ý em là sao?”

“Ý em là, hẳn thực hiện bằng cách nào đi nữa thì có khác biệt gì đâu?”

“Em nói tiếp đi,” Gurney nói, sự tò mò của anh nhìn hơn sự bực dọc một chút.

“*Bằng cách nào* không quan trọng. Câu hỏi cần đặt ra là *tại sao*, và nếu vậy thì câu trả lời hiển nhiên quá còn gì.”

“Câu trả lời hiển nhiên ấy là...?”

“Hẳn muốn chứng minh rằng các anh là một lũ ngu.”

Câu trả lời của cô ngay lập tức đặt anh vào hai tâm thái khác nhau – vừa hài lòng vì cô đã đồng ý với anh rằng cảnh sát là mục tiêu trong vụ án này,

vừa không hài lòng lắm khi cô lại nhấn mạnh chữ *ngu* đến thế.

“Có thể hẳn đi lùi thì sao,” cô gợi ý kèm một cái nhún vai.

“Có thể nơi anh nghĩ dấu chân chấm dứt lại là nơi dấu chân xuất phát, còn nơi anh nghĩ dấu chân xuất phát là nơi dấu chân chấm dứt thì sao?”

Đây nằm trong những khả năng mà Gurney đã xem xét và loại trừ. “Có hai vấn đề. Thứ nhất, như vậy câu hỏi ‘Làm cách nào mà dấu chân có thể ngừng giữa chừng?’ sẽ chuyển thành câu hỏi ‘làm cách nào mà dấu chân lại xuất phát giữa chừng?’ Thứ hai, khoảng cách giữa các dấu chân rất đều nhau. Thật khó tưởng tượng có ai đó đi lùi hơn 800 mét qua rừng mà không trượt chân một lần.”

Rồi anh chợt nhận ra một biểu hiện hứng thú dù nhỏ nhất từ Madeleine cũng là thứ mà anh muốn khuyến khích, nên anh nồng nhiệt nói thêm: “Nhưng thực tình thì suy nghĩ của em khá hay đấy – nên em hãy suy nghĩ tiếp nhé.”

Vào hai giờ sáng hôm sau, nhìn chăm chăm vào khung cửa sổ chữ nhật trong phòng ngủ, qua ánh sáng yếu ớt từ mảnh trăng bán nguyệt bị mây che khuất, Gurney vẫn đang suy nghĩ – và vẫn còn trầm ngâm nhận xét của Madeleine rằng hướng chỉ của dấu chân và hướng đi thực sự của dấu chân là hai chuyện riêng biệt. Điều đó thì đúng, nhưng nó góp phần giải thích các dữ kiện như thế nào? Cho dù ai đó có thể đi lùi một quãng đường xa như vậy qua địa hình gập ghềnh mà không sẩy chân một bước, một chuyện không ai làm được, thì giả thuyết ấy cũng chỉ biến điểm dừng khó giải thích của lối mòn ấy thành một điểm xuất phát khó giải thích.

Mà như vậy thật chẳng?

Giả sử...

Nhưng như vậy không thể nào. Từ từ nào, tạm giả sử là...

Như Sherlock Holmes đã nói, “Khi ta đã loại trừ mọi khả năng vô lý, thì những gì còn lại, cho dù khó xảy ra đến đâu, nhất định là sự thật.”

“Madeleine này?”

“Hừm?”

“Xin lỗi đã đánh thức em. Có chuyện quan trọng.”

Cô đáp lại bằng một tiếng thở dài.

“Em thức chưa?”

“Giờ thì thức rồi.”

“Nghe này. Giả sử hung thủ vào trang viên không phải từ đường lớn mà từ đường phụ thì sao. Giả sử hấn đến hiện trường nhiều tiếng đồng hồ trước khi gây án – đúng ra là ngay trước khi tuyết rơi. Giả sử hấn đi vào lùm thông nhỏ từ đường phụ mang theo cái ghế sân vườn nhỏ, và những thứ đồ linh kỉnh khác, mặc áo liền quần Tyvek, mang găng tay cao su vào, rồi chờ đợi.”

“Đợi trong rừng ư?”

“Đợi trong lùm thông, nơi mà chúng ta tưởng dấu chân chấm dứt ấy. Hấn ngồi chờ tuyết ngừng rơi – quá nửa đêm một chút. Rồi hấn đứng dậy, mang theo ghế, chai ực ki, súng, và máy ghi âm mini có tiếng thú vật rít, rồi đi bộ hơn 800 mét còn lại đến căn nhà. Trên đường đi hấn gọi số di động của Mellery để bảo đảm anh ta đủ tỉnh táo để nghe tiếng thú vật..”

“Khoan đã. Em nhớ anh nói là hấn không thể nào đi lùi qua rừng được mà.”

“Hấn không đi lùi. Hấn không cần phải đi lùi. Em đã đúng khi tách biệt hướng ngón giày và gót giày ra khỏi hướng đi thực sự – nhưng mình cần phải phân biệt thêm một thứ nữa. Giả sử đế giày được tách rời ra khỏi mũi giày thì sao.”

“Bằng cách nào?”

“Tên hung thủ chỉ cần cắt đế đôi ủng này ra dán vào đôi ủng kia – theo chiều ngược lại. Vậy là hấn có thể đi về phía trước dễ dàng và để lại một loạt các vết lún gọn ghẽ phía sau mà nhìn vào người ta sẽ tưởng là hấn đi theo hướng xuất phát.”

“Còn cái ghế?”

“Hấn mang đến sân hiên. Có thể hấn bày ra đủ thứ đồ trên ghế trong lúc bọc cái áo khoác lông ngỗng quanh súng để làm một bộ phận giảm thanh cỡ nhỏ. Dấu chân ghế dễ dàng bị dấu chân của chính hấn làm mờ đi, nên sau đó

chẳng ai để ý. Rồi hắn mở đoạn băng có tiếng thú vật đang rít lên để dụ Mellery ra tới cửa sau. Cụ thể hắn thực hiện mọi chuyện như thế nào thì có nhiều giả thuyết lắm, nhưng nói chung là hắn dí súng vào Mellery, dụ anh ta ra sân hiên bên ngoài rồi bắn. Khi Mellery gục xuống, hung thủ lấy cái chai vỡ đâm anh ta liên hồi rồi hắn ném chai vỡ phía dậu chân đã để lại trên đường tới sân hiên – cố nhiên – những dậu chân này theo hướng đi ra khỏi sân.”

“Tại sao không để chai bên cạnh xác được rồi, còn không thì mang theo luôn?”

“Hắn không mang theo chai vì hắn muốn chúng ta phát hiện ra nó mà. Chai ứt ki là một phần của trò chơi, một phần của toàn bộ kịch bản. Anh đoán rằng hắn ném chai song song với mấy dậu chân tưởng chừng như đang đi ra xa khỏi xác ấy chỉ giống như phết một lớp kem lên cái bánh lừa lọc nhỏ đó thôi.”

“Chi tiết đó khá tinh tế đấy.”

“Chẳng hạn như để một đôi ủng ở nơi mà ta tưởng là cuối lối mòn, nhưng dĩ nhiên khi bắt đầu đi hắn đã để ở đó rồi.”

“Vậy đó không phải là đôi để lại dấu chân?”

“Đúng, nhưng chuyện đó ta đã biết rồi. Một kỹ thuật viên ở phòng giám định của BCI tìm thấy một khác biệt nhỏ xíu giữa đế một trong hai chiếc ủng với dấu chân để lại trên tuyết. Mới đầu chẳng hợp lý gì cả. Nhưng bây giờ kịch bản được sửa lại thì nó rất khớp – khớp hoàn toàn.”

Madeleine không nói gì trong một lúc, nhưng anh gần như có thể cảm nhận được đầu cô đang tiếp thu, đánh giá, thử nghiệm kịch bản mới để tìm ra sơ hở.

“Vậy sau khi hắn quăng chai đi thì chuyện gì xảy ra nữa?”

“Rồi hắn đi từ hàng hiên đến phía sau kho thóc, đặt ghế ở đó, rồi quăng một mớ mẫu thuốc xuống đất trước ghế để ai nhìn vào cũng nghĩ hắn đã ngồi đó trước khi gây án. Hắn cởi bỏ bộ đồ Tyvek và đổi găng cao su ra, mặc áo khoác vào, đi quanh bên kia kho thóc – để lại những dấu chân đi

ngược khốn kiếp ấy – hướng về phía đường Pilchers Brook, lúc này thị trấn đã cào sạch tuyết rồi nên không có dấu chân nào để lại ở đây, rồi bước ra xe đậu trên đường Thombush, lái xuống làng, hay đi đâu đó.”

“Lúc đến hiện trường, cảnh sát Peony có thấy ai trên đường Thombush không?”

“Có vẻ như là không, nhưng hẳn cũng có thể dễ dàng đi vào rừng, hoặc là...” Anh dừng lại để xem xét các khả năng.

“Hoặc là sao?”

“Khả năng này không cao lắm, nhưng anh được biết có một nhà trọ B&B^[14] trên núi mà BCI đáng lẽ phải kiểm tra. Nghe có vẻ quái dị lắm, nhưng sau khi thảm nạn nhân muốn đứt đầu ra, tên giết người điên khùng của chúng ta có lẽ đã tản bộ trở lại một phòng trọ nhỏ ấm cúng nào đó cũng không chừng.”

Hai người nằm lặng thinh cạnh nhau trong bóng tối nhiều phút dài dằng dặc. Tâm trí của Gurney chạy ngược xuôi tái hiện lại vụ án như một người vừa hạ thủy một chiếc tàu đóng tại nhà và đang chăm chú kiểm tra xem có vết rò rỉ nào không. Khi đã chắc chắn không có lỗ hổng nào nghiêm trọng, anh hỏi Madeleine nghĩ gì.

“Đối thủ hoàn hảo đấy,” cô nói.

“Gì cơ?”

“Đối thủ hoàn hảo.”

“Nghĩa là?”

“Anh thích giải câu đố mà. Hẳn cũng vậy. Một cuộc hôn phối trên thiên đường.”

“Hay dưới địa ngục đây?”

“Ở đâu cũng được. À, mấy bức thư ấy có gì không ổn?”

“Cái gì... không ổn?”

Madeleine quen nhảy qua một chuỗi các liên tưởng khiến anh đôi khi phải tụt lại ở phía sau một bước dài.

“Mấy bức thư hung thủ gửi cho Mellery mà anh cho em xem đấy – hai lá đầu, sau đó là mấy bài thơ. Lúc này em có nhớ lại nội dung cụ thể của từng bức.”

“Rồi sao?”

“Em cố nhớ mãi mà không được, mặc dù em có trí nhớ tốt. Rồi em nhận ra lý do tại sao lại không nhớ được. Chẳng có thứ gì trong thư là thật cả.”

“Ý em là sao?”

“Chẳng có thứ gì là cụ thể cả. Chẳng đề cập đến việc Mellery thực sự đã làm gì hay ai đã bị tổn thương. Sao lại mơ hồ như vậy? Không tên tuổi, ngày tháng, nơi chốn, không đề cập cụ thể đến thứ gì cả. Lạ lắm phải không?”

“Hai con số 658 và 19 cũng khá cụ thể mà.”

“Nhưng chúng chẳng có ý nghĩa gì với Mellery cả, ngoài chuyện Mellery nghĩ ra chúng. Và đó nhất định là một mảnh khốe nào đó.”

“Nếu vậy thì anh vẫn chưa tìm ra được mảnh khốe đó.”

“À, nhưng anh sẽ tìm được mà. Anh rất giỏi nối các điểm lại với nhau mà.” Cô ngáp. “Chuyện đó chẳng ai giỏi hơn anh cả.” Trong giọng cô không thấy có sự mỉa mai nào.

Anh nằm đó trong đêm cạnh cô, cảm nhận sự thoải mái thật gần gũi trong lời khen của cô. Rồi trí óc anh bắt đầu kiếm tìm không yên, rà soát bức thư của tên hung thủ, xem lại ngôn từ trong thư dưới ánh sáng mới từ lời nhận xét của cô.

“Mấy lá thư đủ cụ thể để làm Mellery sợ xịt cứt ra đấy,” anh nói.

Cô gà gật thờ dài. “Hoặc là không đủ cụ thể.”

“Nghĩa là sao?”

“Em không biết nữa. Có lẽ chẳng có vấn đề cụ thể nào để mà ghi ra cụ thể cả.”

“Nhưng nếu Mellery không làm gì hết thì tại sao anh ta lại bị giết?”

Cô phát ra một tiếng kêu nhỏ trong cổ họng tương đương với cái nhún vai. “Em không biết. Em chỉ biết mấy bức thư đó có gì không ổn thôi. Thôi

ngủ tiếp đi.”

Căn Nhà Ngọc Lục Bảo

Anh tỉnh giấc lúc bình minh, cảm thấy khỏe khoắn hơn nhiều tuần vừa qua, hoặc có lẽ nhiều tháng vừa qua. Có thể là cường điệu khi nói rằng lý giải của anh về bí ẩn đôi ủng đồng nghĩa với việc con cờ domino đầu tiên đã ngã xuống, nhưng anh lại có cảm giác như thế khi lái xe qua địa hạt, vào trong ánh dương đang ló rạng đằng Đông, trên đường đến nhà trọ B&B trên đường Filchers Brook ở Peony.

Anh bỗng nhận ra việc thăm vấn ‘những tay pê dê’ ấy mà chưa xin phép văn phòng Kline hay BCI có thể sẽ phạm luật. Nhưng việc quái gì phải sợ – nếu về sau ai muốn khiển trách anh cho có thì anh cũng sẽ sống sót thôi. Và lại, anh có cảm giác mọi chuyện đang bắt đầu đi theo hướng của anh. ‘Vạn sự trên đời đều có giờ phút thủy triều dâng cao’^[15].

Cách giao lộ Filchers Brook chưa đầy một cây số rưỡi thì điện thoại anh reo. Ellen Rackoff gọi.

“Ủy viên công tố Kline nhận được tin này và muốn anh biết. Ông ta bảo tôi nói với anh là trung sĩ Wigg từ phòng giám định BCI đã cải thiện được đoạn băng ghi âm giữa Mark Mellery và tên hung thủ. Anh còn nhớ cuộc gọi đó chứ?”

“Có,” Gurney nói, nhớ lại giọng nói ngụy trang và cảnh Mellery nghĩ đến con số 19 rồi tìm thấy con số đó trong lá thư tên hung thủ đã để lại trong hộp thư.

“Bản báo cáo của trung sĩ Wigg ghi là, kết quả phân tích sóng âm cho thấy tiếng ồn xe cộ ngoài nền trong băng đã được thu sẵn.”

“Cô nói sao cơ?”

“Theo băng ghi gồm hai thế hệ âm. Giọng người gọi và tiếng máy chạy ở nền, mà cô ta nói nhất định là động cơ ô tô, ở thế hệ thứ nhất. Nghĩa là, đây là âm thanh trực tiếp tại thời điểm truyền tải cuộc gọi. Nhưng còn những âm nền kia, chủ yếu là âm xe cộ chạy ngang qua, là thế hệ thứ hai. Nghĩa là, đây là âm được phát từ một máy phát trong suốt cuộc gọi trực tiếp. Anh còn đó không, thanh tra?”

“Vẫn còn, tôi chỉ đang... cố hiểu những gì cô nói.”

“Anh có muốn tôi lặp lại không?”

“Không, tôi có nghe mà. Thú vị... thật đấy.”

“Công tố viên Kline nghĩ có lẽ anh sẽ nghĩ như vậy. Ông ta muốn anh gọi cho ông ta khi anh tìm ra được gì.”

“Tôi nhất định sẽ gọi mà.”

Anh rẽ lên đường Pilchers Brook và đi được hơn 800 mét, anh thấy một biển hiệu bên tay trái cho biết cái cơ ngơi chẵn chu đăng sau nó là THE LAURELS. Tấm biển hình bầu dục duyên dáng, chữ viết được vẽ kiểu tinh tế. Qua khỏi tấm biển một chút, một giàn mắt cáo vòng cung đặt trong một hàng nguyệt quế núi cao. Một lối ô tô hẹp đi xuyên qua giàn mắt cáo. Mặc dù những chùm hoa đã tàn nhiều tháng qua, nhưng khi Gurney lái qua cổng, chẳng hiểu sao tâm trí anh lại gợi lên một hương hoa, và khi lao về phía trước anh lại nhớ đến câu bình luận của Vua Duncan về cơ dinh của Macbeth, nơi ông bị sát hại đêm đó: *“Lâu đài này nằm ở một chốn thật dễ chịu...”*

Xa khỏi giàn mắt cáo là một khu vực để xe nhỏ lát sỏi được cào sạch như một khu vườn thiên. Một lối đi cũng rải đầy thứ sỏi mới tinh ấy dẫn từ khu vực để xe tới cửa trước một mũi đất sạch bóng lợp gỗ tuyết tùng. Thay cho chuông cửa là một vòng sắt gõ cửa cổ xưa. Gurney vừa rướn người tới vòng sắt thì cửa mở, để lộ một người đàn ông nhỏ nhắn có cặp mắt dò xét, cảnh giác. Mọi thứ trên người ông ta trông thẳng thớm tươm tất, từ chiếc áo thun có có màu chanh đến nước da hồng hào và mái tóc có sắc vàng quá mức so với khuôn mặt trung niên.

“A!” ông ta nói một cách hả hê đầy cái kính của một người thấy chiếc bánh pizza mình đã gọi cuối cùng cũng đến sau hai mươi phút trễ.

“Ông Plumstone phải không?”

“Không, tôi không phải ông Plumstone nào cả,” người đàn ông nhỏ con nói. “Tôi là Bruce Wellstone. Sự hài hòa rõ rệt giữa hai cái tên ấy chỉ đơn thuần là ngẫu nhiên thôi.”

“Ra là vậy,” Gurney ngơ ngác nói.

“Còn anh chắc là cảnh sát?”

“Thanh tra đặc biệt Gurney, từ văn phòng của ủy viên công tố quận. Ai đã nói cho ông biết là tôi tới thế?”

“Anh cảnh sát trên điện thoại đấy. Tôi nhớ tên kém lắm. Nhưng sao ta lại phải đứng ở cửa thế kia? Mời anh vào.”

Gurney theo ông ta qua một hành lang ngắn vào một phòng khách trang hoàng nhiều đồ cầu kỳ thời Victoria. Thắc mắc người cảnh sát nào vừa nói chuyện trên điện thoại làm đôi mắt anh ánh lên vẻ ngạc nhiên.

“Tôi xin lỗi,” Wellstone nói, rõ ràng đã hiểu sai về mặt của Gurney. “Tôi không rõ quy trình xử lý những vụ việc như thế nào. Anh có muốn đi thẳng đến căn nhà Ngọc Lục Bảo không?”

“Ông nói gì cơ?”

“Căn nhà Ngọc Lục Bảo đấy.”

“Căn nhà Ngọc Lục Bảo gì cơ?”

“Hiện trường vụ án đấy.”

“Vụ án nào cơ?”

“Họ chưa nói gì với anh sao?”

“Nói chuyện gì cơ?”

“Nói lý do anh lại ở đây này.”

“Ông Wellstone, tôi không muốn lỗ mãng, nhưng có lẽ ông nên bắt đầu lại từ đầu và kể tôi nghe ông đang nói về chuyện gì nào.”

“Thật tức chết đi được! Tôi kể tất tần tật cho anh trung sĩ trên điện thoại rồi mà. Tôi kể tất tần tật những hai lần cơ, vì anh ta hình như chẳng hiểu tôi đang nói gì cả.”

“Tôi hiểu sự bức dọc của ông, thưa ông, nhưng ông có thể kể cho tôi nghe ông đã nói gì với anh ta không?”

“Tôi nói với anh ta là đôi dép hồng ngọc của tôi bị trộm mất. Anh có biết nó đáng giá bao nhiêu tiền không?”

“Đôi dép hồng ngọc của ông ư?”

“Chúa ạ, họ không kể một tí tẹo gì cho anh nghe sao hả?” Wellstone bắt đầu hít thở sâu như đang cố gắng xua đi cơn giận nào đó. Rồi ông ta nhắm mắt lại. Khi mở mắt ra, ông ta dường như cam chịu sự thiếu năng lực của cảnh sát và nói với Gurney bằng giọng của một giáo viên tiểu học.

“Đôi dép hồng ngọc của tôi, đáng giá nhiều tiền lắm đấy, để trong căn nhà Ngọc Lục Bảo và bị trộm lấy mất. Mặc dù không có chứng cứ, nhưng tôi khẳng định tay khách trọ cuối cùng ở đó đã lấy đấy.”

“Nhà Ngọc Lục Bảo thuộc khu nhà trọ này ư?”

“Chứ sao nữa. Bởi vậy toàn bộ chỗ đất này mới được gọi là ‘The Laurels’, số nhiều mà. Có ba căn nhà – căn nhà chính mà chúng ta đang đứng này, cộng với hai căn nhà nữa. Nhà Ngọc Lục Bảo và nhà Ong Mật. Nội thất của Ngọc Lục Bảo dựa trên bộ phim *Phù thủy xứ Oz* – bộ phim hay nhất từ trước đến nay.” Một tia sáng trong mắt ông ta dường như thách thức anh lên tiếng phản đối. “Điểm nhấn của nội thất ở đó là một đôi dép lộng lẫy mô phỏng đôi dép ma thuật của Dorothy trong phim. Sáng nay tôi phát hiện ra nó đã biến mất.”

“Rồi ông trình báo sự việc cho...?”

“Cho mấy người chứ ai, cho nên anh đến rồi đây.”

“Ông gọi cho Sở Cảnh sát Peony ư?”

“Ặc, tất nhiên tôi đâu có gọi cho Sở Cảnh sát Chicago chứ.”

“Chúng ta có hai vấn đề riêng biệt ở đây, ông Wellstone ạ. Cảnh sát Peony chắc chắn sẽ trở lại gặp ông về vụ trộm cắp. Đó không phải lý do tôi đến

đây. Tôi đang điều tra một chuyện khác, và tôi cần hỏi ông vài câu. Một thám tử thuộc lực lượng cảnh sát bang có ghé qua đây ngày hôm kia và được biết – hình như là ông Plumstone nào đó nói – là cách đây 3 đêm ông có cho hai người khách ngấm chim thuê nhà trọ ở đây – một người đàn ông và mẹ anh ta.”

“Chính hẳn đấy!”

“Hẳn nào?”

“Cái tên ăn cắp đôi dép hồng ngọc của tôi đấy.”

“Người khách ngấm chim ăn cắp đôi dép của ông?”

“Tên ngấm chim, tên đạo chích, tên khốn ăn cắp vặt – phải, hẳn đấy!”

“Vậy tại sao ông không đề cập chuyện này cho vị thám tử kia...?”

“Tôi không đề cập vì lúc ấy tôi có biết đâu. Tôi đã bảo với anh là chỉ mới phát hiện bị trộm sáng nay thôi mà.”

“Vậy là ông không ở cái nhà tranh đó từ khi mẹ con anh ta trả phòng ư?”

“Nói ‘trả phòng’ là hơi trịnh trọng quá đấy. Khách chỉ cần lên đường vào thời điểm nào đó trong ngày là được. Anh thấy đó, họ trả tiền trọ trước rồi nên không cần phải có thủ tục ‘trả phòng’ gì cả. Chúng tôi cố gắng tạo ra ít nhiều sự thân thiện văn minh ở đây, mà làm vậy tất nhiên sẽ cay đắng hơn bình thường khi mà niềm tin của chúng tôi bị phản bội.” Chỉ kể lể mà Wellstone suýt nôn mửa vì sự cay đắng đó.

“Bình thường thì có phải chờ lâu không để...?”

“Để lấy được phòng phải không? Vào thời điểm này trong năm thì bình thường. Tháng Mười một là tháng ít khách nhất. Đã có người đặt phòng ở Ngọc Lục Bảo cho tuần lễ Giáng sinh sắp tới rồi.”

“Cái anh BCI đó chưa xem qua căn nhà đó ư?”

“Anh BCI ư?”

“Người thám tử đến đây hai ngày trước là thành viên của Cục Điều tra Tội Phạm, gọi tắt là BCI.”

“À. Ờ, anh ta nói chuyện với ông Plumstone chứ không phải tôi.”

“Chính xác thì ai là ông Plumstone cơ?”

“Anh hỏi hay kinh khủng. Lâu nay tôi cũng tự hỏi mình câu đấy đấy.” Ông ta nói kèm một sự cay cú đặc chí rồi lắc đầu. “Tôi xin lỗi, tôi không được để chuyện tình cảm xen vào công vụ của cảnh sát. Paul Plumstone là đối tác kinh doanh của tôi. Chúng tôi đồng sở hữu khu nhà trọ The Laurels. Ít nhất tính theo thời điểm này thì chúng tôi còn là đối tác của nhau.”

“Ra là vậy,” Gurney nói. “Trở lại câu hỏi của tôi – cái anh BCI ấy có xem qua căn nhà không?”

“Tại sao lại xem cơ? Ý tôi là, anh ta đến đây rõ ràng là vì vụ án rừng rợn ở cái viện trên núi mà, anh ta muốn biết chúng tôi có thấy nhân vật nào khả nghi chực chờ quanh đây không. Paul – là ông Plumstone ấy – bảo anh ấy là chúng tôi không thấy gì hết, rồi anh thám tử ấy đi.”

“Anh ta không có gan hỏi ông về bất kỳ thông tin cụ thể nào về khách trọ của ông ư?”

“Mấy người khách ngắm chim ư? Không, tất nhiên là không rồi.”

“Tất nhiên là không?”

“Người mẹ gần như là phế nhân vậy, còn cậu con trai, mặc dù sau này tôi mới biết là kẻ trộm, thì không giống loại người cố ý gây thương tích hay giết chóc tàn bạo.”

“Theo ông thì hẳn thuộc loại người nào?”

“Theo tôi thì thuộc dạng ốm yếu. Nhất định là dạng ốm yếu. Bền lên lắm.”

“Theo ông hẳn có đồng tính không?”

Wellstone trông trầm tư. “Câu hỏi hay đấy. Thường thì tôi ít nhiều nói chắc được, còn trường hợp này thì tôi không chắc. Tôi có cảm tưởng hẳn muốn cho tôi ấn tượng hẳn là người đồng tính đấy. Nhưng như vậy vô lý lắm, đúng không?”

Đúng là vô lý lắm, trừ phi hình tượng ấy là một màn kịch, Gurney nghĩ. “Ngoài ốm yếu và bền lên ra, ông thấy hẳn ta còn như thế nào nữa?”

“Thích ăn cắp.”

“Ý tôi là theo đặc điểm bề ngoài cơ.”

Wellstone chau mày. “Có ria mép. Kính có màu.”

“Có màu ư?”

“Như kính râm vậy, tối đen nên không thấy rõ mắt hăn – tôi ghét nói chuyện với ai mà không thấy được mắt người đó lắm, anh có ghét không? – nhưng kính cũng sáng nên hăn mang trong nhà được.”

“Còn thứ gì khác không?”

“Mũ len – loại có phần che tai thả xuống hai bên mặt được ấy – rồi khăn choàng cổ, áo khoác vương vীu.”

“Sao ông có cảm tưởng là hăn ốm yếu?”

Cặp mày của Wellstone chau chặt lại với vẻ khiếp đảm.

“Giọng hăn chẳng? Cách cư xử của hăn chẳng? Anh biết đó, tôi cũng không chắc lắm. Tôi chỉ nhớ là mình *thấy* – thấy tận mắt – một cái áo khoác lớn phồng hơi rồi nón, kính râm, ria mép.” Cặp mắt ông ta bỗng trở ra một cách ngờ vực. “Anh có nghĩ đó là ngụ ý trang không?”

Kính râm và ria mép ư? Theo Gurney thì giống trò hề ngụ ý trang hơn. Nhưng ngay cả tình tiết phụ nho nhỏ đó cũng khớp với sự kỳ dị của kiểu mẫu hành vi này. Hay anh đang suy nghĩ quá mức? Đẳng nào đi nữa, nếu là ngụ ý trang thì đó là một cách ngụ ý trang rất hiệu quả, khiến người ta không biết mô tả bề ngoài sao cho đúng. “Ông có nhớ hăn còn đặc điểm nào khác không? Một đặc điểm dù nhỏ nhất?”

“Lúc nào cùng nghĩ đến mấy người bạn lông vũ bé nhỏ của chúng ta. Có một cái ống nhòm khổng lồ – nhìn giống như loại có tia hồng ngoại gì đó mà mấy tay đặc công trong phim vừa cầm vừa bò trườn ấy. Để bà mẹ trong căn nhà rồi ở suốt trong rừng tìm chim mỏ to – chim mỏ to ức hồng ấy.”

“Hăn nói với ông vậy ư?”

“Ồ, phải đấy.”

“Vậy thì lạ thật.”

“Sao lại lạ?”

“Mùa đông ở Catskills làm gì có chim mỏ to ức hồng chứ.”

“Nhưng hăn còn nói là... Tên đối trá khốn kiếp.”

“Hăn còn nói gì cơ?”

“Buổi sáng trước lúc khởi hành, hăn vào căn nhà chính rồi không ngừng la ó om sòm về mấy con chim mỏ to khốn kiếp. Hăn luôn miệng lặp đi lặp lại là có thấy bốn con chim mỏ to ức hồng. Bốn con chim mỏ to ức hồng, hăn cứ luôn miệng nói vậy, như sợ tôi nghi ngờ hăn vậy.”

“Có lẽ hăn muốn chắc chắn là ông sẽ nhớ,” Gurney nói, cũng là tự nhủ với bản thân.

“Nhưng anh nói là hăn không thể nào thấy mấy con chim ấy cơ mà, bởi vì có con nào đâu mà thấy. Tại sao hăn lại muốn tôi nhớ một thứ không bao giờ xảy ra chứ?”

“Câu hỏi hay lắm, thưa ông. Cho phép tôi xem sơ qua căn nhà ấy ngay bây giờ nhé?”

Từ phòng khách, Wellstone dẫn anh qua một phòng ăn cũng không kém chất Victoria, đầy rẫy ghế và gương làm bằng gỗ sồi tinh xảo, ra ngoài một cánh cửa bên hông nhà vào một lối đi lát gạch màu kem sạch không tì vết, tuy không hoàn toàn giống con đường gạch vàng của thành phố Oz nhưng vẫn khiến người ta nghĩ đến nó. Con đường dừng lại ở một căn nhà như trong truyện cổ tích, phủ đầy dây thường xuân xanh thắm bất kể mùa màng.

Wellstone mở khóa cửa, đẩy cửa bật ra, rồi đứng sang một bên. Thay vì vào, Gurney đứng ở ngưỡng cửa ngó vào. Phòng trước vừa như phòng khách vừa như một nơi tưởng nhớ bộ phim Wellstone tôn sùng – với những bộ sưu tập áp phích, một chiếc nón phù thủy, một cây đũa thần, hai bức tượng nhỏ hình Sư Tử Nhát và Người Thiếc, và chú chó Toto nhồi bông.

“Anh có muốn vào trong xem cái hộp trưng bày chứa đôi dép bị đánh cắp không?”

“Tôi không vào thì hơn,” Gurney vừa nói vừa bước lui lại con đường cũ. “Nếu ông là người duy nhất vào trong từ khi khách đi thì tôi muốn giữ

nguyên hiện trường chờ tổ xử lý chứng cứ đến đây đã.”

“Nhưng anh nói đến đây không phải vì – chờ chút đã nào, anh nói anh đến đây vì một ‘chuyện khác’ cơ mà – chẳng phải anh nói vậy sao?”

“Phải, thưa ông, đúng như vậy.”

“Anh đang nói tới ‘xử lý chứng cứ’ gì thế? Ý tôi là, anh... Ôi, không, lẽ nào anh nghĩ tay ngấm chim ngựa tay của tôi chính là tên Jack Đồ Tể^[16] của anh?”

“Thẳng thừng mà nói, thưa ông, tôi không có lý do gì để nghĩ hẳn là hung thủ cả. Nhưng tôi phải xét mọi khả năng, và chúng tôi cần phải cho người khám xét căn nhà ấy kỹ lưỡng hơn.”

“Ôi trời ơi. Tôi không biết phải nói sao nữa. Nếu không phải tội này thì là tội khác. Ái chà, chuyện nghe kỳ dị đến đâu tôi cũng không thể cản trở cảnh sát làm việc được. Mà cũng còn may đấy. Cho dù chuyện không có liên quan gì tới vụ án kinh hoàng trên đồi đi nữa thì biết đâu anh cũng tìm ra manh mối giúp tôi lấy lại đôi dép bị mất.”

“Luôn có khả năng đó mà,” Gurney nói kèm một nụ cười nhã nhặn. “Ngày mai đội chứng cứ sẽ có mặt ở đây. Trong khi chờ đợi, ông cứ để cửa khóa. Còn bây giờ, cho tôi hỏi ông lần nữa – bởi vì chuyện này hệ trọng lắm – ông có chắc là ngoài ông ra không còn ai khác vào trong căn nhà này trong hai ngày qua không, kể cả đối tác của ông?”

“Nhà Ngọc Lục Bảo là tác phẩm của tôi và người chịu trách nhiệm duy nhất là tôi. Ông Plumstone phụ trách nhà Ong Mật, gồm cả phần nội thất đáng tiếc của nó nữa.”

“Xin lỗi, ông nói gì cơ?”

“Phong cách của nhà Ong Mật là lịch sử trực quan chán chết về nghề nuôi ong. Nói vậy là anh hiểu sao rồi mà.”

“Còn câu hỏi cuối này thôi, thưa ông. Ông có ghi lại tên và địa chỉ của người ngấm chim đó trong danh sách thuê phòng không?”

“Tôi có tên và địa chỉ mà hẳn cung cấp đây. Giờ xảy ra vụ ăn cắp ấy nên tôi cũng nghi ngờ tính xác thực của nó lắm.”

“Dù sao tôi cũng cần xem danh sách đó và ghi lại tên và địa chỉ của hẳn.”

“Ôi, chẳng cần phải xem danh sách làm chi. Tôi thấy cái danh sách ấy trước mắt rõ mồn một đến đau đớn này. Ông bà – lạ lắm đúng không, khi một quý ông lại gọi mình và mẹ mình như vậy? – Ông bà Scylla. Địa chỉ là một hộp thư bưu điện ở Wycherly, bang Connecticut. Tôi cho anh cả số hộp thư luôn cũng được.”

Cuộc Gọi Thường Lệ Quận Bronx

Gurney đang ngồi trong khu vực để xe lát sỏi sạch bóng.

Anh vừa gọi cho BCI yêu cầu họ cử một đội xử lý chứng cứ đến khu trọ The Laurels càng sớm càng tốt, và chưa kịp nhét hẳn điện thoại vào túi thì nó lại đổ chuông. Lại là Ellen Rackoff gọi. Thoạt tiên anh cho cô biết tin về ông bà Scylla cùng vụ trộm kỳ lạ và nhờ cô chuyển tin tới Kline. Rồi anh hỏi lý do cô gọi. Cô đưa cho anh một số điện thoại.

“Đây là số của một thám tử điều tra án mạng từ quận Bronx muốn nói chuyện với anh về một vụ án anh ta đang đảm nhiệm.”

“Anh ta muốn nói chuyện với tôi?”

“Anh ta muốn nói chuyện với một người đang phụ trách vụ án Mellery mà anh ta đọc được trên báo. Anh ta gọi cho cảnh sát Peony, họ chuyển anh ta đến BCI, rồi BCI chuyển đến Đại úy Rodriguez, ông ta lại chuyển đến ủy viên công tố quận, rồi ủy viên công tố quận chuyển đến anh. Tên anh ta là thám tử Clamm. Randy Clamm.”

“Có phải chuyện đùa không vậy?”

“Chuyện đó thì tôi không biết.”

“Anh ta cung cấp bao nhiêu thông tin về vụ án của anh ta?”

“Không chút nào hết. Anh biết tính cảnh sát rồi mà. Chủ yếu anh ta muốn biết về vụ án của chúng ta.”

Gurney gọi số đó. Tiếng đổ chuông đầu tiên đã có người trả lời.

“Clamm nghe đây.”

“Dave Gurney đây, tôi gọi lại cho anh. Tôi đang làm việc với ủy viên công tố quận.”

“Vâng, thưa anh, tôi biết. Rất cảm ơn anh đã phản hồi nhanh.”

Mặc dù hầu như chẳng dựa vào điều gì, Gurney có một cảm tưởng rất sống động về tay cảnh sát bên đầu dây kia – một con người đa nhiệm, nói nhanh, nghĩ nhanh và nếu có quen biết rộng hơn, ắt hẳn đã vào học tại Học viện Quân sự Mỹ West Point thay vì ở Học viện Cảnh sát.

“Tôi được biết anh đang phụ trách vụ án mạng Mellery,” giọng nói trẻ trung, nhanh nhẩu ấy lại tiếp tục gấp gáp.

“Đúng rồi.”

“Nhiều vết đâm ở vùng họng nạn nhân?”

“Đúng.”

“Lý do tôi gọi là vì ở đây có một án mạng tương tự, và chúng tôi muốn loại bỏ khả năng vụ này có liên quan đến vụ của anh.”

“Anh nói ‘tương tự’ nghĩa là...?”

“Cũng có nhiều vết đâm ở vùng họng.”

“Tôi nhớ theo số liệu thống kê những vụ đâm ở Bronx thì mỗi năm có hơn 1.000 vụ như vậy được trình báo. Anh đã xem xét những vụ trong địa phương để xem có liên quan chưa?”

“Chúng tôi đang xem xét. Nhưng cho đến hiện giờ vụ án của anh là vụ duy nhất có hơn chục vết thương đều ở cùng một bộ phận cơ thể.”

“Tôi làm gì được cho anh nào?”

“Còn tùy anh sẵn lòng làm gì nữa. Tôi nghĩ sẽ tốt cho hai ta nếu anh có thể xuống đây một ngày, xem hiện trường, dự khán phiên thẩm vấn bà góa phụ, đặt câu hỏi, xem thử có thứ nào nghe quen không.”

Đó là định nghĩa của từ ‘nhiệm vụ khó khả thi’ – khó khả thi hơn rất nhiều những manh mối mỏng manh mà anh đã lãng phí thời gian lần theo trong những năm ở Sở Cảnh sát New York. Nhưng bỏ qua một khả năng bất kỳ, dù thiếu chặt chẽ đến đâu, không phải là đặc điểm cố hữu của Dave Gurney.

Anh đồng ý gặp thám tử Clamm ở Bronx vào sáng hôm sau.

PHẦN III
TRỞ LẠI TỪ ĐẦU

Cuộc Thanh Tây Đến Nay Mai

Gã thanh niên tựa lưng vào đồng gối mềm mại đến sáng khoái kê ở đầu giường rồi mỉm cười điềm tĩnh trước màn hình laptop.

“Vịt Dickie bé bỏng của ta đâu?” bà già ngồi trên giường cạnh gã lên tiếng.

“Nó đang ngồi trên giường vẫy chào, tính xem quái vật đi đời ra sao.”

“Con đang làm thơ à?”

“Vâng! Mẹ ạ.”

“Đọc to cho ta nghe xem nào.”

“Thơ chưa xong mà mẹ.”

“Đọc to cho ta nghe xem nào,” bà ta lặp lại như thể đã quên mình đã nói câu đó.

“Chưa hay lắm. Phải cần thêm thứ gì nữa.” Gã chỉnh lại góc màn hình.

“Giọng con mới hay làm sao,” bà già nói như trả bài, tay lơ đãng chạm vào từng lọn tóc giả vàng óng.

Gã nhắm nghiền mắt lại trong giây lát. Rồi, như một người sắp thối sáo, gã liếm nhẹ môi. Khi gã cất tiếng lên, giọng gã nghe du dương như nửa nói nửa thì thầm.

*“Vài thứ ta rất thích đây:
một viên đạn cũng có thể đổi thay diệu kỳ,
ta thích máu bắn phì phì
đến khi một giọt bất kỳ cũng không,
nợ máu dùng mưu trả xong,*

*kết thúc mọi chuyện, mới thông sự tình,
chuyện tốt ta làm bằng súng gã say ấy
vẫn không bì được cuộc thanh tấy đến nay mai.”*

Gã thở dài và nhìn chăm chăm vào màn hình, mũi nhăn lại.

“Nhịp phách chưa đúng.”

Bà già gật đầu kèm một sự ngần ngại trầm lặng rồi hỏi gã bằng giọng bên lền của một cô bé, “Vịt Dickie bé bỏng của ta sẽ làm gì đây?”

Gã rất muốn mô tả ‘cuộc thanh tấy đến nay mai’ bằng tất cả các chi tiết mà gã đã tưởng tượng ra. Cái chết của toàn bộ lũ Quái vật. Thật đầy màu sắc, thật hấp dẫn, thật... thỏa thuê! Nhưng gã cũng rất tự hào về đầu óc thực tế của mình, về khả năng nắm bắt những hạn chế của mẹ gã. Gã biết những câu hỏi của bà không cần câu trả lời cụ thể, biết vừa hỏi xong là bà gần như quên ngay, biết những lời gã nói phần lớn là âm thanh, thứ âm thanh mẹ gã ưa thích, nghe thấy êm dịu. Gã nói điều gì cũng được – đếm đến mười, ngân nga một bài đồng dao. Thật sự gã nói gì cũng không quan trọng, miễn là truyền cảm và có âm điệu. Gã luôn cố gắng nói chuyện bằng ngữ điệu linh hoạt và phong phú. Gã rất thích làm bà vui lòng.

Đêm Địa Ngục

Gurney thường xuyên có những giấc mơ buồn đến nhói lòng, một giấc mơ mà bản thân nó dường như chính là trọng tâm của nỗi buồn. Trong những giấc mơ ấy, anh thấy được một điều rõ ràng, vượt khỏi mọi ngôn từ: căn nguyên của nỗi buồn chính là mất mát, và mất mát lớn nhất chính là mất mát tình thương.

Trong phiên bản gần đây nhất của giấc mơ, chẳng khác gì một cảnh phim mờ ảo, bố anh ăn mặc như thuở còn đi làm 40 năm về trước và trông ông hết như thuở ấy về mọi mặt. Cũng chiếc áo khoác màu be và chiếc quần tây màu xám xoàng xĩnh ấy, cũng những vết tàn nhang dần phai trên mu bàn tay to kènh và vầng trán tròn thưa thớt tóc ấy, cũng ánh mắt giễu cợt dường như đang tập trung vào một cảnh vật xa xăm nơi đâu như muốn tinh tế ám chỉ về nỗi bồn chồn nào đó, chỉ những muốn đến nơi nào đó, khác nơi ông đang đứng, cũng cái thực tế khác thường là ông tuy kiệm lời nhưng lại có thể truyền đạt nhiều điều bất mãn bằng sự trầm lặng của mình – tất cả những hình ảnh bị vùi sâu ấy bỗng sống lại trong một khung cảnh kéo dài chưa đầy một phút. Và rồi Gurney trở thành một phần của cái khung cảnh ấy trong dáng dấp một đứa trẻ, nhìn bóng hình xa xăm ấy một cách khẩn khoản, nài nỉ xin ông đừng đi, những giọt nước mắt nóng hổi lăn dọc khuôn mặt anh trước cường độ mãnh liệt của giấc mơ – vì anh biết chắc chúng chẳng bao giờ xảy ra khi có sự hiện diện thật sự của bố, vì anh chẳng thể nhớ nổi một biểu hiện cảm xúc mạnh mẽ nào thoáng lướt qua giữa hai người – và rồi anh giật mình tỉnh dậy, khuôn mặt vẫn đầm nước mắt, tim anh đau nhói.

Anh rất muốn đánh thức Madeleine dậy, kể cho cô nghe về giấc mơ, cho cô thấy những giọt nước mắt của anh. Nhưng nào có liên quan gì đến cô. Cô gần như mù tịt về bố anh kia mà. Và giấc mơ, suy cho cùng, cũng chỉ là giấc

mơ thôi. Rốt cuộc, chúng chẳng có ý nghĩa gì cả. Nên thay vì đánh thức cô, anh tự hỏi hôm nay là thứ mấy. Thứ Năm. Đến cùng với suy nghĩ đó là một sự chuyển biến chóng vánh, thực dụng mà anh luôn trông cậy sẽ quét đi những tàn dư của một đêm phiền nhiễu và thay nó bằng hiện thực của những việc cần làm trong ngày. Thứ Năm. Thứ Năm sẽ bị choán chỗ phần lớn bởi chuyến đi của anh đến Bronx – chuyến đi đến một vùng đất không xa nơi anh đã sinh trưởng.

Một Ngày Đen Đùi

Chuyến lái xe kéo dài 3 giờ đồng hồ là một cuộc hành trình đi vào tội cùng của tôi tệ, một cảm giác được khuếch đại bởi cơn mưa phùn lạnh lẽo luôn khiến anh phải liên tục điều chỉnh tốc độ lúc nhanh lúc chậm của cần gạt nước. Gurney thấy chán chường và cáu kỉnh, phần vì thời tiết và phần vì anh ngờ rằng giấc mơ đã để lại trong anh một quan điểm rất nhói, nhạy cảm quá mức.

Anh ghét quận Bronx. Anh ghét tất cả những thứ liên quan đến Bronx, từ mặt đường gồ ghề cho đến xác những chiếc ô tô bị đánh cắp cháy tro khung. Anh ghét những tấm bảng quảng cáo lờ loẹt dụ khị người ta bỏ trốn 4 ngày 3 đêm đến Las Vegas. Anh ghét cái mùi ở đây – cái mùi chướng khí luôn thay hình đổi dạng của khói diesel, của mồi meo, của hắc ín và cá chết, cùng cái cảm giác tiềm ẩn của thứ gì đó như kim loại. Hơn cả những gì anh thấy, anh ghét cái ký ức thời thơ ấu luôn xâm chiếm trí óc anh mỗi khi anh có mặt ở quận Bronx – những con sam gớm ghiếc có vỏ giáp thời tiền sử với những chiếc đuôi nhọn như giáo, lấp ló trong những bãi sình ở vịnh Eastchester.

Trải qua nửa giờ bò lê qua ‘con đường cao tốc’ tắc nghẽn để đến nút rẽ cuối cùng, anh nhẹ nhõm vượt qua vài giao lộ nội thành nữa để đến điểm hẹn đã thỏa thuận là bãi xe của nhà thờ Holy Saints. Vây quanh bãi đậu là một hàng rào thép có biển báo lưu ý rằng bãi xe chỉ dành riêng cho những ai cần làm việc với nhà thờ. Bãi xe trống trơn ngoại trừ một chiếc xe Chevrolet xoàng xĩnh, bên cạnh là một cậu thanh niên đầu đinh vuốt gel sành điệu đang nói vào điện thoại di động. Khi Gurney đậu xe sát bên kia chiếc Chevrolet, cậu thanh niên nọ kết thúc cuộc gọi và ghim điện thoại vào thắt lưng.

Con mưa phùn sáng hôm ấy còn che phủ phần lớn đoạn đường lái xe thì giờ đây chỉ còn là một màn sương mịn khó thấy, nhưng ngay khi Gurney bước ra khỏi xe, anh cảm nhận được những vết kim lạnh buốt đâm vào trán. Có lẽ cậu thanh niên cũng cảm thấy như vậy; có lẽ như vậy mới giải thích được vẻ mặt khó chịu vì nôn nóng của cậu ta.

“Thanh tra Gurney phải không?”

“Tôi là Dave,” Gurney vừa nói vừa chìa tay ra.

“Tôi là Randy Clamm. Cảm ơn anh đã đến đây. Hy vọng không phí thời gian của anh. Chúng tôi chỉ muốn xét đến tất cả các khả năng thôi. Và chúng tôi có vụ án điên rồ này mà phương thức gây án nghe giống như vụ mà các anh đang điều tra. Có thể chẳng liên quan đâu – ý tôi là, cùng một hung thủ mà giết một bậc thầy thành đạt ở phía Bắc New York và một tay gác đêm thất nghiệp ở quận Bronx nghe chẳng hợp lý lắm – nhưng mấy vết đâm ở cổ họng ấy, tôi không tài nào bỏ qua cho xong được. Đụng chuyện như thế này anh thường có cảm giác gì đó – anh nghĩ, ‘Chúa ơi, mình mà bỏ qua cho xong thì cuối cùng hai vụ này lại cùng một tên hung thủ cho xem’, anh hiểu ý tôi không?”

Gurney tự hỏi liệu nhịp độ nhanh nhẩu trong lời nói của Clamm là do caffeine, cocaine, do áp lực công việc thúc đẩy, hay do dây cốt trong người cậu ta vốn đã được vận như vậy.

“Ý tôi là, một chục vết đâm ở cổ như vậy chẳng phải chuyện thường. Có thể còn có nhiều mối liên hệ khác nữa giữa hai vụ này. Đúng ra chúng ta có thể báo cáo qua lại giữa Bronx và chỗ anh cũng được, nhưng tôi nghĩ có lẽ nếu anh có mặt ở hiện trường nói chuyện với vợ nạn nhân thì biết đâu anh sẽ thấy được điều gì đó hay hỏi được điều gì đó mà có thể mình không nghĩ ra nếu không có mặt ở đây. Tôi hy vọng như vậy đó. Ý tôi là, tôi hy vọng có thứ gì đó trong vụ án này. Tôi hy vọng không phí thời gian của anh.”

“Chậm rãi nào, cậu em. Tôi nói cậu nghe nhé. Tôi lái xe đến đây hôm nay vì thấy đây là chuyện hợp lý phải làm. Cậu muốn xem xét mọi khả năng chứ gì. Tôi cũng vậy thôi. Kịch bản xấu nhất ở đây chính là ta loại trừ một trong những khả năng đó, nhưng loại trừ khả năng không phải là phí thời gian, mà

nằm trong quá trình xem xét các khả năng. Nên đừng lo lắng gì về thời gian của tôi cả.”

“Cảm ơn anh. Tôi chỉ muốn nói... ờ, tôi biết anh lái xe lâu lắm mới tới đây. Tôi cảm kích lắm.” Giọng nói và kiểu cách của Clamm đã xuống một hai nấc. Cậu ta vẫn còn vẻ mặt lo lắng, gấp gáp nhưng ít ra cũng không thái quá.

“Nhắc tới thời gian mới nhớ,” Gurney nói, “bây giờ có phải là lúc thích hợp để đưa tôi đến hiện trường chưa?”

“Bây giờ là thích hợp rồi. Anh để xe ở đây, đi xe tôi được rồi. Nhà nạn nhân ở một nơi rất chật hẹp – vài con đường chỉ rộng đủ cho một xe thôi, mỗi bên xe chỉ dư có 5 phân.”

“Nghe như Flounder Beach vậy.”

“Anh biết Flounder Beach à?”

Gurney gật đầu. Thời niên thiếu anh có đến đó một lần dự sinh nhật một cô bạn – là bạn của một cô bạn mà anh đang hẹn hò lúc đó.

“Sao anh biết Flounder Beach thế?” Clamm hỏi khi cậu đưa xe ra khỏi bãi xe theo hướng ngược với đại lộ chính.

“Tôi sinh trưởng gần đây mà – ngoại thành City Island.”

“Trời ạ. Tôi cứ nghĩ anh là dân phía Bắc New York chứ.”

“Hiện tại thì đúng vậy,” Gurney nói. Anh cảm nhận rõ cái chất tạm bợ trong cụm từ mình đã chọn và nhận ra nếu có Madeleine trước mặt anh đã không nói vậy.

“Ôi, vẫn là cái khu nhà một tầng nhỏ xíu thấy gớm đó mà. Lúc thủy triều lên cao, trời trong xanh thì anh sẽ nghĩ mình đang ở biển thật sự. Đến lúc thủy triều rút xuống, bùn hôi ra thì anh lại nhớ ra đây là quận Bronx.”

“Ừm,” Gurney nói.

Năm phút sau, họ chạy chậm lại rồi dừng hẳn trên một con đường nhánh đầy bụi đối diện một lối đi nằm trong một hàng rào thép giống hàng rào bao quanh bãi xe ở nhà thờ trước đó. Một tấm biển kim loại trên hàng rào thông

báo đây là CẦU LẠC BỘ FLOUNDER BEACH và bãi xe chỉ dành cho xe có giấy phép đậu xe. Một hàng lỗ đạn đã cắt tấm biển ra làm hai phần xấp xỉ bằng nhau.

Hình ảnh bữa tiệc cách đây ba mươi năm hiện lên trong tâm trí Gurney. Anh tự hỏi liệu đó có phải chính là cái lỗi vào ấy ba mươi năm trước không. Anh hình dung được gương mặt của cô bạn tổ chức tiệc sinh nhật – một cô gái béo tròn có tóc bím và niềng răng.

“Đậu ở đây thì hơn,” Clamm vừa nói vừa bình phẩm một lần nữa về những con đường không tưởng trong khu dân cư bản thủ. “Hy vọng anh không ngại đi bộ.”

“Chúa ạ, nhìn tôi bao nhiêu tuổi hả?”

Clamm đáp lại bằng một cái cười ngượng nghịu và một câu hỏi chuyển hướng khi hai người ra khỏi xe. “Anh công tác được bao lâu rồi?”

Không hứng thú bàn chuyện nghỉ hưu và có công việc tạm thời, anh chỉ nói, “25 năm rồi.”

“Vụ án này lạ lắm,” Clamm nói, như thể lời nhận xét này tiếp nối câu nói của Gurney là hợp lý. “Không chỉ là vết dao đâm. Còn hơn vậy nữa.”

“Cậu chắc là vết dao đâm chứ?”

“Sao anh hỏi vậy?”

“Trong vụ án của chúng tôi, hung khí là một cái chai vỡ – một chai uýt ki vỡ. Cậu tìm thấy hung khí chưa?”

“Chưa. Nhân viên phòng giám định nói ‘có lẽ là vết dao đâm’ – nhưng là loại dao hai lưỡi như dao găm. Chắc một mảnh chai nhọn có thể tạo ra vết cắt như vậy. Họ cũng đang bế tắc. Chúng tôi chưa có báo cáo khám nghiệm tử thi. Nhưng như tôi nói lúc nãy, còn hơn vậy nữa. Bà vợ... tôi chẳng biết nữa, vợ nạn nhân có cái gì đó lạ lắm.”

“Lạ như thế nào?”

“Lạ nhiều mặt. Thứ nhất, bả thuộc loại sùng đạo hết cỡ. Thật ra, đó chính là chứng cứ ngoại phạm của bả. Khi vụ án xảy ra, bả đang trong một buổi lễ cầu nguyện ca ngợi Chúa gì đó.”

Gurney nhún vai. “Còn gì nữa?”

“Bả đang dùng thuốc cỏ nặng. Phải dùng mấy viên thuốc to dùng mới nhớ được đây là hành tinh bản địa của mình.”

“Hy vọng bà ta còn tiếp tục dùng thuốc. Bà ta còn điều gì khác khiến cậu băn khoăn không?”

“Còn chứ,” Clamm nói, chân dừng bước ngay giữa con đường hẹp như hẻm mà họ đang đi dọc theo. “Bả đang nói dối chuyện gì đó.” Trong cậu ta như đang đau ở mắt. “Có chuyện gì đó bả kể có chỗ nào đó nhằm nhí. Chắc cả hai. Ngôi nhà kia.” Clamm chỉ vào ngôi nhà một tầng thấp lùn nằm trước mặt bên trái, cách con đường hẹp khoảng hơn ba trăm mét. Lớp sơn bong tróc lợp quanh nhà có màu xanh lá cây nhợt nhạt. Cánh cửa màu nâu đỏ làm Gurney nghĩ đến máu khô. Giăng quanh căn nhà nhỏ tiêu điều này là dây băng vàng cách ly hiện trường gắn trên những cái cọc di động. Gurney nghĩ chỉ cần một cái nơ trước mặt tiền nữa thôi là căn nhà sẽ trở thành một món quà từ địa ngục.

Clamm gõ cửa. “À, còn nữa,” cậu ta nói, “bả bự lắm.”

“Bự?”

“Rồi anh sẽ thấy.”

Lời cảnh báo ấy không hoàn toàn chuẩn bị tinh thần cho Gurney gặp người phụ nữ ra mở cửa. Với trọng lượng hơn 150 ki-lô-gam, cánh tay như cặp đùi, bà ta trông lạc lõng giữa ngôi nhà bé nhỏ. Lạc lõng hơn nữa chính là khuôn mặt của một đứa trẻ nằm trên thân hình to bè này – một đứa trẻ thuộc loại đờ đẫn, mắt thẳng băng. Mái tóc ngắn màu đen được rẽ ngôi và chải chuốt như tóc một cậu bé.

“Tôi giúp được gì cho hai anh?” bà ta hỏi, vẻ mặt như muốn nói giúp đỡ là điều chẳng bao giờ mình còn làm được.

“Chào bà Rudden. Tôi là thám tử Clamm. Còn nhớ tôi chứ?”

“Chào anh.” Bà ta nói mà như đang đọc ra từ một cuốn sổ tay đàm thoại ngoại văn.

“Hôm qua tôi có đến đây.”

“Tôi nhớ mà.”

“Chúng tôi cần hỏi bà một vài câu nữa.”

“Các anh muốn biết thêm về Albert à?”

“Phần nào thôi. Chúng tôi vào nhà được không?”

Không trả lời, bà ta xoay lưng đi ngang qua một căn phòng khách nhỏ rồi ngồi xuống một chiếc xô pha – chiếc xô pha trông như đang co rút dưới sức nặng của bà ta.

“Mời ngồi,” bà ta nói.

Hai người nhìn quanh. Chẳng có cái ghế nào. Vật dụng khác duy nhất trong phòng là một chiếc bàn trà trang trí hoa mỹ đến buồn cười cùng một bình hoa rẻ tiền cắm những bông hoa nhựa màu hồng đặt giữa bàn, một tủ sách trống trơn, và một chiếc ti vi đủ lớn để có thể đặt trong phòng khiêu vũ. Sàn nhà trơ trụi lót gỗ dán, trên sàn sạch bóng dấu vết ngoại trừ một vài sợi tổng hợp nằm rải rác – cho thấy, theo Gurney, tầm thảm nơi phát hiện cái xác đã được mang đến phòng giám định pháp y.

“Chúng tôi không cần ngồi,” Clamm nói. “Chúng tôi nán lại không lâu đâu.”

“Albert thích thể thao lắm,” bà Rudden nói, miệng mỉm cười thần thờ nhìn chiếc ti vi khổng lồ.

Một lối đi có mái vòm bên trái phòng khách nhỏ dẫn đến 3 cánh cửa. Sau một cánh cửa nghe có âm thanh của một trò chơi điện tử thể loại đấu võ.

“Jonah đấy. Jonah là con trai tôi. Phòng ngủ nó ở đó.”

Gurney hỏi tuổi cậu bé.

“12 tuổi. Cái tuổi vừa già dặn, vừa non nớt,” bà ta nói như thể đây là lần đầu tiên nhận ra điều này.

“Lúc ấy nó có ở cùng với bà không?” Gurney hỏi.

“Anh nói nó có ở cùng với tôi không là sao?” bà ta hỏi bằng giọng đầy hàm ý kỳ quái làm Gurney thấy ớn lạnh.

“Ý tôi là,” Gurney cố không để cảm giác của mình xen vào giọng nói, “nó có đi chung với bà đến buổi lễ cầu nguyện vào đêm chồng bà bị giết không?”

“Nó đã chấp nhận Chúa Giêsu làm Đức Chúa và Đấng Cứu Thế của nó.”

“Nói vậy có nghĩa hôm đó nó có đi chung với bà?”

“Phải. Tôi nói với anh cảnh sát kia rồi mà.”

Gurney mỉm cười thông cảm. “Nhiều khi hỏi lại những chuyện như thế này sẽ giúp ích cho chúng tôi.”

Bà ta gật đầu về tán thành, rồi lặp lại. “Nó đã chấp nhận Chúa Giêsu.”

“Chồng bà có chấp nhận Chúa Giêsu không?”

“Hình như là có.”

“Bà không chắc ư?”

Bà ta nhắm chặt mắt lại như đang tìm kiếm câu trả lời từ trong mí mắt. Bà nói, “Quý Satan rất quyền lực và quý quyết.”

“Đúng là quý quyết lắm, bà Rudden ạ,” Gurney nói. Anh kéo bàn trà có hoa nhựa màu hồng ở trên ra xa xô pha một chút, đi vòng quanh, rồi ngồi lên mép bàn đối diện bà ta. Anh đã học được một điều là cách tốt nhất để nói chuyện với người có kiểu nói chuyện như vậy là nói chuyện giống họ, dẫu anh chẳng biết cuộc nói chuyện sẽ đi về đâu.

“Ranh ma và khủng khiếp,” anh vừa nói vừa quan sát kỹ bà ta.

“Đức Chúa là Đấng chặn dất tôi,” bà ta nói. “Tôi chẳng cần gì khác.”

“Amen.”

Clamm hăng giọng rồi chuyển chân.

“Nói cho tôi biết nào,” Gurney nói, “Satan đã tiếp cận Albert bằng cách quý quyết nào thế?”

“Satan chỉ theo đuổi người lương thiện thôi!” bà ta bồng hét lớn, giọng nhấn mạnh đột ngột. “Bởi những kẻ xấu đã thuộc quyền điều khiển của y rồi.”

“Trong khi Albert là người lương thiện phải không?”

“Jonah!” bà ta hét to hơn, vừa hét vừa bật dậy khỏi xô pha và đi nhanh đến mức đáng kinh ngạc qua lối đi có mái vòm bên trái vào một trong những cánh cửa cuối lối đi. Bà ta đập tay lên cửa. “Mở cửa! Nhanh lên! Mở cửa!”

“Cái chó chết gì...?” Clamm nói.

“Tao nói mở ra ngay, Jonah!”

Có tiếng khóa lách cách và cửa mở ra phân nửa, để lộ một thằng bé béo phì to con gần bằng bà mẹ mà nó giống đến mức đáng sợ – giống đến cả cái thái độ vô cảm lạ lẫm trong đôi mắt, khiến Gurney tự hỏi liệu đó là do di truyền, do thuốc hay do cả hai. Cái đầu húi cua của nó nhuộm trắng một màu.

“Tao đã bảo có tao ở nhà thì không được khóa cửa kia mà. Vặn nhỏ tiếng lại đi. Nghe như có người đang bị giết trong đó vậy.” Chẳng biết mẹ con họ có ai cảm thấy ngượng ngùng trước tình huống hiện tại không, nhưng rõ ràng không ai thể hiện như vậy cả. Thằng bé hờ hững nhìn Gurney và Clamm. Không còn nghi ngờ gì nữa, Gurney trầm ngâm, đây là một trong những gia đình đã quá quen với sự can thiệp của cơ quan phúc lợi xã hội đến nỗi những người lạ trông như quan chức trong phòng khách chẳng gây bất kỳ sự chú ý nào. Thằng bé quay lại nhìn mẹ.

“Cho con ăn kem que bây giờ được không?”

“Mày biết lúc này không được mà. Vặn tiếng nhỏ lại đi, nếu không đừng hòng có kem ăn.”

“Trước sau cũng có thôi mà,” nó nói lạnh tanh rồi đóng cửa lại ngay trước mặt bà ta.

Bà ta quay trở lại phòng khách rồi ngồi xuống xô pha. “Cái chết của Albert làm nó sốc lắm.”

“Bà Rudden,” Clamm nói theo cái cách ‘ta tiếp tục nào’ của cậu ta. “Thanh tra Gurney đây cần hỏi bà một số câu.”

“Trùng hợp đến buồn cười không kia chứ? Tôi có bà dì cũng tên Bemie đấy. Tôi mới nghĩ đến dì sáng nay thôi.”

“Gurney, không phải Bemie,” Clamm nói.

“Nhưng cũng na ná nhau thôi mà, phải không?” Mắt bà ta như rục lên trước sự tương đồng đáng kể như vậy.

“Bà Rudden,” Gurney nói, “tháng trước chồng bà có nói cho bà nghe chuyện gì khiến ông ấy lo lắng không?”

“Albert chẳng bao giờ lo lắng cả.”

“Bà thấy ông ấy có gì khác thường không?”

“Albert lúc nào cũng như lúc nào mà.”

Gurney ngờ rằng những gì bà ta nhận thức được lúc này có thể là do Albert lúc nào cũng kiên định như bà ta nói, hoặc do hiệu ứng xoa dịu và làm mù mẫm của thuốc men.’

“Ông ấy có bao giờ nhận được lá thư nào có địa chỉ viết tay hoặc có chữ viết bằng mực đỏ không?”

“Thư chỉ toàn là hóa đơn và quảng cáo thôi. Tôi chẳng bao giờ coi thư từ cả.”

“Albert lo toàn bộ số thư à?”

“Chỉ toàn là hóa đơn và quảng cáo thôi.”

“Bà có biết ông ấy có trả hóa đơn đặc biệt nào gần đây hay viết tấm séc nào bất thường không?”

Bà ta lắc đầu nguây nguậy, khiến gương mặt non nớt của bà ta trông trẻ con một cách đáng sợ.

“Một câu cuối nữa thôi. Sau khi tìm thấy thi thể chồng bà, bà có thay đổi hay di dời vật gì trong phòng trước khi cảnh sát đến không?”

Một lần nữa bà ta lại lắc đầu. Có lẽ chỉ là trí tưởng tượng của anh, nhưng anh nghĩ anh thoáng thấy thứ gì đó mới mẻ trong vẻ mặt bà ta. Trong cái nhìn ngây dại đó phải chẳng có một sự hoảng sợ lan tỏa? Anh quyết định chớp lấy cơ hội.

“Đức Chúa có nói chuyện với bà không?” anh hỏi.

Trên nét mặt của bà ta giờ đây hiển hiện một vẻ gì khác, biệch minh hơn là hoảng sợ.

“Vâng, Ngài có nói.”

Biện minh và kiêu hãnh, Gurney nghĩ.

“Đức Chúa có nói chuyện với bà khi bà tìm thấy Albert không?”

“Đức Chúa là Đấng chặn dắt tôi,” bà ta lên tiếng – đoạn đọc lại toàn bộ bài Thánh ca số 23. Những cái nháy giật sốt ruột lan khắp khuôn mặt Clamm hiển hiện rõ cả trong tầm nhìn ngoại biên của Gurney.

“Đức Chúa có hướng dẫn cụ thể cho bà không?”

“Tôi không nghe thấy giọng nói nào cả,” bà ta nói, vẻ mặt hoảng sợ lại xuất hiện chập chờn.

“Không, không phải giọng nói gì đâu. Nhưng Đức Chúa có nói với bà, để giúp đỡ bà phải không?”

“Chúng ta có mặt tại đây trên trái đất này để làm những gì Ngài muốn chúng ta làm.”

Gurney nghiêng người về phía bà ta từ chỗ ngồi trên mép bàn trà. “Rồi bà làm theo chỉ dẫn của Đức Chúa?”

“Tôi làm theo chỉ dẫn của Ngài.”

“Khi tìm thấy Albert, có thứ gì cần phải thay đổi, có thứ gì không đúng với bản chất của nó, có thứ gì Đức Chúa muốn bà làm không?”

Đôi mắt lớn của người đàn bà to con ngấn đầy lệ. Nước mắt chảy xuống gò má tròn lẩn thiếu nữ của bà. “Tôi phải giữ nó lại.”

“Giữ nó lại?”

“Nếu không cảnh sát đã lấy nó đi rồi.”

“Lấy cái gì đi cơ?”

“Họ lấy hết mấy thứ khác rồi – áo quần ông ấy đang mặc, đồng hồ, ví, báo ông ấy đang đọc, ghế ông ấy đang ngồi, tấm thảm, mắt kính, ly ông ấy đang uống... Ý tôi là, họ lấy đi tất cả mọi thứ.”

“Chưa hẳn tất cả mọi thứ đâu – phải không bà Rudden? Họ có lấy được thứ mà bà đang giữ đâu nào.”

“Tôi không thể để họ lấy được. Đó là một món quà. Món quà cuối cùng Albert tặng tôi.”

“Tôi có thể xem món quà đó không?”

“Anh xem rồi còn gì. Kia kìa – sau lưng anh đấy.”

Gurney xoay người quanh phòng và lần theo ánh mắt chăm chú của bà ta vào cái bình cắm hoa nhựa màu hồng ở giữa bàn. Quan sát kỹ hơn, hóa ra bình chỉ cắm một bông hoa nhựa màu hồng nhưng nở xòe lòe loẹt nên mới nhìn vào rất dễ có cảm giác đang ngắm một bó hoa.

“Albert tặng bà bông hoa ấy à?”

“Ông ấy định vậy,” bà ta nói sau một chút ngập ngừng.

“Ông ấy chưa tận tay tặng cho bà sao?”

“Ông ấy đâu còn tặng được nữa, đúng không?”

“Ý bà là do ông nhà đã bị giết ư?”

“Tôi biết ông ấy mua để tặng tôi mà.”

“Chuyện này có thể hệ trọng lắm, bà Rudden ạ,” Gurney nói nhẹ nhàng. “Xin nói cho tôi biết cụ thể bà đã tìm thấy gì và đã làm gì.”

“Khi tôi và Jonah từ Phòng Thiên Khải về nhà, hai mẹ con nghe tiếng ti vi, và tôi thì không muốn quấy rầy Albert. Ông ấy thích xem ti vi lắm. Ông ấy không thích đang xem ti vi mà có người bước ngang trước mặt. Cho nên Jonah và tôi đi vòng ra cửa sau vào nhà bếp thay vì đi cửa trước để khỏi phải bước ngang qua mặt ông ấy. Mẹ con tôi ngồi trong bếp, Jonah ăn cây kem trước giờ ngủ của nó.”

“Hai người ở trong bếp bao lâu?”

“Tôi không nhớ nữa. Hai mẹ con ngồi nói chuyện. Jonah sâu sắc lắm.”

“Nói chuyện gì thế?”

“Nói đề tài ưa thích của Jonah – khổ nạn Thời Mạt Thế. Trong Kinh Thánh có nói, trong Thời Mạt Thế sẽ có khổ nạn. Jonah lúc nào cũng hỏi tôi có tin không, nếu có thì sẽ có bao nhiêu khổ nạn và là khổ nạn gì. Mẹ con tôi nói chuyện đó nhiều lắm.”

“Vậy là hai mẹ con nói về khổ nạn, còn Jonah thì ăn kem?”

“Như mọi khi.”

“Rồi sao nữa?”

“Rồi đến giờ Jonah đi ngủ.”

“Và rồi?”

“Rồi nó đi qua cửa bếp, vào phòng khách để đến phòng ngủ, nhưng chưa đầy 5 giây sau, nó trở lại bếp, vừa đi lùi vừa chỉ vào phòng khách. Tôi bảo nó nói, nhưng nó cứ chỉ trỏ. Thấy vậy tôi mới vào đó. Ý tôi là, tôi vào đây này,” bà ta vừa nói vừa đảo mắt quanh phòng.

“Rồi bà nhìn thấy gì?”

“Thấy Albert.”

Gurney đợi bà ta nói tiếp. Thấy bà ta không nói tiếp, anh nhắc, “Thấy Albert đã chết rồi ư?”

“Có nhiều máu lắm.”

“Còn bông hoa?”

“Bông hoa nằm trên sàn cạnh ông ấy. Anh thấy đấy, nhất định ông ấy đã giữ cái bông hoa đó trong tay. Nhất định ông ấy muốn tặng tôi khi tôi về nhà.”

“Rồi khi đó bà làm gì?”

“Khi đó ư? Ồ, tôi sang nhà hàng xóm kế bên. Nhà tôi không có điện thoại. Hình như họ báo cảnh sát thì phải. Trước khi cảnh sát đến, tôi nhặt bông hoa lên. Hoa này tặng tôi mà,” bà ta nói bằng cái vẻ khăng khăng hồn nhiên bột phát của một đứa trẻ. “Đây là quà cơ mà. Tôi cắm hoa vào cái bình đẹp nhất.”

Chợt Thấy Ánh Sáng

Mặc dù hai người rời nhà Rudden vào giờ trưa nhưng Gurney không có tâm trạng ăn uống. Không phải anh không thấy đói, cũng không phải Clamm không đề nghị dùng bữa trưa ở một nơi thuận tiện. Chẳng qua anh quá chán nản với bản thân mình là nhiều, nên chẳng buồn đồng ý chuyện gì. Khi Clamm lái xe đưa anh trở lại bãi xe ở nhà thờ nơi anh để xe, hai người hò hững đối chiếu lần cuối dữ kiện hai vụ án để xem thử có thứ gì đó nối kết chúng lại với nhau không. Nỗ lực đó chẳng dẫn đến đâu.

“Chậc,” Clamm nói, ra sức hiểu bài tập này một cách lạc quan, “ít ra cho đến giờ chưa có bằng chứng nào cho thấy giữa chúng *không* có mối liên hệ nào. Người chồng có thể đã nhận thư mà người vợ không hề thấy, mà gia đình đó không có vẻ vợ chồng thường xuyên chia sẻ với nhau, nên có lẽ ông cũng chẳng kể cho bà nghe chuyện gì đâu. Và bà có dùng cái thuốc khi gì đi nữa thì tự thân bà cũng khó để ý được chút xíu thay đổi nào về mặt cảm xúc của ông. Có lẽ mình nên nói chuyện lần nữa với thằng nhỏ. Tôi biết nó cũng say thuốc như mẹ nó, nhưng lỡ nó nhớ ra được chuyện gì thì sao.”

“Ừm,” Gurney nói mà chẳng có chút quả quyết. “Và cậu có lẽ cũng nên điều tra xem Albert có tài khoản vãng lai không và có cuống séc nào gửi đến ai tên Charybdis, Arybdis, Scylla không. Cũng khó có chuyện đó lắm, nhưng vào thời điểm này thì làm vậy có chết ai đâu.”

Trên đường về nhà, thời tiết trở xấu như muốn cảm thông theo cách không lành mạnh với tâm thái của Gurney. Cơn mưa phùn sáng hôm ấy đã chuyển thành cơn mưa đều hạt, càng củng cố thêm quan điểm tồi tệ của anh về chuyến đi. Dù thật sự có mối liên hệ nào giữa hai vụ án Mark Mellery và Albert Rudden, ngoài số lượng và vị trí của rất nhiều vết dâm, thì mối liên hệ đó vẫn chưa rõ ràng. Những điểm đặc thù trong vụ án ở Peony không hề

có trong vụ án ở Flounder Beach – không có mấy dấu chân kỳ quái, không có chiếc ghế sân vườn, không có vỏ chai uýt ki vỡ, không có mấy bài thơ – không có bất kỳ biểu hiện đánh đổ nào. Hai nạn nhân dường như không có chung đặc điểm nào. Nói rằng hung thủ muốn chọn cặp mục tiêu là Mark Mellery và Albert Rudden thì lại không hợp lý.

Những suy nghĩ này, cùng với sự khó chịu phải lái xe trong cơn mưa càng lúc càng nặng hạt, đã góp phần vào vẻ mặt căng thẳng của anh khi mình mấy ượt sững đi qua cửa bếp vào gia trang cũ kỹ của mình.

“Anh gặp chuyện gì vậy?” Madeleine ngược lên nhìn anh từ mớ hành đang xắt vuông.

“Em hỏi vậy nghĩa là sao?”

Cô nhún vai rồi xắt thêm một lát hành.

Sự bực dọc trong câu trả lời của anh lơ lửng giữa không trung. Sau đó, anh lầm bầm vẻ biết lỗi. “Hôm nay mệt rã rời, sáu tiếng đồng hồ đi rồi về trong mưa.”

“Rồi sao?”

“Rồi sao ư? Rồi toàn bộ mọi chuyện chết tiệt chắc là ngộ cụt luôn chứ sao.”

“Rồi sao nữa?”

“Vậy vẫn chưa đủ à?”

Cô bắn cho anh một nụ cười mỉm đầy hoài nghi.

“Ly kỳ hơn nữa, đó là quận Bronx,” anh nói thêm vào một cách rầu rĩ. “Có trải nghiệm nào ở quận Bronx mà không thể bị làm cho tồi tệ thêm đâu cơ chứ.”

Cô bắt đầu xắt nhuyễn hành. Cô nói như đang nói với tấm thớt. “Anh có hai lời nhắn trong điện thoại – bạn anh ở Ithaca và con trai anh.”

“Nhắn cụ thể hay chỉ yêu cầu anh gọi lại?”

“Em đâu có để ý đến mức đó.”

“Em nói ‘bạn anh ở Ithaca’ có phải muốn nói Sonya Reynolds không?”

“Còn bạn nào ở đó nữa sao?”

“Bạn gì cơ?”

“Mấy người bạn khác của anh ở Ithaca mà anh chưa nói ra đó.”

“Anh chẳng có ‘bạn bè’ nào ở Ithaca cả. Sonya Reynolds là đối tác làm ăn thôi – mà cũng chẳng phải là đối tác gì sất. Mà cô ấy muốn gì mới được?”

“Em nói rồi mà, lời nhắn trên điện thoại kìa.” Dao trên tay Madeleine trước giờ vẫn lơ lửng trên đồng hành nhuyễn bồng xẻ phập xuống.

“Chúa ạ, coi chừng ngón tay đó!” Anh tuân những lời này vì giận dữ hơn là vì quan tâm.

Với lưỡi dao sắc nhọn vẫn cắm vào thớt, cô nhìn anh tò mò. “Vậy hôm nay thật sự đã xảy ra chuyện gì?” cô hỏi như muốn tua lại cuộc đàm thoại và cho ngừng ở đoạn trước khi băng bị hư.

“Chẩn nản, chắc vậy. Chẳng biết nữa.” Anh đi đến tủ lạnh lấy ra một chai Heineken, khui nắp, rồi đặt lên chiếc bàn điểm tâm trong góc sát cánh cửa kiểu Pháp mà anh thường ngồi. Rồi anh cởi áo khoác ra, trùm lên lưng ghế rồi ngồi xuống.

“Em muốn biết chuyện gì xảy ra chứ gì? Anh nói cho em biết. Theo yêu cầu của một thám tử ở Sở Cảnh sát New York có cái tên nực cười là Randy Clamm, anh đã lái xe suốt ba tiếng đồng hồ đến một căn nhà nhỏ ẩm đạm ở quận Bronx, là nơi một người đàn ông thất nghiệp bị cửa cố.”

“Sao anh ta lại gọi cho anh?”

“A. Câu hỏi hay đây. Hình như thám tử Clamm có nghe qua về vụ giết người ở Peony này đây thì phải. Thấy phương thức gây án giữa hai vụ giống nhau quá nên cậu ta mới gọi cho Sở Cảnh sát Peony, rồi sở chuyển cậu ta tới Tổng bộ Cảnh sát bang ở khu vực, rồi tổng bộ chuyển cậu ta tới tay đại úy giám sát vụ án, chính là cái gã đần xấu xa bợ đít người khác có cái tên Rodriguez mà não chỉ đủ lớn để nhận ra mấy thứ manh mối dở hơi.”

“Rồi ông ta chuyển tới anh?”

“Chuyển tới tay ủy viên công tố quận, người mà y biết sẽ tự động chuyển tới anh.”

Madeleine tuy không nói gì nhưng câu hỏi hiển nhiên ấy đang nằm trong mắt cô.

“Phải, anh biết manh mối đó không đáng tin cậy chứ. Đâm chém ở cái nơi đó chẳng qua là một dạng tranh cãi thôi, nhưng vì một lý do nào đó, anh lại tưởng có thể tìm ra điều gì đó để nối hai vụn lại với nhau.”

“Không tìm được gì sao?”

“Ừm. Mặc dù cũng thấy có hy vọng được một lát. Bà góa phụ có vẻ như đang giấu giếm thứ gì. Cuối cùng bà ta thú nhận đã xáo trộn hiện trường vụ án. Có một bông hoa trên sàn trông có vẻ như do ông chồng mang về nhà tặng vợ. Bà ta sợ nhân viên thu thập chứng cứ lấy đi mất nên muốn giữ nó lại – chuyện dễ hiểu mà. Nên bà ta nhặt hoa lên rồi và cắm vào bình. Hết chuyện.”

“Lúc đó anh hy vọng bà ta thú nhận đã bưng bít dấu chân nào đó trên tuyết hay giấu đi một cái ghế sân vườn trắng nào đó, đúng không?”

“Đại loại là vậy. Nhưng lại hóa ra là một bông hoa nhựa.”

“Hoa nhựa ư?”

“Hoa nhựa.” Anh chậm rãi hớp một ngụm dài từ chai Heineken. “Anh nghĩ chẳng phải món quà có óc thẩm mỹ cho lắm.”

“Quà cũng chẳng phải,” cô nói quả quyết ít nhiều.

“Ý em là sao?”

“Hoa thật còn có thể làm quà – thường là như vậy, đúng không? Còn hoa giả thì là chuyện khác cơ.”

Sao hả?”

“Theo em thì giống vật trang trí nội thất hơn. Đàn ông mua tặng hoa nhựa cho phụ nữ thì có khác gì mua tặng một cuộn giấy hoa dán tường đâu chứ,”

“Em muốn nói gì với anh thế?”

“Em không chắc nữa. Nhưng nếu người phụ nữ này tìm thấy một bông hoa nhựa tại hiện trường vụ án và cho rằng chồng mình mua tặng thì em nghĩ bà ta đã nhầm rồi.”

“Em nghĩ bông hoa đó từ đâu ra?”

“Em không biết.”

“Bà ta có vẻ như khá chắc là chồng mình mua tặng.”

“Bà ta muốn nghĩ thế mà, phải không?”

“Có lẽ vậy. Nhưng nếu ông ấy không mang hoa vào nhà, và giả sử hai mẹ con không có nhà suốt buổi chiều theo như lời khai của bà ta, thì rất có thể nguồn gốc bông hoa ấy là từ tên hung thủ.”

“Chắc vậy,” Madeleine nói với hứng thú càng lúc càng thuyên giảm. Gurney biết rằng cô phân định rạch ròi chuyện hiểu rõ một con người thật sẽ làm gì trong hoàn cảnh nhất định và chuyện đưa ra giả thuyết hão về nguồn gốc một món đồ trong phòng. Giờ anh cảm nhận mình vừa vượt qua cái ranh giới ấy, nhưng anh vẫn tiến tới.

“Vậy vì có gì mà hung thủ lại để lại bông hoa bên cạnh nạn nhân chứ?”

“Hoa gì thế?”

Nói đến việc cụ thể hóa câu hỏi, cô là người anh luôn tin tưởng.

“Anh không chắc là hoa gì nhưng anh biết không phải là hoa gì. Không phải hoa hồng, không phải cẩm chướng, không phải thược dược. Nhưng đại khái giống giống cả ba thứ hoa này.”

“Giống ở điểm nào?”

“Ừm... nhìn là anh nghĩ ngay đến hoa hồng, nhưng hoa này lớn hơn hoa hồng, cánh nhiều hơn hẳn cánh hoa hồng và chụm lại nhiều hơn. Lớn gần bằng cẩm chướng hay thược dược cỡ lớn, nhưng mỗi cánh lại rộng hơn cánh thược dược và cẩm chướng – hao hao như cánh hoa hồng có nhiều nếp uốn. Đó là một loại hoa rất lòe loẹt, phô trương.”

Lần đầu tiên kể từ khi anh về đến nhà, gương mặt Madeleine mới sống động hẳn bởi vẻ hứng thú thật sự.

“Em nghĩ ra gì à?” anh hỏi.

“Có thể... ừm.”

“Sao? Em biết hoa gì ư?”

“Chắc em biết. Trùng hợp thật đấy.”

“Chúa ạ! Em có chịu nói hay không?”

“Nếu em không nhầm thì loại hoa mà anh vừa mô tả nghe rất giống hoa mẫu đơn^[17].”

Chai Heineken vượt khỏi tay Gurney. “Ôi Chúa ôi!”

Sau khi hỏi Madeleine một vài câu liên quan đến mẫu đơn, anh đi đến phòng làm việc để thực hiện vài cuộc gọi.

Manh Mỗi Tiếp Nối

Trước khi cúp máy, Gurney đã thuyết phục được thám tử Clamm tin rằng việc bông hoa xuất hiện ở án mạng thứ hai trùng tên với nơi xảy ra án mạng thứ nhất nhất định không đơn giản là trùng hợp.

Anh cũng đề nghị nhiều hành động cần phải thực hiện ngay không được chậm trễ – lục soát toàn diện nhà Rudden để tìm xem có lá thư nào lạ không, bất cứ thư nào dưới dạng thơ, bất cứ thư nào viết tay, bất cứ thư nào viết bằng mực đỏ; báo cho văn phòng khám nghiệm tử thi biết hung thủ dùng súng kết hợp với chai vỡ trong vụ án ở Peony, phòng khi họ muốn khám nghiệm lại xác Rudden; lùng sục căn nhà tìm vết đạn hay vật liệu nào có thể dùng để giảm thanh tiếng súng; rà soát lại căn nhà và những nhà sát vách, cả phần đường nằm giữa căn nhà và hàng rào phân giới cộng đồng để tìm chai lọ bị vỡ, đặc biệt là vỏ chai uýt ki; và bắt đầu soạn ra lý lịch của Albert Rudden để khai thác tìm ra mối liên hệ tiềm tàng giữa ông ta và Mark Mellery cũng như những vụ xung đột, kẻ thù, vấn đề pháp lý, hoặc những rắc rối có liên quan đến rượu.

Cuối cùng, khi nhận ra giọng điệu độc đoán trong những ‘lời đề nghị’ của mình, Gurney nói chậm lại và xin lỗi.

“Xin lỗi cậu, Randy. Tôi làm việc không theo trật tự gì cả. Vụ Rudden hoàn toàn là của cậu. Cậu là người phụ trách, nghĩa là nước cờ tiếp theo là gì do cậu toàn quyền quyết định. Tôi biết tôi không phải là người phụ trách nên xin lỗi cậu, tôi cư xử như vậy thật không phải.”

“Không sao cả. À, dưới này có một anh trung úy tên Everly nói đã từng học chung Học viện Cảnh sát với một người tên Dave Gurney. Có phải là anh không?”

Gurney bật cười. Anh quên mất Bobby Everly đang công tác ở địa phận đó. “Ừ, là tôi đấy.”

“À, nếu vậy thì tôi hoan nghênh bất kỳ thông tin nào từ anh mọi lúc mọi nơi, và bất cứ khi nào anh muốn hỏi bà Rudden nữa thì xin cứ tự nhiên. Tôi thấy anh rất biết cách khai thác bà ấy.”

Nếu đây là lời châm biếm thì lời châm biếm này được che đậy rất kỹ. Gurney quyết định xem đó là lời khen.

“Cảm ơn cậu. Tôi không cần nói chuyện trực tiếp với bà ấy đâu, nhưng tôi có một đề nghị nhỏ. Nếu tình cờ tôi phải nói chuyện mặt đối mặt với bà ấy một lần nữa, tôi sẽ thẳng thắn hỏi bà ấy Đức Chúa đã bảo bà ta làm gì với vỏ chai uýt ki vỡ.”

“Chai uýt ki nào cơ?”

“Cái chai có thể đã bị bà ta đem ra khỏi hiện trường vì lý do mà bản thân bà ấy biết rõ nhất. Tôi sẽ hỏi chuyện cái chai một cách bóng gió rằng cậu biết cái chai nằm ở đó rồi và biết bà ấy đã lấy đi dưới sự thúc bách của Đức Chúa, và cậu chỉ tò mò muốn biết cái chai ở đâu thôi. Dĩ nhiên có thể chẳng có cái chai uýt ki nào cả, và nếu cậu cảm nhận được bà ấy thật sự chẳng biết cậu đang nói gì, thì cứ việc chuyển sang câu hỏi khác.”

“Anh có chắc toàn bộ vụ việc này sẽ theo kiểu mẫu vụ án ở Peony không – nhất định phải có một cái chai uýt ki ở đâu đó ư?”

“Tôi nghĩ như vậy. Nếu cậu thấy tiếp cận bà ấy như vậy không thoải mái thì không sao cả. Đó là quyền của cậu.”

“Cũng đáng thử mà. Chẳng mất mát gì nhiều. Tôi sẽ cho anh biết kết quả sau.”

“Chúc may mắn.”

Người tiếp theo Gurney cần nói chuyện là Sheridan Kline. Có một sự thật hiển nhiên nói rằng không bao giờ nên để sếp của bạn qua người khác mà biết bất kỳ thông tin nào ông ta cần nghe từ bạn. Trong lĩnh vực chấp pháp, sự thật đó đúng gấp đôi. Gurney liên lạc được với Kline khi y đang trên đường dự buổi hội nghị ở Lake Placid giữa các ủy viên công tố đến từ nhiều

khu vực khác nhau, và sóng điện thoại chập chờn ở vùng núi phía Bắc làm anh mất liên lạc thường xuyên với Kline, khiến anh phải giải thích cái mắt xích “hoa mẫu đơn,” vất vả hơn mình muốn. Anh nói xong, Kline chần chừ một lúc thật lâu mới trả lời, làm Gurney lo y lại lái vào một khu vực mất tín hiệu truyền tải.

Cuối cùng y nói, “Yếu tố hoa cỏ này – anh thấy ổn à?”

“Nếu thật sự chỉ là trùng hợp,” Gurney nói, “thì đây là một sự trùng hợp rất đáng chú ý đấy.”

“Nhưng cùn chưa vững chắc lắm. Giả sử tôi lập luận ngược lại đi. Tôi buộc phải chỉ ra rằng vợ anh chưa tận mắt thấy cái bông hoa nhựa mà anh tả cho cô ấy nghe cơ mà. Giả sử bông hoa đó không phải là hoa mẫu đơn gì sất. Nếu vậy thì chúng ta đang ở đâu đây? Cứ cho thật sự là hoa mẫu đơn đi, như vậy cũng chưa chứng minh được điều gì cả. Tôi thề đây chẳng phải là chứng cứ đột phá gì đâu mà bảo tôi dám đứng lên phát biểu trong buổi họp báo. Chúa ạ, sao lại không phải là hoa thật cho ta biết chắc hơn nhỉ? Sao lại là hoa nhựa cơ chứ?”

“Chuyện đó cũng làm tôi đau đầu,” Gurney nói, cố gắng che giấu sự bực dọc trước phản ứng của Kline. “Tại sao không phải là hoa thật? Ít phút trước tôi có hỏi vợ như vậy và cô ấy nói mấy người bán hoa không muốn bán hoa mẫu đơn vì khi nở ra thì đài hoa nặng nên không đứng thẳng trên cuống được. Hoa này có bán trong vườn ươm để trồng, nhưng chưa tới mùa nên chưa có. Thành ra, dùng hoa nhựa có lẽ là cách duy nhất để hẩn gửi thông điệp cho chúng ta. Tôi đang nghĩ có lẽ tên hung thủ chỉ nhân tiện làm vậy thôi – hẩn thấy hoa trong cửa hàng rồi nảy ra ý tưởng này, vì thấy nó vui vui.”

“Vui vui ư?”

“Hẩn đang chế nhạo chúng ta, thử chúng ta, chơi trò với chúng ta. Nhớ lại bức thư hẩn để lại trên xác Mellery đi – *có giỏi thì đến bắt tao đi*. Như vậy mới có mấy cái dấu chân đi giạt lúi đấy. Tên điên này đang đơng đưa thông điệp trước mặt chúng ta, tựu trung lại chỉ muốn nói: ‘Đuổi theo tao đi, đuổi theo tao đi, dám cá bọn bay chẳng bắt được tao!’ “

“OK, tôi hiểu rồi, tôi hiểu ý anh rồi. Có lẽ anh đúng. Nhưng chỉ dựa vào suy đoán của một cá nhân về ý nghĩa của một bông hoa nhựa thì tôi làm sao dám công bố là đã tìm ra mắt xích liên kết hai vụ án này được. Cho tôi thứ gì đó cụ thể nào – càng sớm càng tốt.”

Cúp máy xong, Gurney ngồi xuống cạnh của sổ phòng làm việc, nhìn trân trân cảnh chiều ảm đạm bên ngoài. Cứ cho là mọi việc như Kline suy đoán đi. Rốt cuộc có thể bông hoa đó chẳng phải là hoa mẫu đơn gì cả thì sao. Gurney bàng hoàng nhận ra ‘mắt xích’ mới của anh thật sự rất mong manh nhưng anh lại quá tin tưởng vào nó. Bỏ qua cái sơ hở rành rành đó là dấu hiệu cho thấy rõ ràng anh đã đưa quá nhiều cảm tính vào giả thuyết của mình. Biết bao lần anh nhấn mạnh điều đó cho sinh viên ngành tội phạm học nghe trong một khóa đứng lớp ở đại học bang, vậy mà giờ đây anh lại đang rơi vào chính cái bẫy đó. Thật ngán ngấm.

Những ngõ cụt trong ngày cứ chạy lòng vòng trong đầu anh thành một vòng lặp mệt mỏi suốt nửa giờ, hoặc có lẽ lâu hơn.

“Sao anh lại ngồi trong bóng tối thế kia?”

Anh xoay người trong ghế, thấy bóng Madeleine ngả chỗ cửa.

“Kline muốn các mối liên kết được xác thực hơn thay vì một bông hoa mẫu đơn dễ gây tranh cãi.” Anh nói. “Anh cho tay thám tử ở Bronx một số chỗ để tìm rồi. Hy vọng cậu ta sẽ tìm ra được gì đó.”

“Anh nói có vẻ không tin tưởng lắm.”

“Này nhé, một mặt chúng ta có cái hoa mẫu đơn ấy, hay ít ra là có cái bông hoa mà chúng ta nghĩ là hoa mẫu đơn. Mặt khác chúng ta lại gặp vấn đề khi tưởng tượng rằng có mối liên hệ nào đó giữa nhà Rudden và nhà Mellery. Nếu có người sống ở nhiều thế giới khác nhau...”

“Nếu đó là tên hung thủ giết người hàng loạt và không có mối liên hệ nào thì sao?”

“Có giết người hàng loạt thì cũng không giết ngẫu nhiên. Nạn nhân của bọn chúng thường có một điểm chung nào đó – đều có tóc vàng, đều là dân châu Á, đều đồng tính – một đặc điểm nào đó có ý nghĩa đặc biệt đối với

hung thủ. Nên cho dù Mellery và Rudden chẳng bao giờ dính líu trực tiếp đến chuyện nào đi nữa, thì chúng ta vẫn phải tìm ra điểm chung hoặc điểm tương đồng giữa hai người.”

“Vậy nếu...” Madeleine toan nói nhưng tiếng chuông điện thoại cắt ngang lời cô.

Randy Clamm gọi.

“Xin lỗi đã làm phiền anh nhưng tôi nghĩ anh muốn biết là anh đã đúng. Tôi lái xe đến đó gặp bà góa phụ, rồi hỏi cái câu mà anh khuyên tôi nên hỏi – hỏi cũng thẳng thắn lắm. Tôi chỉ hỏi, ‘Cho tôi xem cái chai uýt ki mà bà tìm thấy được không?’ Tôi chẳng cần phải đưng đến Đức Chúa gì cả. Bà nói luôn, ‘Cái chai đó ở trong thùng rác’, nói thẳng thắn y như tôi vậy. Bà mà không nói vậy chắc tôi tiêu. Tôi với bà vào bếp thì thấy ngay cái chai đang nằm trong xô rác – hiệu Bốn Hoa Hồng, bị bể. Tôi nhìn chăm chăm cái chai, không nói nên lời. Không phải tôi bất ngờ vì anh đoán đúng – đừng hiểu sai đó – mà vì Chúa ơi, tôi không ngờ lại dễ dàng đến vậy. Hiển nhiên bỏ mẹ. Định tâm lại xong, tôi mới yêu cầu bà chỉ cho tôi biết chính xác nơi tìm ra cái chai. Nhưng ngay lúc đó tự nhiên toàn bộ sự việc giống như bắt đầu có tác động với bà vậy, nhìn bà thấy buồn lắm – chắc do lúc đó tôi nói chuyện không được thân mật cho lắm. Tôi nói bà thư giãn đi, đừng lo nghĩ gì hết, nói cho tôi biết bà phát hiện cái chai ở đâu đi, vì như vậy sẽ giúp ích cho chúng tôi rất nhiều, rồi tôi kêu bà, anh biết đó, đại loại là kể cho tôi nghe vì lý do khí gió gì mà lại dờn cái chai chứ. Dĩ nhiên tôi không nói vậy, tôi chỉ nghĩ trong đầu vậy thôi. Rồi bà nhìn tôi, anh biết bà nói gì không? Bà nói Albert lâu nay tiến bộ chuyện rượu chè lắm, gần một năm nay không uống rượu. Ông đến Hội Cai rượu, tiến bộ lắm – rồi khi bà thấy cái chai nằm trên sàn cạnh ống, bên cạnh cái bông hoa nhựa ấy, ý nghĩ đầu tiên của bà là ông uống rượu trở lại rồi vấp phải cái chai, té xuống, bị chai cửa cổ chết. Ngay lúc đó bà không nhận ra là ông bị sát hại – thậm chí bà còn không nghĩ đến chuyện đó nữa là, đến khi cảnh sát tới rồi bàn tán xôn xao thì bà mới biết. Nhưng trước khi họ đến bà giấu cái chai đi vì nghĩ đó là chai rượu của ông, và bà thì không muốn ai biết là ông đã nghiện rượu trở lại.”

“Và ngay cả sau khi biết ông ấy bị giết, bà ta vẫn không muốn ai biết cái chai ư?”

“Đúng. Vì bà vẫn nghĩ đó là chai của ông, còn bà thì không muốn bất kỳ ai biết là ông đã uống rượu, đặc biệt là những người bạn mới tốt bụng của ông ở Hội Cai rượu,”

“Chúa ạ.”

“VẬY TOÀN BỘ MỌI CHUYỆN HÓA RA LẠI LÀ MỘT MỚ HỖN ĐỘN LÂM LI. MẶT KHÁC, anh tìm được chứng cứ của anh rồi đó, đúng là hai vụ án mạng này có liên hệ với nhau.”

Clamm không vui, lòng tràn ngập những cảm xúc trái ngược mà Gurney đã quá quen thuộc – những cảm giác khiến việc trở thành một cảnh sát giỏi thật khó khăn, thật mệt mỏi đến cùng cực.

“Cậu làm tốt lắm, Randy.”

“Anh bảo sao thì tôi làm vậy thôi mà,” Clamm nói bằng cái giọng hời hợt và kích động của cậu ta. “Sau khi bảo vệ cái chai, tôi gọi cho đội thu thập chứng cứ quay trở lại khám xét toàn bộ ngôi nhà tìm thư từ, ghi chú, thứ gì cũng tìm. Anh đề cập đến tập séc với tôi sáng nay nên tôi yêu cầu bà Rudden cho xem tập séc. Bà đưa cho tôi mà chẳng biết tí gì về nó – cầm tập séc giống như nó có chất phóng xạ hay sao đó, nói là Albert lo hết mấy chuyện hóa đơn. Nói không thích séc vì séc có số, và cậu phải cẩn thận với mấy con số, số có thể xấu xa – ba thứ nhảm nhí về quỷ Satan, mấy chuyện tôn giáo tào lao khùng điên đó. Sao cũng được, tôi xem qua tập séc và kết luận phải mất thêm nhiều thời gian nữa mới mày mò ra được gì đó. Albert chắc đã trả hóa đơn rồi, nhưng ông chẳng thạo việc theo dõi sổ sách gì mấy. Trên cuốn séc chẳng thấy ghi tên ai là Arybdis, Charybdis, hay Scylla cả – tôi tìm kiếm thông tin đó trước tiên – mà cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều vì đa số các cuốn séc đều không có tên, chỉ ghi số tiền, một số cuốn cả tiền còn không ghi. Còn bảng sao kê ngân hàng hằng tháng thì bà Rudden chẳng biết trong nhà có không nữa, nhưng chúng tôi sẽ lục soát toàn diện và sẽ xin phép bà lấy bản sao từ ngân hàng. Bây giờ anh và tôi đang cầm hai góc của cùng một

tam giác rồi, nên trong thời gian chờ đợi, còn điều gì khác anh muốn chia sẻ với tôi về vụ Mellery không?”

Gurney nghĩ ngợi. “Trước khi bị giết, Mellery có nhận được một loạt lời đe dọa trong đó có nhiều chỗ đề cập mơ hồ đến những chuyện ông ta đã làm trong lúc say xỉn. Còn bây giờ thì hóa ra Rudden cũng có vấn đề về rượu nữa.”

“Anh muốn nói ta đang tìm kiếm một kẻ chạy loanh quanh khắp nơi sát hại mấy gã bợm à?”

“Không hẳn vậy. Nếu hẳn chỉ muốn làm vậy thì có nhiều cách dễ dàng hơn.”

“Chẳng hạn như quăng bom vào buổi họp mặt của Hội Cai rượu ư?”

“Cách gì đó đơn giản. Cách gì đó vừa tăng tối đa cơ hội của hẳn vừa giảm thiểu rủi ro. Nhưng cách tiến hành của tên này lại phức tạp và bất tiện. Chẳng thấy có gì là dễ dàng hay trực tiếp trong cách thức của hẳn. Chỗ nào nhìn vào cũng phát sinh câu hỏi cả.”

“Ví dụ như?”

“Trước tiên, sao hẳn lại chọn nạn nhân có khoảng cách địa lý xa nhau đến vậy – và xa cả về những khía cạnh khác nữa?”

“Để ngăn không cho chúng ta nối hai vụ lại với nhau chẳng?”

“Nhưng hẳn muốn chúng ta nối hai vụ đó lại mà. Mấu chốt của bông hoa mẫu đơn là ở chỗ đó. Hẳn muốn được chú ý. Muốn được nhìn nhận. Đây không phải là tên hung thủ thông thường anh đang trốn chạy đâu. Tên này muốn đối đầu – không chỉ với nạn nhân mà còn với cả cảnh sát nữa.”

“Nhắc tới mới nhớ, tôi cần phải cập nhật cho trung úy của tôi nữa. Ông mà biết tôi gọi cho anh trước thì sẽ không vui đâu.”

“Cậu đang ở đâu?”

“Trên đường về sở cảnh sát.”

“Vậy cậu sẽ đi đại lộ Tremont rồi?”

“Sao anh biết?”

“Tiếng xe cộ rần rần ở Bronx ngoài nèn. Có nơi nào giống vậy đâu.”

“Ở nơi khác chắc tốt hơn. Anh có muốn nhắn gì với trung úy Everly không, tôi chuyển cho?”

“Chuyện đó tính sau đi. Anh ấy sẽ hứng thú muốn nghe những gì cậu nói hơn.”

Họa Vô Đơn Chí

Gurney cảm thấy thôi thúc muốn gọi cho Sheridan Kline nói về chứng cứ mới mang tính quyết định này để chứng minh sự liên kết giữa bông hoa mẫu đơn và vụ án, nhưng anh muốn gọi cho một người khác trước. Nếu hai vụ án này song song nhau như hiện tại cho thấy, thì có khả năng Rudden không những đã bị đòi tiền mà còn bị yêu cầu gửi tiền đến cùng một hộp thư ở Wycherly, bang Connecticut.

Gurney lấy tập hồ sơ vụ án mỏng ra khỏi ngăn bàn và tìm bản phô tô mẫu ghi chú mà Gregory Dermott đã gửi cùng với tấm séc anh ta trả lại cho Mellery. Phần đầu thư “Hệ thống Bảo mật GD” trông đậm chất kinh doanh, truyền thống, thậm chí hơi lỗi thời một chút. Trên đó có ghi một số điện thoại có mã vùng ở Wycherly.

Đến hồi chuông thứ hai thì có người bắt máy, một giọng nói phù hợp với phong cách của phần đầu thư.

“Xin chào, Công ty Bảo mật GD xin nghe. Tôi có thể giúp gì cho quý vị?”

“Tôi muốn nói chuyện với anh Dermott. Tôi là thanh tra Gurney từ văn phòng ủy viên công tố quận.”

“Rốt cuộc anh cũng gọi!” Sự dữ dội biến chuyển trong giọng nói làm anh giật nảy người.

“Sao cơ?”

“Anh gọi vì tờ séc bị gửi nhầm đúng không?”

“Phải, đúng là vậy, nhưng...?”

“Tôi báo anh biết cách đây 6 ngày rồi mà – 6 ngày rồi.”

“Báo chuyện gì cách đây 6 ngày cơ?”

“Chẳng phải anh mới nói mình gọi là vì tấm séc sao?”

“Ta nói lại từ đầu nào, anh Dermott. Theo như tôi hiểu thì khoảng mười ngày trước, Mark Mellery có nói chuyện với anh về một tấm séc mà anh gửi trả lại cho anh ta, trên séc có ghi người nhận là ‘X. Arybdis’ và gửi đến hộp thư của anh. Có đúng vậy không?”

“Tất nhiên là đúng rồi. Câu hỏi kiểu gì thế này?” Dermott nghe có vẻ cáu.

“Khi anh nói anh đã báo cáo cách đây 6 ngày rồi, tôi e là tôi chưa...”

“Tấm séc thứ hai đấy!”

“Anh nhận được tấm séc thứ hai à?”

“Chẳng phải đó là lý do anh gọi sao?”

“Thật ra thì, thưa anh, tôi gọi là để hỏi chính câu hỏi đó.”

“Câu hỏi gì?”

“Anh có nhận thêm một tấm séc khác gửi từ một người tên Albert Rudden không?”

“Phải rồi. Rudden là tên trên tấm séc thứ hai. Tôi gọi để báo cáo tấm séc đó đó. Cách đây 6 ngày rồi.”

“Anh gọi cho ai?”

Gurney nghe vài tiếng thở sâu và dài, như thể người đàn ông này đang cố dẫn lòng, không để cho mình nổi tung vì giận.

“Này, anh thanh tra, đang có rối rắm gì ở đây mà tôi chẳng thấy hay ho gì cả. Tôi gọi cảnh sát cách đây 6 ngày trình báo một tình huống rắc rối. Người ta gửi 3 tấm séc đến hộp thư của tôi rồi đấy, đề địa chỉ đến một người mà tôi chưa bao giờ nghe đến. Bây giờ anh gọi lại cho tôi, có vẻ như muốn nói chuyện mấy tấm séc, nhưng anh hình như chẳng hiểu tôi nói gì thì phải. Tôi có bỏ sót điều gì không đây? Cái quái gì đang xảy ra vậy hả?”

“Anh gọi sở cảnh sát nào vậy?”

“Dĩ nhiên sở cảnh sát chỗ tôi rồi – địa phận Wycherly này đây. Anh gọi lại cho tôi mà lại không biết là sao?”

“Thưa anh, thật sự thì tôi không gọi *lại* cho anh. Tôi gọi từ bang New York để nói chuyện có liên quan đến tấm séc đầu tiên mà anh gửi trả lại cho Mark Mellery. Chúng tôi không biết tấm séc nào nữa. Anh nói ngoài tấm séc đầu tiên ra còn hai tấm nữa à?”

“Đúng là như vậy đấy!”

“Một tấm từ Albert Rudden, còn tấm kia từ một người khác à?”

“Đúng vậy, anh thanh tra. Bây giờ mọi chuyện rõ ràng rồi phải không?”

“Rõ ràng quá rồi. Nhưng bây giờ tôi lại thắc mắc tại sao 3 tấm séc sai địa chỉ lại gây phiền toái đến mức anh phải gọi cho cảnh sát địa phương.”

“Tôi gọi cảnh sát địa phương vì đã trình báo cảnh sát bưu chính rồi mà họ chẳng mảy may quan tâm. Trước khi anh hỏi tôi vì sao lại gọi cảnh sát bưu chính, cho tôi nói là cảnh sát mấy anh nhận thức vấn đề bảo mật khá tồi đấy.”

“Sao anh lại nói vậy?”

“Tôi làm trong ngành bảo mật mà, anh cảnh sát hay thám tử gì đó ời. Ngành bảo mật dữ liệu máy tính. Anh có biết việc ăn cắp nhân thân phổ biến đến mức nào không? Có biết việc đó thường xuyên dính líu tới việc lấy cắp địa chỉ đến mức nào không?”

“Ra là vậy. Rồi cảnh sát Wycherly làm gì?”

“Làm ít hơn cảnh sát bưu chính, nếu không muốn nói là không làm gì hết.”

Gurney hình dung được là cuộc gọi của Dermott nhận được phản hồi rất thờ ơ. Ba người không quen biết gửi séc đến hộp thư ai đó nghe không có vẻ như là một hiểm họa cần ưu tiên cao.

“Anh có gửi trả tờ séc thứ hai và thứ ba cho người gửi giống như đã gửi tờ séc cho Mark Mellery không?”

“Dĩ nhiên là có. Tôi còn kèm theo ghi chú hỏi ai đã cho họ số hộp thư của tôi nhưng chẳng ai trong số đó biết phép lịch sự mà hồi âm cả.”

“Anh có giữ lại tên và địa chỉ ghi trên tấm séc thứ ba không?”

“Dĩ nhiên là có.”

“Tôi cần tên và địa chỉ ấy ngay bây giờ.”

“Sao vậy? Có chuyện gì xảy ra ở đây mà tôi không biết không?”

“Mark Mellery và Albert Rudden cả hai đều đã chết. Có thể do mưu sát.”

“Mưu sát? Anh nói mưu sát là sao hả?” Giọng Dermott trở nên the thé.

“Có thể họ bị mưu sát.”

“Ôi Chúa ơi! Anh nghĩ nó có liên quan đến mấy tấm séc à?”

“Bất kỳ ai cho họ địa chỉ hộp thư của anh đều là người có liên quan trong vụ án.”

“Ôi Chúa ơi. Sao lại là địa chỉ của tôi? Có liên quan gì đến tôi chứ?”

“Anh hỏi hay lắm, anh Dermott.”

“Nhưng tôi có bao giờ nghe đến cái tên Mark Mellery hay Albert Rudden đâu.”

“Tên trên tấm séc thứ ba là gì?”

“Tấm séc thứ ba á? Ôi Chúa ơi, đầu óc tôi tự nhiên trống rỗng.”

“Anh nói có ghi lại cái tên đó mà.”

“Phải, phải rồi, tất nhiên tôi có ghi chứ. Đợi đã. Richard Kartch. Đúng rồi. Richard Kartch. K-a-r-t-c-h. Để tôi tìm địa chỉ cho anh. Đợi đã, nó đây rồi, số 349 đường Quarry, Sotherton, bang Massachusetts.”

“Hiểu rồi.”

“Này anh thanh tra, hình như ít nhiều tôi cũng dính dáng đến vụ này nên anh biết được gì thì nói cho tôi nghe nhé, tôi rất cảm ơn. Ất hẳn phải có lý do nào đó nên hộp thư của tôi mới được chọn đúng không?”

“Cái tên Richard Kartch không có ý nghĩa gì với anh sao?”

“Không có nghĩa gì hết. Tôi chắc mà. Mấy cái tên dạng như vậy tôi hay nhớ lắm.”

“Được rồi, thưa anh. Tôi muốn cho anh vài số điện thoại để có gì anh liên lạc với tôi. Nếu anh nghĩ ra được thứ gì đó về tên của 3 người kia, hay biết

ai khác vào được hộp thư của anh thì báo ngay cho tôi nhé, tôi cảm ơn nhiều. Còn câu hỏi cuối này nữa. Anh có nhớ số tiền ghi trên tấm séc thứ hai và thứ ba không?”

“Quá dễ. Séc thứ hai và thứ ba cũng như séc thứ nhất thôi – đều là 289,87 đô cả.”

Madeleine bật một chiếc đèn ở cửa phòng làm việc lên. Suốt cuộc nói chuyện giữa Gurney và Dermott, hoàng hôn đã buông xuống tự bao giờ và căn phòng gần như chìm trong bóng tối.

“Có tiến triển gì không?”

“Tiến triển nhiều lắm. Nhờ em hết.”

“Bà dì Mimi của em có hoa mẫu đơn đấy,” cô nói.

“Người nào là Mimi cơ?”

“Bà bác bên ngoài,” cô nói, không hoàn toàn che đậy cơn giận trước một người đàn ông tinh thông chuyện tung hứng tình tiết của một cuộc điều tra phức tạp nhất lại không nhớ nổi vài người bà con họ hàng. “Bữa tối của anh xong rồi kìa.”

“À, thật ra..”

“Trên lò nướng đó. Đừng quên đấy.”

“Em ra ngoài hả?”

“Ừ.”

“Đi đâu?”

“Tuần vừa qua em đã nói với anh những hai lần rồi mà.”

“Anh nhớ mang máng thứ Năm gì đó. Còn chi tiết thì...”

“... thì bây giờ anh không nhớ được chứ gì? Chẳng có gì mới cả. Gặp anh sau.”

“Em không muốn nói cho anh biết em đi...?”

Bước chân cô đã lùi xa khỏi nhà bếp ra cửa sau.

Chẳng có danh mục điện thoại nào có tên Richard Kartch ở số 349 đường Quarry ở Sotherton, nhưng tìm những địa chỉ gần đó trên Internet, Gurney tìm ra tên và số điện thoại của hai chủ nhân nhà số 329 và 369.

Một giọng nam lè nhè cuối cùng cũng trả lời cuộc gọi của anh tới nhà số 329. Y phủ nhận cộc lốc, không biết ai có cái tên Kartch cả, không biết nhà số 349 là nhà nào cùng đường nữa, thậm chí còn không biết bản thân đã sống ở khu vực này được bao lâu. Y nghe như nửa tỉnh nửa mê vì rượu hoặc thuốc phiện, có lẽ nói dối theo thói quen, và rõ ràng chẳng giúp ích được gì cho Gurney.

Người phụ nữ ở nhà số 369 đường Quarry thì lại cởi mở hơn.

“Anh muốn nói đến cái lão ăn dật đó hả?” Cách bà ta nói làm cái biệt danh ấy nghe bệnh hoạn đến sồn gáy.

“Ông Kartch sống một mình sao?”

“Ồ, đúng thật là vậy, trừ phi anh tính luôn mấy con chuột cống quanh đồng rác nhà lão. Cũng may vợ lão trốn đi rồi. Tôi chẳng lấy làm lạ khi anh gọi – anh nói anh là cảnh sát đúng không?”

“Thanh tra đặc biệt của văn phòng công tố quận.” Anh biết rằng, khi công khai toàn bộ thông tin, theo nguyên tắc anh phải đề cập đến tên bang và tỉnh có quyền hạn điều tra nhưng anh tự biện minh rằng những chi tiết đó có thể bổ sung sau.

“Lão ta gây ra chuyện gì thế?”

“Tôi chưa biết, nhưng ông ta có thể giúp chúng tôi điều tra một vụ nên chúng tôi cần liên lạc với ông ta. Bà có biết ông ấy làm ở đâu hay mấy giờ ông ấy đi làm về không?”

“Đi làm á? Đúng là chuyện đùa!”

“Ông Kartch thất nghiệp ư?”

“Không có ai mướn thì đúng hơn.” Có sự cay độc trong giọng bà ta.

“Hình như bà có vấn đề thật sự với ông ấy thì phải.”

“Lão là một con lợn, lão ngu ngốc, lão dơ bẩn, lão nguy hiểm, lão điên khùng, lão hôi hám, lão trang bị vũ khí đến tận răng, và lão thường xuyên say xỉn.”

“Nghe như một người hàng xóm lập dị nhỉ.”

“Lão hàng xóm đến từ địa ngục! Anh có hiểu cái cảm giác này không? Anh thì gắng sức dẫn người muốn mua nhà xem nhà anh trong khi con đã nằm ở trần nóc bia ừng ực nhà bên lấy súng săn bắn thùng rác nổ lỗ chỗ.”

Đoán được câu trả lời sẽ như thế nào, anh quyết định hỏi câu tiếp theo. “Bà có sẵn lòng gửi hộ tôi một lời nhắn đến ông Kartch được không?”

“Anh đùa đấy à? Tôi chỉ sẵn lòng cho lão một đầu que nhọn thôi.”

“Khi nào thì ông ta thường ở nhà nhất?”

“Chọn đại một giờ đi, giờ nào cũng được. Tôi chưa bao giờ thấy cái lão mất trí đó rời nhà nửa bước.”

“Nhà ông ta có số không?”

“H a! Anh chẳng cần số má gì để nhận ra căn nhà đâu. Lúc vợ lão bỏ đi nhà chưa xây xong mà – giờ cũng có xong đâu. Không ván lợp ngoài. Chẳng thảm cỏ. Không có bậc thang lên cửa trước nữa. Ngôi nhà hoàn hảo cho một lão điên thật sự. Ai đến đó nên mang theo súng thì hơn.”

Gurney cảm ơn bà ta rồi kết thúc cuộc trò chuyện.

Giờ thì sao nữa?

Nhiều người khác nhau cần được cập nhật thông tin. Đầu tiên và quan trọng nhất là Sheridan Kline. Rồi sau đó tất nhiên là Randy Clamm. Chưa kể tay đại úy Rodriguez và Jack Hardwick nữa. Vấn đề là nên gọi cho ai trước. Anh quyết định để tất cả bọn họ chờ thêm ít phút nữa. Thay vào đó, anh gọi đến dịch vụ trợ giúp danh bạ xin số của Sở Cảnh sát Sotherton, bang Massachusetts.

Anh nói chuyện với viên trung sĩ đang trực, một người có giọng khàn đục tên Kalkan – giống tên một nhãn hiệu thức ăn cho chó. Tự giới thiệu xong, Gurney giải thích rằng một người đàn ông ở Sotherton tên Richard Kartch đang được cảnh sát quan tâm trong quá trình điều tra một vụ án mạng ở

bang New York, rằng ông ta có thể sẽ gặp nguy hiểm, rằng có vẻ như ông ta không có điện thoại và cần phải nhanh chóng mang điện thoại đến cho ông ta hoặc mang ông ta đến nơi có điện thoại, để ông ta được cảnh báo về tình hình của mình.

“Chúng tôi có biết Richie,” Kalkan nói.

“Nghe như anh có lẽ đã gặp rắc rối với ông ấy.”

Kalkan không trả lời.

“Ông ta có tiền án à?”

“Khi này anh nói anh là ai cơ?”

Gurney nói cho anh ta nghe một lần nữa, lần này cụ thể hơn một chút.

“Và anh đang trong quá trình điều tra vụ gì?”

“Hai vụ giết người – một vụ ở phía Bắc New York, một vụ ở quận Bronx – cùng kiểu cách gây án. Trước khi bị giết, cả hai nạn nhân đều nhận được thông điệp từ hung thủ. Chúng tôi có bằng chứng cho thấy ông Kartch đã nhận được ít nhất một trong những thông điệp tương tự, nên ông ta có thể sẽ trở thành mục tiêu thứ ba.”

“Vậy anh muốn Richie Điện liên hệ với anh à?”

“Ông ta cần gọi cho tôi ngay lập tức, nếu có mặt một trong số cảnh sát các anh thì càng tốt. Nói chuyện điện thoại với ông ta xong, chúng tôi có thể phải tiến hành thẩm vấn tiếp ông ta ở Sotherton – với sự hợp tác của sở cảnh sát các anh.”

“Chúng tôi sẽ cho xe đến chỗ ông ấy ngay khi có thể. Cho tôi số điện thoại liên lạc của anh đi,”

Gurney cho anh ta số di động vì dự định dùng điện thoại nhà gọi cho Kline, BCI và Clamm.

Kline đã đi ra ngoài cả ngày, Ellen Rackoff cũng vậy, và cuộc gọi được tự động chuyển đến số điện thoại mà ở tiếng chuông thứ sáu Gurney toan cúp máy thì có người trả lời.

“Stimmel nghe đây.”

Gurney nhớ lại người đàn ông đi cùng Kline đến buổi họp BCI, một người có thứ tính cách của một tay tội phạm chiến tranh bị cầm.

“Dave Gurney đây. Tôi có lời nhắn cho sếp của anh.”

Không có tiếng trả lời.

“Anh có đó không?”

“Tôi đây.”

Gurney hiểu ra đó có thể là lời mời anh tiếp tục. Nên anh tiếp tục nói và cho Stimmel biết chứng cứ xác nhận mối liên hệ giữa án mạng thứ nhất với án mạng thứ hai; rằng thông qua Dermott, anh đã tìm ra người có thể là nạn nhân thứ ba; và cho anh ta biết những bước anh đang tiến hành thông qua Sở Cảnh sát Sotherton để liên lạc được với ông ta. “Anh hiểu hết chứ?”

“Hiểu.”

“Sau khi thông báo cho ủy viên công tố quận xong, anh muốn chuyển thông tin này đến BCI luôn hay tôi nên nói chuyện trực tiếp với Rodriguez?”

Có một khoảng lặng ngắn. Gurney cho rằng người đàn ông nghiêm nghị, kín tiếng này đang tính toán hệ quả của cả hai phương án. Biết rõ thiên hướng thích giành quyền kiểm soát của hầu hết các cảnh sát nên anh chắc chắn khoảng 90 phần trăm là mình sẽ có câu trả lời như mình nghĩ.

“Chúng tôi lo được rồi,” Stimmel nói.

Không còn nhu cầu gọi cho BCI nữa nên Gurney còn lại Randy Clamm.

Như thường lệ, cậu ta trả lời ở hồi chuông đầu tiên.

“Clamm đây.”

Và như thường lệ, cậu ta nghe có vẻ đang gấp gáp, như vừa nói vừa làm cùng lúc ba việc khác. “Anh gọi tôi mừng lắm. Đang lập ra 3 danh sách những chỗ gián đoạn trong tài khoản vãng lai của Rudden – danh sách các cuống séc có ghi tiền nhưng không ghi tên, danh sách séc đã trả nhưng chưa đổi ra tiền mặt, danh sách những số séc bị bỏ qua – bắt đầu từ thời gian gần đây nhất đi ngược về.”

“Có danh sách nào của anh có số tiền 289,87 đô không?”

“Hả? Sao anh biết? Nó nằm trong danh sách ‘séc đã trả nhưng chưa đổi ra tiền mặt’. Sao anh...?”

“Đó là khoản tiền hăn luôn yêu cầu nạn nhân gửi.”

“Luôn luôn ư? Ý anh là hơn hai lần rồi sao?”

“Tấm séc thứ ba được gửi đến cùng hộp thư. Chúng ta đang trong quá trình liên lạc với người gửi. Chính vì vậy nên tôi mới gọi để cho cậu biết kiểu mẫu hoạt động của hung thủ là như vậy. Nếu như các mảnh ghép của kiểu mẫu này vẫn đúng, thì viên kẹo đồng cậu đang tìm kiếm ở nhà Rudden là loại 0.38 đặc biệt.”

“Ai là nạn nhân thứ ba?”

“Richard Kartch ở Sotherton, bang Massachusetts. Vẻ như là một nhân vật khó tính.”

“Massachusetts sao? Chúa ơi, thằng nhóc của chúng ta có mặt ở khắp nơi. Nạn nhân thứ ba vẫn còn sống chứ?”

“Ít phút nữa sẽ biết. Cảnh sát địa phương đã cho xe đến nhà ông ta.”

“Được rồi. Cảm ơn anh đã cho tôi biết mọi chuyện mọi lúc mọi nơi. Tôi sẽ đốc thúc đội thu thập chứng cứ trở lại nhà Rudden. Tôi sẽ cho anh biết sau. Cảm ơn anh đã gọi.”

“Chúc may mắn. Nói chuyện sau nhé.”

Càng lúc Gurney càng phục anh chàng thanh tra trẻ tuổi này. Anh càng nghe cậu ta nhiều bao nhiêu thì lại càng thích những gì mình nghe bấy nhiêu – sự năng nổ, thông minh, tận tâm trong công việc. Và còn một thứ khác nữa. Thứ gì đó hào hứng không dễ lay chuyển. Thứ gì đó làm anh cảm động.

Anh lắc đầu quầy quậy như chó giữ nước rồi hít vào nhiều hơi sâu. Anh nghĩ ngày hôm nay chắc hẳn đã làm anh cạn kiệt về mặt cảm xúc nhiều hơn anh tưởng. Hoặc có lẽ dư âm của giấc mơ về người bố vẫn còn đeo đuổi anh. Anh tựa lưng vào ghế rồi nhắm mắt lại.

Tiếng điện thoại đánh thức anh dậy, mới đầu anh lại nhầm đó là tiếng chuông báo thức. Anh thấy mình vẫn còn ngồi trên ghế trong phòng làm

việc, cổ cứng đờ đau nhức. Đồng hồ đeo tay cho anh biết mình đã thiếp đi gần hai tiếng đồng hồ. Anh nhấc điện thoại lên và hắng giọng.

“Gurney nghe đây.”

Giọng tay ủy viên công tố ở đầu dây bên kia bật ra như con ngựa bật chạy từ công xuất phát.

“Dave, tôi vừa nhận được tin. Chúa ạ, vụ này càng lúc càng lớn. Một nạn nhân tiềm tàng thứ ba ở Massachusetts ư? Đây có lẽ là vụ mưu sát khốn kiếp lớn nhất kể từ vụ *Con trai của Sam*, chưa kể đến vụ Jason Strunk của anh nữa. Vụ này lớn thật! Tôi muốn nghe chính miệng anh nói câu này trước khi tôi nói chuyện với báo đài: chúng tôi có chứng cứ xác đáng cho thấy đây là cùng một gã đã xử hai nạn nhân đầu tiên, đúng không?”

“Chứng cứ ám chỉ rất rõ điều đó.”

“Ám chỉ ư?”

“Ám chỉ rất rõ.”

“Anh nói chắc chắn hơn được không?”

“Ta không có dấu vân tay. Ta không có ADN. Theo tôi, nhất định hai vụ này có liên quan đến nhau, nhưng ta chưa chứng minh được các nạn nhân bị cùng một đối tượng cửa cổ.”

“Khả năng này có cao không?”

“Rất cao.”

“Anh phán đoán như vậy là đủ cho tôi rồi.”

Gurney mỉm cười trước lòng tin giả tạo rành rành này. Anh biết quá rõ Sheridan Kline là hạng người coi trọng phán đoán của mình nhiều hơn của bất kỳ ai khác, nhưng y luôn muốn để ngỏ một con đường để đổ trách nhiệm nếu tình hình trở xấu.

“Tôi thấy đã đến lúc nói chuyện với bạn bè của chúng ta ở kênh Fox News rồi. Muốn vậy, tối nay tôi phải liên lạc với BCI để soạn ra một bản tuyên bố. Cập nhật cho tôi chuyện này từng phút nhé Dave, nhất là các diễn

biển ở Massachusetts. Tôi muốn biết tất cả.” Kline cúp máy mà không buồn chào tạm biệt.

Có vẻ như Kline đang có kế hoạch công khai vụ án một cách rình rang – tăng tốc gánh xiếc truyền thông trong vai trò người chỉ đạo tiết mục – trước khi ủy viên công tố ở quận Bronx, hoặc ở bất kỳ địa phận nào mà cuộc giết chóc lan tới, chớp được cơ hội đánh bóng bản thân trước công chúng. Cứ tưởng tượng đến mấy buổi họp báo sắp tới là môi Gurney lại giật lên đầy ghê tởm.

“Anh có sao không đấy?”

Giật mình bởi giọng nói ở gần sát bên, Gurney nhìn lên, thấy Madeleine đứng chỗ cửa phòng làm việc.

“Chúa ạ, em làm quái gì mà...?”

“Anh mãi mê nói chuyện quá nên em vào anh đâu có nghe.”

“Hình như vậy.” Anh chớp mắt nhìn đồng hồ. “Thế em đã đi đâu?”

“Có nhớ em nói gì lúc em ra cửa không?”

“Em nói em không muốn cho anh biết em định đi đâu.”

“Em nói em đã cho anh biết những hai lần rồi.”

“Được rồi, tốt thôi. Ờ... anh có việc phải làm.”

Như thế là đồng minh của anh, điện thoại đổ chuông.

Điện thoại gọi từ Sotherton nhưng không phải của Richard Kartch mà là một thanh tra có cái tên Gowacki.

“Chúng tôi đang gặp tình huống này,” anh ta nói. “Anh đến đây gấp được không?”

Người Đàn Ông Khó Tính

Madeleine bật một chiếc đèn ở cửa phòng làm việc lên. Suốt cuộc nói chuyện giữa Gurney và Dermott, hoàng hôn đã buông xuống tự bao giờ và căn phòng gần như chìm trong bóng tối.

“Có tiến triển gì không?”

“Tiến triển nhiều lắm. Nhờ em hết.”

“Bà dì Mimi của em có hoa mẫu đơn đấy,” cô nói.

“Người nào là Mimi cơ?”

“Bà bác bên ngoài,” cô nói, không hoàn toàn che đậy cơn giận trước một người đàn ông tinh thông chuyện tung hứng tình tiết của một cuộc điều tra phức tạp nhất lại không nhớ nổi vài người bà con họ hàng. “Bữa tối của anh xong rồi kìa.”

“À, thật ra..”

“Trên lò nướng đó. Đừng quên đấy.”

“Em ra ngoài hả?”

“Ừ.”

“Đi đâu?”

“Tuần vừa qua em đã nói với anh những hai lần rồi mà.”

“Anh nhớ mang máng thứ Năm gì đó. Còn chi tiết thì...”

“... thì bây giờ anh không nhớ được chứ gì? Chẳng có gì mới cả. Gặp anh sau.”

“Em không muốn nói cho anh biết em đi...?”

Bước chân cô đã lùi xa khỏi nhà bếp ra cửa sau.

Chẳng có danh mục điện thoại nào có tên Richard Kartch ở số 349 đường Quarry ở Sotherton, nhưng tìm những địa chỉ gần đó trên Internet, Gurney tìm ra tên và số điện thoại của hai chủ nhân nhà số 329 và 369.

Một giọng nam lè nhè cuối cùng cũng trả lời cuộc gọi của anh tới nhà số 329. Y phủ nhận cộc lốc, không biết ai có cái tên Kartch cả, không biết nhà số 349 là nhà nào cùng đường nữa, thậm chí còn không biết bản thân đã sống ở khu vực này được bao lâu. Y nghe như nửa tỉnh nửa mê vì rượu hoặc thuốc phiện, có lẽ nói dối theo thói quen, và rõ ràng chẳng giúp ích được gì cho Gurney.

Người phụ nữ ở nhà số 369 đường Quarry thì lại cởi mở hơn.

“Anh muốn nói đến cái lão ăn dật đó hả?” Cách bà ta nói làm cái biệt danh ấy nghe bệnh hoạn đến sồn gáy.

“Ông Kartch sống một mình sao?”

“Ồ, đúng thật là vậy, trừ phi anh tính luôn mấy con chuột cống quanh đồng rác nhà lão. Cũng may vợ lão trốn đi rồi. Tôi chẳng lấy làm lạ khi anh gọi – anh nói anh là cảnh sát đúng không?”

“Thanh tra đặc biệt của văn phòng công tố quận.” Anh biết rằng, khi công khai toàn bộ thông tin, theo nguyên tắc anh phải đề cập đến tên bang và tỉnh có quyền hạn điều tra nhưng anh tự biện minh rằng những chi tiết đó có thể bổ sung sau.

“Lão ta gây ra chuyện gì thế?”

“Tôi chưa biết, nhưng ông ta có thể giúp chúng tôi điều tra một vụ nên chúng tôi cần liên lạc với ông ta. Bà có biết ông ấy làm ở đâu hay mấy giờ ông ấy đi làm về không?”

“Đi làm á? Đúng là chuyện đùa!”

“Ông Kartch thất nghiệp ư?”

“Không có ai mướn thì đúng hơn.” Có sự cay độc trong giọng bà ta.

“Hình như bà có vấn đề thật sự với ông ấy thì phải.”

“Lão là một con lợn, lão ngu ngốc, lão dơ bẩn, lão nguy hiểm, lão điên khùng, lão hôi hám, lão trang bị vũ khí đến tận răng, và lão thường xuyên say xỉn.”

“Nghe như một người hàng xóm lập dị nhỉ.”

“Lão hàng xóm đến từ địa ngục! Anh có hiểu cái cảm giác này không? Anh thì gắng sức dẫn người muốn mua nhà xem nhà anh trong khi con đã nằm ở trần nóc bia ừng ực nhà bên lấy súng săn bắn thùng rác nổ lỗ chỗ.”

Đoán được câu trả lời sẽ như thế nào, anh quyết định hỏi câu tiếp theo. “Bà có sẵn lòng gửi hộ tôi một lời nhắn đến ông Kartch được không?”

“Anh đùa đấy à? Tôi chỉ sẵn lòng cho lão một đầu que nhọn thôi.”

“Khi nào thì ông ta thường ở nhà nhất?”

“Chọn đại một giờ đi, giờ nào cũng được. Tôi chưa bao giờ thấy cái lão mất trí đó rời nhà nửa bước.”

“Nhà ông ta có số không?”

“Ha! Anh chẳng cần số má gì để nhận ra căn nhà đâu. Lúc vợ lão bỏ đi nhà chưa xây xong mà – giờ cũng có xong đâu. Không ván lợp ngoài. Chẳng thảm cỏ. Không có bậc thang lên cửa trước nữa. Ngôi nhà hoàn hảo cho một lão điên thật sự. Ai đến đó nên mang theo súng thì hơn.”

Gurney cảm ơn bà ta rồi kết thúc cuộc trò chuyện.

Giờ thì sao nữa?

Nhiều người khác nhau cần được cập nhật thông tin. Đầu tiên và quan trọng nhất là Sheridan Kline. Rồi sau đó tất nhiên là Randy Clamm. Chưa kể tay đại úy Rodriguez và Jack Hardwick nữa. Vấn đề là nên gọi cho ai trước. Anh quyết định để tất cả bọn họ chờ thêm ít phút nữa. Thay vào đó, anh gọi đến dịch vụ trợ giúp danh bạ xin số của Sở Cảnh sát Sotherton, bang Massachusetts.

Anh nói chuyện với viên trung sĩ đang trực, một người có giọng khàn đục tên Kalkan – giống tên một nhãn hiệu thức ăn cho chó. Tự giới thiệu xong, Gurney giải thích rằng một người đàn ông ở Sotherton tên Richard Kartch đang được cảnh sát quan tâm trong quá trình điều tra một vụ án mạng ở

bang New York, rằng ông ta có thể sẽ gặp nguy hiểm, rằng có vẻ như ông ta không có điện thoại và cần phải nhanh chóng mang điện thoại đến cho ông ta hoặc mang ông ta đến nơi có điện thoại, để ông ta được cảnh báo về tình hình của mình.

“Chúng tôi có biết Richie,” Kalkan nói.

“Nghe như anh có lẽ đã gặp rắc rối với ông ấy.”

Kalkan không trả lời.

“Ông ta có tiền án à?”

“Khi này anh nói anh là ai ca?”

Gurney nói cho anh ta nghe một lần nữa, lần này cụ thể hơn một chút.

“Và anh đang trong quá trình điều tra vụ gì?”

“Hai vụ giết người – một vụ ở phía Bắc New York, một vụ ở quận Bronx – cùng kiểu cách gây án. Trước khi bị giết, cả hai nạn nhân đều nhận được thông điệp từ hung thủ. Chúng tôi có bằng chứng cho thấy ông Kartch đã nhận được ít nhất một trong những thông điệp tương tự, nên ông ta có thể sẽ trở thành mục tiêu thứ ba.”

“Vậy anh muốn Richie Điện liên hệ với anh à?”

“Ông ta cần gọi cho tôi ngay lập tức, nếu có mặt một trong số cảnh sát các anh thì càng tốt. Nói chuyện điện thoại với ông ta xong, chúng tôi có thể phải tiến hành thẩm vấn tiếp ông ta ở Sotherton – với sự hợp tác của sở cảnh sát các anh.”

“Chúng tôi sẽ cho xe đến chỗ ông ấy ngay khi có thể. Cho tôi số điện thoại liên lạc của anh đi,”

Gurney cho anh ta số di động vì dự định dùng điện thoại nhà gọi cho Kline, BCI và Clamm.

Kline đã đi ra ngoài cả ngày, Ellen Rackoff cũng vậy, và cuộc gọi được tự động chuyển đến số điện thoại mà ở tiếng chuông thứ sáu Gurney toan cúp máy thì có người trả lời.

“Stimmel nghe đây.”

Gurney nhớ lại người đàn ông đi cùng Kline đến buổi họp BCI, một người có thứ tính cách của một tay tội phạm chiến tranh bị cầm.

“Dave Gurney đây. Tôi có lời nhắn cho sếp của anh.”

Không có tiếng trả lời.

“Anh có đó không?”

“Tôi đây.”

Gurney hiểu ra đó có thể là lời mời anh tiếp tục. Nên anh tiếp tục nói và cho Stimmel biết chứng cứ xác nhận mối liên hệ giữa án mạng thứ nhất với án mạng thứ hai; rằng thông qua Dermott, anh đã tìm ra người có thể là nạn nhân thứ ba; và cho anh ta biết những bước anh đang tiến hành thông qua Sở Cảnh sát Sotherton để liên lạc được với ông ta. “Anh hiểu hết chứ?”

“Hiểu.”

“Sau khi thông báo cho ủy viên công tố quận xong, anh muốn chuyển thông tin này đến BCI luôn hay tôi nên nói chuyện trực tiếp với Rodriguez?”

Có một khoảng lặng ngắn. Gurney cho rằng người đàn ông nghiêm nghị, kín tiếng này đang tính toán hệ quả của cả hai phương án. Biết rõ thiên hướng thích giành quyền kiểm soát của hầu hết các cảnh sát nên anh chắc chắn khoảng 90 phần trăm là mình sẽ có câu trả lời như mình nghĩ.

“Chúng tôi lo được rồi,” Stimmel nói.

Không còn nhu cầu gọi cho BCI nữa nên Gurney còn lại Randy Clamm.

Như thường lệ, cậu ta trả lời ở hồi chuông đầu tiên.

“Clamm đây.”

Và như thường lệ, cậu ta nghe có vẻ đang gấp gáp, như vừa nói vừa làm cùng lúc ba việc khác. “Anh gọi tôi mừng lắm. Đang lập ra 3 danh sách những chỗ gián đoạn trong tài khoản vãng lai của Rudden – danh sách các cuống séc có ghi tiền nhưng không ghi tên, danh sách séc đã trả nhưng chưa đổi ra tiền mặt, danh sách những số séc bị bỏ qua – bắt đầu từ thời gian gần đây nhất đi ngược về.”

“Có danh sách nào của anh có số tiền 289,87 đô không?”

“Hả? Sao anh biết? Nó nằm trong danh sách ‘séc đã trả nhưng chưa đổi ra tiền mặt’. Sao anh...?”

“Đó là khoản tiền hăn luôn yêu cầu nạn nhân gửi.”

“Luôn luôn ư? Ý anh là hơn hai lần rồi sao?”

“Tấm séc thứ ba được gửi đến cùng hộp thư. Chúng ta đang trong quá trình liên lạc với người gửi. Chính vì vậy nên tôi mới gọi để cho cậu biết kiểu mẫu hoạt động của hung thủ là như vậy. Nếu như các mảnh ghép của kiểu mẫu này vẫn đúng, thì viên kẹo đồng cậu đang tìm kiếm ở nhà Rudden là loại 0.38 đặc biệt.”

“Ai là nạn nhân thứ ba?”

“Richard Kartch ở Sotherton, bang Massachusetts. Vẻ như là một nhân vật khó tính.”

“Massachusetts sao? Chúa ơi, thằng nhóc của chúng ta có mặt ở khắp nơi. Nạn nhân thứ ba vẫn còn sống chứ?”

“Ít phút nữa sẽ biết. Cảnh sát địa phương đã cho xe đến nhà ông ta.”

“Được rồi. Cảm ơn anh đã cho tôi biết mọi chuyện mọi lúc mọi nơi. Tôi sẽ đốc thúc đội thu thập chứng cứ trở lại nhà Rudden. Tôi sẽ cho anh biết sau. Cảm ơn anh đã gọi.”

“Chúc may mắn. Nói chuyện sau nhé.”

Càng lúc Gurney càng phục anh chàng thanh tra trẻ tuổi này. Anh càng nghe cậu ta nhiều bao nhiêu thì lại càng thích những gì mình nghe bấy nhiêu – sự năng nổ, thông minh, tận tâm trong công việc. Và còn một thứ khác nữa. Thứ gì đó hào hứng không dễ lay chuyển. Thứ gì đó làm anh cảm động.

Anh lắc đầu quầy quậy như chó giữ nước rồi hít vào nhiều hơi sâu. Anh nghĩ ngày hôm nay chắc hẳn đã làm anh cạn kiệt về mặt cảm xúc nhiều hơn anh tưởng. Hoặc có lẽ dư âm của giấc mơ về người bố vẫn còn đeo đuổi anh. Anh tựa lưng vào ghế rồi nhắm mắt lại.

Tiếng điện thoại đánh thức anh dậy, mới đầu anh lại nhầm đó là tiếng chuông báo thức. Anh thấy mình vẫn còn ngồi trên ghế trong phòng làm

việc, cổ cứng đờ đau nhức. Đồng hồ đeo tay cho anh biết mình đã thiếp đi gần hai tiếng đồng hồ. Anh nhấc điện thoại lên và hắng giọng.

“Gurney nghe đây.”

Giọng tay ủy viên công tố ở đầu dây bên kia bật ra như con ngựa bật chạy từ công xuất phát.

“Dave, tôi vừa nhận được tin. Chúa ạ, vụ này càng lúc càng lớn. Một nạn nhân tiềm tàng thứ ba ở Massachusetts ư? Đây có lẽ là vụ mưu sát khốn kiếp lớn nhất kể từ vụ Con trai của Sam, chưa kể đến vụ Jason Strunk của anh nữa. Vụ này lớn thật! Tôi muốn nghe chính miệng anh nói câu này trước khi tôi nói chuyện với báo đài: chúng tôi có chứng cứ xác đáng cho thấy đây là cùng một gã đã xử hai nạn nhân đầu tiên, đúng không?”

“Chứng cứ ám chỉ rất rõ điều đó.”

“Ám chỉ ư?”

“Ám chỉ rất rõ.”

“Anh nói chắc chắn hơn được không?”

“Ta không có dấu vân tay. Ta không có ADN. Theo tôi, nhất định hai vụ này có liên quan đến nhau, nhưng ta chưa chứng minh được các nạn nhân bị cùng một đối tượng cửa cổ.”

“Khả năng này có cao không?”

“Rất cao.”

“Anh phán đoán như vậy là đủ cho tôi rồi.”

Gurney mỉm cười trước lòng tin giả tạo rành rành này. Anh biết quá rõ Sheridan Kline là hạng người coi trọng phán đoán của mình nhiều hơn của bất kỳ ai khác, nhưng y luôn muốn để ngỏ một con đường để đổ trách nhiệm nếu tình hình trở xấu.

“Tôi thấy đã đến lúc nói chuyện với bạn bè của chúng ta ở kênh Fox News rồi. Muốn vậy, tối nay tôi phải liên lạc với BCI để soạn ra một bản tuyên bố. Cập nhật cho tôi chuyện này từng phút nhé Dave, nhất là các diễn

biển ở Massachusetts. Tôi muốn biết tất cả.” Kline cúp máy mà không buồn chào tạm biệt.

Có vẻ như Kline đang có kế hoạch công khai vụ án một cách rình rang – tăng tốc gánh xiếc truyền thông trong vai trò người chỉ đạo tiết mục – trước khi ủy viên công tố ở quận Bronx, hoặc ở bất kỳ địa phận nào mà cuộc giết chóc lan tới, chớp được cơ hội đánh bóng bản thân trước công chúng. Cứ tưởng tượng đến mấy buổi họp báo sắp tới là môi Gurney lại giật lên đầy ghê tởm.

“Anh có sao không đấy?”

Giật mình bởi giọng nói ở gần sát bên, Gurney nhìn lên, thấy Madeleine đứng chỗ cửa phòng làm việc.

“Chúa ạ, em làm quái gì mà...?”

“Anh mãi mê nói chuyện quá nên em vào anh đâu có nghe.”

“Hình như vậy.” Anh chớp mắt nhìn đồng hồ. “Thế em đã đi đâu?”

“Có nhớ em nói gì lúc em ra cửa không?”

“Em nói em không muốn cho anh biết em định đi đâu.”

“Em nói em đã cho anh biết những hai lần rồi.”

“Được rồi, tốt thôi. Ở... anh có việc phải làm.”

Như thế là đồng minh của anh, điện thoại đổ chuông.

Điện thoại gọi từ Sotherton nhưng không phải của Richard Kartch mà là một thanh tra có cái tên Gowacki.

“Chúng tôi đang gặp tình huống này,” anh ta nói. “Anh đến đây gấp được không?”

Ông Và Tôi Có Hẹn Đây, Ông 658 A

Khi Gurney cúp máy sau cuộc điện thoại với tay Mike Gowacki giọng đều đều thì đồng hồ đã chỉ 9 giờ 15. Gurney nhận ra Madeleine đã đi ngủ, tựa đầu trên gối, tay cầm một cuốn sách. Chiến tranh và hòa bình. Cô đọc cuốn đó đã 3 năm, luân phiên qua lại giữa cuốn đó với cuốn sách có nội dung trái ngược là Walden của tác giả Thoreau.

“Anh phải đi đến hiện trường một vụ án.”

Madeleine đưa mắt ra khỏi sách, ngược lên nhìn anh – tò mò, lo lắng, cô độc.

Anh cảm thấy chỉ có thể đáp lại sự tò mò của cô. “Thêm một nạn nhân nam nữa. Lại bị cắt cổ, lại có mấy dấu chân trên tuyết.”

“Bao xa vậy?”

“Sao cơ?”

“Anh phải đi bao xa?”

“Sotherton, bang Massachusetts. Chắc ba bốn tiếng gì đó.”

“Vậy mai anh mới về rồi.”

“Hy vọng kịp bữa sáng.”

Cô nở nụ cười anh-nghĩ-anh-đang-đùa-với-ai-đây của mình.

Gurney toan đi thì khựng lại rồi ngồi xuống cạnh giường. “Vụ án này lạ lắm,” anh muốn nói cho cô hiểu sự bất định của anh về vụ án. “Càng lúc càng lạ.”

Madeleine gật đầu, không hiểu sao đã dịu lại.” Anh không nghĩ đây là loại hung thủ giết người hàng loạt thông thường ư?”

“Ừ. Không phải hung thủ thông thường.”

“Vì hẳn liên lạc quá nhiều với các nạn nhân ư?”

“Đúng. Còn các nạn nhân thì lại quá đa dạng về đặc điểm cá nhân cũng như vị trí địa lý. Thông thường, giết người hàng loạt ai lại đi khắp nơi từ vùng Catskills cho đến vùng Đông Bronx rồi đến Trung Massachusetts để theo đuổi mấy tay tác giả nổi tiếng, mấy tay gác đêm về hưu, và mấy tay đơn độc khó chịu chứ.”

“Họ hẳn có điểm chung nào đó.”

“Họ đều có tiền sử nghiện rượu và bằng chứng cho thấy hung thủ tập trung vào vấn đề này. Nhưng nhất định họ còn có điểm chung nào khác nữa – nếu không tại sao lại chọn nạn nhân cách xa nhau hơn ba trăm cây số cho rắc rối cơ chứ?”

Hai người im bật. Gurney lơ đãng phúi thẳng tấm ga nệm nằm giữa hai người. Madeleine nhìn anh một chập, tay cô vẫn đặt trên sách.

“Anh nên đi thì hơn,” anh nói.

“Cẩn thận đấy.”

“Ừm.” Anh đứng dậy chậm chậm, uể oải như bị viêm khớp. “Sáng mai gặp em nhé.”

Cô nhìn anh bằng nét mặt mà anh chẳng bao giờ có thể diễn tả được bằng lời hay thậm chí nói được nó tốt hay xấu, nhưng anh hiểu rõ. Anh cảm nhận được nó gần như chạm vào giữa lồng ngực anh.

Khi anh rẽ khỏi đường cao tốc thu phí Massachusetts thì đã quá nửa đêm và khi anh lái qua con đường cái hoang vắng ở Sotherton thì đã một giờ rưỡi sáng. Mười phút sau, trên con đường Quarry có nhiều vết xe lún, anh đến một nơi có một toán xe cảnh sát đậu bừa bãi, một xe trong số đó đang nhấp nháy đèn. Anh tấp xe sát bên chiếc xe nhấp nháy. Khi anh bước ra khỏi xe, một tay cảnh sát cúi kính mặt sắc phục xuất hiện từ trong cỗ máy ánh sáng.

“Gượng đã. Anh nghĩ anh đang đi đâu vậy?” Y có vẻ không chỉ cúi kính mà còn kiệt sức nữa.

“Tôi tên Gurney, đến đây gặp thanh tra Gowacki.”

“Về việc gì?”

“Anh ta đang mong tôi đến.”

“Về việc gì mới được?”

Gurney tự hỏi liệu thái độ cáu kỉnh của gã này xuất phát từ một ngày dài dằng dẳng hay từ thái độ dờ hơi vốn thuộc về bản chất. Anh không giỏi chịu đựng những thái độ dờ hơi vốn thuộc về bản chất.

“Anh ta yêu cầu tôi đến đây. Anh cần giấy tờ xác minh không?”

Tay cảnh sát bật đèn pin lên chiếu vào mặt Gurney. “Anh nói anh là ai cơ?”

“Gurney, thanh tra đặc biệt, từ phòng công tố quận.”

“Sao hồi nãy không nói mẹ ra như vậy?”

Gurney cười mà mặt không có chút cảm xúc gì gọi là thân thiện.

“Vậy anh có định nói với Gowacki là tôi đến rồi không?”

Sau một hồi do dự đầy thù địch, cuối cùng tay cảnh sát cũng quay lưng đi đến mép ngoài một lối xe chạy dài trên dốc dẫn vào một ngôi nhà mà, dưới những cung sáng di động soi rọi hiện trường để kỹ thuật viên làm việc, dường như chỉ mới hoàn thành phân nửa. Chẳng cần mời, Gurney đi theo y.

Lối đi đến gần căn nhà thì cắt ngang vào bờ dốc bên trái và dẫn xuống một ga ra nhỏ dưới tầng hầm chỉ để được hai xe mà hiện thời đang có sẵn một chiếc. Thoạt đầu Gurney nghĩ cửa ga ra đang mở, nhưng sau đó anh nhận ra ga ra không có cửa. Lớp tuyết dày hơn một phân phủ trên lối ô tô chạy dài vào tận bên trong. Tay cảnh sát dừng chân ở lối vào bị chằng dây vàng xung quanh, rồi hét lớn, “Mike!”

Không có tiếng trả lời. Tay cảnh sát nhún vai như muốn nói y đã nỗ lực hết sức nhưng thất bại và đành phải chấp nhận. Đúng lúc đó, một giọng nói mệt mỏi cất lên từ sân sau. “Ở đằng sau này.”

Không chần chừ, Gurney vòng quanh chu vi dây vàng hướng về phía tiếng nói.

“Nhớ phải luôn đứng ngoài dây vàng đấy nhé.” Lời cảnh báo của tay cảnh sát đập vào tai Gurney như tiếng sủa cuối cùng của một con chó cáu kỉnh.

Vòng quanh góc sau căn nhà, anh nhận thấy khu vực sáng trưng như ban ngày dưới ánh đèn chói chang này không hẳn là ‘cái sân’ mà anh đã mong đợi. Cũng như ngôi nhà, nó phô bày một sự pha trộn lạ lẫm giữa dở dang và tiêu điều. Một người đàn ông vóc dáng nặng nề có mái tóc hói dở đang đứng ở cửa sau, trên một bậc tam cấp thô sơ được làm tạm bợ bằng những tấm gỗ kích thước 2 x10. Cặp mắt người đàn ông lướt qua khoảng đất trống rộng hơn hai nghìn mét vuông tách ngôi nhà ra khỏi một bụi cây sơn.

Mặt đất lồi lõm như chưa từng được san phẳng sau khi móng được lấp đất lại. Những mảnh gỗ làm giàn chất đồng chỗ này chỗ kia đã ngả xám do thời tiết. Ngôi nhà chỉ mới được lợp ngoài phân nửa, và lớp nhựa chống ẩm trên lớp gỗ dán bên ngoài đã phai màu vì phơi sương gió. Có cảm giác như đây không phải là một nơi đang thi công mà là một nơi đã bỏ lửng thi công.

Khi ánh mắt người đàn ông chắc mịch ấy đến chỗ Gurney, anh ta nhìn anh chăm chú trong vài giây rồi hỏi, “Anh là người đến từ vùng Catskills sao?”

“Đúng vậy.”

“Đi dọc theo dải băng khoảng 3 mét nữa, rồi bước phía dưới dải băng, đi vòng qua đây ra cửa sau nào. Anh nhớ tránh xa chỗ dấu chân đi từ ngôi nhà đến lối xe ra vào đây.”

Đây có thể là Gowacki, nhưng vốn không thích giả định nên anh hỏi và nhận được một câu khẳng định âm ừ.

Khi đi ngang qua bãi đất trống mà trước đây lẽ ra là sân sau, Gurney tiến đủ gần đến chỗ dấu chân để có thể nhận ra sự tương đồng giữa chúng với những dấu chân ở chỗ viện.

“Nhìn thấy quen không?” Gowacki hỏi, mắt chăm chú nhìn Gurney một cách tò mò.

Khả năng nắm bắt của tay thám tử tròn trĩnh này không có vẻ gì là ngờ ngẩn cả, Gurney nghĩ. Anh gật gù. Giờ thì đến lượt anh thể hiện khả năng nắm bắt tình huống.

“Mấy dấu chân này khiến anh băn khoăn à?”

“Chút đỉnh,” Gowacki nói. “Cũng không hẳn là do dấu chân dâu. Điều làm tôi băn khoăn hơn là vị trí cái xác so với dấu chân. Anh có biết được thứ gì mà tôi không biết không?”

“Vị trí cái xác có hợp lý hơn không nếu hướng đi của dấu chân được đảo ngược lại?”

“Nếu hướng đi được... Chờ chút đã... Đúng rồi, chết tiệt thật, hợp lý hoàn toàn rồi!” Anh ta nhìn Gurney trân trân. “Chúng ta đang đối phó với vấn đề quái quỷ gì đây?”

“Trước nhất, chúng ta đang đối phó với một kẻ đã giết 3 người trong tuần vừa rồi – 3 chỉ là con số mà chúng ta biết thôi. Hẳn là một kẻ mưu mô và cầu toàn. Hẳn để lại rất nhiều manh mối nhưng chỉ là những manh mối hẳn muốn chúng ta thấy thôi. Hẳn cực kỳ thông minh, có lẽ có học thức và chắc hẳn ghét cảnh sát còn nhiều hơn cả ghét các nạn nhân. À, cái xác vẫn còn ở đây chứ?”

Gowacki trông như đang ghi lại từng lời đáp của Gurney trong đầu. Cuối cùng anh ta nói, “Vâng, xác vẫn ở đây. Tôi đã muốn anh xem xác khi này rồi vì nghĩ có thể anh sẽ nghĩ ra được thứ gì đó dựa vào những gì anh biết về hai cái xác kia. Sẵn sàng xem chưa?”

Cửa sau dẫn đến một khu vực nhỏ chưa hoàn tất có vị trí các ống nước được lắp đặt sơ sài, cho thấy đây có lẽ sẽ là phòng giặt ủi, nhưng lại chẳng có máy giặt hay máy sấy nào. Cả một tấm thạch cao trên lớp cách nhiệt cũng không có. Hệ thống chiếu sáng chỉ gồm một bóng đèn tròn đặt trong khung đèn màu trắng rẻ tiền gắn chặt vào rầm trần phơi ra.

Dưới ánh sáng sơ sài không mấy hiểu khách, cái xác nằm ngửa ngang chỗ cửa không được sửa sang, nửa này nằm trong khu vực phòng giặt ủi tương lai, nửa nọ nằm trong nhà bếp.

“Cho tôi xem kỹ hơn được không?” Gurney nhăn mặt hỏi.

“Thì anh đến đây là để xem kỹ mà.”

Nhìn sát hơn, anh thấy một vũng máu đã đông từ nhiều vết đâm lan khắp sàn bếp và dưới một chiếc bàn điểm tâm có lẽ mua ở tiệm đồ cũ. Gương mặt

nạn nhân đầy vẻ giận dữ, nhưng những đường nét chua chát in hằn trên khuôn mặt lớn và cứng đờ là sản phẩm của một đời người và chẳng tiết lộ điều gì về vụ tấn công cuối cùng dẫn đến cái chết.

“Trông ông ta rất bất mãn,” Gurney nói.

“Một lão chó má khôn kiếp thì có.”

“Tôi đoán trước đây anh gặp rắc rối với ông Kartch phải không?”

“Không gì ngoài rắc rối. Mà toàn là rắc rối không cần thiết mẹ gì.” Gowacki nhìn cái xác trừng trừng như thể cái kết đầy máu me và tàn bạo của nó chưa phải là hình phạt tương xứng. “Thị trấn nào cũng đều có kẻ gây rối – mấy tên say xỉn giận dữ, mấy tên nhếch nhác bán thú biển nơi ở thành chuồng heo để chọc tức hàng xóm, mấy thằng khốn mà vợ cũ của bọn họ phải xin lệnh bảo vệ, mấy thằng ngu để chó sủa cả đêm, mấy kẻ quái đản mà bà mẹ nào cũng muốn con mình cách xa ba thước. Ở Sotherton này đây, tất cả mấy thằng ngu đó gói gọn lại trong một gã – Richie Kartch.”

“Nghe như một gã lập dị nhỉ.”

“Tò mò một chút, hai nạn nhân kia có giống vậy chút nào không?”

“Nạn nhân đầu tiên thì hoàn toàn trái ngược. Nạn nhân thứ hai thì tôi vẫn chưa có thông tin chi tiết nhưng tôi không nghĩ ông ta giống người này.” Gurney nhìn một lần nữa vào gương mặt đang chăm chăm nhìn từ sàn lên trần, xấu xí lúc chết cũng như cả khi sống.

“Tôi vừa nghĩ có lẽ ta có một tay giết người hàng loạt đang tìm cách loại hết mấy tay dở hơi ra khỏi thế giới. Sao cũng được, trở lại lời nhận xét của anh khi nãy về dấu chân trên tuyết. Sao anh biết dấu chân sẽ hợp lý hơn nếu đi theo hướng ngược lại?”

“Dấu chân đã như vậy trong vụ án đầu tiên.”

Mắt Gowacki thể hiện sự thích thú. “Vị trí cái xác phù hợp với giả thuyết hung thủ vào nhà bằng cửa sau rồi tấn công nạn nhân trước mặt. Nhưng dấu chân lại cho thấy có người vào nhà bằng cửa trước rồi rời nhà bằng cửa sau. Chẳng hợp lý chút nào.”

“Phiền anh cho tôi xem quanh chỗ nhà bếp được không?”

“Tự nhiên đi. Nhân viên nhiếp ảnh, nhân viên pháp y, nhân viên thu thập mẫu máu và sợi vải đều ở đây cả. Chỉ cần đừng dịch chuyển thứ gì là được. Chúng tôi vẫn đang tiếp tục xem xét tài sản cá nhân của lão.”

“Nhân viên pháp y có nói gì về vết bồng do thuốc súng không?”

“Vết bồng do thuốc súng ư? Máy vết đó là vết dao thôi mà.”

“Tôi nghi ngờ có vết đạn đầu đó trên cái xác máu me ấy.”

“Anh thấy được thứ gì mà tôi không thấy ư?”

“Hình như tôi thấy một lỗ tròn nhỏ ở góc trần phía trên tủ lạnh. Có lính nào của anh bình luận gì chỗ đó không?”

Gowacki dõi theo ánh mắt của Gurney. “Anh muốn nói với tôi điều gì?”

“Tôi muốn nói Kartch có thể bị bắn trước, sau đó mới bị đâm.”

“Và dấu chân thật sự là đi theo hướng ngược lại ư?”

“Đúng vậy.”

“Để tôi nói lại xem có hiểu đúng không nhé. Anh nói tên hung thủ vào nhà bằng cửa sau, bắn vào cổ Richie, lão ngã xuống, sau đó hấn đâm vào cổ lão hàng chục nhát như đang dần một miếng bít tết chó chết ư?”

“Vụ án ở Peony cũng giống như vậy.”

“Nhưng dấu chân..”

“Hung thủ có thể tạo dấu chân bằng cách dính vào ủng một chiếc đế thứ hai – theo chiều ngược – để khiến ai nhìn vào cũng tưởng hấn vào nhà bằng cửa trước và rời nhà bằng cửa sau, trong khi thật sự là hấn đi vào bằng cửa sau và đi ra bằng cửa trước.”

“Đúng là lối bịch. Hấn đang chơi trò khi gió gì thế này?”

“Chính là cái từ đó.”

“Từ gì?”

“Chơi trò. Một trò chơi quái quỷ, hấn đã chơi 3 lần rồi, và đang tiếp tục chơi. ‘Bọn bay không những sai mà còn sai bở mẹ. Tao cho bọn bay hết manh mối này đến manh mối khác mà bọn bay cũng không tóm được tao.’”

Lũ cảnh sát bọn bay vô dụng như vậy đó’. Đó là thông điệp hẳn gửi cho chúng ta ở mỗi hiện trường.”

Gowacki nhìn Gurney một cách chậm rãi, dò xét. “Anh tưởng tượng về gã này cũng sinh động lắm.”

Gurney vừa mỉm cười vừa bước quanh cái xác để đến chỗ một chồng giấy trên mặt bếp. “Anh muốn nói tôi hơi cường điệu ư?”

“Tôi không nói chắc được. Ở Sotherton chẳng có bao nhiêu vụ giết người cả. Mỗi vụ như vậy 5 năm mới có một, và thường thuộc trường hợp có thể giảm xuống thành ngộ sát. Mỗi vụ này thường liên quan đến gậy bóng chày và thanh nạy bánh xe trong bãi xe của mấy quán rượu là nhiều. Chẳng có dự mưu. Hoàn toàn không có gì là bõn cợt cả.”

Gurney ậm ừ thông cảm. Đã bao giờ anh cảnh sát này thấy vụ án nào nặng hơn cố ý gây thương tích đâu kia chứ.

“Mấy thứ đó phần lớn là nhằm nhí cả,” Gowacki nói, nghiêng đầu về phía chồng thư rác mà Gurney đang cẩn thận lật xem.

Gurney toan đồng ý thì ở dưới cùng đồng giấy lộn xộn toàn tạp chí Pennysavers, tờ rơi, tạp chí về súng, giấy thu nợ, ca ta lô vũ khí quân dụng tồn kho, anh thấy một phong bì nhỏ, trông không bị xé nham nhờ ở phần nắp, đề địa chỉ gửi đến Richard Kartch. Chữ viết tỉ mỉ, tinh xảo. Mực màu đỏ.

“Anh tìm thấy thứ gì hả?” Gowacki hỏi.

“Anh nên để thứ này vào bao đựng chứng cứ đi,” Gurney nói, tay cầm góc phong bì mang ra một chỗ trống trên mặt bếp. “Hung thủ của chúng ta rất thích liên lạc với các nạn nhân.”

“Trên lầu còn nhiều nữa này.”

Gurney và Gowacki quay người về phía giọng nói mới cất lên – một cậu thanh niên cao to đang đứng ở chỗ cửa phía bên kia nhà bếp.

“Dưới một đồng tạp chí khiêu dâm trên bàn cạnh giường ngủ của nạn nhân có 3 phong thư nữa có chữ viết bằng mực đỏ.”

“Chắc tôi phải lên đó xem sao mới được,” Gowacki nói với vẻ lưỡng lự của một người to béo đến nỗi lên bậc thang cũng phải dẫn đo. “Bobby, đây là thanh tra Gurney từ Delaware, New York.”

“Tôi là Bob Muffi,” cậu thanh niên vừa đáp lại vừa chìa tay một cách hồi hộp về phía Gurney, mắt tránh nhìn cái xác trên sàn.

Lầu trên cũng có cái bề ngoài nửa hoàn tất, nửa bị bỏ hoang như những chỗ khác trong nhà. Đầu cầu thang dẫn đến 4 cánh cửa. Muffi dẫn đường đi vào cửa bên phải. Ngay cả theo tiêu chuẩn lỏng lẻo đã được thiết lập thì trước mắt anh vẫn là đồng đồ nát. Ở những chỗ thảm không vương vãi quần áo dơ hay lon bia đã cạn, Gurney quan sát thấy một vết ố trông như vết mưa đã khô. Không khí phảng phất mùi chua, mùi mồ hôi. Rèm được kéo kín. Ánh sáng trong phòng đến từ chiếc bóng tròn duy nhất còn hoạt động trong bộ đèn chùm 3 bóng ở giữa trần.

Gowacki đi đến chỗ bàn cạnh chiếc giường lộn xộn. Kế bên đồng tạp chí khiêu dâm là 3 chiếc phong bì có chữ viết màu mực đỏ, và cạnh chúng là một tờ séc cá nhân. Gowacki không đụng vào thứ gì trực tiếp mà dùng một cuốn tạp chí tên Hot Buns làm khay xúc bốn món đồ.

“Ta đi xuống lầu xem thử trong đây có gì nào,” anh ta nói.

Ba người trở xuống bếp, ở đây Gowacki để những chiếc phong bì và tờ séc lên bàn điểm tâm. Dùng một cây bút và cái nhíp lôi ra từ túi áo, anh ta nhấc lên phần miệng bị xé của mỗi phong bì và rút ra những thứ bên trong. Ba phong thư chứa mấy bài thơ nhìn hết như những bài thơ mà Mellery nhận được, giống cả đến cách viết gọn gàng như chữ viết của ni cô.

Ánh mắt Gurney rơi vào những dòng thơ “*ông sẽ trả lại thứ đã lấy – khi ông nhận được thứ đã cho... Ông và tôi có hẹn đấy – ông 658 ạ.*”

Tuy nhiên, món đồ làm anh chú ý lâu nhất lại là tấm séc. Séc đề tên người nhận là ‘X. Arybdis’ và ký tên ở dưới là ‘R. Kartch’. Đây rõ ràng là tấm séc chưa đổi ra tiền mà Gregory Dermott đã trả lại cho Kartch. Trên séc cũng là số tiền như trên séc của Mellery và Rudden – 289,87 đô. Tên và địa chỉ “*R. Kartch, số 349 đường Quarry, Sotherton, Mass. 01055*” ghi ở góc trên bên trái của séc

R. Kartch. Có cái gì đó về cái tên này làm Gurney băn khoăn.

Có lẽ đó cũng chỉ là cái cảm giác khác thường mà anh luôn trải nghiệm khi nhìn vào tên một người quá cố in trên giấy. Như thể cái tên ấy đã mất đi hơi thở của cuộc sống, trở nên nhỏ bé hơn, trở nên cách ly với thứ đã cho nó chỗ đứng. Thật lạ, anh ngẫm nghĩ, khi ta tin mình đã thỏa hiệp được với cái chết, thậm chí còn tin rằng sự có mặt của nó không tác động nhiều đến ta, rằng nó chỉ là một phần trong công việc. Rồi nó ập vào ta một cách lạ thường – trong cái vai trò teo tóp, gây bất an, của một cái tên người chết. Dù cho người ta có cố tảng lờ nó đi như thế nào, thì cái chết vẫn có cách khiến ta phải chú ý. Nó thấm vào cảm xúc của ta như nước thấm qua tường hầm.

Có lẽ đó là lý do tại sao cái tên *R. Kartch* lại có vẻ kỳ lạ đối với anh. Hay còn có lý do nào khác chăng?

Phỏng Đoán

Mark Mellery. Albert Rudden. Richard Kartch. Ba người đàn ông. Ba mục tiêu bị tra tấn tinh thần, bị bắn và đâm liên tục đến nỗi đầu gần như là khỏi cổ. Họ đã làm gì, riêng lẻ hay phối hợp, để phải gây ra một vụ trả thù rùng rợn đến thế?

Mà có thật là trả thù không? Những lời lẽ bóng gió về cuộc trả thù được truyền tải trong thư có khi nào chỉ là tấm bình phong che đậy một động cơ thực dụng hơn chẳng, như Rodriguez đã từng đề xuất?

Mọi chuyện đều còn khả năng.

Khi Gurney khởi hành trở lại Walnut Crossing thì bình minh đã gần ló dạng, và trong không khí đã ngập tràn mùi hương tuyết. Anh đã chìm vào trạng thái nhận thức căng thẳng trong đó sự mệt mỏi cùng gan đua với sự tỉnh táo nhờ kích thích. Bao nhiêu suy nghĩ, hình ảnh lũ lượt kéo đến trí óc anh không theo trình tự hay logic nào.

Một hình ảnh trong số đó là tấm séc của người chết, cái tên R. Kartch. Nó gợi lên thứ gì đó đang ngấp nghé dưới cánh cửa lật chưa khai thông của ký ức, thứ gì đó không đúng lắm. Như một ngôi sao yếu ớt, nó trốn tránh được một cuộc lùng sục trực tiếp nhưng thi thoảng lại xuất hiện trong tầm nhìn ngoại biên của anh một khi anh ngừng kiếm tìm nó.

Anh gắng sức tập trung vào những khía cạnh khác của vụ án, nhưng tâm trí anh không chịu làm việc có trình tự nữa. Trái lại, anh thấy vũng máu đã khô một nửa ấy lan khắp sàn bếp nơi Kartch ở, đầu bên kia xác lan ra dưới bóng chiếc bàn ọp ẹp. Anh chờ đợi nhìn con đường cao tốc phía trước, cố gắng xua đi hình ảnh đó nhưng chỉ có thể thay thế nó bằng hình ảnh vết máu có kích thước tương tự trên hiên đá nhà Mark Mellery, rồi hình ảnh này lại

nhường đường cho hình ảnh Mellery đang ngồi trên chiếc ghế gỗ ngoài trời, người nghiêng về phía trước, xin được bảo vệ, xin được cứu nguy.

Người nghiêng về phía trước, xin được...

Gurney cảm nhận được áp lực của những giọt nước mắt đang ứa ra.

Anh tấp xe vào một trạm nghỉ. Chỉ có một chiếc xe khác trong bãi xe nhỏ hẹp, và trông nó như đang bị bỏ lẩn lóc hơn là đang đậu. Anh thấy mặt nóng ran, hai tay lạnh ngắt. Việc không thể nghĩ thông suốt làm anh sợ hãi, làm anh cảm thấy bất lực.

Kiệt quệ là một lăng kính mà qua đó anh thường thấy cuộc đời mình là một thất bại – một thất bại càng nhức nhối hơn trước vô số những tưởng thưởng trong nghề chông chất lên anh. Các nhận thức đây là trò chơi khăm mà tâm trí mỗi mệ của anh đang bõn cọt với bản thân cũng không làm cho nó kém sức thuyết phục một chút nào. Suy cho cùng, anh có vô vàn bằng chứng cơ mà. Là một thanh tra, anh đã phụ lòng Mark Mellery. Là một người chồng, anh đã phụ lòng Karen, và giờ đây lại đang phụ lòng Madeleine. Là một người cha, anh đã phụ lòng Danny, và giờ đây lại đang phụ lòng Kyle.

Trí não của anh có giới hạn, và sau khi chịu đựng thêm mười lăm phút bị cắt rạch như thế, nó tắt ngóm. Anh thiếp vào một giấc ngủ ngắn để lấy lại sức.

Anh không rõ đã thiếp đi bao lâu, gần như chắc chắn là ít hơn một tiếng, nhưng khi anh thức dậy, sự chuyển biến tâm lý lúc này đã qua đi và thay vào đó là một sự sáng suốt không chút vướng ngại, cổ anh cứng kinh khủng, nhưng xem ra đây là một cái giá nhỏ nhỏ mà anh phải trả.

Có lẽ giờ đây trong tâm trí đã có chỗ nên một cách nhìn mới mẻ về điều bí ẩn liên quan đến hộp thư ở Wycherly đã bắt đầu hình thành trong tâm trí anh. Hai giả thuyết ban đầu dường như chưa bao giờ làm anh thỏa mãn hoàn toàn. Giả thuyết thứ nhất cho rằng hung thủ đã chỉ thị nạn nhân gửi séc đến nhầm số hộp thư (không khả dĩ, vì hung thủ rất tỉ mỉ). Giả thuyết thứ hai cho rằng hộp thư đó là đúng nhưng đã xảy ra chuyện ngoài dự tính nên Dermott

nhận được séc và ngay thơ gửi trả lại trước khi hung thủ lấy thư bằng phương thức nào đó mà hẳn đã nghĩ ra.

Nhưng giờ đây Gurney lại thấy được cách lý giải thứ ba. Giả sử hộp thư đó là đúng và không có chuyện xảy ra ngoài dự tính thì sao? Giả sử mục đích đòi séc không phải để đổi ra tiền mặt thì sao? Giả sử tên hung thủ bằng cách nào đó xâm nhập vào được hộp thư, mở phong bì ra, xem séc hoặc sao chép séc, xong bỏ séc vào lại phong bì, niêm kín lại rồi để lại vào trong hộp thư trước khi Dermott đi lấy thư?

Nếu kịch bản mới này gần với sự thật hơn – nếu hung thủ thực tế đang sử dụng hộp thư của Dermott vào mục đích riêng – thì nó mở ra một con đường mới đầy lý thú. Gurney có thể giao tiếp trực tiếp với hung thủ. Bất luận cái ý nghĩ này có một nền móng về mặt giả thuyết lỏng lẻo đến đâu, bất luận anh vừa ngập chìm trong bao nhiêu rối rắm và chán nản đến dường nào, nó vẫn làm anh hứng khởi đến nỗi nhiều phút sau anh mới nhận ra mình đã đưa xe ra khỏi trạm nghỉ, hối hả phóng xe về nhà với vận tốc một trăm ba mươi ki-lô-mét mỗi giờ.

Madeleine đã đi ra ngoài. Anh để ví tiền và chìa khóa lên bàn điểm tâm rồi cầm lên mảnh giấy ghi chú nằm đó. Nét chữ của Madeleine nhanh nhẩu, sạch đẹp và, như mọi khi, ngắn gọn đầy thử thách: *“Đã đến lớp yoga 9 giờ sáng. Trở về trước bữa. 5 tin nhắn. Cá đó có phải cá bơn không?”*

Bão nào?

Cá nào?

Anh muốn vào phòng làm việc nghe 5 tin nhắn mà anh cho là cô đã nói đến, nhưng có một thứ khác anh muốn làm trước, một thứ cấp bách hơn. Nghĩ đến chuyện mình có thể viết và gửi cho tên hung thủ một bức thư qua hộp thư của Dermott là anh lại háo hức muốn bắt tay vào làm ngay.

Anh hình dung ra được kịch bản này rất lung lay, giả định chồng chất giả định, nhưng nó có một sức hút rất lớn. Cơ hội làm được chuyện gì đó rất kích thích so với bao chán nản trong quá trình điều tra và cái cảm giác sờ gáy rằng mọi tiến triển của họ có thể đều nằm trong kế hoạch của kẻ thù. Nồng nổi và thiếu lý trí đến đâu thì cái cơ hội được ném lựu đạn qua bờ

tường nơi kẻ thù có thể đang ẩn nấp rất khó cưỡng lại. Việc duy nhất cần làm là chế ra trái lựu đạn đó.

Anh thật sự nên nghe tin nhắn. Có thể có chuyện cấp bách, hệ trọng hơn thì sao. Anh toan đi đến phòng làm việc. Nhưng một câu thơ chọt nảy lên trong đầu anh – cái câu anh không muốn quên, một cặp câu thơ vần nhau, khởi đầu hoàn hảo cho một lời tuyên bố đến với tên hung thủ. Thích thú, anh cầm lên tập giấy và bút Madeleine đã để trên bàn rồi bắt đầu viết. Mười lăm phút sau, anh đặt bút xuống rồi đọc tám dòng thơ viết bằng nét chữ cầu kỳ, nắn nót.

*Ứng ngược, súng được giảm thanh,
mày làm, tao biết rành rành ra sao.
Trò này sẽ kết thúc mau,
bạn người chết sẽ cứu sâu cổ mày.
Coi chừng năng dữ tuyết dày,
đêm ngày cũng thế, coi mày chạy đâu.
Mộ phần anh ấy tao trông,
rồi đưa hung thủ xuống tầng ngục sâu.*

Ứng ý, anh lau tờ giấy sạch hết dấu vân tay. Có cảm giác thật lạ khi làm như vậy – ám muội, lẩn tránh – nhưng anh xua cái cảm giác đó sang một bên, lấy một phong bì, rồi điền tên người nhận là X. Arybdis và nơi đến là hộp thư của Dermott ở Wycherly, bang Connecticut.

Trở Về Thế Giới Thực Tại

Gurney xuống chỗ hộp thư kịp lúc đưa chiếc phong bì cho Rhonda, nhân viên bưu điện thay thế hai ngày một tuần cho người đưa thư thường lệ là Baxter. Khi anh trở vào nhà qua bãi cỏ, sự háo hức trước đó chưa gì đã bị giày vò bởi sự hối hận vốn luôn theo sau những hành động bông bột hiểm thấy của anh.

Anh nhớ ra 5 tin nhắn của mình.

Tin nhắn đầu tiên đến từ phòng trưng bày ở Ithaca.

“David, Sonya đây. Chúng ta cần nói chuyện về dự án của anh. Chẳng có chuyện gì xấu đâu, mọi chuyện đều tốt đẹp cả, nhưng chúng ta cần nói chuyện gấp, rất gấp. Tôi sẽ ở phòng tranh đến 6 giờ chiều nay, hoặc lát nữa anh có thể gọi cho tôi ở nhà.”

Tin nhắn thứ hai là của Randy Clamm, và cậu ta nghe có vẻ háo hức.

“Gọi vào di động của anh, nhưng hình như điện thoại bị hỏng. Chúng tôi tìm thấy vài lá thư trong nhà Rudden và muốn anh xem thử có quen không. Hình như Al nhận được mấy bài thơ ngắn quái đản trong thư mà ông không muốn vợ xem thì phải. Ông giấu dưới đáy hộp đồ nghề. Cho tôi một số để tôi fax cho anh xem. Cảm ơn nhiều.”

Tin nhắn thứ ba là của Jack Hardwick ở BCI với thái độ khinh khỉnh lồng lộn của hẳn.

“Ê, Sherlock, nghe đồn cái gã của anh có thêm vài nấc trên súng nữa hả. Anh chắc bận lắm nên không thể thông báo cho ông bạn lâu năm của anh nhỉ. Trong một lúc điên khùng, tôi rất muốn nghĩ rằng, gọi cho Jack Hardwick hèn mọn này đúng là việc làm hạ thấp phẩm giá của ngài Sherlock Gurney Chó Chết đây mà. Nhưng dĩ nhiên anh đâu phải hạng

người đó đúng không? Tôi thật xấu hổ quá! Chỉ muốn cho anh thấy không có chuyện giận dỗi gì đâu, tôi gọi để báo cho anh biết về một cuộc họp mặt đang được lên kế hoạch cho ngày mai – chúng ta sẽ báo cáo tiến độ của BCI về vụ án Mellery, gồm có một phiên thảo luận đánh giá tác động của các diễn biến gần đây ở Quận Bronx và Sotherton đối với hướng điều tra. Đại úy Rodriguez sẽ chủ trì cuộc họp lộn xà bần này. Ủy viên công tố Kline đang được mời, và hẳn chắc chắn sẽ mời anh rồi. Tôi nghĩ anh cần biết trước vậy thôi. Có bạn bè để làm gì phải không?”

Tin nhắn thứ tư là cuộc gọi của Kline đúng như dự đoán. Nó không có vẻ gì là ‘mời mọc’ cả. Năng lượng trong giọng y đã đặc lại thành một sự kích động.

“Gurney, di động của anh bị cái gì gió gì vậy? Chúng tôi liên lạc trực tiếp với anh không được nên phải thông qua cảnh sát Sotherton. Họ bảo anh rời Sotherton cách đây hai tiếng rưỡi rồi. Họ còn cho tôi biết hiện chúng ta đang giải quyết vụ án mạng thứ ba do cùng một người gây ra. Chi tiết này quan trọng đấy, anh thấy vậy không? Có phải có chuyện gì mà đáng lẽ anh phải gọi điện báo tôi biết rồi không? Chúng ta cần nói chuyện càng sớm càng tốt. Phải quyết định nhiều chuyện lắm nên cần càng nhiều thông tin càng tốt. Trưa mai BCI có họp. Ưu tiên số một đấy. Nhận được tin nhắn này thì gọi cho tôi ngay.”

Tin nhắn cuối cùng là của Mike Gowacki.

“Chỉ muốn anh biết là chúng tôi đã moi ra được một viên kẹo đồng từ cái lỗ trong tường nhà bếp. Loại 0.38 như anh nói. Còn một phát hiện nho nhỏ này nữa sau khi anh đi. Chúng tôi đang kiểm tra hộp thư tìm xem còn bức thư tình mực đỏ nào nữa không thì phát hiện thấy một con cá chết. Trong hộp thư đấy. Anh không có đề cập đến con cá chết nào trong phương thức gây án cả. Nếu nó có ý nghĩa gì thì cho tôi biết nhé. Tôi chẳng phải là chuyên gia tâm lý gì cả, nhưng theo tôi hung phạm của chúng ta nhất định là một thằng điên. Chỉ có bấy nhiêu thôi. Tôi về nhà đánh một giấc đây.”

Cá?

Anh trở ra bếp, đến bàn điểm tâm xem lại mảnh giấy ghi chú của Madeleine.

‘Đã đến lớp yoga 9 giờ sáng. Trở về trước bão. 5 tin nhắn. Cá đó có phải cá bơn không?’

Sao cô ấy lại hỏi vậy? Anh kiểm tra thời gian trên chiếc đồng hồ quả lắc cũ kỹ để trên tủ chén. 9 giờ rưỡi. Giống bình minh thì hơn, ánh sáng đi vào cánh cửa kính kiểu Pháp xám xịt một màu lạnh lẽo. Trở về trước bão. Quả thật trời trông như sắp có gì đó, có lẽ là tuyết, hy vọng không phải mưa gió rét mướt. Vậy là cô ấy sẽ về nhà trễ lắm là mười giờ rưỡi, có thể là mười giờ nếu cô ấy lo xa chuyện đường sá. Lúc đó anh có thể hỏi chuyện con cá bơn. Madeleine không phải là người hay lo sâu tính xa, nhưng cô ghét đường trơn trượt.

Anh đang trở lại phòng làm việc để gọi điện thoại lại cho vài người thì chợt nhận ra một điều. Địa điểm xảy ra án mạng thứ nhất là thị trấn Peony, và hung thủ để lại một bông hoa mẫu đơn cạnh xác nạn nhân thứ hai. Địa điểm xảy ra án mạng thứ hai là khu dân cư nhỏ ở Bronx thuộc Flounder Beach, như vậy suy đoán của Madeleine về con cá ở hiện trường thứ ba cho thấy sự thâm thúy đặc thù của cô và gần như chắc chắn là đúng.

Trước tiên, anh gọi lại cho Sở Cảnh sát Sotherton. Viên trung sĩ tiếp tân nổi máy cho anh đến hộp thoại của Gowacki. Anh để lại hai yêu cầu: yêu cầu xác nhận con cá đó là cá bơn và yêu cầu được xem ảnh chụp từ phòng đạn đạo để họ có thể xác nhận những viên kẹo đồng trong tường nhà Kartch và trong tường nhà Mellery đều đến từ cùng một khẩu súng. Anh không nghi ngờ gì nhiều hai khả năng đó, nhưng nhất định anh phải chắc chắn hoàn toàn.

Rồi anh gọi cho Kline.

Sáng hôm đó Kline đang ở tòa. Ellen Rackoff lặp lại những lời phàn nàn của tay công tố, khiến trách Gurney rất khó liên lạc và không thường xuyên cập nhật tin tức cho họ. Cô ta bảo anh không nên bỏ cuộc họp quan trọng trưa mai ở BCI. Nhưng ngay cả trong bài lên lớp này cô ta còn tìm cách thối

vào đó một sắc thái gợi tình. Gurney tự hỏi liệu có phải vì mất ngủ mà anh lại gàn dở như vậy không.

Anh gọi cho Randy Clamm, cảm ơn cậu ta đã cập nhật thông tin, và cho cậu số fax của văn phòng công tố quận để cậu gửi thư từ của Rudden đến đó, cộng với số fax của BCI để Rodriguez có thể nhận được một bộ tương tự. Rồi anh cập nhật cho cậu ta biết về tình hình của Richard Kartch, kể cả mối liên quan giữa vụ đó với cá bơn và cho biết yếu tố rượu giờ đây đã hiện rõ trong cả ba vụ án.

Về phần Sonya, anh có thể gọi sau. Anh cũng không cần phải gấp gáp gọi cho Hardwick. Tâm trí anh không ngừng nhảy đến cuộc họp ngày mai ở BCI. Chẳng phải nhảy đến đó trong tâm trạng hân hoan gì cho cam – ngược lại là đấng khác. Anh ghét họp hành nói chung. Tâm trí của anh làm việc hiệu quả nhất khi đơn độc. Tư duy nhóm làm anh nôn nao muốn ra khỏi phòng họp. Và phong cách nhanh nhẩu như ném lựu đạn của anh khiến anh đặc biệt không thoải mái về cuộc họp này. Anh không thích người khác cứ úp mở.

Anh ngả mình vào chiếc ghế bành mềm mại bằng da thuộc trong góc phòng để sắp xếp lại những dữ kiện mấu chốt của 3 vụ án, để nghĩ xem giả thuyết tổng thể nào sẽ hợp lý nhất, và làm cách nào để thử nghiệm nó. Nhưng bộ não thiếu ngủ của anh không chịu hợp tác. Anh nhắm mắt lại, và tất cả những thứ gọi là tư duy tuyến tính tan biến đi. Đã ngời đó bao lâu anh không rõ, nhưng khi anh mở mắt ra, mưa tuyết nặng hạt đã bắt đầu phủ trắng phong cảnh trước mắt, và trong sự tĩnh mịch phi phàm anh nghe thấy tiếng xe phía cuối đường đang đến càng lúc càng gần. Anh nhắc mình ra khỏi ghế rồi đi vào bếp, đến chỗ cửa sổ vừa kịp lúc thấy xe của Madeleine mất dạng sau kho thóc cuối đường lộ. Có lẽ cô muốn kiểm tra hộp thư. Một phút sau, điện thoại reng. Anh nhắc chiếc điện thoại con để trên mặt bếp.

“Hay quá – anh về rồi. Người đưa thư đến chưa thế, anh biết không?”

“Madeleine hả?”

“Em đang đứng chỗ hộp thư dưới này. Em có thư muốn gửi, nhưng nếu ông ta đến rồi thì em bỏ thư trong thị trấn cũng được.”

“Thật ra thì là Rhonda đưa thư, hồi này cô ấy đến rồi.”

“Chết thật. Được rồi, không sao, tính sau vậy.”

Chầm chậm, xe cô hiện ra lù lù phía sau kho thóc và rẽ lên con đường cỏ dẫn đến nhà.

Cô vào nhà qua cửa bên hông bếp, vẻ mặt căng thẳng do lái xe trong tuyết. Rồi cô chú ý vẻ mặt khác lạ của anh.

“Có chuyện gì vậy?”

Đang mãi mê suy nghĩ chuyện gì đó chợt nảy ra khi cô gọi cho anh từ chỗ hộp thư, nên mãi đến khi cô cởi áo khoác và giày xong anh mới lên tiếng trả lời.

“Hình như anh vừa mới nghĩ ra được gì đó.”

“Tốt rồi!” Cô mỉm cười chờ anh nói rõ hơn, tay giữ bông tuyết ra khỏi tóc.

“Bí ẩn về con số – bí ẩn thứ hai đấy. Anh biết hẳn làm như thế nào rồi – hoặc là biết hẳn chắc là làm như thế nào.”

“Bí ẩn thứ hai là?”

“Bí ẩn về con số 19, Mellery có thu âm lại đấy. Anh cho em xem bức thư rồi mà.”

“Em nhớ rồi.”

“Hung thủ bảo Mellery nghĩ đến một con số rồi đọc thầm con số đó cho hẳn nghe.”

“Tại sao hẳn lại bảo ông ta đọc thầm? À, cái đồng hồ kia chạy sai rồi,” cô vừa nói vừa ngược nhìn chiếc đồng hồ quả lắc.

Anh nhìn cô chòng chọc.

“Xin lỗi,” cô nói lí nhí. “Anh nói tiếp đi.”

“Anh nghĩ hẳn bảo ông ta đọc thầm bởi vì làm vậy sẽ thêm yếu tố quái lạ vào lời yêu cầu, sẽ dẫn ông ta ra xa sự thật hơn là nói một câu đơn giản như ‘Nói cho tôi biết con số ấy nào.’”

“Em không hiểu.”

“Tên hung thủ chẳng biết Mellery đang nghĩ đến con số nào cả. Cách duy nhất để tìm ra con số đó là hỏi ông ta. Hẳn chỉ muốn tung hỏa mù để che đậy vấn đề đó thôi.”

“Nhưng chẳng phải con số đó được đề cập trong một lá thư hung thủ đã bỏ vào hộp thư của Mellery trước đó rồi sao?”

“Đúng và sai. Đúng là vì con số đó quả thật được đề cập trong lá thư Mellery tìm thấy trong hộp thư vài phút sau, nhưng sai, là vì lá thư đó không phải nằm sẵn trong hộp thư. Thật ra thì, lúc đó lá thư chưa được in ra.”

“Em không hiểu.”

“Giả sử hung thủ có một máy in mini gắn vào laptop của hẳn thì sao. Hẳn đã có sẵn nội dung lá thư gửi cho Mellery rồi, chỉ thiếu con số đúng nữa thôi là hoàn tất lá thư. Và giả sử lúc đó hung thủ đang ngồi trong xe cạnh hộp thư của Mellery trên con đường quê tối tăm chạy ngang qua viện. Hẳn gọi vào số di động của Mellery – như em vừa gọi cho anh từ chỗ hộp thư của mình đây – thuyết phục ông ta nghĩ đến một con số rồi ‘đọc thầm’ con số đó. Mellery vừa đọc xong con số thì tên hung thủ liền nhập số đó vào nội dung lá thư rồi bấm nút in. Nửa phút sau, hẳn nhét thư vào phong bì, ném vào hộp thư, rồi lái đi – làm người ta tưởng hẳn đọc được ý nghĩ người khác như ma vậy.”

“Rất thông minh,” Madeleine nói.

“Hẳn hay anh?”

“Đương nhiên là cả hai người.”

“Anh nghĩ như vậy là hợp lý lắm. Hẳn thu âm tiếng xe cộ cũng hợp lý nốt – để người ta tưởng hẳn ở đâu đó chứ không phải là trên đường quê yên tĩnh.”

“Tiếng xe cộ ư?”

“Tiếng xe cộ được thu sẵn. Một nhân viên giám định giỏi ở BCI chạy một chương trình phân tích âm thanh trên đoạn băng Mellery ghi từ cuộc gọi và phát hiện ra có hai loại âm thanh nền đằng sau giọng của hung thủ – tiếng động cơ xe và tiếng xe cộ. Tiếng động cơ là thế hệ thứ nhất – nghĩa là, âm

thanh thật ra đang phát ra cùng lúc với giọng nói – nhưng tiếng xe là thể hệ thứ hai, nghĩa là tiếng xe đã được thu sẵn và phát lại cùng lúc với tiếng nói trực tiếp. Thoạt đầu chuyện chẳng hợp lý gì cả.”

“Giờ thì hợp lý rồi đấy,” Madeleine nói, “vì anh đã tìm được câu trả lời rồi. Giỏi lắm.”

Anh nhìn kỹ cô, cố tìm sự mỉa mai thường ẩn nấp dưới những lời nhận xét của cô về việc anh dính líu vào vụ án này nhưng không tìm thấy gì cả. Cô đang nhìn anh bằng sự ngưỡng mộ chân thật.

“Em nói thật đấy,” cô nói, như thể đã phát hiện ra sự ngờ vực của anh. “Em rất ấn tượng.”

Một hồi ức quay về với anh, mang theo sự ngậm ngùi đáng sửng sốt: cô thường xuyên nhìn anh như vậy trong những năm đầu mới cưới, thật tuyệt biết bao khi thường xuyên nhận được bằng nhiều cách khác nhau sự ủng hộ trìu mến của một người phụ nữ thông minh sắc sảo đến thế, sự gắn kết giữa họ đã như thế, vô giá biết bao. Và kìa, nó đã xuất hiện trở lại, sống động trong đôi mắt cô, dù có thể chỉ là một phần nhỏ nhoi đáng hân hoan. Rồi cô xoay người một chút về phía cửa sổ, ánh sáng nhá nhem làm mờ nét mặt của cô. Cô hăng giọng.

“À, mình mua cái đồ cào tuyết trên mái nhà mới chưa thế? Người ta nói trước nửa đêm lượng tuyết sẽ từ hai năm đến ba mươi xăng-ti-mét đấy, em chẳng mong phòng chứa đồ bị dột lần nữa đâu.”

“Hai năm đến ba mươi xăng-ti-mét ư?”

Anh nhớ mang máng trong kho thóc còn chiếc cào cũ, có thể sửa lại được bằng băng keo ống nước...

Cô bật ra một tiếng thở dài nhẹ rồi đi về phía cầu thang. “Em dọn sạch phòng chứa đồ cũng được.”

Anh không nghĩ ra được điều gì khôn ngoan để nói. Điện thoại đang đổ chuông trên mặt bếp giúp anh khỏi phải nói điều gì đó ngu xuẩn. Anh nhắc máy ở tiếng chuông thứ ba. “Gurney đây.”

“Thanh tra Gurney, Gregory Dermott đây.” Giọng nói lịch sự nhưng căng thẳng.

“Phải, anh Dermott hả?”

“Có chuyện rồi. Tôi muốn chắc chắn là tôi đang báo cáo đúng cơ quan có thẩm quyền.”

“Có chuyện?”

“Tôi nhận được lá thư này lạ lắm. Tôi nghĩ có lẽ nó có liên quan đến mấy lá thư mà anh bảo tôi các nạn nhân đã nhận đấy. Tôi đọc cho anh nghe nhé.”

“Trước tiên nói cho tôi biết làm sao anh nhận được lá thư đó đã.”

“Tình huống tôi nhận được thư còn ghê tởm hơn là nội dung thư nữa. Chúa ạ, nó làm tôi sờn cả gai ốc đây này! Thư được dán ngoài cửa sổ – cửa sổ nhà bếp sát bên cái bàn nhỏ mà sáng nào tôi cũng ngồi ăn sáng đấy. Vậy nghĩa là sao anh biết không hả?”

“Là sao cơ?”

“Nghĩa là hẳn đang ở đó chứ sao, ngay sát căn nhà, cách chỗ tôi ngủ không quá mười lăm mét. Hẳn còn biết cửa sổ nào để dán nữa. Nên tôi mới sờn cả gai ốc đấy.”

“Anh nói ‘biết cửa sổ nào để dán’ là sao?”

“Cửa sổ mà sáng nào tôi cũng ngồi ở đó đấy. Đâu có trùng hợp như vậy – hẳn nhất định biết tôi ngồi ở cái bàn đó ăn sáng, vậy nghĩa là hẳn đang theo dõi tôi đây mà.”

“Anh báo cảnh sát chưa?”

“Thì tôi đang gọi cho anh đây.”

“Ý tôi là báo cảnh sát địa phương ấy.”

“À, tôi hiểu ý anh rồi. Có, tôi có gọi chứ – nhưng họ có coi trọng tình huống này đâu. Nên tôi hy vọng anh gọi cho họ sẽ tốt hơn. Anh gọi giúp tôi được không?”

“Nói cho tôi biết bức thư ghi gì nào.”

“Chờ chút đã. Đây rồi. Chỉ hai dòng thôi, viết bằng mực đỏ. ‘*Một thằng chết thì hết thằng sống. Giờ thì tất cả những thằng ngu đều phải chết*’”

“Anh đọc thư cho cảnh sát nghe chưa?”

“Đọc rồi. Tôi giải thích cho họ hiểu có thể có liên quan đến hai vụ án mạng, xong họ nói sáng mai sẽ có thanh tra đến gặp tôi, nói giống như chẳng việc gì phải gấp gáp vậy.”

Gurney cân nhắc mặt lợi và hại nếu nói cho anh ta biết bây giờ đã có 3 án mạng rồi nhưng nhận thấy nếu nói vậy sẽ làm anh ta hoang mang hơn chứ không được gì. Giọng Dermott cho thấy anh ta đã đủ hoang mang rồi.

“Theo anh, thông điệp đó có ý nghĩa gì?”

“Nghĩa gì ư?” Giọng Dermott hoảng lên. “Thư ghi sao thì có nghĩa như vậy thôi. Thư nói ai đó sẽ chết. Chết bây giờ đấy. Mà thông điệp này lại gửi cho tôi. Nghĩa là vậy chứ sao, Chúa ạ. Mấy anh bị sao vậy hả? Phải cần bao nhiêu xác chết thì các anh mới chú ý đến sự việc này đây?”

“Xin anh bình tĩnh. Anh có tên của viên cảnh sát mà anh đã nói chuyện không?”

Lộn Ngược

Kết thúc cuộc nói chuyện khó khăn với trung úy John Nardo thuộc Sở Cảnh sát Wycherly qua điện thoại, Gurney đã nhận được lời cam đoan miễn cưỡng rằng một cảnh sát sẽ được phái đến bảo vệ Gregory Dermott, ít ra là tạm thời, trong khi chờ quyết định cuối cùng từ cảnh sát trưởng.

Trong khi đó, bão tuyết đã chuyển thành lốc. Gurney đã thức gần ba mươi tiếng và biết mình cần ngủ, nhưng anh quyết định thúc bản thân một chút nữa và bắc một bình cà phê lên bếp. Anh gọi với lên lầu hỏi Madeleine có muốn uống cà phê không. Anh không giải mã được câu trả lời đơn âm tiết của cô dù lẽ ra anh phải biết nó là gì. Anh hỏi lần nữa. Lần này tiếng “Không!” nghe lớn và rõ – anh nghĩ lớn và rõ hơn mức cần thiết.

Lúc này tuyết không có tác dụng an thần đối với anh như thường lệ. Diễn biến vụ án chồng chất quá nhanh, và anh bắt đầu cảm thấy việc thả bức thư thơ thần của anh vào hộp thư ở Wycherly với hy vọng liên lạc được với tên hung thủ là một sai lầm. Đành rằng anh ít nhiều có quyền tự do điều tra, nhưng can thiệp ‘sáng tạo’ như vậy có lẽ không nằm trong quyền hạn của anh. Trong lúc anh chờ cà phê ra, những hình ảnh về hiện trường ở Sotherton, gồm cả con cá bơn – mà anh hình dung sống động như thể đã thấy tận mắt – đang giành chỗ trong tâm trí anh với mảnh giấy trên cửa sổ nhà Dermott. *Một thẳng chết thì hết thẳng sống. Giờ thì tất cả những thẳng ngu đều phải chết.*

Kiểm tìm một lộ trình thoát khỏi bãi lầy của cảm xúc, anh chợt nhận ra mình có hai phương án: một là sửa chiếc cào tuyết bị nứt, hai là xem xét kỹ hơn vụ ‘con số 19’ để xem nó có dẫn anh đến đâu không. Anh chọn phương án thứ hai.

Giả định trò lừa lọc ấy tiến hành theo đúng cách anh nghĩ, thì có thể rút ra kết luận gì? Rằng tên hung thủ rất thông minh, giàu trí tưởng tượng, bình tĩnh dưới áp lực, đầy dã tâm một cách bền cọt ư? Rằng hắn là một kẻ thích kiểm soát, lúc nào cũng muốn khiến nạn nhân cảm thấy bất lực ư? Tất cả những điểm trên, nhưng những tố chất đó đã là chuyện hiển nhiên từ lâu. Thứ chưa hiển nhiên là tại sao hắn lại tiến hành kế hoạch theo cái cách đặc biệt đó? Gurney chợt nhận ra cái dữ kiện nổi bật về mảnh khóe ‘con số 19’ ấy chính ở chỗ nó là một mảnh khóe. Và tác dụng của cái mảnh khóe đó là cho người khác cái cảm tưởng hung phạm hiểu rõ nạn nhân đến nỗi biết được họ đang nghĩ gì – trong khi không cần phải biết gì về nạn nhân cả.

Chúa ạ!

Câu thơ trong bài thơ thứ hai gửi cho Mellery là gì nhỉ?

Gurney đi như chạy từ nhà bếp vào phòng làm việc, chớp lấy hồ sơ vụ án, rồi lật nhanh xem. Kia rồi! Lần thứ hai trong ngày, anh cảm thấy lòng rộn ràng vì đã chạm được vào một phần của sự thật.

Tôi biết ông nghĩ sao, chớp mắt khi nào, đã ở đâu, sẽ về đâu.

Madeleine đã nói gì trên giường đêm đó nhỉ? Đêm hôm qua hay đêm hôm kia nhỉ? Nói là mấy thông điệp đó được viết một cách chung chung đến là kỳ lạ – chẳng dữ kiện, chẳng tên tuổi, chẳng nơi chốn, chẳng có thứ gì là thật ư?

Trong hứng khởi, Gurney cảm nhận được những mảnh ghép lớn của câu đố xếp hình đang khớp vào đúng vị trí. Mảnh ghép trọng tâm là mảnh ghép mà anh đã cảm lộn ngược ngay từ đầu. Mọi việc giờ đây xem ra đã rõ: những hiểu biết tường tận về nạn nhân và quá khứ của họ chỉ là giả vờ. Một lần nữa Gurney đọc qua hồ sơ thư từ và điện thoại mà Mellery và những nạn nhân khác đã nhận được nhưng anh lại không tìm được chút chứng cứ nào cho thấy hung thủ biết cụ thể nạn nhân ngoại trừ họ tên và địa chỉ của họ. Đúng là có vẻ như hắn biết chuyện nghiện rượu một thời của các nạn nhân, nhưng cho dù là vậy, cũng không thấy hắn nói đến chi tiết nào – không một biến cố, một người, một nơi, một thời điểm nào. Tất cả đều khớp với hình

tượng của một tên hung thủ cố gắng cho nạn nhân của hắn cái cảm giác hắn biết họ tường tận trong khi thực tế lại chẳng biết chút gì.

Nếu vậy sẽ phát sinh thêm một câu hỏi mới. Tại sao lại giết người lạ? Nếu câu trả lời là, hắn là kẻ bệnh hoạn ghét cay ghét đắng những ai có vấn đề về rượu, thì tại sao (như Randy Clamm đã nói với Gurney ở quận Bronx) không ném bom vào cuộc họp gần nhất của Hội Cai rượu cho xong?

Một lần nữa những suy nghĩ của anh bắt đầu chạy lòng vòng, khi sự mệt mỏi đã ngập tràn tâm trí và thể xác. Đến cùng với mệt mỏi là sự hoài nghi về bản thân. Sự phấn chấn khi nhận ra cách thực hiện mảnh khóc về con số và ý nghĩa của nó trong mối quan hệ giữa hung thủ và các nạn nhân được thay bằng cảm giác tự phê bình xưa cũ rằng đáng lẽ anh phải hiểu chuyện sớm hơn – và sau đó là nỗi sợ ngay cả phát hiện này rồi cuộc cũng sẽ là ngõ cụt.

“Chuyện gì nữa thế?”

Madeleine đang đứng chỗ cửa phòng, tay cầm một túi rác ni lông màu đen căng phình, tóc cô rối bù sau sứ mệnh dọn sạch phòng chứa đồ.

“Không có gì.”

Cô ném cho anh một cái nhìn ‘em không tin anh đâu’ rồi đặt túi rác xuống chỗ cửa. “Mấy thứ này nằm trong ngăn chứa đồ của anh.”

Anh nhìn chăm chăm cái túi.

Cô trở lại căn gác.

Cơn gió tạo ra một tiếng huýt cao vút chỗ một cánh cửa sổ cần một lớp chắn gió mới. Chết tiệt. Anh muốn sửa nó từ lâu. Mỗi lần gió đập vào nhà ở góc đó là...

Điện thoại reng.

Gowacki gọi đến từ Sotherton.

“Phải, đúng là cá bơn thật,” anh ta nói mà không buồn chào hỏi. “Anh làm thế quái nào mà biết thế?”

Xác nhận về con cá ấy đã vược thần trí thiếu ngủ của Gurney ra khỏi miệng hổ. Nó tiếp cho anh đủ năng lượng để gọi cho tay Jack Hardwick khó ưa nói

về một điểm làm anh băn khoăn ngay từ đầu. Chính là dòng đầu tiên của bài thơ thứ ba. Vừa tách bài thơ ra khỏi tập hồ sơ, anh vừa bấm số gọi Hardwick.

*Ta làm những việc đã làm,
vì vui không phải, vì tiền cũng không,
mà vì nợ phải trả xong,
vì những bù đắp chẳng mong kéo dài.
Vì màu máu đỏ không phai
như ai tô điểm một bông hoa hồng.
Để ai cũng phải nắm lòng
gieo gặt nảy, đừng hòng cậy ai.*

Như thường lệ, phải chịu đựng một phút xỉ vả bừa bãi dài dòng anh mới có thể khiến tay thám tử BCI này chịu nghe những trần trở của mình và phản hồi. Câu hỏi đáp của hẳn đậm chất Hardwick.

“Anh nghĩ cách nói quá khứ trong thư nghĩa là trước lúc khứ ông bạn của anh thì hung phạm đã bỏ lại đằng sau vài cái đầu bị cắt rời ư?”

“Hiển nhiên phải có nghĩa như vậy,” Gurney nói, “vì khi thư được viết thì cả 3 nạn nhân mà ta biết đều còn sống cả.”

“Vậy anh muốn tôi làm gì nào?”

“Chắc ta nên yêu cầu các sở cảnh sát cho thông tin về những vụ có cách thức gây án tương tự.”

“Anh muốn chúng ta trình bày cái *modus operandi*^[18] ấy chi tiết đến cỡ nào đây?” Giọng điệu đặc ý của Hardwick làm cho cái từ La tinh ấy nghe như một trò đùa. Hardwick là một tay theo chủ nghĩa dân tộc bá quyền nên có khuynh hướng thấy tiếng nước ngoài là lỗ bịch, thái độ đó làm Gurney phát cáu.

“Tùy anh. Theo tôi thì vết đâm ở cổ là điểm mấu chốt.”

“Hừm. Anh thấy bản yêu cầu này gửi đến đâu thì được? Bang Pennsylvania, New York, Connecticut, Rhode Island, Massachusetts, cả

New Hampshire và Vermont luôn ư?”

“Tôi không biết, Jack. Anh quyết định đi.”

“Khung thời gian?”

“5 năm trước được không? Anh thấy ổn là được.”

“5 năm trước cũng được rồi.” Hãn nói như thể khung thời gian nào cũng tệ như nhau. “Anh sẵn sàng cho buổi họp mặt của đại úy R chưa?”

“Mai đúng không? Ủ, mai tôi đến.”

Có một khoảng lặng. “VẬY anh nghĩ thằng chó chết điên khùng này đã gây án được một thời gian rồi ư?”

“Có vẻ như là một khả năng, đúng không?”

Lại một khoảng lặng nữa. “Bên phía anh có tiến triển gì không?”

Gurney tóm tắt cho Hardwick biết các dữ kiện và kiến giải mới của mình, kết thúc bằng một đề nghị. “Tôi biết Mellery đi cai nghiện cách đây mười lăm năm. Có lẽ anh nên kiểm tra xem anh ấy có tiền án hay hồ sơ công cộng nào không – bất cứ thứ gì liên quan đến rượu. Tương tự cho Albert Rudden và Richard Kartch. Nhóm điều tra án mạng vụ Rudden và Kartch đang nghiên cứu tiểu sử nạn nhân. Có thể họ sẽ đào ra được thông tin gì đó có liên quan. Nhân tiện chúng ta soi mói chút ít lý lịch của Gregory Dermott cũng không hại ai cả. Chẳng hiểu sao anh ta lại bị cuốn vào cái mớ bong bóng này nữa. Hung thủ chọn hộp thư Wycherly vì lý do nào đó, và bây giờ hãn lại đe dọa chính Dermott nữa.”

“Hãn sao hả?”

Gurney kể Hardwick nghe chuyện mảnh giấy ‘*Một thằng chết thì hết thằng sống. Giờ thì tất cả những thằng ngu đều phải chết*’ dán trên cửa sổ nhà Dermott và cuộc trò chuyện với trung úy Nardo.

“Anh nghĩ chúng ta sẽ tìm được gì khi kiểm tra lý lịch?”

“Tìm được gì đó khớp với 3 dữ kiện. Thứ nhất, hung thủ tập trung vào những nạn nhân có tiền sử nghiện rượu. Thứ hai, không có chứng cứ nào cho thấy hãn quen riêng từng nạn nhân cả. Thứ ba, hãn chọn nạn nhân xa

nhau về mặt địa lý, điều này cho thấy còn một yếu tố tuyển lựa nào khác nữa hơn là nghiện rượu vô độ – một yếu tố nào đó nối kết họ lại với nhau, với tên hung thủ, và có lẽ với Dermott nữa. Tôi không biết đó là gì, nhưng nếu trông thấy thì tôi sẽ biết.”

“Đó có phải là một dữ kiện không?”

“Mai gặp nhé Jack.”

Madeleine

Ngày hôm sau đến đường đột một cách lạ kỳ. Nói chuyện với Hardwick xong, Gurney cởi giày nằm sóng soài trên chiếc xô pha trong phòng làm việc. Anh ngủ thật sâu, không gián đoạn, suốt phần còn lại của buổi chiều và rồi suốt cả đêm. Khi anh mở mắt ra, trời đã sáng.

Anh đứng dậy, vươn vai, nhìn ra ngoài cửa sổ. Mặt trời đang trườn lên rặng núi nâu phía Đông thung lũng, làm anh đoán bây giờ có lẽ khoảng bảy giờ sáng. Đến mười giờ rưỡi anh mới phải tới cuộc họp của BCI. Bầu trời xanh thắm hoàn mỹ, và tuyết lấp lánh như được trộn vào nhiều mảnh thủy tinh, vẻ đẹp và sự an bình của khung cảnh lẫn vào hương cà phê tươi ngào ngạt, làm cuộc sống trong phút chốc dường như giản dị và tốt đẹp như bản chất của nó. Giấc ngủ dài làm anh hồi sức hoàn toàn. Anh cảm thấy đã sẵn sàng làm chuyện mà anh đã trì hoãn bấy lâu là gọi cho Sonya và Kyle, nhưng bỗng dừng lại khi nhận ra giờ này có lẽ hai người vẫn còn đang ngủ. Anh nghĩ đến hình ảnh Sonya đang nằm trên giường một vài giây, rồi ra bếp, quyết tâm sau chín giờ sẽ gọi ngay.

Ngôi nhà mang cảm giác trống trải vốn có mỗi khi Madeleine đi vắng. Sự vắng mặt của cô được xác nhận bởi mảnh giấy anh thấy trên mặt bếp: *“Bình minh. Mặt trời sắp lên. Tuyệt đẹp. Đi giày tuyết tới rặng núi Carlson. Cà phê trong bình. M.”* Anh vào phòng tắm, rửa ráy, đánh răng. Khi đang chải tóc, anh chợt nghĩ mình có thể đuổi theo cô. Cô đề cập đến bình minh sắp ló dạng nghĩa là cô đã rời nhà trong khoảng mười phút trước. Nếu dùng đôi ván trượt tuyết việt dã của mình và men theo dấu giày tuyết của cô thì chừng hai mươi phút nữa anh có thể vượt qua cô.

Anh mặc quần trượt tuyết và ủng bọc lấy quần jeans, mặc cho mình một chiếc áo len dày, lắp ván trượt tuyết vào chân, rồi qua cửa sau bước ra đám

tuyết mịn dày khoảng ba mươi xăng-ti-mét. Đi hơn 1.600 mét qua một đường rừng cũ kỹ có dốc hơi nghiêng lên trên chạy từ phía sau căn nhà của hai người là tới rặng núi mà Madeleine đề cập, nơi có thể thấy cảnh quan bao quát của vùng thung lũng phía Bắc và dãy đồi đằng xa. Vào hè không thể vượt qua rặng núi này với những bụi mâm xôi dại mọc rối um tùm, nhưng vào cuối thu và đông, tầng cây thấp đầy gai góc này lại rút xuống.

Trong không khí lạnh lẽo, chỉ nghe tiếng kêu khô khốc của một gia đình nhà quạ đang thận trọng bay lên từ ngọn cây trụ lá trước mặt anh hơn 90 mét và chẳng mấy chốc biến mất phía bên kia rặng núi, để lại sau lưng một sự tĩnh lặng còn sâu lắng hơn.

Khi Gurney nhô người ra khỏi khu rừng và đặt chân lên mũi đất bên trên trang trại Carlson trên sườn đồi, anh thấy Madeleine. Cô đang ngồi bất động trên một phiến đá cách anh chừng mười lăm mét, nhìn ra khung cảnh thoai thoải lùi dần ra tận chân trời với hai hẻm ú và một con đường ngoằn ngoèo xa thẳm là bằng chứng duy nhất cho thấy có người hiện diện. Anh dừng chân, sững sờ trước tư thế bất động của cô. Trông cô thật... thật cô độc vô cùng... nhưng lại gắn kết với thế giới của mình thật mãnh liệt. Cô như ngọn hải đăng, ra hiệu cho anh đến một nơi nằm ngoài tầm với của mình.

Không nói không rằng, không có từ nào để kiềm chế cảm xúc, cảnh tượng trước mắt giày xéo tâm can Chúa ơi, có phải anh đang suy sụp không? Lần thứ ba trong tuần, mắt anh ngấn đầy lệ. Anh nuốt nước bọt rồi lau mặt. Cảm thấy choáng váng, anh di chuyển hai tấm ván trượt ra xa nhau để giữ thăng bằng.

Có lẽ do cử động của anh lọt vào tầm nhìn của cô, hoặc do tiếng ván trượt kêu lên trong tuyết khô, nên cô quay lại. Cô nhìn anh tiến đến gần. Cô không nói gì, chỉ nhoẻn miệng cười. Anh có một cảm giác khá lạ lẫm là cô nhìn được tâm hồn anh rõ như thể xác anh – lạ lẫm, vì ‘tâm hồn’ là một khái niệm anh chưa bao giờ tìm thấy được ý nghĩa trong đó, một từ anh chưa hề sử dụng. Anh ngồi cạnh cô trên tảng đá phẳng và nhìn trôn trôn, mà không thấy, vào cảnh sắc lộng lẫy của đồi núi và thung lũng. Cô vòng tay khoác lấy cánh tay anh, đặt vào lòng mình.

Anh nhìn kỹ gương mặt cô. Anh không biết phải dùng ngôn từ nào để lột tả những gì mình thấy. Như thể toàn bộ sự rạn vỡ từ khung cảnh phủ đầy tuyết phản chiếu trong nét mặt cô và sự rạn vỡ trên gương mặt cô phản chiếu trong khung cảnh.

Một chập sau – anh không rõ là bao lâu – họ cất bước trở về nhà theo một lộ trình vòng quanh.

Đi được khoảng nửa đường, anh hỏi, “Em đang nghĩ gì vậy?”

“Không suy nghĩ gì cả. Suy nghĩ chỉ tổ cản trở.”

“Cản trở thứ gì?”

“Trời xanh, tuyết trắng.”

Mãi đến khi họ trở lại phòng bếp anh mới nói trở lại.

“Anh còn chưa uống cà phê em để lại cho anh nữa,” anh nói.

“Để em pha bình mới cho anh.”

Anh nhìn cô lấy một túi hạt cà phê ra khỏi tủ lạnh rồi đong một ít vào máy nghiền cà phê.

“Gì thế?” Cô nhìn anh một cách tò mò, ngón tay để trên nút bấm.

“Không có gì,” anh nói. “Xem em làm thôi.”

Cô ấn nút. Một loạt tiếng kêu phát ra từ chiếc máy nhỏ bé, tiếng càng nhỏ khi hạt cà phê bị nghiền càng vụn. Cô nhìn anh lần nữa.

“Để anh xem phòng chứa đồ,” anh nói, cảm thấy cần phải làm chuyện gì đó.

Anh cất bước lên gác, nhưng chưa đến phòng chứa đồ anh đã dừng lại ở đầu cầu thang chỗ cửa sổ đối diện cánh đồng sau nhà và khu rừng bên kia cánh đồng và đường rừng dẫn tới rặng núi. Anh hình dung cảnh cô đang ngồi trên tảng đá trong sự an bình cô độc, và cái cảm xúc dâng trào không tên ấy một lần nữa lại ngập tràn trong anh, một cách đau đớn. Anh gắng sức gọi tên cơn đau ấy.

Mất mát. Cách biệt. Cô lập.

Cái tên nào nghe cũng đúng, mỗi tên diễn tả một khía cạnh khác nhau của cùng một cảm giác.

Vị bác sĩ trị liệu mà anh đã gặp cuối tuổi thiếu niên sau một cơn hoảng loạn – vị bác sĩ đã nói với anh rằng cơn hoảng loạn ấy phát sinh từ lòng thù hằn sâu sắc mà anh đã nung nấu đối với bố anh và việc anh không có những cảm xúc có ý thức trước bố mình là bằng chứng cho thấy tiềm ẩn trong cảm xúc đó là sức mạnh và sự tiêu cực – cũng vị bác sĩ ấy một ngày kia đã tâm sự với anh về một điều mà ông cho là mục đích của cuộc đời.

“Mục đích của cuộc đời là gần gũi hết mức có thể với những người khác.” Ông nói ra câu đó một cách giản đơn đến sững sốt, như thể đang chỉ ra rằng mục đích của xe tải là để vận chuyển vật.

Vào một dịp khác ông bộc bạch, cũng bằng cái giọng tỉnh rụi ấy, một hệ quả: “Một cuộc đời cô lập là một cuộc đời uổng phí.”

Ở cái tuổi 17 khi ấy, Gurney không rõ vị bác sĩ đang nói gì. Nghe có vẻ sâu xa thật, nhưng chiều sâu của nó rất mờ ảo, và anh không thấy được gì trong đó. Đến 47 tuổi, anh vẫn chưa hoàn toàn hiểu thấu – ít ra là chưa hiểu theo cách anh hiểu về mục đích của xe tải.

Quên mất phải đến phòng chứa đồ, anh trở xuống bếp. Đi vào căn bếp từ lối cầu thang tối mịt, anh thấy căn phòng sáng rực rỡ. Mặt trời lúc này đã nằm hằn bên trên đám cây trên một bầu trời không mây, chiếu xuyên qua những cánh cửa kiểu Pháp nằm ở hướng Đông Nam. Đồng cỏ đã bị đọt tuyết mới biến dạng thành một tấm gương phản chiếu chói lóa, hắt ánh trắng sáng lên trên mọi ngõ ngách của căn phòng vốn ít khi được soi rọi.

“Cà phê của anh xong rồi,” Madeleine nói. Cô đang mang một tờ báo vo tròn và một ít củi đóm đến lò củi. “Ánh sáng thật là huyền diệu. Như âm nhạc vậy.”

Anh mỉm cười gật đầu. Đôi khi anh ghen tị với khả năng dễ bị mê hoặc của cô trước những thứ lấp lánh vụn vặt của tự nhiên. Tại sao, anh tự hỏi, một người phụ nữ như thế, một con người hăng hái như thế, một người có óc thẩm mỹ bẩm sinh đáng ngưỡng mộ như thế, một người phụ nữ gắn kết gần gũi với tổ chất huy hoàng của vạn vật như thế, lại kết hôn với một thám tử

đầy lý trí và cứng nhắc? Phải chăng cô từng tưởng tượng một ngày kia anh sẽ vượt bỏ được cái kén xám của nghề nghiệp? Phải chăng anh đã từng hòa theo viễn cảnh mơ mộng đó mà tưởng tượng rằng về hưu giữa chốn thôn quê thì anh sẽ trở thành một con người khác?

Họ làm thành một cặp đôi kỳ lạ, anh nghĩ vậy, nhưng chắc chắn không lạ hơn bố mẹ anh. Mẹ anh với tất cả những thiên hướng nghệ thuật của mình, tất cả những thú vui mơ mộng nho nhỏ của mình – điêu khắc bằng giấy bồi, vẽ tranh màu nước những vật trong tưởng tượng, gấp giấy origami – đã lấy bố anh, một người mà bản chất buồn tẻ chỉ bị gián đoạn bởi những ánh mắt mĩa mai, một người mà sự chú ý luôn ở đâu đâu, một người mà niềm đam mê là gì không ai biết được, một người mà việc đi làm vào buổi sáng dường như làm ông hài lòng hơn là về nhà vào buổi chiều. Một người mà trong cuộc kiếm tìm sự bình yên của mình lại luôn luôn bỏ đi.

“Mấy giờ anh phải đi họp vậy?” Madeleine hỏi, thể hiện sự nhạy cảm chính xác đến không tưởng của cô đối với những ý nghĩ thoáng qua trong đầu anh.

Những Tranh Luận Cuối Cùng

Một cảm giác quen thuộc.

Thủ tục đăng nhập giống như trước. Khu vực tiếp tân của tòa nhà – oái ăm thay lại được thiết kế để xua đuổi – vô trùng như nhà xác nhưng lại ít yên bình hơn. Trong chốt an ninh là một tay lính gác mới, nhưng cũng như lần trước, ánh đèn khiến anh ta trông nhợt nhạt như bệnh nhân đang được xạ trị. Và, một lần nữa, người dẫn Gurney đến căn phòng hội nghị tù túng ấy lại là thanh tra Blatt tóc vuốt gel đóm dáng.

Y đi trước anh vào phòng, vẫn là căn phòng theo ký ức của Gurney, khác chẳng là nó có vẻ tồi tàn hơn trước. Trên lớp thảm không màu là những vết ố mà trước đây anh không để ý. Chiếc đồng hồ, treo không thật thẳng và quá nhỏ so với tường, chỉ 12 giờ trưa. Như thường lệ, Gurney đến đúng giờ – một tật thần kinh hơn là một đức tính tốt. Đến sớm hay đến trễ anh đều thấy bứt rứt.

Blatt ngồi xuống bàn. Wigg và Hardwick đã ngồi sẵn tự bao giờ, cùng một chỗ ghế như ở lần họp đầu tiên. Một phụ nữ với vẻ mặt cau có đang đứng cạnh bình cà phê trong góc phòng, rõ ràng không vui vì Gurney không đi cùng với người cô ta đang chờ đợi. Trông cô ta giống nữ diễn viên Sigoumey Weaver đến nỗi Gurney tự hỏi liệu cô ta có đang cố tình ra vẻ như thế không.

Như lúc trước, dựa vào chiếc bàn hình chữ nhật là ba chiếc ghế nằm gần trọng tâm của nó nhất. Khi Gurney đến chỗ bình cà phê, Hardwick cười khì như cá mập.

“Thanh tra Gurney thượng hạng, tôi có câu hỏi này cho anh đây.”

“Chào Jack.”

“Hoặc, hay hơn nữa, tôi có câu trả lời này cho anh đây. Xem anh có đoán được câu hỏi là gì không nào. Câu trả lời là ‘một linh mục bị phế truất ở Boston’. Để giành được giải đặc biệt, anh chỉ cần tìm ra câu hỏi là xong.”

Thay vì trả lời, Gurney cầm lên một chiếc tách, để ý thấy nó không sạch lắm, đặt nó xuống, thử tách khác, tới tách thứ ba, rồi quay lại tách thứ nhất.

Sigoumey đang gõ gõ chân trên nền nhà và xem đồng hồ Rolex trên tay, giả vờ sốt ruột.

“Chào,” anh nói, bấm bụng rót vào chiếc tách đầy vết ố của mình thứ cà phê nóng mà anh hy vọng là vô trùng. “Tôi là Dave Gurney.”

“Tôi là bác sĩ Holdenfield,” cô ta nói, như đặt xuống bàn cược một bộ thùng phá sảnh để đáp lại đôi hỏ của anh. “Sheridan đang đến hả?”

Thứ gì đó phức tạp trong giọng cô ta làm anh chú ý. Và cái tên ‘Holdenfield’ nghe có vẻ quen.

“Tôi không biết.” Anh tự hỏi mối quan hệ giữa ủy viên công tố quận và nữ bác sĩ này là gì. “Nếu cô không ngại thì cho tôi hỏi chuyên môn của cô là gì được không?”

“Bác sĩ tâm lý pháp y,” cô ta nói một cách lơ đãng, không nhìn anh mà nhìn cánh cửa.

“Như tôi nói đấy, thanh tra,” giọng Hardwick quá lớn so với kích thước căn phòng, “nếu câu trả lời là một linh mục Boston đã bị truất phế, thì câu hỏi là gì?”

Gurney nhắm mắt lại. “Chúa ạ, Jack, sao anh không nói cho tôi biết luôn cho xong đi?”

Hardwick nhăn mặt vẻ ghê tởm. “Vậy tôi phải giải thích hai lần rồi – cho anh nghe và cho ủy ban hành pháp nghe nữa.” Hắn nghiêng đầu về phía chỗ ghế đang nghiêng.

Nữ bác sĩ lại nhìn đồng hồ đeo tay. Trung sĩ Wigg nhìn thứ gì đó đang diễn ra trên màn hình laptop của cô ta đáp lại những phím cô ta đang gõ. Blatt trông chán chường. Cửa mở, và Kline đi vào, trông đang bận tâm điều gì, theo sau là Rodriguez, tay mang một tập hồ sơ dày cộm và trông gian ác

hơn bao giờ hết, và Stimmel, trông như một chú ếch bi quan. Khi mọi người đã an tọa, Rodriguez ném cho Kline một cái liếc mắt dò hỏi.

“Bắt đầu được rồi,” Kline nói.

Rodriguez cố định ánh mắt vào Gurney, môi y mím lại thành một đường mỏng.

“Vừa có một tiến triển rất bi đát. Một cảnh sát ở Connecticut, nghe nói là theo thỉnh cầu của anh, đã được phái đến nhà của Gregory Dermott. Anh này đã bị giết.”

“Sao mà chết?” Anh hỏi một cách bình tĩnh, dù rằng trong lòng nhói lên sự lo âu.

“Chết giống bạn của anh vậy.” Có cái gì đó chua chát và ẩn ý trong giọng nói của y. Gurney quyết định không đáp lại.

“Sheridan, chuyện quái gì đang xảy ra ở đây vậy?” Nữ bác sĩ, người đang đứng đầu bàn bên kia, nói giống vai phản diện của Sigoumey trong phim *Người ngoài hành tinh* đến nỗi Gurney phải kết luận rằng nhất định cô ta đang cố tình tỏ ra như vậy.

“Becca! Xin lỗi nhé, không thấy cô ở đó. Chúng tôi hơi bận một chút. Biến cố phút cuối mà. Hình như lại có thêm án mạng.” Hắn quay sang Rodriguez. “Rod, sao anh không cập nhật cho mọi người biết về vụ cảnh sát Connecticut này đi?” Hắn lắc đầu nhanh và nhẹ, giống như có nước trong một bên tai. “Vụ án khốn kiếp nhất tôi từng thấy!”

“Chính xác,” Rodriguez lặp lại, tay mở tập hồ sơ ra. “Chúng ta nhận được điện thoại lúc 11 giờ 25 phút sáng nay từ trung úy John Nardo thuộc Sở Cảnh sát Wycherly bang Connecticut, liên quan đến một vụ án mạng xảy ra trong phạm vi nhà của một người tên Gregory Dermott, người mà chúng ta biết là chủ hộp thư trong vụ Mark Mellery. Dermott được cảnh sát bảo vệ tạm thời theo thỉnh cầu của thanh tra đặc biệt Dave Gurney. Vào tám giờ sáng nay...”

Kline giơ tay lên. “Chờ chút đã Rod. Becca, cô gặp Dave chưa?”

“Rồi.”

Câu khẳng định lạnh lùng, cụt ngắn dường như dùng để xua đi những lời giới thiệu thêm, nhưng Kline vẫn nói tiếp.

“Hai người chắc sẽ có nhiều chuyện để nói lắm đây. Một bác sĩ tâm lý với thành tích điểm mặt chính xác nhất trong ngành và một thanh tra với số vụ bắt giữ hung thủ giết người nhiều nhất trong lịch sử Sở Cảnh sát New York.”

Lời khen ngợi xem ra khiến mọi người không thoải mái. Nhưng nó cũng khiến Holdenfield lần đầu tiên nhìn vào Gurney với chút hứng thú. Và mặc dù anh chẳng phải là người hâm mộ những nhà điểm mặt chuyên nghiệp, nhưng bây giờ anh đã hiểu tại sao tên cô ta lại nghe quen.

Kline nói tiếp, xem ra quyết tâm muốn làm nổi bật hai ngôi sao của mình. “Becca đọc được ý nghĩ của chúng, Gurney lần ra chúng – Claus Ăn Thịt, Jason Strunk, Peter Thú túi gì đó...”

Nữ bác sĩ quay sang Gurney, mắt mở rộng ra một chút. “Piggert ư? Vụ đó của anh ư?”

Gurney gật đầu.

“Một vụ bắt giữ khá nổi tiếng đấy,” cô ta nói, nghe có phần nể phục.

Phải khó khăn lắm anh mới nở được một nụ cười lơ đãng nho nhỏ. Tình hình ở Wycherly – và câu hỏi liệu sự can thiệp bỗng bột của anh bằng bài thơ gửi qua đường bưu điện có tác động gì đối với cái chết của viên cảnh sát ấy không – đang giày vò anh.

“Nói tiếp đi Rodriguez,” Kline đột ngột nói, như thể tay đại úy mới là người gây ra gián đoạn.

“Vào tám giờ sáng nay, Gregory Dermott đi đến bưu điện Wycherly, đi kèm là sĩ quan Gary Sissek. Theo Dermott kể lại thì hai người về nhà lúc tám giờ rưỡi, lúc đó anh ta pha cà phê, làm bánh mì nướng rồi xem qua đồng thư, trong khi sĩ quan Sissek vẫn ở ngoài tuần tra quanh chu vi nhà và bảo đảm an ninh bên ngoài. Lúc 9 giờ sáng, Dermott đi tìm sĩ quan Sissek và phát hiện xác anh ta trên thềm nhà phía sau. Dermott gọi 911. Cảnh sát phản ứng nhanh đã bảo vệ hiện trường và phát hiện một bức thư dán trên cửa sau phía trên xác.”

“Vết đạn và nhiều vết đâm như mấy vụ kia ư?” Holdenfield hỏi.

“Vết đâm thì đã được xác nhận, còn đạn thì vẫn chưa xác định được.”

“Còn bức thư?”

Rodriguez đọc từ một bản fax trong tập hồ sơ của mình. “Ta đến từ đâu? Ta đã đi đâu? Bao nhiêu người sẽ chết? Vì bọn bay không biết?”

“Cũng mấy thứ quái đản ấy,” Kline nói. “Cô nghĩ sao, Becca?”

“Quá trình này có lẽ đang tăng tốc.”

“Quá trình này?”

“Mọi thứ cho đến giờ đều được dự mưu kỹ lưỡng – chọn nạn nhân, để lại một loạt các bức thư, tất cả các yếu tố đó. Nhưng vụ này thì khác, có tính chất phản ứng theo tình huống hơn là dự mưu.”

Rodriguez trông hoài nghi. “Cũng cùng một nghi thức đâm chém, cùng một loại thư cơ mà.”

“Nhưng đây là một nạn nhân không nằm trong kế hoạch. Có vẻ như ông Dermott của anh là mục tiêu ban đầu, nhưng viên cảnh sát này lại bị thế mạng trong một phút nhất thời thôi.”

“Nhưng bức thư...”

“Bức thư có lẽ được mang đến hiện trường để đặt lên xác của Dermott, nếu tất cả diễn ra theo kế hoạch, hoặc có lẽ nó được soạn tại chỗ cho hợp với tình huống đã thay đổi. Nó dài bốn dòng như vậy chắc có ý nghĩa gì đó. Chẳng phải những bức kia đều tám dòng cả sao?” Cô ta nhìn Gurney chờ xác nhận.

Anh gật đầu, một nửa tâm trí vẫn còn lạng đi trong những suy đoán tội lỗi, rồi buộc bản thân trở về với thực tại. “Tôi đồng ý với bác sĩ Holdenfield. Tôi đã không nghĩ đến ý nghĩa của sự khác biệt giữa bốn dòng và tám dòng, nhưng bây giờ lại thấy hợp lý. Có một điều tôi muốn nói thêm là, mặc dù vụ giết người này cũng được dự tính giống như cách thức ở những vụ kia, nhưng yếu tố ghét cảnh sát vẫn luôn là một phần trong não trạng của tên hung thủ này và nó ít nhiều cũng tích hợp vụ giết chóc này vào kiểu mẫu đó và có thể giải thích cho khía cạnh nghi thức mà đại úy đã đề cập đến.”

“Becca nói nhịp độ đang tăng tốc gì đấy,” Kline nói. “Chúng ta đã có 4 nạn nhân rồi. Như vậy có phải sắp tới sẽ có thêm nạn nhân không?”

“Thật ra là 5 nạn nhân cơ.”

Mọi cặp mắt đều dồn về Hardwick.

Tay đại úy đưa năm đấm lên, vừa đọc rõ một tên vừa xòe ra một ngón: “Mellery này. Rudden này. Kartch này. Sĩ quan Sissek này. Vậy là bốn mà.”

“Cha Michael McGrath nữa là năm,” Hardwick nói.

“Ai vậy?” Câu hỏi bật ra trong sự đồng loạt đến inh tai của Kline (hào hứng), tay đại úy (bực dọc), và Blatt (bối rối).

“5 năm trước, một linh mục ở giáo khu Boston bị bãi nhiệm trước nhiều cáo buộc liên quan đến một số lễ sinh. Ông ta thỏa thuận gì đó với giám mục, để đổ lỗi hành vi không đứng đắn của mình cho chứng nghiện rượu, đi cai nghiện lâu dài rồi trốn mất tăm, hết chuyện.”

“Cái giáo khu Boston ấy bị khi gió gì ấy nhỉ?” Blatt khinh bỉ. “Cái nơi khốn nạn đó đầy rẫy mấy thằng chơi con nít.”

Hardwick tảng lờ y. “Hết chuyện cho tới thời điểm năm ngoái thôi. Năm ngoái người ta phát hiện McGrath chết trong căn hộ. Nhiều vết đâm ở cổ. Trên xác có dán một bức thư trả thù. Một bài thơ tám dòng viết bằng mực đỏ.”

Rodriguez đỏ mặt tía tai. “Anh biết chuyện này bao lâu rồi hả?”

Hardwick nhìn đồng hồ trên tay. “Nửa tiếng rồi.”

“Hả?”

“Hôm qua thanh tra đặc biệt Gurney yêu cầu tất cả các sở cảnh sát khu vực ở các bang Đông Bắc cung cấp thông tin về những vụ án có phương thức gây án tương tự vụ Mellery. Sáng nay chúng tôi được tin về một vụ – Cha McGrath quá cố.”

“Có ai bị bắt hay truy tố vì cái chết của ông ấy không?” Kline hỏi.

“Không hề. Cái gã lo án mạng ở Boston mà tôi nói chuyện không chịu ra mặt nói trực tiếp, nhưng tôi có cảm tưởng họ không ưu tiên vụ án đó lắm.”

“Nói vậy nghĩa là sao hả?” Tay đại úy nghe có vẻ dằn dỗi.

Hardwick nhún vai. “Tay linh mục ấu dâm này bị đâm đến chết, hung thủ để lại một bức thư đề cập mơ hồ đến những việc làm sai trái ở quá khứ. Xem ra có ai đó quyết định trả đũa. Chắc cảnh sát thấy đây là vụ khi gió gì thổi, thiếu gì mấy vụ vợ vãn khác cần phải lo, thiếu gì hung phạm để bắt có động cơ ít cao thượng hơn là giết người để thực thi công lý tức thì. Nên chắc họ chẳng chú ý nhiều đến vụ này.”

Rodriguez trông như mắc chứng khó tiêu. “Nhưng anh ta có chính miệng nói đâu nào.”

“Tất nhiên anh ta không nói rồi.”

“Vậy là,” Kline nói bằng giọng tổng kết của mình, “cảnh sát Boston làm gì hay không làm gì cũng được, thực tế là Cha Michael McGrath là nạn nhân thứ năm.”

“*Si, número cinco,*”^[19] Hardwick ngờ nghệch nói. “Nhưng thật ra là *número uno*”^[20] mới đúng – vì tay linh mục này bị xắt lát trước 4 người kia một năm mà.”

“Vậy nạn nhân Mellery mà ta nghĩ là người đầu tiên thật ra lại là người thứ hai,” Kline nói.

“Tôi không nghĩ vậy chút nào,” Holdenfield nói. Khi đã có sự chú ý của mọi người, cô ta nói tiếp. “Không có chứng cứ nào cho thấy tay linh mục này là người đầu tiên cả – ông ta cũng có thể là người thứ mười không chừng – nhưng cho dù ông ta đúng là người đầu tiên đi nữa, thì vẫn còn một vấn đề nữa. Giết một người cách đây một năm, rồi giết tiếp 4 người trong chưa đầy hai tuần, không phải là một kiểu mẫu gây án thường thấy. Tôi nghĩ còn có nhiều nạn nhân khác nữa giữa hai thời điểm đó.”

“Trừ phi,” Gurney nhẹ nhàng xen vào, “ngoài yếu tố bệnh thần kinh của hung thủ ra, còn một yếu tố khác nữa quyết định thời điểm ra tay và nạn nhân ra tay.”

“Anh vừa nghĩ ra điều gì thế?”

“Tôi tin ngoài yếu tố nghiện rượu ra thì các nạn nhân còn có một điểm chung nào đó mà ta chưa tìm ra.”

Holdenfield đứng đưa đầu suy đoán, rồi nhăn mặt như muốn nói cô ta không đồng ý với giả thuyết của Gurney nhưng cũng không tìm được cách nào để bác bỏ nó.

“VẬY là chúng ta có thể hoặc không thể tìm ra manh mối dẫn đến vài cái xác cũ,” Kline nói, trông không tự tin về ý kiến của mình.

“Chưa kể một vài cái xác mới nữa,” Holdenfield nói.

“Nói vậy nghĩa là sao hả?” Câu này có vẻ đang trở thành câu hỏi ưa thích của Rodriguez.

Holdenfield không biểu hiện phản ứng nào đối với giọng điệu cau có đó. “Nhịp độ của những vụ giết chóc này, như tôi định nói lúc nãy, cho thấy thời điểm tàn cuộc đã đến.”

“Tàn cuộc?” Kline ngâm nga chữ đó như thể rất thích cái âm thanh của nó.

Holdenfield nói tiếp, “Trong tình huống mới đây, hẳn buộc phải ra tay ngoài kế hoạch. Quy trình gây án có lẽ đang vượt khỏi tầm kiểm soát của hẳn. Tôi có cảm giác hẳn sẽ không kiểm soát được lâu nữa đâu.”

“Kiểm soát cái gì cơ?” Blatt đặt câu hỏi, như phần lớn các câu hỏi của y, bằng một thái độ thù địch bầm sinh.

Holdenfield nhìn y một chốc mà không thể hiện nét mặt, rồi nhìn Kline. “Tôi cần phải cung cấp bao nhiêu kiến thức ở đây đây?”

“Cô nên nói sơ qua vài điểm chính là được rồi. Tôi có nói sai thì sửa nhé,” y vừa nói vừa liếc quanh bàn và rõ ràng chẳng mong có người sửa mình, “nhưng ngoại trừ Dave ra, chắc không ai trong số chúng tôi có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về giết người hàng loạt đâu.”

Rodriguez ra chiều muốn phản đối điều gì nhưng lại không nói.

Holdenfield mỉm cười vẻ không vui. “Mọi người có biết sơ về học thuyết phân loại động cơ giết người hàng loạt của Holmes chưa?”

Những tiếng xì xào và những cái gật đầu hỗn độn quanh bàn nhìn chung đều khẳng định có. Riêng Blatt là có câu hỏi. “Sherlock Holmes ư?”

Gurney không rõ đây là một trò đùa ngu ngốc hay thật sự là ngu ngốc.

“Ronald M. Holmes – đương đại hơn một chút, và là một nhân vật có thật,” Holdenfield nói bằng một giọng hiền từ khoa trương mà Gurney không hoàn toàn nhận ra. Liệu có phải cô ta đang nhái giọng ông Rogers^[21] nói chuyện với một đứa trẻ 5 tuổi?

“Holmes phân loại hung thủ giết người hàng loạt theo động cơ – giết người vì bị ảo thanh sai khiến; giết người vì tự cho mình sứ mạng loại bỏ ra khỏi thế giới một nhóm người không thể chấp nhận được – dân da đen, dân đồng tính, vân vân; giết người vì muốn toàn quyền thống trị; giết người vì muốn tìm cảm giác mạnh; và giết người vì động cơ tình dục. Nhưng tất cả bọn họ đều có chung một điểm...”

“Đều là mấy thằng khùng chết mẹ,” Blatt nói, cười khẩy.

“Hay lắm, ngài thanh tra,” Holdenfield nói bằng giọng ngọt ngào chết người, “nhưng điểm chung thật sự giữa họ chính là đều bị căng thẳng nội tâm khủng khiếp. Việc giết ai đó cho họ cảm giác khuây khỏa tạm bợ khỏi sự căng thẳng đó.”

“Giống như được sex phải không?”

“Thanh tra Blatt,” Kline giận dữ nói, “có lẽ anh nên chờ cho Rebecca nhận xét xong hãy hỏi nhé.”

“Câu hỏi của anh ấy thật ra cũng khá thích hợp. Cảm giác cực khoái đúng là có thể trút bỏ được căng thẳng về mặt tình dục. Tuy nhiên, ở người bình thường nó không tạo ra một đường xoắn ốc rối loạn chức năng đi xuống dẫn đến đòi hỏi cực khoái càng lúc càng thường xuyên với cái giá càng lúc càng cao. Về mặt đó, tôi nghĩ giết người hàng loạt có điểm chung với nghiện ma túy hơn.”

“Nghiện mưu sát,” Kline nói chậm chậm, đầy vẻ suy đoán, như thể đang thử tìm một cái nút cho một bản thông cáo báo chí.

“Cụm từ kịch tính đấy,” Holdenfield nói, “và ít nhiều cũng có sự thật trong đó. Tên giết người hàng loạt chìm đắm trong thế giới tưởng tượng của chính mình hơn hầu hết mọi người. Bề ngoài hẳn có vẻ giống như những người khác trong xã hội. Nhưng hẳn không có được sự thỏa mãn từ cuộc sống cộng đồng của mình, và hẳn không quan tâm gì đến cuộc sống thật của người khác. Hẳn sống chỉ để phục vụ cho trí tưởng tượng của mình – tưởng tượng mình có thể kiểm soát, thống trị, trừng phạt. Đối với hẳn, những hình ảnh tưởng tượng này cấu thành một siêu hiện thực – một thế giới trong đó hẳn cảm thấy mình quan trọng, toàn năng, tồn tại. Đến đây có ai có câu hỏi gì không?”

“Tôi có,” Kline nói. “Chúng ta đang tìm kiếm loại giết người hàng loạt nào trong số đó, cô có ý kiến gì không?”

“Có chứ, nhưng tôi muốn nghe xem thám tử Gurney có điều gì cần nói về vấn đề đó không đã.”

Gurney ngờ rằng nét mặt sốt sắng, thân mật với đồng nghiệp cũng giả tạo như nụ cười của cô ta.

“Giết người để thực hiện sứ mạng,” anh nói.

“Loại bỏ bọm rượu ra khỏi thế giới ư?” Kline nghe như nửa tò mò, nửa hoài nghi.

“Tôi nghĩ ‘bọm rượu’ là một phần trong định nghĩa ‘nạn nhân mục tiêu’, nhưng chắc không chỉ có thế – nếu muốn giải thích cách lựa chọn nạn nhân cụ thể của hẳn.”

Kline đáp lại bằng một tiếng ậm ừ vô thưởng vô phạt. “Nếu phải nói cụ thể hơn ‘giết người để thực hiện sứ mạng’, thì anh sẽ mô tả hung phạm của chúng ta như thế nào?”

Gurney quyết định ăn miếng trả miếng. “Tôi có một vài ý kiến, nhưng tôi muốn nghe xem bác sĩ Holdenfield có điều gì cần nói về vấn đề đó không đã.”

Cô ta nhún vai, rồi nói nhanh nhẩu và tỉnh rụi. “Nam da trắng ba mươi tuổi, chỉ số thông minh cao, không bạn bè, không có quan hệ tình ái bình

thường. Lịch sử nhưng xa cách. Gần như chắc chắn tuổi thơ có vấn đề, có một chấn thương quan trọng ảnh hưởng đến cách lựa chọn nạn nhân của hắn. Vì nạn nhân của hắn là đàn ông trung niên, nên có thể chấn thương đó có liên quan đến người cha và một mối quan hệ mang tính chất phức cảm Oedipus với người mẹ.”

Blatt xen vào. “Lẽ nào cô muốn nói cái gã này hắn... Ý tôi là, có phải cô muốn nói hắn... với mẹ hắn?”

“Không nhất thiết. Trí tưởng tượng là toàn bộ vấn đề. Hắn sống trong tưởng tượng và sống vì tưởng tượng.”

Giọng Rodriguez nghe phều phào vì mất kiên nhẫn. “Tôi thực sự có vấn đề với cái từ đó đấy, bác sĩ ạ. Năm cái xác mà tưởng tượng nổi gì!”

“Anh nói đúng, đại úy. Đối với anh và tôi, năm cái xác không phải là tưởng tượng gì cả. Họ là người thật, những người có cuộc sống riêng biệt, đáng trân trọng, đáng được công lý bảo vệ, nhưng đối với một tên giết người hàng loạt thì không phải vậy. Đối với hắn, họ chẳng qua chỉ là diễn viên trong vở kịch của hắn chứ không phải là con người theo cái nghĩa mà anh và tôi hiểu. Họ chỉ là những đạo cụ sân khấu hai chiều mà hắn tưởng tượng ra – là những mảnh ghép tạo nên trí tưởng tượng của hắn, như các yếu tố nghi thức tìm thấy ở hiện trường vụ án vậy.”

Rodriguez lắc đầu. “Những gì cô nói có thể có lý phần nào trong trường hợp hung thủ là tên điên giết người hàng loạt thôi, nhưng vậy thì đã sao? Tôi muốn nói, tôi có nhiều vấn đề khác nữa với toàn bộ cách tiếp cận này. Ý tôi nói, ai đã xác định đây là một vụ giết người hàng loạt nào? Cô chạy vù vù mà không có chút...” Y ngập ngừng, dường như bỗng ý thức được giọng nói sa sả của mình và nhận ra bản chất thiếu khôn ngoan của việc công kích một trong những cố vấn ưa thích nhất của Sheridan Kline. Y nói tiếp bằng một giọng mềm mỏng hơn. “Ý tôi nói, án mạng xảy ra liên tiếp nhau không phải lúc nào cũng là sản phẩm của một tay giết người hàng loạt. Còn nhiều cách nhìn khác cơ mà.”

Holdenfield trông có vẻ rối trí một cách thật lòng. “Anh có giả thuyết thay thế chẳng?”

Rodriguez thở dài. “Gurney luôn miệng nói có một nhân tố gì đó giải thích cách lựa chọn nạn nhân ngoài rườm rà. Một nhân tố hiển nhiên có thể là họ cùng tham gia một hành động quá khứ nào đó, vô tình hay cố ý, làm hung thủ tổn thương, và vụ mà chúng ta đang xem xét chỉ là một vụ trả thù nhóm người đã gây ra tổn thương đó thôi. Có thể chỉ đơn giản vậy.”

“Tôi không nói một kịch bản như vậy là không thể xảy ra,” Holdenfield nói, “nhưng nếu chỉ đơn giản là trả thù thì cần gì có mấy thứ bệnh hoạn như tính toán, rồi thơ thần, chi tiết tỉ mỉ, rồi cả yếu tố nghi thức như thế.”

“Nói đến bệnh hoạn mới nhớ,” Jack Hardwick nói giọng khàn như một người đang hào hứng với cơn hấp hối vì ung thư họng, “có lẽ đây là lúc thích hợp nhất để cập nhật cho mọi người biết về chứng cứ tào lao mới nhất.”

Rodriguez quắc mắt nhìn hắn. “Một điều ngạc nhiên nho nhỏ nữa sao?”

Hardwick nói tiếp mà không phản ứng lại, “Theo yêu cầu của Gurney, một đội kỹ thuật đã được cử đến chỗ nhà trọ B&B, nơi anh ta nghĩ hung thủ có thể đã ở đêm trước khi giết Mellery.”

“Ai phê duyệt yêu cầu đó hả?”

“Tôi, thưa sếp,” Hardwick nói. Giọng hắn nghe đầy vẻ tự hào khi vi phạm nguyên tắc.

“Tôi chẳng thấy hồ sơ giấy tờ nào là sao?”

“Gurney nghĩ không có thời gian,” Hardwick nói dối. Rồi hắn đưa tay lên ngực kèm vẻ mặt ‘tôi nghĩ tôi bị đau tim’ đau khổ đến kỳ lạ và bật ra một tiếng ợ chát chúa. Blatt, giật mình tỉnh giấc từ cơn mộng riêng tư, nảy người ra khỏi bàn mạnh đến nỗi ghế gần như đổ nhào ra sau.

Rodriguez cúi kính trước hành vi gây gián đoạn này. Y chưa kịp tập trung lại vào vấn đề giấy tờ thì Gurney đã nhận bóng từ tay Hardwick và mở một pha bóng phân trần lý do anh muốn đội chứng cứ đến khu nhà trọ The Laurels.

“Lá thư đầu hung thủ gửi cho Mellery sử dụng tên X. Arybdis. Trong tiếng Hy Lạp, mẫu tự X tương đương với mẫu tự ch, và Charybdis là tên

một xoáy nước giết người trong thần thoại Hy Lạp, kết hợp với một hiểm họa chết người khác có tên Scylla. Vào đêm trước buổi sáng Mellery bị giết, một người đàn ông và một phụ nữ lớn tuổi hơn dùng cái tên Scylla thuê phòng tại nhà trọ B&B đó. Nếu đây là trùng hợp thì rất là lạ.”

“Một người đàn ông và một phụ nữ lớn tuổi hơn ư?” Holdenfield trông rất hứng thú.

“Có lẽ là tên hung thủ và mẹ hắn, mặc dù trong danh sách thuê phòng lại ký tên rất lạ là ‘ông bà’. Có lẽ đó là chứng cứ chứng minh khía cạnh Oedipus trong lý lịch mà cô đưa ra chẳng?”

Holdenfield mỉm cười. “Gần như quá hoàn hảo.”

Một lần nữa sự chán nản của tay đại úy dường như sắp nổ tung, nhưng Hardwick lên tiếng trước, tiếp lời Gurney.

“Nên chúng tôi phái đội chứng cứ đến căn nhà quái đản nhỏ xíu ngoài đó. Nhà gì mà trang hoàng như để tưởng nhớ đến bộ phim *Phù thủy xứ Oz* vậy. Họ kiểm tra căn nhà – bên trong, bên ngoài, lật ngược cả nhà lên luôn – rồi họ tìm được gì? Không thứ gì sất. Một thứ khốn kiếp cũng không. Không một sợi tóc, không một vết nhòe, không một tí xíu chứng cứ nào cho thấy có người đã vào phòng. Cô đội trưởng chẳng tin nổi, gọi cho tôi nói chẳng có chút xíu vân tay nào ở những nơi luôn có vân tay – mặt bàn, mặt bếp, nắm đấm cửa, nút kéo ngăn tủ, khung kính trượt cửa sổ, điện thoại, tay cầm vòi hoa sen, vòi nước dưới chậu rửa, điều khiển vô tuyến từ xa, công tắc đèn, một chục nơi khác đáng lẽ luôn có vân tay. Không có gì sất. Một cũng không. Một phần cũng không. Nên tôi bảo cô ta chỗ nào cũng rắc bột lấy vân lên hết – chỗ nào cũng rắc hết – tường, sàn, cả cái trần nhà chó chết nữa. Cuộc nói chuyện trở nên gay gắt hơn một chút, nhưng tôi nói thuyết phục mà. Rồi cứ nửa tiếng cô ta lại gọi cho tôi một lần, nói cho tôi biết vẫn không tìm được gì cả, nói tôi đang phí bao nhiêu thời gian quý giá của cô ta. Nhưng lần thứ ba gọi thì giọng cô ta có cái gì khác lạ – giọng hơi nhỏ một chút. Cô ta cho tôi biết đã tìm được một thứ.”

Tuy Rodriguez thận trọng không để lộ ra, nhưng Gurney vẫn cảm nhận được sự thất vọng của y. Hardwick nói tiếp sau một khoảng lặng đầy kịch

tính. “Họ phát hiện một chữ ghi ngoài cửa phòng tắm. Một từ duy nhất. Redrum.”

“Hả?” Rodriguez quát, không buồn che đậy sự hoài nghi của mình.

“Redrum.” Hardwick lặp lại cái từ đó chậm chậm, với vẻ mặt đặc ý, như thể nó là mấu chốt dẫn đến điều gì.

“Redrum? Như trong phim ư?” Blatt hỏi.

“Chờ chút, chờ chút,” Rodriguez nói, mắt chớp chớp chần nản. “Anh muốn nói tôi biết nhóm chứng cứ của anh mất... bao nhiêu hả... ba bốn giờ gì đó để tìm một chữ viết sờ sờ trên cửa hả?”

“Có phải sờ sờ đâu,” Hardwick nói. “Hắn viết chữ đó cũng cách thức với thông điệp ẩn đã để lại cho chúng ta trong thư gửi Mark Mellery mà. LỮ CỐM XẤU XA ĐẦN ĐỘN đấy. Nhớ không nào?”

Biểu hiện duy nhất cho thấy tay đại úy đã nhớ ra là một cái nhìn sững sờ câm bặt.

“Tôi thấy thông điệp đó trong hồ sơ rồi,” Holdenfield nói.

“Tôi nhớ mang máng là hắn đã chà chất nhờn trên da lên phía sau thư gì đó. Thật sự có thể làm vậy sao?”

“Hoàn toàn chẳng có vấn đề gì,” Hardwick nói. “Vân tay kỳ thực cũng là chất nhờn trên da cả mà. Chẳng qua hắn chỉ tận dụng cái tài nguyên ấy cho mục đích riêng thôi. Chắc hẳn có chà chà ngón tay lên trán để ngón tay nhờn hơn một chút. Nhưng rõ ràng lần đó có tác dụng nên hắn chơi trò bốn cũ soạn lại ở chỗ The Laurels.”

“Nhưng ta đang nói về cái từ redrum trong phim mà phải không?” Blatt lặp lại.

“Phim ư? Phim nào? Sao lại phim phiếc gì ở đây?”

Rodriguez lại chớp chớp mắt.

“The Shining,” Holdenfield càng nói càng hứng thú. “Một cảnh phim nổi tiếng. Thằng bé nọ viết từ redrum trên một cánh cửa trong phòng ngủ mẹ nó.”

“Redrum là *murder*^[22] viết ngược,” Blatt tuyên bố.

“Chúa ơi, mọi chuyện đều hoàn hảo!” Holdenfield nói.

“Tôi cho rằng mọi người hào hứng như vậy nghĩa là chúng ta sẽ bắt giữ hung thủ trong vòng 24 tiếng tới đúng không?”

Rodriguez dường như đang cố gắng mỉa mai được bao nhiêu thì mỉa mai. Gurney tảng lờ y và nói với Holdenfield. “Hay thật, hẳn muốn nhắc chúng ta nhớ đến redrum trong phim *The Shining*.”

Mắt cô ta ánh lên. “Một từ hoàn hảo từ một bộ phim hoàn hảo.”

Kline, người bấy lâu vẫn quan sát mọi người tương tác với nhau như người hâm mộ theo dõi một trận bóng quần trong câu lạc bộ của mình, rốt cuộc cũng lên tiếng. “Được rồi, các đồng chí, đến lúc cho tôi biết bí mật rồi. Cái quái gì mà hoàn hảo vậy?”

Holdenfield nhìn Gurney. “Anh nói cho anh ta nghe về cái từ đó. Tôi nói về bộ phim.”

“Từ đó là từ viết ngược. Chỉ đơn giản vậy thôi. Đây là chủ đề bấy lâu nay từ đầu vụ án. Cũng như mấy dấu chân đi ngược trong tuyết vậy. Và dĩ nhiên, đó là từ mưu sát viết ngược. Hẳn muốn nói cho ta biết ta xử lý vụ án này ngược ngạo từ đầu đến cuối. LỮ CỐM XẤU XA ĐẦN ĐỘN.”

Kline cố định ánh mắt thăm vắn viên của mình vào Holdenfield. “Cô đồng ý không?”

“Về cơ bản thì có.”

“Còn bộ phim thì sao?”

“À, vâng, bộ phim. Tôi sẽ cố gắng ngăn gọn như thanh tra Gurney.” Cô ta nghĩ ngợi trong chốc lát, đoạn lên tiếng như vừa nói vừa lựa chọn từng từ kỹ lưỡng. “Bộ phim nói về một gia đình có hai mẹ con bị người cha điên khùng bố. Ông bố này lại là bợm rượu có lịch sử đầy rẫy những đợt chè chén cuồng bạo.”

Rodriguez lắc đầu. “Cô muốn nói hung thủ của chúng ta là một ông bố nghiện rượu, cuồng bạo, điên khùng nào đó ư?”

“Ồ, không, không. Không phải ông bố. Đứa con cơ.”

“Đứa con ư?!” Nét mặt của Rodriguez đã biến dạng thành những thái cực mới của sự hoài nghi.

Khi nói tiếp, Holdenfield bỗng nói bằng giọng gần giống giọng Ông Rogers của mình. “Tôi tin hung thủ muốn nói với ta rằng hẳn có người bố như ông bố trong phim The Shining. Tôi tin có lẽ hẳn đang bọc bạch bản thân cho ta biết.”

“Bọc bạch bản thân?” Giọng của Rodriguez gần như lặp bập.

“Ai cũng muốn tự giới thiệu bản thân theo cách của mình mà, đại úy. Tôi chắc chắn anh luôn gặp trường hợp đó trong công việc. Tôi thì nhất định gặp rồi. Chúng ta luôn có cơ sở cho hành vi của mình, cho dù cơ sở đó có quái lạ đến đâu đi nữa. Ai cũng muốn được nhìn nhận mình là người làm gì cũng có lý do chính đáng, kể cả những người loạn trí – có lẽ phải nói ‘nhất là những người loạn trí’.”

Nhận xét này làm cả phòng im bật. Sự yên lặng này cuối cùng bị Blatt phá vỡ.

“Tôi có câu hỏi. Cô là bác sĩ thần kinh học, đúng không?”

“Cố vấn tâm lý học pháp y.” Ông Rogers đã biến trở lại thành Sigoumey Weaver.

“Ừ, gì cũng được. Cô biết trí óc hoạt động như thế nào. Nên câu hỏi là thế này. Gã này biết người ta nghĩ đến con số nào trước khi họ nghĩ đến số đó. Sao hẳn lại làm được vậy?”

“Hẳn không làm được.”

“Chắc cú là hẳn làm được mà.”

“Hẳn có vẻ như làm được thôi. Anh đang nói đến các tình tiết mà tôi đã đọc trong hồ sơ vụ án có liên quan đến hai con số 658 và 19 đúng chưa? Thực sự thì hẳn không làm được như anh nói đâu. Đơn giản là không thể nào biết trước người khác sẽ nghĩ ra con số gì trong những tình huống không được kiểm soát. Thành ra hẳn không làm được đâu.”

“Nhưng sự thật là hẳn làm được mà,” Blatt khẳng khẳng.

“Có ít nhất một cách lý giải,” Gurney nói. Rồi anh phác họa kịch bản mà anh đã nghĩ ra khi Madeleine gọi di động cho anh từ hộp thư nhà – cụ thể là, tên hung thủ có thể đã dùng một máy in xách tay trong xe để tạo ra bức thư có con số 19 trên đó sau khi Mark Mellery đề cập đến nó trên điện thoại.

Holdenfield trông bị ấn tượng.

Blatt trông ỉu xìu – một dấu hiệu rõ rệt, Gurney nghĩ, cho thấy ấn náu đầu đó trong bộ não thô sơ và thân hình được tập luyện quá nhiều này là một con người lãng mạn ưa thích những thứ quái dị và không tưởng. Nhưng vẻ ỉu xìu này chỉ kéo dài trong chốc lát.

“Còn con số 658 thì sao hả?” Blatt hỏi, ánh mắt hiếu chiến của y liếc qua liếc lại giữa Gurney và Holdenfield. “Lúc đó không phải nói chuyện điện thoại, chỉ là thư thôi. Vậy thì tại sao hẳn lại biết Mellery sẽ nghĩ đến con số đó chứ?”

“Tôi không có câu trả lời cho câu hỏi đó,” Gurney nói, “nhưng tôi có một câu chuyện lạ nho nhỏ này có thể giúp ai đó nghĩ ra câu trả lời.”

Rodriguez thể hiện một chút nôn nóng, nhưng Kline ưỡn người về phía trước, và cách thể hiện sự hứng thú này dường như kìm hãm được tay đại úy.

“Hôm nọ tôi mơ về bố tôi,” Gurney bắt đầu nói. Anh ngáp ngừng, một cách vô thức. Anh thấy giọng mình khác hẳn. Anh nghe trong đó vọng về một nỗi buồn sâu sắc mà giấc mơ ấy đã tạo ra trong anh. Anh thấy Holdenfield nhìn anh tò mò mà không ác ý. Anh ép bản thân nói tiếp. “Tình dậy, tôi nhớ đến một trò ảo thuật bài mà bố thường biểu diễn khi nhà có khách đến chơi dịp năm mới và sau khi ông ấy đã làm vài ly. Có men rượu trong người là ông ấy lại cao hứng như vậy. Ông xòe ra một bộ bài rồi đi quanh phòng yêu cầu ba bốn người gì đó mỗi người bốc một lá. Rồi ông tập trung vào một người duy nhất trong số đó, bảo họ nhìn kỹ lá bài mình bốc rồi bỏ lại vào bộ bài. Rồi ông đưa bộ bài cho người đó, bảo họ xào bài. Sau đó ông giả vờ úm ba la ra về ‘đọc được ý nghĩ’, nhiều khi làm vậy đến cả mười phút, và cuối cùng, một cách đầy kịch tính, ông tiết lộ tên lá bài đó – tất nhiên đây là lá mà ngay thời điểm người ta bốc ông đã biết rồi.”

“Sao biết được chứ?” Blatt bối rối hỏi.

“Lúc chuẩn bị bộ bài lúc đầu, ngay trước khi xòe bài ra, ông ráng nhớ ít nhất một lá bài nào đó rồi điều khiển vị trí lá đó trong đám bài xòe.”

“Giả sử không ai bốc trúng lá đó thì sao?” Holdenfield hứng thú hỏi.

“Nếu không ai bốc trúng, ông sẽ tìm có chừng trò ảo thuật lại bằng cách đánh trống lảng – chẳng hạn nói là sức nhớ phải đi coi ấm nước để pha trà hay đại loại vậy – để không ai nhận ra trò ảo thuật có vấn đề. Nhưng ông ấy hầu như chẳng cần phải làm vậy. Bởi vì với cái cách xòe bài ra như vậy, thì gần như chắc chắn nếu không phải người thứ nhất, người thứ hai, thì người thứ ba cũng sẽ bốc trúng lá bài mà ông ấy muốn họ bốc. Và nếu họ không bốc trúng thì ông ấy chỉ cần chơi trò vào bếp làm chuyện thường ngày, xong trở ra làm trò ảo thuật lại từ đầu là xong. Và dĩ nhiên ông ấy luôn có cách nào đó hoàn toàn hợp lý để loại ra những người bốc sai, để không ai biết được đang xảy ra chuyện gì.”

Rodriguez ngáp. “Chuyện này thì có liên quan gì đến con số 658?”

“Tôi không rõ,” Gurney nói, “nhưng cứ nghĩ đến chuyện người ta tưởng mình bốc bài ngẫu nhiên, trong khi kỳ thực có người điều khiển sự ngẫu nhiên đó...”

Trung sĩ Wigg, người bấy lâu vẫn lắng nghe với hứng thú ngày càng nhiều, xen vào. “Câu chuyện ảo thuật bài của anh làm tôi nhớ đến trò lừa ‘thám tử tư gửi thư trực tiếp’ cuối những năm 90.”

Không hiểu có phải vì giọng nói khác lạ của cô ta có cao độ lọt vào khoảng âm nửa nam nửa nữ hay không, hay vì chuyện cô ta mở miệng nói là chuyện lạ, mà cô ta lại thu hút được sự chú ý của mọi người ngay lập tức.

“Người ta nhận được một lá thư, được cho là từ một công ty thám tử tư, xin lỗi đã vi phạm quyền riêng tư của người nhận. Công ty này ‘thú nhận’ rằng trong quá trình đảm nhận một nhiệm vụ giám sát bị thất bại, họ đã vô tình theo dõi người nhận đó trong nhiều tuần và chụp ảnh họ trong nhiều tình huống khác nhau. Họ nói, theo luật về quyền riêng tư họ phải cung cấp cho người nhận tất cả số ảnh này. Lúc này mới phát sinh ra câu hỏi bất ngờ:

vì một vài ảnh trong số đó có thể có bản chất nhạy cảm, nên người nhận có muốn lấy ảnh qua hộp thư bưu điện thay vì nhận trực tiếp ở nhà không? Muốn vậy, người nhận phải gửi cho công ty kia 50 đô làm chi phí bảo toàn hồ sơ nữa.”

“Ai ngu mà đi tin mấy thứ đó đáng bị mất 50 đô lắm,”

Rodriguez khinh bỉ.

“Ồ, vài người mất còn nhiều tiền hơn nữa kìa,” Wigg điềm đạm nói. “Vấn đề không phải là lấy được số tiền 50 đô đó. Làm vậy là chỉ để thăm dò thôi. Kẻ lừa đảo gửi đi hơn một triệu lá thư như thế, và mục đích duy nhất khi yêu cầu người khác gửi 50 đô là muốn lọc ra một danh sách những ai cảm thấy tội lỗi về hành vi của mình nên không muốn mấy tấm ảnh chụp những hoạt động của họ rơi vào tay vợ hoặc chồng mình. Những người này sau đó bị buộc phải đáp ứng hàng loạt các yêu cầu gửi tiền còn cao hơn gấp bội nếu muốn nhận lại những bức ảnh nhạy cảm đó. Một số người đã trả đến 15.000 đô nữa cơ.”

“Để lấy những bức ảnh không bao giờ tồn tại!” Kline thốt lên, cảm phần lẫn ngưỡng mộ trí thông minh của kẻ lừa đảo.

“Sự ngu muội của con người chẳng bao giờ thôi làm ta ngạc nhiên...” Rodriguez lên tiếng, nhưng Gurney ngắt lời.

“Chúa ạ! Đúng rồi! Cái yêu cầu 289 đô ấy chính là như vậy. Cùng một phương thức cả. Chỉ là thăm dò thôi!”

Rodriguez trông bối rối. “Thăm dò gì cơ?”

Gurney nhắm mắt lại để cố mường tượng ra lá thư đòi tiền mà Mellery nhận được.

Mày chau, Kline quay sang Wigg. “Tên lừa tiền ấy – cô nói hẳn gửi đi một triệu lá thư ư?”

“Đó là con số mà tôi nhớ từ báo chí.”

“Vậy thì rõ ràng vụ này là một vụ khác hẳn rồi. Vụ đó chẳng qua là chiến dịch gian lận trực tiếp bằng thư – thả cái lưới lớn để bắt vài con cá tội lỗi thôi. Ở đây chúng ta lại không bàn đến chuyện đó. Chúng ta đang bàn về

những bức thư viết tay gửi cho một ít người – những người mà con số 658 hẳn phải có một ý nghĩa riêng tư nào đó đối với họ.”

Gurney chậm chậm mở mắt ra rồi nhìn Kline chăm chăm. “Không phải vậy đâu. Thoạt đầu tôi cũng cho là như vậy, vì ta còn nghĩ ra được lý do nào khác nữa chứ? Nên tôi luôn miệng hỏi Mark Mellery câu hỏi đó – con số đó có ý nghĩa gì đối với anh ta, làm anh ta nhớ đến thứ gì, trước đây anh ta có bao giờ nghĩ đến nó không, có từng thấy nó viết ở đâu chưa, có phải nó là giá tiền của một thứ gì không, có phải địa chỉ, mật mã kết sắt không? Nhưng anh ta cứ khẳng khẳng là con số đó chẳng có ý nghĩa gì đối với mình cả, cũng chẳng nhớ được trước đây có nghĩ ra số đó chưa, tự nhiên nó bùng lên trong đầu anh ta vậy thôi – một sự kiện hoàn toàn ngẫu nhiên. Và tôi tin anh ta nói thật. Cho nên nhất định phải có một cách lý giải khác.”

“Vậy nghĩa là anh trở lại điểm xuất phát rồi còn gì,” Rodriguez nói, mắt xoay tròn một vẻ mệt mỏi khoa trương.

“Có lẽ không đâu. Có lẽ trò lừa lọc mà trung sĩ Wigg kể gần với sự thật hơn chúng ta tưởng đấy.”

“Anh muốn nói tên hung thủ của chúng ta gửi đi một triệu lá thư – một triệu lá thư viết tay ư? Thật buồn cười – chưa kể là không tưởng.”

“Tôi đồng ý là một triệu lá là chuyện không tưởng, trừ khi hẳn được giúp đỡ rất nhiều, mà khả năng này rất khó xảy ra. Nhưng nếu không phải một triệu thì con số nào mới đúng đây?”

“Ý anh là sao?”

“Giả sử tên hung thủ của chúng ta có kế hoạch gửi thư cho nhiều người – thư viết tay, để ai nhận được cũng có cảm giác là lá thư chỉ gửi riêng cho một mình họ thôi. Mọi người nghĩ xem trong thời gian một năm chẳng hạn, hẳn sẽ viết được bao nhiêu lá thư?”

Tay đại úy giơ tay lên như muốn nói bóng gió rằng câu hỏi này không những không thể trả lời mà còn rất phù phiếm. Kline và Hardwick trông nghiêm túc hơn – như thể họ đang thử tính ra con số. Stimmel, như mọi khi, vẫn biểu lộ sự bí hiểm của loài lưỡng cư. Rebecca Holdenfield đang quan sát

Gurney với sự thích thú càng lúc càng nhiều. Blatt trông như đang loay hoay tìm ra nơi phát sinh một mùi thối nào đó.

Wigg là người duy nhất lên tiếng. “5.000 thư,” cô nói. “10.000, nếu hẳn cao hứng. Có thể đến 15.000 cơ, nhưng như vậy rất khó.”

Kline nhú mắt nhìn cô ta bằng vẻ hoài nghi của một luật sư. “Này trung sĩ, chính xác thì mấy con số này dựa trên cái gì nào?”

“Trước hết là dựa trên một số giả định hợp lý.”

Rodriguez lắc đầu – như muốn ám chỉ chẳng thứ gì trên đời này lại dễ sai lầm hơn giả định hợp lý của người khác. Nếu Wigg có để ý đến thái độ của Rodriguez thì cũng chưa đến mức để bản thân bị lung lạc.

“Trước tiên, ta giả định rằng có thể áp dụng kiểu mẫu của trò lừa đảo thám tử tư ấy. Nếu vậy, suy ra lần liên lạc đầu tiên – liên lạc để xin tiền ấy – nhằm đến nhiều người nhất và những lần liên lạc tiếp theo chỉ nhằm vào những ai hồi âm thôi. Trong vụ án này, ta biết lần liên lạc đầu tiên bao gồm hai bức thư tám dòng – tổng cộng 16 dòng khá ngắn, cộng 3 dòng địa chỉ ngoài bì thư. Trừ địa chỉ ra thì tất cả các lá thư đều giống nhau nên viết lặp đi lặp lại rất nhanh. Tôi ước tính mỗi lá viết xong mất khoảng 4 phút. Tức là viết mười lăm lá mất một tiếng. Nếu mỗi ngày hẳn chỉ bỏ ra một tiếng để viết thư thôi, thì sau một năm hẳn sẽ có hơn 5.000 lá. Hai tiếng một ngày thì gần được 11.000 lá. Về lý thuyết, hẳn viết thêm nữa cũng được, nhưng một kẻ bị ám ảnh nặng nhất đi nữa cũng chỉ cần miễn có giới hạn thôi.”

“Thật ra thì,” Gurney nói bằng một sự thích thú mới chớm của một nhà khoa học rốt cuộc đã thấy được kiểu mẫu trong một biển dữ liệu, “11.000 là quá đủ rồi.”

“Quá đủ để làm gì?” Kline hỏi.

“Trước hết là quá đủ để thực hiện thành công cái mảnh khốe 658 ấy,” Gurney nói. “Và cái mảnh khốe nho nhỏ đó, nếu thực hiện theo cách mà tôi nghĩ, cũng sẽ lý giải được cái yêu cầu 289,87 đô trong lá thư đầu gửi cho mỗi nạn nhân.”

“Này, này,” Kline vừa nói vừa giơ tay lên. “Chậm chậm nào. Anh của hơi gấp quá đấy.”

Muốn An Nghỉ Thì Hành Động Ngay

Gurney nghĩ thấu đáo về nó một lần nữa. Nó gần như quá đơn giản, và anh muốn chắc chắn mình không bỏ sót vấn đề hiển nhiên nào có thể tạo ra lỗ hổng trong giả thuyết gãy gọn của mình. Anh để ý thấy nhiều vẻ mặt khác nhau quanh bàn – thích thú, nôn nóng lẫn tò mò – khi mọi người chờ anh lên tiếng. Anh hít vào một hơi dài và sâu.

“Tôi không khẳng định mọi chuyện là như vậy. Tuy nhiên, đây là kịch bản thuyết phục nhất mà tôi nghĩ ra được trong suốt thời gian vật lộn với những con số đó – bắt đầu từ ngày Mark Mellery đến nhà tôi cho tôi xem lá thư đầu tiên. Anh ta rất hoang mang và hoảng sợ mỗi khi nghĩ đến chuyện người viết thư biết rõ anh ta đến nỗi đoán đúng con số mà anh ta nghĩ ra khi được yêu cầu nghĩ ra một số bất kỳ từ 1 đến 1.000. Tôi cảm nhận được sự hoảng sợ trong anh ta, cái cảm giác chuyện xấu sắp xảy ra. Chắc chắn những nạn nhân khác cũng như vậy. Sự hoảng sợ đó chính là toàn bộ mục đích của trò chơi mà chúng ta đang chơi ở đây. Sao hẳn lại biết được tôi sẽ nghĩ ra con số gì? *Sao hẳn lại biết được một suy nghĩ thầm kín, cá nhân, riêng tư đến vậy? Hẳn còn biết điều gì khác nữa?* Tôi hình dung được những câu hỏi đó hành hạ anh ta rất khổ sở – làm anh ta phát điên lên.”

“Thăng thản mà nói, Dave,” Kline nói bằng một sự kích động được che đậy rất vụng, “mấy câu hỏi đó cũng làm tôi phát điên nữa, cho nên anh trả lời chúng càng sớm thì càng tốt đấy.”

“Quá đúng,” Rodriguez đồng ý. “Đi thẳng vào vấn đề đi nào.”

“Cho phép tôi bày tỏ ý kiến này hơi trái ngược một chút,” Holdenfield nói một cách bần khoản. “Tôi muốn nghe anh thanh tra lý giải chuyện này từ tốn theo cách của anh ấy.”

“Nó đơn giản đến mức làm người ta phát ngượng,” Gurney nói. “Làm tôi phát ngượng, là vì tôi càng nhìn lâu vào vấn đề, thì nó càng có vẻ nan giải. Và lại, tìm ra được cách thức thực hiện mảnh khốe con số 19 cũng chưa làm sáng tỏ được cách thức thực hiện con số 658. Lời giải hiển nhiên này đây, tôi chưa bao giờ nghĩ ra – cho đến khi trung sĩ Wigg kể câu chuyện của cô ta.”

Không rõ về mặt nhân nhó của Blatt là do y đang cố xác định yếu tố tiết lộ hay do hơi ga trong bao tử gây nên.

Gurney gật đầu cảm ơn Wigg rồi nói tiếp. “Giả sử, như trung sĩ đã đề nghị, tên hung thủ có đầu óc bị ám ảnh của chúng ta bỏ ra mỗi ngày hai tiếng để viết thư và cuối năm viết xong 11.000 lá rồi đem gửi cho một danh sách gồm 11.000 người.”

“Danh sách nào cơ?” Giọng Jack Hardwick có chất khàn xen ngang như một cánh cổng hoen gỉ.

“Câu hỏi hay đấy – có lẽ là câu hỏi quan trọng nhất trong tất cả các câu hỏi. Lát nữa tôi sẽ trở lại câu hỏi này ngay thôi. Tạm thời chúng ta hãy giả định rằng lá thư đầu tiên – cùng một lá thư như nhau – được gửi đến 11.000 người, yêu cầu họ nghĩ ra một con số từ 1 đến 1.000. Theo lý thuyết xác suất, ta có thể đoán có khoảng 11 người sẽ chọn cùng một số trong 1.000 số có thể chọn. Nói cách khác, về mặt thống kê, có khả năng 11 người trong số 11.000 người, nếu chọn ngẫu nhiên một số, sẽ chọn số 658.”

Bộ mặt nhân nhó của Blatt bỗng giãn ra một cách vui nhộn.

Rodriguez lắc đầu hoài nghi. “Chẳng phải ta đang bước qua lằn ranh giữa giả thuyết và chuyện tưởng tượng sao?”

“Anh đang nói đến chuyện tưởng tượng nào thế?” Gurney nghe có vẻ ngạc nhiên hơn phật ý.

“Thì những con số mà anh cứ ném bừa khắp nơi ấy, chúng chẳng có bằng chứng nào làm cơ sở cả. Toàn chuyện hoang đường.”

Gurney mỉm cười kiên nhẫn, mặc dù kiên nhẫn không phải là cảm giác của anh lúc này. Trong thoáng chốc, anh bị phân tâm vì nhận thức được cách anh che đậy những phản ứng cảm tính của mình. Đó là một thói quen suốt

cuộc đời anh – cái cách che đậy mang tính phản xạ trước những điều làm anh bức dọc, chán ngán, giận dữ, sợ hãi, nghi hoặc. Nó phục vụ cho anh rất nhiều trong hàng ngàn các cuộc thẩm vấn – nhiều đến nỗi anh đã tin rằng đó là một tài năng, một phương pháp nhà nghề, nhưng dĩ nhiên thực chất không phải như thế. Đó chẳng qua là một cách đối phó với cuộc sống từ lâu đã là một phần trong con người anh.

“Vậy bố cháu chưa bao giờ chú ý đến cháu à, David. Như vậy cháu có cảm thấy khó chịu không?”

“Khó chịu ư? Không, chẳng khó chịu gì cả. Thực tình thì chẳng có cảm giác gì nữa là.”

Tuy vậy, trong mơ, người ta có thể đắm chìm trong buồn bã.

Chúa ạ, bây giờ không phải lúc để xem xét nội tâm của mình.

Gurney tập trung trở lại, vừa kịp lúc nghe Rebecca Holdenfield nói bằng cái giọng Sigoumey Weaver nghiêm túc của cô ta, “Cá nhân tôi cảm thấy giả thuyết của thám tử Gurney không hoang đường chút nào. Thật ra tôi thấy nó hấp dẫn đấy chứ – và tôi yêu cầu một lần nữa là hãy để anh ấy trình bày xong luận giải của mình đã.”

Cô ta hướng lời yêu cầu này vào Kline. Y ngửa lòng bàn tay ra như muốn nói rõ ràng mọi người cũng có ý định đó.

Gurney nói, “Tôi không nói là đúng 11 người trong số 11.0 người chọn con số 658 – tôi chỉ nói 11 là con số khả dĩ nhất. Tôi không hiểu nhiều về toán thống kê để dẫn ra mấy công thức về xác suất, nhưng có lẽ ai đó có thể giúp tôi chuyện này.”

Wigg hăng giọng. “Xác suất gần với một khoảng sẽ cao hơn nhiều so với một con số cụ thể trong khoảng đó. Ví dụ, tôi sẽ không cược với nhà cái rằng có đúng 11 người trong số 11.000 người sẽ chọn một con số cụ thể từ 1 tới 1.000 – nhưng nếu ta thêm vào một khoảng sai số tăng hoặc giảm, chẳng hạn 7, lúc đó tôi sẵn sàng cược rằng số người chọn con số đó sẽ rơi vào khoảng trên – nghĩa là trong trường hợp này có ít nhất 4 người và không quá 18 người sẽ chọn con số 658.”

Blatt nhú mắt nhìn Gurney. “Anh muốn nói cái gã này gửi thư đến 11.000 người và giấu cùng một con số bí mật trong mấy cái phong bì nhỏ dán kín ư?”

“Ý tưởng nhìn chung là như vậy.”

Mắt Holdenfield trợn tròn ngạc nhiên, cô ta phát biểu ý kiến của mình không nhằm vào riêng ai. “Và những ai, dù nhiều đến đâu đi nữa, nếu tình cờ chọn số 658 vì lý do nào đó rồi mở phong bì nhỏ bên trong ra, thấy bức thư nói người viết biết người nhận rõ đến nỗi biết được người nhận sẽ chọn số 658... Chúa ạ, tác động đúng là rất lớn!”

“Bởi vì,” Wigg bồi vào, “người nhận sẽ không bao giờ ngờ mình không phải là người duy nhất nhận được thư. Họ sẽ không bao giờ ngờ mình chỉ là một trong số mỗi 1.000 người vô tình chọn con số đó thôi. Viết tay chỉ là lớp vỏ bề ngoài, làm thư có vẻ hoàn toàn cá nhân.”

“Ôi vãi Chúa trời,” Hardwick thều thào, “nói như cô nghĩa là tên giết người hàng loạt này của chúng ta dùng chiến dịch gửi thư trực tiếp để dò tìm nạn nhân rồi!”

“Đó là một cách nhìn vấn đề,” Gurney nói.

“Đây có lẽ là chuyện điên rồ nhất tôi từng được nghe,” Kline nói, sững sờ hơn là ngờ vực.

“Chẳng ai lại đi viết tay 11.000 lá thư cả,” Rodriguez tuyên bố thẳng thừng.

“Chẳng ai lại đi viết tay 11.000 lá thư cả,” Gurney lặp lại. “Đó chính là kiểu phản ứng mà hãn dựa vào để khai thác. Không có câu chuyện của trung sĩ Wigg thì tôi cũng chưa chắc nghĩ đến khả năng này.”

“Và nếu anh không mô tả trò ảo thuật bài của bố anh thì tôi cũng không nghĩ đến câu chuyện đó,” Wigg nói.

“Lát nữa hai người hăng ca tụng nhau,” Kline nói. “Tôi vẫn còn thắc mắc. Chẳng hạn như tại sao hung thủ lại yêu cầu số tiền 289,87 đô, và tại sao hãn lại yêu cầu gửi số tiền đó đến hộp thư của người khác?”

“Lý do hãn đòi tiền cũng giống như lý do kẻ lừa đảo đòi tiền trong câu chuyện của cô trung sĩ vậy – mục đích là khiến những nạn nhân tương lai phải tiết lộ danh tính. Kẻ lừa đảo thì muốn biết người nào trong danh sách của hãn lo lắng không yên chuyện mình đã làm gì mà lại bị chụp hình. Còn hung thủ của chúng ta thì muốn biết người nào trong danh sách của hãn đã chọn con số 658 và nơm nớp lo sợ đến nỗi chịu bỏ tiền ra tìm kẻ biết rõ họ đến mức đoán trước được con số đó. Tôi nghĩ số tiền lớn như vậy là để tách nhóm người hoảng sợ thực sự – Mellery nằm trong số này – ra khỏi nhóm người chỉ đơn thuần là tò mò.”

Kline đang ưỡn người về phía trước nhiều đến nỗi gần như không còn ngồi trên ghế. “Nhưng tại sao số tiền lại có số đô-la và số xu chính xác đến vậy?”

“Vấn đề đó ngay từ đầu cũng làm tôi day dứt không yên.

Đến giờ tôi vẫn chưa rõ tại sao, nhưng có ít nhất một lý do: số tiền như vậy là để cầm chắc khả năng nạn nhân sẽ gửi séc thay vì tiền mặt.”

“Lá thư đầu tiên đâu có nói vậy,” Rodriguez chỉ ra. “Thư ghi là có thể gửi séc hoặc tiền mặt mà.”

“Tôi biết, nói thế này nghe có vẻ cực kỳ tinh vi,” Gurney nói, “nhưng tôi nghĩ hung thủ đưa ra lựa chọn đó rõ ràng là nhằm đánh lạc hướng nạn nhân, làm họ không chú ý đến sự sống còn của việc gửi séc. Còn số tiền phức tạp kia chỉ nhằm làm người ta nản mà không trả tiền mặt thôi.”

Rodriguez đảo mắt. “Này, tôi biết không ai có mặt ở đây ngày hôm nay lại ưa cái từ hoang đường cả, nhưng ngoài từ đó ra, tôi chẳng biết phải dùng từ nào khác để gọi thứ này nữa.”

“Tại sao gửi séc lại là chuyện sống còn?” Kline hỏi.

“Số tiền ấy, đối với hung thủ mà nói, không quan trọng. Nhớ rằng mấy tấm séc đó không được đổi ra tiền mặt kia mà. Tôi tin hãn lấy được séc ở giai đoạn nào đó trong quá trình séc được chuyển đến hộp thư của Gregory Dermott, và hãn chỉ cần có vậy.”

“Chỉ cần có vậy – ý anh là gì?”

“Trên séc có ghi gì ngoài số tiền và số tài khoản nào?”

Kline suy nghĩ một lúc. “Tên chủ tài khoản và địa chỉ ư?”

“Đúng,” Gurney nói. “Tên và địa chỉ.”

“Nhưng tại sao...?”

“Hắn phải khiến các nạn nhân tự tiết lộ danh tính. Rốt cuộc thì hắn đã gửi đi hàng ngàn lá thư như thế. Nhưng mỗi nạn nhân tương lai sẽ tin rằng lá thư mình nhận được chỉ nói duy nhất chuyện của mình, từ một người biết mình rất rõ. Nếu họ gửi lại một phong bì có số tiền mà hung thủ yêu cầu thì sao? Họ không việc gì phải ghi tên và địa chỉ của mình cả – và tên hung thủ không thể yêu cầu cụ thể là phải ghi thông tin đó, bởi vì yêu cầu như vậy sẽ phá vỡ toàn bộ cái tiền đề ‘tôi biết những bí mật thầm kín của ông’ rồi. Lấy được mấy tấm séc đó là một cách khôn khéo để lấy tên và địa chỉ của người hồi âm. Và có lẽ, nếu trong bưu điện xảy ra quá trình lén lút xem thông tin trên séc thì cách dễ dàng nhất để phi tang séc sau khi xem xong là bỏ séc lại vào phong bì ban đầu rồi chuyển tiếp đến hộp thư của Dermott.”

“Nhưng tên hung thủ phải hơ nước mở phong bì ra rồi niêm lại chứ,” Kline nói.

Gurney nhún vai. “Một cách khác là xâm nhập vào hộp thư của Dermott bằng cách nào đó sau khi anh ta tự tay mở phong bì ra, nhưng phải trước lúc anh ta có cơ hội trả séc lại cho người gửi. Làm vậy không cần phải hơ nước mở phong bì rồi niêm lại, nhưng đúng là sẽ phát sinh nhiều vấn đề và câu hỏi khác – những thứ chúng ta cần phải điều tra, chẳng hạn lối sống của Dermott, những người có thể xem được hộp thư của anh ta, vân vân.”

“Và như vậy,” Hardwick phều phào lớn tiếng, “chúng ta phải trở lại câu hỏi của tôi – câu hỏi mà Sherlock Gurney này đây lúc này đã mô tả là quan trọng nhất trong tất cả các câu hỏi. Câu hỏi đó là, những tay khi gió nào nằm trong danh sách 11.000 ứng cử viên bị mưu sát đây?”

Gurney giơ tay lên làm cử chỉ quen thuộc của cảnh sát giao thông. “Trước khi trả lời câu hỏi đó, cho phép tôi nhắc mọi người rằng 11.000 chỉ là con số ước đoán thôi. Con số này là số lá thư khả dĩ nhìn từ quan điểm thực thi, và

đó là con số hỗ trợ kịch bản 658 của chúng ta về mặt thống kê. Nói cách khác, đây là con số có ý nghĩa. Nhưng như trung sĩ Wigg đã chỉ ra lúc đầu, con số thật sự có thể nằm trong khoảng từ 5.000 đến 15.000, nhỏ vừa đủ để thực hiện được mảnh khốe này và lớn vừa đủ để lọc ra được một mớ người ngẫu nhiên chọn con số 658.”

“Dĩ nhiên, trừ phi anh đi sai hướng hoàn toàn,” Rodriguez chỉ ra, “và mấy thứ đoán già đoán non này chỉ là một sự lãng phí thời gian vô cùng.”

Kline quay sang Holdenfield. “Cô nghĩ sao, Becca? Chúng ta có đi đúng hướng không? Hay sai hướng?”

“Tôi cảm thấy các khía cạnh của giả thuyết đó tuyệt đối hấp dẫn, nhưng tôi muốn giữ lại ý kiến sau cùng của mình và chờ nghe câu trả lời cho câu hỏi của trung sĩ Hardwick trước đã.”

Gurney mỉm cười, lần này là một nụ cười chân thật. “Anh ấy ít khi nào hỏi mà chưa ít nhiều có sẵn câu trả lời đâu. Chia sẻ được không nào, Jack?”

Hardwick lấy hai tay xoa xoa mặt trong nhiều giây – lại là một trong những cái giật khó hiểu làm Gurney phát cáu khi hai người còn làm chung vụ án Piggert giết cha hại mẹ. “Nếu nhìn vào nét chung đặc thù nhất giữa tất cả các nạn nhân – nét đặc thù được nói đến trong mấy bài thơ đe dọa ấy – mọi người có thể kết luận rằng tên của họ nằm trong danh sách những người nghiện rượu nặng.” Hắn ngừng một chút. “Câu hỏi đặt ra là, danh sách đó ở đâu ra?”

“Danh sách thành viên của Hội Cai rượu ẩn danh chẳng?” Blatt đề nghị.

Hardwick lắc đầu. “Không có danh sách nào như thế cả. Người ta xem trọng mấy thứ ẩn danh vớ vẩn đó lắm.”

“Vậy một danh sách được soạn từ dữ liệu trong hồ sơ công cộng thì sao?” Kline nói. “Những vụ bắt giữ và bản án liên quan đến rượu chẳng?”

“Danh sách như vậy có thể soạn ra, nhưng sẽ có hai nạn nhân không xuất hiện trong đó. Mellery không có tiền án tiền sự. Tay linh mục ấu dâm thì có, nhưng đó lại là tội vi phạm thuần phong mỹ tục đối với trẻ vị thành niên – không có liên quan đến rượu trong hồ sơ công cộng, đành rằng cậu thanh tra

ở Boston mà tôi trao đổi bảo tôi là đức cha tốt bụng ấy sau đó bị bác tội này và nhận một tội nhẹ hơn. Ông ta quy hành vi này là do nghiện rượu và đồng ý đi cai nghiện lâu dài.”

Kline nheo mắt tư lự. “Chà, vậy thì có thể nào là danh sách bệnh nhân ở cơ sở cai nghiện không?”

“Có khả năng đó,” Hardwick nói, mặt nhăn nhó như muốn nói điều ngược lại.

“Có lẽ ta nên điều tra chuyện đó.”

“Nhất định rồi.” Giọng điệu gần như sỉ nhục của Hardwick tạo ra một khoảng lặng ngưng ngập. Gurney phá vỡ sự im lặng.

“Vì muốn xem thử có thể thiết lập mối quan hệ về mặt địa lý giữa các nạn nhân không, nên cách đây một thời gian tôi đã bắt đầu điều tra vấn đề cai nghiện của họ. Oái oăm thay việc điều tra lại rơi vào ngõ cụt. Albert Rudden cai nghiện 28 ngày ở một cơ sở ở Bronx cách đây 5 năm, còn Mellery cai nghiện 28 ngày ở một cơ sở ở Queens cách đây mười lăm năm. Không cơ sở nào có chương trình điều trị lâu dài cả – tức là ông linh mục chắc hẳn đã đến một cơ sở khác. Cho nên dù tên hung thủ của chúng ta có làm việc trong môi trường đó và công việc cho phép hắn truy xuất hàng ngàn bệnh án đi nữa, thì bất kỳ danh sách nào mà hắn lập ra bằng cách đó cũng chỉ có duy nhất một cái tên trong số những nạn nhân đó mà thôi.”

Rodriguez xoay người trong ghế và nói chuyện trực tiếp với Gurney. “Giả thuyết của anh phụ thuộc vào sự tồn tại của một danh sách khổng lồ – có thể là 5.000 tên, có thể là 11.000, tôi nghe cô Wigg nói còn có thể 15.000 nữa – bao nhiêu tên cũng được, danh sách có vẻ như luôn luôn thay đổi. Nhưng làm gì có nguồn nào có thứ danh sách như vậy. Vậy phải làm sao?”

“Kiên nhẫn nào, đại úy,” Gurney nói nhỏ nhẹ. “Tôi không nghĩ là không có nguồn nào đâu – chẳng qua ta chưa tìm ra thôi. Hình như tôi tin vào năng lực của anh còn hơn bản thân anh tin tưởng đấy.”

Máu trào lên mặt Rodriguez. “Niềm tin cái gì? Vào năng lực của tôi cái gì? Anh nói vậy nghĩa là sao hả?”

“Toàn bộ số nạn nhân đều đi cai nghiện ư?” Wigg lờ đi cơn tam bành của tay đại úy.

“Tôi không biết Kartch thì sao,” Gurney nói, mừng vì được kéo trở lại đề tài. “Nhưng ông ta có đi cũng không có gì lạ.”

Hardwick xen vào. “Sở Cảnh sát Sotherton có fax cho chúng ta hồ sơ của ông ta. Đây đúng là chân dung của một tên khốn thật sự. Hành hung, quấy rối, uống rượu noi công cộng, uống rượu gây rối, đe dọa, đe dọa bằng vũ khí, có hành vi dâm dật, ba lần uống rượu lái xe, hai lần đi lên phía Bắc rồi, chưa kể cả chục lần ra vào tù 6 tỉnh nữa. Những tội liên quan đến rượu, nhất là uống rượu lái xe, cho ta thấy gần như chắc chắn rằng lão đã bị tổng đi cai nghiện ít nhất một lần. Tôi có thể yêu cầu Sotherton điều tra chuyện đó.”

Rodriguez đẩy người ra khỏi bàn. “Nếu các nạn nhân không gặp nhau trong cơ sở cai nghiện hoặc thậm chí không cai nghiện cùng cơ sở ở những thời điểm khác nhau, thì việc bọn họ có đi cai nghiện hay không có khác gì nào? Thời buổi này trong số mấy tay thất nghiệp vô công rồi nghề và mấy tay nghệ sĩ tào lao trên đời thì một nửa đi cai nghiện rồi. Một hoạt động ăn tiền phi pháp khổng lồ nạn trên kinh phí của *Medicaid*^[23], cái giá cắt cổ mà người đóng thuế phải trả. Mấy cái gã này đi cai nghiện thì có nghĩa khi gió gì nào? Nghĩa là bọn họ có khả năng bị giết ư? Khó lắm. Nghĩa là bọn họ là bọm ư? Thì sao? Chuyện đó chúng ta biết rồi mà.” Sự giận dữ, Gurney để ý, đã trở thành cảm xúc chủ đạo của Rodriguez, y nhảy nhanh như tên bắn từ vấn đề này sang vấn đề khác.

Wigg, người mà tràng rửa sả ấy nhắm vào, dường như không bị tác động bởi sự độc địa của nó. “Thanh tra cấp cao Gurney đã từng nói anh ấy tin có khả năng tất cả các nạn nhân dính dáng đến nhau qua một nhân tố chung nào đó không phải là nghiện rượu. Tôi nghĩ việc tham gia cai nghiện có thể là nhân tố đó, hoặc ít ra cũng thuộc nhân tố đó.”

Rodriguez bật cười chế nhạo. “Chắc thế này, chắc thế kia. Tôi nghe quá nhiều cái ‘chắc’ rồi mà chẳng nghe ra một mối liên kết nào cả.”

Kline trông chán nản. “Thôi nào Becca, nói cho chúng tôi biết cô nghĩ gì nào. Vị thế của chúng ta chắc chắn đến mức nào?”

“Câu hỏi đó khó trả lời lắm. Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu nữa.”

“Để tôi đơn giản hóa câu hỏi cho cô. Cô có tin giả thuyết của Gurney về vụ án không – có hay không?”

“Có, tôi tin. Bức tranh mà anh ấy vẽ ra mô tả cảnh Mark Mellery bị mấy bức thư ông ấy nhận được tra tấn tinh thần; tôi hình dung được đó có thể là một yếu tố hợp lý trong một kiểu nghi thức giết người nào đó.”

“Nhưng trông cô không giống như là tin hoàn toàn.”

“Không phải vậy đâu, chẳng qua là... phương thức gây án này rất độc đáo. Tra tấn nạn nhân là yếu tố rất hay gặp trong bệnh lý giết người hàng loạt, nhưng tôi chưa bao giờ thấy vụ án nào được thực hiện từ xa với một phong thái điềm tĩnh và có phương pháp đến thế. Yếu tố tra tấn trong những vụ án mạng như thế này thường chỉ chú trọng việc gây ra đau đớn trực tiếp về thể xác nhằm khủng bố nạn nhân và cho hung thủ cái cảm giác có quyền năng và quyền kiểm soát tối thượng mà hẳn thèm khát. Tuy nhiên, trong vụ án này, yếu tố gây đau đớn hoàn toàn là về mặt tinh thần.”

Rodriguez nghiêng người về phía cô ta. “Vậy cô muốn nói nó không khớp với kiểu mẫu giết người hàng loạt ư?” Y nói như luật sư đang tấn công nhân chứng đối phương.

“Không phải. Kiểu mẫu thì có rồi. Tôi chỉ muốn nói hẳn có cách gây án điềm tĩnh và toan tính độc đáo quá thôi. Đa số những tay giết người hàng loạt có trí tuệ trên mức bình thường. Vài tên, chẳng hạn như Ted Bundy, có trí thông minh trên mức bình thường rất xa. Còn tên này có lẽ thuộc một nhóm riêng chỉ có mình hẳn.”

“Quá thông minh và khó đối phó – cô muốn nói vậy chứ gì?”

“Tôi không nói vậy,” Holdenfield hồn nhiên trả lời, “nhưng có lẽ anh nói đúng.”

“Thật vậy à? Để tôi ghi lại câu này vào hồ sơ nào,” Rodriguez nói, giọng y dứt gãy như băng mỏng. “Ý kiến chuyên nghiệp của cô là BCI không đủ khả năng bắt giữ tên điên này có phải không?”

“Một lần nữa, tôi không có nói vậy,” Holdenfield mỉm cười. “Nhưng một lần nữa, có lẽ anh nói đúng.”

Một lần nữa làn da vàng vọt của Rodriguez ửng đỏ lên vì giận, nhưng Kline xen vào. “Lẽ nào cô lại ngụ ý là chúng ta không thể làm gì được, cô Becca?”

Cô ta thờ dài với vẻ cam chịu của một nhà giáo phải gánh vác những sinh viên tồi tệ nhất trong trường. “Các dữ kiện của vụ án cho tới giờ ủng hộ 3 kết luận. Thứ nhất, tên hung thủ mà mọi người đang truy bắt đang chơi trò chơi với mọi người, và hẳn chơi rất giỏi. Thứ hai, hẳn có động lực rất lớn, luôn ở tư thế chuẩn bị, rất tập trung và tỉ mỉ. Thứ ba, hẳn biết ai là người tiếp theo trong danh sách, còn mọi người thì không.”

Kline trông đầu kho. “Nhưng trở lại câu hỏi của tôi...”

“Nếu các anh muốn kiếm ánh sáng cuối đường hầm, thì có một khả năng nhỏ này có lợi cho các anh đấy. Dù có tổ chức chặt chẽ đến đâu đi nữa, thì vẫn có khả năng hẳn sẽ suy sụp.”

“Suy sụp như thế nào? Tại sao lại suy sụp? Cô nói ‘suy sụp’ là sao?”

Khi Kline hỏi câu đó, Gurney cảm thấy lồng ngực đang co thắt lại. Cảm giác lo âu tột độ đến cùng một cảnh tượng trong trí tưởng tượng của anh, rõ nét như trong phim – bàn tay tên hung thủ chộp lấy tờ giấy có tám dòng mà Gurney đã bốc đồng gửi bưu điện ngày hôm trước:

*Ứng ngược, súng được giảm thanh,
mày lắm, tao biết rành rành ra sao.
Trò này sẽ kết thúc mau,
bạn người chết sẽ cửa sâu cổ mày.
Coi chừng nắng dữ tuyết dày,
đêm ngày cũng thế, coi mày chạy đâu.
Mộ phần anh ấy tao trông,
rồi đưa hung thủ xuống tầng ngục sâu.*

Một cách bài bản, bằng thái độ khinh khinh, tay hấn vò tờ giấy thành một khối tròn, và khi khối tròn ấy nhỏ hết cỡ, không lớn hơn thỏi kẹo cao su, tay hấn chậm chậm mở ra để nó rơi xuống nền nhà. Gurney cố gắng xua hình ảnh ghê tởm đó ra khỏi tâm trí, nhưng kịch bản ấy chưa chạy hết quãng đường của nó. Giờ thì bàn tay hung thủ cầm lên phong bì có chứa bài thơ – để mặt ghi địa chỉ hướng lên trên, dấu bưu điện hiện lên rõ ràng là từ Walnut Crossing.

Walnut Crossing... ời Chúa ạ! Một cảm giác ớn lạnh kiệt quệ lan tỏa từ vùng thượng vị của Gurney xuống chân. Sao anh lại có thể bỏ sót một vấn đề hiển nhiên đến thế được? *Chúa ạ, bình tĩnh nào. Suy nghĩ nào. Tên hung thủ có thể làm gì với thông tin đó? Nó sẽ dẫn hấn đến đúng địa chỉ, đến nhà họ, đến gặp Madeleine chẳng?* Gurney thấy hai mắt mình trợn trừng, mặt tái đi. Sao anh lại chăm chăm gửi bức thư tai hại đó để làm gì? Sao anh lại không đoán trước được vấn đề về dấu bưu điện? Anh đã tạo ra nguy cơ gì cho Madeleine rồi? Tâm trí anh chạy loạn xạ xung quanh câu hỏi cuối cùng như một người hối hả chạy quanh một ngôi nhà đang cháy. Mỗi nguy đó có thật đến mức nào? Còn bao lâu nữa nó sẽ xảy ra? Anh có nên gọi cho cô, cảnh báo cô không? Cảnh báo cô chuyện gì mới được? Để làm cô sợ mất mặt ư? Chúa ơi, còn chuyện gì nữa không? Còn chuyện gì nữa mà anh đã bỏ sót khi đang tập trung một cách phiến diện vào đối thủ, vào cuộc chiến, vào câu đố không? Còn sự an toàn của ai nữa – mạng sống của ai nữa – mà anh đã lờ đi bởi sự hiếu thắng ngang bướng của mình? Những câu hỏi này làm anh choáng váng.

Một giọng nói xen vào cơn sợ hãi mới chớm của anh. Anh cố gắng bám víu vào đó, tận dụng nó để lấy lại thăng bằng.

Holdenfield đang nói. "... một tên mưu mô bị chứng ám ảnh cưỡng chế sai khiến, lúc nào cũng có nhu cầu bệnh hoạn là khớp hiện thực với kế hoạch của mình. Cái mục tiêu đang toàn quyền kiểm soát hấn chính là, hấn phải toàn quyền kiểm soát người khác."

"Toàn quyền kiểm soát mọi người ư?" Kline hỏi.

“Thật ra thì sự tập trung của hắn khá hời hợt. Hắn cảm thấy phải hoàn toàn thống trị bằng khủng bố nên phải ra tay sát hại các thành viên của nhóm nạn nhân mục tiêu, tức là nhóm người có vẻ như nằm trong tập hợp con nào đó trong số những người đàn ông trung niên nghiện rượu. Những người khác hắn không màng đến vì không có hứng thú hay nghĩ họ quan trọng.”

“Vậy cái chuyện ‘suy sụp’ ấy có vai trò gì ở đây?”

“Thường thì mưu sát để tạo ra và duy trì cảm giác toàn năng là một quá trình khiếm khuyết đến chết người – tôi không có ý chơi chữ đâu. Vì thèm khát quyền kiểm soát mà giết người hàng loạt là biểu hiện của loạn năng nghiêm trọng, giống như hút cocaine để tìm hưng phấn vậy.”

“Chúng cần càng lúc càng nhiều ư?”

“Cần càng lúc càng nhiều chỉ để thỏa mãn càng lúc càng ít. Chu kỳ cảm xúc càng lúc càng trở nên dồn nén và khó kiểm soát hơn. Những thứ đáng lẽ không xảy ra lại xảy ra. Tôi ngờ rằng một thứ có bản chất tương tự vậy đã xảy ra sáng nay, kết quả là anh cảnh sát đó bị giết thay cho anh Dermott của các anh. Những biến cố không lường trước này tạo ra chấn thương tâm lý nghiêm trọng trong một tên hung thủ lúc nào cũng bị quyền kiểm soát ám ảnh, và sự phân tâm này sẽ dẫn đến nhiều sai lầm nữa. Giống như một cái máy có trục truyền động không cân đối vậy. Khi máy đạt đến một tốc độ nhất định thì chuyển động rung lắc sẽ xuất hiện làm gãy vỡ máy.”

“Nghĩa là sao, trong trường hợp cụ thể này?”

“Nghĩa là hung thủ càng lúc càng điên cuồng và khó đoán hơn.”

Điên cuồng. Khó đoán. Một lần nữa nỗi khiếp đảm lạnh người tỏa ra từ vùng thượng vị của Gurney, lần này vào tận trong lồng ngực, trong cổ họng anh.

“Nghĩa là tình hình sẽ tồi tệ hơn ư?” Kline hỏi.

“Khả quan mặt này và tồi tệ mặt khác. Nếu một kẻ giết người từng thập thò trong hẻm tối lâu lâu lại dùng dụng cụ đập vụn nước đá giết người tự nhiên dùng một cái xuất hiện ở quảng trường Thời đại vung rựa, thì có khả

năng hẳn sẽ bị bắt. Nhưng trong cuộc hỗn loạn cuối cùng, có lẽ nhiều người sẽ mất đầu lăm.”

“Cô thấy tên này có thể đang vào giai đoạn vung rựa ư?” Trông Kline hào hứng hơn là cảm thấy ghê tởm.

Gurney thấy buồn nôn. Cái giọng điệu khí phách đàn ông vớ vẩn mà mấy tay chấp pháp dùng để che chắn bản thân khỏi cảnh ghê rợn không có tác dụng trong một số tình huống nhất định. Đây là một tình huống như thế.

“Phải.” Sự giản đơn thẳng thừng trong câu trả lời của Holdenfield tạo ra một sự im lặng khắp phòng. Sau một chập, tay đại úy lên tiếng bằng thái độ thù địch mà ai cũng đoán được.

“Vậy chúng ta phải làm gì đây? Ban bố lệnh bắt khẩn cấp đối với một quý ông ba mươi tuổi cầm một trục quay đang rung và dao rựa trong tay ư?”

Hardwick đáp lại bằng một nụ cười méo xệch còn Blatt thì bật cười.

Stimmel nói, “Đôi khi kết cục hoành tráng là một phần của kế hoạch.” Y được sự chú ý của mọi người trừ Blatt vẫn luôn miệng cười. Khi Blatt bớt cười, Stimmel nói tiếp, “Có ai còn nhớ vụ án Duane Merkly không?”

Không ai nhớ.

“Cựu binh từ Việt Nam,” Stimmel nói. “Mâu thuẫn với Bộ Cựu Chiến binh và chính quyền nói chung. Nuôi một con chó gác cổng Akita dữ tợn đã từng ăn một con vịt nhà hàng xóm. Người hàng xóm gọi cảnh sát. Duan ghét bọn cớm. Tháng sau con Akita đó ăn con chó săn nhỏ của người hàng xóm. Người hàng xóm bắn con chó Akita. Xung đột leo thang, và nhiều thứ vớ vẩn nữa xảy ra. Ngày nọ tay cựu binh này bắt người hàng xóm làm con tin, đòi bồi thường 5.000 đô cho con Akita, nếu không sẽ giết con tin. Cảnh sát địa phương tới, đội đặc công SWAT tới. Họ chốt chặn nhiều vị trí quanh chu vi nhà. Có điều, chẳng ai xem hồ sơ tại ngũ của Duane cả nên không biết y từng là chuyên viên bom mìn. Duane chuyên đặt mìn cho nổ từ xa.” Stimmel cầm bật, để cho khán giả của y tưởng tượng ra kết quả.

“Ý anh nói tên chó chết đó cho nổ tung mọi người lên à?” Blatt hỏi với vẻ ần tượng.

“Không phải mọi người. Sáu chết, sáu bị thương tật vĩnh viễn.”

Rodriguez trông chán nản. “Chuyện này thì có liên quan gì?”

“Vấn đề là, y đã mua cấu kiện làm mìn trước đó hai năm rồi. Kết cục hoành tráng luôn luôn được tính toán trước mà.”

Rodriguez lắc đầu. “Tôi chẳng thấy liên quan chỗ nào cả.” Gurney thì có, và nó khiến anh bứt rứt.

Kline nhìn Holdenfield. “Cô nghĩ sao hả, Becca?”

“Tôi nghĩ hung thủ của chúng ta có kế hoạch lớn hay không ư? Có khả năng đó. Tôi biết chắc một thứ này...”

Một tiếng gõ cửa chiếu lệ ngắt lời cô ta. Cửa mở, và một trung sĩ mặc cảnh phục bước nửa đường vào phòng và nói với Rodriguez.

“Sếp ạ? Xin lỗi đã ngắt lời. Sếp có điện thoại từ trung úy Nardo nào đó ở bang Connecticut. Tôi bảo anh ta sếp đang họp. Anh ấy nói đây là chuyện khẩn, cần nói chuyện với sếp ngay.”

Rodriguez thờ dài, cái thờ dài của một người phải chịu thiệt thòi gánh vác nhiều chuyện. “Tôi nghe máy ở đây được rồi,” y nói, đầu nghiêng về chiếc điện thoại trên tủ hồ sơ thấp tè đặt sát tường sau lưng.

Viên trung sĩ lùi ra sau. Hai phút sau, điện thoại reng.

“Đại úy Rodriguez nghe đây.” Lại hai phút sau, y cầm điện thoại sát tai, căng thẳng tập trung. “Quái thật,” rốt cuộc y nói. “Lạ thật đấy, trung úy ạ, nên tôi muốn anh lặp lại từng từ một cho đội điều tra chúng tôi ở đây nghe. Tôi mở loa ngoài đây. Anh nói đi – lặp lại chính xác những gì anh nói với tôi nào.”

Một lúc sau, giọng nói phát ra từ chiếc điện thoại, nghe căng thẳng và lạnh lùng. “Tôi là John Nardo từ Sở Cảnh sát Wycherly đây. Mọi người có nghe tôi không?” Rodriguez nói có, rồi Nardo nói tiếp, “Như mọi người đã biết, một trong những cảnh sát của chúng tôi đã bị giết khi đang làm nhiệm vụ sáng nay tại nhà của Gregory Dermott. Chúng tôi hiện đang ở hiện trường cùng một đội xử lý hiện trường. Hai mươi phút trước có điện thoại

gọi cho ông Dermott. Người gọi nói với ông ấy là, nguyên văn, ‘Ông là người tiếp theo, sau ông đến lượt Gurney.’”

Cái gì? Gurney thắc mắc liệu mình có nghe đúng không.

Kline yêu cầu Nardo lặp lại tin nhắn điện thoại và anh ta lặp lại.

“Anh có tìm được thông tin gì về nguồn gọi từ công ty điện thoại chưa?” Hardwick hỏi.

“Thông tin điện thoại di động trong phạm vi xung quanh chỗ này thì có. Không có dữ liệu GPS, chỉ có địa điểm của đài phát thôi. Số người gọi không hiện trên máy.”

“Ai bắt máy vậy?” Gurney hỏi. Thật đáng ngạc nhiên, lời đe dọa trực tiếp đến anh lại có tác dụng làm anh bình tâm trở lại. Có lẽ bởi vì bất cứ thứ gì cụ thể, thứ gì có tên kèm theo, thì hạn hẹp hơn và do đó dễ giải quyết hơn so với một dãy vô tận các khả năng. Và có lẽ bởi vì không có cái tên nào trong số đó là Madeleine cả.

“Anh nói ai bắt máy là sao?” Nardo hỏi.

“Anh nói có điện thoại gọi cho ông Dermott chứ không nói là ông Dermott bắt máy.”

“Ờ, phải, tôi hiểu rồi. Thì lúc điện thoại reng, Dermott đang nằm nghỉ vì đau nửa đầu mà. Từ lúc phát hiện cái xác đến giờ, ông ấy giống như người tàn phế vậy. Nên một kỹ thuật viên trả lời điện thoại trong bếp. Người gọi yêu cầu gặp Dermott, nói hẵn là bạn thân.”

“Hẳn dùng tên gì?”

“Tên lạ lắm, Carbis... Cabberdis... Không, chờ chút, đây này, anh kỹ thuật viên có ghi vào giấy này – Charybdis.”

“Giọng nói có gì lạ không?”

“Anh hỏi phải lắm. Lúc này mấy người ở đây còn tìm cách mô tả cái giọng đó. Sau khi Dermott đến nghe điện thoại, ông ấy nói ông ấy nghĩ giọng đó nghe như là giọng nước ngoài vậy, nhưng anh kỹ thuật viên của chúng tôi thì lại nghĩ đó là giọng giả – kẻ này muốn ngụy trang giọng thật của hẵn. Hoặc có thể là của ả cũng nên – chẳng ai trong hai người chắc chắn

cả. Này, các anh, xin lỗi nhé, tôi phải trở lại tình hình ở đây. Muốn cho các anh biết những dữ kiện căn bản vậy thôi. Chúng tôi sẽ liên lạc trở lại khi có tin mới.”

Sau tín hiệu ngắt kết nối, bao phủ quanh bàn là sự yên lặng bồn chồn. Rồi Hardwick hăng giọng lớn tiếng đến nỗi Holdenfield giật nảy người..

“VẬY là Dave này,” hần lăm bầm, “một lần nữa anh lại là tâm điểm của sự chú ý rồi. ‘Đến lượt Gurney’ cơ đấy. Cậu là cái gì nào, một thói nam châm hút các vụ giết người hàng loạt hả? Chúng tôi chỉ cần đu đưa cậu trên dây rồi chờ chúng đớp là xong.”

Madeleine cũng đang đu đưa trên dây ư? Có lẽ chưa đâu. Hy vọng là chưa. Dù gì thì anh và Dermott mới là những người đứng đầu danh sách cơ mà. Cứ cho là tên điên ấy nói thật đi. Nếu vậy, anh sẽ có thêm thời gian rồi – có lẽ là thời gian đề cầu may. Thời gian để chuộc lại những sơ suất của anh. Sao anh lại ngu xuẩn đến thế được? Sao lại không nghĩ đến sự an toàn của cô cơ chứ? Ngu xuẩn.

Kline trông băn khoăn. “Sao anh lại trở thành mục tiêu thế kia?”

“Tôi cũng chẳng biết hơn anh,” Gurney nói một cách vô tư giả tạo. Cảm giác có lỗi cho anh cảm tưởng Kline lẫn Rodriguez đang nhìn anh một cách tò mò thiếu thiện ý. Ngay từ đầu anh đã có cảm giác nghi ngại chuyện viết rồi gửi bài thơ đó đi, nhưng anh đã chôn giấu cái cảm giác đó mà không buồn định hình hay bộc lộ nó ra bằng lời. Anh sừng sốt trước khả năng lơ đi nguy hiểm của mình, kể cả nguy hiểm đó có xảy đến với người khác. Lúc đó anh đang nghĩ gì nhỉ? Mối nguy đối với Madeleine có xuất hiện trong ý thức của anh một chút nào không? Anh đã nghi ngờ rồi gạt bỏ nó đi chẳng? Lẽ nào anh lại nhẫn tâm đến vậy? *Làm ơn, Chúa ơi, đừng!*

Giữa bao phiền muộn như vậy, anh vẫn chắc chắn ít nhất một chuyện. Ngồi đây trong căn phòng hội nghị này bàn thêm về tình hình đó không phải là một phương án hợp lý. Nếu Dermott là người tiếp theo trong danh sách của tên hung thủ, thì đó là thời điểm Gurney có cơ hội nhiều nhất để tìm ra tên giết người mà họ đang truy bắt và chấm dứt nguy cơ trước khi nó tới gần. Và nếu chính anh là người tiếp theo sau Dermott, thì anh muốn tham

gia cuộc chiến đó càng xa Walnut Crossing càng tốt. Anh trượt ghế ra khỏi bàn rồi đứng dậy.

“Xin mọi người thứ lỗi, tôi phải đi đây.”

Thoạt đầu quanh bàn chỉ xuất hiện nhiều vẻ mặt ngây ra. Rồi Kline bỗng nhận ra ý nghĩa câu nói đó.

“Chúa ạ!” hăn la lên. “Lẽ nào anh lại nghĩ đến chuyện đi đến Connecticut chứ?”

“Tôi được mời mà, và tôi chấp nhận lời mời.”

“Điên rồ. Anh chẳng biết mình đang đi vào đâu đâu.”

“Thật ra thì,” Rodriguez nói kèm một cái liếc khinh khinh về phía Gurney, “hiện trường vụ án có đầy rẫy cảnh sát là một nơi khá an toàn đấy chứ.”

“Thường thì là vậy,” Holdenfield nói. “Trừ phi...” Cô ta để cho cái ý nghĩ đó treo lơ lửng, như thể đang đi vòng quanh để xem xét nó từ nhiều góc độ khác nhau.

“Trừ phi sao?” Rodriguez quát.

“Trừ phi hung thủ là cảnh sát.”

Một Kế Hoạch Đơn Giản

Mọi chuyện xem ra gần như quá dễ dàng.

Việc giết 20 tên cảnh sát tinh nhuệ trong 20 giây lẽ ra đòi hỏi một kế hoạch phức tạp hơn. Một hành động có quy mô như thế lẽ ra phải khó khăn hơn. Dù gì đi nữa thì đây cũng sẽ là vụ xóa sổ lớn nhất từng được thực hiện – ít ra là ở Mỹ, ít ra là ở thời hiện đại.

Nghĩ đến chuyện xưa nay chưa ai làm như thế, mặc dù nó rõ đơn giản, là gã lại cảm thấy hứng thú xen lẫn băn khoăn. Cái ý tưởng khiến tâm trí gã rối cuộc cũng chịu ngồi nghỉ chính là đây: đối với kẻ có trí tuệ kém cỏi hơn hay có khả năng tập trung không đáng gờm là bao, thì dự án này có thể làm họ khiếp sợ, nhưng đối với gã, với bao sáng suốt và sức tập trung của mình, thì lại không như vậy. Mọi thứ đều tương đối. Kẻ thiên tài có thể lướt qua những chướng ngại làm người tầm thường rối ren đến vô vọng.

Mấy thứ hóa chất đó dễ mua đến nực cười, khá tiết kiệm, và 100 phần trăm hợp pháp. Có mua với số lượng lớn chúng cũng không gây nghi ngờ gì, vì người ta vẫn bán chúng mỗi ngày với số lượng lớn để phục vụ cho các ứng dụng công nghiệp mà. Dù vậy, mỗi chất (chỉ có hai chất) gã đều thận trọng mua từ một nhà cung cấp khác nhau nhằm tránh để lại bất kỳ dấu vết nào về việc sẽ kết hợp chúng với nhau, và gã đã mua hai bình áp suất dung tích gần 190 lít mỗi bình từ một nhà cung cấp thứ ba.

Giờ đây, khi đang dùng mỏ hàn hoàn thiện những điểm cuối cùng trên một hệ thống ống dẫn tạm bợ để kết hợp và chuyển tải hỗn hợp chết người đó tới người nhận, gã chợt nảy ra một ý nghĩ ly kỳ – một kịch bản chứa một cảnh tượng lên đến cao trào – kích thích trí tưởng tượng của gã nhiều đến nỗi một nụ cười rạng rỡ hé nở trên mặt gã. Gã biết những gì mình đang

tưởng tượng không có khả năng xảy ra – thứ hóa chất đó rất khó đoán – nhưng nó có thể xảy ra. Ít ra là có khả năng đó.

Trên trang web về Hóa Chất Nguy Hiểm là một lời cảnh báo mà gã đã thuộc lòng. Lời cảnh báo nằm trong một chiếc hộp đồ xung quanh là nhiều dấu chấm than màu đỏ. “Hỗn hợp clo và amoniac này không chỉ sản sinh ra một loại khí độc chết người mà còn cực kỳ kém bền nếu pha theo tỉ lệ được chỉ dẫn, và có thể phát nổ nếu có tia lửa làm chất xúc tác.” Cái cảnh tượng làm gã khoái chí là toàn bộ Sở Cảnh sát Wycherly bị mắc kẹt trong cái bẫy của gã, buộc phải hít khí độc vào phổi ngay trong khi tia lửa xúc tác ấy được nhen vào, làm nổ tung bọn họ thành từng mảnh từ trong ra ngoài. Hình dung ra cảnh đó, gã làm một chuyện mà bản thân hầu như chẳng bao giờ làm. Gã cười phá lên.

Phải chi mẹ gã có thể thấu hiểu được sự hóm hỉnh của nó, sự đẹp đẽ của nó, sự huy hoàng của nó. Nhưng có lẽ như vậy là đòi hỏi quá nhiều. Và, dĩ nhiên, nếu bọn cảnh sát bị nổ tan thành từng mảnh – từng mảnh vụn li ti – thì chẳng việc gì phải cứu chữa bọn họ nữa. Và hẳn thì lại rất muốn cứu chữa bọn họ.

Chẳng có thứ gì trên đời này là hoàn hảo cả. Luôn luôn có mặt lợi và mặt hại. Người ta phải tận dụng hết khả năng với cỗ bài được chia. Coi ly nước như đang đầy một nửa.

Thế mới là hiện thực.

Chào Mừng Đến Wycherly

Sau khi gạt bỏ những phản đối và quan ngại đã liệu trước chuyến đi đã dự kiến của mình, Gurney ra xe và gọi cho Sở Cảnh sát Wycherly hỏi xin địa chỉ nhà của Gregory Dermott, vì cho đến tận thời điểm này anh mới chỉ có số hộp thư trên phần đầu lá thư của anh ta. Phải mất ít lâu anh mới giải thích cho viên cảnh sát đang trực hiểu được chính xác anh là ai, và dù vậy, anh vẫn phải chờ nữ cảnh sát ấy gọi Nardo xin phép được tiết lộ địa điểm. Hóa ra cô ta là thành viên duy nhất của một lực lượng nhỏ chưa có mặt ở hiện trường. Gurney nhập địa chỉ vào thiết bị GPS và hướng về phía cầu Kingston-Rhinecliff.

Wycherly tọa lạc ở vùng Trung Bắc Connecticut. Chuyến đi mất hơn hai giờ một chút, phần lớn thời gian này Gurney bỏ ra để trầm ngâm về sự thờ ơ trắng trợn của mình đối với an toàn của vợ. Sơ suất đó quấy rầy và làm anh chán ngán đến mức anh thêm muốn tập trung vào chuyện khác, và anh bắt đầu xem xét giả thuyết chủ đạo đã đưa ra tại cuộc họp BCI.

Cái giả thuyết rằng tên hung thủ bằng cách nào đó tiếp cận và soạn ra được một danh sách chứa hàng ngàn tên những người có tiền sử nghiện rượu – những người bị dẫn vật bởi nỗi sợ và mặc cảm tội lỗi thâm căn cố đế phát sinh từ một quá khứ nghiện rượu – rồi đánh bẫy thành công một số người qua trò đoán số đơn giản ấy, tiếp theo tra tấn họ bằng một loạt các bài thơ sồn gáy, dẫn đến kết cục họ bị mưu sát theo nghi thức... toàn bộ quá trình đó, quái gở đến đâu đi nữa, đối với Gurney mà nói giờ đây xem ra hoàn toàn thuyết phục. Anh nhớ đã khám phá ra một điều là những tên giết người hàng loạt lúc bé thường tìm thấy khoái lạc trong việc hành hạ côn trùng và những động vật bé nhỏ – như dùng kính lúp hội tụ ánh nắng để đốt chúng chẳng hạn. Một trong những tên khét tiếng bị anh bắt giữ, Claus Ăn Thịt Người, đã

làm mù mắt một con mèo bằng chính cách này lúc mới 5 tuổi. Đốt bằng kính lúp. Nghe giống đến đáng sợ với việc hội tụ nạn nhân vào quá khứ của họ rồi khuếch đại nỗi sợ của họ lên cho đến khi họ quần quai trong đau đớn.

Thấy được kiểu mẫu, khớp được những mảnh ghép của câu đố xếp hình lại với nhau – đây là một quy trình thường làm anh hưng phấn, nhưng trưa hôm đó trong xe anh lại không có cái cảm giác thoải mái thường lệ ấy. Có lẽ còn âm ỉ trong người anh là cái nhận thức về sự kém cỏi của mình, về những sai sót của mình. Ý nghĩ đó gay gắt trong lồng ngực anh.

Anh tập trung hờ hững vào con đường phía trước, vào capô, vào đôi tay trên bánh lái. Thật lạ. Đôi bàn tay – anh không nhận ra bàn tay của chính mình. Chúng trông già nua đến kinh ngạc – như bàn tay bố anh vậy. Những đốm đồi mồi nhỏ đã phát triển cả về kích thước lẫn số lượng. Nếu ai cho anh xem một chục hình chụp bàn tay trước đó chỉ một phút thôi, thì anh sẽ không tài nào nhận ra được đâu là tay mình.

Anh tự hỏi tại sao. Có lẽ những biến đổi của cơ thể, nếu diễn ra âm ỉ, thường không được bộ não ghi nhận thường xuyên cho đến khi sự chênh lệch đạt đến một độ lớn tới hạn. Hoặc có lẽ vượt quá điểm tới hạn đó.

Phải chăng như vậy có nghĩa ta luôn thấy những thứ thân thuộc dưới một hình ảnh có chút ít khác biệt so với bản chất lâu nay của chúng? Phải chăng ta vướng mắc với quá khứ không phải đơn giản do hoài niệm hay hoài vọng mà do một lối tắt xử lý dữ liệu nào đó trong hệ thống dây thần kinh? Nếu những gì ta ‘thấy’ một phần do dây thần kinh thị giác cung cấp và một phần đến từ ký ức – nghĩa là, nếu những gì ta ‘nhận thức’ ở một thời điểm bất kỳ thật sự chỉ là sự hợp thể giữa ấn tượng hiện tại và ấn tượng được lưu trữ – thì nó sẽ mang đến một ý nghĩa mới cho khái niệm ‘sống trong quá khứ’. Quá khứ do đó sẽ thực thi ách chuyên chế riêng biệt đối với hiện tại bằng cách cung cấp cho ta những dữ liệu lỗi thời dưới lớp áo ‘cảm giác từ các giác quan’. Phải chăng điều đó liên quan đến hoàn cảnh của một kẻ giết người hàng loạt bị thúc đẩy bởi một chấn thương cách đây đã lâu? Cách nhìn của hắn có thể lệch lạc đến đâu?

Giả thuyết ấy làm anh hứng thú trong chốc lát. Việc tìm ra được một ý tưởng mới, thử nghiệm sự vững chắc của nó, luôn làm anh cảm thấy bản thân làm chủ tình hình hơn một chút, đầy sức sống hơn một chút, nhưng hôm nay những cảm giác đó thật khó duy trì. Thiết bị GPS cảnh báo với anh còn hơn ba trăm mét nữa là đến nút rẽ Wycherly.

Thoát ra nút rẽ, đến cuối đoạn đường anh rẽ phải. Khu vực quanh đây là một sự hỗn tạp toàn ruộng đồng, nhà theo lô, khu mua sắm theo dãy, và bóng ma của những thú vui vào hạ từ một thời đại đã xa: một rạp chiếu bóng ngoài trời tiêu điều, một biển hiệu chỉ đến một hồ nước có cái tên đậm chất Iroquois.

Nó làm anh nghĩ đến một hồ nước khác có cái tên nghe đậm chất Anh Diêng – một hồ nước có lối mòn vòng quanh mà anh và Madeleine đã bộ hành cuối tuần nọ trong lúc đang kiếm tìm chốn hoàn hảo của hai người ở vùng Catskills. Anh có thể hình dung ra được gương mặt đầy sức sống của cô khi họ đứng trên đỉnh một vách đá khiêm tốn, nắm tay, tươi cười, nhìn ra nước hồ lăn tăn dưới gió nhẹ. Ký ức đó đến cùng một cảm giác tội lỗi chột nhói trong lòng.

Anh vẫn chưa gọi cô để cho cô biết anh đang làm gì, đang đi đâu, những trì hoãn có thể khiến anh phải về trễ. Anh vẫn không chắc nên nói với cô ít nhiều thế nào. Anh có nên đề cập đến chuyện dấu bưu điện không? Anh quyết định gọi cho cô ngay, đành tùy cơ ứng biến. Xin Chúa giúp con nói đúng điều cần nói.

Trước mức độ căng thẳng đang có sẵn trong người, anh nghĩ nên tắt xe vào lề để gọi điện thoại. Chỗ đầu tiên mà anh tìm được là một khu vực để xe bẩn thỉu rải sỏi nằm trước một quây nông sản đã đóng cửa để nghỉ đông. Từ khóa dùng để kích hoạt cuộc gọi đến số điện thoại nhà trong hệ thống bấm số bằng giọng nói là nhà, hiệu quả nhưng thiếu tính sáng tạo.

Madeleine trả lời sau tiếng chuông thứ hai bằng giọng nói lạc quan, niềm nở mà những cuộc điện thoại vốn luôn gợi mở nơi cô.

“Anh đây,” anh nói, giọng anh chỉ phản chiếu một phần nhỏ thứ ánh sáng trong giọng cô.

Có một khoảng lặng dài một nhịp, “Anh đang ở đâu vậy?”

“Anh gọi là vì vậy mà. Anh đang ở Connecticut, gần một thị trấn có tên Wycherly.”

Câu hỏi hiển nhiên lẽ ra sẽ là, 'Sao anh lại ở đó?' Nhưng Madeleine không hỏi những câu hiển nhiên cô chờ đợi.

“Vụ án có tiến triển mới,” anh nói. “Mọi chuyện có lẽ sắp đến lúc gay go rồi.”

“Ra vậy.”

Anh nghe một tiếng thở chậm chậm, điềm tĩnh.

Anh đưa mắt ra ngoài cửa xe, nhìn trên trên quầy rau củ thiếu sức sống. Trông nó như bị bỏ hoang hơn là đóng cửa để nghỉ đông. “Kẻ chúng anh đang truy bắt càng lúc càng liều,” anh nói. “Có thể có cơ hội để chặn hẳn lại.”

“Kẻ chúng anh đang truy bắt ư?” Giờ thì giọng cô như băng mỏng, rạn nứt ra từng đoạn.

Anh không nói gì, sững sốt trước câu trả lời của cô.

Cô nói tiếp, không giấu vẻ giận dữ. “Lẽ nào anh muốn nói tới tên hung thủ khát máu, tên giết người hàng loạt, kẻ không bao giờ trượt mục tiêu – bắn người ta ở động mạch cổ và cửa cổ họ? Lẽ nào anh muốn nói tới kẻ đó?”

“Đó là... kẻ chúng anh đang truy bắt, đúng rồi.”

“Ở Connecticut không có đủ cảnh sát để lo liệu vụ này hay sao?”

“Có vẻ như hẳn đang nhắm vào anh.”

“Cái gì?”

“Hình như hẳn đã nhận ra anh là một người đang điều tra vụ này, và có thể hẳn sẽ làm chuyện điên rồ cũng không chừng – nếu vậy chúng ta sẽ có cái thời cơ mà chúng ta cần. Đây là cơ hội để bọn anh đối đầu với hẳn trực tiếp thay vì phải thu dọn hết án mạng này đến án mạng khác.”

“Cái gì?” Lần này cái từ ấy thốt ra nghe như lời cảm thán đau đớn hơn là một câu hỏi.

“Mọi chuyện sẽ ổn mà,” anh nói một cách thiếu thuyết phục. “Hắn sắp suy sụp rồi. Hắn sẽ tự hủy diệt. Chúng anh chỉ cần có mặt để chứng kiến thôi.”

“Nếu anh còn đi làm như lúc trước, thì anh buộc phải đến đó. Còn bây giờ anh không phải đến đó đâu.”

“Madeleine, Chúa ạ, anh là cảnh sát cơ mà!” Những lời này bật ra khỏi miệng anh như một chướng ngại vật bị phá vỡ. “Sao nói mãi mà em không hiểu cái quái gì là sao?”

“Không đâu, David,” cô trả lời điềm tĩnh. “Anh đã *từng* là cảnh sát thôi. Còn bây giờ anh đâu phải. Anh không cần phải đi đến đó.”

“Anh đến đó mất rồi.” Trong khoảng lặng tiếp sau đó, cơn giận của anh dịu lại như con sóng đang rút. “Không sao đâu mà. Anh biết anh làm gì mà. Không có chuyện xấu xảy ra đâu.”

“David à, anh có làm sao không vậy? Sao anh cứ phải đuổi theo mấy viên đạn đó làm gì? Đuổi theo mấy viên đạn cơ đấy? Đuổi cho đến lúc một viên đi xuyên qua đầu anh phải không? Đúng không hả? Có phải đó là kế hoạch bi đát trong suốt quãng đời của lại của chúng ta với nhau không? Em chỉ biết chờ, chờ, chờ anh bị giết thôi ư?” Giọng cô đứt quãng trước cảm xúc mạnh mẽ ở cái từ bị giết đến nỗi khiến anh phải lặng thinh.

Madeleine là người sau cùng lên tiếng – cô nói nhỏ đến nỗi anh chỉ suýt soát nghe được. “Toàn bộ mọi chuyện là sao?”

“Chuyện này là sao ư?” Câu hỏi ấy đánh vào anh từ một góc độ lạ lẫm. Anh cảm thấy mất thăng bằng. “Anh không hiểu câu hỏi của em.”

Sự lặng im cao độ cách cả trăm cây số của cô dường như vây quanh anh, ấn sâu vào người anh.

“Ý em là sao?” anh hỏi. Anh thấy nhịp tim đang nhanh dần.

Hình như anh nghe cô nuốt nước bọt. Anh cảm nhận được, bằng một cách nào đó biết được, cô đang cố đưa ra một quyết định. Khi cô trả lời anh, bằng

một câu hỏi khác, cô nói cũng bằng cái giọng lí nhí khiến anh chỉ nghe loáng thoáng.

“Có phải là vì Danny không?”

Anh cảm thấy những mạch máu ở cổ mình, đầu mình, tay mình đang đập thành thịch.

“Cái gì cơ? Có liên quan gì đến Danny chứ?” Anh không muốn nghe câu trả lời, không muốn nghe vào lúc này, không muốn nghe khi anh đang có nhiều chuyện phải làm.

“Ôi, David à,” cô nói. Anh hình dung được cảnh cô đang lắc đầu buồn bã, quyết tâm theo đuổi đề tài khó nói nhất trong tất cả các đề tài. Một khi Madeleine đã mở ra một cánh cửa nào đó thì cô luôn luôn bước qua nó.

Cô hít vào một hơi yếu ớt rồi nói tiếp. “Trước khi Danny chết, công việc của anh là phần quan trọng nhất trong đời anh. Sau cái chết, nó đã trở thành phần duy nhất. Phần duy nhất đấy. Suốt mười lăm năm vừa qua anh chẳng làm gì khác ngoài công việc. Đôi khi em có cảm giác anh muốn chuộc lại chuyện gì đó, quên đi chuyện gì đó... giải quyết chuyện gì đó.” Sự chuyển điệu căng thẳng trong giọng cô làm cái từ ấy nghe như triệu chứng của một căn bệnh.

Anh cố gắng giữ vững vị trí bằng cách bám víu vào những dữ kiện sẵn có. “Anh đến Wycherly để giúp bắt kẻ đã giết Mark Mellery.” Anh nghe giọng anh như thuộc về một người nào khác – một người nào đó già cõi, hoảng hốt, cứng nhắc – một người đang có tỏ ra mình lý trí.

Cô lờ đi những lời anh nói mà đi theo dòng tư duy của riêng mình. “Em đã hy vọng nếu chúng ta mở cái hộp ra, nhìn mấy bức vẽ nhỏ nhắn của con... chúng ta có thể cùng nhau nói lời tạm biệt con. Nhưng anh đâu nói câu tạm biệt được, phải vậy không? Anh có bao giờ nói tạm biệt được với thứ gì đâu.”

“Anh không hiểu em nói gì nữa,” anh phản đối. Nhưng đó không phải là sự thật. Khi họ sắp sửa rời thành phố dọn lên Walnut Crossing sống, Madeleine đã bỏ hàng giờ đồng hồ chào tạm biệt. Không chỉ tạm biệt hàng

xóm mà còn tạm biệt cả nơi cũ, tạm biệt những thứ họ sẽ bỏ lại đằng sau, cả những chậu cây trong nhà. Chuyện đó làm anh bức dọc. Anh đã than phiền về sự đa cảm của cô, nói rằng nói chuyện với mấy món đồ vô tri là chuyện quái đản, phí thời gian, làm xao nhãng công việc, rằng làm vậy thì sự ra đi của họ chỉ càng khó khăn hơn mà thôi.

Nhưng chuyện không đơn giản như vậy. Hành vi của cô lúc đó chạm vào một thứ trong anh mà anh không muốn bị chạm vào – và bây giờ cô lại chạm ngón tay của mình vào thứ đó một lần nữa – cái phần không bao giờ muốn nói lời tạm biệt trong anh, không thể đối mặt với sự chia cắt.

“Anh cất thứ này thứ kia ra khỏi tầm nhìn của mình,” cô đang nói. “Nhưng mấy thứ đó có mất đi đâu, anh có thật sự buông bỏ chúng đâu. Anh phải nhìn vào chúng để buông bỏ chúng chứ. Anh phải nhìn vào cuộc đời Danny để buông bỏ cuộc đời nó. Nhưng rõ ràng anh không muốn làm vậy. Anh chỉ muốn... muốn gì nào, David? Gì nào? Chết, đúng không?” Có một khoảng lặng dài.

“Anh muốn chết,” cô nói. “Thật sự là vậy, đúng không?”

Anh nhận ra một cảm giác mông lung như thể mình đang đứng giữa tâm bão – một cảm xúc như chân không.

“Anh có việc phải làm.” Nói vậy thật vô vị, ngu ngốc, thật sự là vậy. Anh chẳng hiểu tại sao mình lại tốn công sức nói ra câu đó.

Có một khoảng lặng dài đặng đặng.

“Không đâu,” cô nói, lại nuốt nước bọt. “Anh không cần phải làm như thế này mãi đâu.” Rồi, loáng thoáng, anh nghe cô nói tiếp, một cách tuyệt vọng, “Hoặc có lẽ không phải vậy. Chắc em chỉ hy vọng vậy thôi.”

Anh lặng đi không biết nói gì, không biết nghĩ gì.

Anh ngồi đó một lúc lâu, miệng khép hờ, hơi thở ngắn và dồn dập. Điện thoại mất kết nối lúc nào anh không biết. Trong sự hỗn loạn trống rỗng anh chờ đợi một ý nghĩ xuất hiện để bình tâm lại, một ý nghĩ khả thi nào đó.

Nhưng đến với anh lại là một cảm giác lạ lẫm và bi thiết – cái ý nghĩ rằng ngay tại thời điểm này, đúng lúc anh và Madeleine đã cạn kiệt cảm xúc,

hoảng sợ vô chừng, thì họ lại cách xa nhau cả trăm cây số, ở hai bang khác nhau, lọt vào giữa không gian trống rỗng, giữa sóng điện thoại di động.

Anh cũng sức nhớ lại chuyện anh đã quên nói, đã không bộc lộ với cô. Anh vẫn chưa nói một lời nào về sự xuẩn ngốc liên quan đến dấu bưu điện của mình, chưa nói đến khả năng dấu bưu điện sẽ chỉ cho tên hung thủ biết nơi họ đang sống, chưa nói sơ suất của anh cũng do đầu óc chỉ chăm chăm vào điều tra của mình mà ra. Đến cùng với suy nghĩ đó là một tiếng vọng ghê gớm từ quá khứ, khi anh nhận ra cũng vì thế, vì mãi bận tâm nghĩ cách phá một vụ án mười lăm năm trước mà anh đã trở thành một trong những tác nhân gây ra cái chết của Danny – hoặc có lẽ là nguyên nhân tối hậu gây ra cái chết ấy. Madeleine đã rất xuất sắc khi nối kết cái chết đó với điều đang lớn vờn trong tâm trí anh lúc này. Xuất sắc, anh phải thừa nhận, và sắc bén đến mức đáng sợ.

Anh cảm thấy cần phải gọi lại cho cô, thừa nhận lỗi lầm – thừa nhận nguy cơ anh đã tạo ra – cảnh báo cho cô biết. Anh quay số nhà, chờ đợi giọng nói hoan nghênh ấy. Chuông reng, reng, reng, reng. Rồi anh nghe giọng để lại lời nhắn của mình – hơi cứng một chút, gần như nghiêm nghị, hầu như chẳng có vẻ hoan nghênh – rồi tiếng bíp.

“Madeleine? Madeleine em có đó không? Nếu có thì làm ơn bắt máy đi.” Anh cảm thấy choáng váng tận tâm can. Anh không nghĩ được phải nói gì trong một tin nhắn dài một phút, phải nói gì mà không gây ra thiệt hại nhiều hơn là ngăn ngừa thiệt hại, phải nói gì mà không gây ra hoảng sợ và bối rối. Rốt cuộc anh chỉ nói, “Anh yêu em. Nhớ cẩn thận. Anh yêu em.” Rồi có thêm một tiếng bíp, và một lần nữa kết nối bị ngắt.

Anh ngồi xuống, nhìn trân trân quày rau củ tiêu điều, trong lòng nhức nhối và rối bời. Anh cảm thấy mình có thể ngủ suốt tháng cũng được, hoặc ngủ mãi mãi. Mãi mãi – là tốt nhất. Nhưng như vậy thật vô nghĩa. Đó chính là lối tư duy nguy hiểm khiến những người đàn ông mệt mỏi ở Bắc Cực nằm xuống trên tuyết để lạnh cóng đến chết. Anh phải lấy lại sự tập trung.. Tiếp tục tiến bước. Đẩy bản thân về phía trước. Từng chút một, những suy nghĩ của anh bắt đầu tụ lại quanh nhiệm vụ dang dở đang chờ anh hoàn thành. Có

việc phải làm ở Wycherly. Có một tên điên phải bắt giữ. Có nhiều mạng sống phải cứu. Mạng của Gregory Dermott, mạng của anh, có lẽ cả mạng của Madeleine nữa. Anh nổ máy xe và lái đi.

Thiết bị GPS rốt cuộc đưa anh đến một địa chỉ thuộc vùng ngoại ô có kiến trúc thời thuộc địa xoàng xĩnh, nằm tách biệt hẳn trên một lô đất quá cỡ trên một con đường phụ ít xe và không có vỉa hè. Một bờ giậu trắc bá diệp cao ngất, rậm rạp cho người ta cảm giác riêng tư chạy dọc bên trái, đằng sau, và bên phải nhà. Một bờ giậu hoàng dương cao tới ngực chạy ngang qua mặt tiền nhà, trừ lối vào dành cho ô tô. Xe cảnh sát nằm khắp nơi – Gurney ước tính có hơn chục chiếc – nằm đậu khắp ngõ ngách của bờ giậu, cản trở một phần đường lộ. Hầu hết các xe đều mang phù hiệu Sở Cảnh sát Wycherly. Ba xe không có phù hiệu nhưng có bộ phận chớp đèn di động trên bảng điều khiển. Thiếu vắng thấy rõ là xe cảnh sát bang Connecticut – nhưng có lẽ cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Mặc dù đây không phải là cách thức thông minh hay hiệu quả nhất, nhưng anh hiểu được là sở cảnh sát địa phương luôn muốn duy trì quyền kiểm soát khi nạn nhân là người thuộc địa phận của họ.

Khi Gurney tiến chậm chậm đến một mảng cỏ rậm rạp ở mép con đường nhựa, một cảnh sát trẻ cao lớn mặc sắc phục đang một tay chỉ theo một lộ trình vòng quanh những chiếc xe tuần tiểu đang đậu, tay kia gấp gáp ra dấu cho Gurney đi khỏi khu vực anh định đậu xe. Gurney ra khỏi xe và xuất trình thẻ căn cước khi anh cảnh sát khổng lồ ấy tiến đến gần với vẻ mặt căng thẳng, môi mím chặt. Cơ cổ đầy đặn của anh ta, xung đột với cái cổ áo nhỏ hơn một cỡ rưỡi, dường như chạy dài lên tận gò má.

Anh ta xem tấm thẻ trong ví Gurney một lúc lâu, càng xem càng không hiểu, rồi cuối cùng tuyên bố, “Trên đây ghi là bang New York mà.”

“Tôi đến đây để gặp trung úy Nardo,” Gurney nói.

Anh cảnh sát nhìn anh chăm chăm, căng thẳng như cơ ngực đang căng phần áo trước ngực lên, rồi nhún vai. “Bên trong.”

Nằm dưới lối ô tô chạy dài, trên một cây cột cao bằng cột hộp thư là một tấm biển kim loại màu be mang dòng chữ đen: **HỆ THỐNG BẢO MẬT GD.**

Gurney cúi xuống để đi qua hàng dây vàng dường như được chằng khắp toàn bộ trang viên. Lạ thay, khi hàng dây sượt qua cổ anh, chính sự lạnh lẽo của nó đã chuyển sự chú ý của anh lần đầu tiên trong ngày từ những ý nghĩ loạn xạ trong đầu sang thời tiết lúc này. Trời lạnh buốt, xám xịt, không chút gió. Từng mảng tuyết, trước đó đã tan và đóng băng lại, nằm dưới bóng cây hoàng dương và rắc bá diệp. Dọc theo lối ô tô có nhiều mảng băng đen lấp đầy những hố cạn trên mặt đường trắng nhựa.

Đính vào chính giữa cửa trước là một phiên bản rõ hơn của hàng chữ *Hệ thống Bảo mật GD*. Dán bên cạnh cửa là một tấm nhãn nhỏ cho biết căn nhà được hệ thống báo động Axxon Silent Alarms bảo vệ. Khi anh đến bậc thềm bằng gạch của hàng hiên có cột ở cửa trước, cánh cửa trước mặt anh mở ra. Chẳng phải một cử chỉ hoan nghênh. Người đàn ông mở cửa bước ra và đóng cửa lại sau lưng. Anh ta chỉ để ý đến sự có mặt của Gurney qua tầm nhìn ngoại biên của mình khi đang nói lớn tiếng một cách cau có vào điện thoại di động. Anh ta ngoài 40, có thể hình rắn chắc của một vận động viên, một khuôn mặt cứng cỏi và đôi mắt giận dữ, sắc bén. Anh ta mặc một chiếc áo gió đen với chữ CẢNH SÁT lớn màu vàng ngang lưng.

“Anh nghe tôi được chưa?” Anh ta bước ra khỏi sân hiên, đi đến bãi cỏ nhạt màu bị héo rũ do sương tuyết. “Anh nghe tôi được chưa?... Tốt rồi. Tôi nói tôi cần một kỹ thuật viên nữa đến ngay hiện trường càng sớm càng tốt... Không, không được. Tôi cần ngay bây giờ cơ... Ngay bây giờ, trước khi trời tối. Tôi nói rõ là B-Â-Y G-I-Ờ. Anh không hiểu chỗ nào của từ đó hả?... Tốt. Cảm ơn.”

Anh ta ấn nút hoàn tất cuộc gọi trên điện thoại đoạn lắc đầu. “Ngu bở mệ.” Anh ta nhìn Gurney. “Anh là tên quái nào đây?”

Gurney không phản ứng lại giọng điệu hùng hổ đó. Anh hiểu nó đến từ đâu. Ở những nơi có cảnh sát bị giết luôn có bầu không khí cao độ về cảm xúc – một thứ cảm xúc giận dữ bày đàn khó có thể kiểm soát. Và lại, anh nhận ra giọng nói của người đã phá vỡ cảnh sát ấy đến nhà Dermott – chính là John Nardo.

“Tôi là Dave Gurney đây, thưa trung úy.”

Nardo dường như đang nghĩ nhanh nhiều chuyện, nhưng đa số đều tiêu cực. Anh ta chỉ nói, “Anh đến đây làm gì?”

Câu hỏi thật đơn giản. Anh không rõ mình có biết một phần nhỏ nhoi của câu trả lời hay không. Anh quyết định chọn phương án ngắn gọn. “Hắn nói muốn giết Dermott và tôi. Dermott thì ở đây rồi. Giờ thì tôi đến đây. Vậy là toàn bộ con mồi mà tên khốn đó muốn rồi. Có lẽ hắn sẽ đi nước cờ tiếp theo và chúng ta sẽ kết thúc vụ này.”

“Anh nghĩ vậy à?” Giọng điệu của Nardo đầy rẫy sự thù địch băng quơ.

“Nếu anh muốn,” Gurney nói, “tôi có thể cập nhật cho anh biết quá trình điều tra vụ này từ phía chúng tôi, rồi anh có thể cho tôi biết phía các anh đã phát hiện ra được gì.”

“Tôi phát hiện ra được gì ở đây ư? Tôi phát hiện thấy anh cảnh sát mà tôi phải đến căn nhà này theo yêu cầu của anh đã chết. Gary Sissek. Trước lúc nghỉ hưu hai tháng. Tôi phát hiện thấy đầu ảnh gần như bị cửa sứt ra bằng một cái chai uýt ki bê. Tôi phát hiện một cặp ủng dính máu bên cạnh một cái ghế sân vườn khốn kiếp đằng sau bờ giậu đó.” Anh ta vẫy tay hơi loạn xạ về phía sau căn nhà. “Dermott chưa bao giờ thấy cái ghế đó trước đây. Hàng xóm của ông ấy cũng chưa bao giờ. Vậy thì cái ghế khốn kiếp đó ở đâu ra? Có phải cái thùng điên khốn nạn này mang theo không?”

Gurney gật đầu. “Theo tình hình thì câu trả lời có lẽ là phải. Có vẻ như đây là một phần trong phương thức gây án có một không hai của hung thủ. Giống như chai uýt ki vậy. Có phải uýt ki hiệu Bốn Hoa Hồng không?”

Nardo nhìn anh trân trân, thoát đầu ngây ra, như thể thông điệp Gurney truyền tải có một gián đoạn nhỏ. “Chúa ạ,” anh ta nói. “Anh nên vào trong đây thì hơn.”

Cánh cửa dẫn đến một hành lang trung tâm rộng lớn và trơ trọi. Không đồ đạc, thảm lót, tranh ảnh trên tường, chỉ có một bình chữa cháy và vài thiết bị báo cháy. Cuối lối hành lang là cửa sau – Gurney nghĩ có lẽ bên kia cửa sau là chỗ hàng hiên nơi Gregory Dermott phát hiện xác của người cảnh sát sáng hôm ấy. Những giọng nói lẫn lộn ngoài sân cho thấy đội xử lý hiện trường vẫn đang bận rộn ở sân sau.

“Dermott đâu?” Gurney hỏi.

Nardo đưa ngón tay cái lên trần nhà. “Trong phòng ngủ. Đau nửa đầu vì căng thẳng, cơn đau làm ông ấy muốn buồn nôn. Tâm trạng ông ấy không tốt. Đã tệ như vậy trước khi điện thoại gọi đến nói ông ấy là người tiếp theo, nhưng rồi sau đó... Chúa ạ.”

Gurney có nhiều câu muốn hỏi, rất nhiều, nhưng xem ra tốt hơn hết là để Nardo thiết lập nhịp độ. Anh nhìn quanh xem tầng trệt có gì. Qua một chỗ cửa bên phải là một căn phòng lớn có tường trắng và sàn gỗ trơn. Chừng gần chục chiếc máy tính nằm cạnh nhau trên một chiếc bàn dài ngay giữa phòng. Điện thoại, máy fax, máy in, máy quét, ổ đĩa cứng phụ trợ, và những thiết bị ngoại vi khác phủ đầy một chiếc bàn dài khác nằm sát bức tường ở xa. Trên bức tường ở xa còn có một bình chữa cháy nữa. Thay cho thiết bị báo cháy là một hệ thống chữa cháy tự động gắn sẵn trên trần nhà. Chỉ có hai cửa sổ, quá nhỏ so với không gian nơi đây, một cửa sổ đằng trước và một cửa sổ đằng sau, làm căn phòng dù được sơn trắng cũng cho người ta cái cảm giác họ đang đi trong đường hầm.

“Ông điều hành công ty tin học của ông dưới này và sinh hoạt trên lầu. Ta sẽ dùng phòng kia,” Nardo vừa nói vừa chỉ một chỗ cửa dọc hành lang. Tương tự như căn phòng trước, căn phòng này cũng không hấp dẫn và chỉ có chức năng đơn thuần là để ở. Nó dài bằng nửa phòng kia và chỉ có cửa sổ một bên phòng, nên trông giống một hang động hơn là hầm. Vào phòng, Nardo bật một công tắc trên tường lên, và bốn ngọn đèn thụt trong hốc trần biến hang động này thành một chiếc hộp trắng sáng chứa nhiều tủ hồ sơ sát một vách tường, một chiếc bàn có hai máy vi tính sát một vách tường khác, một chiếc bàn có máy pha cà phê và một lò vi ba sát vách tường thứ ba, và một chiếc bàn vuông trống trơn cùng hai chiếc ghế ở giữa phòng. Căn phòng có hệ thống chữa cháy tự động lẫn thiết bị báo cháy, làm Gurney nhớ đến một phiên bản sạch sẽ hơn của căn phòng giải lao ẩm đạm ở địa bàn cuối cùng mà mình từng quản lý. Nardo ngồi vào một ghế và ra hiệu cho Gurney ngồi vào ghế kia. Anh ta xoa bóp hai bên thái dương một lúc lâu, như muốn

tổng sự căng thẳng ra khỏi đầu. Từ cặp mắt của anh ta, có thể thấy làm vậy không có tác dụng.

“Tôi chẳng tin cái thứ ‘mồi nhử’ vớ vẩn đó đâu,” anh ta nói, mũi nhăn lại như thể cái từ mồi nhử có mùi hôi thối.

Gurney mỉm cười. “Đúng một phần thôi.”

“Còn phần còn lại?”

“Tôi không rõ.”

“Anh đến đây để trở thành người hùng thứ thiệt hả?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi có cảm giác đến đây sẽ có ích.”

“Vậy sao? Nếu tôi không có chung cảm giác đó thì sao?”

“Đây là tiết mục của anh mà trung úy. Anh muốn tôi về nhà thì tôi về nhà.”

Nardo lại ném cho anh một cái nhìn hoài nghi một lúc lâu. Trông anh ta ra chiều rớt cuộc đã đổi ý, ít ra là miễn cưỡng đổi ý. “Cái chai hiệu Bốn Hoa Hồng nằm trong phương thức gây án hả?”

Gurney gật đầu.

Nardo hít vào một hơi sâu. Trông anh ta như đang đau nhức khắp mình mẩy. Hoặc là cả thế giới đang đau nhức. “Được rồi, anh thanh tra. Chắc anh nên kể cho tôi nghe những chuyện anh chưa kể thì hơn.”

Căn Nhà Có Một Lịch Sử

Gurney kể về những dấu chân đi ngược trên tuyết, về những bài thơ, giọng nói không tự nhiên trên điện thoại, về hai trò đoán số gây bất an, về lý lịch nghiện rượu của các nạn nhân, chuyện tinh thần họ bị tra tấn, chuyện hung thủ thách thức cảnh sát nhiều lần, chữ 'REDRUM' sơn trên tường và 'ông bà Scylla' đăng ký thuê phòng ở khu trọ The Laurels, sự thông minh và ngạo mạn của hung thủ. Anh tiếp tục cung cấp chi tiết từ ba vụ giết người mà anh biết cho đến khi nhíp chú ý của Nardo ra chiều sắp đạt đến điểm gãy. Lúc đó anh mới kết luận một điều mà mình cho là quan trọng nhất.

“Hắn muốn chứng minh hai chuyện. Thứ nhất, hắn có quyền năng kiểm soát và trừng trị những tay bợm rượu. Thứ hai, cảnh sát là những thằng ngu không có năng lực. Tội ác của hắn cố tình được dựng lên như những trò chơi phức tạp, như những câu đố nát óc. Hắn rất thông minh, tỉ mỉ, đầu óc luôn bị ám ảnh. Cho đến giờ hắn chưa bao giờ sơ suất để lại dấu tay, tóc, nước bọt, sợi vải, hay dấu chân vô ý nào. Hắn chưa phạm sai lầm nào để chúng ta tìm ra cả. Sự thật thì ta biết rất ít về hắn, phương thức của hắn, động cơ của hắn, tất cả đều là những thứ hắn không muốn tiết lộ cho ta biết. Trừ một ngoại lệ.”

Nardo nhướng một bên lông mày, vẻ mệt mỏi nhưng tò mò.

“Một nữ bác sĩ tên Holdenfield, tác giả của nghiên cứu mới nhất về hiện tượng giết người hàng loạt, tin rằng hắn đã đạt đến một giai đoạn tối hạn trong quá trình gây án và sắp sửa gây ra một thứ biến cố mang tính cao trào.”

Cơ hàm của Nardo giãn gật. Anh ta ghen ngào nói.

“Nghĩa là việc anh bạn của tôi bị giết trên thềm nhà chỉ mới là khai cuộc thôi ư?”

Đây không phải là kiểu câu hỏi mà người ta có thể trả lời hoặc nên trả lời. Hai người ngồi yên lặng cho đến khi một tiếng động nhẹ, có lẽ là một hơi thở không đều, làm họ đồng loạt chuyển sự chú ý đến chỗ cửa. Không hợp với sự xuất hiện lén lút như thế, đó chính là gã khổng lồ bụi con như một tuyến thủ bóng bầu dục trước đó đã gác ở chỗ cửa. Trông anh ta như đang bị khoan răng.

Nardo biết có chuyện xảy ra. “Gì hả Tommy?”

“Họ đã tìm ra được nơi ở của vợ Gary rồi.”

“Ồ, Chúa ạ. Được rồi. Cô ấy đâu?”

“Đang từ ga ra tỉnh về nhà. Cô ấy lái xe buýt Head Start^[24] đưa đón học sinh.”

“Phải. Phải. Ôi, chó chết thật. Đáng lẽ tôi phải đích thân đi, nhưng bây giờ tôi không đi được. Tay cảnh sát trưởng đang ở cái nơi chó chết nào thế? Có ai tìm được lão chưa?”

“Lão đang ở Cancún.”

“Tôi biết lão đang ở cái nơi Cancún khi gió đó chứ. Tôi muốn hỏi là, vì lý do chó chết gì mà lão không kiểm tra tin nhắn vậy hả?” Nardo hít vào một hơi dài rồi nhắm mắt lại. “Hacker và Picardo – hai người đó có lẽ là thân thiết với gia đình nhất. Chẳng phải Picardo là anh họ của người vợ hay sao? Phải Hacker và Picardo tới đi. Chúa ạ. Nhưng kêu Hacker đến gặp tôi trước đã.”

Tay cảnh sát trẻ khổng lồ cất bước, lúc đi cũng yên lặng như lúc đến.

Nardo lại hít vào một hơi dài. Anh ta mở miệng nói như thể vừa mới bị đá vào đầu và hy vọng nói chuyện sẽ giúp mình thông thoáng đầu óc. “Vậy anh muốn nói là tất cả bọn họ đều nghiện rượu chứ gì. Nhưng Gary Sissek có nghiện rượu đâu, vậy tức là sao?”

“Anh ta là cảnh sát. Như vậy chắc cũng đủ rồi. Hoặc có lẽ anh ta đã cản đường một cuộc tấn công có kế hoạch nhằm vào Dermott cũng nên. Hoặc có

lẽ còn có mối liên quan khác nữa.”

“Mối liên quan khác nào chứ?”

“Tôi không biết.”

Cửa sau đóng sập, tiếng bước chân giục giã tiến đến gần, và một người đàn ông gân guốc mặc thường phục xuất hiện ở cửa. “Anh muốn gặp tôi phải không?”

“Phiền anh quá, nhưng tôi muốn anh và Picardo...”

“Tôi biết rồi.”

“Ừ. Tốt. Thông tin đơn giản thôi. Càng đơn giản càng tốt. ‘Bị đâm trí mạng trong khi bảo vệ nạn nhân là mục tiêu của một vụ tấn công. Chết như một người hùng.’ Đại loại vậy đó. Ý tôi là, không cần chi tiết khủng khiếp gì hết, không có máu me gì cả. Anh hiểu tôi muốn nói gì không? Nếu cần thì sẽ bổ sung chi tiết sau. Còn bây giờ...”

“Tôi hiểu mà sếp.”

“Tốt. Nè, tôi rất tiếc không tự tay làm được. Tôi thật sự không đi đâu được hết. Nói với cô ấy tối nay tôi ghé nhà.”

“Vâng, thưa sếp.” Người đàn ông dừng bước ở chỗ cửa cho đến khi đoạn chắc Nardo không còn gì khác để nói, rồi đều bước giục giã đi như lúc tới và đóng cửa hậu sau lưng lại, lần này lại nhẹ nhàng hơn.

Một lần nữa Nardo ép sự chú ý trở lại cuộc nói chuyện với Gurney. “Tôi có bỏ sót thông tin gì không, hay cách hiểu của anh về vụ án này mang khá nhiều tính lý thuyết chẳng? Ý tôi nói, nếu tôi không làm thì tôi chẳng nghe ai nói gì về danh sách nghi can cả – thật ra thì không có manh mối cụ thể nào để lần theo cả, phải vậy không?”

“Ít nhiều là vậy.”

“Và một mớ vật chứng khốn nạn đó – phong bì, giấy viết thư, mực đỏ, ủng, chai bể, dấu chân, đoạn ghi âm cuộc gọi, hồ sơ truyền dữ liệu điện thoại di động, séc bị trả lại, kể cả tin nhắn viết bằng chất nhờn trên da từ đầu ngón tay tên điên khốn nạn này – không có thứ gì dẫn đến đâu cả ư?”

“Đó là một cách nhìn.”

Nardo lắc đầu bằng một phong cách đang dần trở thành thói quen. “Tóm lại, anh không biết phải tìm ai, hay tìm bằng cách nào, đúng chưa?”

Gurney mỉm cười. “Nên chắc vì vậy mà tôi đến đây.”

“Sao vậy?”

“Bởi vì tôi chẳng biết phải đi đâu nữa.”

Đây là lời thú nhận đơn giản về một sự thật đơn giản. Sự thỏa mãn về mặt trí tuệ khi hiểu ra được những chi tiết chiến thuật trong phương thức gây án của tên hung thủ chẳng qua cũng chỉ là một cách đánh lạc hướng khỏi sự bế tắc trong việc giải quyết vấn đề trọng tâm, điều này vừa được Nardo gián dị nói ra. Gurney phải đối mặt với sự thật là, mặc dù anh đã thấu suốt về những bí ẩn ngoài lề của vụ án, nhưng quãng đường cần đi để tìm và bắt giữ tên hung thủ vẫn còn xa xăm như thể anh vẫn còn ở điểm xuất phát vào buổi sáng hôm Mark Mellery mang mấy bức thư rối rắm đầu tiên đến cầu cứu anh.

Có một sự thay đổi nhỏ trong nét mặt của Nardo, nét mặt cau có đã dịu bớt.

“Ở Wycherly chúng tôi chưa bao giờ có án mạng cả,” anh ta nói. “Dù sao thì cũng không có án mạng thật sự. Vài vụ giết người được giảm án thành ngộ sát, vài vụ tai nạn giao thông chết người, một tai nạn săn bắn đáng nghi vấn. Chưa bao giờ có vụ giết chóc nào ở đây mà không liên quan đến ít nhất một tay ngu si say quắc cần câu cả. Ít ra là trong vòng 24 năm qua chưa có vụ nào như vậy.”

“Đó là khoảng thời gian anh còn công tác đến giờ ư?”

“Ừ. Anh bạn duy nhất trong sở có thâm niên hơn tôi là... trước đây là... Gary. Thiếu chút nữa là anh đã làm việc ở đây được 25 năm rồi. Vợ anh muốn anh làm hai mươi năm thôi rồi ra khỏi ngành được rồi, nhưng anh tính toán thấy nếu ở thêm 5 năm nữa thì... Đúng là khốn nạn mà!” Nardo chùi hai mắt. “Chúng tôi có tổn thất bao nhiêu cảnh sát đang làm nhiệm vụ đầu

chứ,” anh ta nói, như thể nước mắt của anh ta đòi hỏi một lời giải thích hợp lý.

Gurney rất muốn nói bản thân anh hiểu được cảm giác mất đồng nghiệp như thế nào. Anh đã mất đi hai đồng nghiệp trong một cuộc bố ráp đột nhiên trở xấu. Nhưng anh không nói ra mà chỉ lắc đầu cảm thông.

Sau khoảng một phút, Nardo hăng giọng. “Anh có hứng thú nói chuyện với ông Dermott không?”

“Có chứ. Tôi chỉ không muốn làm vướng tay vướng chân anh thôi.”

“Không đâu,” Nardo nói lớn tiếng – Gurney nghĩ, có lẽ là để bù lại cho khoảnh khắc yếu đuối của mình. Rồi anh ta nói thêm bằng một giọng bình thường hơn. “Anh nói chuyện với tay này trên điện thoại rồi phải không?”

“Phải.”

“Vậy anh ta biết anh là ai rồi.”

“Phải.”

“Vậy anh không cần tôi vào phòng chung nữa. Anh nói xong chỉ cần nói lại cho tôi biết là được.”

“Anh nói sao thì tôi nghe vậy mà trung úy.”

“Cửa nằm bên phải đầu cầu thang. May mắn nhé.”

Khi bước lên bậc thang làm bằng gỗ sồi thô, Gurney tự hỏi không biết tầng hai có tiết lộ tính cách người chủ của nó hơn tầng một không. Tầng một không có sự ấm cúng hay phong cách trang nhã gì hơn những trang thiết bị vi tính chứa trong đó. Đầu cầu thang lập lại mô típ bảo mật trừ bị được thiết lập dưới lầu: một bình chữa cháy trên tường, một thiết bị báo cháy và hệ thống chữa cháy tự động trên trần. Gurney có cảm tưởng Gregory Dermott nhất định là một tay cần tắc vô ưu. Anh gõ cánh cửa mà Nardo đã chỉ.

“Gì vậy ạ?” Câu trả lời nghe đau đớn, khàn khàn, sốt ruột.

“Thanh tra đặc biệt Gurney đây, anh Dermott. Tôi gặp anh một chút được không?”

Có một khoảng lặng. “Gurney ư?”

“Dave Gurney. Chúng ta đã nói chuyện qua điện thoại rồi.”

“Mời vào.”

Gurney mở cửa bước vào một căn phòng tắm tối có mái rèm đóng hờ. Phòng có một chiếc giường, một chiếc bàn cạnh giường, một tủ quần áo, một chiếc ghế bành, một chiếc bàn làm việc như bàn thường nằm sát vách tường, trước tường là một chiếc ghế xếp. Gỗ đều sẫm một màu. Phong cách rất đương đại, sang trọng bề ngoài. Khăn trải giường và thảm có màu xám, nâu vàng, nhìn kỹ thực chất là không màu. Trong phòng là một người đang ngồi đối diện cửa trong chiếc ghế bành. Y ngồi nghiêng một chút về một bên, như đã tìm được một vị trí an tọa lạ lùng để làm giảm cơn đau nhức. Quan sát cái cá tính nằm dưới phong thái đó, Gurney cảm thấy y là tay chuyên viên thuộc loại thường gặp trong ngành vi tính. Dưới ánh sáng yếu ớt, tuổi y khó xác định hơn. Ba mươi mấy có lẽ là con số hợp lý.

Sau khi nhìn ngắm những đặc điểm trên khuôn mặt Gurney như muốn tìm ra trong đó câu trả lời cho câu hỏi, y nhỏ giọng hỏi, “Họ có nói anh biết chưa?”

“Nói cái gì?”

“Chuyện cuộc gọi ấy đấy... từ tên hung thủ điên khùng ấy.”

“Tôi có nghe. Ai trả lời điện thoại vậy?”

“Trả lời ư? Chắc một anh cảnh sát nào đó. Một anh đến bảo tôi nghe điện thoại.”

“Người gọi hỏi đích danh tên anh để xin nói chuyện ư?”

“Chắc vậy... tôi không biết nữa... Ý tôi nói, chắc vậy chứ sao nữa. Anh cảnh sát nói điện thoại của tôi mà.”

“Giọng người gọi có nghe quen chút nào không?”

“Giọng không bình thường.”

“Không bình thường là thế nào?”

“Điên lắm cơ. Lên lên xuống xuống, cao như giọng đàn bà, rồi thấp lại. Giọng điên lắm. Giống như vừa nghiêm túc vừa đùa cợt làm người ta sờn cả

gai ốc.” Y ấn đầu ngón tay vào hai bên thái dương. “Hắn nói tiếp theo là tôi, sau đó là anh.” Trông y có vẻ tiết nhiều hơn hoảng sợ.

“Có âm thanh nền gì không?”

“Có gì cơ?”

“Anh có nghe tiếng gì khác ngoài giọng nói của người gọi không? Tiếng nhạc, xe cộ, tiếng nói khác chẳng hạn?”

“Không. Không có tiếng gì khác.”

Gurney gật đầu, mắt đảo quanh phòng. “Tôi ngồi xuống không phiền anh chứ?”

“Gì hả? Không phiền đâu, mời ngồi.” Dermott quơ tay chỉ khắp phòng như thể ở đây không thiếu ghế.

Gurney ngồi trên mép giường. Anh có cảm giác rất rõ là Gregory Dermott đang nắm giữ chìa khóa phá án. Có điều anh phải nghĩ cho ra câu hỏi đúng để hỏi. Phải nghĩ ra đề tài đúng để nêu ra. Mặt khác, đôi khi thứ thích hợp cần nói lại là không nên nói gì cả. Tạo ra sự yên lặng, một khoảng không trống rỗng, rồi quan sát xem đối phương sẽ làm gì để lấp vào cái khoảng không đó. Anh ngồi nhìn trân trân tấm thảm một lúc lâu. Đây là phương pháp đòi hỏi kiên nhẫn. Nó cũng đòi hỏi khả năng phán đoán nhanh nhạy để biết khi nào thì im lặng thêm chỉ làm lãng phí thời gian. Anh sắp tiến gần đến điểm đó thì Dermott lên tiếng.

“Tại sao lại là tôi chứ?” Giọng nói nghe có vẻ kính, bực dọc – một lời phàn nàn, không phải câu hỏi – Gurney quyết định không đáp lại.

Sau vài giây, Dermott nói tiếp, “Tôi nghĩ có lẽ liên quan đến căn nhà này.” Y ngừng một chập. “Cho tôi hỏi anh chuyện này, anh thanh tra. Anh có quen riêng ai ở Sở Cảnh sát Wycherly không?”

“Không.” Anh rất muốn hỏi lý do tại sao Dermott lại hỏi vậy nhưng nghĩ nếu hỏi thì chẳng bao lâu y sẽ phát hiện ra ý đồ của anh.

“Không quen ai hết, từ trước đến giờ?”

“Không quen ai hết.” Thấy được trong mắt Dermott có điều gì đó vẻ như muốn đòi hỏi anh khẳng định thêm, anh nói tiếp, “Lúc chưa thấy chỉ dẫn gửi

séc trong lá thư gửi cho Mark Mellery, tôi còn chưa biết Wycherly tồn tại nữa là.”

“Và chưa ai kể cho anh nghe chuyện gì đã xảy ra trong ngôi nhà này sao?”

“Xảy ra ư?”

“Trong ngôi nhà này. Cách đây đã lâu.”

“Chưa,” Gurney hứng thú nói.

Sự khó ở của Dermott dường như vượt quá hiệu ứng của một cơn đau đầu.

“Chuyện gì đã xảy ra thế?”

“Tôi nghe người khác nói lại thôi,” Dermott nói, “nhưng tôi vừa mua căn nhà này xong thì một người hàng xóm kể cho tôi nghe là cách đây chừng hai mươi năm, ở đây có một cuộc ẩu đả khủng khiếp – hình như là một cặp vợ chồng thì phải, bà vợ bị đâm.”

“Và anh thấy chuyện này có liên quan đến...?”

“Có thể chỉ là trùng hợp thôi, nhưng mà..”

“Sao hả?”

“Đúng ra tôi quên gần hết rồi. Hôm nay mới nhớ ra. Sáng nay, khi tôi phát hiện...” Môi y bè ra như phải cơn nôn mửa nào đó.

“Anh cứ từ từ mà kể,” Gurney nói.

Dermott đặt hai tay lên thái dương. “Anh có súng không thế?”

“Tôi có sở hữu súng.”

“Ý tôi là, anh có mang theo súng không?”

“Không có. Từ ngày rời Sở Cảnh sát New York đến nay đã không mang theo súng. Nếu anh lo lắng về an ninh thì có hơn một chục cảnh sát có vũ khí trong vòng 90 mét quanh ngôi nhà này,” Gurney nói.

Trông y có vẻ chưa an tâm lắm.

“Lúc này anh nói anh nhớ ra được chuyện gì mà.”

Dermott gật đầu. “Đúng ra tôi quên tuốt rồi, nhưng tự nhiên tôi nhớ lại khi thấy... máu me bê bết.”

“Anh nhớ lại chuyện gì?”

“Người đàn bà bị đâm trong căn nhà này – bà ấy bị đâm ở cổ họng.”

Giết Sạch Bọn Chúng

Theo hồi ức của Dermott thì người hàng xóm đó (nay đã mất) xác định sự việc xảy ra ‘cách đây chừng hai mươi năm’ tức là con số đó rất có thể dưới 25 – và như vậy có nghĩa cả John Nardo và Gary Sissek đều còn làm trong ngành cảnh sát tại thời điểm xảy ra vụ bạo hành. Bức tranh tuy chưa rõ rệt, nhưng Gurney cảm nhận được một mảnh ghép nữa của câu đố đang bắt đầu xoay vào đúng vị trí. Anh có nhiều câu hỏi nữa cho Dermott, nhưng chuyện đó có thể chờ cho đến khi anh có được vài câu trả lời từ viên trung úy.

Anh để Dermott ngồi cứng đờ trên ghế gần tấm rèm được kéo lên. Trông y căng thẳng và khó ở. Khi anh toan đi xuống lầu thì một nữ cảnh sát xử lý hiện trường trong bộ áo liền quần và găng tay cao su ở lối hành lang dưới lầu đang hỏi Nardo phải làm gì tiếp theo với những khu vực nằm ngoài căn nhà đã được khám xét tìm vết chứng.

“Để nguyên dây vàng, cách ly khu vực, phòng khi chúng ta cần khám xét lần nữa. Chuyển cái ghế, cái chai, mấy thứ khác tìm được đến đồn cảnh sát. Trưng dụng phần sau phòng hồ sơ.”

“Còn mấy thứ linh kinh trên bàn thì sao?”

“Nhét tạm vào văn phòng của Colbert đã.”

“Ông ấy không thích đâu.”

“Tôi việc quái gì phải biết – cô cứ lo liệu như vậy đi!”

“Vâng, thưa sếp.”

“Trước khi cô đi, bảo Tommy To Con đứng canh trước nhà, bảo Pat đứng sát chỗ điện thoại. Còn mấy người khác, tôi muốn họ đi ra ngoài gõ cửa từng nhà. Tôi muốn biết vài ngày vừa qua có hàng xóm nào thấy hay nghe cái gì khác thường không, nhất là khuya hôm qua hoặc sáng sớm hôm nay – chẳng

hạn người lạ xe đậu sai chỗ, có ai lảng vảng quanh đây không, có ai gấp gáp không, bất kể là chuyện gì.”

“Anh muốn khoanh vùng trong phạm vi bán kính bao nhiêu?”

Nardo nhìn đồng hồ đeo tay. “Trong vòng 6 tiếng tiếp theo khoanh vùng rộng được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Sau đó chúng ta sẽ quyết định sẽ làm gì tiếp theo. Bất kỳ chuyện gì có liên quan xảy ra, tôi muốn được báo cáo ngay lập tức.”

Khi cô ta đi khỏi để bắt đầu nhiệm vụ, Nardo quay sang Gurney, lúc này đang đứng dưới chân cầu thang. “Có phát hiện được gì có lợi cho việc điều tra không?”

“Tôi không chắc nữa,” Gurney nhỏ giọng nói, ra hiệu cho Nardo theo anh trở lại căn phòng mà trước đó hai người vừa mới ngồi. “Chắc anh có thể giúp tôi hiểu ra.”

Gurney ngồi chỗ ghế đối diện cửa vào. Nardo đứng đằng sau chỗ ghế phía bên kia chiếc bàn vuông. Nét mặt của anh ta là một sự kết hợp giữa tò mò và một thứ gì đó mà Gurney không thể giải mã.

“Anh có biết là trong căn nhà này từng có người bị đâm chưa?”

“Anh đang nói cái quái gì thế?”

“Dermott mua nơi này chưa được bao lâu thì nghe hàng xóm kể nhiều năm trước có một người đàn bà sống ở đây và bị chõng bạo hành.”

“Cách đây bao nhiêu năm rồi?”

Gurney đoán chắc mình có thấy trong mắt Nardo ánh lên một vẻ gì đó cho thấy anh ta đang nhận ra chuyện gì.

“Chắc hai mươi năm, hoặc hai năm năm. Đâu trong khoảng đó.”

Dường như đây là câu trả lời mà Nardo mong đợi. Anh ta thở dài và lắc đầu. “Đã lâu rồi tôi chẳng nghĩ đến chuyện đó nữa. Phải, đúng là trước đây có một vụ bạo hành gia đình ở đây – chừng 24 năm về trước. Cũng không lâu là bao sau khi tôi gia nhập lực lượng. Chuyện đó thì sao cơ?”

“Anh còn nhớ chi tiết vụ việc không?”

“Trước khi ta đi lại con đường ký ức, cảm phiền anh giải thích xem hai chuyện này liên quan với nhau như thế nào được không?”

“Người đàn bà bị bạo hành ấy bị đâm ở cổ.”

“Vậy thì có ý nghĩa gì sao?” Khóe miệng Nardo giật lên một chút.

“Trong căn nhà này đã có hai người bị tấn công rồi. Trong số bao nhiêu cách tấn công, thì hai người này lại bị đâm ở cổ. Tôi thấy đây là một sự trùng hợp rất đáng chú ý.”

“Anh làm cho chúng có vẻ giống nhau theo cách anh nói thì có, chứ chúng có điểm chung gì đâu. Một cảnh sát bị sát hại khi đang làm nhiệm vụ bảo vệ thì có liên quan quái gì đến một vụ xáo trộn nội bộ cách đây những 24 năm khốn kiếp cơ chứ?”

Gurney nhún vai. “Tôi mà biết rõ hơn vụ ‘xáo trộn’ đó thì chắc sẽ nói cho anh biết rồi.”

“Được thôi. OK. Tôi biết được gì sẽ nói cho anh biết, nhưng cũng không nhiều đâu.” Nardo ngừng một chập, mắt nhìn trần trần xuống bàn, hoặc có thể là đang nhìn vào quá khứ. “Đêm đó không phải ca trực của tôi.”

Rõ ràng là chối bỏ trách nhiệm, Gurney nghĩ. Tại sao câu chuyện này lại đòi hỏi một lời chối bỏ trách nhiệm?

“Hầu như là tôi nghe người ta nói lại cả thôi,” Nardo nói tiếp. “Cũng như phần lớn các vụ bạo hành gia đình, ông chồng say xỉn đến mất trí, cãi nhau um sùm với bà vợ, rồi nhặt một cái chai thì phải, phang vào bà ta, chắc chai bể ra, bà ta bị đứt cổ, vậy thôi.”

Gurney biết chắc như đinh đóng cột là không chỉ có vậy. Câu hỏi duy nhất đặt ra là phải tác động như thế nào để khiến phần còn lại của câu chuyện được nhả ra. Một trong những luật lệ bất thành văn trong nghề là nói càng ít càng tốt, và Nardo đang thận trọng tuân thủ luật lệ đó. Cảm thấy không còn thời gian để sử dụng phương thức tế nhị nữa, Gurney quyết định đâm đầu vào rào cản.

“Trung úy ạ! Anh nói chuyện tào lao thật đấy!” anh vừa nói vừa quay mặt đi chỗ khác vẻ ghê tởm.

“Tào lao?” Giọng Nardo bỗng cất lên với một cao độ mang tính đe dọa, chỉ hơn tiếng thì thầm một chút.

“Tôi đoán chắc những điều anh kể cho tôi là thật. Vấn đề là phần chuyện chưa kể kia.”

“Có lẽ phần chưa kể chẳng phải chuyện khốn kiếp gì liên quan đến anh đâu,” Nardo nói chuyện vẫn rảnh rỗi, nhưng thái độ hung hăng đã mất đi ít nhiều sự tự tin.

“Này, tôi không phải là một tên khốn tọc mạch nào đó đến từ một khu vực có quyền hạn pháp luật khác chỗ này đâu. Gregory Dermott sáng nay nhận được điện thoại, kẻ gọi đến đã đe dọa mạng sống của tôi. Mạng của tôi đấy. Nếu những gì diễn ra ở đây có liên quan ít nhiều đến cái gọi là vụ ‘xáo trộn nội bộ’ của anh, thì tôi hoàn toàn có quyền được biết.”

Nardo hăng giọng rồi nhìn trôn trôn lên trần nhà như thể những lời cần nói – hoặc là một lối thoát hiểm nào đó – sẽ đột nhiên xuất hiện trên đó.

Gurney nói thêm bằng giọng mềm mỏng hơn, “Trước tiên, nói cho tôi biết tên của những người có liên quan đã nào.”

Nardo gật đầu nhẹ, kéo ra chiếc ghế bẫy lâu mình vẫn đứng đằng sau, rồi ngồi xuống. “Jimmy và Felicity Spinks.” Anh ta nói có vẻ như đang cam chịu một sự thật khó chấp nhận.

“Anh đọc mấy cái tên đó giống như là biết họ rất rõ vậy.”

“Ừ. Rõ lắm. Dù sao thì...” Đâu đó trong căn nhà, có tiếng điện thoại reng lên một lần. Nardo dường như không nghe thấy. “Sao cũng được, Jimmy trước đây có nhậu nhẹt chút đỉnh. Chắc là hơn chút đỉnh. Đêm nọ say xỉn về nhà, cãi vã với Felicity. Như tôi đã nói đó, cuối cùng ông lấy chai bể cửa cổ bả khá nghiêm trọng. Bả mất nhiều máu lắm. Đêm đó tôi không trực nên không thấy, nhưng mấy anh làm nhiệm vụ đêm đó cứ huyền thuyên suốt tuần về vết máu.” Nardo lại nhìn chăm chăm vào bàn.

“Bà ấy sống sót ư?”

“Sao cơ? Ờ, phải, bả sống sót, nhưng chỉ suýt soát. Bị hoại não.”

“Rồi xảy ra chuyện gì với bà ấy?”

“Xảy ra chuyện gì ư? Tôi nghĩ bà được đưa đến một viện dưỡng lão nào đó.”

“Còn người chồng?”

Nardo ngập ngừng. Gurney không rõ anh ta đang có nhớ lại hay chẳng qua không muốn nói. “Lão nói mình giết người vì tự vệ,” anh ta nói kèm vẻ mặt ghê tởm thấy rõ. “Cuối cùng thỏa thuận nhận tội. Án giảm xuống thành án tù. Mất việc. Rời khỏi thị trấn. Sở An sinh Xã hội nhận đứa nhỏ của họ. Hết chuyện.”

Chiếc ăng ten của Gurney, được làm tinh nhạy bởi hàng ngàn cuộc thẩm vấn, mách bảo anh rằng còn thiếu thứ gì đó. Anh chờ đợi, quan sát sự khó chịu của Nardo. Ở ngoại cảnh, anh nghe thấy một giọng nói rời rạc lúc có lúc không – có lẽ là tiếng của ai đó đã trả lời điện thoại – nhưng không nghe rõ từng lời.

“Có điều tôi không hiểu,” anh nói. “Chuyện đó có gì ghê gớm mà anh lại không kể cho tôi nghe ngay từ đầu chứ?”

Nardo nhìn thẳng vào mặt Gurney. “Jimmy Spinks trước đây là cảnh sát.”

Một cơn rùng mình lướt qua cơ thể Gurney, mang theo cùng nó gần chục câu hỏi cấp bách, nhưng anh chưa kịp hỏi gì thì một người phụ nữ có khuôn hàm vuông vức, tóc húi cua màu hung bỗng dừng xuất hiện ở chỗ cửa. Cô ta mặc quần jeans và một chiếc áo thun sẫm có cổ. Một khẩu Glock nằm trong bao súng rút nhanh được buộc dưới cánh tay trái.

“Sếp, chúng ta vừa nhận được một cuộc gọi mà sếp cần biết.” Một điều gì đó chưa nói ngay lập tức lấp lánh trong mắt cô ta.

Trông Nardo có vẻ nhẹ nhõm khi bị phân tâm như vậy. Anh ta chú ý toàn bộ vào người phụ nữ mới xuất hiện và chờ cô ta nói tiếp. Thay vì thế, cô ta lại liếc nhìn Gurney một cách do dự.

“Anh ấy thuộc phe ta,” Nardo nói không chút hứng khởi. “Cô nói đi.”

Cô ta ném cho Gurney cái liếc thứ hai, không thân thiện hơn lần trước, rồi tiến đến chỗ bàn và đặt một máy ghi âm điện thoại kỹ thuật số thu nhỏ xuống trước mặt Nardo. Nó lớn xấp xỉ bằng kích cỡ chiếc iPod.

“Năm trong đó hết, thưa sếp.”

Anh ta do dự trong chốc lát, mắt nhú lại nhìn thiết bị đó, rồi bấm một nút. Đoạn băng ghi âm bắt đầu phát lại tức thì. Chất lượng thu âm rất tốt.

Gurney nhận ra giọng nói đầu tiên là của người phụ nữ đang đứng trước mặt anh.

“Hệ thống bảo mật GD xin nghe.” Có vẻ như cô ta đã được chỉ thị phải trả lời điện thoại của Dermott như thể mình là nhân viên công ty.

Giọng nói thứ hai rất quái lạ – và hoàn toàn quen thuộc với Gurney từ cuộc gọi mà anh nghe lén theo yêu cầu của Mark Mellery. Chuyện tưởng chừng như đã xảy ra lâu lắm. Xen giữa cuộc gọi đó và cuộc gọi này là 4 cái chết – những cái chết đã làm lung lay khả năng cảm nhận của anh về thời gian. Mark ở Peony, Albert Rudden ở quận Bronx, Richard Kartch ở Sotherton (Richard Kartch – sao cái tên đó lúc nào cũng gọi lên một cảm giác khó chịu, một cảm giác sai lệch nào đó chẳng?), và sĩ quan Gary Sissek ở Wycherly.

Không thể nào nhầm lẫn cái giọng luôn biến đổi cao độ một cách kỳ lạ ấy được.

“Nếu tao nghe được Chúa, thì Người sẽ nói với tao điều gì?” câu hỏi cất lên bằng giọng du dương đe dọa của một nhân vật phản diện trong phim kinh dị.

“Xin lỗi, anh nói gì cơ?” Nữ cảnh sát trong đoạn băng nghe có vẻ ngạc nhiên như bất kỳ một nhân viên tiếp tân thật sự nào.

Giọng nói đó lặp lại, khẩn khoản hơn, “Nếu tao nghe được Chúa, thì Người sẽ nói với tao điều gì?”

“Xin lỗi, anh lặp lại được không? Tôi nghĩ tín hiệu kết nối không tốt. Anh có gọi bằng điện thoại di động không?”

Nói nhanh với Nardo, cô ta xen vào một vài lời bình luận trực tiếp. “Tôi đã tìm cách kéo dài cuộc gọi, như sếp nói, khiến hẳn nói càng lâu càng tốt.”

Nardo gật đầu. Đoạn băng tiếp tục.

“Nếu tao nghe được Chúa, thì Người sẽ nói với tao điều gì?”

“Tôi không hiểu lắm anh ạ. Anh giải thích ý anh nói là gì được không?”

Giọng nói đột ngột bùng lên tuyên bố, “Chúa sẽ bảo tao giết sạch bọn chúng!”

“A lô? Tôi không hiểu cho lắm. Anh có muốn tôi viết lại lời nhắn và chuyển tới người nào không?”

Có một tiếng cười giòn giã, như giấy bóng kính bị vò lại. “Phán Xét đã tới, không còn gì để nói. – Dermott nhanh lên, Gurney lệ làng lên. Cuộc thanh tầy sắp đến rồi, Tích-tắc-tích-tắc.”

Lục Soát Lần Nữa

Người lên tiếng đầu tiên là Nardo. “Toàn bộ cuộc gọi chỉ có bấy nhiêu thôi sao?”

“Vâng, thưa sếp.”

Anh ta ngả lưng lại vào ghế và xoa bóp hai bên thái dương. “Chưa có tin tức gì từ cảnh sát trưởng Meyers à?”

“Chúng tôi liên tục để lại tin nhắn ở phòng làm việc của ông ấy, thưa sếp, và để trên điện thoại di động nữa. Chưa có tin tức gì.”

“Chắc số người gọi đã bị chặn rồi phải không?”

“Vâng, thưa sếp.”

“‘Giết sạch bọn chúng’ à?”

“Vâng, thưa sếp, đó là những lời của hãn. Sếp có muốn nghe lại đoạn băng không?”

Nardo lắc đầu. “Cô nghĩ hãn đang nói đến những ai?”

“Sao ạ?”

“‘Giết sạch bọn chúng’ đó. Giết sạch ai cơ?”

Nữ cảnh sát có vẻ như đang lúng túng. Nardo nhìn Gurney.

“Chỉ đoán thôi nhé, trung úy, theo tôi thì hoặc là toàn bộ số người còn lại trong danh sách trừ khử của hãn – giả định là vẫn còn người trong danh sách này – hoặc là toàn bộ chúng ta ở đây trong căn nhà này.”

“Còn ‘cuộc thanh tẩy sắp đến’,” Nardo nói. “Sao lại là ‘cuộc thanh tẩy’?”

Gurney nhún vai. “Tôi chẳng biết. Chắc hãn thích dùng cái từ đó thôi – hợp với khái niệm bệnh hoạn của hãn về những gì hãn đang làm.”

Khuôn mặt của Nardo nhả lại thành một vẻ ghê tởm mà anh ta không kiểm soát được. Quay sang nữ cảnh sát, lần đầu tiên anh ta gọi cô ta bằng tên riêng. “Pat, tôi muốn cô ra ngoài nhà cùng Tommy To Con. Hai người ở hai góc chéo nhau, để cả hai cùng giám sát mọi cửa chính và cửa sổ. Còn nữa, báo cho tất cả mọi người biết chuyện – tôi muốn mỗi cảnh sát đều sẵn sàng tập trung vào căn nhà này trong vòng một phút sau khi nghe thấy tiếng súng hay bất kỳ xáo động nào. Có câu hỏi gì không?”

“Có phải chúng ta đang mong đợi một cuộc tấn công có vũ trang không thưa sếp?” Cô ta nghe có vẻ đầy hy vọng.

“Tôi thì không dùng chữ ‘mong đợi’ đâu, mà phải nói khả năng đó là chắc như bấp.”

“Sếp thật sự nghĩ là tên điên khốn kiếp đó vẫn còn ở trong khu vực này ư?” Có một tia lửa acetylene đang cháy trong mắt cô ta.

“Có khả năng đó. Cho Tommy To Con biết về cuộc gọi mới đây của hung phạm. Duy trì cảnh giác cao độ.”

Cô ta gật đầu rồi đi mất.

Nardo nghiêm nghị quay sang Gurney. “Anh nghĩ sao hả? Tôi có nên điều động kỵ binh đến, báo cho cảnh sát bang biết chúng ta đang trong tình hình khẩn cấp không? Hay cái cuộc gọi đó chỉ là vợ vẫn thôi?”

“Xét đến số người chết cho đến bây giờ thì, sẽ rất mạo hiểm nếu giả định cuộc gọi đó là vợ vẫn.”

“Tôi chẳng giả định cái quái gì cả,” Nardo nói, môi mím chặt.

Sự căng thẳng trong cuộc tao đôi giữa hai người dẫn đến một sự im lặng.

Im lặng bị phá vỡ bởi một giọng khàn gọi với xuống từ trên lầu.

“Trung úy Nardo? Gurney?”

Nardo nhả mặt như thể thứ gì đó trong bao tử đang trở chua. “Có lẽ Dermott nhớ ra được chuyện gì đó muốn chia sẻ.” Anh ta ngả người sâu vào ghế.

“Để tôi xem thử,” Gurney nói.

Anh bước ra khỏi căn phòng vào trong lối hành lang. Dermott đang đứng chờ cửa phòng ngủ đầu cầu thang. Trông y sốt ruột, giận dữ, kiệt quệ.

“Vui lòng... cho tôi nói chuyện với anh được không?” Từ ‘vui lòng’ được thốt ra chẳng vui về gì.

Dermott trông yếu đến mức không đi nổi xuống cầu thang nên Gurney đành đi lên. Khi bước lên lầu, anh chợt nghĩ đây không hẳn là một căn nhà mà chẳng qua chỉ là nơi kinh doanh kèm chỗ ngủ. Ở vùng thành thị nơi anh được nuôi dưỡng, đây là một kết cấu nhà ở thông dụng – cửa tiệm ở tầng dưới, chủ tiệm sống ở tầng trên, như người đàn ông bất hạnh nọ bán thức ăn nhanh mà mỗi lần có khách mới là mỗi lần ông cảm thấy chán ghét cuộc sống hơn, hoặc là người lo tang ma nọ dính líu đến băng nhóm có bà vợ phì nộn và bốn đứa trẻ béo ú. Chỉ nghĩ đến thôi anh đã thấy buồn nôn.

Đến chỗ cửa phòng ngủ, anh xua đi cảm giác đó và cố gắng giải mã bức chân dung khó chịu trên gương mặt Dermott.

Người đàn ông liếc mắt nhìn quanh Gurney và nhìn xuống bậc thang. “Trung úy Nardo đã đi chưa?”

“Anh ta ở dưới lầu. Tôi làm gì được cho anh?”

“Tôi nghe nhiều xe chạy đi,” Dermott nói một cách tổ cáo.

“Xe không đi xa đâu.”

Dermott gật đầu bất mãn. Y rõ ràng có điều gì đó trong đầu nhưng xem ra không muốn gấp gáp đi thẳng vào vấn đề. Gurney nhân cơ hội này để theo đuổi một vài câu hỏi của mình.

“Anh Dermott này, anh mưu sinh bằng nghề gì thế?”

“Sao hả?” Giọng y có vẻ vừa hoang mang vừa bức dọc.

“Chính xác thì anh làm công việc gì thế?”

“Công việc của tôi ư? Bảo mật. Hình như lúc trước ta đã nói chuyện này rồi mà.”

“Chỉ nói chung chung thôi,” Gurney vừa nói vừa mỉm cười. “Có lẽ anh có thể kể cho tôi nghe thêm vài chi tiết nữa.”

Cái thờ dài biểu cảm của Dermott cho thấy y xem yêu cầu đó là phí thời giờ, làm y bực dọc. “Này,” y nói, “tôi phải ngồi xuống đã.” Y trở lại chỗ ghế bành của mình, cẩn thận ngồi vào. “Chi tiết là chi tiết như thế nào đây?”

“Tên công ty của anh là Hệ thống Bảo mật GD. Những ‘hệ thống’ này cung cấp loại ‘bảo mật’ nào và cho ai?”

Thờ dài một lần nữa, y nói. “Tôi giúp các công ty khác bảo vệ thông tin mật.”

“Giúp dưới dạng như thế nào?”

“Dùng ứng dụng bảo vệ cơ sở dữ liệu, tường lửa, các giao thức hạn chế quyền truy cập, các hệ thống xác minh ID – bấy nhiêu đó cũng bao gồm gần hết các dự án mà chúng tôi làm rồi.”

“Chúng tôi ư?”

“Anh nói gì cơ?”

“Anh nói đến những dự án mà ‘chúng tôi’ làm.”

“Không phải hiểu theo nghĩa đen đâu,” Dermott nói khinh khinh. “Một cách nói trên thương trường thôi mà.”

“Nói vậy để Hệ thống Bảo mật GD nghe có vẻ quy mô hơn thực tế ư?”

“Mục đích không phải vậy đâu, tôi bảo đảm với anh. Khách hàng của tôi rất thích cái thực tế là tôi một tay làm hết.”

Gurney gật đầu giả vờ bị ấn tượng. “Tôi có thể thấy được đó là một lợi thế. Những khách hàng này là ai thế?”

“Những khách hàng chú trọng đến vấn đề bảo mật.”

Gurney mỉm cười ngây thơ trước giọng điệu cộc lốc của Dermott. “Tôi không yêu cầu anh tiết lộ bí mật gì cả. Tôi chỉ thắc mắc là họ làm trong những ngành nào thôi.”

“Những ngành có cơ sở dữ liệu chứa thông tin khách hàng có liên quan tới những vấn đề nhạy cảm về quyền riêng tư.”

“Chẳng hạn như?”

“Thông tin cá nhân.”

“Thông tin cá nhân kiểu gì?”

Dermott trông như đang đánh giá rủi ro có thể mất hợp đồng tiếp theo nếu tiếp tục nói. “Những thứ thông tin thu thập bởi công ty bảo hiểm này, công ty dịch vụ tài chính này, các nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế này.”

“Dữ liệu y khoa ư?”

“Phải, nhiều lắm.”

“Dữ liệu chữa trị bệnh ư?”

“Phải, ta nhập thông tin vào ‘hệ thống mã hóa y khoa cơ bản’ đến chừng mực nào thì thông tin sẽ chi tiết đến chừng ấy. Anh hỏi để làm gì?”

“Giả sử anh là tin tặc muốn truy xuất một cơ sở dữ liệu y khoa rất lớn – anh sẽ làm cách nào?”

“Câu hỏi đó không trả lời được.”

“Sao vậy?”

Dermott nhắm mắt ra chiều chán nản. “Vì có quá nhiều biến số.”

“Ví dụ như?”

“Ví dụ ư?” Dermott lặp lại câu hỏi như thể nó tượng trưng cho sự ngu dốt tột độ. Sau một chập, y nói tiếp, mắt vẫn nhắm. “Phụ thuộc vào mục đích của tên tin tặc, trình độ chuyên môn của hắn, hắn hiểu rõ dạng dữ liệu đến mức nào, cấu trúc cơ sở dữ liệu nữa này, giao thức truy xuất, hệ thống tường lửa được dự phòng đến mức nào, và khoảng chục nhân tố khác mà tôi nghĩ có nói ra anh cũng không có đủ kiến thức kỹ thuật để hiểu.”

“Anh nói đúng đấy,” Gurney nói nhẹ nhàng. “Nhưng ví dụ như thế này, giả sử một tên tin tặc cao tay muốn soạn ra danh sách những người đã được điều trị một bệnh cụ thể nào đó...”

Dermott giơ hai tay lên tỏ vẻ cáu tiết, nhưng Gurney tiếp tục nói. “Làm vậy khó đến mức nào?”

“Câu hỏi đó cũng không trả lời được. Một số cơ sở dữ liệu có nhiều lỗ hổng đến nỗi chẳng khác gì được đăng tải trên Internet. Một số khác thì có

thể đánh bại cả những máy tính phá mã tính vi tốt nhất thế giới. Tất cả đều phụ thuộc vào cái tài của người thiết kế hệ thống.”

Gurney bắt gặp một chút tự hào trong câu phát biểu cuối cùng và quyết định nhen nhóm cho nó. “Tôi sẵn sàng lấy lương hưu của tôi ra đánh cược là chẳng có nhiều người giỏi chuyện đó hơn anh đây.”

Dermott mỉm cười. “Tôi gây dựng nên sự nghiệp trên cơ sở phải trọi hơn mấy tên tin tặc sắc bén nhất hành tinh mà. Giao thức bảo vệ dữ liệu của tôi xưa nay chưa bao giờ bị chọc thủng cả.”

Thái độ kiêu hãnh đó phát sinh thêm một khả năng mới.

Có chăng mối liên hệ giữa chuyện Dermott có thể ngăn chặn hung thủ xâm nhập vào một số cơ sở dữ liệu nhất định và chuyện hung thủ quyết định đưa y vào cuộc thông qua hộp thư bưu điện của y? Ý nghĩ này nhất định đáng được xem xét, mặc dù nó tạo ra nhiều câu hỏi hơn câu trả lời.

“Phải chi cảnh sát địa phương có thể đồng dục tuyên bố họ cũng đầy năng lực như vậy.”

Câu nhận xét ấy khiến Gurney đang suy đoán phải trở lại hiện tại. “Ý anh là sao?”

“Ý tôi là sao ư?” Dermott dường như đang suy nghĩ rất lâu và kỹ về câu trả lời. “Một tên giết người đang rình rập tôi, còn tôi thì không có niềm tin vào năng lực bảo vệ của cảnh sát. Khu này có một tên điên đang bị sống, một tên điên muốn giết tôi, rồi giết anh, còn anh thì đáp trả bằng cách hỏi tôi những câu hỏi tưởng tượng về mấy tên tin tặc tưởng tượng truy xuất những cơ sở dữ liệu tưởng tượng là sao? Tôi chả hiểu anh muốn làm gì nữa, nhưng nếu anh muốn làm tôi phân tâm để ổn định tinh thần của tôi thì tôi bảo đảm với anh là chẳng có tác dụng gì đâu. Cái nguy cơ có thật anh lại không tập trung vào là sao? Vấn đề đâu phải là một lỗi phần mềm nào đó mang tính học thuật đâu. Vấn đề là có một tên điên lén lút đi sau lưng chúng ta, tay cầm một con dao khốn kiếp. Và bi kịch sáng nay là bằng chứng khẳng định rõ cảnh sát còn tệ hơn cả vô dụng!” Giọng điệu giận dữ trong lời phàn nàn này cuối cùng cũng vượt khỏi tầm kiểm soát, khiến Nardo phải lên lầu và

vào phòng ngủ. Anh ta nhìn Dermott trước, sau đó nhìn Gurney, rồi nhìn Dermott trở lại.

“Xảy ra chuyện quái gì thế?”

Dermott quay mặt nhìn trần trần vào tường.

“Anh Dermott đây cảm thấy chưa được bảo vệ đúng mức,” Gurney nói.

“Bảo vệ đúng m...” Nardo nổi giận đùng đùng, nhưng kịp ngừng lại để nói một cách lý trí hơn. “Thưa anh, xác suất một người không có thẩm quyền lọt vào căn nhà này là dưới zero, huống hồ gì là ‘một tên điên cầm con dao khố kiếp’ nếu tôi nghe không lầm.”

Dermott vẫn nhìn trần trần vào tường.

“Để tôi nói như thế này nhé,” Nardo nói tiếp. “Nếu thằng chó đẻ đó có gan xuất hiện ở đây, hấn chết chắc. Hấn mà ráng sức vào đây, tôi sẽ ăn thịt cái thằng chó đẻ đó ngay trong bữa tối.”

“Tôi không muốn bị bỏ mặc một mình ở đây trong căn nhà này. Một phút cũng không muốn.”

“Anh không nghe tôi nói rồi,” Nardo gào lên. “Anh không chỉ có một mình. Cảnh sát có mặt khắp nơi trong khu này. Khắp nơi quanh căn nhà này. Chẳng ma nào vào đây được hết.”

Dermott quay sang Nardo nói một cách thách thức, “Ngộ nhớ hấn vào đây rồi thì sao?”

“Anh nói cái quái gì vậy?”

“Nếu hấn vào trong nhà rồi thì sao?”

“Hấn làm cách gì gió gì mà vào đây được?”

“Sáng nay – khi tôi đi ra ngoài tìm sĩ quan Sissek – giả sử khi tôi đang đi vòng quanh sân... thì hấn vào nhà qua chỗ cửa không khóa thì sao? Hấn làm vậy được mà, phải vậy không?”

Nardo nhìn y chăm chăm, vẻ hoài nghi. “Rồi đi đâu nữa?”

“Sao tôi biết được?”

“Anh nghĩ sao nếu hấn núp dưới cái giường bỏ mẹ của anh?”

“Câu hỏi khá đẫy, trung úy ạ. Thực tế thì anh đâu biết câu trả lời phải không? Vì anh có thật sự kiểm tra căn nhà kỹ càng đâu mà biết, đúng chưa? Nên hẳn có thể ở dưới giường chứ, đúng không?”

“Chúa ơi,” Nardo hét lớn. “Thôi cái thứ cứt đá này đi!”

Anh ta sải hai bước dài đến phía chân giường, chộp lấy mặt đáy, rồi bằng một tiếng ư hự dữ dội nhắc đầu giường này lên không trung và giữ nó cao ngang vai.

“Được chưa hả?” anh ta càu nhàu. “Anh thấy ai ở dưới đó không hả?”

Anh ta thả giường xuống, làm nó rơi đánh thịch xuống đất rồi nảy lên.

Dermott quắc mắt nhìn anh ta. “Cái tôi cần, trung úy ạ, là năng lực, chứ không phải mấy màn kịch trẻ con. Khám xét kỹ lưỡng căn nhà có phải đòi hỏi quá đáng gì không?”

Nardo nhìn Dermott lạnh lùng. “Anh nói tôi nghe nào – còn có chỗ nào để ẩn nấp trong cái nhà này đây?”

“Ở đâu ư? Tôi không biết. Dưới hầm? Góc lửng? Phòng trữ đồ? Sao tôi biết được?”

“Để tôi nói lại cho rõ nhé, thưa anh, những viên cảnh sát đầu tiên đến hiện trường đã khám xét hết căn nhà rồi. Nếu hẳn ở đây thì ta đã tìm được từ lâu rồi. Được chưa?”

“Họ khám xét hết căn nhà rồi ư?”

“Vâng, thưa anh, trong lúc anh đang được thẩm vấn ở trong nhà bếp đó.”

“Kể cả góc lửng và tầng hầm ư?”

“Đúng.

“Kể cả phòng điện nước ư?”

“Phòng trữ đồ nào cũng kiểm tra hết rồi.”

“Bọn họ làm sao mà kiểm tra phòng điện nước được chứ!” Dermott la lên một cách chống đối. “Phòng đó bị khóa mà, tôi giữ chìa khóa, mà có ai kêu tôi đưa chìa khóa đâu.”

“Như vậy có nghĩa,” Nardo phản pháo, “nếu nó bị khóa thì ngay từ đầu đã chẳng có ai vào được trong đó rồi. Vậy có kiểm tra cũng phí thời gian thôi.”

“Không – vậy có nghĩa anh là đưa láo toét mới đúng, dám tuyên bố là đã khám xét toàn bộ căn nhà rồi!”

Phản ứng của Nardo làm Gurney ngạc nhiên vì anh đang chuẩn bị đón nhận một vụ nổ thì đằng này viên trung úy lại nhẹ nhàng nói, “Anh đưa cho tôi chìa khóa. Tôi đi kiểm tra liền bây giờ.”

“Vậy là,” Dermott kết luận, giọng điệu như luật sư, “anh chịu thừa nhận đã bỏ sót chỗ đó rồi chứ gì – thừa nhận căn nhà này không được khám xét kỹ càng rồi chứ gì!”

Gurney tự hỏi liệu thái độ khó chịu dai dẳng này là sản phẩm từ cơn đau nửa đầu của Dermott, hay do tính khí nóng nảy của y, hay do sự chuyển đổi đơn giản từ sợ hãi sang hung hăng.

Nardo có vẻ điềm đạm một cách gượng gạo. “Chìa khóa đâu, thưa anh?”

Dermott làu bàu nói gì đó – nói gì đó xúc phạm, xét theo vẻ mặt của y – rồi nhắc người ra khỏi ghế. Y lấy một xâu chìa khóa ra khỏi ngăn kéo chiếc bàn cạnh giường, lấy ra một chìa nhỏ hơn số chìa còn lại, rồi ném nó lên giường. Nardo nhặt chìa khóa lên mà không thấy có chút phản ứng gì rồi rời khỏi phòng không nói thêm lời nào. Tiếng chân anh ta xa dần theo từng bước chân đi xuống cầu thang. Dermott thả chùm chìa khóa còn lại vào ngăn kéo, toan đóng nó lại thì đột nhiên dừng tay.

“Cút thật!” Y rít lên.

Y nhặt xâu chìa khóa lên lại và bắt đầu gỡ một chìa khóa ra khỏi xâu chìa khóa nhỏ nhắn cứng cáp giữ các chìa lại với nhau. Gỡ xong, y bước về phía cửa. Chưa đi được hơn một bước, y vấp phải tấm thảm nhỏ cạnh giường và sẩy chân đập đầu vào cạnh cửa. Một tiếng thét kìm nén vì tức giận và đau đớn bật ra từ hàm răng cắn chặt của y.

“Anh có sao không?” Gurney vừa hỏi vừa bước tới.

“Ồn! Không sao!” Từng lời tuôn ra lấp bắp một cách giận dữ.

“Tôi giúp anh nhé?”

Dermott ra chiều đang cố gắng bình tĩnh. “Đây,” y nói. “Mang chìa khóa này đưa cho anh ta. Có hai khóa lận. Lộn xộn nực cười như vậy đấy...”

Gurney nhận chiếc chìa khóa. “Anh có sao không?”

Dermott vẫy tay về ghê tởm. “Nếu họ đến với tôi đúng mực ngay từ đầu thì...” Giọng y lịm dần.

Gurney ném cho người đàn ông trông có vẻ khốn khổ ấy cái nhìn suy xét lần cuối, đoạn đi xuống lầu.

Như trong hầu hết các căn nhà ngoại ô, cầu thang dẫn đến tầng hầm chạy thấp xuống đằng sau và bên dưới cầu thang đến tầng hai. Có một cánh cửa dẫn tới cầu thang này mà Nardo đã để mở. Gurney thấy một ngọn đèn đang sáng bên dưới.

“Trung úy?”

“Gì hả?”

Giọng nói dường như phát ra đâu đó cách chân cầu thang gỗ xù xì một đoạn, nên Gurney cầm chìa khóa đi xuống. Cái mùi mốc meo trộn lẫn của bê tông, ống dẫn kim loại, gỗ và bụi gọi lên hồi ức sinh động về tầng hầm khu chung cư thời thơ ấu của anh – phòng trữ đồ hai ổ khóa nơi người thuê trả xe đạp chưa dùng đến, xe đẩy em bé, những cái hộp chứa đầy rác rưởi; ánh sáng yếu ớt sản sinh từ những bóng đèn tròn dính đầy mạng nhện; những chiếc bóng không khỏi cho anh cảm giác ớn lạnh rợn tóc gáy.

Nardo đang đứng chỗ một cánh cửa thép màu xám ở đầu đối diện một phòng bê tông xây dở dang để lộ nhiều rầm, nhiều bức tường ố vàng do ẩm thấp, một máy nước nóng, hai bể chứa dầu, một lò sưởi, hai thiết bị báo cháy, hai bình chữa cháy và một hệ thống chữa cháy tự động.

“Chìa khóa chỉ ăn vào ổ khóa ngoài thôi,” anh ta nói. “Còn một ổ khóa chìm nữa. Mê ba cái thứ bảo mật dự phòng như thế này làm gì không biết? Còn cái chìa khốn kiếp kia ở đâu đây?”

Gurney đưa nó cho anh ta. “Hắn nói là quên. Đổ thừa tại anh.”

Nardo nhận chìa khóa kèm một tiếng cầu nhàu ghê tởm rồi nhét thẳng chìa vào ổ khóa. “Bà mẹ thẳng cha khốn kiếp,” anh ta vừa nói vừa đẩy cửa

mở ra. “Tôi chẳng tin nổi là phải đích thân kiểm tra... Cái quái gì...?”

Nardo, theo sau là Gurney, bước dè dặt qua cánh cửa vào căn phòng lớn hơn đáng kể so với phòng trữ đồ.

Thoạt đầu, những gì họ trông thấy thật vô lý.

Giờ Kể Chuyện

Phản ứng tức thời của Gurney là họ đã vào nhầm cửa. Nhưng như vậy cũng vô lý. Ngoài trừ cánh cửa đầu cầu thang ra, đây là cánh cửa duy nhất dưới tầng hầm. Nhưng đây lại không đơn giản là nơi lưu trữ.

Họ đang đứng trong góc một phòng ngủ lớn, có ánh sáng dịu và thảm lót sang trọng, đồ đạc được bài trí theo cách truyền thống. Trước mặt họ là một chiếc giường Queen size có khăn trải hoa văn và diềm xếp nếp kéo dài quanh mép. Nhiều chiếc gối phòng quá cỡ khác nhau có diềm xếp nếp giống nhau được dựng lên sát đầu giường. Cuối chân giường là một rương đựng của hồi môn. Trên rương là một con chim nhồi bông lớn làm bằng vải may chắp vá. Một đặc điểm lạ trên tường về phía tay trái Gurney thu hút sự chú ý của anh – một cửa sổ thoát trông có vẻ nhìn ra quang cảnh một cánh đồng bát ngát, nhưng quang cảnh đó, anh nhanh chóng nhận ra, thật ra là tấm phim dương bản có kích thước bằng áp phích được chiếu sáng từ đằng sau, có lẽ được thiết kế để làm dịu đi bầu không khí tù túng trong phòng. Anh cũng đồng thời nhận ra có tiếng kêu khẽ của một loại hệ thống thông gió nào đó.

“Tôi chẳng hiểu gì cả,” Nardo nói.

Gurney toan đồng ý thì chợt nhận thấy cách chỗ cánh cửa sổ giả một chút, dọc theo cùng một bức tường, là một chiếc bàn nhỏ. Trên bàn là một chiếc đèn ngủ công suất thấp tỏa ánh sáng nâu vàng, quanh vầng sáng là ba cái khung đen đơn giản thuộc loại dùng để lồng bằng cấp. Anh đến gần để quan sát được rõ hơn. Trong mỗi khung là bản sao một tờ séc cá nhân. Toàn bộ số séc đều gửi đến X. Arybdis. Đầu ghi số tiền 289,87 đô. Từ trái qua, người gửi lần lượt là Mark Mellery, Albert Rudden và R. Kartch. Đây là những tấm séc mà Gregory Dermott báo cáo đã nhận được, còn séc gốc y không

đổi ra tiền mà gửi trả lại người gửi. Nhưng tại sao y lại phô tô séc ra trước khi trả lại? Và, đáng lo ngại hơn, vì lý do khi gió gù mà y lại lồng séc vào khung? Gurney cầm từng tấm khung lên, như thể nếu nhìn gần hơn sẽ có câu trả lời.

Rồi, đột nhiên, trong khi đang sẫm soi chữ ký trên tấm séc thứ ba – R. Kartch – cảm giác bứt rứt mà anh vẫn luôn có mỗi khi thấy cái tên đó lại ngoi dậy. Có điều lần này không chỉ có cảm giác đó đến với anh, mà cái lý do đằng sau nó cũng đến.

“Khốn kiếp!” anh làu bàu tự trách trước đây đã không thấy sự sai lệch giờ đây đã hiển lộ rõ.

Cùng lúc đó, một tiếng động nhỏ đột nhiên vang lên từ phía Nardo. Gurney nhìn anh ta, rồi theo cái nhìn trân trân hốt hoảng của anh ta hướng về góc đối diện của căn phòng rộng hun hút. Ngay đó – mập mờ trong bóng đêm, ngoài tầm với của vầng sáng yếu ớt từ chiếc đèn bàn rọi lên những tờ séc được lồng khung, khuất một phần sau hai cánh tay một chiếc ghế bành theo phong cách thời Nữ hoàng Anne và ngụy trang trong chiếc đệm ngủ có sắc hồng nâu mờ như màu nệm bọc ghế, một người đàn bà tiêu tụy đang ngồi, đầu cúi gằm xuống trước ngực.

Nardo gỡ đèn pin trên thắt lưng ra rồi chiếu tia sáng vào mặt bà ta.

Gurney đoán tuổi bà ta đâu đó trong khoảng từ 50 tới 70. Nước da tái nhạt như xác chết. Mái tóc vàng, cột lên thành nhiều lọn xoắn tít, nhất định là tóc giả. Chớp mắt, bà ta ngẩng đầu lên chậm chạp đến nỗi hầu như không thấy chuyển động của đầu, xoay đầu về phía ánh sáng với một dáng vẻ uyển chuyển lạ lẫm như hoa hướng dương hướng về phía mặt trời.

Nardo nhìn Gurney, rồi lại nhìn người đàn bà trên ghế.

“Ta phải đi dài,” bà ta nói. Giọng bà ta cao, khàn, độc đoán. Cái nghiêng cằm ngạo mạn hướng lên trên để lộ một vết sẹo xấu xí trên cổ.

“Cái bà quái nào đây?” Nardo thì thầm, như thể Gurney phải biết câu trả lời.

Thật ra thì Gurney chắc chắn mình biết chính xác đó là ai.

Anh cũng biết việc mang chìa khóa xuống tầng hầm cho Nardo là một sai lầm khủng khiếp.

Anh quay nhanh người về phía chỗ cửa đang mở. Nhưng Gregory Dermott đã đứng đó tự bao giờ, một tay cầm một chai uýt ki Bốn Hoa Hồng loại gần 1 lít, còn tay kia cầm một khẩu súng lục 0.38 đặc biệt. Không hề có biểu hiện gì của một người đàn ông nóng giận thất thường bị đau nửa đầu cả. Cặp mắt của gã không còn nheo lại giả vờ đau đớn và trách móc như trước mà nay đã trở lại trạng thái mà Gurney cho là bình thường – mắt phải sắc bén và quả quyết, mắt trái u tối và lạnh như tiền.

Nardo cũng xoay người. “Cái...?” anh ta lên tiếng, rồi để câu hỏi chết trong cổ họng. Anh ta đứng sững, nhìn qua nhìn lại giữa bộ mặt của Dermott và khẩu súng.

Dermott bước hẳn vào phòng, khéo léo dùng chân đưa ra phía sau, rồi móc ngón chân quanh mép cửa, đóng sập cửa lại đằng sau lưng. Có một tiếng cách kim loại chát chúa khi chốt khóa khớp vào đúng chỗ. Một nụ cười nhẹ, đáng sợ làm dài hơn lẫn ranh mỏng giữa hai môi y.

“Cuối cùng cũng được yên thân,” y nói, nhái giọng một người đàn ông đang trông đợi một cuộc tán gẫu thú vị. “Quá nhiều việc phải làm,” y nói thêm. “Quá ít thời gian.” Y hình như thấy chuyện này rất vui nhộn. Nụ cười lạnh lùng nở rộng ra trong chốc lát như con sâu duỗi rồi lại co. “Tao muốn bọn mày biết trước là tao rất cảm kích bọn mày đã tham gia vào dự án nho nhỏ của tao. Có bọn mày hợp tác, mọi chuyện sẽ tốt hơn rất nhiều. Trước tiên, một chi tiết vụn vặt thôi. Trung úy, cho phép tao yêu cầu mày nằm úp mặt xuống nền nhà được không?” Đây không hẳn là câu hỏi.

Gurney đọc được trong mắt Nardo một khả năng tính toán rất nhanh, nhưng anh không biết anh ta đang xem xét những phương án nào. Thậm chí cũng không chắc là anh ta có biết chuyện gì đang thực sự xảy ra không nữa.

Còn thứ mà anh đọc được trong mắt Dermott lại trông như sự kiên nhẫn của một con mèo đang quan sát một con chuột không còn đường chạy.

“Nè anh,” Nardo nói, giả vờ như rất lo ngại, “bỏ súng xuống là một ý hay đó.”

Dermott lắc đầu. “Không hay như mày tưởng đâu.”

Nardo trông lúng túng. “Bỏ súng xuống nào anh bạn.”

“Đó cũng là một phương án đấy chứ. Nhưng phương án này có chút rắc rối. Sự đời đâu có đơn giản phải không?”

“Rắc rối ư?” Nardo nói với Dermott như thể y là một công dân vô hại chỉ tạm thời quên dùng thuốc men.

“Tao định bắn mày xong sẽ bỏ súng xuống. Nếu mày muốn tao bỏ súng xuống ngay thì tao buộc phải bắn mày ngay. Tao không muốn làm vậy đâu, mà tao chắc mày cũng không muốn vậy. Mày thấy vấn đề chưa?”

Dermott vừa nói vừa giơ khẩu súng nhắm vào họng Nardo. Sự vững vàng của bàn tay Dermott cũng được, hay sự mỉa mai điềm nhiên trong giọng gã cũng được, cái gì đó trong tác phong của gã thuyết phục Nardo rằng mình cần phải sử dụng chiến thuật khác.

“Anh bắn khẩu súng đó rồi,” anh ta nói, “anh nghĩ tiếp theo sẽ xảy ra chuyện gì hả?”

Dermott nhún vai, lẩn ranh giữa hai môi lại kéo rộng ra. “Mày chết.”

Nardo gật đầu đồng tình một cách dè dặt, như thể một sinh viên vừa cho anh ta một câu trả lời hiển nhiên nhưng còn dang dở. “Rồi sao nữa? Tiếp theo đó?”

“Có khác gì đâu chứ?” Dermott nhún vai lần nữa, nhắm nòng súng xuống dưới cổ Nardo.

Viên trung úy dường như đang cố gắng rất nhiều để duy trì quyền làm chủ, đối với cơn giận hoặc là nỗi sợ của mình.

“Không khác gì nhiều đối với tôi, nhưng với anh thì khác rất nhiều. Anh mà bóp cò thì chưa đầy một phút sau vài chục cảnh sát sẽ kề ngay đít anh, và xé cái thẳng chó chết như anh ra thành từng mảnh.”

Dermott ra vẻ thích thú. “Mày biết được bao nhiêu về quạ hả trung úy?”

Nardo nheo mắt không hiểu câu hỏi chẳng ăn nhập gì về mặt logic của y.

“Quạ ngu đến mức khó tin,” Dermott nói. “Mày bắn xong một con thì con khác bay đến. Mày bắn con đó xong thì con khác lại đến, rồi con khác nữa, con khác nữa. Mày cứ bắn cứ bắn, còn bọn chúng cứ kéo đến kéo đến.”

Đây là chuyện trước đây Gurney đã nghe – quạ không để một con trong đàn chết một mình. Nếu một con đang hấp hối, những con khác sẽ đến đứng cạnh nó để nó không lẻ loi. Lần đầu tiên nghe bà anh kể câu chuyện đó lúc anh mới mười hay 11 tuổi, anh phải rời phòng vì biết mình sẽ khóc. Anh đã đi vào nhà tắm, và tìm anh đau nhói.

“Có lần tao thấy một bức tranh về cảnh bắn quạ ở một nông trại bang Nebraska,” Dermott nói bằng một thái độ vừa sùng sốt lẫn khinh bỉ. “Một ông nông dân cầm súng sẵn đứng cạnh một đồng quạ chết cao đến tận vai.” Gã ngừng nói, như cho Nardo thời gian để thấy được thói tự sát buồn cười của quạ và sự liên quan giữa số phận của chúng với tình huống hiện tại.

Nardo lắc đầu. “Anh thực sự nghĩ có thể ngồi trong này bắn hết cảnh sát này đến cảnh sát khác từ cửa xông vào mà không bị bắn nát óc à? Không có chuyện đó đâu.”

“Tất nhiên là không rồi. Có ai nói cho mày biết cái đầu chỉ hiểu được nghĩa đen là cái đầu nhỏ không? Tao thích cái câu chuyện quạ đó lắm trung úy ạ, nhưng còn có cách hiệu quả để diệt sâu mọt hơn là bắn mỗi lần từng con một. Như thả hơi độc chẳng hạn. Thả hơi độc rất hiệu quả, nếu mày có được đúng loại hệ thống thả hơi độc. Chắc mày có để ý là phòng nào trong nhà này cũng có hệ thống chữa cháy tự động cả. Phòng nào cũng có trừ phòng này.” Gã lại ngừng nói, mắt gã sáng động hơn, ánh lên vẻ tự đắc. “Thành ra nếu tao bắn mày, rồi toàn bộ lũ quạ bay vào đây thì tao chỉ cần mở hai cái van nhỏ nhỏ trên hai cái ống dẫn nhỏ nhỏ là xong, rồi hai mươi giây sau...” Nụ cười của gã trở nên hiền hậu. “Mày có biết khí clo đậm đặc sẽ làm gì với phổi người không? Và làm nhanh như thế nào mày biết không?”

Gurney quan sát thấy Nardo đang gắng sức đánh giá gã đàn ông điềm nhiên đến đáng sợ này và lời đe dọa thả hơi độc của y. Trong một nỗi sợ thoáng qua, anh nghĩ niềm kiêu hãnh và cơn thịnh nộ của tay cảnh sát này

sắp sửa dây anh ta vào một bước nhảy chết người về phía trước, nhưng đấng này Nardo lại hít vào vài hơi lạnh lẽ, có vẻ để giảm bớt lực nén trong lò xo, rồi nói bằng một giọng nghe tha thiết và âu lo.

“Hợp chất clo đôi khi chẳng ngon ăn đâu. Tôi từng tiếp xúc với hợp chất này trong đội chống khủng bố. Có anh kia trong lúc thí nghiệm vô tình tạo ra sản phẩm phụ là NC13 mà không biết. Kết quả là anh ấy mất đi ngón cái. Đưa hóa chất qua hệ thống chữa cháy tự động không có ngon ăn như anh nghĩ đâu. Tôi không chắc anh có làm vậy được không nữa.”

“Đừng phí thời gian tìm cách giở trò với tao nữa, trung úy. Mà nói giống như là đang giở một chiến thuật ghi trong sổ tay cảnh sát vậy. Trong đó ghi gì nhỉ? – ‘Biểu lộ sự hoài nghi liên quan đến kế hoạch của tên tội phạm, nghi vấn những gì hắn nói, khiến hắn cung cấp thêm chi tiết’ đúng chưa? Nếu mà muốn biết thêm thì cần gì phải giở trò chứ, hỏi tao là được rồi. Tao chẳng có bí mật gì để giấu giếm hết. Cho mà biết nhé, thứ mà tao có là hai bình 190 lít áp suất cao, chứa đầy clo và amoniac, điều khiển bằng một máy nén công nghiệp, nối trực tiếp với ống dẫn chính đưa toàn bộ hệ thống chữa cháy đi khắp căn nhà này. Trong phòng này có giấu hai van có nhiệm vụ nối 380 lít lại với nhau, thải ra một lượng khí khổng lồ dưới dạng cực kỳ đậm đặc. Còn vụ vô ý tạo ra NC13 rồi gây ra cháy nổ cũng khó xảy ra lắm. Nếu có thì tao cũng hoan nghênh xem như là một phần thưởng đáng mừng thôi. Thấy Sở Cảnh sát Wycherly bị chết ngạt là tao hả hê rồi. Nếu tụi bay có bị tan xác thành nhiều mảnh nữa thì càng vui, nhưng không nên tham lam quá. Cầu toàn quá đôi khi lại hỏng việc.”

“Anh Dermott, toàn bộ chuyện khi gió này là sao hả?”

Dermott nhăn mày như muốn nhại một người ra chiều đang xem xét câu hỏi đó một cách nghiêm túc.

“Sáng nay tao nhận được bức thư này. ‘Coi chừng nắng dữ tuyệt dày, đêm ngày cũng thế, coi mà chạy đâu’. Gã dẫn lại dòng thơ của Gurney bằng sự hùng hồn mỉa mai như trên sân khấu, vừa đọc vừa bắn cho anh một ánh mắt tò mò. “Hù dọa sáo rỗng cả thôi, nhưng tao phải cảm ơn người đã gửi bức

thư này. Nó làm tao nhớ rằng đời rất ngắn ngủi nên làm gì được hôm nay thì làm, không nên hoãn đến ngày mai.”

“Tôi không hiểu ý anh lắm,” Nardo nói, vẫn còn trong trạng thái nghiêm túc.

“Tao nói gì thì cứ làm theo là được, rồi cuối cùng mày sẽ hiểu hết.”

“Được thôi, không thành vấn đề. Tôi chỉ không muốn có người bị thương không cần thiết.”

“Ừ, tất nhiên rồi.” Nụ cười rộng mở ấy đến rồi đi, như con sâu co rồi duỗi. “Chẳng ai muốn vậy cả. Thật ra, để tránh thương vong không cần thiết, tao thật sự rất cần mày nằm xuống sàn ngay bây giờ.”

Rốt cuộc họ cũng trở về điểm xuất phát. Câu hỏi đặt ra là, phải làm gì nữa? Gurney đang quan sát gương mặt của Nardo để đọc tìm dấu hiệu. Tay cảnh sát này hiểu chuyện được bao nhiêu? Anh ta có nhận ra người đàn bà trong ghế có thể là ai chưa? Hay cái tên bệnh hoạn miệng cười, tay cầm súng và chai uýt ki kia là ai?

Chí ít có lẽ anh ta cũng đã nhận ra Dermott chính là kẻ sát hại sĩ quan Sissek. Chỉ như vậy mới lý giải được sự căm thù trong đôi mắt mà anh ta không hoàn toàn che đậy được. Đột nhiên lực nén trở lại với cái lò xo trong người Nardo. Trông anh ta đang cuồn cuộn adrenaline, với bản năng mặc kệ hậu quả, mạnh mẽ hơn nhiều so với lý trí. Dermott cũng thấy được điều đó, nhưng thay vì e sợ, y dường như phấn khích hơn, đôi dào sinh lực hơn. Tay y nắm chặt báng súng hơn một chút, và lần đầu tiên nụ cười trơn tru của y để lộ ra hàm răng sáng bóng sinh động.

Sớm hơn một giây trước khi một viên đạn đồng 0.38 chắc chắn sẽ kết liễu mạng Nardo, và sớm hơn hai giây trước khi viên đạn thứ hai kết liễu mạng của chính mình, Gurney ngắt mạch điện bằng một tiếng thét mãnh liệt từ cổ họng.

“Làm theo lời hăn đi! Nằm mẹ nó xuống sàn đi! Nằm mẹ nó xuống sàn NGAY đi!”

Nó có hiệu quả gây sốc tức thì. Hai đối thủ đứng như trời trồng, cái xung lực đối đầu âm ỉ bấy lâu đã bị cơn bột phát mạnh mẽ của Gurney đập tan.

Thực tế là chưa ai chết, và điều đó đã thuyết phục anh tin rằng mình đang đi đúng hướng, nhưng anh không chắc hướng đi cụ thể đó là gì. Theo những gì anh đọc được từ về mặt Nardo, anh chàng này đang cảm thấy bị phản bội. Bên dưới cái vẻ ngoài mơ hồ hơn của Dermott, y có vẻ lúng túng, nhưng Gurney nghi ngờ y đang ra sức không để cho sự gián đoạn này làm lung lay quyền kiểm soát của mình.

“Bạn mà khuyên rất khôn ngoan đấy,” Dermott nói với Nardo. “Tao mà là mày thì làm theo ngay. Thanh tra Gurney có đầu óc rất nhạy bén. Một con người rất thú vị. Một người rất nổi tiếng. Chỉ cần tìm trên Internet là mày có thể biết rất nhiều thông tin về người khác. Mày sẽ sững sốt khi thấy chỉ cần một ít cái tên, một mã bưu điện thôi là có cả khối thông tin nhảy ra.

Thời buổi này ít còn cái gì là riêng tư lắm.” Giọng điệu ranh mãnh của Dermott phát ra luồng sóng nôn nao đi xuyên ngực Gurney. Anh cố nhắc nhở mình rằng chuyên môn của Dermott là thuyết phục người khác tin rằng y biết về họ nhiều hơn thực tế. Nhưng luôn xâm nhập vào tâm trí anh là cái suy nghĩ về dấu bưu điện mà anh đã không liệu trước có thể đặt Madeleine vào tình trạng nguy hiểm. Suy nghĩ đó làm anh day dứt gần như không chịu được.

Nardo miễn cưỡng hạ thấp người xuống sàn, cuối cùng nằm sấp trong tư thế một người sấp hít đất. Dermott chỉ đạo cho anh ta khóa chặt hai tay rồi để sau đầu, “nếu làm vậy không quá đáng lắm.” Trong một phút hoảng sợ, Gurney chợt nghĩ đây có thể là tư thế cho một cuộc hành quyết tại chỗ. Nhưng trái lại, sau khi thỏa thuê nhìn xuống viên trung úy đang nằm úp, Dermott cẩn thận đặt chai uýt ki đang cầm lên rương đựng của hồi môn nằm cạnh con chim nhồi bông lớn – hoặc là, Gurney giờ đã nhận ra, con ngỗng nhồi bông lớn. Rùng mình ghê tởm, anh chợt nhớ lại một chi tiết từ bản báo cáo giám định. Lòng ngỗng. Rồi Dermott ngồi xuống ngang tầm mắt cá chân phải của Nardo, rút một khẩu súng lục nhỏ tự động ra khỏi bao súng đeo ở

đó, rồi nhét nó vào trong túi mình. Một lần nữa, cái cười khẩy không chút hài hước của y hết tròn lại khuyết.

“Biết nơi cất giấu súng ống,” y giải thích bằng một sự hào hứng làm người ta phải sờn gáy, “là mấu chốt để tránh bị kịch. Nhiều súng quá đấy. Nhiều súng trao nhầm tay quá đấy. Dĩ nhiên, người ta thường tranh luận là súng không giết người mà chỉ có người giết người. Bọn mày phải thừa nhận là câu ấy ít nhiều cũng đúng đấy. Quả thật chỉ có người giết người thôi. Có ai biết điều đó rõ hơn mấy người trong ngành bọn mày chứ?”

Trong cái danh sách ngăn chứa những thứ mình biết là đúng, Gurney thêm vào một mục: những bài diễn văn này được truyền tải một cách tinh quái đến khán giả bị giam cầm của Dermott – điệu bộ nhã nhặn, thái độ mềm mỏng đầy tính đe dọa, chính những yếu tố đặc thù có trong những bức thư y đã gửi cho nạn nhân – để phục vụ một mục đích tối thượng: tiếp thêm năng lượng cho ảo tưởng toàn năng của y.

Như chứng minh Gurney đã đúng, Dermott quay sang anh và thì thầm như một nhân viên ninh nọt hướng dẫn ghế ngồi, “Cảm phiền mày ngồi sát vách tường đằng kia được không?” Y chỉ một chiếc ghế lưng thang phía bên trái giường cạnh chiếc đèn bàn có 3 tấm séc lồng khung treo ở trên. Gurney đi tới chỗ ghế đó rồi ngồi xuống không chút do dự.

Dermott quay xuống nhìn lại Nardo, cái nhìn lạnh như băng của y trông ngược ngạo so với cái giọng khích lệ. “Mày sẽ được chạy nhảy nhanh thôi. Chúng ta cần bố trí thêm một người tham gia nữa là xong. Rất cảm ơn sự kiên nhẫn của hai người.”

Trên phần mặt của Nardo mà Gurney thấy được, cơ hàm của anh ta đang cứng lại và màu đỏ ửng chuyển từ cô lên má.

Dermott đi nhanh dọc căn phòng đến góc xa rồi cúi xuống cạnh chiếc ghế lưng cao, thầm thì điều gì đó vào tai người đàn bà đang ngồi.

“Ta phải đi đấy,” bà ta vừa nói vừa ngẩng đầu lên.

“Bọn bay biết đó, bà ấy thật ra đâu có muốn đi đấy,” Dermott vừa nói vừa quay lại nhìn Gurney và Nardo. “Chẳng qua là một bất tiện do ống thông

tiểu tạo ra thôi. Bà ấy có ống thông tiểu đã nhiều năm nay rồi. Một mặt thì không thoải mái gì, nhưng mặt khác cũng tiện lợi vô cùng. Đức Chúa ban cho, rồi Đức Chúa lấy đi. Mặt sấp và mặt ngửa. Không thể có cái này mà thiếu cái kia. Chẳng phải có bài hát như vậy sao?” Y ngừng nói như đang cố gắng nhớ ra cái gì đó, ngân nga một điệu nhạc quen thuộc bằng giọng du dương hơn hờ, rồi, tay phải vẫn cầm súng, đờ bà già đứng dậy khỏi ghế bằng tay trái. “Nào, mẹ yêu, giờ ngủ đến rồi.”

Vừa dẫn bà ta đi từng bước ngắn, dứt quãng, dọc căn phòng đến chỗ giường và đỡ bà ta ngồi dựa vào chông gối thẳng đứng, y luôn miệng lặp đi lặp lại bằng giọng của một cậu bé, “Giờ ngủ đến rồi, giờ ngủ đến rồi, giờ ngủ đến rồi, giờ ngủ đến rồi.”

Chĩa súng vào một điểm xấp xỉ giữa Nardo trên sàn và Gurney trong ghế, y chậm rãi nhìn quanh phòng, nhưng không nhìn vào thứ gì riêng biệt. Rất khó biết y đang nhìn những gì thật sự tồn tại hay đang phủ lên cảnh tượng trước mắt mình một cảnh vật khác từ một thời gian và không gian khác. Rồi y nhìn người đàn bà trên giường cũng bằng cách đó và nói bằng sự quả quyết của Peter Pan thần tiên, “Mọi chuyện sẽ hoàn mỹ cả. Mọi chuyện sẽ theo cái cách vốn dĩ của nó.” Y bắt đầu ngân nga thắm trong miệng một vài nốt nhạc rời rạc. Y tiếp tục ngân nga thì Gurney nhận ra đó là điệu nhạc bài đồng dao, ‘Here We Go Round the Mulberry Bush’. Có lẽ do phản ứng khó chịu vốn có của anh trước sự phản logic của những bài đồng dao; có lẽ do hình tượng trong bài đồng dao này làm người ta chóng mặt; có lẽ do nhạc điệu ấy hoàn toàn không phù hợp với thời khắc hiện tại; lý do là gì cũng được, nghe cái giai điệu đó trong căn phòng, anh muốn nôn mửa.

Rồi Dermott thêm lời vào, nhưng không phải lời đúng. Y hát như trẻ con, “Chúng ta lên giường lại nào, lên giường lại nào, lên giường lại nào. Chúng ta lên giường lại nào, trời còn sớm mà.”

“Ta phải đi đái,” người đàn bà nói.

Dermott tiếp tục hát ca khúc kỳ quái của y như thể nó là bài hát ru. Gurney tự hỏi tên này thực sự bị phân tâm đến mức nào – có đủ để anh nhảy qua giường không chế y không? Anh nghĩ là không đủ. Một thời khắc hờ

hên hơn sẽ đến chẳng? Nếu câu chuyện khí clo của Dermott là một kế hoạch hành động chứ không chỉ là chuyện viễn vông gây hoang mang, thì họ còn lại bao nhiêu thời gian nữa? Anh đoán không còn nhiều.

Nhà trên im ắng vô cùng. Không một biểu hiện nào cho thấy có viên cảnh sát Wycherly nào phát hiện ra trung úy của họ đã mất tích hay nếu có phát hiện ra thì cũng chưa chắc nhận thấy được tầm quan trọng của sự mất tích này. Không có giọng nói nào cất lên, không có bàn chân nào sột soạt, không có chút dấu vết nào cho thấy có hoạt động bên ngoài – điều đó có nghĩa việc cứu được mạng của Nardo và của anh hay không có lẽ tùy thuộc việc anh nghĩ ra được gì trong năm mười phút tới để ngăn chặn tên bệnh hoạn lúc này đang làm phòng gối trên giường.

Dermott ngừng hát. Rồi y bước sang một bên, đi dọc mép giường đến một vị trí cho phép y nhắm súng vào Nardo hay Gurney đều dễ dàng như nhau. Y bắt đầu đưa súng qua lại như đang chĩa cây dùi cui, một cách nhịp nhàng, nhắm hết người này sang người kia và ngược lại. Có lẽ từ chuyển động môi của tên này mà Gurney biết y đang vờ vẩy khẩu súng theo nhịp câu hát *eeny meeny miney mo, tóm lấy ngón chân chú hổ*. Cái khả năng sự ê a thì thầm này kéo dài được vài giây thì một viên đạn xen ngang và ghim vào đầu một trong hai người dường như có thật đến rợn ngợp – đủ thật để khiến Gurney chộp ngay thời cơ này mà tung ra một đòn tấn công cầu may bằng lời nói.

Bằng giọng nhẹ nhàng nhất, thân mật nhất của mình, anh hỏi, “Bà ấy có bao giờ mang dép hồng ngọc không thế?”

Môi Dermott ngừng chuyển động, và mặt của y trở lại vẻ trống rỗng sâu thẳm, hiểm độc. Khẩu súng của y đã mất nhịp. Nòng súng hướng chậm chậm vào Gurney như vòng quay rulét ngừng vào một con số thua.

Đây không phải lần đầu anh đứng trước họng súng, nhưng chưa bao giờ trong suốt 47 năm cuộc đời của mình anh lại cảm thấy gần kề với cái chết đến thế. Cơ thể anh có một cảm giác kiệt quệ, như thể máu đang rút vào một nơi nào đó an toàn hơn.

Rồi, quái lạ thay, anh định tâm trở lại. Tình huống này làm anh nghĩ đến những câu chuyện mình đã đọc nói về những người rớt xuống đại dương

lạnh giá, nói về ảo giác an bình mà họ cảm nhận được trước khi bất tỉnh. Anh phóng tầm mắt qua chiếc giường nhìn Dermott, nhìn vào cặp mắt không cân xứng nhau về mặt cảm xúc của y – một mắt như xác chết từ một chiến trận cách đây đã lâu, mắt kia sinh động đầy hận thù. Trong con mắt thứ hai, có mục đích hơn ấy, anh cảm nhận được một phép tính nhanh đang được thực hiện. Có lẽ việc Gurney đề cập đến đôi dép bị lấy cắp từ khu trọ The Laurels đã phục vụ đúng mục đích – đặt ra những câu hỏi đòi hỏi phải được phân giải. Có lẽ Dermott đang tự hỏi anh biết được bao nhiêu và điều đó sẽ ảnh hưởng đến cách y kết thúc thế tàn cuộc như thế nào.

Nếu vậy, Dermott sẽ phân giải những vấn đề này theo ý mình bằng một tiến độ khiến người ta phải từ bỏ hy vọng. Y cười toe toét, lần thứ hai thoáng để lộ hàm răng nhỏ màu ngọc.

“Mày có hiểu được thông điệp của tao không?” y hỏi một cách tinh nghịch.

Cái không khí yên bình vây quanh Gurney đang tan biến. Anh biết rằng trả lời câu hỏi không khéo sẽ tạo ra vấn đề lớn. Không trả lời cũng sẽ như vậy. Anh hy vọng Dermott chỉ đang đề cập đến hai thứ gọi là ‘thông điệp’ tìm thấy ở khu trọ The Laurels.

“Anh muốn nói đến cái chữ nho nhỏ của anh trích từ phim The Shining ư?”

“Đó là một,” Dermott nói.

“Tất nhiên là việc đăng ký phòng bằng tên ‘ông bà Scylla’ rồi.” Gurney nghe có vẻ chán chường.

“Đó là hai. Còn thông điệp thứ ba mới là hay nhất, mày có thấy vậy không?”

“Tôi nghĩ thông điệp thứ ba rất ngu ngốc,” Gurney vừa nói vừa tránh né một cách vô vọng, tìm nhanh trong ký ức hình ảnh căn nhà trọ lập dị và người chủ đồng sở hữu của nó, Bruce Wellstone.

Lời nhận xét của anh làm phát sinh một tia lửa giận dữ trong Dermott, theo sau là một thái độ sành sỏi. “Tao tự hỏi có thực là mày biết tao đang nói

chuyện gì hay không, thanh tra?”

Gurney kìm nén cái thôi thúc muốn phản đối trong người. Anh đã khám phá ra rằng thường thì im lặng là cách hù dọa tốt nhất. Và khi không nói chuyện, ta sẽ dễ suy nghĩ hơn.

Chuyện kỳ lạ duy nhất mà anh nhớ Wellstone nói hình như có liên quan đến chim chóc hay ngấm chim gì đó, đại loại mấy thứ đó vào thời điểm này trong năm là không hợp lý. *Lũ chim đó là loại chim khi gió gì nhỉ? Và cái gì liên quan đến con số ấy? Cái gì đó liên quan đến số chim...*

Dermott càng lúc càng bứt rứt không yên. Đã đến lúc cầu may một lần nữa.

“Lũ chim chứ gì,” Gurney nói một cách ranh ma. Ít ra anh hy vọng mình nói có vẻ ranh ma chứ không vô nghĩa. Cái gì đó trong mắt Dermott mách bảo anh rằng cú cầu may đó có lẽ có liên quan. Nhưng liên quan như thế nào? Rồi sao nữa? Lũ chim thì có gì quan trọng? *Thông điệp đó là gì? Không phải thời điểm trong năm để làm gì? Chim mỏ to ức hồng! Chính là chúng! Nhưng vậy thì sao? Chim mỏ to ức hồng thì liên quan đến thứ gì?*

Anh quyết định thúc đẩy lời hù dọa và xem thử nó dẫn đến đâu. “Chim mỏ to ức hồng,” anh nói kèm một cái nháy mắt bí hiểm.

Dermott ra sức che đậy ánh mắt ngạc nhiên bên dưới một nụ cười kẻ cả. Gurney ước với Chúa cho anh hiểu ra chuyện này, cho anh biết được những gì mình đang giả vờ biết. Cái con số chết tiệt mà Wellstone đề cập đến là gì nhỉ? Anh không biết phải nói gì tiếp theo, không biết phải lảng tránh một câu hỏi trực tiếp như thế nào nếu nó đến. Nhưng không có câu hỏi.

“Tao không nhìn lầm mày,” Dermott nói một cách tự mãn. “Từ cuộc nói chuyện đầu tiên giữa tao và mày thì tao đã biết mày thông minh hơn hầu hết các thành viên khác trong bộ lạc khi đầu chó của mày rồi.”

Y ngừng một chập, gật gù với chính mình một cách hưng phấn thấy rõ.

“Tốt lắm,” y nói. “Một con dã nhân thông minh. Vậy mày biết thường thức những gì mày sắp sửa thấy rồi. Thật ra thì, tao nghĩ tao sẽ làm theo lời khuyên của mày. Dù gì thì đêm nay cũng là một đêm rất đặc biệt mà – một

đêm hoàn hảo cho đôi dép thần.” Vừa nói, y vừa lùi lại về phía một chiếc tủ đựng quần áo nằm sát vách tường bên kia phòng. Mắt vẫn không rời Gurney, y mở ngăn tủ trên cùng và lôi ra, thận trọng thấy rõ, một đôi giày. Kiểu giày này làm Gurney nhớ lại đôi giày lễ phục không dây, kích cỡ gót trung bình mà mẹ anh từng mang đi lễ nhà thờ – có khác chẳng là đôi này được làm bằng thủy tinh màu hồng ngọc, loại thủy tinh lấp lánh như màu máu trong mờ dưới ánh sáng dịu.

Dermott hích khuỷu tay đóng ngăn tủ lại rồi trở lại giường cùng đôi giày trong một tay, khẩu súng trong tay kia vẫn chìa vào Gurney.

“Cảm ơn mày đã góp ý nhé, thanh tra. Mày mà không đề cập đến đôi dép thì tao đã quên bég mất rồi. Phần lớn những người trong tình cảnh như mày đâu có được việc đến thế.” Thái độ giễu cợt ra mặt trong câu nói đó, theo Gurney, là muốn truyền tải cái thông điệp rằng Dermott đang hoàn toàn làm chủ tình thế nên ai nói gì hay làm gì y cũng có thể dễ dàng khai thác theo hướng có lợi cho mình. Y cúi người xuống giường tháo đôi dép phòng ngủ bằng nhung kẻ đã sờn mà bà già đang mang ra, rồi xỏ vào đôi dép đỏ lấp lánh. Chân bà ta nhỏ và đôi giày đi vào dễ dàng.

“Vịt Dickie sắp đi ngủ chưa?” bà già hỏi, như một cô bé đang lặp lại đoạn cô tích yêu thích nhất.

“Nó sẽ giết con rắn và cắt đầu con rắn ra. Rồi vịt Dickie sẽ đi ngủ,” y đáp lại bằng một giọng ê a.

“Dickie bé bỏng của ta ở đâu này giờ thế?”

“Giết con gà trống để cứu con gà mái.”

“Tại sao Dickie lại làm vậy chứ?”

“Vì màu máu đỏ không phai / như ai tô điểm một bông hoa hồng. / Để ai cũng phải nằm lòng / gieo gì gặt nấy, đừng hòng cậy ai.”

Dermott nhìn bà già một cách trông đợi, như thể cuộc trao đổi mang tính nghi thức này vẫn chưa xong. Y cúi người về phía bà ta, nhắc vở cho bà ta bằng một giọng thì thầm rõ to, “Tối nay Dickie sẽ làm gì?.”

“Tối nay Dickie sẽ làm gì?” bà ta hỏi cũng bằng cái giọng thì thầm thì ấy.

“Nó sẽ gọi lũ quạ tới cho đến khi bọn chúng chết sạch. / Rồi vịt Dickie sẽ đi ngủ.”

Bà ta mơ màng đưa đầu ngón tay lên bộ tóc giả kiểu Goldilocks^[25], như thể đang tưởng tượng mình đang sắp xếp tóc theo một phong cách thanh thoát nào đó. Nụ cười trên mặt bà ta làm Gurney nhớ tới con nghien đang lên cơn.

Dermott cũng đang quan sát bà ta. Ánh mắt ghê tởm của y không giống ánh mắt một người con, đầu lưỡi đưa ra thụt vào giữa hai môi như một con ký sinh trùng lơ lửng. Rồi y chớp mắt nhìn quanh phòng.

“Tao nghĩ mình bắt đầu được rồi,” y nói rạng rỡ. Y leo lên giường và bò ngang qua chân bà già đến bên kia giường, tiện tay lấy con ngỗng từ cái rương đựng của hồi môn. Y yên vị sát đồng gối bên cạnh bà ta rồi đặt con ngỗng lên đùi. “Sắp xong rồi.” Niềm hân hoan trong lời cam đoan này rất hợp với một người đang đặt một ngọn nến lên ổ bánh sinh nhật. Tuy nhiên, những gì y đang làm lại là nhét khẩu súng vào một cái lỗ khoét sâu trên lưng con ngỗng, ngón tay vẫn yên vị trên cò súng.

Trời ạ, Gurney nghĩ. Hẳn hẳn Mark Mellery bằng cách này sao? Phần lông nhồi sót lại trong vết thương ở cổ và trong vũng máu dưới đất là như vậy sao? Lẽ nào trong giây phút tử thần Mellery lại nhìn chăm chăm vào một con ngỗng chết giẫm ư? Bức tranh gớm ghiếc đến nỗi anh phải nuốt cái thôi thúc không thể cưỡng lại vào để khỏi bật cười. Hay đó là một cơn co thắt của sự hoảng sợ? Cảm xúc đó là gì thì nó cũng đến bất ngờ và mạnh mẽ. Bản thân anh đã đối mặt với nhiều kẻ điên – những kẻ bạo dâm, những kẻ giết người vì đủ loại động cơ tình dục, những kẻ bệnh hoạn gây án bằng gậy dùi đục, kể cả những kẻ ăn thịt người – nhưng chưa bao giờ anh buộc phải tìm ra giải pháp cho một cơn ác mộng phức tạp đến thế trong khi đang cách một viên đạn ngay óc chỉ một cái bóp cò.

“Trung úy Nardo, xin đứng dậy. Đến giờ mày vào rồi.” Giọng Dermott nghe kịch, gở và đầy mỉa mai.

Bằng một giọng thì thầm nhỏ đến nỗi thoát đầu Gurney không rõ mình đang nghe hay đang tưởng tượng, bà già bắt đầu lau bầu, “Vịt Dickie-

Dickie-Dickie. Vịt Dickie-Dickie-Dickie. Vịt Dickie-Dickie-Dickie.” Nghe giống tiếng đồng hồ đang tích tắc hơn là giọng con người.

Gurney nhìn Nardo mở hai tay ra, duỗi rồi nắm chặt các ngón tay lại với nhau. Anh ta đứng dậy từ vị trí đang ngồi trên sàn dưới chân giường bằng sức bật của một người đàn ông đang trong trạng thái thể chất tốt nhất. Cái liếc lạnh băng của anh ta chuyển qua lại giữa cặp đôi lạ lẫm trên giường và Gurney. Anh ta có ngạc nhiên trước cảnh tượng trước mắt hay không thì bộ mặt chai lì vẫn không biểu lộ. Rõ một điều duy nhất là, từ cách anh ta nhìn con ngỗng và cánh tay của Dermott đằng sau nó, anh ta đã thấy được súng đang nằm ở đâu.

Đáp lại, Dermott bắt đầu vượt lưng con ngỗng bằng bàn tay còn trống. “Câu hỏi cuối cùng, trung úy, liên quan đến ý định của mày trước khi ta bắt đầu. Mày có định làm theo những gì tao nói không?”

“Nhất định rồi.”

“Tao xem câu trả lời đó có giá trị bề ngoài thôi. Tao sẽ cho mày một loạt các chỉ thị. Mày phải làm theo y như vậy. Rõ chưa?”

“Rõ.”

“Nếu tao là người ít có lòng tin hơn thì đã nghi ngờ thái độ nghiêm túc của mày đấy. Nhưng tao hy vọng mày nhận thức được tình hình. Để tao đặt hết chỗ bài của tao lên bàn để tránh phát sinh thêm hiểu lầm nào khác nhé. Tao đã quyết định giết mày. Chuyện đó không còn phải bàn cãi gì nữa rồi. Câu hỏi duy nhất còn lại là khi nào tao sẽ giết mày. Về mặt này thì tùy vào mày vậy. Tao nói này giờ mày có hiểu không?”

“Mày giết tao. Còn tao quyết định khi nào bị giết.” Nardo nói bằng giọng khinh bỉ chán chường dường như làm Dermott rất khoái chí.

“Đúng rồi, trung úy. Bị giết khi nào là do mày quyết định.

Nhưng dĩ nhiên chỉ đến chừng mực nào đó thôi vì, sau cùng thì chuyện gì cũng sẽ có kết cục thích hợp. Chưa đến lúc đó thì mày vẫn có thể sống nhăn mà nói những gì tao kêu mày nói và làm những gì tao kêu mày làm. Vẫn theo kịp chứ?”

“Ừ.”

“Xin nhớ cho, bất cứ lúc nào mà y cũng có quyền lựa chọn được chết ngay tại chỗ nếu mà y giở thủ đoạn không nghe theo chỉ thị của tao. Phục tùng sẽ thêm nhiều khoảnh khắc quý báu vào mạng sống của mà y. Chống cự sẽ rút ngắn nó lại. Dễ hiểu quá rồi phải không?”

Nardo nhìn y không chớp mắt.

Liệu chừng cái xung động cảm xúc giữa hai người sẽ bùng nổ trong vài giây nữa, Gurney trượt hai bàn chân lùi về sau chân ghế một vài phân để đặt mình vào tư thế tốt nhất để có thể đẩy người về phía giường bất cứ lúc nào.

Dermott thôi vuốt ve con ngõng. “Làm ơn để chân lại chỗ cũ,” y nói mà mắt vẫn không rời Nardo. Gurney làm theo mà nể phục tầm nhìn ngoại biên của Dermott. “Nếu mà y nhúc nhích lần nữa, tao sẽ giết hai đứa bay mà không nói năng gì nữa. Nào, trung úy,” Dermott điềm nhiên nói tiếp, “nghe cho kỹ nhiệm vụ của mà y đây. Mà y sẽ đóng một vở kịch. Tên của mà y là Jim. Vở kịch này nói về Jim cùng vợ và con trai lão. Vở kịch này ngắn và đơn giản lắm, nhưng nó có một kết cục với sức ảnh hưởng rất mạnh mẽ đấy.”

“Ta phải đi đái,” người đàn bà nói bằng giọng nhừa nhựa, đầu ngón tay lại lướt băng quơ trên những lọn tóc vàng xoăn tít.

“Ồn thôi mẹ ạ,” y trả lời mà không nhìn bà ta. “Mọi chuyện sẽ ổn cả. Mọi chuyện sẽ diễn ra theo cách vốn dĩ của nó.” Dermott chỉnh vị trí con ngõng trên đùi gã một chút để,

Gurney nghĩ, tinh chỉnh chỗ ngắm của khẩu súng bên trong vào Nardo. “Tất cả sẵn sàng chưa?”

Nếu cái nhìn vững vàng của Nardo là nọc độc, thì Dermott đã chết đến ba lần. Nhưng đằng này chỉ thấy một vẻ chập chờn quanh miệng anh ta, có thể là một nụ cười, một cái giật nảy, hoặc là một chút hào hứng.

“Tao xem sự im lặng của mà y lần này nghĩa là đồng ý. Nhưng chỗ bạn bè tao cảnh cáo trước. Từ giờ trở đi nếu còn phản ứng mơ hồ nữa thì vở kịch lần mạng mà y sẽ kết thúc ngay. Mà y hiểu tao không?”

“Hiếu.”

“Tốt. Mở màn. Bắt đầu vở kịch. Thời gian trong năm là cuối thu. Thời gian trong ngày là lúc xế chiều, trời đã tối. Thời tiết khá lạnh, ngoài trời có tuyết dưới đất, có băng nữa. Thật sự thì cái đêm đó rất giống với đêm nay. Hôm nay được nghỉ nên cả ngày mà ở trong quán rượu gần nhà bù khú với đám bợm nhậu bạn mà. Hể được nghỉ là mà lại như vậy. Vở kịch bắt đầu khi mà về nhà. Mà đi lão đảo vào phòng ngủ của vợ. Mặt mà đỏ bừng giận dữ. Mặt mà lờ đờ nhìn rất ngu. Mà đang cầm một chai uýt ki trong tay.” Dermott chỉ chai Bốn Hoa Hồng trên chiếc rương. “Mà dùng cái chai đằng kia kìa. Cầm lên ngay đi.”

Nardo bước về phía trước cầm chai lên. Dermott gật đầu ưng ý. “Theo bản năng, mà xem cái chai là một vũ khí tiềm tàng. Diễn tốt lắm, rất nhập vai. Mà rất có năng khiếu đồng cảm với suy nghĩ của nhân vật đấy. Bây giờ, cầm chai trong tay, mà đứng dậy, quơ qua quơ lại, dưới chân giường của vợ. Mà nổi khùng, sừng sộ nhìn vợ và đứa con trai bé bỏng của bà ấy cùng con ngỗng nhồi bông của nó trên giường. Mà nhe răng ra như một con chó đại đần độn.” Dermott ngừng lại quan sát mặt Nardo. “Cho tao xem mà nhe răng nào.”

Môi Nardo mím lại rồi hé ra. Gurney có thể thấy cơn thịnh nộ trong vẻ mặt đó hoàn toàn không giả tạo chút nào.

“Đúng rồi!” Dermott hớn hở. “Tuyệt lắm! Mà thực sự có khiếu đấy. Bây giờ mà đứng đó, mắt đỏ ngầu, mồm đầy nước dãi, rồi mà quát vợ mà trên giường, ‘Nó làm cái đéo gì trong này?’ Mà chỉ vào mặt tao. Mẹ tao nói, ‘Bình tĩnh nào Jim, con cho em và vịt Dickie xem cuốn truyện tranh của nó thôi mà’. Mà nói, ‘Tao có thấy cuốn sách chó chết nào đâu’. Mẹ tao nói với mà, ‘Nhìn đi, nằm ngay trên bàn cạnh giường kìa’. Nhưng mà có một cái đầu rất bẩn thỉu, và nó hiện rõ trên bản mặt bẩn thỉu của mà. Mấy ý nghĩ bẩn thỉu của mà rỉ qua bộ da hôi hám của mà như mồ hôi nhớp nhúa. Mẹ tao nói với mà là mà say rồi, vào phòng kia ngủ đi nào. Nhưng mà lại cười đồ ra. Tao hét lên đuổi mà ra ngoài. Nhưng mà lại cười hết quần áo ra đứng đó tông ngỗng, lườm mẹ con tao. ‘Anh làm tôi buồn nôn’. Mẹ tao

hét vào mặt mày, quát lên bảo mày đừng có tởm lợm như vậy nữa, ra khỏi phòng đi. Mày nói, ‘Mày nói thẳng chó nào tởm lợm hả, con đĩ chó kia?’ Rồi mày đập bể chai uýt ki vào chân giường, rồi mày nhảy lên giường như một con dã nhân trần truồng tay cầm cái chai bể. Cái mùi uýt ki hôi hám muốn buồn nôn nồng nặc khắp phòng. Mình thấy mày hôi hám. Mày gọi mẹ tao là đĩ. Mày...”

“Bà ấy tên gì?” Nardo xen vào.

Dermott chớp mắt hai lần. “Không quan trọng.”

“Quan trọng chứ.”

“Tao nói không quan trọng.”

“Sao lại không?”

Dermott có vẻ sửng sốt trước câu hỏi này, tuy không nhiều. “Tên bà ấy là gì không quan trọng bởi vì mày chưa bao giờ sử dụng tên của bà ấy cả. Mày gọi bà ấy bằng thứ này thứ nọ, những thứ xấu xa, chứ chưa bao giờ dùng tên bà ấy. Mày chẳng bao giờ xem trọng bà ấy. Chắc đã lâu lắm rồi mày chưa nói tên bà ấy nên tên bà ấy là gì mày cũng không còn nhớ nữa.”

“Nhưng mày biết tên của bà ấy mà, đúng không?”

“Tất nhiên là biết. Bà ấy là mẹ tao mà. Tất nhiên tao biết tên mẹ tao.”

“Vậy là tên gì?”

“Không quan trọng với mày. Mày không cần biết.”

“Nhưng tao vẫn muốn biết.”

“Tao không muốn tên bà ấy có trong cái đầu bẩn thỉu của mày.”

“Nếu muốn tao giả làm chồng bà ấy thì tao phải biết tên bà ấy.”

“Mày chỉ cần biết những gì tao muốn mày biết thôi.”

“Tao không làm được nếu chưa biết tên người phụ nữ đó. Tao không cần biết mày nói gì – vợ của tao mà tao còn không biết tên thì còn ý nghĩa khi nói gì nữa.”

Gurney không rõ Nardo đang định bày trò gì.

Phải chăng anh ta cuối cùng đã nhận ra mình đang được chỉ đạo dựng lại vụ say rượu hành hung của Jimmy Spinks đối với Felicity Spinks đã xảy ra 24 năm trước trong ngôi nhà này? Phải chăng anh ta đã nhận ra tên Gregory Dermott này, người đã mua căn nhà này một năm trước, rất có thể là đứa con của Jimmy và Felicity – đứa bé tám tuổi mang họ Spinks mà Sở An sinh Xã hội đã cứu mang sau hậu quả để lại từ thảm họa gia đình ấy? Phải chăng anh ta đã hiểu ra bà già trên giường có vết sẹo trên cổ gần như chắc chắn là Felicity Spinks – người đã được đứa con trai trưởng thành nhận lại từ một cơ sở điều dưỡng lâu dài nào đó mà bà ta buộc phải vào sau chấn thương do bị hành hung?

Phải chăng Nardo đang hy vọng có thể thay đổi được cách vận hành chết người của vở ‘tiểu phẩm’ đang diễn ra bằng cách làm hé lộ nội dung của nó? Anh ta đang tìm cách tạo ra một sự phân tâm về mặt tâm lý chẳng, với hy vọng tìm ra được lối thoát nào đó? Hay anh ta chỉ đang mò mẫm trong màn đêm – tìm cách kéo dài thời gian càng lâu càng tốt, bằng mọi cách có thể, bất luận Dermott đang nghĩ gì?

Dĩ nhiên, còn một khả năng khác. Việc Nardo đang làm gì, và Dermott đang phản ứng lại như thế nào, cũng có thể chẳng có ý nghĩa về mặt lý trí. Đây có thể là kiểu tranh chấp ngoài lề vụn vặt đến nực cười khiến mấy đứa con trai phải đánh nhau bằng xẻng nhựa trong khu vực chơi cát và khiến mấy gã đàn ông giận dữ phải ẩu đả nhau đến chết trong quán rượu. Với tâm trạng đang bất an, Gurney nghi ngờ suy đoán cuối cùng này cũng có khả năng như bất kỳ suy đoán nào.

“Mày nghĩ nó có ý nghĩa gì hay không thì cũng không quan trọng,” Dermott vừa nói vừa chỉnh góc nhìn của con ống thêm một đoạn khoảng 6 mi li mét, mắt ngắm cố định vào cổ họng Nardo. “Mày nghĩ gì cũng không quan trọng. Đến lúc mày cởi quần áo ra rồi.”

“Cho tao biết tên bà ấy đã.”

“Đến lúc mày cởi quần áo ra rồi, xong đập vỡ cái chai rồi nhảy lên giường như một con dã nhân trần truồng. Như một con quái vật đàn độn, nhỏ dãi, gớm ghiếc.”

“Bà ấy tên gì?”

“Đến lúc rồi.”

Gurney thấy một cử động nhẹ ở phần cơ trên cẳng tay Dermott – điều đó có nghĩa ngón tay của y đang ghì chặt hơn vào cò súng.

“Cứ cho tao biết tên bà ấy đi nào.”

Tất cả sự nghi ngờ của Gurney trước đó giờ đây đã biến mất. Nardo đã vạch rõ giới hạn, và toàn bộ khí phách đàn ông của mình – thật ra là cả sinh mạng – được đầu tư hết vào việc buộc đối thủ phải trả lời câu hỏi của anh ta. Dermott, tương tự như vậy, cũng đầu tư 100 phần trăm vào việc duy trì quyền kiểm soát. Gurney tự hỏi liệu Nardo có hiểu được tầm quan trọng của vấn đề giành quyền kiểm soát đối với gã đàn ông mà anh ta muốn đối mặt hiên ngang lúc này hay không? Theo Rebecca Holdenfield – thật ra là, theo những ai biết chút ít về những tay giết người hàng loạt – quyền kiểm soát là một mục tiêu đáng đánh đổi bằng bất kỳ cái giá nào, bằng bất kỳ rủi ro nào. Quyền kiểm soát tuyệt đối – cùng với cảm giác toàn trí và toàn năng nó tạo ra – là cảm giác phần chấn tối hậu. Hiên ngang đe dọa mục tiêu đó trong khi không có súng trong tay là tự sát.

Dường như không thấy được chi tiết này nên Nardo một lần nữa lại đặt mình vào vị trí cách cái chết chỉ vài gang tấc, và lần này Gurney không thể cứu anh ta bằng cách quát anh ta phải phục tùng mệnh lệnh một lần nữa. Chiến thuật đó sẽ không có tác dụng lần thứ hai.

Sát khí lúc này như đám mây bão bão đang hồi hả di chuyển vào mắt Dermott. Gurney chưa bao giờ cảm thấy bất lực đến thế. Anh không nghĩ ra được cách nào để chặn ngón tay đặt trên cò súng kia.

Đúng lúc đó anh nghe được tiếng nói ấy, trong trẻo và mát rượi như bạc ròn. Tiếng nói đó, không còn nghi ngờ gì nữa, là giọng nói của Madeleine, nói lên một thứ nhiều năm trước cô đã nói với anh vào dịp anh cảm thấy bế tắc trước một vụ án tưởng chừng vô vọng.

“Chỉ có một cách duy nhất để thoát ra khỏi ngõ cụt.”

Dĩ nhiên rồi, anh nghĩ. Hiển nhiên đến mức nực cười. *Chỉ cần đi theo hướng ngược lại.*

Ngăn chặn một tên đang tràn trề nhu cầu giành quyền kiểm soát tuyệt đối – tràn trề nhu cầu phải giết chóc để đạt được quyền kiểm soát đó – đòi hỏi ta phải làm ngược lại hoàn toàn những gì bản năng mách bảo. Và với câu nói của Madeleine trong vắt như nước suối trong đầu, anh đã thấy được cần phải làm gì. Cách này quái gở, vô trách nhiệm rành rành, và khó có thể biện hộ được về mặt luật pháp nếu thất bại. Nhưng anh biết nó sẽ có tác dụng.

“Luôn đi! Luôn đi, Gregory!” anh xuýt xoa. “Bắn hãn đi nào!”

Hai người đàn ông trước mắt anh có chung một giây phút ngỡ ngàng. Họ dường như đang cố gắng tiếp thu những gì vừa nghe, như đang cố hiểu tại sao lại có tiếng sét giữa trời quang. Tầm ngắm chết người của Dermott vào Nardo dao động, và hướng khẩu-súng-trong-con-ngỗng di chuyển một chút về phía Gurney đang ngồi ở chỗ ghế sát tường.

Dermott nhếch mép theo cái kiểu bệnh hoạn giả vờ cười của y. “Mày nói gì cơ?” Trong thái độ lãnh đạm giả tạo ấy, Gurney cảm nhận được một sự run rẩy khó chịu.

“Mày nghe tao nói rồi đấy, Gregory,” anh nói. “Tao bảo mày bắn hãn đi.”

“Mày... bảo... tao ư?”

Gurney thở dài giả vờ nôn nóng. “Mày làm phí thời gian của tao đấy.”

“Phí...? Mày nghĩ mày đang làm cái khi gió gì hả?” Khẩu- súng-trong-con-ngỗng di chuyển tiếp về hướng Gurney. Thái độ lãnh đạm đã biến mất.

Mắt Nardo đang mở to ra. Gurney cảm thấy rất khó đánh giá cái cảm xúc lẫn lộn đằng sau vẻ mặt ngờ ngác đó. Như thế Nardo mới chính là người yêu cầu được biết chuyện, Gurney quay sang nói với anh ta bằng tất cả khả năng ứng khẩu của mình, “Gregory thích giết ai làm hãn nhớ đến người bố của hãn.” Có một âm thanh ghen ngào trong cổ họng Dermott, như lời nói hay tiếng khóc muốn bật ra thì bị kẹt ngay đó. Gurney vẫn cương quyết tập trung vào Nardo và nói tiếp cũng bằng cái giọng hờ hững ấy. “Có điều, lâu lâu hãn lại cần người ta động viên một chút. Vì lâu lâu lại sa lầy trong quá trình đó

mà. Và khổ nỗi, hẳn thường phạm sai lầm. Hẳn không khôn lanh như hẳn tưởng đâu. Ôi trời ạ!” Anh ngừng lại nhìn Dermott và cười dò xét. Cơ hàm của y lúc này đã lộ rõ. “Câu này nghe có được không? *Gregory Spinks bé bỏng dễ thương – vốn chẳng khôn lanh như hẳn tưởng*. Sao hả, Gregory? Mà y có nghĩ đây có thể là một bài thơ mới không?” Suýt nữa anh đã nháy mắt với tên giết người lơnh lẹo nhưng lại nhận thấy làm vậy có lẽ là đi hơi xa.

Dermott nhìn anh chăm chăm bằng một vẻ căm hận, bối rối, kèm theo một thứ khác. Gurney đã hy vọng đó là một loạt các câu hỏi mà một tay thích kiểm soát rất muốn theo đuổi trước khi giết người đàn ông duy nhất có khả năng trả lời những câu hỏi đó. Lời tiếp theo của Dermott, với ngữ điệu căng thẳng, cho anh hy vọng.

“Sai lầm ư?”

Gurney gật đầu vẻ tiếc nuối. “Tao e là khá nhiều sai lầm đấy.”

“Mày nói láo, thanh tra. Tao không bao giờ phạm sai lầm cả.”

“Không ư? Vậy thì mày gọi mấy thứ đó là gì, nếu không phải là sai lầm? Gọi là những vụ be bét của Vịt Dickie Bé Bông ư?”

Vừa nói, anh vừa tự hỏi liệu có phải mình đã đi bước đi chết người ấy không. Nếu vậy, tùy viên đạn bắn vào anh ở chỗ nào, anh có lẽ sẽ không bao giờ biết được. Dù sao thì cũng không còn lối rút an toàn nào nữa. Một luồng sáng tạo thành bởi những dao động cực nhỏ làm xáo trộn khóe miệng của Dermott. Ngả người ngược ngạo ra sau trên chiếc giường đó, y dường như đang nhìn Gurney chòng chọc từ một tầm cao ở địa ngục.

Thực ra Gurney chỉ biết một sai lầm mà Dermott đã phạm phải – một sai lầm liên quan đến tấm séc của Kartch, mà anh cuối cùng đã nhận ra cách đó chỉ mới mười lăm phút khi nhìn khung hình chứa bản sao tờ séc đặt trên chiếc bàn đỡ đèn ngủ. Nhưng giả dụ anh nói đã nhận ra sai lầm đó và tầm quan trọng của nó ngay từ đầu rồi thì sao? Làm vậy sẽ tạo ra hiệu ứng gì đối với kẻ luôn khao khát muốn tin mình đang hoàn toàn kiểm soát tình thế?

Một lần nữa châm ngôn của Madeleine bùng lên trong tâm trí anh, nhưng với ý nghĩa ngược lại. Nếu anh không thề lùi lại, thì hãy chạy hết tốc lực về phía trước. Anh quay sang Nardo, như thể tên giết người hàng loạt trong phòng có thể bị lờ đi như không.

“Một trong những vụ be bét ngớ ngẩn nhất của hãn là đưa cho tôi tên những người đã gửi séc cho hãn. Trong số đó có một tên là Richard Kartch. Có điều, Kartch gửi séc trong phong bì trơn không kèm thư ghi chú, nên chỉ có thể xác định được người nhận qua tên in trên séc thôi. Tên trên séc là R. Kartch, và chữ ký cũng như vậy. Chữ R có thể viết tắt cho Robert, Ralph, Randolph, Rupert, hay một chục tên khác đều được. Nhưng Gregory lại biết nó là chữ viết tắt của Richard – đồng thời lại khai mình không quen biết hay có thông tin gì của người gửi ngoài tên và địa chỉ trên séc – chính là tờ séc tôi tìm thấy trong mớ thư từ nhà Kartch ở Sotherton. Từ sự không nhất quán đó, tôi biết ngay hãn nói dối. Còn lý do thì quá hiển nhiên rồi.”

Nardo không chịu đựng nổi sự thật này. “Anh biết hả? Vậy thì tại sao lại không nói mẹ với chúng tôi để chúng tôi còn tóm hãn?”

“Bởi vì tôi biết chuyện hãn đang làm và lý do hãn làm vậy, nhưng tôi thì lại không có hứng thú chặn hãn lại.”

Nardo trông như anh ta vừa bước vào một vũ trụ khác mà ở đó ruồi lại đi đập người.

Một tiếng lạch cạch đột ngột kéo sự chú ý của Gurney trở lại chỗ giường. Bà già đang va đôi giày thủy tinh màu đỏ vào nhau như Dorothy đang rời khỏi Oz trên đường về nhà ở Kansas. Khẩu-súng-trong-con-ngõng trên đùi Dermott giờ đây chĩa trực tiếp vào Gurney. Dermott đang gắng sức – hoặc như Gurney hy vọng thì y ít ra cũng buộc phải gắng sức – tỏ ra không hề nao núng trước câu chuyện về Kartch đã bị tiết lộ. Y nói rõ từng lời của mình bằng một sự tỉ mỉ rất riêng.

“Mày chơi trò gì cũng được, thanh tra ạ, tao là người kết thúc nó.”

Gurney, với toàn bộ kinh nghiệm diễn xuất trong vai trò năm vùng có thể mang ra sử dụng trong giây phút này, cố gắng nói bằng sự tự tin của một

người đàn ông đang nhắm một khẩu Uzi ngăm vào ngực kẻ thù. “Trước khi muốn dọa ai,” anh nói nhẹ nhàng, “mày phải hiểu rõ tình hình đã chứ.”

“Tình hình ư? Tao bắn, mày chết. Tao bắn lần nữa, nó chết. Lũ khi đầu chó từ cửa xông vào, chúng chết. Tình hình là vậy.”

Gurney nhắm mắt lại rồi ngả đầu vào tường, miệng buông tiếng thở dài. “Mày có biết... có khi nào biết...?” anh toan nói, rồi lắc đầu chán nản. “Không. Không, dĩ nhiên là không rồi. Làm sao mày biết được chứ?”

“Biết gì hả, thanh tra?” Dermott sử dụng danh hiệu đó một cách mỉa mai khoa trương.

Gurney cười phá lên. Đó là một cái cười thuộc kiểu loạn trí, mục đích để tạo ra nhiều câu hỏi mới trong đầu Dermott, nhưng thật ra cái cười đó lại được tiếp sức bởi một ngọn thủy triều của bao cảm xúc hỗn loạn đang dâng cao trong anh.

“Đoán xem tao đã giết bao nhiêu tên nào,” anh thầm thì, mắt trừng trừng nhìn Dermott bằng một cảm xúc ngây dại mãnh liệt – thầm nguyện tên này không nhận ra được mục đích đằng sau việc anh ứng khẩu dông dài trong vô vọng như vậy, thầm nguyện toán cảnh sát Wycherly sẽ sớm phát hiện ra Nardo đã mất tích. Vì lý do gì mà họ vẫn chưa phát hiện ra cơ chứ? Hay họ đã phát hiện rồi? Đôi giày thủy tinh tiếp tục va vào nhau lách cách.

“Bọn cớm ngu si lúc nào mà chả giết người,” Dermott nói. “Tao chả quan tâm gì sất.”

“Tao không nói đến người bình thường. Ý tao là những người như Jimmy Spinks kia. Đoán xem tao đã giết bao nhiêu tên như lão?”

Dermott chớp mắt. “Mày đang nói cái quái gì thế hả?”

“Tao đang nói đến chuyện giết mấy tên bợm nhậu. Loại bỏ ra khỏi thế giới những con thú nghiện rượu, tiết trừ căn bã của thế gian.”

Một lần nữa quanh miệng Dermott xuất hiện một rung động hầu như không thấy được. Anh đã có được sự chú ý của y, không còn nghi ngờ gì về điều đó. Giờ thì sao? Thôi thì cũng đã cười lên lưng hổ rồi. Không còn khả năng nào khác trước mắt. Anh buộc phải ứng khẩu.

“Đêm khuya nọ tại tổng trạm xe buýt ở Cảng vụ^[26], hồi mới vào nghề cảnh sát, tao được lệnh giải tán một vài người vô gia cư đứng ở lối sau. Một người không chịu đi. Cách xa 3 mét tao đã ngửi được mùi ực ki rồi. Tao nói với lão một lần nữa là ra khỏi tòa nhà, nhưng thay vì đi ra khỏi cửa, lão lại tiến về phía tao. Lão rút trong túi ra một con dao làm bếp – một con dao nhỏ, lưỡi răng cưa như loại dùng để cắt cam đấy. Lão vung dao dọa dẫm, tao ra lệnh bỏ dao xuống nhưng lão lờ đi. Có hai nhân chứng từ trong thang máy nhìn ra thấy cuộc đối đầu đó. Họ quả quyết là tao bắn lão vì tự vệ.” Anh ngừng lại mỉm cười. “Nhưng sự thật không phải vậy. Nếu muốn thì tao có thể trấn áp lão mà chẳng cần tốn chút hơi sức. Nhưng tao không làm vậy mà lại bắn vào mặt lão, bắn óc của lão lòi ra sau gáy. Mà biết tại sao tao làm vậy không, Gregory?”

“Vịt Dickie-Dickie-Dickie,” bà già nói bằng một nhịp điệu nhanh hơn nhịp điệu của đôi giày va đập vào nhau. Miệng Dermott mở hé một vài phân, nhưng y không nói gì.

“Tao làm vậy vì lão nhìn giống bố tao,” Gurney nói bằng một giọng cất cao lên vì giận dữ, “giống y như bố tao vào cái đêm ông ấy đập bình trà vào đầu mẹ tao – một cái bình trà ngu bỏ mẹ có vẽ một cái mặt hề ngu bỏ mẹ.”

“Bố mà y không phải là một người bố đúng nghĩa,” Dermott lạnh lùng nói. “Nhưng mà này, thanh tra ạ, mà y cũng có khác gì đâu.”

Câu tố cáo đểu giả ấy đã xóa đi mọi ngờ vực trong đầu Gurney về mức độ hiểu biết của Dermott. Vào giây phút đó, anh nghiêm túc xem xét đến phương án chịu lãnh một viên đạn vào người để có thể chộp cổ y.

Cái nhìn đểu cáng mạnh mẽ hơn. Có lẽ Dermott đã cảm nhận được sự khó chịu của Gurney. “Một người bố tốt phải bảo vệ đứa con trai bốn tuổi của mình, chứ không phải để xe cán nó rồi để tên tài xế chạy thoát.”

“Đồ cặn bã,” Gurney lầm bầm.

Dermott cười khùng khục, tưởng chừng như điên loạn vì thích thú. “Bậy quá, bậy quá, bậy quá – vậy mà tao cứ tưởng mà y là bạn tri âm kia chứ. Tao đã hy vọng hai chúng ta có thể đối đáp thơ kia chứ. Tao có bài hát nho nhỏ này dành cho cuộc trao đổi tiếp theo của chúng ta đây. Nghe rồi cho tao biết

ý kiến nhé. ‘Đụng xe cao chạy xa bay, / để tay cảnh sát mặt mày tả tơi. / Trở về làm lũi lẻ loi, / Mẹ thằng bé ấy nói lời gì đây?’ “

Một tiếng thú vật ma quái phóng ra khỏi ngực Gurney, một cơn thịnh nộ bị kìm nén đã bùng phát. Dermott sững người.

Nardo rõ ràng chờ giây phút phân tâm cao độ này đã lâu. Cánh tay phải đầy cơ bắp của anh ta xoay vọt lên cao theo một chuyển động vòng cung mạnh mẽ từ trên xuống, ném chai Bốn Hoa Hồng chưa khai bằng một lực cực mạnh nhằm vào đầu Dermott. Dermott cảm nhận được cú ném, nhưng chưa kịp quay đầu-súng-trong-con-ngõng về phía Nardo thì Gurney đã bật thẳng lên giường bằng một cú nhảy lặn chúi đầu, hạ cánh bằng ngực vào con ngõng, vừa kịp dứt chai dày cộm chứa đầy rượu uýt ki vỡ tan ngay chỗ thái dương Dermott. Khẩu súng phát nổ bên dưới Gurney, lấp đầy khoảng không quanh anh một tiếng nổ vỡ vụn của mớ lông ngõng. Viên đạn bay ngang bên dưới Gurney về phía bức tường nơi anh đã ngồi, xé vụn chiếc đèn ngủ trên bàn là nguồn sáng duy nhất trong phòng. Trong bóng tối anh nghe tiếng thở mạnh của Nardo qua kẽ răng. Bà già ré lên một tiếng khóc yếu ớt, một tiếng khóc có cao độ run rẩy, một tiếng khóc nghe như một bài hát ru chỉ nhớ được nửa đoạn. Rồi có tiếng va đập cực mạnh, và cánh cửa kim loại nặng trĩch của căn phòng bật tung ra, đu đưa, và đập vào tường – theo ngay sau là bóng dáng đồ sộ của một gã đàn ông và một bóng người thấp bé hơn sau lưng anh ta.

“Đứng im!” gã khổng lồ hét lớn.

Cái Chết Trước Bình Minh

Cảnh sát kỵ binh cuối cùng cũng tới – hơi trễ một chút, nhưng vậy cũng đã tốt. Với lý lịch thiện xạ của Dermott và sự háo hức muốn chất đống lũ quạ của gã, không chỉ cánh cảnh sát kỵ binh mà cả Nardo lẫn Gurney đều có thể bị đạn ghim vào cổ họng. Tiếp đó, khi tiếng súng khiến toàn bộ sở cảnh sát ủa vào căn nhà và Dermott mở van ra, dẫn clo và amoniac nén qua hệ thống chữa cháy tự động thì...

Thực tế thì, thương vong lớn duy nhất ngoại trừ chiếc đèn ngủ và khung cửa lại chính là Dermott. Cái chai, được ném đi bằng toàn bộ cơn thịnh nộ của Nardo trong trận chiến, đã đập vào người y bằng một lực đủ mạnh để gây ra một cơn hôn mê, như bề ngoài cho thấy. Trong một vụ bị thương nhẹ có liên quan, một mảnh thủy tinh cong văng ra từ cái chai khi bị va đập ghim vào đầu Gurney ở vùng trên trán.

“Chúng tôi nghe tiếng súng. Cái chó chết gì đang xảy ra ở đây vậy?” gã to con vừa càu nhàu vừa dòm vào căn phòng tối tăm thiếu ánh sáng.

“Mọi chuyện đã được kiểm soát rồi, Tommy,” Nardo nói, giọng thều thào cho thấy anh ta chưa phải là một phần của ‘mọi chuyện’. Trong ánh sáng lờ mờ đến từ khu vực bên kia căn hầm, Gurney nhận ra người sĩ quan nhỏ con lao vào theo gót Tommy To Con là Pat đầu húi cua có cặp mắt xanh màu acetylene. Cầm một khẩu súng lục 9 li nặng nề thủ thế và đưa mắt nhìn kỹ hiện trường xấu xí trên giường, cô ta bước loay hoay chậm chậm đến góc xa căn phòng rồi bật lên chiếc đèn ngủ nằm cạnh chiếc ghế bành lưng cao nơi bà già đã ngồi.

“Cho phép tôi đứng dậy đã nhé?” Gurney nói. Anh vẫn đang nằm ngang qua con ngỗng trên đùi Dermott.

Tommy To Con liếc nhìn Nardo.

“Ừm,” Nardo nói, răng vẫn còn siết chặt một phần. “Để anh ta đứng dậy đi.”

Khi anh cẩn thận đứng dậy khỏi giường, máu bắt đầu tuôn xối xả xuống mặt – một cảnh tượng có lẽ đã kìm hãm Nardo lại bằng không anh ta đã lao vào tấn công người đàn ông cách đây vài phút đã khuyến khích một tên điên giết người hàng loạt bắn anh ta.

“Chúa ạ,” Tommy To Con nói, mắt nhìn chăm chăm chỗ máu.

Lượng adrenaline dư dả trong người khiến Gurney không để ý đến vết thương. Anh sờ mặt thấy mặt ướt đến lạ; rồi anh xem bàn tay và thấy tay đỏ đến lạ.

Pat acetylene nhìn gương mặt của Gurney mà không có chút cảm xúc. “Sếp muốn gọi cứu thương đến đây không?” cô ta nói với Nardo.

“Ừ. Phải. Gọi đi,” anh ta nói không chút quả quyết.

“Cho bọn họ luôn ư?” cô ta hỏi, hất hàm nhanh về phía cặp đôi lạ lẫm trên giường. Đôi giày thủy tinh màu đỏ đập vào mắt cô ta. Cô ta nhú mắt lại như muốn xua đi một ảo ảnh thị giác.

Sau một chập lâu, anh ta làu bàu một tiếng ‘ừ’ ghê tởm.

“Sếp muốn gọi xe vào không?” cô ta vừa hỏi vừa chau mày nhìn đôi giày suy cho cùng trông giống thật đến đáng sợ.

“Gì hả?” anh ta nói sau khi ngừng thêm một chập nữa. Anh ta đang nhìn chăm chăm vào đồng tàn dư của cây đèn bị vỡ và lỗ đạn trên tấm thạch cao đằng sau nó.

“Ngoài kia có xe tuần tra và nhiều cảnh sát đang gõ cửa hỏi từng nhà. Sếp muốn gọi họ vào không?”

Quyết định này dường như khó khăn đối với anh ta hơn mọi khi. Cuối cùng anh ta nói. “Ừ, gọi họ vào đi.”

“Vâng,” cô ta nói rồi sải bước ra khỏi phòng.

Tommy To Con đang quan sát mức độ bị thương trên thái dương của Dermott với vẻ mặt ghê tởm thấy rõ. Chai Bốn Hoa Hồng nằm lộn ngược trên chiếc gối giữa Dermott và bà già, bộ tóc giả xoắn vàng của bà ta lệch sang một bên khiến phần đỉnh đầu trông như vừa bị vụn ra một phần tư đường tròn.

Khi Gurney đang chăm chăm nhìn cái nhãn chai đầy hình hoa, câu trả lời bỗng đến với anh mà trước đó anh không nghĩ ra. Anh đã nhớ ra Bruce Wellstone nói gì. Ông ta nói rằng Dermott (ông Scylla) nói gã thấy bốn con chim mỏ to ức hồng và đặc biệt nhấn mạnh con số bốn. Cụm từ bốn con chim mỏ to ức hồng khi ‘dịch ra’ đập vào tâm trí anh nhanh gần như lập tức: Bốn Hoa Hồng! Cũng giống như việc ký tên “Ông bà Scylla,” thông điệp này chẳng qua chỉ là một vũ điệu nho nhỏ để quảng bá cho sự khôn khéo của gã – Gregory Dermott muốn chứng tỏ gã có thể đùa giỡn dễ dàng với bọn cảnh sát xấu xa đần độn. Có giỏi thì bắt tao này.

Một phút sau, Pat trở lại, tác phong nhanh nhẩu đến nghiêm nghị. “Xe cứu thương đang trên đường tới. Đã rút xe tuần tra lại rồi. Việc thăm vấn từng nhà cũng đã hủy bỏ.” Cô ta nhìn chiếc giường một cách lạnh lùng. Bà già thì thoảng lại phát ra thứ âm thanh đầu đó giữa khóc than và ngân nga. Dermott nằm bất động, nước da nhợt nhạt bệnh hoạn. “Sếp chắc gã còn sống chứ?” cô ta hỏi với vẻ vô cảm thấy rõ.

“Tôi không biết,” Nardo nói. “Chắc cô phải đi xem thử.”

Vừa bấu môi, cô ta vừa bước lại chỗ Dermott dò xem có mạch ở cổ không.

“Ừ, gã còn sống. Còn bà ta thì bị sao vậy?”

“Đó là vợ của Jimmy Spinks. Cô có bao giờ nghe chuyện của Jimmy Spinks chưa?”

Cô ta lắc đầu. “Jimmy Spinks là ai thế?”

Anh ta trầm ngâm trong chốc lát. “Không có gì đâu.”

Cô ta nhún vai – như thể quên những chuyện như thế là một phần bình thường trong công việc.

Nardo chậm chậm hít vào một vài hơi sâu. “Tôi cần cô và Tommy lên lầu bảo vệ hiện trường. Bây giờ chúng ta đã biết cái thằng chó chết này là người giết mọi người rồi nên đội pháp y phải trở lại sàng lọc căn nhà.”

Cô ta và Tommy trao cho nhau những cái nhìn khó chịu nhưng đành rời phòng mà không tranh luận gì. Khi Tommy bước ngang qua Gurney, cậu ta nói thân mật như thể đang nhận xét về một mảnh gàu, “Anh có một miếng mảnh chai lòi ra chỗ đầu kia.”

Nardo chờ cho bước chân của họ leo lên cầu thang và cánh cửa tầng hầm đầu cầu thang đóng lại rồi mới lên tiếng.

“Lùi xa cái giường nào.” Giọng anh ta hơi đứt quãng.

Gurney biết anh đang được yêu cầu lùi ra khỏi chỗ số hung khí – khẩu súng của Dermott trong mớ lông ngỗng bị nổ tung, khẩu súng gắn ở mắt cá của Nardo trong túi của Dermott và chai uýt ki đáng sợ trên gối – nhưng anh làm theo mà không phản đối.

“Được rồi,” Nardo vừa nói vừa như đang cố gắng kiềm chế bản thân. “Tôi cho anh một cơ hội để giải thích.”

“Cho tôi ngồi xuống được không?”

“Anh muốn trông chuối cũng được, tôi đểch thêm quan tâm. Nói đi! Nhanh!”

Gurney ngồi chỗ ghế cạnh chiếc đèn bị vỡ vụn. “Lúc này hấn sắp bắn anh. Còn hai giây nữa là anh bị một viên vào họng rồi, còn không thì vào đầu hay tim. Chỉ có một cách duy nhất để chặn hấn lại.”

“Anh đâu có kêu hấn dừng tay. Anh kêu hấn bắn tôi cơ mà.” Nardo siết chặt nắm đấm đến nỗi Gurney thấy được cả đốm trắng trên khớp đốt.

“Nhưng hấn đâu có bắn, đúng chưa nào?”

“Nhưng anh kêu hấn bắn mà.”

“Bởi vì làm vậy là cách duy nhất để chặn hấn lại.”

“Cách duy nhất để chặn... Anh mất trí mẹ nó rồi hả?” Nardo đang quắc mắt nhìn như một con chó giết người đang chờ được thả ra.

“Sự thật là, anh còn sống.”

“Anh muốn nói tôi sống được là nhờ anh kêu hãn giết tôi ư? Cái thứ cứt đá diên khùng gì đây?”

“Động cơ giết người hàng loạt chủ yếu là vì quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tuyệt đối. Đối với tên Gregory diên khùng kia, điều đó có nghĩa là phải kiểm soát được không chỉ hiện tại và tương lai mà còn cả quá khứ. Hoạt cảnh mà hãn muốn anh diễn chính là bi kịch đã xảy ra trong căn nhà này cách đây 24 năm – nhưng có một khác biệt quan trọng. Thời đó Gregory còn nhỏ nên không làm gì được để ngăn bố hãn cắt cổ mẹ hãn. Bà ấy không bao giờ hồi phục hoàn toàn, và hãn cũng vậy. Bây giờ Gregory đã lớn nên muốn quay lại đoạn băng đó và làm lại từ đầu để hãn có thể thay đổi nó. Bố hãn từng làm gì thì hãn muốn anh làm y như vậy, tận đến đoạn giơ cái chai lên. Lúc đó hãn sẽ giết anh – để trừ khử cái tên bọm nhậu khùng khiếp đó, để cứu mẹ hãn. Mấy vụ án mạng khác cũng đều như vậy cả – muốn không chế rồi giết Jimmy Spinks bằng cách không chế rồi giết những tay bọm nhậu khác.”

“Gary Sissek có phải là bọm nhậu đâu.”

“Có lẽ không. Nhưng Gary Sissek đang làm trong ngành khi Jimmy Spinks vẫn còn làm cảnh sát, và tôi cá là Gregory nhận ra anh ta là bạn của bố mình. Thậm chí là một chiến hữu nhậu nhẹt cũng không chừng. Và có lẽ do hồi đó anh cũng còn trong ngành nên Gregory nghĩ anh là một người thế thân hoàn hảo – một cách hoàn hảo để hãn đi ngược lại và thay đổi lịch sử.”

“Nhưng anh lại kêu hãn bắn tôi cơ mà!” Giọng Nardo vẫn gay gắt, nhưng Gurney nhẹ nhõm nhận thấy sự quả quyết đằng sau nó đang yếu dần.

“Tôi kêu hãn bắn anh vì cách duy nhất để chặn một tên giết người thích kiểm soát người khác như vậy trong khi vũ khí duy nhất của anh là lời nói, là nói cái gì đó làm hãn ngừng vực chuyện hãn thực sự đang kiểm soát. Trong thế giới tưởng tượng mà hãn kiểm soát, hãn là người đưa ra toàn bộ quyết định – hãn là đấng toàn năng, và không ai có quyền lực cao hơn hãn. Đường bóng xoáy tốt nhất mà anh có thể ném vào một cái đầu như vậy là cái khả năng hãn đang làm y như những gì anh muốn. Đối chọi với hãn trực tiếp,

hắn sẽ giết anh. Xin hắn tha mạng, hắn sẽ giết anh. Nhưng bảo hắn rằng anh muốn hắn làm những gì hắn sắp làm thì anh sẽ ngắt được mạch điện.”

Nardo trông như đang cố gắng khó nhọc để tìm ra khuyết điểm trong câu chuyện. “Lúc đó anh nói nghe có vẻ... thật lắm. Giọng anh có sự căm thù, giống như anh thực sự muốn tôi chết vậy.”

“Nếu tôi không diễn thuyết phục thì chúng ta đã không ở đây mà nói chuyện rồi.”

Nardo đổi thái độ. “Còn vụ bắn giết ở Cảng vụ thì sao?”

“Vụ đó thì sao?”

“Anh bắn một lão vô công rồi nghề nào đó bởi vì lão làm anh nhớ đến người bố nát rượu của anh ư?”

Gurney mỉm cười.

“Có gì buồn cười nào?”

“Hai thứ. Thứ nhất: tôi chưa bao giờ công tác ở đâu gần Cảng vụ cả. Thứ hai: trong 25 năm công tác, tôi chưa bao giờ nổ súng cả, một lần cũng chưa.”

“Vậy mấy thứ đó đều là chuyện vợ vẫn cả?”

“Bố tôi đúng là nát rượu lắm. Đây cũng là chuyện... khó nói. Lúc nào ông ấy cũng như ở trên mây vậy. Còn chuyện bắn một kẻ lạ mặt thì có ích gì nhiều đâu chứ.”

“Vậy mục đích của mấy chuyện vợ vẫn đó là gì?”

“Mục đích ư? Chuyện gì xảy ra lúc này chính là mục đích đấy.”

“Nói vậy là nghĩa quái gì nào?”

“Ôi Chúa ạ, trung úy à, lúc đó tôi đang cố gắng giữ sự chú ý của hắn đủ lâu để anh có cơ hội làm gì đó với cái chai gần 1 ki lô gam trong tay anh đấy thôi.”

Nardo trân trân nhìn anh một cách hơi ngây dại, như thể toàn bộ lượng thông tin này không vừa vụn lã so với khoảng trống có sẵn trong não anh ta.

“Còn chuyện về thằng nhỏ bị xe đụng... có phải cũng là vợ vẫn luôn không?”

“Không. Chuyện đó là thật. Tên nó là Danny.” Giọng Gurney trở nên khản đặc.

“Người ta không bắt được tài xế ư?”

Gurney lắc đầu.

“Không có manh mối nào sao?”

“Một nhân chứng nói xe đụng con tôi là một chiếc BMW màu đỏ, đậu trước một quán rượu dọc đường suốt cả buổi trưa và cái tên bước từ quán ra xe rõ ràng là đang say rượu.”

Nardo suy ngẫm chuyện này trong chốc lát. “Không ai trong quán nhận được mặt hấn sao?”

“Họ khai trước đây chưa thấy hấn.”

“Chuyện xảy ra cách đây bao lâu rồi?”

“14 năm, tám tháng.”

Hai người lặng thinh trong vài phút, rồi Gurney lại cất lời bằng giọng nhỏ, do dự. “Lúc đó tôi đang dẫn nó đến sân chơi trong công viên. Có một con bồ câu đang đi trước mặt nó trên vỉa hè, và Danny đang theo con bồ câu. Lúc đó tôi lơ đãng. Đầu óc tôi đang bận nghĩ về một vụ án mạng. Con bồ câu đi xuống lòng đường, Danny đi theo nó. Lúc tôi nhìn thấy chuyện gì xảy ra thì đã quá muộn. Chuyện đã xong rồi.”

“Anh còn đứa nào không?”

Gurney ngập ngừng. “Với mẹ của Danny thì không.”

Rồi anh nhắm mắt lại, và không ai nói gì trong một lúc lâu. Nardo cuối cùng phá vỡ sự im lặng.

“Vậy nhất định Dermott là kẻ giết bạn anh rồi?”

“Chắc chắn,” Gurney nói. Anh bỗng nhận thấy sự kiệt quệ trong giọng hai người.

“Cả những người khác nữa?”

“Xem ra là như vậy.”

“Tại sao lại là bây giờ chứ?”

“Hả?”

“Tại sao lại chờ lâu đến vậy?”

“Chờ cơ hội. Cảm hứng. Cơ duyên. Theo tôi đoán thì hẳn đang thiết kế một hệ thống bảo mật cho một cơ sở dữ liệu lớn về bảo hiểm y tế thì chợt nghĩ có thể viết một chương trình trích ra tên tất cả những người đàn ông đã từng đi cai rượu. Điểm xuất phát là ở đó. Tôi ngờ là sau đó trong đầu hẳn lúc nào cũng lẩn quẩn những khả năng này, cuối cùng nghĩ ra kế hoạch khôn lanh của hẳn: tìm trong danh sách những người nào hay sợ sệt và nhẹ dạ chịu gửi mấy tấm séc đó. Những người mà hẳn có thể tra tấn bằng mấy bài thơ độc địa nho nhỏ của mình. Vào thời điểm nào đó, hẳn đưa mẹ mình ra khỏi viện dưỡng lão mà chính quyền bang đã đưa bà vào sau khi vụ hành hung làm bà ta tàn phế.”

“Hẳn đã ở đâu chừng ấy năm trước khi xuất hiện ở đây?”

“Ở một cơ sở của bang hoặc được ai đó nuôi dưỡng lúc còn nhỏ. Có thể là một con đường đầy chông gai. Làm quen với phần mềm máy tính vào thời điểm nào đó, tôi nghĩ là qua trò chơi điện tử, rồi bắt đầu giỏi vi tính lên. Giỏi lắm – sau cùng lấy bằng ở Học viện Công nghệ Massachusetts.”

“Và vào thời điểm nào đó hẳn đã đổi tên ư?”

“Có lẽ khi hẳn tròn 18. Tôi cá là hẳn rất ghét mang họ cha. Nhắc đến mới nói, nếu Dermott là nhũ danh của mẹ hẳn thì cũng không có gì lạ.”

Môi Nardo cong lên. “Nếu ngay từ đầu vụ lộn xộn bỏ mẹ này, anh nghĩ đến chuyện tìm tên hẳn trong cơ sở dữ liệu những người đổi tên thì hay biết mấy rồi.”

“Thực tế mà nói, không có lý do gì phải làm vậy cả. Vì dù có làm và biết được tên thời thơ ấu của Dermott là Spinks cũng không có ý nghĩa khi gì đối với những ai liên quan trong vụ án Mellery cả.”

Nardo trông như đang cố gắng lưu trữ tất cả những thông tin này lại để nghiền ngẫm khi đầu óc được thông thoáng hơn.

“Tại sao thằng điên chó đẻ này trở về Wycherly làm gì?”

“Bởi vì đây chính là hiện trường mẹ hắn bị hành hung cách đây 24 năm chẳng? Có lẽ do cái ý niệm viết lại quá khứ quái lạ ấy đang kiểm soát hắn chẳng? Có lẽ hắn nghe tin căn nhà cũ đang rao bán và không thể cưỡng lại được chẳng? Có lẽ trở lại đây hắn sẽ có cơ hội trả đũa không chỉ mấy tay bợm mà còn cả Sở Cảnh sát Wycherly nữa chẳng? Nếu hắn không chịu kể cho chúng ta nghe toàn bộ câu chuyện thì ta chẳng bao giờ biết chắc được. Tôi nghĩ khai thác Felicity cũng không được bao nhiêu đâu.”

“Đúng là không được bao nhiêu,” Nardo đồng ý, nhưng anh ta còn điều gì khác trong đầu nữa. Trông anh ta như đang bận tâm điều gì.

“Chuyện gì vậy?” Gurney hỏi.

“Hả? Không có gì. Không có gì đâu, thật mà. Tôi chỉ thắc mắc là... thực sự thì anh cảm thấy khó chịu đến mức nào đối với một kẻ đi trừ khử bợm nhậu?”

Anh không biết phải nói gì. Câu trả lời đúng có lẽ phải đề cập đến việc ta không thể ngồi một chỗ mà phán xét nạn nhân có đáng chết không. Câu trả lời yếm thế có thể là, anh quan tâm đến tính thử thách của trò chơi nhiều hơn là chuyện đạo lý, quan tâm nhiều hơn đến trò chơi hơn mạng người. Đẳng nào thì anh cũng không có hứng thú bàn vấn đề này với Nardo. Nhưng anh cảm thấy cần phải nói điều gì đó.

“Nếu anh muốn hỏi là tôi có thích thú chuyện ai đó gián tiếp trả thù tay tài xế say rượu đụng chết con tôi không, thì câu trả lời là không.”

“Anh chắc không?”

“Tôi chắc chắn.”

Nardo nhìn anh vẻ hoài nghi, rồi nhún vai. Câu trả lời của Gurney dường như không thuyết phục được anh ta, nhưng anh ta xem ra cũng không muốn truy cứu vấn đề này nữa.

Viên trung úy sắp nổ tung ấy dường như đã bị tịt ngòi. Toàn bộ buổi chiều sau đó dành cho việc sàng lọc những việc ưu tiên trước mắt và những thủ tục thường lệ khi kết thúc điều tra một vụ trọng án.

Gurney được đưa đến Bệnh viện Đa khoa Wycherly cùng với Felicity Spinks (nhũ danh Dermott) và Gregory Dermott (họ cũ Spinks). Trong khi bà mẹ nói năng không mạch lạc của Dermott, chân vẫn xỏ đôi dép thủy tinh hồng ngọc, được một trợ tá bác sĩ lạc quan chăm sóc, thì Dermott được đưa gấp sang khoa X quang trong tình trạng còn hôn mê.

Trong khi đó, vết thương sâu trong đầu Gurney được một cô y tá có tác phong xem ra thân mật khác thường chùi rửa, khâu và băng bó. Cái ấn tượng thân mật này càng rõ hơn trước giọng nói thì thầm của cô và khoảng cách rất gần giữa hai người khi cô đứng chăm sóc vết thương cho anh một cách nhẹ nhàng. Đây là một ấn tượng ‘muốn là được ngay’ mà anh cảm thấy rất thú vị trong những tình huống tẻo ngoe như thế. Mặc dù đó rõ ràng là một con đường đầy rủi ro, chưa kể điên rồ, chưa kể đáng thương hại, nhưng anh vẫn quyết định lợi dụng sự thân thiện của cô theo một cách khác. Anh đưa cô số điện thoại di động của mình và yêu cầu cô gọi cho anh trực tiếp nếu tình trạng sức khỏe của Dermott có bất cứ chuyển biến lớn nào. Anh không muốn nằm ngoài cuộc, và anh không tin tưởng Nardo sẽ cập nhật thông tin cho anh. Cô mỉm cười đồng ý – sau đó anh được một anh cảnh sát Wycherly trẻ lắm lì đưa trở lại nhà Dermott.

Trên đường đi anh gọi cho đường dây khẩn cấp ban đêm của Sheridan Kline và nghe được lời ghi âm. Anh để lại một lời nhắn ngắn gọn tổng kết những điểm cốt yếu. Rồi anh gọi về nhà, nghe được lời ghi âm của chính mình, và để lại lời nhắn cho Madeleine đề cập chính những biến cố đó – trừ viên đạn, cái chai, vết máu trên đầu và vết khâu. Anh tự hỏi liệu cô đã đi đâu hay thực ra đang đứng đó nghe anh để lại lời nhắn mà không muốn nói chuyện với anh. Không có cái khả năng huyền bí như cô để có thể thấu hiểu những chuyện như thế này nên anh không biết câu trả lời đúng là gì.

Khi họ đến nhà Dermott thì đã hơn một tiếng đồng hồ trôi qua và đường sá lúc này đầy rẫy xe cảnh sát bang, cảnh sát tỉnh và cảnh sát Wycherly. Tommy To Con và Pat hàm vuông đang đứng gác trên thềm. Gurney được hướng dẫn vào căn phòng nhỏ tách ra từ hành lang trung tâm nơi anh đã có cuộc trò chuyện làm quen với Nardo. Nardo cũng đang ở đó và ngồi cùng

một bàn như lúc trước. Hai chuyên viên hiện trường trong bộ áo liền quần màu trắng, giày ống và găng tay cao su đang ra khỏi phòng để xuống bậc thang tầng hầm.

Nardo đẩy một tập giấy màu vàng và một cây bút rẻ tiền qua bên kia bàn về phía Gurney. Nếu trong người tay cảnh sát này còn sót lại cảm xúc nguy hiểm nào, thì nó cũng được che đậy rất kỹ dưới lớp vỏ dày cộm của những quy trình quan liêu nhiều khâu.

“Mời ngồi. Chúng tôi cần anh cho lời khai. Bắt đầu từ thời điểm anh tới hiện trường trưa nay, kèm theo lý do đến đây. Trình bày tất cả những hành động có liên quan mà anh làm và những hành động anh tận mắt thấy người khác làm. Trình bày các sự kiện theo trình tự thời gian, ghi rõ vào những thời điểm nào thì sự kiện dựa vào thông tin cụ thể và vào những thời điểm nào sự kiện chỉ dựa vào ước đoán. Anh có thể kết thúc bản lời khai ở thời điểm được hộ tống đến bệnh viện, trừ khi trong quá trình điều trị có thêm thông tin nào liên quan. Có câu hỏi gì không?”

Gurney bỏ ra 45 phút tiếp theo làm theo hướng dẫn, trong khi Nardo hầu như không có mặt trong phòng. Anh viết đầy 4 trang giấy có kẻ hàng bằng nét chữ nhỏ nhắn, tỉ mỉ. Có một máy photocopy trên chiếc bàn sát vách tường đằng xa căn phòng, nên Gurney dùng máy sao ra và giữ lại hai bản đã ký và để ngay trước khi nộp bản gốc cho Nardo.

Tay cảnh sát chỉ nói, “Chúng tôi sẽ liên lạc với anh sau.” Giọng anh ta nghe trung lập một cách chuyên nghiệp. Anh ta cũng chẳng mời Gurney bắt tay.

Kết Cục & Khởi Đầu

Lúc Gurney băng qua cầu Tappan Zee và bắt đầu chặng đường tuyến 17 của hành trình thì tuyết đang rơi càng lúc càng nặng hạt, thu nhỏ thế giới trực quan trước mắt anh. Cứ vài phút anh lại kéo cửa xe xuống để luồng không khí lạnh ập vào làm tâm trí anh được tỉnh táo trong giây phút hiện tại.

Cách Goshen một vài cây số, suýt nữa anh đã lái xe ra khỏi đường lộ. Chính bánh xe đang rung nảy lộp cộp trên vệ đường đầy lẩn gợn giúp anh không đâm đầu vào một đoạn đê.

Anh cố gắng chỉ nghĩ đến chiếc xe, bánh lái, và con đường, nhưng không tài nào làm được. Thay vào đó anh lại bắt đầu mường tượng ra cảnh truyền thông đưa tin sắp tới, bắt đầu bằng buổi họp báo trong đó Sheridan Kline chắc chắn sẽ tự khen ngợi bản thân vì đội điều tra của mình đã có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn trị an cho nước Mỹ qua việc chấm dứt sự nghiệp vấy máu của một tên tội phạm hung ác. Truyền thông nói chung làm Gurney rất khó chịu. Bản thân việc đưa tin ngu ngốc về tội ác như vậy đã là một tội. Bọn họ sẽ biến nó thành trò đùa. Dĩ nhiên, theo cách của anh, anh cũng như vậy. Anh thường xem án mạng là một câu đố cần phải tìm ra lời giải, xem hung thủ là một đối thủ mà mình cần phải khôn lanh hơn. Anh nghiên cứu các giả thuyết, tìm ra các góc nhìn, vấp phải bẫy, và đưa con mồi của anh vào miệng cỗ máy công lý. Và tiếp sau đó là cái chết bất thường chưa rõ nguyên nhân đòi hỏi một đầu óc khôn khéo để giải quyết. Nhưng đôi lúc anh lại thấy mọi chuyện một cách hoàn toàn khác – khi anh bị sự mệt mỏi đánh gục sau cuộc rượt đuổi, khi bóng tối khiến mọi mảnh ghép của câu đố trông như nhau hoặc không giống mảnh ghép của câu đố một chút nào, khi bộ óc bị phiền nhiễu của anh đi lạc khỏi khung lưới hình học của nó để men theo những con đường nguyên sơ hơn, phơi bày thoáng qua trước mắt

anh sự khủng khiếp đích thực của thứ đê tài mà anh đã quyết định dẫn thân vào.

Một mặt, tồn tại tính logic của luật pháp, khoa học tội phạm, các quy trình phân xử. Mặt khác, tồn tại Jason Strunk, Peter Thú túi Piggert, Gregory Dermott, nỗi đau, cơn thịnh nộ đầy sát khí, cái chết. Và giữa hai thế giới này tồn tại câu hỏi gay gắt khiến người ta bứt rứt không yên – thế giới này liên quan như thế nào với thế giới kia?

Anh mở cửa xe ra lần nữa để cho từng đợt tuyết thổi buốt một bên mặt.

Những câu hỏi sâu sắc và vô bổ, những độc thoại nội tâm vốn chẳng dẫn đến đâu, đã trở nên quen thuộc trong khung cảnh nội tâm của anh như việc ước đoán cơ hội thắng của đội bóng chày Red Sox trong khung cảnh nội tâm của một người khác. Đây là một thói quen xấu, cách tư duy này đây, và nó không mang đến cho anh ích lợi gì. Vào những dịp anh khăng khăng bộc bạch với Madeleine thì lại nhận được sự chán nản và thiếu kiên nhẫn.

“Trong đầu anh thực sự đang nghĩ gì thế?” đôi khi cô hỏi như vậy, tay đặt chỗ đan xuống và nhìn vào mắt anh.

“Ý em là sao?” anh hỏi lại, một cách không thành thật, vì đã biết chính xác điều cô muốn nói.

“Anh không thể nào quan tâm đến thứ vớ vẩn đó được. Tìm ra điều thực sự làm anh băn khoăn nào.”

Tìm ra điều thực sự làm anh băn khoăn.

Nói dễ hơn làm.

Điều gì đang làm anh băn khoăn? Phải chăng chính là sự thiếu hụt to lớn về lý lẽ trước những đam mê cuồng dại? Phải chăng chính là việc hệ thống công lý không còn là cái chuồng có thể nhốt con quỷ được nữa, cũng như chong chóng chỉ chiều gió không thể ngừng con gió lại? Anh chỉ biết có một thứ gì đó tồn tại, nằm sâu trong tiềm thức, gặm mòn những suy nghĩ và cảm xúc khác của anh như một con chuột cống.

Khi cố gắng xác định cái vấn đề làm bào mòn tâm trí giữa bao bộn bề trong ngày, anh thấy mình lạc lõng giữa một rừng hình ảnh không tìm giữ.

Khi anh cố gắng làm thông thoáng đầu óc – để thư giãn và không nghĩ tới điều gì – thì có hai hình ảnh không chịu biến mất.

Một hình ảnh là sự thích thú cay độc trong mắt Dermott khi gã đọc lại bài thơ ghê tởm của mình về cái chết của Danny. Hình ảnh kia là tiếng vọng về của cơn thịnh nộ mang tính tố cáo mà anh đã vu cho chính người bố của mình trong câu chuyện giả về vụ hành hung mẹ anh. Đó không chỉ là diễn xuất. Vòng lên đầu đó bên dưới câu chuyện đó, thắm đẫm trong đó, là một cơn phản nộ khủng khiếp. Liệu sự xác thực của nó có nghĩa anh thật sự ghét bố anh chẳng? Liệu cơn thịnh nộ bùng nổ khi kể lại câu chuyện xấu xí ấy là cơn thịnh nộ kìm nén của sự ruồng bỏ chẳng – sự phẫn uất của một đứa trẻ đối với một người cha không làm gì khác ngoài công việc, ngủ nghề, chè chén, một người cha mãi mãi rời xa vào khoảng không, mãi mãi không thể tiếp cận được? Gurney giật mình nhận ra anh lại có nhiều điểm chung, và ít điểm chung, với Dermott đến thế.

Hay ngược lại – phải chẳng đó là một tấm bình phong che đậy cảm giác tội lỗi trong anh vì đã từ bỏ người đàn ông lạnh lùng, tách biệt ấy vào tuổi xế chiều, vì đã cố gắng càng bớt dính líu đến ông ấy càng tốt?

Hay đây là một sự tự hờn đặt sai chỗ phát sinh từ thất bại kép trong vai trò người cha của anh – sự thiếu quan tâm chết người đối với đứa con này và sự chủ động né tránh đứa con kia?

Madeleine có lẽ sẽ cho rằng câu trả lời nằm trong số những phương án trên, tất cả các phương án trên, hoặc là không có phương án nào trong số đó cả; nhưng là gì cũng không quan trọng. Điều quan trọng là làm được những gì mà con tim ta cho là việc đúng đắn, ngay đây và ngay bây giờ. Và phòng khi anh cảm thấy cái khái niệm ấy làm anh thoái chí, có thể cô sẽ đề nghị anh bắt đầu bằng cách gọi điện thoại lại cho Kyle. Không phải cô đặc biệt ưa thích Kyle gì – thật ra, cô có vẻ không thích nó chút nào, cảm thấy chiếc Porsche của nó thật ngớ ngẩn, vợ nó thật phô trương – nhưng đối với Madeleine mà nói, cảm giác cá nhân luôn luôn là thứ yếu so với việc làm đúng những gì cần làm. Gurney lấy làm lạ rằng một người tự phát như thế cũng có thể sống một cuộc sống nguyên tắc đến thế. Chính tính cách đó đã

tạo nên con người cô. Chính nó đã biến cô thành một ngọn hải đăng soi sáng sự tồn tại mờ mịt của anh.

Việc đúng cần làm, ngay bây giờ.

Có hứng, anh tắt xe vào lối vào rộng rãi, bần thiu của một nông trại cũ kỹ rồi móc ví ra lấy số của Kyle. (Anh chưa bao giờ bỏ công nhập tên của Kyle vào hệ thống nhận giọng trong điện thoại của mình, một sự bỏ sót làm lương tâm anh cắn rứt.) Gọi cho nó vào lúc 3 giờ sáng – ở Seattle là nửa đêm – có vẻ là việc hơi điên rồ, nhưng phương án kia còn tệ hơn: anh sẽ trì hoãn, rồi lại trì hoãn, và biện minh cho việc mình không gọi.

“Bố hả?”

“Bố có đánh thức con không?”

“À, không đâu. Con còn thức mà. Bố ổn không?”

“Bố ổn. Bố, ờ... Bố chỉ muốn nói chuyện với con thôi, muốn gọi lại cho con. Bố thật không phải, hình như con muốn gặp bố cũng lâu lắm rồi thì phải.”

“Bố chắc mình ổn chứ?”

“Bố biết gọi giờ này không đúng lúc, nhưng đừng lo. Bố ổn mà.”

“Tốt rồi.”

“Ngày hôm nay gay go lắm, nhưng rốt cuộc đâu cũng vào đấy. Sở dĩ bố không gọi lại cho con sớm hơn là vì... bố ngập đầu trong một mớ bòng bong phức tạp. Nhưng cũng không phải là cái cớ. Con gọi cho bố có chuyện gì không?”

“Mớ bòng bong nào thế?”

“Hả? Ờ – thì là chuyện thường lệ thôi, điều tra án mạng.”

“Con tưởng bố về hưu lâu rồi.”

“Bố về hưu lâu rồi. Ý bố nói là bây giờ bố về hưu rồi. Nhưng bố bị cuốn vào vụ này vì bố có quen một trong số các nạn nhân. Chuyện dài lắm. Lần sau gặp con bố sẽ kể tất tần tật cho nghe.”

“Ôi chao. Bố lại thành công nữa à?”

“Thành công gì cơ?”

“Bố đã bắt được một tên giết người hàng loạt nữa, đúng không?”

“Sao con biết?”

“Các nạn nhân. Bố nói các nạn nhân mà. Có bao nhiêu nạn nhân thế bố?”

“5, là con số ta biết. Theo kế hoạch còn thêm hai mươi người nữa.”

“Và bố tóm được hắn. Trời ạ! Mấy tên giết người hàng loạt gặp bố làm sao còn cơ hội. Bố đúng là Người Dơi.”

Gurney cười ha hả. Gần đây anh không cười nhiều như vậy. Và anh không nhớ lần cuối mình cười khi nói chuyện với Kyle là khi nào. Nhắc đến mới nhớ, đây còn là một cuộc trò chuyện khác thường về nhiều mặt khác – hai bố con đã nói được ít nhất hai phút mà chẳng thấy Kyle đề cập gì đến thứ nó vừa mua hay sắp mua.

“Trong vụ này, Người Dơi được trợ giúp rất nhiều,” Gurney nói. “Nhưng bố gọi không phải vì vậy. Bố muốn gọi lại cho con, xem con ra sao rồi. Có gì mới không?”

“Cũng không có gì nhiều,” Kyle nói một cách khô khan. “Con mất việc rồi. Kate và con chia tay rồi. Chắc con phải đổi nghề, vào trường luật thôi. Bố thấy sao?”

Sau một giây im lặng vì sốc, Gurney cười còn lớn tiếng hơn. “Ôi Chúa ơi!” anh nói. “Xảy ra chuyện quái gì thế?”

“Ngành tài chính sụp đổ – chắc bố cũng nghe rồi đấy – kéo theo công việc của con, hôn nhân, hai căn chung cư và 3 chiếc xe nữa. Mà cũng lạ, những thảm họa khó tưởng tượng nổi như vậy mà mình thích nghi cũng nhanh thật. Sao cũng được, điều làm con phân vân lúc này là có nên vào trường luật không. Con muốn hỏi bố chuyện này đấy. Bố thấy con có đầu óc thích hợp để học luật không?”

Gurney đề nghị Kyle đến gặp anh vào cuối tuần để có thể bàn bạc toàn bộ tình hình chi tiết đến mấy cũng được và trong bao lâu cũng được. Kyle tán thành – thậm chí còn ra chiều thích thú. Khi cuộc gọi kết thúc, Gurney ngồi lì cả mười phút trong ngõ ngàng.

Anh còn phải gọi cho nhiều người khác nữa. Sáng mai anh sẽ gọi cho vợ Mark Mellery nói với bà ta mọi chuyện rốt cuộc đã kết thúc – kể cho bà ta biết Gregory Dermott Spinks đã bị bắt giữ và chứng cứ phạm tội của gã rất rõ ràng, cụ thể, và nhiều đến mức choáng ngợp. Có thể bà ta đã nhận được điện thoại riêng của Sheridan Kline và cả Rodriguez rồi. Nhưng dù sao anh vẫn sẽ gọi vì mối quan hệ giữa anh và Mark.

Rồi còn Sonya Reynolds nữa. Theo như sắp xếp giữa họ, anh nợ cô thêm ít nhất một bức chân dung nhân diện đặc biệt của mình. Chuyện này xem ra chẳng còn quan trọng gì nữa, đúng là một sự phí phạm thời gian tầm thường. Dầu vậy, anh vẫn sẽ gọi để ít nhất nói về chuyện này và hoàn tất những gì mà ban đầu anh đã đồng ý thực hiện. Nhưng chỉ có vậy, không còn gì khác. Chú ý đến Sonya, anh cảm thấy thoải mái, cái tôi được thỏa mãn, thậm chí còn có một chút cảm giác mạnh, nhưng đến kèm theo nó là một cái giá quá cao, một nguy cơ quá lớn đối với những thứ quan trọng hơn.

Do tuyết nên chuyến đi dài 257 ki-lô-mét từ Wycherly đến Walnut Crossing mất 5 tiếng thay vì 3 tiếng. Khi Gurney rẽ khỏi con đường cao tốc tỉnh vào làn đường khúc khuỷu chạy lên vùng núi đến gia trang của mình, anh đã rơi vào một chế độ lái tự động vì tê cóng. Cửa xe hé mở trong một tiếng vừa qua chỉ giữ sự lạnh giá trên mặt anh và ôxy trong phổi anh vừa đủ để anh lái xe được. Khi đến đồng cỏ thoải thoải ngăn cách kho thóc lớn với căn nhà, anh để ý thấy những bông tuyết nếu trước đó đã hồi hả thổi ngang qua những con đường thì giờ đây đang lơ lửng thẳng xuống mặt đường. Anh lái chậm chậm xuyên qua đồng cỏ, đến căn nhà thì rẽ về hướng Đông mới dừng xe, để hơi ấm của nắng, lát nữa đây sau khi cơn bão đi qua, ngăn không cho kính chắn gió đóng tuyết. Anh ngả người ra sau, gần như không cử động được.

Anh kiệt quệ đến nỗi khi điện thoại reng, phải mất vài giây anh mới nhận ra cái âm thanh đó.

“A lô?” Lời chào của anh rất dễ bị nhầm là tiếng thở khò khè.

“David có ở đó không ạ?” Giọng nữ ấy nghe rất quen.

“Tôi là David đây.”

“Ồ, giọng anh nghe... lạ quá. Tôi là Laura gọi từ bệnh viện đây. Anh đã nhờ tôi gọi cho anh... nếu có chuyện xảy ra đấy,” cô nói ngập ngừng, như đang hy vọng anh mong nhận cuộc gọi này là vì căn nguyên sâu xa hơn cái lý do anh đã đưa ra.

“Đúng rồi. Cảm ơn cô đã nhớ nhé.”

“Không có chi.”

“Có chuyện gì xảy ra à?”

“Ông Dermott qua đời rồi.”

“Xin lỗi? Cô nói lại được không?”

“Gregory Dermott, người mà anh muốn biết tình trạng sức khỏe – đã qua đời cách đây mười phút rồi.”

“Nguyên nhân cái chết?”

“Chưa có báo cáo chính thức, nhưng chụp cộng hưởng từ lúc nhập viện cho thấy sọ bị nứt kèm xuất huyết ồ ạt.”

“Ừ. Tôi nghĩ với thương tổn như vậy cũng không có gì lạ.” Hình như anh đang có cảm giác gì đó, nhưng cái cảm giác bất định đó đang ở đâu xa xăm.

“Phải, thương tổn đến thế kia mà.”

Cảm giác này rất yếu ớt nhưng làm anh bứt rứt không yên, như tiếng thét yếu ớt trong con gió ào ạt.

“Ừ. Cảm ơn cô nhé Laura. Cô gọi thật là quý quá.”

“Không có chi. Tôi còn giúp gì được cho anh nữa không?”

“Chắc là không,” anh nói.

“Anh nên ngủ một chút đi nhé.”

“Ừ. Chúc cô ngủ ngon. Cảm ơn cô lần nữa.”

Tắt điện thoại xong, anh tắt đèn xe và ngả người sâu vào ghế, kiệt sức đến nỗi không cử động được. Trong sự thiếu vắng đột ngột của ánh đèn xe, mọi thứ quanh anh trở nên tối mịt hoàn toàn.

Chậm chậm, khi mắt anh đã thích nghi được, màn đêm tuyệt đối của bầu trời và khu rừng chuyển sang màu xám sẫm và đồng cỏ phủ tuyết chuyển sang màu xám dịu hơn. Ngoài kia, nơi rặng núi phía Đông xuất hiện lờ mờ trong tâm trí anh, nơi mặt trời sẽ lên sau một tiếng nữa, dường như xuất hiện một vầng sáng yếu ớt. Tuyết đã ngừng rơi. Căn nhà cạnh chiếc xe trông đồ sộ, lạnh lẽo, và tĩnh mịch.

Anh cố gắng hiểu chuyện đã xảy ra bằng những ngôn từ đơn giản nhất. Đứa bé trong phòng ngủ cùng người mẹ lẻ bóng và người cha nát rượu đến loạn trí... những tiếng hét ấy, những vết máu ấy, sự bất lực ấy... những tổn thương tinh thần và thể xác khủng khiếp suốt cả cuộc đời... cái ảo tưởng phải trả thù bằng giết chóc để cứu vãn ấy. Đứa bé Spinks đã lớn lên như thế, đã biến thành Dermott mất trí, sát hại ít nhất 5 người đàn ông và suýt nữa thêm hai mươi người nữa. Gregory Spinks, người có ông bố đã cắt cổ mẹ mình. Gregory Dermott, người đã bị đập trí mạng vào sọ trong căn nhà nơi bắt đầu mọi chuyện.

Gurney nhìn trân trân đường nét lờ mờ của núi đồi, biết rằng còn có câu chuyện thứ hai cần xem xét, một câu chuyện anh cần phải hiểu rõ hơn – câu chuyện về chính cuộc đời anh, về người cha đã tặng lờ anh, về đứa con trai trưởng thành mà đến lượt anh tặng lờ, về cái nghiệp luôn đeo đuổi anh, mang lại cho anh rất nhiều lời khen và rất ít an lạc, về đứa bé bị chết vì sự lơ là của anh, và về Madeleine, người dường như hiểu rõ mọi chuyện. Madeleine, ánh sáng mà anh suýt nữa đã mất. Anh sáng mà anh đã gây nguy hiểm.

Lúc này anh đã quá mệt đến không thể cử động nổi ngón tay, quá vật vờ đến mất đi cảm giác, và lọt vào trong tâm trí anh là một sự trống rỗng đầy xót thương. Trong một lúc – anh không rõ là bao lâu – anh cảm giác như mình không tồn tại, như thể mọi thứ trong anh đã dồn tụ lại thành một chấm điểm có ý thức nhưng không có chiều hướng, một lỗ kim của ý thức và không gì hơn thế.

Anh bừng tỉnh, mở mắt ra vừa kịp vầng sáng rực lửa của ánh nắng chói chang bắt đầu chiếu qua những tán cây trụi lá trên rặng núi. Anh quan sát

vàng hào quang lười liềm chậm chậm phình ra thành một đường vòng cung lớn trắng sáng. Rồi anh chợt nhận ra sự xuất hiện của một người.

Madeleine, trong chiếc áo choàng màu cam nhạt có mũ trùm – chiếc áo cô đã mặc vào ngày anh theo cô ra nơi ngắm cảnh trên cao – đang đứng cạnh cửa xe nhìn anh. Anh tự hỏi cô đứng đó đã bao lâu. Những hạt tinh thể tuyết lấp lánh trên viền mũ xộp mịn của chiếc áo choàng cô đang mặc. Anh kéo cửa xe xuống.

Thoạt đầu cô không nói gì, nhưng trên gương mặt cô anh thấy – thấy được, nhận biết được, cảm giác được, anh không biết cảm xúc của cô đến với anh qua lộ trình nào – một sự chấp nhận lẫn trù mến. Chấp nhận, trù mến, và một sự nhẹ nhõm sâu lắng khi thấy anh một lần nữa đã sống sót trở về.

Cô hỏi với vẻ tình rụi làm anh xúc động, rằng anh có muốn ăn sáng chút gì đó không.

Bằng sức sống của một ngọn lửa ngàn ngụt, chiếc áo choàng màu cam của cô lột tả được cảnh mặt trời đang lên. Anh ra khỏi xe và vòng tay quanh người cô, ôm cô vào lòng như thể cô chính là cuộc sống này.

HẾT

Lời cảm tạ

Tôi xin cảm ơn biên tập viên cừ khôi của tôi là Rick Horgan. Anh luôn là nguồn ý tưởng xuất sắc và sự dịu dặt ân cần của anh đã truyền cảm hứng giúp tôi hoàn thành tốt công việc. Anh còn là người đã nghĩ ra nhan đề hoàn hảo cho cuốn sách, và là người mà trong môi trường xuất bản khó khăn ngày nay đã có dũng khí liều một phen với cuốn tiểu thuyết đầu tay của một tác giả chưa có sách xuất bản; xin cảm ơn Lucy Carlson và Paul Cirone đã làm việc rất hiệu quả và luôn nhiệt tình ủng hộ tôi; xin cảm ơn Bemard Whalen đã cho tôi lời khuyên và khích lệ trong thời gian đầu; xin cảm ơn Josh Kendall đã có bài phê bình sâu sắc và một đề nghị rất tuyệt vời; và cuối cùng tôi xin cảm ơn Molly Friedrich, người đại diện văn học giỏi nhất và sáng giá nhất trên thế giới.

• Chú thích •

^[1] Một trong những nữ diễn viên thành công nhất của Pháp.

^[2] Trong tiếng Anh, người ta dùng y sau tên riêng người khác để thể hiện sự thân thiết, Tommy, Patty, v.v..

^[3] Một nhân vật đa nhân cách trong tiểu thuyết của Robert Louis Stevenson, bác sĩ Jekyll nhân hậu và ông Hyde độc ác cùng tồn tại trong một người.

^[4] Một thị trấn ở New York nổi tiếng với sự kiện Đại nhạc hội Woodstock, một buổi trình diễn nhạc rock nổi tiếng của dân hippie những năm 1960.

^[5] New Age: một xu hướng tính thần ra đời ở các nước phương Tây vào nửa sau thế kỷ 20.

^[6] Nguyên văn: flower children, từ lỏng chỉ những thanh niên theo phong trào hippie, vì dân hippie thường trang trí hoa trên áo quần như biểu tượng của tình yêu và hòa bình.

^[7] Locust Vally Lockjaw, còn được gọi là Long Island Lockjaw, là thuật ngữ thông tục chỉ một kiểu phát âm phổ biến ở giới thượng lưu Mỹ vùng Long Island, New York: nói trong lúc hầu như vẫn giữ môi mím lại và hàm khít.

^[8] Sở cảnh sát New York.

^[9] Dụng cụ dùng để nhảy lên khỏi mặt đất trong tư thế đứng với sự trợ giúp của một lò xo. Có thể dùng làm đồ chơi hoặc dụng cụ thể dục.

^[10] Phim dài tập có chủ đề về điều tra án mạng trên truyền hình Mỹ.

^[11] Bọn cớm xấu xa đần độn.

^[12] Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối loạn tâm thần, do Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ ấn hành.

^[13] Họ của Paul là Plumstone.

^[14] Bed and breakfast: nhà trọ phục vụ bữa sáng và giường ngủ.

^[15] Jack the Ripper – một tên giết người hàng loạt ở Luân Đôn năm 1888 mà cảnh sát không bao giờ bắt được.

^[16] Cách thức gây án.

^[17] Phải, là số 5.

^[18] Số 1.

^[19] Chỉ Fred Rogers (1928 – 2003), một nhà giáo dục Mỹ nổi tiếng với vai trò người dẫn chương trình truyền hình Mister Rogers dành cho trẻ em.

^[20] Mưu sát.

^[21] Chương trình chăm sóc y tế liên bang cho những người có thu nhập thấp ở Mỹ.

^[22] Tên một chương trình của Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh Mỹ cung cấp giáo dục, y tế, dinh dưỡng,... giúp đỡ những trẻ em và gia đình có thu nhập thấp.

^[23] Nhân vật cô bé tóc vàng Goldilocks trong truyện Ba con gấu.

^[24] Cảnh vụ New York và New Jersey.

^[25] *There is a tide in the affairs of men...* trích lời nhân vật Brutus trong vở kịch Julius Caesar của William Shakespeare. Brutus muốn nhấn mạnh rằng cần phải biết tận dụng cơ hội khi nó đến như lợi dụng ngọn thủy triều đang lên để vươn xa ra biển.

^[26] Hoa mẫu đơn tiếng Anh là *peony*, trùng tên với nơi hai vợ chồng Gurney đang sống.